

HSK 3.0 NEW STANDARD • CẤP ĐỘ 6 (TRUNG CẤP)

SỔ TAY TỔNG HỢP TỪ VỰNG HSK 6 (3.0)

Trọn bộ 1.100+ từ vựng HSK 6 chuẩn mới 3.0, bút phá giới hạn ngôn ngữ, diễn đạt văn bản học thuật và nghiên cứu chuyên sâu.

**100% Đầy Đủ 1123 Từ Vựng HSK 6 (3.0)**

Sắp xếp khoa học kèm phiên âm, từ loại & câu ví dụ

**Âm Hán Việt Viết Hoa Chuẩn Mục**

Kích hoạt phản xạ từ vựng qua tiếng mẹ đẻ

**Tích Hợp QR Code Tương Tác**

Quét mã nghe phát âm chuẩn & luyện tập online

⚡ KHÔNG GIAN HỌC TRỰC TUYẾN**Quét Mã QR Để Học & Nghe Phát Âm**

Dùng camera điện thoại quét mã QR để mở ngay kho từ vựng trực tuyến trên FoxHSK: Nghe phát âm giọng Bắc Kinh, tập viết từng nét bút và làm bài trắc nghiệm.

<https://foxhsk.com/vocabulary?standard=3.0&level=6> →





☆ CẤU TRÚC 1 THẺ TỪ VỰNG CHUẨN TRÊN FOXHSK

Áp dụng chuẩn UI V3 đồng bộ toàn hệ thống

HSK 6 (3.0)

Động từ

#001

挨

ái

chịu, chịu đựng, bị; sát gần, kề bên

在严冬极寒风雪中野外科考时，队员们紧紧挨在一起互相取暖，顽强战胜了恶劣天气。

Zài yán dōng jí hán fēng xuě zhōng yě wài kē kǎo shí, duì yuán men jìn jìn āi zài yì qì hù xiāng qǔ nuǎn, wán qiáng zhàn shèng le è liè tiān qì.

Trong chuyến khảo sát khoa học dã ngoại giữa bão tuyết giá rét mùa đông, các đội viên nép sát vào nhau để cùng sưởi ấm, ngoan cường chiến thắng thời tiết khắc nghiệt.

10 nét

HÁN VIỆT : AI

1 Cấp độ & Từ loại: Xác định phân loại ngữ pháp (Động từ, Danh từ, Phó từ...) để đặt câu đúng ngữ cảnh.

3 Pinyin Đỏ Nổi Bật: Đẩy đủ dấu thanh điệu giúp phát âm chuẩn xác ngữ âm phổ thông.

5 Câu Ví Dụ Thực Tế: Ứng dụng từ vựng vào ngữ cảnh câu thực tế, tách riêng 3 dòng rõ ràng: Chữ Hán, Pinyin và bản dịch tiếng Việt.

2 Chữ Hán Tiêu Chuẩn: Kiểu chữ Noto Serif SC rõ ràng, hiển thị đúng từng nét bút chuẩn thi HSK.

4 Nghĩa Tiếng Việt: Bản dịch tự nhiên, chuẩn văn phong tiếng Việt hiện đại.

6 Hán Việt (VIẾT HOA 100%): Chia khóa vàng giúp người Việt hiểu sâu gốc từ, mở rộng vốn từ vựng cấp số nhân!



1. Đòn Bẩy Âm Hán Việt

Tiếng Việt có hơn 70% từ mượn gốc Hán. Học chữ Hán kết hợp âm Hán Việt giúp bạn thuộc từ trong 5 giây mà không cần học vẹt!



2. Ôn Tập Ngắt Quãng SRS

Áp dụng nguyên lý đường cong quên lãng Ebbinghaus: Ôn lại sau 1 ngày, 3 ngày, 7 ngày và 14 ngày trên website FoxHSK với thuật toán SRS.



3. Quét QR Luyện Nghe Nói

Mỗi trang tài liệu đều có mã QR dẫn trực tiếp về bài học trực tuyến để bạn nghe giọng đọc chuẩn và luyện trắc nghiệm phản xạ.

THỐNG KÊ PHÂN BỐ TỪ LOẠI TÀI LIỆU HSK 6 (3.0)

Tổng cộng: 1123 từ vựng

720

Danh từ

276

Động từ

73

Tính từ

4

Đại từ

2

Số & Lượng từ

48

Từ loại khác



HSK 6 (3.0)

Động từ

#001

挨
ái

chịu, chịu đựng, bị; sát gần, kề bên

在严冬极寒风雪中野外科考时，队员们紧紧挨在一起互相取暖，顽强战胜了恶劣天气。
Zài yán dōng jí hán fēng xuě zhōng yě wài kē kǎo shí, duì yuán men jìn jìn āi zài yì qì hù xiāng qǔ nuǎn, wán qiáng zhàn shèng le è liè tiān qì.
Trong chuyến khảo sát khoa học dã ngoại giữa bão tuyết giá rét mùa đông, các đội viên nép sát vào nhau để cùng sưởi ấm, ngoan cường chiến thắng thời tiết khắc nghiệt.

10 nét

HÁN VIỆT: AI

HSK 6 (3.0)

Động từ

#002

挨打
áidǎ

bị đánh, bị ăn đòn; chịu đòn tụt hậu

落后就要挨打，发展才能自强；我们要坚定不移走中国特色自主创新道路，加快实现高水平科技自立自强。
Luò hòu jiù yào āi dǎ, fā zhǎn cái néng zì qiáng; wǒ men yào jiǎn dīng bù yí zǒu zhōng guó tè sè zì zhù chuāng xīn dào lù, jiā kuài shí xiàn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng.
Tụt hậu lạc hậu thì sẽ bị đòn bị đánh, phát triển mới có thể tự cường; chúng ta phải kiên định không ngừng bước đi trên con đường tự chủ đổi mới sáng tạo mang đặc sắc Trung Quốc, đẩy nhanh thực hiện tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao.

24 nét

HÁN VIỆT: AI TÁ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#003

挨着
āizhe

kề bên, sát liền kề, cạnh sát bên

在国家前沿大科学装置园区内，高精度同步辐射光源大科学实验大厅紧紧挨着微纳加工超净中心。
Zài guó jiā qián yán dà kē xué zhǔāng yuán qū nèi, gāo jīng dù tóng bù fú shè guāng yuán dà kē xué shí yàn dà tīng jìn jìn āi zhe wēi nà jiā gōng chāo jīng zhōng xīn.
Bên trong khu công viên thiết bị khoa học lớn tiên phong quốc gia, đại sảnh thực nghiệm khoa học lớn nguồn sáng bức xạ synchrotron độ chính xác cao nằm kề bên sát liền kề trung tâm siêu sạch gia công vi nano.

19 nét

HÁN VIỆT: AI TRƯỚC

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#004

安检
ānjiǎn

kiểm tra an ninh, soi chiếu an ninh

我国国际机场全面启用毫米波全息智能安检通道，实现了旅客无感快速安检通行。
Wǒ guó guó jī jī chǎng quán miàn qǐ yòng háo mǐ bō quán xī zhì néng ān jiǎn tōng dào, shí xiàn le lǚ kè wú gǎn kuài sù ān jiǎn tōng xíng.
Sân bay quốc tế nước ta đã đưa vào sử dụng toàn diện làn kiểm tra an ninh soi chiếu an ninh thông minh hologram sóng milimet, thực hiện việc hành khách đi qua kiểm tra an ninh nhanh chóng không chạm.

26 nét

HÁN VIỆT: AN KIỂM

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#005

罢工
bàigōng

bãi công, đình công

铁路总工会与资方通过多轮建设性平等协商化解了薪酬争议，避免了可能导致全线瘫痪的全国性大罢工。
Tiě lù zōng gōng huì yǔ zī fāng tōng guò duō lún jiàn shè xìng píng děng xié shāng huà jiě le xīn chóu zhēng yì, bì miǎn le kě néng dǎo zhì quán xiàn tān huán de quán guó xíng dà bà gōng.
Tổng công đoàn đường sắt cùng giới chủ thông qua nhiều vòng thương lượng bình đẳng mang tính xây dựng đã hóa giải mâu thuẫn về tiền lương, ngăn chặn cuộc đại bãi công toàn quốc có nguy cơ làm tê liệt toàn tuyến.

26 nét

HÁN VIỆT: BÃI CÔNG

HSK 6 (3.0)

Trợ từ

#006

罢了
bàle

mà thôi, thế thôi (trợ từ ngữ khí cuối câu)

面对科研攻关中遇到的暂时挫折，青年学者坚定地表示：“这只不过是一次积累经验的宝贵探索罢了！”
Miàn duì kē yán gōng guān zhōng yù dào de zàn shí cuò zhé, qīng nián xué zhě jiǎn dīng dì biǎo shì: "zhè zhǐ bù guò shì yì cì jī lěi jīng yàn de bǎo guì tàn suǒ bà le!"
Đứng trước những trở trở tạm thời gặp phải trong trận đánh nghiên cứu khoa học, người học giả trẻ tuổi kiên định bày tỏ: 'Đây chẳng qua chỉ là một lần tìm tòi vô giá tích lũy kinh nghiệm mà thôi thế thôi!'

25 nét

HÁN VIỆT: BÃI LIỄU

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#007

白领
báilǐng

nhân viên văn phòng, giới cổ cồn trắng (lao động trí óc)

国家高新技术产业开发区聚集了数十万年轻高素质科研工程师与现代数字化白领人才。
Guó jiā gāo xīn jì shù chǎn yè de kǎi fā qū jù jǐ le shù shí wàn nián qīng gāo sù zhì de kē yán gōng chéng shī yǔ xiàn dài shù zì huà bái lǐng rén cái.
Khu phát triển ngành công nghệ cao mới cấp quốc gia quy tụ hàng chục vạn nhân tài nhân viên văn phòng giới cổ cồn trắng số hóa hiện đại cùng các kỹ sư nghiên cứu khoa học tổ chức cao trẻ tuổi.

18 nét

HÁN VIỆT: BẠCH LÃNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#008

百分点
bǎi fēn diǎn

điểm phần trăm (percentage point)

最新发布国家统计局报告显示，今年高技术制造业投资增速比全部固定资产投资高出七点三个百分点。
Zuì xīn fā bù de guó jiā tǒng jì bào gào xiǎn shì, jīn nián gāo jì shù zhì yào zī shù zhì zào yè tóu zī zēng sù bǐ bī quán bù gù dìng zī shù zhì zào yè tóu zī zēng sù gāo chū qī diǎn sān gè bǎi fēn diǎn.
Báo cáo thống kê quốc gia mới nhất cho thấy, tốc độ tăng trưởng đầu tư ngành chế tạo công nghệ cao năm nay cao hơn tốc độ tăng trưởng toàn bộ đầu tư tài sản cố định 7,3 điểm phần trăm.

35 nét

HÁN VIỆT: BÁCH PHẦN ĐIỂM

HSK 6 (3.0)

Động từ

#009

办公
bàngōng

làm việc, xử lý công vụ, làm việc văn phòng

国家重点实验室全面推行绿色低碳智慧云办公平台，极大提升了跨学科多团队协同科研办公效率。
Guó jiā zhòng yān shí yàn shì quán miàn tuī xíng lǜ sè dī tàn zhī huì yún bàngōng píng tái, jí dà tíng shēng le kuà xué kē duō tuán duì xié tóng kē yán bàngōng xiào lǜ.
Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia đẩy mạnh toàn diện nền tảng làm việc văn phòng đám mây thông minh xanh ít phát thải carbon, nâng cao vượt bậc hiệu suất xử lý công vụ làm việc nghiên cứu khoa học hiệp đồng nhiều nhóm đa ngành học.

24 nét

HÁN VIỆT: BIỆN CÔNG



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#010

办事处

bànshìchù

văn phòng đại diện, văn phòng liên lạc

国家科技创新国际交流中心在海外多个全球顶尖创新枢纽城市设立了高水平科技合作联络办事处。

Guó jiā kē jì chuàng xīn guó jì jiāo liú zhōng xīn zài hǎi wài duō gè quán qiū dīng jiān chuàng xīn shù niǔ chéng shì shè lì le gāo shuǐ píng kē jì hé zuò lián luò bàn shì chù.

Trung tâm Giao lưu Quốc tế Đổi mới Sáng tạo Khoa học Công nghệ Quốc gia đã thiết lập các văn phòng đại diện văn phòng liên lạc hợp tác khoa học công nghệ trình độ cao tại nhiều đô thị đầu mối đổi mới sáng tạo hàng đầu thế giới ở nước ngoài.

33 nét

HÁN VIỆT: BIỆN SỰ XỬ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#011

办学

bàn xué

mở trường, điều hành trường học, tổ chức giáo dục

高校坚持把立德树人作为根本任务，不断创新科教融汇与产教融合协同育人的办学模式。

Gāo xiào jiān chí bǎi lì dé shù rén zuò wéi gēn běn rèn wù, bù duàn chuàng xīn kē jiào róng huì yǔ chǎn jiào róng hé xié tóng yù rén de bàn xué mó shì.

Trường đại học kiên trì lấy việc lập đức bồi dưỡng con người làm nhiệm vụ căn bản, không ngừng đổi mới sáng tạo mô hình mở trường điều hành trường học cùng nuôi dưỡng giáo dục kết hợp doanh nghiệp – giáo dục và khoa học – giáo dục.

23 nét

HÁN VIỆT: BIỆN HỌC

HSK 6 (3.0)

Động từ

#012

半决赛

bàn jué sài

bán kết

老师鼓励大家积极半决赛，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jī bàn jué sài, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bán kết, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

34 nét

HÁN VIỆT: BÁN QUYẾT TÀI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#013

傍晚

bàng wǎn

chập tối, hoàng hôn, xế chiều

傍晚时分漫步在江滨栈道上，微风拂面，天边金黄色的晚霞将江水染得绚丽斑斓。

Bàng wǎn shí fēn màn bù zài jiāng bīn zhàn dào shàng, wēi fēng fú miàn, tiān biān jīn hóng sè de wǎn xiá jiāng jiāng shuǐ rǎn dé xuàn lì bān lán.

Lúc chập tối dạo bước trên lối đi bộ ven sông, gió nhẹ thoảng qua mặt, ráng chiều đỏ rực ánh vàng nơi chân trời nhuộm mặt nước dòng sông thành muôn sắc màu lung linh rực rỡ.

23 nét

HÁN VIỆT: BÀNG VẮN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#014

保健

bǎo jiàn

bảo vệ sức khỏe, chăm sóc y tế sức khỏe

国家全面健全覆盖全民的公共卫生与妇幼保健医疗服务体系，切实筑牢全民健康基石。

Guó jiā quán miàn jiàn quán fù gài quán mǐn de gōng gòng wèi shēng yù fù yù jiàn kāng yī láo bǎo jiàn fú wù tí xì, qiè shí zhù láo quán mǐn jiàn kāng jī shí.

Nhà nước hoàn thiện toàn diện hệ thống dịch vụ y tế bảo vệ sức khỏe chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em và y tế công cộng bao phủ toàn dân, củng cố vững chắc nền tảng sức khỏe toàn dân.

22 nét

HÁN VIỆT: BẢO KIẾN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#015

报刊

bào kān

báo chí, báo chí và tạp san định kỳ

国家级权威科技报刊开设了“科学家精神”专题专栏，生动报道功勋科学家矢志报国的感人事迹。

Guó jiā jí quán wēi kē jì bào kān kāi shè le "kē xué jiā jīng shén" zhuān tí zhuān lán, shēng dòng bào dào gōng xūn kē xué jiā shǐ zhì bào guó de gǎn rén shì jì.

Báo chí báo chí và tạp san khoa học công nghệ có thẩm quyền cấp quốc gia đã mở chuyên mục chuyên đề 'Tinh thần Nhà khoa học', đưa tin sinh động về những tấm gương câu chuyện xúc động một lòng son sắt phụng sự Tổ quốc của các nhà khoa học có công lao.

22 nét

HÁN VIỆT: BÁO SAN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#016

报考

bào kǎo

đăng ký dự thi, nộp hồ sơ thi tuyển

今年全国各大重点高校基础科学强基计划吸引了数万名怀揣科学强国梦想的优秀学子踊跃报考。

Jīn nián quán guó gè dà zhòng diǎn gāo xiào jī chǔ kē xué qiáng jī jì huà xī yǐn le shù wàn míng huái chuāi kē xué qiáng guó mèng xiǎng de yōu xiù xué zǐ yǒng yuè bào kǎo.

Kế hoạch Củng cố Nền móng (Cường Cơ Kế Hoạch) khoa học cơ bản của các trường đại học trọng điểm lớn trên cả nước năm nay đã thu hút hàng vạn sinh viên học sinh xuất sắc mang trong tim ước mơ dùng khoa học xây dựng đất nước giàu mạnh hăng hái đăng ký dự thi nộp hồ sơ thi tuyển.

24 nét

HÁN VIỆT: BÁO KHẢO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#017

抱歉

bào qiàn

xin lỗi, áy náy

非常抱歉让您在贵宾接待室久等了，我们马上为您办理入住手续。

Fēi cháng bào qiàn ràng nín zài guì bīn jiē dài shì jiǔ děng le, wǒ men mǎ shàng wéi nín bàn lǐ rù zhù shǒu xù.

Thật vô cùng áy náy vì đã để quý khách phải đợi lâu tại phòng đón tiếp VIP, chúng tôi sẽ làm thủ tục nhận phòng cho quý khách ngay bây giờ.

22 nét

HÁN VIỆT: BẢO KHIỂM

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#018

暴风雨

bào fēng yǔ

mưa bão, cơn giông tố bão táp

在迎击特大台风暴风雨抢险救灾一线，应急救援队伍挺身而出、日夜奋战守护人民群众生命财产安全。

Zài yíng jī tè dà tái fēng bào fēng yǔ qiǎng xiǎn jiù zāi yì xiàn, yíng jí jiù yuán duì wú rì yè fēng zhàn shǒu hù rén mín qún zhòng shēng mìng cái ān quán.

Nơi tuyến đầu cứu nạn cứu hộ đón đánh cơn giông tố bão táp mưa bão siêu bão đặc biệt lớn, đội ngũ cứu nạn khẩn cấp đã dũng cảm xung phong, ngày đêm chiến đấu bảo vệ an toàn tài sản tính mạng của quần chúng nhân dân.

32 nét

HÁN VIỆT: BẠO PHONG VŨ



HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#019

暴力

bào lì

bạo lực

全社会必须筑牢法治底线，对任何形式的家庭暴力、校园欺凌与网络暴力行为坚决依法严厉惩处。

Quán shè huì bì xū zhù láo fǎ zhǐ dī xiàn, duì rèn hé xíng shì de jiā tíng bào lì, xiào yuán qī líng yǔ wǎng luò bào lì xíng wéi jiǎn jué yí fǎ yán lì chéng chú.

Toàn xã hội bắt buộc phải giữ vững lần ranh đỏ pháp trị, kiên quyết xử lý nghiêm minh theo pháp luật đối với mọi hành vi bạo lực gia đình, bạo lực học đường và bạo lực mạng.

16 nét

HÁN VIẾT: BẠO LỰC

HSK 6 (3.0)

Động từ

#020

暴露

bào lù

lộ ra, phơi bày, bộc lộ (khuyết điểm, sơ hở)

经过高强度的极限压力测试，该分布式系统底层架构在极端高并发流量冲击下暴露出了微小的内存泄漏缺陷。

Jīng guò gāo qiáng dù de jí xiàn yā lì cè shì, gāi fēn bù shì xì tǒng dī céng jià gòu zài jī duǎn gāo bìng fā liú liàng chōng jī xià bào lù chū le wēi xiǎo de nèi cún xiè lòu quē xiàn.

Trải qua đợt kiểm thử áp lực cực hạn cường độ cao, kiến trúc tầng dưới của hệ thống phân tán này dưới tác động của lưu lượng truy cập đồng thời cực lớn đã bộc lộ ra lỗ hổng rò rỉ bộ nhớ vì mô nhỏ bé.

19 nét

HÁN VIẾT: BẠO LỘ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#021

暴雨

bàoyǔ

mưa to, mưa như trút nước, mưa xối xả

国家气象中心依托气象卫星与数字雷达大模型，实现了对极端特大暴雨天气的公里级高精度超前预报。

Guó jiā qì xiàng zhōng xīn yī tuō qì xiàng wèi xīng yǔ shù zì lèi dà mó xíng, shí xiàn le duì jí duǎn tè dà bào yǔ tiān qì de gōng lǐ jí gāo jīng dù chāo qián yù bào.

Trung tâm Khí tượng Quốc gia dựa vào mô hình lớn radar kỹ thuật số và vệ tinh khí tượng đã thực hiện việc dự báo sớm độ chính xác cao cấp độ km đối với thời tiết mưa to mưa xối xả đặc biệt lớn cực đoan.

22 nét

HÁN VIẾT: BẠO VŨ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#022

爆

bào

nổ tung, bộc phát; quá tải, bùng nổ

重大科学发现信息发布后，前沿科技创新成果展厅瞬间人气爆棚，吸引了海内外海量学者驻足交流。

Zhòng dà kē xué fā xiàn xiāo xī fā bù hòu, qián yán kē jì chuàng xīn chéng guǒ zhǎn tīng shùn jiān rén qì bào péng, xī yīn le hǎi nèi wài hǎi liàng xué zhě zhù zú jiāo liú.

Sau khi thông tin phát hiện khoa học trọng đại được công bố, phòng triển lãm thành quả đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ tiên phong ngay lập tức đông nghịt bùng nổ lượng người tham quan, thu hút lượng lớn học giả trong và ngoài nước dừng chân giao lưu.

8 nét

HÁN VIẾT: BỘC

HSK 6 (3.0)

Động từ

#023

爆发

bào fā

bùng phát, bùng nổ (dịch bệnh, chiến tranh, núi lửa)

新一轮以生成式人工智能为代表的全球数字科技革命全面爆发，深刻重塑了各行各业的生产力格局。

Xīn yī lún yǐ shēng chéng shì rén gōng zhì néng wéi dài biǎo de quán qiú shù zì kē jì gé mìng quán miàn bào fā, shēn kè zhòng sù le gè gè háng gè yè de shēng chǎn lì gé jú.

Làn sóng cách mạng khoa học công nghệ số toàn cầu mới với đại diện là trí tuệ nhân tạo tạo sinh đã bùng nổ toàn diện, tái định hình sâu sắc cục diện sức sản xuất của mọi ngành nghề.

18 nét

HÁN VIẾT: BỘC PHÁT

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#024

爆炸

bào zhà

phát nổ, nổ tung; bùng nổ (thông tin)

在当今海量数据与知识信息爆炸的时代，保持独立清晰的批判性思考与终身学习能力尤为关键。

Zài dāng jīn hǎi liàng shù jù yǔ zhī shí xìn xī bào zhà de shí dài, bǎo chí dú lì qīng xī de pī pàn xīng sī kǎo yǔ zhōng shēn xué xī néng lì yǒu wéi guān jiàn.

Trong thời đại bùng nổ thông tin tri thức và dữ liệu khổng lồ ngày nay, việc giữ vững tư duy phản biện độc lập mạch lạc cùng năng lực học tập suốt đời là vô cùng then chốt.

18 nét

HÁN VIẾT: BỘC TRÁC

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#025

悲惨

bēi cǎn

thảm thương, bi thảm, thê lương

通过回顾近代历史上列强侵略给中华民族带来的悲惨深重灾难，更让我们深切感受到国家独立与富强的无比珍贵。

Tōng guò huí gù jìn dài lì shǐ shàng liè qiáng lì zhì zhōng huá mín zú dài lái de bēi cǎn shēn zhòng zāi nàn, gèng ràng wǒ men shēn qiè gǎn shòu dào guó jiā dú lì yǔ fù qiáng de wú bǐ zhēn guì.

Thông qua việc nhìn lại những thảm họa bi thảm nặng nề mà các thế lực ngoại bang xâm lược gây ra cho dân tộc ta trong lịch sử cận đại, càng giúp chúng ta cảm nhận sâu sắc sự quý giá vô bờ bến của nền độc lập và sự giàu mạnh của đất nước.

18 nét

HÁN VIẾT: BỊ THẨM

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#026

背心

bèixīn

áo may-ô, áo ba lỗ, áo gi-lê

智能可穿戴健康监测背心内置了微型高柔性心电传感器，能够全天候实时监测心血管生理指标。

Zhì néng kě chuān dài jiàn kāng jiān cè bèi xīn nèi zhì le wēi xíng gāo róu xìng xīn diàn chuán gǎn qì, néng gòu quán tiān shí shí jiān cè xīn xué guān shēng lí zhǐ biāo.

Chiếc áo may-ô áo ba lỗ áo gi-lê quan trắc sức khỏe có thể mặc thông minh tích hợp cảm biến điện tim siêu mềm dẻo dạng vi mô bên trong, có thể quan trắc các chỉ tiêu sinh lý tim mạch theo thời gian thực suốt 24/7.

19 nét

HÁN VIẾT: BỐI TÂM

HSK 6 (3.0)

Động từ

#027

背着

bèizhe

cồng trên lưng, đeo trên lưng (bèi); giấu giếm sau lưng (bèi)

科考队员背着沉重的高精度地质采样仪器与应急设备，顶风冒雪攀登在青藏高原冰川绝壁之上。

Kē kǎo duì yuán bèi zhe chén zhòng de gāo jīng dù dì zhì cǎi yàng yí qì yǔ yìng jí shè bèi, dǐng fēng mào xuě pān dēng zài qīng zàng gāo yuán bīng chuān jué bì zhī shàng.

Các đội viên khảo sát khoa học đeo trên lưng mang trên lưng các thiết bị khẩn cấp và dụng cụ lấy mẫu địa chất độ chính xác cao nặng trĩu, đội gió vượt bão tuyết leo lên trên vách đá băng hà cheo leo của cao nguyên Thanh Tạng.

19 nét

HÁN VIẾT: BỐI TRƯỚC



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#028

被告

bèi gào

bị cáo, bị đơn (trong vụ kiện)

在公开依法开庭审理的知识产权侵权诉讼中，原告与被告律师围绕专利核心权利要求保护范围展开了激烈的法庭辩论。

Zài gōng kāi yī fā kāi tíng shěn lǐ de zhī shǐ chān quán qín quán sù sòng zhōng, yuán gào yù bèi gào lǚ shī wéi rào zhuān lì hé xīn quán lì yào qiú bǎo hù fàn wéi zhān kāi le jī liè de fǎ tíng biàn lùn.

Trong phiên tòa xét xử công khai theo luật định vụ kiện xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, luật sư của nguyên đơn và bị đơn đã triển khai cuộc tranh tụng gay gắt trước tòa xoay quanh phạm vi bảo hộ yêu cầu quyền cốt lõi của sáng chế.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: BỊ CÁO

HSK 6 (3.0)

Động từ

#029

奔跑

bēn pǎo

chạy, sải bước chạy, lao nhanh về phía trước

青年科学家在探索世界科技前沿的广阔赛道上奋力奔跑，勇攀世界科学技术最高峰。

Qīng nián kē xué jiā zài tàn sù shì jiè kē jì qián yán de guǎng kuò sài dào shàng fèn lì bēn pǎo, yǒng pān shì jiè kē xué jì shù zuì gāo gāo fēng.

Các nhà khoa học trẻ tuổi dốc sức sải bước chạy lao nhanh về phía trước trên đường đua rộng mở khám phá ranh giới khoa học công nghệ thế giới, dũng cảm trèo lên đỉnh cao nhất của khoa học kỹ thuật thế giới.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: BỎN BÀO

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn /
Tính từ

#030

本地

běndì

địa phương, bản địa, tại chỗ

高新技术产业园区积极培育本地顶尖科技创新领军企业，带动了区域经济全产业链高质量转型升级。

Gāo xīn jì shù chǎn yè yuán qū jī jí péi yù běn dì dīng jiān kē jì chuàng xīn lǐng jūn qǐ yè, dài dòng le qū yù jīng jì quán chǎn yè lián gāo zhì liàng zhuǎn xíng shēng jí.

Khu công viên ngành công nghệ cao mới tích cực nuôi dưỡng các doanh nghiệp dẫn đầu đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ bản địa địa phương, thúc đẩy nâng cấp chuyển đổi chất lượng cao toàn bộ chuỗi ngành nghề kinh tế khu vực.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: BẢN ĐỊA

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#031

本期

běn qī

kỳ này, số này, đợt này (tập san/học kỳ)

本期国际权威顶尖物理学学术期刊以封面专版形式，深度报道了我国在量子隐形传态领域的重大突破。

Běn qī guó jì quán wēi dīng jiān wù lǐ xué xué shù kǎn wù yì fēng miàn zhuān bǎn xíng shì, shēn dù bào dào le wǒ guó zài liàng zǐ yǐn xíng chuán tài lǐng yù de zhòng dà tū pò.

Kỳ này số này của tạp chí học thuật vật lý hàng đầu có thẩm quyền quốc tế dưới hình thức chuyên bản trang bìa đã đưa tin sâu sắc về bước đột phá trọng đại của nước ta trong lĩnh vực truyền thái lượng tử ẩn hình.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: BẢN KỲ

HSK 6 (3.0)

Đại từ

#032

本身

běn shēn

bản thân nó, tự thân, nội tại

科学探索本身就是一段充满未知与挑战的壮丽旅程，其价值不仅在于最终发现，更在于求索过程中的求真精神。

Kē xué tàn sù běn shēn jiù shì yí duàn chōng mǎn wèi zhī yǔ tiǎo zhàn de zhuàng lì lǚ chéng, qí jià zhí bù jīn zài yú zuì zhōng fā xiàn, gèng zài yú qiú suǒ guò chéng zhōng de qiú zhēn jīng shén.

Bản thân cuộc thám hiểm khoa học đã là một hành trình tráng lệ ngập tràn những điều chưa biết và thử thách, giá trị của nó không chỉ nằm ở phát hiện cuối cùng mà còn nằm ở tinh thần cầu thị chân lý trong suốt quá trình kiểm tìm.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: BẢN THÂN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#033

本土

běntǔ

bản thổ, bản địa, trong nước

我们要坚持自主创新与开放合作相统一，在重大工程实践中着力培育一批具有国际竞争力的本土领军科技人才。

Wǒ men yào jiān chí zì zhū chuàng xīn yǔ kāi fàng hé zuò xiāng tóng yī, zài zhòng dà gōng chéng shí jiàn zhōng zhuó lì péi yù yí pī jù yǒu guó jì jìng zhēng lì de běn tǔ lǐng jūn kē jì rén cái.

Chúng ta phải kiên trì sự thống nhất giữa hợp tác mở cửa và tự chủ đổi mới sáng tạo, chú trọng nuôi dưỡng một lực lượng nhân tài khoa học công nghệ dẫn đầu trong nước bản địa cố sức cạnh tranh quốc tế trong thực tiễn các công trình trọng đại.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: BẢN THỔ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#034

本质

běn zhì

bản chất, cốt lõi

面对纷繁复杂的表面现象，我们要学会透过现象看本质，准确把握事物发展的客观规律。

Miàn duì fēn fán fù zá de biǎo miàn xiàn xiàng, wǒ men yào xué huì tòu guò xiàn xiàng kàn běn zhì, zhǔn què bǎ wù shì fā zhǎn de kè guān guī lǚ.

Đứng trước muôn vàn hiện tượng bề nổi phức tạp, chúng ta phải học cách nhìn thấu hiện tượng để thấu suốt bản chất, nắm bắt chuẩn xác quy luật phát triển khách quan của sự vật.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: BẢN CHẤT

HSK 6 (3.0)

Động từ

#035

逼

bī

ép buộc, bức bách, dồn ép; tiến sát

外部势力的极限技术封锁非但没有难倒我们，反而倒逼我国高新技术产业走上了完全自主可控的创新之路。

Wài bù shì lì de jí xiàn jì shù fēng suǒ fēi dàn méi yǒu nǎn dǎo wǒ men, fǎn ér dào bī wǒ guó gāo xīn jì shù chǎn yè zài zì zhǔ kě kòng de chuàng xīn zhī lù.

Sự phong tỏa công nghệ giới hạn của các thế lực bên ngoài không những không làm khó được chúng ta, mà trái lại còn ép buộc thúc bách ngành công nghiệp công nghệ cao nước ta bước lên con đường đổi mới sáng tạo tự chủ kiểm soát hoàn toàn.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: BỨC

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#036

笔试

bǐshì

thi viết, bài thi viết trên giấy

在国家前沿大科学装置青年科研骨干公开选拔中，考核分为专业笔试与多学科专家综合答辩面试两个环节。

Zài guó jiā qián yán dà kē xué zhuāng zhì qīng nián kē yán gǔ gàn gōng kāi xuǎn bā zhōng, kǎo hé fēn wéi zhuān yè bǐ shì yǔ duō xué kē xué zhuān jiā zōng hé dá biàn miàn shì liǎng gè huán jié.

Trong kỳ tuyển chọn công khai cán bộ nòng cốt nghiên cứu khoa học thanh niên của thiết bị khoa học lớn tiên phong quốc gia, kỳ sát hạch được chia thành hai khâu: phỏng vấn bảo vệ tổng hợp chuyên gia đa ngành học và thi viết bài thi viết chuyên môn.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: BÚT THÍ



HSK 6 (3.0)

Phó từ

#037

必将

bìjiāng

ắt sẽ, chắc chắn sẽ, nhất định sẽ

新时代青年科技人才在前沿科学领域的拼搏攻坚，必将铸就中华民族伟大复兴的坚实科技基石。

Xīn shí dài qīng nián kē jì rén cái zài qián yán kē xué lǐng yù de pīn bó gōng jiān, bì jiāng zhù jiù zhōng huá mín zú wèi dà fù xīng de jiān shí kē jì jī shí.

Sự nỗ lực vượt khó trong các lĩnh vực khoa học tiên phong của nhân tài khoa học công nghệ thanh niên thời đại mới chắc chắn sẽ ắt sẽ đúc nên nền móng khoa học công nghệ vững chắc cho sự phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa.

22 nét

HÁN VIỆT: TẮT TƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#038

必修

bìxiū

bắt buộc, môn học bắt buộc (compulsory)

高校将人工智能导论与科研诚信学术道德列为全校所有理工科专业本科生的核心必修课程。

Gāo xiào jiāng rén gōng zhì néng dǎo lùn yǔ kē yán chéng xìn xué shù dào dé liè wéi quán xiào suǒ yǒu lǐ gōng kē zhuan yè běn kē shēng de hé xīn bì xiū kē chéng.

Trường đại học đã đưa đạo đức học thuật thành tín nghiên cứu khoa học và nhập môn trí tuệ nhân tạo thành môn học bắt buộc cốt lõi dành cho toàn thể sinh viên đại học tất cả các chuyên ngành khoa học tự nhiên và công nghệ toàn trường.

20 nét

HÁN VIỆT: TẮT TU

HSK 6 (3.0)

Động từ

#039

闭

bì

đóng, khép lại; bế mạc; ngừng

微电子纳米超净车间采用双重互锁自闭密封安全门，严密阻断外界细微灰尘颗粒侵入实验空间。

Wēi diàn zǐ nà mǐ chāo jìng chē jiān cǎi yòng shuāng chóng hù suǒ zì bì mǐ fēng ān quán mén, yǎn mì zǔ duàn wài jiè wēi xì hūi chén kē lì qín rù shí yàn kōng jiān.

Phòng xử lý siêu sạch nano vi điện tử áp dụng cửa an toàn niêm phong tự đóng khép lại khóa liên động đôi, ngăn chặn nghiêm ngặt các hạt bụi vi mô bên ngoài xâm nhập vào không gian thực nghiệm.

8 nét

HÁN VIỆT: BẾ

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#040

边缘

biānyuán

rìa, mép, bờ cõi; công nghệ rìa (Edge computing)

随着边缘计算与物联网终端智能芯片的大规模应用，数据在网络边缘即可实现毫秒级的超低时延实时处理。

Suí zhuó biān yuán jì suàn yǔ wù lián wǎng zhōng duǎn zhì néng xīn piàn de dà guī mó yīng yòng, shù jù zài wǎng luò biān yuán jì kě shí xiàn háo miǎo jí de chāo dī shí yǎn shí shí chǔ lǐ.

Cùng với việc ứng dụng quy mô lớn công nghệ tính toán biên (Edge computing) và chip thông minh trên các thiết bị đầu cuối Internet vạn vật, dữ liệu có thể được xử lý trực tiếp tại rìa mạng theo thời gian thực với độ trễ siêu thấp chỉ tính bằng mili-giây.

17 nét

HÁN VIỆT: BIÊN DUYÊN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#041

编制

biānzhì

biên chế; biên soạn, lập kế hoạch; đan lát

国家发展改革委联合多部门科学编制完成了未来十年国家战略前沿重大科技基础设施建设中长期规划。

Guó jiā fā zhǎn gǎi gé wéi lián hé duō bù mén kē xué biān zhì wán chéng le wèi lái shí nián guó jiā zhàn lüè qián yán zhòng dà kē jì jī chǔ shè shī jiàn shè zhōng cháng qī guī huà.

Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia liên kết cùng nhiều bộ ngành đã hoàn thành việc lập kế hoạch biên soạn một cách khoa học Quy hoạch Trung và Dài hạn Xây dựng Cơ sở Hạ tầng Khoa học Công nghệ Trọng đại Tiên phong Chiến lược Quốc gia trong mười năm tới.

25 nét

HÁN VIỆT: BIÊN CHẾ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#042

扁

biǎn

bằng phẳng

老师鼓励大家积极扁，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí biǎn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shí.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bằng phẳng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: THIỀN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#043

变更

biàngēng

thay đổi, điều chỉnh biến đổi (kế hoạch/thông tin)

在重大科研工程实施过程中，任何关键设计参数的变更都必须经过总体专家组严格论证与安全评审。

Zài zhòng dà kē yán gōng chéng shí shí guò chéng zhōng, rèn hé guān jiàn shè jì cān shù de biàn gēng dōu bì xū jīng guò zǒng tǐ zhuān jiā zǔ yán gé lùn zhèng yǔ ān quán píng shěn.

Trong quá trình thực thi công trình nghiên cứu khoa học trọng đại, bất kỳ sự thay đổi điều chỉnh nào đối với các tham số thiết kế then chốt đều bắt buộc phải trải qua thẩm định an toàn và luận chứng nghiêm ngặt của tổ chuyên gia tổng thể.

19 nét

HÁN VIỆT: BIẾN CANH

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#044

变换

biànhuàn

biến đổi, chuyển đổi hoán đổi, luân phiên thay đổi

深空射电望远镜通过超快傅里叶变换算法芯片，实现了对浩瀚宇宙海量微弱信号的实时精准频谱分析。

Shēn kōng shè diàn wǎng yuǎn jīng tōng guò chāo kuài fú lǐ yè biàn huàn suàn fǎ xīn piàn, shí xiàn le duì hào hàn yǔ zhòu hǎi liàng wēi ruò xìn hào de shí shí jīng zhǔn pín pǐn fēn xī.

Kính viễn vọng vô tuyến không gian sâu thông qua chip thuật toán biến đổi chuyển đổi Fourier siêu nhanh đã thực hiện phân tích phổ tần chuẩn xác theo thời gian thực đối với khối lượng khổng lồ tín hiệu yếu ớt của vũ trụ bao la.

22 nét

HÁN VIỆT: BIẾN HOÁN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#045

变形

biànxíng

biến dạng, biến hình, thay đổi hình dạng

新型智能形状记忆合金材料能在受到外部温度变化刺激时，自主恢复原始预设结构而不发生永久变形。

Xīn xíng zhì néng xíng zhàng jì yì hé jīn cái liào néng zài shòu dào wài bù wēn dù biàn huà cì jī shí, zì zhǔ huī fù yuán shǐ yǔ shè jié gòu ér bù fā shēng yǒng jiǔ biàn xíng.

Loại vật liệu hợp kim ghi nhớ hình dạng thông minh kiểu mới có thể khi chịu kích thích biến đổi nhiệt độ bên ngoài sẽ tự chủ phục hồi kết cấu thiết lập sẵn ban đầu mà không bị biến dạng vĩnh viễn.

20 nét

HÁN VIỆT: BIẾN HÌNH



HSK 6 (3.0)

Phó từ / Liên từ

#046

便

biàn

liền, thì, là; tiện lợi

只要双方秉持真诚合作的意愿，许多看似棘手的难题便能迎刃而解。

Zhǐ yào shuāng fāng bǐng chí zhēn chéng hé zuò de yì yuàn, xǔ duō kǎn shì jì shǒu de nán tí biàn néng yíng rèn ér jiě.

Chỉ cần hai bên cùng giữ vững thiện chí hợp tác chân thành, nhiều bài toán học hỏi tưởng chừng nan giải sẽ được tháo gỡ dễ dàng.

11 nét

HÁN VIỆT: TIỆN

HSK 6 (3.0)

Liên từ / Động từ

#047

便是

biànshi

chính là, tức là, đó là

胸怀祖国、服务人民，勇攀高峰、敢为人先，这便是广大功勋科学家生生不息的崇高精神密码。

Xiōng huái zǔ guó, fú wù rén mín, yǒng pān gāo fēng, gǎn wéi rén xiān, zhè biàn shì guāng dà gōng xūn kē xué jiā shēng shēng bù xī de chóng gāo jīng shén mì mǎ.

Mang trong tim Tổ quốc, phụng sự Nhân dân, dũng cảm trèo lên đỉnh cao, dám đi đầu trước thiên hạ, đó chính là chính là mật mã tinh thần cao đẹp đời đời bất diệt của đồng bào các nhà khoa học có công lao.

19 nét

HÁN VIỆT: TIỆN THÌ

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn / Phó từ

#048

遍地

biàndì

khắp nơi, đầy khắp mặt đất, tràn ngập

金秋十月稻浪飘香，广袤辽阔的东北黑土地上呈现出一派遍地金黄、喜迎大丰收的壮丽画卷。

Jīn qiū shí yuè dào làng piāo xiāng, guǎng mào liáo kuò de dōng běi hēi tǔ dì shàng chéng xiàn chū yí pài biàn dì jīn huáng, xǐ yíng dà fēng shōu de zhuàng lì huà juǎn.

Tháng Mười mùa thu vàng hương lúa thơm ngát, trên mảnh đất đen Đông Bắc bao la bát ngát hiện ra một bức tranh tráng lệ vàng óng tràn ngập khắp nơi đầy khắp ruộng đồng đón chào mùa vàng đại bội thu.

22 nét

HÁN VIỆT: BIẾN ĐỊA

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn / Phó từ

#049

表面上

biǎomiànshàng

bề ngoài, nhìn bề ngoài, trên bề mặt

这套复杂的量子物理测量方案表面上看推演繁复，但其内在遵循着极其优美简洁的对称性物理定律。

Zhè tào fù zá de liàng zǐ wù lǐ cè liáng fāng àn biǎo miàn shàng kàn tuī yǎn fán fù, dàn qí nèi zài zūn xún zhe jí qí yōu měi jiǎn jié de duì chèn xìng wù lǐ dìng lǚ.

Phương án đo đạc vật lý lượng tử phức tạp này nhìn bề ngoài bề ngoài xem chừng suy diễn rườm rà, nhưng bên trong nó lại tuân theo các định luật vật lý tính đối xứng vô cùng giản dị và tuyệt mỹ.

30 nét

HÁN VIỆT: BIỂU DIỆN THƯỜNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#050

病房

bìngfáng

phòng bệnh, phòng nội trú bệnh viện

现代化国家医学中心智慧重症监护病房全面部署了多模态生命体征实时监测与智能预警系统。

Xiàn dài huà guó jiā yī xué zhōng xīn zhì huì zhòng zhēng jiān hù bìng fáng quǎn miàn bù shǔ le duō mó tài shēng mìng tǐ zhēng shí shí jiān cè yǔ zhì néng yù jǐng xì tǒng.

Phòng bệnh phòng nội trú chăm sóc đặc biệt thông minh Trung tâm Y học Quốc gia hiện đại hóa đã triển khai toàn diện hệ thống cảnh báo thông minh và quan trắc dấu hiệu sinh tồn đa phương thức theo thời gian thực.

16 nét

HÁN VIỆT: BỆNH PHÒNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#051

病情

bìngqíng

bệnh tình, tình trạng bệnh diễn biến

多学科顶尖医学专家组通过远程高清医疗会诊系统，精准研判危重症患者病情并制定最优手术方案。

Duō xué kē dǐng jiān yī xué zhuān jiǎ zǔ tóng guò yuǎn chéng gāo qīng yī liáo huì zhěn xì tǒng, jīng zhǔn yán pàn wēi zhòng zhēng huàn zhě bìng qíng bìng zhì dǐng zui yōu shǒu shù fāng àn.

Hội đồng chuyên gia y học hàng đầu đa ngành học thông qua hệ thống hội chẩn y tế từ xa độ nét cao đã nhận định đánh giá chuẩn xác diễn biến bệnh tình tình trạng bệnh của bệnh nhân nguy kịch và xây dựng phương án phẫu thuật tối ưu.

16 nét

HÁN VIỆT: BỆNH TÌNH

HSK 6 (3.0)

Động từ

#052

拨打

bō dǎ

bấm số gọi điện, quay số

遇到突发伤病或紧急交通事故险情时，市民应当在第一时间迅速拨打全国统一急救电话并保持通话畅通。

Yù dào tū fā shāng bing huò jí jǐn jiāo tōng shì gù xiān qīng shì, shì mǐn yīng dāng zài dì yí shí jiān xùn sù bō dǎ quán guó tóng yī jì jiù diàn huà bing bǎo chí tōng huà chāng tōng.

Khi gặp phải tình huống tai nạn chấn thương đột phát hoặc sự cố giao thông khẩn cấp, người dân cần nhanh chóng bấm số gọi đường dây nóng cấp cứu thống nhất toàn quốc và giữ thông suốt đường dây liên lạc.

23 nét

HÁN VIỆT: BẮT TÁ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#053

波动

bō dòng

dao động, biến động, sóng dao động

国家超精密重力测量实验室利用超导重力仪，能够极其灵敏地探测到地球重力场微米级的微小波动。

Guó jiā chāo jīng mì zhòng lì cè liáng shí yàn shì lì yòng chāo dǎo zhòng lì yí, néng gòu jí qí líng mǐn de tàn cè dào dì qiú zhòng lì chǎng wēi mǐ jí de wēi xiǎo bō dòng.

Phòng thí nghiệm đo trọng lực siêu chính xác quốc gia sử dụng máy đo trọng lực siêu dẫn có thể dò tìm cực kỳ nhạy bén những dao động biến động nhỏ bé cấp độ micromet của trường trọng lực Trái Đất.

22 nét

HÁN VIỆT: BA ĐỘNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#054

波浪

bō làng

sóng, con sóng, làn sóng

全球单机容量最大的兆瓦级深远海波浪能发电示范装置在南海海域成功并网，将汹涌的海水波浪转化为稳定绿电。

Quán qiú dān jī róng lượng zì dà de zhào wǎ jí shēn yuǎn hǎi bō làng néng fā diàn shì fàn zhāng zhì zài nán hǎi yù chéng gōng bìng wǎng, jiāng xiōng yǒng de hǎi shuǐ bō làng zhuǎn huà wéi wěn dìng lǜ diàn.

Thiết bị trình diễn phát điện bằng năng lượng sóng biển sâu xa cấp Megawatt có công suất đơn lẻ lớn nhất thế giới đã hòa lưới điện thành công tại vùng biển Nam Hải, chuyển hóa những con sóng biển cuộn trào thành nguồn điện xanh ổn định.

19 nét

HÁN VIỆT: BA LĂNG



HSK 6 (3.0)

Động từ

#055

播
bō

gieo trồng; phát sóng, truyền phát

国家电视台面向全球多语种同步直播了大国重器成功完成首次深海载人万米深潜的壮丽历史画面。

Guó jiā diàn shì miàn xiàng quán qiú duō yǔ zhòng tóng bù zhì bō le dà guó zhòng qì chéng gōng wán chéng shǒu cì shēn hǎi zài rén wàn mǐ shēn qián de zhuàng lì lì shǐ huà miàn.

Đài truyền hình quốc gia hướng tới toàn cầu đã truyền hình phát sóng trực tiếp đồng thời đa ngôn ngữ khung hình lịch sử tráng lệ về việc đại khí quốc gia hoàn thành chuyến lặn sâu có người lái vạn mét biển sâu lần đầu tiên thành công.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: **BÁ**

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#056

补考
bǔkǎo

thi lại, kỳ thi lại bổ sung

高校教务处严格规范课程考核管理, 为因参加国家重大科研任务而请假的优秀学子统一组织规范补考。

Gāo xiào jiào wù chǔ yán gé guī fàn kè chéng kǎo hé guǎn lǐ, wéi yīn cān jiā guó jiā zhòng dà kē yán wú yàn rén wú ér qǐng jià de yōu xiù xué zǐ tóng yī zǔ zhǐ guī fàn bǔ kǎo.

Phòng đào tạo trường đại học quản lý chuẩn hóa nghiêm ngặt việc sát hạch môn học, tổ chức thi lại kỳ thi lại chuẩn mực thống nhất cho các sinh viên xuất sắc phải xin nghỉ vì tham gia nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng đại quốc gia.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: **BỔ KHẢO**

HSK 6 (3.0)

Động từ

#057

补课
bǔkè

học bù, dạy bù, bổ túc kiến thức

针对部分在核心算法理论上存在短板的青年学者, 实验室专门组织院士专家开展周末前沿学术补课研讨。

Zhēn duì bù fēn zài hé xī suàn fǎ lǐ lùn shàng cún zài duǎn bǎn de qīng nián xué zhě, shí yàn shì zhuān mén zǔ zhī yuàn shì zhuān jiā kāi zhǎn zhōu mò qián yán xué shù bǔ kè yán tǎo.

Hướng tới một bộ phận học giả trẻ tuổi còn tồn tại điểm yếu trong lý luận thuật toán cốt lõi, phòng thí nghiệm đã đặc biệt tổ chức cho các chuyên gia viện sĩ triển khai các buổi hội thảo dạy bù bổ túc học thuật tiên phong vào cuối tuần.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: **BỔ KHOÁ**

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#058

补习
bǔxí

học thêm, bổ túc, bồi dưỡng kiến thức

在青年创新拔尖人才研修班上, 学员们系统补习了量子信息科学与高等泛函分析等前沿跨学科核心理论。

Zài qīng nián chuàng xīn bá jiān rén cái yán xiū bān shàng, xué yuán men xì tǒng bǔ xī le liàng zǐ xīn xī kē xué yǔ gāo děng fán hán fēn xī děng qián yán kuà xué kē hé xī lǐ lùn.

Tại lớp tu nghiệp nhân tài xuất chúng đổi mới sáng tạo thanh niên, các học viên đã học thêm bồi dưỡng bổ túc một cách hệ thống các lý luận cốt lõi liên ngành tiên phong như giải tích hàm năng cao và khoa học thông tin lượng tử.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: **BỔ TẬP**

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#059

补助
bǔzhù

tiền trợ cấp, phụ cấp; trợ cấp hỗ trợ

国家设立高水平基础科学博士后专项支持计划, 大幅提高了青年科研人员的生活待遇与学术创新补助。

Guó jiā shè lì gāo shuǐ píng jī chǔ kē xué bó shì hòu zhuān xiàng zhī chí jì huà, dà fú tí gāo le qīng nián kē yán rén yuán de shēng huó huò dài yù yǔ xué shù chuàng xīn bǔ zhù.

Nhà nước thiết lập kế hoạch hỗ trợ chuyên án sau tiến sĩ khoa học cơ bản trình độ cao, nâng cao vượt bậc mức trợ cấp phụ cấp đổi mới sáng tạo học thuật và đãi ngộ sinh hoạt cho cán bộ nghiên cứu trẻ.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: **BỔ TRỢ**

HSK 6 (3.0)

Động từ

#060

捕
bǔ

bắt

老师鼓励大家积极捕, 勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bǔ, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bắt, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: **BẮT**

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#061

不便
búbiàn

bất tiện, không thuận tiện; khó khăn

现代高铁车站全面普及无障碍升降平台与轮椅专用绿色通道, 极大方便了行动不便的特殊旅客出行。

Xià dài gāo tiě zhàn quán miàn pǔ jí wú zhàng ài shēng jiàng píng tái yǔ lún yǐ zhuān yòng lù sè tōng dào, jí dà fāng biàn le xíng dòng bù biàn de tè shū lǚ kè xíng.

Nhà ga đường sắt cao tốc hiện đại phổ cập toàn diện luồng xanh chuyên dụng cho xe lăn và bộ nâng hạ không rào cản, tạo thuận tiện tối đa cho các hành khách đặc biệt đi lại khó khăn bất tiện.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: **BẤT TIỆN**

HSK 6 (3.0)

Động từ / Phó từ

#062

不成
bùchéng

không thành, không xong; chẳng lẽ (chẳng lẽ A hay sao)

世上无难事, 只要肯登攀; 面对卡脖子技术难关, 我们决不能半途而废、干不成大事业。

Shì shàng wú nán shì, zhǐ yào kěn dēng pān; miàn duì qiā bó zǐ jī shù nán guān, wǒ men jué bù néng bàn tú ér fèi, gàn bù chéng dà shì yè.

Trên đời không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền (chỉ cần chịu trèo lên đỉnh cao); đứng trước ải khó công nghệ nghẽn cổ chai, chúng ta tuyệt đối không thể bỏ dở nửa chừng, làm không thành không xong đại sự nghiệp.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: **BẤT THÀNH**

HSK 6 (3.0)

Động từ

#063

不见
bújiàn

không thấy, biến mất, không gặp

经过生态系统综合修复, 昔日黄沙漫天、寸草不生的荒凉景象早已消失不见, 取而代之的是葱郁绿洲。

Jīng guò shēng tài xì tǒng zōng hé xiū fù, xī rì huáng shā mǎn tiān, cùn cǎo bù shēng de huāng liáng jǐng xiàng zǎo yǐ xiāo shī bù jiàn, qǔ ér dài zhī de shì cōng yù lǜ zhōu.

Trải qua phục hồi tổng hợp hệ sinh thái, cảnh tượng hoang vu một ngọn cỏ không mọc nổi cát vàng ngợp trời thuở nào từ lâu đã biến mất không thấy, thay thế vào đó là ốc đảo xanh tươi tốt.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: **BẤT KIẾN**



HSK 6 (3.0)

Phó từ

#064

不仅仅

bùjǐnjǐn

không chỉ dừng lại ở, không đơn thuần là

科技创新的真正意义不仅仅在于发表顶尖学术论文，更在于将成果转化为推动国家高质量发展的现实生产力。

Kē jī chuàng xīn de zhēn zhèng yì yì bù jǐn jǐn zài yú fā biǎo dīng jiān xué shù lùn wén, gèng zài yú jiāng chéng guǒ zhuǎn huà wéi tuī dòng guó jiā gāo zhì liàng fā zhǎn de xiàn shí shēng chǎn lì.

Ý nghĩa thực sự của đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ không chỉ dừng lại ở không đơn thuần là việc công bố các bài báo học thuật đỉnh cao, mà càng ở chỗ chuyển hóa thành quả thành lực lượng sản xuất hiện thực thúc đẩy đất nước phát triển chất lượng cao.

35 nét

HÁN VIỆT

BẮT CẬN CẬN

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#065

不禁

bù jīn

không kìm được, bất giác, bỗng nhiên

站在巍峨雄奇的长城之巅极目远眺群山莽莽，令人不禁油然而生强烈的民族自豪感与爱国之情。

Zhàn zài wēi é xióng qí de cháng chéng zhī diǎn jí mù yuǎn tiào qún shān mǎng mǎng, lìng rén bù jīn yóu rán ér shēng qiáng liè de mín zú zì háo gǎn yǔ ài guó zhī qíng.

Đứng trên đỉnh Vạn Lý Trường Thành hùng vĩ tráng lệ phóng tầm mắt nhìn ra muôn trùng núi non bao la bất ngát, khiến người ta không kìm được mà trào dâng niềm tự hào dân tộc và tình yêu quê hương đất nước mãnh liệt.

23 nét

HÁN VIỆT

BẮT CẨM

HSK 6 (3.0)

Liên từ / Phó từ

#066

不料

bù liào

chẳng ngờ, nào ngờ, không dè

科考队原计划当天翻越雪山垭口返程，不料午后突降罕见特大暴风雪，全员随即启动应急避险程序。

Kē kǎo duì yuán jì huà dāng tiān fān yuè xuě shān yǎ kǒu fǎn chéng, bù liào wú hòu tú jiàng hǎn jiàn tè dà bào fēng xuě, quán yuán suí jí qǐ dòng yǐng jí bǐ xiǎn chéng xù.

Đoàn khảo sát khoa học dự định trong ngày sẽ vượt qua đèo núi tuyết để trở về, nào ngờ buổi chiều bất ngờ đổ xuống trận bão tuyết đặc biệt lớn hiếm thấy, toàn đội lập tức kích hoạt quy trình trú ẩn khẩn cấp.

23 nét

HÁN VIỆT

BẮT LIỆU

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#067

不通

bù tōng

không thông, tắc nghẽn; không thông suốt vô lý

面对外部技术封锁与霸权打压，妄图阻断中国科技发展步伐的做法在历史大势面前是根本行不通的。

Miàn duì wài bù jì shù fēng suǒ yǔ bà quán dǎ yā, wàng tú zǔ duàn zhōng guó kē jì fā zhǎn bù fá de zuò fǎ zài lì shǐ dà shì miàn qián shì gēn běn háng bù tōng de.

Đứng trước sự chèn ép bá quyền và phong tỏa công nghệ từ bên ngoài, mưu đồ muốn ngăn chặn bước chân phát triển khoa học công nghệ của Trung Quốc trước đại thế lịch sử là hoàn toàn không thông suốt không thông không thể thực hiện nổi.

19 nét

HÁN VIỆT

BẮT THÔNG

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#068

不再

bù zài

không còn nữa, không lặp lại

随着我国完全自主攻克高端重型燃气轮机核心制造工艺，国家关键动力装备不再受制于国外技术垄断。

Suí zhe wǒ guó wán quán zì zhǔ gōng kè gāo duān zhòng xíng rán qì lún jī hé xīn zhì zào gōng yì, guó jiā guān jiàn dòng lì zhuāng bèi bù zài shòu zhì yú guó wài jì shù lǒng duàn.

Cùng với việc nước ta hoàn toàn tự chủ chinh phục quy trình chế tạo cốt lõi của tuabin khí hạng nặng cao cấp, trang thiết bị động lực then chốt quốc gia không còn không còn nữa bị phụ thuộc vào thể độc quyền công nghệ nước ngoài.

22 nét

HÁN VIỆT

BẮT TÁI

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#069

不怎么

bù zěnmě

không... lắm, không mấy (không hào hứng lắm)

老一辈战略科学家一生淡泊名利，对个人物质享受和名誉地位不怎么在乎，心系祖国科技自立自强。

Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā yì shēng dàn bó míng lì, duì gè rén wù zhì xiǎng shòu hé míng yù yù dì wèi bù zěnmě zài hū, xīn xì zú guó kē jì zì lì zì qiáng.

Các nhà khoa học chiến lược tiến bối trọn đời đạm bạc danh lợi, đối với địa vị danh dự và thụ hưởng vật chất cá nhân không mấy không bận tâm lắm, chỉ một lòng hướng về tự chủ tự cường khoa học công nghệ của Tổ quốc.

35 nét

HÁN VIỆT

BẮT CHẤM YÊU

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Cụm từ

#070

不怎么样

bù zěnmeyàng

chẳng ra sao, không tốt lắm, bình thường

做科学研究容不得半点弄虚作假，浮躁应付得出的实验数据哪怕表面再光鲜也是质量不怎么样、经不起推敲。

Zuò kē xué yán jiū róng bù dé bàn diǎn nuǒ xué, fú zǎo yīng fù dé chū de shí yàn shù jù nǎ pà biǎo miàn zài guāng xiǎn yě shì zhì liàng bù zěnmeyàng, jīng bù qǐ tuī qiāo.

Làm nghiên cứu khoa học không thể dung thứ cho nửa điểm gian lận giả mạo, số liệu thực nghiệm thu được từ sự đối phó xốc nổi cho dù bề ngoài có bóng bẩy đến mấy cũng là chất lượng không tốt lắm chẳng ra sao, không chịu nổi sự xem xét kiểm chứng.

35 nét

HÁN VIỆT

BẮT CHẤM YÊU DẠNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#071

不值

bù zhí

không đáng, không bỏ, không đáng giá

青年学者要树立崇高的人生理想与学术志向，切不可为了一时的眼前蝇头小利而做出不值得的学术不端行为。

Qīng nián xué zhě yào shù lì chóng gāo de rén shēng lǐ xiǎng yǔ xué shù zhì xiàng, qiè bù kě wéi le yí shí de yǎn qián yíng tóu xiǎo lì ér zuò chū bù zhí de xué shù bù duān xíng wéi.

Học giả trẻ tuổi cần xác lập chí hướng học thuật và lý tưởng nhân sinh cao đẹp, tuyệt đối không được vì mọn lợi nhỏ trước mắt nhất thời mà làm ra những hành vi sai trái học thuật không đáng không bỏ.

21 nét

HÁN VIỆT

BẮT TRỊ

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#072

不至于

bù zhìyú

không đến mức, không đến nỗi

由于飞控团队制定了周密的多重安全冗余预案，即便遭遇突发电磁干扰，空间站交会对接也不至于发生失控风险。

Yóu yú fēi kòng tuán duì zhì dìng le zhōu mì de duō zhòng ān quán róng yú yù àn, jí biàn zāo yù tú fā diàn cí gān rǎo, kōng jiān jiāo huì duì jiē yě bù zhì yú fā shēng shī kòng fēng xiǎn.

Nhờ vào đội ngũ điều khiển bay đã xây dựng phương án dự phòng an toàn đa tầng chu đáo, cho dù có gặp phải can nhiễu điện từ đột xuất, việc ghép nối giao hội trạm vũ trụ cũng không đến mức không đến nỗi xảy ra nguy cơ mất kiểm soát.

35 nét

HÁN VIỆT

BẮT CHỈ VU



HSK 6 (3.0)

Tính từ

#082

残酷

cán kù

tàn khốc, khốc liệt, tàn nhẫn

面对全球产业链重构与前沿科技竞争的残酷现实，唯有咬紧牙关坚持自主创新才能在国

际竞争中立于不败之地。
Miàn duì quán qiú zhàn yè lián zhòng gòu yǔ
qián yán kē jì jīng zhēng de cán kù xiàn shí, wéi
yǒu yáo jǐn yá guān jiān chí zì zhǔ chuàng xīn cái
néng zài guó jì jīng zhēng zhòng lì yú bù bài zhī
dì.

Đứng trước hiện thực tàn khốc khốc liệt của
việc tái cấu trúc chuỗi công nghiệp toàn cầu
và cạnh tranh khoa học công nghệ tiên
phong, chỉ có kiên trì tự chủ đổi mới mới có thể đứng vững ở
vị thế bất bại trong cạnh tranh quốc tế.

22 nét

HÁN VIỆT: TÀN KHỐC

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#083

惨

cǎn

thảm, thảm thương, bi đát; dữ dội
thê thảm

牢记历史教训，居安思危；我们必须加快实
现高水平科技自立自强，坚决避免关键核心
技术受制于人的惨痛教训。

Láo jì lì shǐ jiào xùn, jū ān sī wēi; wǒ men bì xū jiā
kuài shí xiàn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng, jiān
jué bì miǎn guān jiàn hé xīn jì shù shòu zhì yú rén
de cǎn tòng jiào xùn.

Khắc ghi bài học lịch sử, lo nghĩ khi đang yên
vui; chúng ta bắt buộc phải đẩy nhanh thực
hiện tự chủ tự cường khoa học công nghệ
trình độ cao, kiên quyết tránh bài học đau
đớn thảm thương thê thảm khi công nghệ lõi
then chốt bị phụ thuộc vào người khác.

8 nét

HÁN VIỆT: THẨM

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#084

仓库

cāng kù

kho hàng, nhà kho, kho chứa

现代化国家级应急救援物资智慧储备仓库配
备了高架立体货位与无人智能搬运穿梭机，
实现了数分钟内物资极速出库。

Xiàndài huà guó jiā jí yìng yuán wù zī zhì huì
chǔ bèi cāng kù pèi bèi le gāo jià lì tǐ huó wèi yǔ
wú rén zhì néng bān yùn chuān suō jī, shí xiàn le
shù fēn zhōng nèi wù zī jí sù chū kù.

Kho dự trữ thông minh vật tư cứu hộ khẩn
cấp cấp quốc gia hiện đại được trang bị hệ
thống giá để hàng đa tầng trên cao cùng
robot con thoi tự hành thông minh, thực hiện
xuất kho vật tư siêu tốc chỉ trong vài phút.

26 nét

HÁN VIỆT: THƯƠNG KHỐ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#085

藏

cáng

cất giấu, cất giữ; tàng trữ; Tạng
(Zàng: Tây Tạng/kho tàng)

国家重大科学工程深地实验室深藏在地下两
千四百米厚的岩层深处，屏蔽了地表一切宇
宙射线的干扰。

Guó jiā zhòng dà kē xué gōng chéng shēn dì shí
yàn shì shēn cáng zài dì xià liǎng qiān sì bǎi mǐ
hòu de yán céng shēn chù, píng bì le dì biǎo yí
qiè yǔ zhòu shè xiàn de gān rǎo.

Phòng thí nghiệm lòng đất sâu của công trình
khoa học trọng đại quốc gia cất giấu ẩn sâu
nơi sâu thẳm tầng đá dày 2.400 mét dưới
lòng đất, che chắn toàn bộ sự can nhiễu của
các tia vũ trụ trên bề mặt đất.

12 nét

HÁN VIỆT: TẠNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#086

操纵

cāo zòng

thao túng, điều khiển, giật dây

深海机器人操作员凭借高精度力反馈操纵手
柄，在数千米深海海底平稳精准完成复杂海
底热液喷口样品抓取。

Shēn hǎi jī qì rén cāo zuò yuán píng jiē gāo jīng
dù lì fǎn kuī cāo zòng shǒu bǐng, zài shù qiān mǐ
shēn hǎi dǐ píng wěn jīng zhǔn wán chéng fù
zá hǎi dǐ rè yè pēn kǒu yàng pǐn zhuā qǔ.

Kỹ thuật viên điều khiển robot biển sâu nhờ
vào cần gạt thao tác phản hồi lực độ chính
xác cao đã hoàn thành việc gắp mẫu vật
miệng phun thủy nhiệt phức tạp dưới đáy đại
dương sâu hàng ngàn mét một cách êm ái và
chẩn xác.

25 nét

HÁN VIỆT: THAO TUNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#087

侧

cè

bên, mé bên, sườn bên; nghiêng về
một bên

大跨度悬索桥主塔两侧配备了高阻尼抗风减
震拉索系统，能从容抵御超强台风侧向强风
冲击。

Dà kuà dù xuán suǒ qiáo zhǔ tǎ liǎng cè pèi bèi le
gāo zǔ ní kàng fēng jiǎn zhèn lǎ suǒ xì tǒng, néng
cǒng róng dī yǔ chǎo qiáng tái fēng cè xiàng
qiáng fēng chōng jī.

Hai bên mé bên sườn bên của tháp chính cây
cầu treo dây văng nhịp lớn trang bị hệ thống
cáp kéo giảm chấn cản gió độ giảm chấn
cao, có thể ung dung chống chịu cú va đập
của gió mạnh tạt ngang sườn bên từ siêu
bão.

8 nét

HÁN VIỆT: TRẮC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#088

厕所

cè suǒ

nhà vệ sinh, toilet

高速公路服务区全新升级的智慧公厕干
净整洁，配备了人性化的母婴设施。

Gāo sù gōng lù fú wù qū quán xīn shēng jí de zhì
huì gōng gòng cè suǒ gān jìng zhěng jié, pèi bèi
le rén xìng huà de mǔ yīng shè shī.

Khu nhà vệ sinh công cộng thông minh mới
được nâng cấp tại trạm dừng nghỉ cao tốc
rất sạch sẽ ngăn nắp, trang bị đầy đủ tiện ích
mẹ và bé tiện lợi.

22 nét

HÁN VIỆT: XÍ SỞ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#089

测定

cèdìng

đo đạc xác định, trắc định đo lường

高精度质谱仪能够精准测定极地古老冰芯样
品中微量放射性同位素的绝对丰度，还原古
气候变迁。

Gāo jīng dù zhì pǔ yí néng gòu jīng zhǔn cè dìng jī
dì guó lǎo bīng xīn yàng pǐn zhōng wēi liàng fàng
shè xīng tóng wèi sù de jué duì fēng dù, huán
yuán gù qì hòu biàn qiān.

Máy quang phổ khối lượng độ chính xác cao
có thể đo đạc xác định trắc định chính xác
độ giàu tuyệt đối của các đồng vị phóng xạ
vi lượng trong mẫu lõi băng cổ xưa vùng địa
cực, tái hiện lại sự biến đổi khí hậu cổ đại.

16 nét

HÁN VIỆT: TRẮC ĐỊNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#090

策略

cè lüè

chiến lược, sách lược, mưu lược

在应对复杂多变的国际经贸博弈中，企业应
当制定灵活多元的全球供应链采购与风险对
冲策略。

Zài yìng duì fù zá duō biàn de guó jì jīng mào bó
yì zhōng, qǐ yè yīng dīng zhì dìng líng huó duō
yuán de quán qiú gōng yòng lián cǎi gòu yǔ fēng
xiǎn duì chōng cè lüè.

Trong việc ứng phó với cuộc độ sức kinh tế
thương mại quốc tế biến chuyển phức tạp,
doanh nghiệp cần hoạch định sách lược thu
mua chuỗi cung ứng toàn cầu và phòng ngừa
rủi ro linh hoạt đa dạng.

22 nét

HÁN VIỆT: SÁCH LƯỢC



HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#091

策划

cè huà

hoạch định, lên kế hoạch, đạo diễn kịch bản

故宫文创团队精心策划了一系列将中华优秀传统文化与现代数字化沉浸式光影深度交融的精品大展。

Gù gōng wén chuāng tuán duì jīng xīn cè huà le yí xì liè jiāng zhōng huá chuán tǒng yōu xiù chuán tǒng wén huà yǔ xiàn dài shù zì huà chén jìn shì guāng yǐng shēn dù jiāo róng de jīng pǐn dà zhǎn.

Đội ngũ sáng tạo văn hóa Cố Cung đã công phu hoạch định lên kế hoạch cho một chuỗi các triển lãm đặc sắc đỉnh cao kết hợp sâu sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp với ánh sáng công nghệ tương tác số hóa nhập vai hiện đại.

📖 23 nét

HÁN VIỆT · SÁCH HOA

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#092

层面

céngmiàn

bề diện, tầng diện, cấp độ bình diện

国家在战略政策层面全面加大对基础前沿科学研究的稳定支持, 为实现重大原创突破创造优良生态。

Guó jiā zài zhàn lüè zhèng cè céng miàn quán miàn jiā dà duì jī chǔ qián yán kē xué yán jiū de wěn dìng zhī chí, wèi shí xiàn zhòng dà yuán chuàng tǔ pò chuàng zào yōu liáng shēng tài.

Nhà nước trên cấp độ bình diện tầng diện chính sách chiến lược tăng cường toàn diện sự hỗ trợ ổn định đối với nghiên cứu khoa học cơ bản tiên phong, kiến tạo hệ sinh thái ưu việt để thực hiện các đột phá nguyên tác trong đạt.

📖 18 nét

HÁN VIỆT · TẦNG DIỆN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#093

查出

chá chū

tìm ra, tra ra, phát hiện ra (nguyên nhân/bệnh/lỗi)

高分辨医学影像与人工智能辅助诊断系统能够在几秒内精准查出早期微小恶性肿瘤病灶。

Gāo fēn biàn yī xué yǐng xiàng yǔ rén gōng zhì néng fú zhù zhěn duàn xì tǒng néng gòu zài jǐ miǎo nèi jīng zhǔn chá chū zǎo qī wēi xiǎo è xìng zhǒng liú bìng zào.

Hệ thống chẩn đoán hỗ trợ trí tuệ nhân tạo và hình ảnh y học độ phân giải cao có thể tra ra tìm ra phát hiện ra chuẩn xác ổ bệnh khối u ác tính siêu nhỏ ở giai đoạn sớm chỉ trong vòng vài giây.

📖 20 nét

HÁN VIỆT · TRA XUẤT

HSK 6 (3.0)

Động từ

#094

查看

chá kàn

xem xét, kiểm tra đối chiếu, quan sát

总工程师一大早便深入大科学装置施工现场, 逐一仔细查看每一处超高真空密封管道的焊接质量。

Zōng gōng chéng shī yī dà zǎo biān shēn rù dà kē xué zhuāng zhì shī gōng xiàn chǎng, zhú yī zǐ xì chá kàn měi yī chù chāo gāo zhēn kōng mì fēng guǎn dào de hàn jiē zhì liàng.

Vị tổng công trình sư từ sáng sớm tinh mơ đã đi sâu vào hiện trường thi công thiết bị khoa học lớn, cẩn thận quan sát xem xét kiểm tra lần lượt từng chất lượng mối hàn của đường ống niêm phong chân không siêu cao.

📖 24 nét

HÁN VIỆT · TRA KHÁN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#095

差异

chāyī

sự sai biệt, khác biệt, chênh lệch

科研人员通过多组高精度对比实验, 深入揭示了不同纳米晶体结构在超低温下的微观物理电导差异。

Kē yán rén yuán tōng guò duō zǔ gāo jīng dù duì bǐ shí yàn, shēn rù jiē shì le bù tóng nǎn mǐ jīng tǐ jié gòu zài chāo dī wēn xià de wēi guān wù lǐ diǎn dǎo chā yì.

Cán bộ nghiên cứu khoa học thông qua nhiều nhóm thực nghiệm so sánh độ chính xác cao đã hé lộ sâu sắc sự sai biệt chênh lệch khác biệt về độ dẫn điện vật lý vi mô của các cấu trúc tinh thể nano khác nhau dưới nhiệt độ siêu thấp.

📖 21 nét

HÁN VIỆT · SAI DỊ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#096

拆迁

chāiqiān

giải tỏa di dời, giải phóng mặt bằng

城市推进城中村改造与阳光拆迁安居工程, 让广大回迁居民住进了宽敞明亮、配套设施齐全的现代化新居。

Chéng shì tuī jìn chéng zhōng cūn gǎi zào yǔ yáng guāng chāi qiān ān jū gōng chéng, ràng guǎng dà huí qiān jū mǐn zhù jìn le kuān chǎng míng liàng, pèi tào qí quán de xiàn dài huà xīn jū.

Thành phố đẩy mạnh công trình an cư giải tỏa di dời giải phóng mặt bằng công khai minh bạch và cải tạo làng trong đô thị, giúp đồng bào cư dân tái định cư được chuyển vào ở trong những ngôi nhà mới hiện đại khang trang rộng rãi sáng sủa, tiện ích đồng bộ.

📖 20 nét

HÁN VIỆT · SÁCH THIÊN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#097

产量

chǎnliàng

sản lượng, sản lượng thu hoạch/chế tạo

我国耐盐碱超级杂交水稻在数百万亩示范基地全面喜迎大丰收, 平均亩产量再创历史新高纪录。

Wǒ guó nài yán jiǎn chāo jí jiā yāo shuǐ dào zài shù bǎi wàn mǔ shí fān jī dī quǎn mǐn xī yíng dà fēng shōu, píng jūn mǔ chǎn liàng zài zài chuàng lǐ shǐ xīn jì lù.

Lúa lai siêu cấp chịu mặn phen của nước ta trên hàng triệu mẫu đất căn cứ trình diễn đã đón nhận mùa vàng đại bội thu toàn diện, sản lượng trung bình trên mỗi mẫu lại xác lập kỷ lục lịch sử mới.

📖 22 nét

HÁN VIỆT · SẢN LƯỢNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#098

昌盛

chāng shèng

hưng thịnh, thịnh vượng, phồn vinh

五千多年来, 中华民族始终以勤劳勇敢与自强不息的精神追求国家的繁荣富强与民族的昌盛繁荣。

Wǔ qiān duō nián lái, zhōng huá mín zú shǐ zhōng yǐ qín láo yǒng gǎn yǔ zì qiáng bù xī de jīng shén zhuī qiú guó jiā de fán róng yǔ qín zú de chāng shèng fán róng.

Hơn 5.000 năm qua, dân tộc ta luôn lấy tinh thần cần cù dũng cảm và tự lực tự cường không ngừng nghỉ để mưu cầu sự phồn vinh giàu mạnh của đất nước và sự hưng thịnh trường tồn của dân tộc.

📖 21 nét

HÁN VIỆT · XƯỞNG THỊNH

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#099

常规

chángguī

thường quy, thông thường quy chuẩn, quy tắc thông lệ

该项颠覆性前沿实验方案打破了常规学术思维定式, 开辟了探索微量子物理未知的全新技术路径。

Gāi xiàng diǎn fù xìng qián yán shí yàn fāng àn dǎ pò le cháng guī xué shù sī wéi dìng shì, kāi pì le tàn suǒ wēi liàng zǐ wù lǐ wéi zhī de quán xīn jī shù lù jīng.

Phương án thực nghiệm tiên phong mang tính cách mạng này đã phá vỡ lối mòn tư duy học thuật thông thường quy chuẩn thường quy, mở ra lộ trình công nghệ hoàn toàn mới khám phá thế giới chưa biết của vật lý lượng tử vi mô.

📖 23 nét

HÁN VIỆT · THƯỜNG QUY



HSK 6 (3.0)

Danh từ / Phó từ

#100

常年

cháng nián

quanh năm, cả năm, quanh năm suốt tháng

青藏高原高海拔野外气象观测站的科研人员常年顶风冒雪坚守在海拔五千多米的雪峰哨卡，记录下了宝贵的极端气候数据。

Qīng zàng gāo yuán gāo hǎi bá yě wài qì xiàng guān cè zhàn de kè yán rén yuán cháng nián dǐng fēng mào xuě jiǎn shǒu zài hǎi bá wǔ qiān duǒ mǐ de xuě fēng shào qiǎ, jì lù xià le bǎo guì de jí duān qì hòu shù jù.

Các nhà nghiên cứu khoa học thuộc trạm quan trắc khí tượng đã ngoại vùng núi cao cao nguyên Thanh Tạng quanh năm dầm mưa dãi tuyết kiên cường bám trụ tại các chốt điểm ngon núi tuyết ở độ cao hơn 5.000 mét, ghi lại những dữ liệu khí hậu cực đoan vô giá.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: THƯỜNG NIÊN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#101

厂商

chǎngshāng

nhà sản xuất, hãng sản xuất, doanh nghiệp chế tạo

在国际高新技术装备博览会上，我国自主研发制造的高端工业母机厂商吸引了全球海量采购商洽谈合作。

Zài guó jì gāo xīn jì shù zhuāng bèi bó lǎn huì shàng, wǒ guó zì zhǔ yán fā zhì zào de gāo duān gōng yè mǔ jī chǎng shāng xī yǐn le quán qiú hǎi liàng cǎi gòu shāng qià tán hé zuò.

Tại Triển lãm Trang thiết bị Công nghệ Cao Quốc tế, các hãng sản xuất nhà sản xuất máy công cụ công nghiệp cao cấp do nước nhà tự chủ nghiên cứu chế tạo đã thu hút đông đảo các nhà thu mua toàn cầu tới đàm phán hợp tác.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: HÁN THƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#102

场地

chǎngdì

sân bãi, địa điểm bãi tập, mặt bằng

大科学装置建设现场场地开阔、设施齐备，各项前沿大型试验子系统正在有条不紊地展开联调安装。

Dà kē xué zhuāng zhì jiàn shè xiàn chǎng chǎng dì kāi kuò, shè shī qí bèi, gè xiàng qián yán dà xīng shì yán zì xì tǒng zhèng zài yǒu tú bù sù de zhān kāi lián diào ān zhuāng.

Sân bãi mặt bằng hiện trường xây dựng thiết bị khoa học lớn vô cùng rộng mở, trang thiết bị đồng bộ đầy đủ, các hệ thống con thử nghiệm quy mô lớn tiên phong đang triển khai lắp đặt hiệu chỉnh liên động một cách bài bản ngăn nắp.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: TRẢNG ĐỊA

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#103

场馆

chǎngguǎn

nhà thi đấu, cung thể thao, hội trường triển lãm

亚运会全部比赛场馆全面推行百分之百绿色电力供应与低碳节能运行，树立了国际绿色体育场馆标杆。

Yà yùn huì quán bù bǐ sài chǎng guǎn quán miàn tuī xíng bǎi fēn zhǐ bǎi lǐ sè diàn lì gōng yīng yù dì tǎn jié néng yùn xíng, shù lì le guó jì lǜ sè tǐ yù chǎng guǎn biāo gān.

Tất cả các nhà thi đấu hội trường cung thể thao thi đấu của Đại hội Thể thao châu Á triển khai toàn diện nguồn cung cấp điện xanh 100% và vận hành tiết kiệm năng lượng ít phát thải carbon, xác lập tiêu chuẩn chuẩn mực nhà thi đấu thể thao xanh quốc tế.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: TRẢNG QUÁN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#104

场景

chǎngjǐng

bối cảnh, khung cảnh; kịch bản bối cảnh ứng dụng

国家大力推进通用人工智能技术在智能制造、智慧医疗与深空探测等重大关键战略场景的深度落地应用。

Guó jiā dà lì tuī jìn tōng yòng rén gōng zhì néng jì shù zài zhì néng zhì zào, zhì huì yī liáo yǔ shēn kōng tàn cè děng zhòng dà guān jiàn zhàn lǚ chǎng jǐng de shēn dù luò dì yìng yòng.

Nhà nước ra sức thúc đẩy công nghệ trí tuệ nhân tạo đa năng ứng dụng triển khai sâu sắc trong các khung cảnh kịch bản bối cảnh chiến lược then chốt trọng đại như y tế thông minh, chế tạo thông minh và thám trắc không gian sâu.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: TRẢNG CẢNH

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#105

畅通

chàngōng

thông suốt, trôi chảy, lưu thông liên mạch

加快构建全国统一大市场，着力打通制约经济循环的关键堵点，切实保障全国物流人流资金流高效畅通。

Jiā kuài gòu jiàn quán guó tóng yī dà shì chǎng, zhuó lì dà tōng zhì yuē jīng jì xún huán de guān jiàn dǔ diǎn, qiè shí bǎo zhàng quán guó wù liú rén liú zī jīn liú gāo xiào chàngōng.

Đẩy nhanh xây dựng thị trường thống nhất lớn toàn quốc, dốc sức khơi thông các điểm nghẽn then chốt kìm hãm tuần hoàn kinh tế, bảo đảm thiết thực cho dòng lưu thông hàng hóa, dòng người và dòng vốn tài chính trên cả nước diễn ra thông suốt hiệu quả cao.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: SƯỚNG THÔNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ / Tiến tố

#106

超

chāo

siêu, vượt bậc; vượt quá, vượt trội (tiên tố)

我国科研团队完全自主研发研制成功的超导量子计算原型机，在特定算法运算速度上实现了量子优越性。

Wǒ guó kē yán tuán duì wán quán zì zhǔ yán zhì chéng gōng de chāo dǎo liàng zǐ jì suàn yuán xíng jī, zài tè dìng suàn fǎ yùn suàn sù dù shàng xiàn le liàng zǐ yuē yù xìng.

Cỗ máy mẫu thử nghiệm tính toán lượng tử siêu dẫn siêu do đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo thành công đã thực hiện tính ưu việt tính toán lượng tử trên tốc độ tính toán thuật toán đặc thù.

📖 12 nét

HÁN VIỆT: SIÊU

HSK 6 (3.0)

Động từ

#107

超出

chāochū

vượt ra ngoài, vượt quá (phạm vi/dự kiến)

经过反复高精度极限测试，该型号国产芯片的运算效能与耐恶劣环境稳定性远远超出了先前的设计预期。

Jīng guò fǎn fù gāo jīng dù jí xiàn cè shì, gāi xíng hào guó chǎn xīn piàn de yùn suàn xiào néng yǔ nài è liè huán jīng wěn dìng xìng yuǎn yuǎn chāo chū le xiān qián de shè jì yù qī.

Trải qua các bài thử nghiệm giới hạn độ chính xác cao lặp đi lặp lại, độ ổn định chịu môi trường khắc nghiệt và hiệu năng tính toán của dòng chip sản xuất trong nước này đã vượt ra ngoài vượt quá xa so với dự kiến thiết kế trước đó.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: SIÊU XUẤT

HSK 6 (3.0)

Động từ

#108

炒

chǎo

xào, rang; dầu cơ

妈妈在厨房里熟练地热锅下油，不一会儿就端出了一盘香气四溢的家常清炒时蔬。

Mā ma zài chú fáng lǐ shú liàn dì rè guō xià yóu, bú yí huì er jiù duān chū le yí pán xiāng qì sì yì de jiā cháng qīng chǎo shí shū.

Mẹ vào bếp thuần thục bắc chảo đun dầu nóng, loáng một cái đã bung ra một đĩa rau xào tươi theo mùa thơm nức mũi chuẩn vị cơm nhà.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: SAO



HSK 6 (3.0)

Động từ

#109

炒股

chǎogǔ

chơi chứng khoán, đầu tư cổ phiếu

金融监管部门持续加强投资者教育，引导广大公众树立长期价值投资理念，坚决防范盲目炒股投机风险。

Jīn róng jiān guǎn bù mén chí xù jiǎng qǐng tóu zī zhě jiào yù, yǐn dǎo guāng dà gōng zhòng shù lì cháng qǐ jià zhī tóu zī lǐ niàn, jiǎn jué fáng fàn máng mù chǎo gǔ tóu zī fēng xiǎn.

Cơ quan giám sát tài chính liên tục tăng cường giáo dục nhà đầu tư, định hướng đông đảo công chúng xác lập quan niệm đầu tư giá trị lâu dài, kiên quyết phòng ngừa rủi ro đầu cơ lướt sóng chơi chứng khoán đầu tư cổ phiếu mù quáng.

📖 23 nét

HÁN VIỆT SAO CỔ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#110

炒作

chǎozuō

thổi phồng, lăng-xê đánh bóng, tung chiêu trò

科技界必须坚守严谨求实的科学道德规范，坚决杜绝在未经验证的前沿技术概念上进行不实夸大炒作。

Kē jì jiè bì xū jiǎn shǒu yán jìn qiú shí de kē xué dào dé guī fàn, jiǎn jué duì jué zài wèi jīng yàn zhèng de qián yán jì shù gài niàn shàng jìn xíng bù shí kuā dà chǎo zuō.

Giới khoa học công nghệ bắt buộc phải giữ vững chuẩn mực đạo đức khoa học cầu thị nghiêm cần, kiên quyết bài trừ việc thổi phồng lăng-xê phóng đại không đúng sự thật trên các khái niệm công nghệ tiên phong chưa qua kiểm chứng.

📖 24 nét

HÁN VIỆT SAO TÁC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#111

车号

chēhào

số hiệu toa xe, biển số xe

高铁旅客通过手机购票软件与车站智能大屏幕，能够清晰精准查询所乘列车车次、车号与检票口信息。

Gāo tiě lǚ kè tōng guò shǒu jī gòu piào ruǎn jiàn yǔ chē zhàn zhì néng dà píng mù, néng gòu qīng xī zhǔn què chā xún suǒ chéng liè chē chē cì, chē hào yǔ jiǎn piào kǒu xìn xī.

Hành khách đi tàu cao tốc thông qua màn hình lớn thông minh tại nhà ga và phần mềm mua vé trên điện thoại có thể tra cứu chuẩn xác rõ ràng thông tin của soát vé, số hiệu toa xe biển số xe và chuyển tàu mà mình đi.

📖 23 nét

HÁN VIỆT XA GÀO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#112

车牌

chēpái

biển số xe, biển số xe cơ giới

城市全面推行新能源汽车绿色专用车牌与不限行便民政策，有力促进了绿色低碳出行新风尚。

Chéng shì quán miàn tū xíng xīn néng yuán qì chē lǜ sè zhuān yòng chē pái yǔ bù xiàn xíng biàn mǐn zhèng cè, yǒu lì cù jìn lǜ sè dī tàn chū xíng xīn fēng shàng.

Thành phố đẩy mạnh toàn diện chính sách tiện dân không hạn chế lưu thông cùng biển số xe màu xanh chuyên dụng cho xe ô tô năng lượng mới, thúc đẩy mạnh mẽ nếp sống mới đi lại xanh ít phát thải carbon.

📖 18 nét

HÁN VIỆT XA BÀI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#113

车展

chēzhǎn

triển lãm ô tô, triển lãm xe hơi

在国际顶级车展上，我国自主研发制造的高端智能新能源概念汽车以颠覆性智驾科技惊艳全场。

Zài guó jì dǐng jí chē zhǎn shàng, wǒ guó zì zhǔ yán fā zhì zào de gāo duān zhì néng xīn néng yuán gài niàn qì chē yǐ diǎn fù xíng zhì jià kē jì jīng yàn quán chǎng.

Tại triển lãm ô tô triển lãm xe hơi hàng đầu quốc tế, dòng xe ô tô ý niệm năng lượng mới thông minh cao cấp do nước ta tự chủ nghiên cứu chế tạo đã làm kinh ngạc toàn trường bằng công nghệ lái thông minh mang tính cách mạng.

📖 23 nét

HÁN VIỆT XA TRIỂN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#114

撤离

chèlí

rút lui, sơ tán, rút khỏi vùng nguy hiểm

在特大自然灾害来临前，国家应急指挥部迅速组织危险地带群众安全有序撤离并妥善安置。

Zài tè dà zì rán zāi hài lái lín qián, guó jiā yìng jí zhǐ huī bù xùn sù zǔ zhī wēi xiǎn dì dài qún zhòng ān quán yǒu xù chè lí bìng tuǒ shàn ān zhì.

Trước khi thiên tai đặc biệt lớn ập tới, Ban Chỉ huy Ứng phó Khẩn cấp Quốc gia đã nhanh chóng tổ chức cho bà con nhân dân tại các khu vực nguy hiểm sơ tán rút lui an toàn có trật tự và bố trí ở ở thỏa đáng.

📖 26 nét

HÁN VIỆT TRIỆT LỠ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#115

撤销

chèxiāo

bãi bỏ, hủy bỏ, thu hồi (quyết định, giấy phép)

市场监管部门依法撤销了该企业因提交虚假财务资料与环境违法而骗取的全部行政许可与荣誉资质。

Shì chǎng jiān guǎn bù mén yī fǎ chè xiāo le gāi qì yě yīn tí jiāo xū jiǎ cái wù zī liào yǔ huán jīng wéi fǎ ér piàn qǔ de quán bù xíng zhèng xǔ kě yǔ róng yù zī zhì.

Cơ quan quản lý thị trường đã theo quy định pháp luật bãi bỏ thu hồi toàn bộ giấy phép hành chính và chứng nhận danh dự mà doanh nghiệp này đã gian lận đạt được do nộp hồ sơ tài chính giả mạo và vi phạm pháp luật về môi trường.

📖 21 nét

HÁN VIỆT TRIỆT TIÊU

HSK 6 (3.0)

Động từ

#116

撑

chēng

hỗ trợ

老师鼓励大家积极撑，勇于探索新的知识。老师鼓励大家积极撑，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí chēng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực hỗ trợ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 14 nét

HÁN VIỆT CHỐNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#117

成分

chéng fèn

thành phần, yếu tố cấu thành

在选购天然护肤品时，建议仔细阅读包装上的成分表，避免接触易过敏物质。

Zài xuǎn gòu tiān rán hù fū pǐn shí, jiàn yì zǐ xì yuè dú bāo zhuāng shàng de chéng fèn biǎo, bì miǎn jiē chù yì guò mǐn wù zhì.

Khi chọn mua mỹ phẩm dưỡng da thiên nhiên, bạn nên đọc kỹ bảng thành phần in trên bao bì để tránh tiếp xúc với các chất dễ gây dị ứng.

📖 23 nét

HÁN VIỆT THÀNH PHẦN



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#118

成品

chéngpǐn

thành phẩm, sản phẩm hoàn thiện cuối cùng

高精度光学镜片从毛坯研磨到最终成品交付，必须经过上百道微米级极限表面抛光与镀膜工序。

Gāo jīng dù guāng xué jìng piàn cóng máo pī yán mó dào zui zhōng chéng pǐn jiāo fù, bì xū jīng guò shàng bǎi dào wēi mǐ jí jiǎn xiàn biǎo miàn pǎo guāng yú dù mǎo gōng xù.

Thấu kính quang học độ chính xác cao từ phôi thô mài giữa cho tới khi bàn giao thành phẩm sản phẩm hoàn thiện cuối cùng bắt buộc phải trải qua hàng trăm công đoạn phủ màng và đánh bóng bề mặt giới hạn cấp độ micromet.

22 nét

HÁN VIỆT : THÀNH PHẨM

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#119

承诺

chéngnuò

cam kết, hứa hẹn; lời cam kết

中国庄严承诺力争在2030年前实现碳达峰、2060年前实现碳中和，展现了负责任大国的胸怀与担当。

Zhōng guó zhuāng yán chéng nuò lì zhēng zài 2030 nián qián shí xiàn tàn dà fēng , 2060 nián qián shí xiàn tàn zhōng hé , zhǎn xiàn le fù zé rèn dà guó de xiōng huái yǔ dān dāng.

Trung Quốc trang nghiêm cam kết phấn đấu đạt đỉnh phát thải carbon trước năm 2030 và trung hòa carbon trước năm 2060, thể hiện tâm vóc và tinh thần trách nhiệm của một nước lớn.

18 nét

HÁN VIỆT : THỬA NẠC

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#120

城区

chéngqū

khu vực đô thị, nội thành thành phố

城市全面规划建设了连通核心城区与科技新城的现代化大容量快速轨道交通网络。

Chéng shì quán miàn guī huà jiàn shè le lián tōng hé xīn chéng qū yǔ kē jì xīn chéng de xiàn dài huà dà róng liàng kuài sù guī dào jiāo tōng wǎng lù.

Thành phố đã quy hoạch xây dựng toàn diện mạng lưới giao thông đường sắt nhanh sức chở lớn hiện đại hóa kết nối đô thị khoa học mới với khu vực đô thị nội thành cốt lõi.

22 nét

HÁN VIỆT : THÀNH ÂU

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#121

城乡

chéngxiāng

thành thị và nông thôn, thành thị nông thôn

国家全面推进城乡基本公共服务均等化与基础设施一体化，持续缩小城乡区域发展差距。

Guó jiā quán miàn tuī jìn chéng xiāng jī běn gōng gòng fú wù jūn děng huà yǔ jī chǔ shè shī yī tǐ huà, chí xù suǒ xiǎo chéng xiāng qū yù fā zhǎn chà jù.

Nhà nước đẩy mạnh toàn diện việc bình đẳng hóa dịch vụ công cộng cơ bản và tích hợp hạ tầng thành thị nông thôn thành thị và nông thôn, liên tục thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng miền và giữa nông thôn với thành thị.

20 nét

HÁN VIỆT : THÀNH HƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#122

城镇

chéngzhèn

thị trấn, thành thị đô thị nhỏ

国家积极推进以人为核心的新型城镇化建设，促进广大中小城镇特色产业集群蓬勃高质量发展。

Guó jiā jī jī tuī jìn yǐ rén wéi hé xīn de xīn xíng chéng zhèn huà jiàn shè, cù jìn guǎng dà zhōng xiǎo chéng zhèn tè sè chān yè jī qún péng bó gāo zhì liàng fā zhǎn.

Nhà nước tích cực thúc đẩy xây dựng đô thị hóa kiểu mới lấy con người làm trung tâm, thúc đẩy các cụm ngành nghề đặc sắc của đồng đảo các thị trấn thành thị vừa và nhỏ phát triển chất lượng cao phồn vinh.

19 nét

HÁN VIỆT : THÀNH TRẤN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#123

持有

chíyǒu

nắm giữ, sở hữu, mang theo (chứng chỉ/cổ phần)

在重大前沿技术攻坚中，我国自主研发团队已在国际核心专利池中持有数百项高价值基础发明专利。

Zài zhòng dà qián yán jì shù gōng gōng jiǎn zhōng, wǒ guó zì zhǔ yán fā tuán dǎi yǐ zài guó jì hé xīn zhuān lì chí zhí zhōng chí yǒu shù bǎi xiàng gāo jià zhí jī chǔ fā míng zhuān lì.

Trong các trận đánh công nghệ tiên phong trọng đại, đội ngũ tự chủ nghiên cứu phát triển của nước ta đã sở hữu nắm giữ hàng trăm bằng sáng chế phát minh cơ bản giá trị cao trong kho bằng sáng chế cốt lõi quốc tế.

22 nét

HÁN VIỆT : TRÌ HỮU

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#124

冲击

chōngjī

tác động, va chạm, cú sốc; xung kích

我国多元化、韧性强劲的产业链供应链体系，经受住了全球地缘政治震荡与外部供应链断裂的重大冲击考验。

Wǒ guó duō yuán huà, rèn xìng qiáng jīng de chǎn yè lián gōng ying lián tī xì, jīng shòu zhù le quán qiú dì yuán zhèng zhì zhèn dòng yǔ wài bù gōng ying lián duàn liè de zhòng dà chōng jī kǎo yàn.

Hệ thống chuỗi công nghiệp chuỗi cung ứng đa dạng hóa có sức bền dẻo dai mạnh mẽ của nước ta đã vượt qua kỳ sát hạch thử thách tác động nghiêm trọng từ những biến động địa chính trị toàn cầu và sự đứt gãy chuỗi cung ứng bên ngoài.

22 nét

HÁN VIỆT : XUNG KÍCH

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#125

崇拜

chóngbài

sùng bái, tôn sùng, ngưỡng mộ tôn thờ

青年一代应当崇尚科学真理与奉献精神，理性崇拜那些为人类科技进步与国家强盛作出卓越贡献的科学巨匠。

Qīng nián yí dài yīng dāng chóng shàng kē xué zhēn lǐ yǔ fèng xiàn jīng shén, lǐ xìng chóng bài nà xiē wéi rén lèi kē jì jìn bù yǔ guó jiā qiáng shèng zuò chū zhūo yuè gòng xiàn de kē xué jù jiàng.

Thế hệ thanh niên cần tôn sùng chân lý khoa học và tinh thần cống hiến, ngưỡng mộ sùng bái một cách lý trí những bậc cự phách khoa học đã có cống hiến trác tuyệt cho sự tiến bộ khoa học công nghệ của nhân loại và sự giàu mạnh của đất nước.

20 nét

HÁN VIỆT : SÙNG BÁI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#126

宠物

chǒngwù

thú cưng, vật nuôi

饲养陪伴型宠物不仅需要倾注爱心，更需要主人具备高度的责任感与科学照护常识。

Sì yǎng péi bàn xíng chǒng wù bù jǐn xū yào qīng zhù ài xīn, gèng xū yào zhǔ rén jù bèi gāo dù de zé rèn gǎn yù kē xué zhào hù cháng shí.

Nuôi thú cưng bầu bạn không chỉ cần dành trọn tình yêu thương mà quan trọng hơn người chủ cần có tinh thần trách nhiệm cao độ cùng kiến thức chăm sóc khoa học.

23 nét

HÁN VIỆT : SÙNG VẬT


HSK 6 (3.0)

Động từ

#127

出场

chūchǎng

xuất hiện, ra sân khấu, bước vào sân đấu

当大国工匠代表团步入科技盛典大会会场出场的那一刻，全场数千名科技工作者起立鼓掌致敬。

Dāng dà guó gōng jiàng dài biǎo tuán bù rù kē jì shèng diǎn dà huì chǎng chū chǎng de nà yí kè, quán chǎng shù qiān míng kē jì gōng zuò zhě qǐ lì gǔ zhǎng zhì jīng.

Vào khoảnh khắc đoàn đại biểu nghệ nhân bậc thầy nước lớn bước vào hội trường đại hội đại lễ khoa học công nghệ xuất hiện ra sân khấu, hàng ngàn cán bộ khoa học công nghệ toàn trường đã đứng dậy vỗ tay nghiêng mình kính chào.

16 nét

HÁN VIỆT: XUẤT TRƯỜNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#128

出动

chūdòng

xuất kích, điều động ra quân, phái ra

在特大自然灾害抢险救灾一线，国家应急救援指挥部紧急出动大型救援直升机与无人机投送生活物资。

Zài tè dà zì rán zāi hài qiǎng xiǎn jiù zī zài yí xiàn, guó jiā yǐng jǐ jiù yuán zhǐ huī bù jīn jī chū dòng dà xíng jiù yuán zhǐ shēng jī yǔ wú rén jī tóu sòng shēng huó wù zī.

Nơi tuyến đầu cứu nạn cứu hộ thiên tai đặc biệt lớn, Ban Chỉ huy Cứu nạn Khẩn cấp Quốc gia đã khẩn cấp phái ra xuất kích điều động máy bay không người lái và trực thăng cứu nạn cỡ lớn thả hàng cứu trợ vật tư sinh hoạt.

22 nét

HÁN VIỆT: XUẤT ĐỘNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#129

出访

chūfǎng

đi thăm viếng, công du nước ngoài, xuất ngoại

由两院士领衔的国家高水平科学家代表团出访多所海外世界顶尖学府，深化多边前沿学术合作。

Yóu liǎng yuán shǐ lǐng xián de guó jiā gāo shuǐ píng kē xué jiā dài biǎo tuán chū fǎng duō suǒ hǎi wài shì jiè dǐng xiān xué fǔ, shēn huà duō biān qián yán xué shù hé zuò.

Đoàn đại biểu các nhà khoa học trình độ cao quốc gia do các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm dẫn đầu đã đi thăm viếng công du nước ngoài tới nhiều trường đại học hàng đầu thế giới ở hải ngoại, đi sâu hợp tác học thuật tiên phong đa phương.

21 nét

HÁN VIỆT: XUẤT PHÒNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#130

出路

chūlù

lối thoát, con đường phát triển, ngõ ra

实践充分证明，实现高质量发展的根本出路在于自主创新，必须把科技命脉牢牢掌握在自己手中。

Shí jiàn chōng fèn zhèng míng, shí xiàn gāo zhì liàng fā zhǎn de gēn běn chū lù zài zì zhǔ chuàng xīn, bì xū bǎ kē jì mìng mài láo láo zhǎng wò zài zì jǐ shǒu zhōng.

Thực tiễn đã chứng minh đầy đủ rằng con đường thoát lối đi căn bản để đạt được sự phát triển chất lượng cao nằm ở đổi mới sáng tạo tự chủ, bắt buộc phải nắm chắc huyết mạch khoa học công nghệ trong tay chính mình.

21 nét

HÁN VIỆT: XUẤT LỘ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#131

出面

chūmiàn

đứng ra mặt, đích thân ra mặt can thiệp

为了支持青年学者开展自由探索式前沿攻关，资深战略科学家主动出面为青年团队争取专项科研资源。

Wèi le zhī chí qīng nián xué zhě kāi zhǎn zì yóu tàn suǒ shì qián yán gōng guān, zǐ shēn zhàn lüè kē xué jiā zhǔ dòng chū miàn wèi qīng nián tuán duì zhēng qǔ zhuān xiàng kē yán zī yuán.

Để hỗ trợ các học giả trẻ tuổi triển khai vượt khó tiên phong theo phương thức tự do tìm tòi, nhà khoa học chiến lược lão thành đã chủ động đứng ra mặt đích thân ra mặt tranh thủ nguồn lực nghiên cứu khoa học chuyên án cho nhóm trẻ.

18 nét

HÁN VIỆT: XUẤT DIỆN

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#132

出名

chūmíng

nổi tiếng, nổi danh, lừng danh

这座历史悠久的文化古城凭借保存完好的千年世界文化遗产与秀美自然风光而闻名遐迩、享誉出名。

Zhè zuò lì shǐ yǒu jiǔ de wén huà gǔ chéng píng jiè bǎo cún wán hǎo de qiān nián shì jiè wén huà yí chǎn yǔ xiù měi zì rán fēng guāng ér wén míng xiá ěr, xiǎng yù chū míng.

Tòa cổ thành văn hóa có bề dày lịch sử lâu đời này nhờ vào cảnh sắc thiên nhiên tuyệt đẹp và di sản văn hóa thế giới ngàn năm được bảo tồn nguyên vẹn đã nổi tiếng lừng danh nổi danh gần xa nức tiếng bốn phương.

22 nét

HÁN VIỆT: XUẤT DANH

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#133

出入

chūrù

ra vào, ra vô; chênh lệch, sai số

微电子纳米超净实验室实行严格的人脸识别与防静电风淋准入系统，严密记录人员出入情况。

Wēi diàn zǐ nà mǐ chāo jīng shí yàn shì shí xíng yán gé de rén liǎn shí bié yǔ fáng jìng diàn fēng lín zhǔn rù xì tǒng, yán mì jì lù rén yuán chū rù qíng kuàng.

Phòng thí nghiệm siêu sạch nano vi điện tử thực thi hệ thống cho phép ra vào bằng tấm gió khử tĩnh điện và nhận diện khuôn mặt nghiêm ngặt, ghi chép chặt chẽ tình hình ra vào ra vô của nhân viên.

21 nét

HÁN VIỆT: XUẤT NHẬP

HSK 6 (3.0)

Động từ

#134

出事

chūshì

xảy ra sự cố, gặp tai nạn chuyện chẳng lành

载人航天与深潜工程全面落实极高标准的安全冗余设计，确保在任何复杂极端工况下都绝不出事。

Zài rén háng tiān yǔ shēn qián gōng chéng quán miàn luò shí jī gāo biāo zhǔn de ān quán róng yú shè jì, què bǎo zài rèn hé fù zá jí duān gōng kuàng xià dōu jué bù chū shì.

Công trình lặn sâu và hàng không vũ trụ có người lái thực thi toàn diện thiết kế an toàn dự phòng tiêu chuẩn cực cao, bảo đảm trong bất kỳ điều kiện làm việc cực đoan phức tạp nào cũng tuyệt đối không xảy ra sự cố gặp tai nạn.

19 nét

HÁN VIỆT: XUẤT SỰ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#135

出台

chūtái

ban hành, đưa ra thi hành (chính sách/văn bản)

国家相继出台一系列有力政策举措，全面加强基础研究 with 青年拔尖科技创新人才的长期稳定支持。

Guó jiā xiāng jì chū tái yí xié yǒu lì zhèng cè jǔ cuò, quán miàn jiā qiáng jī chǔ yán jiū yǔ qīng nián bá jiān kē jì chuàng xīn rén cái de cháng qī wén dīng zhī chí.

Nhà nước lần lượt ban hành đưa ra thi hành một loạt các giải pháp chính sách đặc lực, tăng cường toàn diện sự hỗ trợ ổn định lâu dài đối với nhân tài đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ xuất chúng trẻ tuổi và nghiên cứu cơ bản.

21 nét

HÁN VIỆT: XUẤT ĐÀI



HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#136

出行

chū xíng

đi lại, di chuyển đi xa, việc xuất hành

城市全面规划建设了低碳高效的公共交通网络与无障碍绿道, 倡导市民践行绿色低碳健康出行。

Chéng shì quán miàn guī huà jiàn shè le dī tàn gāo xiào de gōng gòng jiāo tōng wǎng luò yǔ wú zhàng ài lǚ dào, chàng dǎo shì mǐn jiàn xíng lǜ sè dī tàn jiàn kāng chū xíng.

Thành phố đã quy hoạch xây dựng toàn diện làn đường xanh không rào cản và mạng lưới giao thông công cộng ít phát thải carbon hiệu quả cao, kêu gọi người dân thực hành di chuyển đi lại xanh lành mạnh và ít phát thải carbon.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : XUẤT HÀNH

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#137

初等

chū děng

sơ cấp, cơ bản ban đầu (giáo dục sơ đẳng)

在科技人才梯队培养中, 不仅要抓好高等教育拔尖创新人才选拔, 更要夯实初等教育阶段的科学素养启蒙。

Zài kē jì rén cái tī duì péi yǎng zhōng, bù jǐn yào zhuā hǎo gāo děng jiào yù bá jiān chuàng xīn rén cái xuǎn bá, gèng yào yáo shí chū děng jiào yù jiē duàn de kē xué sù yǎng qǐ méng.

Trong việc nuôi dưỡng bậc thang nhân tài khoa học công nghệ, không chỉ phải làm thật tốt việc tuyển chọn nhân tài đổi mới sáng tạo xuất chúng giáo dục đại học, mà càng phải bồi đắp vững chắc việc khai sáng tố chất khoa học ở giai đoạn giáo dục sơ cấp cơ bản.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : SƠ ĐẲNG

HSK 6 (3.0)

Giải từ / Động từ

#138

除

chú

trừ, ngoại trừ; loại bỏ trừ bỏ (chủqu); phép chia (toán học)

除了突破核心硬件瓶颈之外, 科研团队还必须大力推进工业基础软件与核心算法的自主研发。

Chú le tú pò hé xīn yǐng jiàn píng jǐng zhǐ wài, kē yán tuán duì hái bì xū dà lì tuī jìn gōng yè jī chǔ ruǎn jiàn yǔ hé xīn suàn fǎ de zì zhǔ yán fā.

Ngoại trừ trừ việc đột phá các nút thắt phần cứng cốt lõi ra, đội ngũ nghiên cứu khoa học còn bắt buộc phải đẩy mạnh tự chủ nghiên cứu phát triển các thuật toán cốt lõi và phần mềm nền tảng công nghiệp.

📖 8 nét

HÁN VIỆT : TRỪ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#139

厨师

chú shī

đầu bếp, người nấu bếp

在远洋科考母船上, 经验丰富的厨师根据地科考高消耗特点精心调配荤素搭配、营养均衡的美味餐食。

Zài yuǎn yáng kē kǎo mǔ chuán shàng, jīng yàn fēng fù de chú shī gēn jù jí dì kē kǎo gāo xiāo hào tè diǎn jīng xīn tiào pèi hūn sù dā pèi, yíng yǎng jūn héng de měi wèi cān shí.

Trên con tàu mẹ khảo sát khoa học viễn dương, người đầu bếp người nấu bếp giàu dạn kinh nghiệm căn cứ vào đặc điểm tiêu hao năng lượng cao của khảo sát vùng cực đã cẩn thận điều phối những bữa ăn ngon thơm kết hợp hài hòa mặn chay và cân bằng dinh dưỡng.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : TRƯ SƯ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#140

储存

chǔ cún

lưu trữ, bảo quản chứa đựng (dữ liệu, hàng hóa)

国家超大型绿色数据中心采用深冷液冷技术与全闪存分布式架构, 安全可靠地储存海量核心数字资产。

Guó jiā chāo dà xíng lǜ sè shù jù zhōng xīn cǎi yòng shēn lěng yè lěng jì shù yǔ quán shǎn fēn bù shì jiàn gòu, ān quán kě róng de chǔ cún hǎi liàng hé xīn shù zì zī chǎn.

Trung tâm dữ liệu xanh siêu lớn cấp quốc gia áp dụng công nghệ làm mát bằng chất lỏng đông lạnh sâu cùng kiến trúc phân tán toàn bộ bằng bộ nhớ flash, lưu trữ an toàn và đáng tin cậy khối lượng tài sản số cốt lõi khổng lồ.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : TRỮ TỒN

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn / Phó từ

#141

处处

chù chù

khắp nơi, mọi nơi, chỗ nào cũng

走进生机勃勃的现代农业农村科技创新示范园, 处处呈现出智能化无人农机高效作业的壮美景象。

Zǒu jìn shēng jī bó bó de xiān dài nóng yè kē jì chuàng xīn shì fàn yuán, chù chù chéng xiàn zhī néng huà wú rén nóng jī gāo xiào zuò yè de zhuàng měi jǐng xiàng.

Bước chân vào khu trình diễn đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ nông nghiệp hiện đại ngập tràn sức sống, khắp nơi mọi nơi đâu đâu cũng hiện ra khung cảnh tráng lệ của các cỗ máy nông nghiệp không người lái thông minh hóa đang thao tác hiệu quả cao.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : XỨ XỨ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#142

处长

chù zhǎng

trưởng phòng, cục trưởng cấp phòng ban

科技部基础研究所处长深入一线科研院所调研, 广泛听取青年学者对科研经费改革的宝贵建议。

Kē jì bù jī chǔ yán jiū sù chǔ zhǎng shēn rù yī xiàn kē yán yuán suǒ diào yán, guǎng fàn tīng qǔ qīng nián xué zhě duì kē yán jīng fèi gǎi gé de bǎo guì jiàn yì.

Trưởng phòng Vụ Nghiên cứu Cơ bản Bộ Khoa học và Công nghệ đã đi sâu vào khảo sát tại các viện nghiên cứu nói tuyến đầu, lắng nghe rộng rãi những kiến nghị vô giá của các học giả trẻ về cải cách kinh phí nghiên cứu khoa học.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : XỨ TRƯỞNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#143

传出

chuán chū

truyền ra, phát ra, loan tin ra

在浩瀚深空探测指挥控制大厅内, 传出了深空着陆器成功安全降落月球背面的喜讯捷报。

Zài hào hàn shēn kōng tàn cè zhǐ huī kòng zhì dà tīng nèi, chuán chū le shēn kōng zhuó lù qì chéng gōng ān quán jiàng luò yuè qiú bèi miàn de xǐ xūn jié bào.

Bên trong đại sảnh chỉ huy điều khiển thám trắc không gian sâu bao la, đã phát ra truyền ra tin vui thắng trận về việc thiết bị hạ cánh không gian sâu đã đáp xuống an toàn thành công trên mặt sau Mặt Trăng.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : TRUYỀN XUẤT

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#144

传媒

chuán méi

truyền thông, cơ quan truyền thông báo chí

主流数字传媒全面依托超高清视听与全息多模态技术, 向全社会广泛普及前沿前瞻科学知识。

Zhǔ liú shù zì chuán méi quán miàn yī tuō chāo qīng shì tīng yǔ quán xī duō mó tài jì shù, xiāng quán shè huì guǎng fàn pǔ jí qián yán qián zhān kē xué zhī shì.

Các cơ quan truyền thông truyền thông số dòng chính dựa vào công nghệ đa phương thức hologram và hình ảnh âm thanh siêu nét để phổ biến rộng rãi các kiến thức khoa học nhìn xa trông rộng tiên phong cho toàn xã hội.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : TRUYỀN MÔI



HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#145

传输

chuánshū

truyền tải, truyền dẫn dữ liệu/năng lượng

新一代量子卫星保密通信网络实现了千公里级微弱量子密钥的高速率安全无损传输。
Xīn yí dài liàng zǐ wèi xīng bǎo mì tōng xìn wǎng luò shí xiàn le qiān gōng lǐ jí wēi ruò liàng zǐ mì yào de gāo sù lǚ ān quán wú sǔn chuán shū.
Mạng lưới thông tin bảo mật vệ tinh lượng tử thế hệ mới đã thực hiện việc truyền tải truyền dẫn an toàn không tổn thất tốc độ cao của khóa lượng tử yếu ớt cấp độ hàng ngàn cây số.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : TRUYỀN THẦU

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#146

传言

chuányán

lời đồn đại, tin đồn thất thiệt; đồn đại

做严谨的科学研究必须以确凿的实验数据和客观真理为依据，决不能轻信盲从任何未经证实的网络传言。
Zuò yán jǐn de kē xué yán jiū bì xū yǐ què záo de shí yàn shù jù hé kè guān zhēn lǐ wéi yǐ jù, jué bù néng qīng xìn máng cóng rèn hé wèi jīng zhèng shí de wǎng luò chuán yán.
Làm nghiên cứu khoa học nghiêm cần bắt buộc phải lấy chân lý khách quan và số liệu thực nghiệm xác thực làm căn cứ, tuyệt đối không được nhẹ dạ mù quáng tin theo bất kỳ lời đồn đại tin đồn trên mạng chưa qua kiểm chứng nào.

📖 27 nét

HÁN VIỆT : TRUYỀN NGÔN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#147

船员

chuányuán

thủy thủ, thuyền viên trên tàu

在远洋万米深潜科学考察航次中，全体科考队员与船员密切配合、战风斗浪，圆满完成了各项科考任务。
Zài yuǎn yáng wàn mǐ shēn qián kē xué kǎo chá háng cì zhōng, quán tǐ kē kǎo duì yuán yǔ chuán yuán mì qiè pèi hé, zhàn fēng dòu làng, yuán mǎn wán chéng le gè xiàng kē kǎo rèn wù.
Trong chuyến hải trình khảo sát khoa học lặn sâu vạn mét viên dương, toàn thể cán bộ khảo sát và thuyền viên thủy thủ phối hợp chặt chẽ, chiến đấu với sóng gió, hoàn thành mỹ mãn các nhiệm vụ khảo sát khoa học.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : THUYỀN VIÊN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#148

船长

chuánzhǎng

thuyền trưởng, cơ trưởng tàu biển

极地破冰科考船舶长凭借数十年的远洋冰区航行经验，指挥巨轮安全穿过厚重南极冰架缝隙。
Jí dì pò bīng kē kǎo chuán chuán zhǎng píng jiè shù shí niǎn de yuǎn yáng bīng qū háng xíng jīng yàn, zhī huī jù lún ān quán chuān guò hòu zhòng nán jí bīng jiǎ fèng xì.
Thuyền trưởng tàu khảo sát khoa học phá băng vùng cực nhờ vào mấy mươi năm kinh nghiệm hải hành vùng băng giá viên dương đã chỉ huy con tàu khổng lồ vượt qua khe nứt thêm băng Nam Cực dày đặc một cách an toàn.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : THUYỀN TRƯỞNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#149

船只

chuánzhī

thuyền bè, tàu thuyền các loại

在繁忙的世界级深水港湾内，数万艘现代化大型集装箱船只与新能源绿色拖轮有序进出穿梭。
Zài fán máng de shì jiè jí shēn shuǐ gǎng wǎn nèi, shù wàn sōu xiàn dài huà dà xíng jí zhuāng xiāng chuán zhī yǔ xīn néng yuán lǜ sè tuō lún yǒu xù jìn chū chuān suǒ.
Bên trong vịnh cảng nước sâu cấp thế giới nhộn nhịp, hàng vạn chiếc tàu thuyền thuyền bè container cỡ lớn hiện đại hóa cùng tàu kéo xanh năng lượng mới ra vào con thoi một cách trật tự.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : THUYỀN CHỈ

HSK 6 (3.0)

Lượng từ / Động từ

#150

串

chuàn

chuỗi, chùm, xâu (lượng từ); xâu chuỗi kết nối

深空探测器搭载的高灵敏度传感器成功捕获并传回了一连串珍贵的深空物理观测数据。
Shēn kōng tàn cè qì dǎ zài de gāo lǐng mǐn dù chuán gǎn qì chéng gōng bǔ huò bìng chuán huí le yī lián chuān zhēn guì de shēn kōng wù lǐ guān cè shù jù.
Cảm biến độ nhạy cảm cao gắn trên tàu thám trắc không gian sâu đã bắt trọn và truyền về thành công một chuỗi một xâu dữ liệu quan trắc vật lý không gian sâu vô cùng quý giá.

📖 13 nét

HÁN VIỆT : XUYẾN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#151

窗口

chuāngkǒu

cửa sổ phục vụ, quầy giao dịch; thời cơ cửa sổ

政务服务大厅设立了高层次海外人才引进综合服务一站式绿色窗口，提供了高效便捷的落户与创业服务。
Zhèng wù fú wù dà tīng shè lì le gāo céng cì hǎi wài rén cái yǐn jìn zōng hé fú wù yī zhàn shì lǜ sè chuāng kǒu, tí gòng le gāo xiào biàn jié de luò hù yǔ chuàng yè fú wù.
Đại sảnh dịch vụ hành chính công thiết lập quầy giao dịch cửa sổ luồng xanh phục vụ một cửa tổng hợp tiếp thu đưa vào nhân tài nước ngoài trình độ cao, cung cấp dịch vụ khởi nghiệp và định cư tiện lợi hiệu quả cao.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : SONG KHẨU

HSK 6 (3.0)

Động từ

#152

创办

chuàngbàn

sáng lập, sáng lập thành lập (doanh nghiệp/viện)

优秀青年科学家依托国家重点实验室原创核心技术，成功创办了一批专注于前沿芯片研发的硬科技领军企业。
Yōu xiù qīng nián kē xué jiā yī tuō guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì yuán chuàng hé xīn jī shù, chéng gōng chuàng bàn le yī pī zhuan zhù yú qián yán xīn piàn yán fā de yīng kē jī lǐng jūn qī yě.
Các nhà khoa học trẻ xuất sắc dựa vào công nghệ cốt lõi nguyên tác của Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Quốc gia đã sáng lập thành lập thành công một loạt doanh nghiệp dẫn đầu công nghệ cứng chuyên sâu vào nghiên cứu phát triển chip tiên phong.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : SÁNG BIỆN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#153

创建

chuàngjiàn

kiến tạo, thành lập xây dựng nên

我们要加快创建国家实验室与世界一流科研机构，打造国家战略科技力量的核心支柱。
Wǒ men yào jiā kuài chuàng jiàn guó jiā shí yàn jī gòu, dǎ zào guó jiā zhàn lüè kē jì lì liàng de hé xīn zhī zhù.
Chúng ta phải đẩy nhanh xây dựng nên thành lập kiến tạo các phòng thí nghiệm quốc gia và cơ quan nghiên cứu khoa học hàng đầu thế giới, gây dựng cột trụ cốt lõi của lực lượng khoa học công nghệ chiến lược quốc gia.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : SÁNG KIẾN



HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#154

创意

chuàngyì

ý tưởng sáng tạo, ý tưởng độc đáo
sáng chế

在世界青年创客大赛中，同学们凭借自主研发的智能助残机械臂创意项目，在全场勇夺特等金奖。

Zài shì jiè qīng nián chuàng kè dà sài zhì zhōng, tóng xué men píng jiè zì zhǔ yán fā de zhì néng zhù cán jī xiè bì chuàng yì yí xiàng mù, zài quán chǎng yǒng duó tè děng jīn jiǎng.

Tại Cuộc thi Sáng tạo Khởi nghiệp Thanh niên Thế giới, các bạn học sinh nhờ vào dự án ý tưởng sáng tạo ý tưởng độc đáo cánh tay robot thông minh hỗ trợ người khuyết tật tự giải quyết vấn đề phát triển đã xuất sắc đoạt giải vàng đặc biệt toàn trường.

25 nét

HÁN VIỆT : SÁNG Ý

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#155

此处

cǐchù

nơi đây, chỗ này, tại đây

此处矗立着我国完全自主设计建造的大科学实验装置核心主体工程，是攀登世界微观物理高峰的国之重器。

Cǐ chù chù lì zhe wǒ guó wán quán zì zhǔ shè jì jiàn zào de dà kē xué shí yàn zhǔ gōng zhǔ tǐ gōng chéng, shì pān dēng shì jiè wēi guān wù lǐ gāo fēng de guó zhī zhòng qì.

Nơi đây chỗ này sừng sững công trình phần thân cốt lõi của thiết bị thực nghiệm khoa học lớn do nước ta hoàn toàn tự chủ thiết kế xây dựng, là đại khí quốc gia để treo lên đỉnh cao vật lý vì mô thể giới.

22 nét

HÁN VIỆT : THỨ XỬ

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian / Số lượng

#156

此次

cǐcì

lần này, chuyến này, đợt này

此次深海万米载人深潜科考成功获取了大量极其珍贵的深渊地质岩心与极端深海微生物实物样本。

Cǐ cì shēn hǎi wàn mǐ zài rén shēn qián kē kǎo chéng gōng huò qǔ le dà liàng jí qí zhēn guì de shēn yuān dì zhì yán xīn yǔ jí duān shēn hǎi wēi shēng wù shí wù yàng běn.

Chuyến này lần này khảo sát khoa học lần sâu có người lái vạn mét biển sâu đã thu thập thành công khối lượng lớn mẫu vật thực thể vi sinh vật biển sâu cực đoan và lõi đá địa chất vực sâu vô cùng quý giá.

25 nét

HÁN VIỆT : THỨ THỨ

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian / Phó từ

#157

此前

cǐqián

trước đó, trước đây, trước thời
điểm này

在此前数年艰苦卓绝的攻关摸索中，科研团队经历了无数次失败，但从未丧失勇攀高峰的必胜信念。

Zài cǐ qián shù nián jiān kǔ zhuó jué de gōng guān mō suǒ zhōng, kē yán tuán duì jīng lì le wú shù cì shī bài, dàn cóng wèi sàng shī yǒng pān gāo fēng de bì shèng xìn niàn.

Trong những năm tháng tìm tòi vượt khó gian khổ tột cùng trước đó trước đây, đội ngũ nghiên cứu đã trải qua vô số lần thất bại, nhưng chưa bao giờ đánh mất niềm tin tất thắng đứng cảm treo lên đỉnh cao.

25 nét

HÁN VIỆT : THỨ TIỀN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#158

此事

cǐshì

việc này, chuyện này, sự việc này

针对学术评审中发现的个别疑似学术不端线索，学术道德委员会高度重视、迅速对此事展开独立调查。

Zhēn duì xué shù píng shěn shì zhōng fā xiàn de gè bié yí sì xué shù bù dān xiàn suǒ, xué shù dào dé wěi yuán huì gāo dù zhòng shì, xùn sù duì cǐ shì zhān kāi dú lì diào chá.

Hướng tới một vài manh mối nghi ngờ có hành vi sai trái học thuật phát hiện trong thẩm định học thuật, Hội đồng Đạo đức Học thuật đã hết sức coi trọng, nhanh chóng triển khai điều tra độc lập đối với việc này sự việc này.

22 nét

HÁN VIỆT : THỨ SỰ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#159

此致

cǐzhì

kính thư, trân trọng (lời kết thư
trang trọng: 此致敬礼)

海外杰出青年学者在写给祖国科研资助机构的求职自荐信末尾庄重写道：“此致，敬礼！”

Hǎi wài jié chū qīng nián xué zhě zài xiě gěi zǔ guó kē yán zī zhù jī gòu de qiú zhì zì jiàn xìn mò wēi zhòng zhòng xiě dào : "Cǐ zhì, jīng lǐ!"

Học giả trẻ kiệt xuất ở nước ngoài ở phần cuối bức thư tự tiến cử xin việc gửi cho cơ quan tài trợ nghiên cứu khoa học của Tổ quốc đã trang trọng viết: 'Kính thư, trân trọng kính chào!'

23 nét

HÁN VIỆT : THỨ TRÍ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#160

次数

cìshù

số lần, tần suất số lượt

该型号国产重大核心装备经受了数万次极限工况疲劳寿命冲击测试，各项指标均达到国际顶尖水准。

Gāi xíng hào guó chǎn zhòng dà hé xīn zhuāng bèi jīng shòu le shù wàn cì jí xiàn gōng kuàng pí láo shòu mìng chōng jī cè shì, gè xiàng zhǐ biāo jūn dá dào guó jī dīng jiān shuǐ zhǔn.

Trang thiết bị cốt lõi trọng đại sản xuất trong nước thuộc mẫu này đã trải qua chịu đựng số lần số lượt kiểm tra va đập tuổi thọ mỗi điều kiện làm việc giới hạn hàng vạn lần, tất cả các chỉ tiêu đều đạt mức chuẩn đỉnh cao quốc tế.

27 nét

HÁN VIỆT : THỨ SỐ

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#161

从不

cóngbù

chưa từng, không bao giờ, xưa nay
chưa từng

老一辈功勋科学家一生坚守求真务实的治学风范，在科学探索道路上从不迷信任何现成学术教条。

Lǎo yī bèi gōng gōng xūn kē xué jiā yí shēng jiān shǒu qiú zhēn wú shí de zhì xué fēng fàn, zài kē xué tàn suǒ dào lù shàng cóng bù mí xìn rèn hé xiàn chéng xué shù jiào tiáo.

Các nhà khoa học có công lao tiến bối trọn đời giữ vững tác phong làm học vấn cầu thị thực chất, trên con đường thám hiểm khoa học xưa nay chưa từng không bao giờ mê tín bất kỳ giáo điều học thuật có sẵn nào.

19 nét

HÁN VIỆT : TÔNG BẤT

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#162

从没

cóngméi

chưa bao giờ, từ trước đến nay
chưa từng

面对前沿“无人区”的艰难险阻，青年科研团队从没想过放弃，始终保持勇往直前的昂扬斗志。

Miàn duì qián yán "wú rén qū" de jiān nán xiǎn zǔ, qīng nián kē yán tuán duì cóng méi xiǎng guò fàng qì, shǐ zhōng bǎo chí zhè yǒng wǎng zhī qián de áng yáng dòu zhì.

Đứng trước những chông gai hiểm trở của 'vùng không người' tiên phong, đội ngũ nghiên cứu khoa học thanh niên từ trước đến nay chưa từng chưa bao giờ nghĩ tới việc từ bỏ, luôn giữ vững ý chí chiến đấu sục sôi đứng cảm tiến lên phía trước.

21 nét

HÁN VIỆT : TÔNG MỘT



HSK 6 (3.0)

Động từ

#163

醋

cù

giảm

老师鼓励大家积极醋，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ dà jiā jī jí cù, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực giảm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT: THỐ

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#164

村庄

cūnzhuāng

ngôi làng, thôn xóm, làng quê

国家全面推进美丽乡村建设，昔日贫困落后的偏远山野村庄如今蝶变成了产业兴旺的现代生态宜居乐园。

Guó jiā quán miàn tuī jìn měi lì yí jū xiāng cūn jiàn shè, xī rì pín kùn luò hòu de piǎn yuǎn shān yě cūn zhuāng rú jīn dié biàn chéng le chǎn yè xīng wǎng de xiān dài shēng tài yí jū lè yuán.

Nhà nước đẩy mạnh toàn diện xây dựng làng quê nông thôn tươi đẹp đáng sống, những thôn xóm ngôi làng vùng núi xa xôi nghèo nàn lạc hậu thuở nào ngày nay đã lột xác hóa thành thiên đường đáng sống sinh thái hiện đại ngành nghề thịnh vượng.

23 nét

HÁN VIỆT: THÔN TRANG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#165

错过

cuòguò

bỏ lỡ, lỡ mất (cơ hội/thời điểm)

新一轮科技革命和产业变革历史机遇千载难逢，我们决不能错过抢占未来前沿科技制高点战略窗口期。

Xīn yī lún kē jì gē míng hé chǎn yè biàn gé lì shǐ jī yǔ qiān zài nán féng, wǒ men jué bù néng cuò guò qiǎng zhàn wèi lái qián yán kē jì zhì gāo diǎn de zhàn lüè chuāng kǒu qī.

Thời cơ lịch sử của cuộc cách mạng khoa học công nghệ và cách mạng công nghiệp mới nghìn năm có một, chúng ta tuyệt đối không được bỏ lỡ lỡ mất giai đoạn cửa sổ chiến lược chiếm lĩnh đỉnh cao khoa học công nghệ tiên phong tương lai.

22 nét

HÁN VIỆT: THÁC QUÁ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#166

搭

dā

dựng, bắc (cầu, lối); đi nhờ xe; gác lên

抢险救灾突击队冒着大雨在数小时内迅速搭起了一座座军用装配式应急钢桥，打通了生命救援陆路通道。

Qiǎng xiǎn jiù zāi tuī dī mào zhe dà yǔ zài shù xiǎo shí nèi xùn sù dǎ qǐ le yí zuò zuò jūn yòng zhuāng pèi shì yīng jí gāng qiáo, dǎ tōng le shēng mìng jiù yuán lù tōng dào.

Đội xung kích cứu nạn cứu hộ bất chấp mưa to chỉ trong vài giờ đã nhanh chóng dựng bắc nên từng cây cầu thép khẩn cấp lắp ghép dã chiến của quân đội, khôi thông con đường cứu nạn sinh mệnh trên bộ.

12 nét

HÁN VIỆT: ĐÁP

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#167

搭档

dā dāng

bạn diễn, cộng sự, bạn đồng hành

航天员乘组两位优秀的飞行搭档在多次太空出舱出舱活动中配合默契，圆满完成了各项任务空间站科学载荷安装任务。

Háng tiān yuán chéng zǔ liǎng wèi yōu xiù de fēi xíng dā dāng zài duō cì tài kōng chū cāng huó dòng zhōng pèi hé mò qì, yuán mǎn wán chéng le gè xiàng kōng jiàn zhàn kē xué zài hē ān zhuāng rèn wù.

Hai người cộng sự phi hành xuất sắc trong tổ bay phi hành gia đã phối hợp ăn ý nhịp nhàng trong nhiều đợt hoạt động bước ra ngoài khoang không gian, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ lắp đặt tải trọng khoa học trạm vũ trụ.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐÁP ĐANG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#168

搭配

dā pèi

phối hợp, kết hợp, ghép nối (màu sắc, dinh dưỡng)

国家学生营养改善计划科学制定食谱，注重荤素均衡与优质蛋白搭配，全面保障中小学生健康茁壮成长。

Guó jiā xué shēng yíng yǎng gǎi shàn jì huà kē xué zhì dìng shí pǔ, zhù zhòng hūn sù jiū hé yǔ yōu zhì dàn bái dǎ pèi, quán miàn bǎo zhàng zhōng xiǎo xué shēng jiàn kāng zhuó zhuàng chéng zhǎng.

Chương trình Cải thiện Dinh dưỡng Học sinh Quốc gia đã xây dựng thực đơn một cách khoa học, chú trọng cân bằng giữa thịt rau và kết hợp phối trộn nguồn protein chất lượng cao, bảo đảm toàn diện cho học sinh tiểu học và trung học phát triển khỏe mạnh.

26 nét

HÁN VIỆT: ĐÁP PHỐI

HSK 6 (3.0)

Động từ

#169

打动

dǎ dòng

làm cảm động, lay động lòng người

老一辈战略科学家隐姓埋名、无私奉献数十载的感人事迹，深深打动了在场的每一位青年科研学子。

Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā yīn xìng mái míng, wú sī fèng xiàn shù shí zài de gǎn rén shì jì, shēn shēn dǎ dòng le zài chǎng de měi yí wèi qīng nián kē yán xué zǐ.

Những tấm gương câu chuyện xúc động của các nhà khoa học chiến lược tiên bối đã ẩn danh giấu tên cống hiến vô tư suốt mấy mươi năm qua đã lay động làm cảm động sâu sắc từng người học trò nghiên cứu khoa học trẻ tuổi có mặt tại hội trường.

28 nét

HÁN VIỆT: TÁ ĐỘNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#170

打断

dǎ duàn

ngắt lời, làm gián đoạn, chặt đứt

在严谨的国际前沿学术研讨中，学者们认真倾听报告发言，从不轻易无礼打断对方的阐述。

Zài yán jǐn de guó jì qián yán xué shù yán tāo zhōng, xué zhě rèn zhēn qīng tīng bào gào fā yán, cóng bù qīng yì wú lǐ dǎ duàn duì fāng de chǎn shù.

Trong các cuộc hội thảo học thuật tiên phong quốc tế nghiêm cần, các học giả chăm chú lắng nghe bài thuyết trình phát biểu, xưa nay không bao giờ tùy tiện kiêu nhả ngắt lời cắt ngang lời trần thuật của đối phương.

25 nét

HÁN VIỆT: TÁ ĐOẠN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#171

打发

dǎ fā

giết thời gian; đuổi đi, phải đi

在漫长寂寞的深空探测值班夜里，值班工程师通过研读前沿理论学术专著来充实自己，而不是无聊打发时间。

Zài màn cháng jì mò de shēn kōng tàn cè zhí bān yè lǐ, zhí bān gōng chéng shī tōng guò yán dú qián yán lǐ luận xué shù zhuān zhù lái chōng shí zì jǐ, ér bù shì wú liáo dǎ fā shí jiān.

Trong những đêm trực ban thám trắc không gian sâu cô đơn dài đằng đẳng, các kỹ sư trực ban thông qua việc nghiên cứu sâu các chuyên khảo học thuật lý luận tiên phong để làm giàu bồi đắp kiến thức cho bản thân, chứ không phải để giết thời gian một cách vô vị.

24 nét

HÁN VIỆT: TÁ PHÁT


HSK 6 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#172

打官司

dǎ guān si

kiện tụng, đi kiện, ra tòa phân xử

国家大力推进一站式多元解纷与诉讼服务体系建设, 让群众不用打官司就能在基层高效化解各类民商事矛盾纠纷。

Guó jiā dà lì tuī jìn yí zhàn shì duō yuán jiě fēn yǔ sù sòng fú wú tí xī jiàn shè, ràng qún zhòng bù yòng dǎ guān sī jiù néng zài jī céng gāo xiào huà jiě gè lèi mǐn shāng shì máo dùn jiū fēn.

Nhà nước đẩy mạnh xây dựng hệ thống dịch vụ giải quyết tranh chấp và tố tụng đa dạng một cửa, giúp người dân không cần phải đi kiện ra tòa vẫn có thể hóa giải hiệu quả các mâu thuẫn tranh chấp dân sự thương mại ngay tại cơ sở.

35 nét

HÁN VIỆT: TÁ QUAN TI

HSK 6 (3.0)

Động từ

#173

打牌

dǎ pái

chơi bài, đánh bài

在科技产业全球博弈中, 我们必须加快培育壮大新质生产力, 手中才能掌握更多具有战略威慑力的反制王牌。

Zài kē jì chǎn yè quán qiú bó yì zhōng, wǒ men bì xū jiā kuài péi yù zhuàng dà xīn zhì shēng chǎn lì, shǒu zhōng cái néng zhǎng wò gèng duō jù yǒu zhàn lüè wēi shè lì de fǎn zhì wáng pái.

Trong ván cờ độ sức toàn cầu về ngành công nghệ, chúng ta bắt buộc phải đẩy nhanh nuôi dưỡng và lớn mạnh lực lượng sản xuất chất lượng mới, thì trong tay mới nắm giữ được nhiều lá bài chủ chốt để mang tính chiến lược hơn.

22 nét

HÁN VIỆT: TÁ BÀI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#174

打印机

dǎ yìn jī

máy in

国家增材制造工程中心成功研制出能在微重力太空环境下稳定运行的高精度金属3D激光打印机。

Guó jiā zēng cái zhì zào gōng chéng zhōng xīn chéng gōng yán zhì chū néng zài wēi zhòng lì tài kōng huán jīng xià wěn dìng yùn xíng de gāo jīng dù dù jīn shǔ 3D jī guāng dǎ yìn jī.

Trung tâm Công trình Chế tạo Đắp dẫn Quốc gia đã nghiên cứu chế tạo thành công máy in máy in laser 3D kim loại độ chính xác cao có thể vận hành ổn định trong môi trường không trọng lực ngoài không gian.

34 nét

HÁN VIỆT: TÁ ẤN CƠ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#175

打造

dǎ zào

xây dựng, kiến tạo, tôi luyện chế tác nên

我们要加快建设高水平国家实验室, 全力打造国家战略科技力量的核心支柱与世界科学创新高地。

Wǒ men yào jiā kuài jiàn shè gāo shuǐ píng guó jiā shí yàn shì, quán lì dǎ zào guó jiā zhàn lüè kē jì lì liàng de hé xīn zhī zhù yǔ shì jiè kē xué chuàng xīn gāo dì.

Chúng ta phải đẩy nhanh xây dựng các phòng thí nghiệm quốc gia trình độ cao, dốc toàn lực kiến tạo xây dựng nền vùng đất cao đổi mới sáng tạo khoa học thế giới cùng cột trụ cốt lõi của lực lượng khoa học công nghệ chiến lược quốc gia.

28 nét

HÁN VIỆT: TÁ TẠO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#176

大道

dà dào

đại lộ, con đường lớn; đại đạo chính nghĩa

大道至简, 实干为要; 我们要坚定不移走中国特色自主创新大道, 加快建设世界科技强国。

Dà dào zhì jiǎn, shí gàn wèi yào; wǒ men yào jiǎn dīng bù yí zǒu zhōng guó tè sè zì zhủ chuàng xīn dà dào, jiā kuài jiàn shè shì jiè kē jì qiáng guó.

Đại đạo chí giản (đạo lý lớn thì giản dị), thực làm làm thực chất là quan trọng nhất; chúng ta phải kiên định không ngừng bước đi trên con đường lớn đại lộ tự chủ đổi mới sáng tạo mang đặc sắc Trung Quốc, đẩy nhanh xây dựng cường quốc khoa học công nghệ thế giới.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI ĐẠO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#177

大街

dà jiē

đường phố lớn, phố xá chính

在智能网联汽车先导示范区的大街小巷, 全无人驾驶智能网约车与清扫车正在平稳高效有序运行。

Zài zhì néng wǎng lián qì chē xiān dǎo shì fàn qū de dà jiē xiǎo xiàng, quán wú rén jià shì zhì néng wǎng yuē chē yú qīng sǎo chē zhèng zài píng wěn gāo xiào yǒu xù yùn xíng.

Trên khắp các ngõ hẻm đường phố lớn phố xá chính của Khu Trình diễn Thí điểm Xe Thông minh Kết nối Mạng, xe dọn vệ sinh và xe taxi công nghệ thông minh không người lái hoàn toàn đang vận hành trật tự hiệu quả cao và êm ái.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI NHAI

HSK 6 (3.0)

Phó từ / Danh từ

#178

大力

dà lì

ra sức, dốc sức mạnh mẽ, hết sức

国家大力支持战略科技领军人才挂帅出征, 健全以创新价值、能力、贡献为导向的科技人才评价体系。

Guó jiā dà lì zhī chí zhàn lüè kē jì lǐng jūn rén cái guà shuāi chū zhēng, jiàn quán yǐ chuàng xīn jià zhí, néng lì, gòng xiàn wéi dǎo xiàng de kē jì rén cái píng jià tǐ xī.

Nhà nước dốc sức mạnh mẽ ra sức hỗ trợ nhân tài dẫn đầu khoa học công nghệ chiến lược cầm quân xuất trận, hoàn thiện hệ thống đánh giá nhân tài khoa học công nghệ lấy cống hiến, năng lực và giá trị đổi mới sáng tạo làm định hướng.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI LỰC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#179

大米

dà mǐ

gạo, hạt gạo

我国完全自主培育的高品质绿色有机海水稻大米富含多种微量元素, 深受广大百姓喜爱。

Wǒ guó wán quán zì zhủ péi yù de gāo pīn zhì lì sè yǒu jī hǎi shuǐ dào dà mǐ fù hán duō zhǒng wēi liàng yuán sù, shēn shòu guāng dà bǎi xìng xī ài.

Hạt gạo gạo lúa nước mặn hữu cơ xanh phẩm chất cao do nước ta hoàn toàn tự chủ nhân giống nuôi trồng rất giàu các nguyên tố vi lượng, được đông đảo nhân dân vô cùng ưa chuộng.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI MỄ

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Số lượng

#180

大批

dà pī

số lượng lớn, hàng loạt, đợt lớn

依托国家重大科研项目平台, 我国成功培养并吸引了大批具有国际视野的世界级顶尖青年科技人才。

Yī tuō guó jiā zhòng dà kē yán xiàng mù píng tái, wǒ guó chéng gōng péi yù bìng yāng yǐn le dà pī jù yǒu guó jì shì yě de shì jiè jí jīng yán qīng nián kē jì rén cái.

Dựa vào nền tảng các dự án nghiên cứu khoa học trọng đại quốc gia, nước ta đã đào tạo và thu hút thành công một số lượng lớn hàng loạt nhân tài khoa học công nghệ thanh niên đỉnh cao tầm cỡ thế giới có tầm nhìn quốc tế.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI PHỄ



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#181

大赛

dàsài

cuộc thi lớn, giải đấu lớn mang tầm vóc

在世界青年科学家前沿科技创新创业大赛总决赛中, 我国青年团队凭借原创芯片架构设计斩获全球最高奖项。

Zài shì jiè qīng nián kē xué jiā qián yán kē jì chuàng xīn chuàng yè dà sài zòng jué sài zhōng, wǒ guó qīng nián tuán duì píng jì yuán chuàng xīn piàn jiǎ gòu shè jì zhān huò quán qiú zuì gāo jiǎng xiàng.

Tại vòng chung kết cuộc thi lớn giải đấu lớn khởi nghiệp đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ tiên phong các nhà khoa học trẻ thế giới, nhóm bạn trẻ nước ta nhờ vào thiết kế kiến trúc chip nguyên tác đã đoạt giải thưởng cao nhất toàn cầu.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI TÀI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#182

大师

dàshī

bậc thầy, đại sư, chuyên gia kiệt xuất

战略科学家不仅是学术领域的泰斗大师, 更是青年学子立身立行、追求真理的精神灯塔。

Zhàn lüè kē xué jiā bù jīn shì xué shù líng yǔ de tài dòu dà shī, gèng shì qīng nián xué zǐ lì shēn lì xíng, zhuī qiú zhēn lǐ de jīng shén dēng tǎ.

Nhà khoa học chiến lược không chỉ là bậc thầy đại sư thái sơn bắc đẩu trong lĩnh vực học thuật, mà còn là ngọn hải đăng tinh thần để các học trò trẻ tuổi noi theo tu dưỡng lập thân và theo đuổi chân lý.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI SƯ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#183

大使

dàshǐ

đại sứ, đại sứ ngoại giao

在国际多边科技创新合作峰会上, 我国驻外大使代表中国政府发表主旨演讲, 倡导开放共享科技红利。

Zài guó jì duō biān kē jì hé zuò fēng huì shàng, wǒ guó zhù wài dà shǐ dài biǎo zhōng guó zhèng fú fā biāo zhǔ zhì yán jiǎng, chàng dǎo kāi fàng gòng xiǎng kē jì hóng lì.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh Hợp tác Đổi mới Sáng tạo Khoa học Công nghệ Đa phương Quốc tế, vị đại sứ ngoại giao đại sứ nước ta tại nước ngoài đã đại diện cho Chính phủ Trung Quốc có bài diễn văn chủ đề, kêu gọi chia sẻ và mở rộng cổ tức khoa học công nghệ.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI SỨ

HSK 6 (3.0)

Phó từ / Danh từ chỉ thời gian

#184

待会儿

dàihuǐr

lát nữa, chốc nữa, một lát nữa

总工程师对现场骨干叮嘱道: “各系统抓紧完成最后的参数校验, 待会儿准时启动点火倒计时!”

Zōng gōng chéng shī duì xiàn chāng gǔ gàn dīng zhǔ dào: “gè xì tǒng zhuā jǐn wán chéng zuì hòu de cān shù jiào yàn, dài huì er zhǔn shí qǐ dòng diǎn huǒ dào jì shí!”

Vị tổng công trình sư căn dặn các cán bộ nòng cốt tại hiện trường: “Các hệ thống khẩn trương hoàn thành việc kiểm tra đối chiếu tham số cuối cùng, lát nữa một lát nữa sẽ đứng giờ khởi động đếm ngược điểm hỏa!”

📖 34 nét

HÁN VIỆT: ĐÃI HỘI NHÂN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#185

单打

dāndǎ

đánh đơn (thể thao); đơn đả độc đấu

关键核心技术攻关决不能单打独斗, 必须发挥新型举国体制优势, 组织跨学科、大兵团协同作战。

Guān jiàn hé xīn jì shù gōng guān jué bù néng dān dǎ dú dòu, bì xū fā huī xīn xíng jù guó tǐ zhì yōu shì, zǔ zhī kuà xué kē, dà bīng tuán xié tóng zuò zhàn.

Vượt khó công nghệ lõi then chốt tuyệt đối không thể đơn đả độc đấu đơn đả một mình, bắt buộc phải phát huy ưu thế thể chế toàn quốc kiểu mới, tổ chức tác chiến hiệp đồng binh đoàn lớn, liên ngành học.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: THIÊN TÁ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#186

担忧

dānyōu

lo lắng, lo âu, băn khoăn trăn trở

经过反复严格的多物理场极限环境仿真验证, 工程师们彻底消除了对新型合金构件深海抗压性能的担忧。

Jīng guò fǎn fù yán gé de duō wù lǐ chǎng jí xiàn huán jīng fāng zhēn yán zhèng, gōng chéng shī mēn chē dĩ xiǎo chú le duì xīn xíng hé jīn gòu jiàn shēn hǎi kàng yā xìng néng de dān yōu.

Trải qua sự kiểm chứng mô phỏng môi trường giới hạn đa trường vật lý nghiêm ngặt lặp đi lặp lại, các kỹ sư đã xóa bỏ triệt để mối lo âu lo lắng băn khoăn về tính năng chịu áp suất biển sâu của cấu kiện hợp kim kiểu mới.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: ĐÀM ƯU

HSK 6 (3.0)

Động từ

#187

诞生

dàn shēng

ra đời, đản sinh, xuất hiện

中国共产党的诞生深刻改变了近代以后中华民族发展的方向和进程, 具有开天辟地的伟大历史意义。

Zhōng guó gòng chǎn dǎng de dàn shēng shēn kè gǎi biàn le jīn dài yǐ hòu zhōng huá mín zú fā zhǎn de fāng xiàng hé jìn chéng, jù yǒu kāi tiān pì dì de wēi dà lì shǐ yì yì.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã làm thay đổi sâu sắc phương hướng và tiến trình phát triển của dân tộc kể từ thời cận đại, sở hữu ý nghĩa lịch sử vĩ đại mang tính khai thiên lập địa.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: ĐẢN SINH

HSK 6 (3.0)

Động từ

#188

当成

dāngchéng

coi như là, xem như là, coi là

青年科学家把国家重大战略需求当成自己的毕生奋斗目标, 扎根科研一线潜心探索。

Qīng nián kē xué jiā bǎ guó jiā zhòng dà zhàn lüè xū qiú dāng chéng zì jǐ de bì shēng fù dòu mù biāo, zhā gēn kē yán yī xiàn qián xīn tàn sù.

Các nhà khoa học trẻ tuổi coi như là xem như cấu chiến lược trọng đại của quốc gia như là mục tiêu phấn đấu cả đời của chính mình, cắm rễ nơi tuyến đầu nghiên cứu khoa học chuyên tâm tìm tòi.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: ĐƯƠNG THÀNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#189

当天

dàngtiān

ngày hôm đó, ngay trong ngày

大科学装置成功获取第一束高能重离子束流的当天, 全体参建科研工作者无不欢欣鼓舞、倍感自豪。

Dà kē xué zhuāng zhì chéng gōng huò qǐ dì yī shù gāo néng zhòng líng zǐ shù liú de dāng tiān, quán tǐ cān jiàn kē yán gōng zuò zhě wú bù huān xīn gǔ wǔ, bèi gǎn zì háo.

Vào đúng ngày hôm đó ngay trong ngày thiết bị khoa học lớn thu được chùm hạt ion nặng năng lượng cao đầu tiên thành công, toàn thể các cán bộ nghiên cứu khoa học tham gia xây dựng ai nấy đều hân hoan cổ vũ, vô cùng tự hào.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: ĐƯƠNG THIÊN



HSK 6 (3.0)

Động từ

#190

当作

dàngzuò

coi là, xem như, đối đãi như

我们要把保护知识产权当作激励科技原始创新的基本保障，坚决依法严惩任何侵权行为。

Wǒ men yào bǎ bǎo hù zhī shǐ chán quán dàng zuò jī běn zhàng, jiǎn jué yī fǎ yán chéng rēn hé qīn quán wéi.

Chúng ta phải coi là xem việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ như là sự bảo đảm cơ bản để khích lệ đổi mới sáng tạo nguyên bản khoa học công nghệ, kiên quyết xử lý nghiêm theo pháp luật mọi hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm quyền lợi.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐƯƠNG TÁC

HSK 6 (3.0)

Động từ

#191

党

dǎng

bữa tiệc

老师鼓励大家积极党，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dǎng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bữa tiệc, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: ĐẢNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#192

档

dǎng

tập tin

老师鼓励大家积极档，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dǎng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực tập tin, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT: ĐÁNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#193

档案

dàng àn

hồ sơ, tư liệu lưu trữ, tàng thư

国家档案馆运用超高精度数字化扫描与无酸纸修复技术，永久安全地保护着数百万份珍贵的国家历史档案。

Guó jiā dàng àn guǎn yùn yòng chāo gāo jīng dù shù zì huà sǎo miáo yǔ wú suān zhǐ xiū fù jī shù, yǒng jiǔ ān quán dì bǎo hù zhāo shù bǎi wàn fēn zhēn guì de guó jiā lì shǐ dàng àn.

Cục Lưu trữ Quốc gia áp dụng kỹ thuật quét số hóa độ chính xác siêu cao cùng công nghệ phục chế bằng giấy không chứa axit, bảo vệ vĩnh viễn và an toàn hàng triệu tài liệu hồ sơ lịch sử vô giá của quốc gia.

25 nét

HÁN VIỆT: ĐĂNG ÁN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#194

岛

dǎo

hòn đảo

老师鼓励大家积极岛，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dǎo, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực hòn đảo, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT: ĐẢO

HSK 6 (3.0)

Động từ

#195

到期

dàoqī

đến hạn, mãn hạn, hết hạn kỳ

重大国家科技攻坚项目实行极其严格的里程碑考核机制，确保各项预定研发指标全部按期高质量交付完成。

Zhòng dà guó jiā kē jì gōng jiǎn xiàng mù shí xíng jí qí yán gé de lǐ chéng bēi kǎo hé jī zhì, què bǎo gè xiàng yù dìng yán fā zhǐ biāo quán bù àn qī gāo zhì liàng jiāo fù wán chéng.

Dự án vượt khó khoa học công nghệ quốc gia trọng đại thực thi cơ chế sát hạch mốc lịch trình cực kỳ nghiêm ngặt, bảo đảm tất cả các chỉ tiêu nghiên cứu phát triển dự định khi đến hạn đều bàn giao hoàn thành chất lượng cao đúng hạn.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐẢO KỲ

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#196

盗版

dàobǎn

bản lậu, sao chép lậu, vi phạm bản quyền

国家司法机关依法重拳出击，严厉打击任何非法破解与盗版工业软件的违法犯罪行为。

Guó jiā sī fǎ jī guān yī fǎ zhòng quán chū jī, yán lì dǎ jī rēn hé fǎ fǎ jiě kè yǔ dǎo bǎn gōng yè ruǎn jiàn de wéi fǎ fàn zuì xíng wéi.

Cơ quan tư pháp quốc gia theo đúng pháp luật ra đòn trừng trị mạnh tay, triệt phá nghiêm khắc mọi hành vi tội phạm vi phạm pháp luật sao chép lậu bản lậu và bê khóa phần mềm công nghiệp phi pháp.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐẠO BẢN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#197

道教

Dàojiào

Đạo giáo (tôn giáo truyền thống Trung Hoa)

道教文化中“道法自然、天人合一”的深刻哲学思想，为当代生态文明建设提供了丰富的东方智慧启示。

Dào jiào wén huà zhōng "dào fǎ zì rán, tiān rén hé yī" de shēn kè zhé xué sī xiǎng, wéi dāng dài shēng tài wén míng jiàn shè tí gòng le fēng fù de dōng fāng zhì huì qǐ shì.

Tư tưởng triết học sâu sắc 'Đạo noi theo tự nhiên, thiên nhân hợp nhất' trong văn hóa Đạo giáo Đạo giáo đã mang lại những bài học gợi mở trí tuệ phương Đông phong phú cho công cuộc xây dựng văn minh sinh thái đương đại.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐẠO GIÁO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#198

道歉

dàoqiàn

xin lỗi, tạ lỗi

意识到自己在会议上的言辞欠妥后，他主动真诚地向项目组同仁当面赔礼道歉。

Yí shí dào zì jǐ zài huì yì shàng de yán cí qiǎn tuǒ hòu, tā zhǔ dòng zhēn chéng de xiàng xiàng mù zǔ tóng rén dāng miàn péi lǐ dào qiàn.

Nhận ra lỗi lẽ của mình trong cuộc họp có phần chưa thỏa đáng, anh ấy đã chủ động chân thành gặp mặt xin lỗi các đồng nghiệp trong tổ dự án.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐẠO KHIỂM



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#199

地板

dǐbǎn

sàn nhà, mặt sàn lót nền

微电子纳米超净实验室全域铺设了超高平整度防静电耐磨环氧树脂地板, 有效杜绝细微静电干扰。

Wēi diàn zǐ nà mǐ chāo jìng shí yàn shì quán yù pǔ shè le chāo gāo píng zhèng dù dǎo jīng diàn nài mó huán yǎng shù zhī dì bǎn, yǒu xiào dù jué wēi jì jīng diàn gān rǎo.

Toàn bộ khu vực phòng thí nghiệm siêu sạch nano vì điện tử được lát sàn nhà mặt sàn nền nhựa epoxy chống mài mòn dẫn điện tĩnh độ phẳng siêu cao, ngăn ngừa hiệu quả sự can nhiễu tĩnh điện vì mô.

📖 20 nét

HÁN VIỆT • ĐỊA BÀN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#200

地名

dì míng

địa danh, tên địa phương

国家探月工程团队把月球背面多处重要撞击坑与地质构造, 以我国古代杰出科学家与历史文化地名命名。

Guó jiā tàn yuè gōng chéng tuán duì bǎ yuè qiú bèi miàn duō chù zhòng yào zhuàng jī kēng yǔ dì zhì gòu zào, yǐ wǒ guó gǔ dài jié chū kē xué jiā yǔ lì shǐ wén huà dì míng míng míng.

Đội ngũ công trình thám trắc Mặt Trăng của nước ta đã lấy địa danh văn hóa lịch sử và tên các nhà khoa học kiệt xuất cổ đại của nước ta để đặt tên cho nhiều cấu tạo địa chất và hố va chạm quan trọng ở mặt sau Mặt Trăng.

📖 26 nét

HÁN VIỆT • ĐỊA DANH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#201

地下室

dì xià shì

tầng hầm, phòng ngầm dưới đất

在地下两百米深的超精密光学防震地下室, 科学家们正在开展极端高灵敏度引力波微弱信号探测。

Zài dì xià liǎng bǎi mǐ shēn de chāo jīng mì guāng xué fèn zhèn dì xià shì, kē xué jiā zhèng zài kāi zhǎn jí duān gāo líng mǐn dù yǐn lì bō wēi ruò xìn hào tàn cè.

Bên trong tầng hầm phòng ngầm dưới đất cách ly rung chấn quang học siêu chính xác sâu 200 mét dưới lòng đất, các nhà khoa học đang triển khai dò tìm tín hiệu yếu ớt sóng hấp dẫn độ nhạy cảm cực cao.

📖 32 nét

HÁN VIỆT • ĐỊA HẠ THẤT

HSK 6 (3.0)

Động từ

#202

低头

dī tóu

cúi đầu, gục đầu; chịu khuất phục

面对外部极端严苛的技术封锁与打压, 中国科研人员从未低头妥协, 依靠自力更生攻克了一道道技术难关。

Miàn duì wài bù jí duān yán kē de jì shù fēng suǒ yǔ dǎ yā, zhōng guó kē yán rén yuán cóng wèi dī tóu tuǒ xié, yī kào zì lì gēng shēng gōng kè le yī dào dào jì shù nán guān.

Đứng trước sự chèn ép và phong tỏa công nghệ cực kỳ khắt khe từ bên ngoài, cán bộ nghiên cứu khoa học Trung Quốc chưa bao giờ chịu khuất phục cúi đầu thỏa hiệp, dựa vào tự lực cánh sinh chinh phục từng ải khó công nghệ.

📖 20 nét

HÁN VIỆT • ĐỀ ĐẦU

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#203

低温

dī wēn

nhiệt độ thấp, hàn nhiệt

超导量子计算机核心处理器必须在接近绝对零度的极限超低温环境下运行, 才能保持量子比特的相干性。

Chāo dǎo liàng zǐ jī suàn jī hé xīn chǔ lǐ qì bì xū zài jiē jìn duì duō líng dù de jí xiàn chāo dī wēn huán jīng xià yùn xíng, cái néng bǎo chí liàng zǐ bǐ tè de xiāng gān xìng.

Bộ xử lý cốt lõi của máy tính lượng tử siêu dẫn bắt buộc phải vận hành trong môi trường hàn nhiệt nhiệt độ thấp siêu lạnh giới hạn tiệm cận độ không tuyệt đối mới có thể duy trì tính kết hợp của các qubit.

📖 23 nét

HÁN VIỆT • ĐỀ ÔN

HSK 6 (3.0)

Lượng từ / Động từ

#204

滴

dī

giọt; nhỏ giọt

清晨初升的朝阳下, 一颗颗晶莹剔透的露珠在翠绿的青草叶尖上轻轻滑落。

Qīng chén chū shēng de zhāo yáng xià, yī kē kē jīng yíng tī tòu de lù zhū zài cuī lǜ de qīng cǎo yè jiān shàng qīng qīng huá luò.

Dưới ánh nắng ban mai vừa hé rạng, từng giọt sương mai trong veo lấp lánh nhẹ nhàng trượt lăn trên đầu ngọn cỏ non xanh mướt.

📖 13 nét

HÁN VIỆT • TÍCH

HSK 6 (3.0)

Động từ

#205

抵达

dǐ dá

đến nơi, cập bến, tới đích

搭载着珍贵南极冰芯样品的我国“雪龙”号极地科考船历经数月远洋航行, 顺利平安抵达上海国内基地码头。

Dā zài zhe zhēn guì nán jí bīng xīn yàng pīn de wǒ guó "xuě lóng" hào jí dì kē kǎo chuán lì jīng shù yuè yuǎn yáng háng xíng, shùn lì píng ān dī dá shàng hǎi guó nèi jī dì mǎ tóu.

Tàu khảo sát khoa học vùng cực 'Tuyết Long' của nước ta chở theo các mẫu lõi băng Nam Cực vô giá sau nhiều tháng hải trình viễn dương đã cập bến an toàn thuận lợi tại cầu cảng căn cứ nội địa Thượng Hải.

📖 28 nét

HÁN VIỆT • ĐỂ ĐẠT

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#206

抵抗

dǐ kàng

chống cự, kháng cự; sức đề kháng

科学规律的体育锻炼与均衡健康的饮食习惯, 能够显著增强人体的免疫抵抗力与抗病康复能力。

Kē xué guī lǜ de tǐ yù duàn liàn yǔ jūn héng jiàn kāng de yǐn shí xí guǎn, néng gòu xiǎn zhù zēng qiáng rén tǐ de miǎn yì dī kàng lì yǔ bìng kāng fù néng lì.

Việc rèn luyện thể dục thể thao theo quy luật khoa học cùng thói quen ăn uống cân bằng lành mạnh có thể tăng cường rõ rệt sức đề kháng miễn dịch và khả năng hồi phục chống chọi bệnh tật của cơ thể người.

📖 26 nét

HÁN VIỆT • ĐỂ KHÁNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#207

电车

diàn chē

xe điện, tàu điện, xe điện bánh hơi

现代化城市全面规划运营了零排放新能源现代有轨电车网络, 为广大市民提供了绿色低碳舒适的出行体验。

Xiàn dài huà chéng shì quán miàn guī huà yùn yíng le líng pái fàng xīn néng yuán xiàn dài yǒu guǐ diàn chē wǎng lù, wéi guǎng dà shì mīn tí gòng le lǜ sè dī tàn shū shì de chū xíng tǐ yàn.

Đô thị hiện đại hóa đã quy hoạch vận hành toàn diện mạng lưới tàu điện xe điện xe điện chạy trên ray hiện đại năng lượng mới không phát thải, mang lại trải nghiệm đi lại thoải mái xanh ít phát thải carbon cho đông đảo người dân thành phố.

📖 21 nét

HÁN VIỆT • ĐIỆN XA



HSK 6 (3.0)

Động từ

#208

电动

diàndòng

điện

老师鼓励大家积极电动，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí diàndòng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực điện, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 25 nét

HÁN VIỆT

ĐIỆN ĐỘNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#209

电力

diànlì

điện lực, năng lượng điện, nguồn điện

我国建成了全球规模最大的特高压交直流智能输电网络，实现了清洁绿色电力跨越数千公里的高效跨区输送。

Wǒ guó jiàn chéng le quán qiú guī mó zuì dà de tè gāo yǎ jiāo zhī liú zhì néng shù diàn wǎng lù, shí xiàn le qīng jié lǜ sè diàn lì kuà yuē shù qiān gōng lǐ de gāo xiào kuà qū shù sòng.

Nước ta đã xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới truyền tải điện thông minh xoay chiều và một chiều siêu cao áp quy mô lớn nhất thế giới, thực hiện truyền tải xuyên vùng hiệu quả cao nguồn năng lượng điện điện lực xanh sạch vượt hàng ngàn cây số.

📖 19 nét

HÁN VIỆT

ĐIỆN LỰC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#210

电器

diànnqì

đồ điện, thiết bị điện gia dụng

国家全面推行绿色智能家用电器消费升级以旧换新工程，有力促进了全社会节能降碳与绿色生活方式。

Guó jiā quán miàn tuī xíng lǜ sè zhì néng jiā yòng diànnqì xiāo fèi shàng jí yǐ jiù huàn xīn gōng chéng, yǒu lì cù jìn le quán shè huì jié néng jiàng tàn yàn yú lǜ sè shēng huó fāng shì.

Nhà nước đẩy mạnh toàn diện công trình đổi cũ lấy mới nâng cấp tiêu dùng thiết bị điện đồ điện gia dụng thông minh xanh, thúc đẩy mạnh mẽ lối sống xanh và giảm phát thải carbon tiết kiệm năng lượng toàn xã hội.

📖 19 nét

HÁN VIỆT

ĐIỆN KHÍ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#211

吊

diào

treo, cầu kéo; viếng tang (điếu viếng)

跨海大桥架设工程现场，全球最大吨位起重船伸出巨型钢臂，将重达数千吨的整孔预制钢箱梁精准吊装就位。

Kuà hǎi dà qiáo jià shè de gōng chéng xiàn chǎng, quán qiú zuì dà dūn wèi qǐ zhòng chuán shēn chū jù xíng gāng bì, jiāng zhòng dá shù qiān dūn de zhěng kǒng yù zhì gāng xiāng liáng jīng zhǔn diào zhuāng jiù wèi.

Tại công trường lắp dựng cầu vượt biển, tàu cần cẩu có tải trọng lớn nhất thế giới vươn cánh tay thép khổng lồ, cầu lắp dầm hộp thép đúc sẵn nặng hàng ngàn tấn đặt chuẩn xác vào đúng vị trí.

📖 11 nét

HÁN VIỆT

ĐIỀU

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#212

调研

diàoyán

khảo sát nghiên cứu, điều tra nghiên cứu

国家战略科技专家组深入高新技术产业园区开展专题调研，精准把握关键核心技术产业链短板与突破口。

Guó jiā zhàn lǚ kē jì zhuān jiǎ zú shēn rù gāo xīn jì shù yǎn, jīng zhǔn bǎ wò guān jiàn hé xīn jì shù zhàn yě lián duǎn bǎn yú tū pò kǒu.

Tổ chuyên gia khoa học công nghệ chiến lược quốc gia đã đi sâu vào các khu công viên ngành công nghệ cao mới để triển khai điều tra nghiên cứu khảo sát nghiên cứu chuyên đề, nắm bắt chuẩn xác điểm yếu và đột phá khẩu của chuỗi ngành công nghệ lõi then chốt.

📖 22 nét

HÁN VIỆT

ĐIỀU NGHIÊN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#213

跌

diē

ngã

老师鼓励大家积极跌，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí diē, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực ngã, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 13 nét

HÁN VIỆT

TRƯỢT

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#214

定价

dìngjià

định giá, ấn định mức giá; mức giá quy định

国家医疗保障部门通过常态化药品集中带量采购与医保谈判，科学合理确定创新药品的医保支付定价。

Guó jiā yī liáo bǎo zhàng bù mén tóng guò cháng tài huà yào pìn jí zhōng dài liàng cǎi gòu yǔ yī bǎo tán pàn, kē xué hé lǐ què dìng chuàng xīn yào pìn de yī bǎo zhī fù dìng jià.

Cơ quan bảo hiểm y tế quốc gia thông qua đàm phán bảo hiểm y tế và mua sắm tập trung theo số lượng thuốc thường xuyên đã xác định mức giá định giá thanh toán bảo hiểm y tế của các loại thuốc đối mới sáng tạo một cách khoa học hợp lý.

📖 22 nét

HÁN VIỆT

ĐỊNH GIÁ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Phó từ / Tính từ

#215

定时

dìngshí

định giờ, hẹn giờ; đúng giờ định kỳ

深空探测飞控计算机能够精确执行毫秒级定时指令，自动精准控制姿态调整发动机的点火关机时间。

Shēn kōng tàn cè fēi kòng jì suàn jī néng gāo jīng dù zhǐ lǐng, zì dòng jīng zhǔn kòng zhì zì tài tiáo zhěng fā dòng jī de diǎn huǒ guān jī shí jiān.

Máy tính điều khiển bay thám trắc không gian sâu có thể chấp hành chuẩn xác các chỉ lệnh định giờ hẹn giờ cấp độ mili-giây, tự động điều khiển chuẩn xác thời gian tắt máy điểm hỏa của động cơ điều chỉnh tư thế.

📖 22 nét

HÁN VIỆT

ĐỊNH THỜI

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#216

定位

dìngwèi

định vị, xác định vị trí; định vị mục tiêu

我国完全自主建成的北斗全球卫星导航系统，为全球用户提供全天候、高精度、高可靠的定位与授时服务。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ jiàn chéng de běi dòu quán qiú wèi xīng dǎo háng xī tǒng, wèi quán qiú yòng hù tí gōng quán tiān hòu, gāo jīng dù, gāo kě kào de dìng wèi yǔ shòu shí fú wù.

Hệ thống vệ tinh định hướng Bắc Đẩu toàn cầu do nước ta hoàn toàn tự chủ xây dựng hoàn chỉnh cung cấp dịch vụ định thời và định vị xác định vị trí độ tin cậy cao, độ chính xác cao 24/7 cho người dùng trên toàn thế giới.

📖 17 nét

HÁN VIỆT

ĐỊNH VỊ



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#217

动画

dòng huà

hoạt hình, phim hoạt hình

国家重大科技工程科普团队运用高分辨率三维数字动画，生动直观还原了微观量子纠缠与黑洞吸积物理全过程。

Guó jiā zhòng dà kē jì gōng chéng kě pǔ tuán duì yùn yòng gāo fēn biān lǜ sān wéi shù zì dòng huà, shēng dòng zhí guān huán yuán le wēi guān liàng zì jiū chán yǔ hēi dòng xī jī wú lǐ quán guò chéng.

Đội ngũ phổ biến khoa học công trình khoa học công nghệ trọng đại quốc gia áp dụng hoạt hình phim hoạt hình kỹ thuật số 3D độ phân giải cao, tái hiện sinh động trực quan toàn bộ tiến trình vật lý bồi tụ hố đen và vướng víu lượng tử vì mô.

📖 24 nét

HÁN VIỆT · ĐỘNG HOA

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#218

都市

dū shì

đô thị, đại đô thị hiện đại

京津冀、长三角与粤港澳大湾区三大世界级现代化国际都市圈，成为了引领全国高质量发展的强劲增长极。

Jīng jīn jì, zhǎng sān jiǎo yǔ yuè gǎng ào dà wǎn qū sǎn dà shì jiè jí xiàn dài huà guó jì dū shì quān, chéng wéi le yǐn lǐng quán guó gāo zhì liàng fā zhǎn de qiáng jīng zēng zhǎng jí.

Ba đại đô thị quốc tế hiện đại hóa đẳng cấp thế giới gồm Bắc Kinh - Thiên Tân - Hà Bắc, Vùng đồng bằng sông Trường Giang và Vùng Vịnh Lớn Quảng Đông - Hồng Kông - Ma Cao đã trở thành cực tăng trưởng mạnh mẽ dẫn dắt sự phát triển chất lượng cao của cả nước.

📖 19 nét

HÁN VIỆT · ĐÔ THỊ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#219

斗争

dòu zhēng

đấu tranh, độ sức kiên cường

敢于斗争、敢于胜利，是党和人民不可战胜的强大精神力量，激励着我们在各种风浪考验中勇毅前行。

Gǎn yú dòu zhēng, gǎn yú shèng lì, shì dǎng hé rén mín bù kě zhàn shèng de qiáng dà jīng shén lì liàng, jī lì zhe wǒ men zài gè zhǒng fēng làng kǎo yàn zhōng yǒng yì qián xíng.

Dám đấu tranh, dám thắng lợi là nguồn sức mạnh tinh thần bất khả chiến bại của Đảng và nhân dân, khích lệ chúng ta dũng cảm kiên nghị tiến bước trong mọi thử thách phong ba bão táp.

📖 19 nét

HÁN VIỆT · ĐẤU TRANH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#220

毒品

dú pǐn

ma túy, chất ma túy gây nghiện

国家公安禁毒部门常态化开展边境缉毒扫毒专项行动，坚决将各类新型毒品封堵阻截在国门之外。

Guó jiā gōng ān jìn dú bù mén cháng huà kāi biān jīng jīn dú sǎo dú zhuān xiàng xíng dòng, jiǎn jué jiāng gè lèi xīn xíng dú pīn fēng dǔ zǔ jié zài guó mén zhī wài.

Cơ quan công an phòng chống ma túy quốc gia thường xuyên triển khai các đợt cao điểm chuyên đề phòng chống và truy quét ma túy vùng biên cương, kiên quyết phong tỏa ngăn chặn mọi loại ma túy mới ngay từ ngoài cửa ngõ đất nước.

📖 21 nét

HÁN VIỆT · ĐỘC PHẨM

HSK 6 (3.0)

Động từ

#221

赌

dǔ

đánh bạc, cá cược; đánh cược liều mạng

做科学研究必须秉持严谨求实、循序渐进的科学态度，容不得半点心存侥幸的盲目投机与孤注一掷豪赌。

Zuò kē xué yán jiū bì xū bǐng chí yán jìn qín shí, xún xù jiàn jìn de kē xué tài dù, róng bù dé bàn diǎn xīn cún jiǎo xìng de máng mù tóu jī yǔ gū zhù yí zhì háo dǔ.

Làm nghiên cứu khoa học bắt buộc phải giữ vững thái độ khoa học tuân tữ từng bước, cầu thị nghiêm cẩn, không thể dung thứ cho nửa điểm đánh cược cá cược liều mạng và đầu cơ mù quáng ôm tâm lý may rủi.

📖 11 nét

HÁN VIỆT · ĐỔ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#222

赌博

dǔ bó

đánh bạc, cờ bạc

国家司法机关依法严厉打击任何形式的跨境网络赌博与地下赌场，坚决斩断涉赌资金链与技术推广链。

Guó jiā sī fǎ jī guān yī fǎ yán lì dǎ jī rèn hé xíng shì de kuà jìng wǎng luò dǔ bó yǔ dì xià dǔ chǎng, jiǎn jué zhǎn duàn shè dǔ zī jīn lián yǔ jì shù tuī guǎng lián.

Cơ quan tư pháp quốc gia xử lý nghiêm minh theo quy định pháp luật mọi hình thức cờ bạc trực tuyến qua mạng xuyên biên giới và sông bạc ngầm, kiên quyết cắt đứt chuỗi dòng tiền và chuỗi cung ứng kỹ thuật liên quan đến cờ bạc.

📖 21 nét

HÁN VIỆT · ĐỔ BÁC

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#223

渡

dù

vượt sông, vượt qua gian nan; bến đò

面对复杂严峻的国际科技博弈形势，我们要坚定必胜信心、勇毅攻坚克难，携手共渡风雨难关。

Miàn duì fù zá yán jùn de guó jì kē jì bó yì xíng shì, wǒ men yào jiǎn dīng bì shèng xīn xìn, yǒng yì gōng gōng jiàn kè nán, xié shǒu gòng dù fēng yǔ nán guān.

Đứng trước cục diện độ sức khoa học công nghệ quốc tế phức tạp và gay gắt, chúng ta phải giữ vững niềm tin tất thắng, dũng cảm kiên nghị vượt qua khó khăn, cùng nhau vượt qua chèo chống qua gian nan mưa gió bão bùng.

📖 12 nét

HÁN VIỆT · ĐỘ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#224

端

duān

kết thúc

老师鼓励大家积极端，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí duān, yǒng yú tàn sù xīn zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực kết thúc, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 14 nét

HÁN VIỆT · ĐOAN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#225

端午节

Duān wǔ jié

Tết Đoan Ngọ (mùng 5 tháng 5 âm lịch)

每逢农历五月初五端午节，全国各地江河湖泊上百舸争流、龙舟竞渡，人们包粽子挂艾草寄托家国情怀。

Měi féng nóng lì wǔ yuè chū wǔ duān wǔ jié, quán guó gè dì jiāng hé hú pō shàng bǎi gě zhēng liú, lóng zhōu jìng dù, rén men bao zòng zi guà ài cǎo jì tuō jiā guó qīng huái.

Mỗi dịp Tết Đoan Ngọ mùng 5 tháng 5 âm lịch, trên các sông ngòi hồ đầm khắp cả nước hàng trăm chiến thuyền đua nhau vượt sóng, thuyền rồng rộn ràng đua tài, mọi người cùng gói bánh chưng bánh ú, treo lá ngải cứu gửi gắm tình cảm gia đình và quê hương đất nước.

📖 35 nét

HÁN VIỆT · ĐOAN NGỌ TIẾT



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#226

短片

duǎnpiàn

phim ngắn, video ngắn

在国际科技文化交流周开幕式上，组委会展映了一部展现青年科学家勇攀世界科技高峰的精彩纪实高清短片。

Zài guó jì kē jì wén huà jiāo lưu zhōu kāi mù shì shàng, zǔ wěi huì zhān yǐng le yí bù zhān xiàn qīng nián kē xué jiā yǒng pān shì jiè kē jì gāo fēng de jīng cǎi jì shí gāo qīng duǎn piàn.

Tại lễ khai mạc Tuần lễ Giao lưu Văn hóa Khoa học Công nghệ Quốc tế, ban tổ chức đã trình chiếu một bộ phim ngắn video clip tư liệu độ nét cao đặc sắc phổ biến các nhà khoa học trẻ tuổi dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học công nghệ thế giới.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: ĐOÀN PHIẾN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#227

队伍

duì wǔ

hàng ngũ, đội ngũ (quân đội, chuyên gia)

国家着力打造一支政治过硬、业务精湛、勇于担当的高素质专业化科技攻关骨干队伍。

Guó jiā zhù lì dǎ zào yí zhī zhèng zhì guò yìng, yè wù jīng zhàn, yǒng yú dān dāng de gāo sù zhì zhuān yè huà kē jì gōng guān gǔ gàn duì wǔ.

Nhà nước dốc sức tối luyện xây dựng một đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học công nghệ nòng cốt chuyên nghiệp chất lượng cao có bản lĩnh chính trị vững vàng, nghiệp vụ tinh thông và dám nghĩ dám làm dũng cảm gánh vác.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: ĐỘI NGŨ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#228

对抗

duì kàng

đối kháng, chống cự, đối đầu

在国际多边事务中，坚决反对搞封闭排他的小圈子与阵营对抗，积极倡导真正的多边主义与团结合作。

Zài guó jì duō biān shì wù zhōng, jiān jué fǎn duì gāo fēng bì pái tā de xiǎo quān zì yǔ zhēn yíng duì kàng, jī jí chàng dǎo zhēn zhèng de duō biān zhǔ yì yǔ tuán jié hé zuò.

Trong các vấn đề đa phương quốc tế, kiên quyết phản đối việc dựng lên các vòng tròn khép kín bài ngoại và đối đầu phe phái, tích cực đề xướng chủ nghĩa đa phương chân chính và đoàn kết hợp tác.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: ĐỐI KHÁNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#229

对外

duì wài

đối ngoại, hướng ra bên ngoài

我国坚定不移推进高水平对外开放，深度融入全球科技创新网络，积极发起和牵头组织国际大科学计划。

Wǒ guó jiān dìng tuī jìn gāo suǒ duì wài kāi fàng, shēn dù róng rù quán qiú kē jì chuàng xīn wǎng luò, jī jí fā qǐ hé qiān tóu zǔ zhī guó jì dà kē xué jì huà.

Nước ta kiên định không ngừng thúc đẩy mở cửa đối ngoại hướng ra bên ngoài trình độ cao, hội nhập sâu sắc vào mạng lưới đối mở sáng tạo khoa học công nghệ toàn cầu, tích cực phát động và chủ trì tổ chức các kế hoạch khoa học lớn quốc tế.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: ĐỐI NGOẠI

HSK 6 (3.0)

Động từ

#230

蹲

dūn

ngồi xổm, ngồi thụp xuống

植物学家蹲在森林湿地边，手持放大镜专注观察着一株极其珍稀的地衣植物标本。

Zhí wù xué jiā dūn zài sēn lín shī dì biān, shǒu chí fàng dà jìng zhuān zhù guān chá zhe yí zhū jí qí zhēn xī de dì yī zhí wù biāo běn.

Nhà thực vật học ngồi xổm bên mép vùng đất ngập nước trong rừng, tay cầm kính lúp chăm chú quan sát một mẫu thực vật địa y vô cùng quý hiếm.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: TỒN

HSK 6 (3.0)

Phó từ / Danh từ

#231

多半

duō bàn

phần nhiều, hầu như, phần lớn

根据多源卫星遥感与高精度动力学模型推演，该热带低压多半会在未来二十四小时内进一步增强为强台风。

Gēn jù duō yuán wèi xīng yáo gǎn yǔ gāo jīng dù dòng lì xué mó xíng tuī yǎn, gāi rè dài yā duō bàn huì zài wèi lái èr shí sì xiǎo shí nèi jìn yí bù zēng qiáng wéi qiáng tái fēng.

Căn cứ vào suy diễn mô hình động lực học độ chính xác cao và viễn thám vệ tinh đa nguồn, vùng áp thấp nhiệt đới này phần nhiều hầu như chắc chắn sẽ mạnh lên thành bão mạnh trong vòng 24 giờ tới.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: ĐA BẢN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#232

多方面

duō fāng miàn

nhiều phương diện, đa phương diện, nhiều mặt

国家从科研经费投入、人才税收优惠与成果转化激励等多方面出台有力举措，全面激发全社会创新创造活力。

Guó jiā cóng kē yán jīng fèi tóu rù, rén cái shuì shuǐ yōu huì yǔ chéng guǒ zhuǎn huà jī lì děng duō fāng miàn chū tái yǒu lì jǔ cuò, quán miàn jī fā quán shè huì chuàng xīn chuàng zào huó lì.

Nhà nước từ nhiều mặt nhiều phương diện đa phương diện như khích lệ chuyển hóa thành quả, ưu đãi thuế nhân tài và đầu tư kinh phí nghiên cứu khoa học đã ban hành các giải pháp đặc lực, khơi dậy toàn diện sức sống sáng tạo đối mới toàn xã hội.

📖 31 nét

HÁN VIỆT: ĐA PHƯƠNG DIỆN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#233

多媒体

duō méi tǐ

đa phương tiện, multimedia

国家数字科技馆运用全息互动多媒体技术，让广大青少年身临其境感受深空探测与微观物理的神奇奥秘。

Guó jiā shù zì kē jiǎng yùn yòng quán yǐn yòng quán xī hù dòng duō méi tǐ jì shù, ràng guǎng dà qīng nián shēn lín qí jìng gǎn shòu shēn kōng tàn cè yǔ wēi guān wù lǐ de shén qí ào mì.

Bảo tàng Khoa học Công nghệ Kỹ thuật số Quốc gia ứng dụng công nghệ đa phương tiện đa phương tiện tương tác hologram, giúp đông đảo thanh thiếu niên được đích thân cảm nhận những điều huyền bí kỳ diệu của vật lý vi mô và thăm trức không gian sâu.

📖 30 nét

HÁN VIỆT: ĐA MÔI THỂ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#234

夺

duó

đoạt lấy, giành lấy, cướp lấy; vượt lên

在世界技能大赛数控精密加工项目中，我国青年大国工匠沉着迎战，一举夺得全球总冠军金牌。

Zài shì jiè jì néng dà sàì shù kòng jīng mì jiā gōng xiàng mù zhōng, wǒ guó qīng nián dà guó gōng jiàng chén zhuó yíng zhàn, yí jǔ duó de quán quán zòng guān jūn jīn pǎi.

Tại nội dung thi gia công chính xác điều khiển số (CNC) của Cuộc thi Kỹ năng Thế giới, người thợ bậc thầy nước lớn trẻ tuổi của nước ta đã bình tĩnh thi đấu, một mạch giành lấy đoạt lấy tấm huy chương vàng quán quân toàn cầu.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: ĐOẠT


HSK 6 (3.0)

Động từ

#235

夺取

duóqǔ

giành lấy, đoạt lấy, giành thắng lợi

我们要发扬敢打硬仗、能打胜仗的拼搏精神，坚决夺取关键核心技术自主攻坚战的全面胜利。

Wǒ men yào fā yáng gǎn dǎ yìng zhàng, néng dǎ shèng zhàng de pīn bó jīng shén, jiān jué duó qǔ guān jiàn hé xīn jī shù zì zhǔ gōng jīn zhàn de quán miàn shèng lì.

Chúng ta phải phát huy tinh thần phấn đấu dám đánh trận khó, có thể đánh thắng trận, kiên quyết đoạt lấy giành lấy thắng lợi toàn diện của trận đánh lớn tự chủ vượt khó công nghệ lõi then chốt.

17 nét

HÁN VIỆT: ĐOẠT THỦ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#236

恩人

ēnrén

ân nhân, người có ơn cứu mạng

在抗洪抢险一线，被困群众紧紧拉着人民子弟兵应急救援队的手，热泪盈眶地连声道谢救命恩人。

Zài kàng hóng qiǎng xiǎn yī xiàn, bèi kùn qún zhòng jīn jīn lā zhe rén mǐn zǐ dì bīng yìng jí jiù yuán duì yuán de shǒu, rè lèi yíng kuàng dì lián shēng dào xiè jiù mìng ēn rén.

Nơi tuyến đầu chống lũ cứu hộ, bà con nhân dân bị mắc kẹt nắm chặt lấy tay các chiến sĩ cứu nạn khẩn cấp bộ đội con em nhân dân, nước mắt rưng rưng xúc động liên tục nói lời cảm ơn người có ơn ân nhân cứu mạng.

23 nét

HÁN VIỆT: ÂN NHÂN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#237

儿科

érkē

khoa nhi, nhi khoa

国家儿童医学中心依托人工智能与基因测序技术，在儿科罕见遗传病精准诊断与个性化治疗上取得重大突破。

Guó jiā ér tóng yī xué zhōng xīn yī tuō rén gōng zhì néng yǐ jī yīn cè xù jì shù, zài ér kē hǎn jiàn yí chuán bǐng jīng zhūn zhěn duàn yǔ gè xìng huà zhì liáo shàng qǔ dé zhòng dà tū pò.

Trung tâm Y học Trẻ em Quốc gia dựa vào công nghệ giải trình tự gen và trí tuệ nhân tạo đã đạt được đột phá trọng đại trong điều trị cá thể hóa và chẩn đoán chuẩn xác các bệnh di truyền hiếm gặp ở khoa nhi nhi khoa.

18 nét

HÁN VIỆT: NHÂN KHOA

HSK 6 (3.0)

Động từ

#238

发病

fābìng

phát bệnh, khởi phát bệnh, bùng phát bệnh

科研团队深入解析了阿尔茨海默病在微观神经突触层面的早期分子发病机制，为研发靶向新药提供了全新靶点。

Kē yán tuán duì shēn rù jiě xī le Ā ěr cí hǎi mò bìng zài wēi guān shén jīng tǔ chù céng miàn de zǎo qī fēn zǐ fā bìng jī zhī, wèi yán fā bǎ xiàng xiān yào tí gòng le quán xīn bǎ diǎn.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học đã phân tích sâu sắc cơ chế phát bệnh khởi phát bệnh phân tử giai đoạn sớm ở cấp độ synap thần kinh vi mô của bệnh Alzheimer, mang lại đích tác động hoàn toàn mới cho việc nghiên cứu phát triển thuốc mới nhằm trúng đích.

18 nét

HÁN VIỆT: PHÁT BỆNH

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#239

发电

fādiàn

phát điện, sản xuất điện năng; đánh điện tín

全球单机容量最大十六兆瓦海上风电机组在东海海域成功并网发电，年发电量可满足数万户家庭用电需求。

Quán qiú dān jī róng liàng zuì dà shí liù zhào wǎ hǎi shàng fēng diàn jī zǔ zài dōng hǎi yù chéng gōng bìng wǎng fā diàn, nián fā diàn liàng kě mǎn zú shù wàn hù jiā tíng yòng diàn xū qiú.

Tổ máy phát điện điện gió ngoài khơi 16 MW công suất đơn máy lớn nhất toàn cầu đã hòa lưới phát điện thành công tại vùng biển Đông Hải, sản lượng điện hàng năm có thể đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của hàng vạn hộ gia đình.

21 nét

HÁN VIỆT: PHÁT ĐIỆN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#240

发放

fāfàng

phát cấp, chi trả, phân phát (tiền/học bổng)

国家全面落实对青年战略科技拔尖人才的精准支持，足额按时发放国家优秀青年科学基金专项资助经费。

Guó jiā quán miàn luò shí duì qīng nián zhàn lüè kē jì bǎ jiān rén cái de jīng zhǔn zhī chí, zú é àn shí fā fàng guó jiā yōu xiù qīng nián kē xué jī jīn zhuān xiàng zī zhù jīng fèi.

Nhà nước thực thi toàn diện sự hỗ trợ chuẩn xác đối với nhân tài xuất chúng khoa học công nghệ chiến lược thanh niên, chi trả phân phát phát cấp kịp thời đầy đủ kinh phí tài trợ chuyên án Quỹ Khoa học Thanh niên Xuất sắc Quốc gia.

22 nét

HÁN VIỆT: PHÁT PHÓNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#241

发怒

fānù

nổi giận, phát cáu, dưng dưng nổi giận

在面对复杂的工程技术分歧时，总设计师始终保持沉着冷静与从容气度，决不因意见相左而轻易发怒。

Zài miàn duì fù zá de gōng chéng jì shù fēn qí shí, zǒng shè jī shǐ shì zhì zhōng báo chí chén zhuō lèng jìng yǔ cóng róng qì dù, jué bù yīn yì jiàn xiāng zuǒ ér qīng yì fā nù.

Khi đứng trước những bất đồng kỹ thuật công trình phức tạp, vị tổng công trình sư luôn giữ vững phong thái điềm tĩnh ung dung và bình tĩnh, tuyệt đối không vì ý kiến trái chiều mà tùy tiện phát cáu nổi giận.

21 nét

HÁN VIỆT: PHÁT NỘ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#242

发起

fāqǐ

khởi xướng, phát động, khởi xướng tổ chức

中国科学院联合全球多个顶尖学术机构共同发起国际深空探测联合科学计划，推动全人类和平探索宇宙。

Zhōng guó kē xué yuán lián hé quán qiú duǒ gè dīng jiān xué shù jī gòu gòng tóng fā qǐ guó jì shēn kōng tàn cè lián hé kē xué jì huà, tuī dòng quán rén lèi hé píng tàn sù yǔ zhòu.

Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc liên kết cùng nhiều cơ quan học thuật hàng đầu toàn cầu cùng nhau phát động khởi xướng Kế hoạch Khoa học Liên hợp Thăm trắc Không gian Sâu Quốc tế, thúc đẩy toàn nhân loại thám hiểm vũ trụ vì hòa bình.

22 nét

HÁN VIỆT: PHÁT KHỞI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#243

发言人

fāyánrén

người phát ngôn, phát ngôn viên chính thức

国家航天局新闻发言人在中外记者发布会上庄重宣布，我国新一代载人月球探测工程已全面进入实施阶段。

Guó jiā háng tiān jù xīn wén fā yán rén zài zhōng wài jì zhě fā bù huì shàng zhuāng zhòng xuān bù, wǒ guó xīn yí dài zài rén yuè qiú tàn cè gōng chéng yì quán miàn jìn rù shí shī jìe duàn.

Người phát ngôn phát ngôn viên báo chí Cục Vũ trụ Quốc gia tại buổi họp báo phóng viên trong và ngoài nước đã trang trọng tuyên bố rằng công trình thám trắc Mặt Trăng có người lái thế hệ mới của nước ta đã bước vào giai đoạn thực thi toàn diện.

33 nét

HÁN VIỆT: PHÁT NGÔN NHÂN



HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#244

发炎

fā yán

viêm, sưng viêm, phát viêm

在术后康复期间，医护人员定时细致观察创口愈合情况，并采用新型纳米抗菌敷料有效防止伤口发炎感染。

Zài shù hòu kāng fù qī jiān, yī hù rén yuán dīng shí xī zhì guān chá chuāng kǒu yù hé qīng kuàng, bìng cǎi yòng xīn xíng nà mǐ kàng jūn fù liào yǒu xiào fáng zhǐ shāng kǒu fā yán gān rǎn.

Trong thời gian phục hồi sau phẫu thuật, đội ngũ y tế định kỳ quan sát tỉ mỉ tình trạng lành vết mổ, đồng thời áp dụng băng gạc nano kháng khuẩn kiểu mới để ngăn ngừa vết thương sưng viêm nhiễm trùng hiệu quả.

20 nét

HÁN VIỆT: PHÁT VIÊM

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#245

法庭

fǎ tíng

tòa án, phiên tòa, phòng xét xử
pháp đình

国家知识产权法庭依法审理重大涉高新技术发明专利侵权纠纷，坚决保护科技创新主体的合法权益。

Guó jiā zhī shǐ chán quán fǎ tíng yī fǎ shěn lǐ zhòng dà shè gāo xīn jì shù fā míng zhuan lì qīn quán jiū fēn, jiǎn jué bǎo hù kē jì chuàng xīn zhǔ tǐ de hé fǎ quán yì.

Tòa án Tòa án Sở hữu Trí tuệ Quốc gia theo quy định của pháp luật đã xét xử các vụ tranh chấp xâm phạm bằng sáng chế phát minh liên quan đến công nghệ cao trọng đại, kiên quyết bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của các chủ thể đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ.

20 nét

HÁN VIỆT: PHÁP ĐÌNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ riêng

#246

法语

Fǎ yǔ

tiếng Pháp

在联合国多边国际科学合作论坛上，同声传译系统实现了中文、英语与法语等多语种的秒级高精度实时互译。

Zài lián hé guó duō biān guó jì kē xué hé zuò lùn tán shàng, tóng shēng chuán yì xì tǒng shí xiàn le zhōng wén, yīng yǔ yǔ fǎ yǔ děng duō yǔ zhǒng de miǎo jí gāo jīng dù shí shí hù yì.

Tại Diễn đàn Hợp tác Khoa học Quốc tế Đa phương Liên Hợp Quốc, hệ thống dịch cabin song song đã thực hiện dịch thuật chuẩn xác thời gian thực cấp độ giây giữa nhiều ngôn ngữ như tiếng Pháp, tiếng Anh và tiếng Trung.

19 nét

HÁN VIỆT: PHÁP NGỮ

HSK 6 (3.0)

Lượng từ / Động từ

#247

番

fān

lần, phen, hồi (trận); gấp bội (lần)

经过几代科技工作者数十年如一日的艰苦一番番接力探索，我国空间遥感成像分辨率实现了质的跨越式跃升。

Jīng guò jǐ dài kē jì gōng zuò zhě shù shí nián rú yī rì de jiān kǔ yī fān fān jiē lì tàn suǒ, wǒ guó kōng jiān yáo gǎn chéng xiàng fēn biān lǜ shí xiàn le zhì de kuà yuè shì yuè shēng.

Trải qua biết bao phen tiếp sức kiếm tìm gian nan dang dằng hàng chục năm như một của nhiều thế hệ cán bộ khoa học công nghệ, độ phân giải chụp ảnh viễn thám không gian của nước ta đã đạt được bước nhảy vọt vượt bậc về chất.

8 nét

HÁN VIỆT: PHAN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#248

番茄

fān qié

cà chua, quả cà chua

在航天生态生保系统太空植物栽培舱内，航天员成功培育采摘出了鲜嫩多汁的太空航天育种樱桃番茄。

Zài háng tiān shēng tài shēng bǎo xì tǒng tài kōng zhī wú zāi péi cāng nèi, háng tiān yuán chéng gōng péi yù cái zhāi chū le xiān nèn duō zhī de tài kōng háng tiān yù zhòng yīng táo fān qié.

Bên trong khoang canh tác thực vật không gian của hệ thống sinh thái bảo đảm sinh mạng hàng không vũ trụ, các phi hành gia đã nhân giống trồng trọt thu hoạch thành công quả cà chua cà chua bí nhân giống vũ trụ tưới mọng nước.

19 nét

HÁN VIỆT: PHAN GIA

HSK 6 (3.0)

Phó từ / Liên từ

#249

凡是

fán shì

hễ là, phàm là, bất cứ

凡是有利于保护生态环境与增进民生福祉的惠民举措，政府都将不遗余力地大力推进。

Fán shì yǒu lì yú bǎo hù shēng tài huán jīng yǔ zēng jìn mǐn shēng fú zhǐ de huì mǐn jǔ cuò, zhèng fǔ dōu jiāng bù yí yú lì dì dà lì tuī jìn.

Bất cứ chủ trương vì dân nào có lợi cho việc bảo vệ môi trường sinh thái và nâng cao phúc lợi đời sống nhân dân, chính phủ đều sẽ dốc toàn lực đẩy mạnh thực hiện.

19 nét

HÁN VIỆT: PHẠM THÌ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#250

繁殖

fán zhí

sinh sản, nhân giống, sinh sôi nảy nở

通过攻克野生动物人工受精与胚胎移植关键技术，我国珍稀濒危物种朱鹮与人工繁育大熊猫种群规模实现了稳步扩大。

Tōng guò gōng kè yě shēng dòng wù rén gōng féi shuō yǔ tāi zhuān yí shí guān jiàn jì shù, wǒ guó zhēn xī bīn wēi wù zhǒng zhū huán yǔ rén gōng fán yù dà xióng mào zhǒng qún guī mó shí xiàn le wěn bù kuò dà.

Nhờ vào việc chinh phục các công nghệ then chốt về thụ tinh nhân tạo và cấy ghép phôi cho động vật hoang dã, quy mô quần thể loài chim cò quăm mào và gấu trúc lớn nhân giống nhân tạo quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng nước ta đã tăng trưởng mở rộng ổn định.

22 nét

HÁN VIỆT: PHỒN THỰC

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#251

反抗

fǎn kàng

phản kháng, kháng cự, vùng lên
chống lại

在近代全民族救亡图存的英勇斗争中，中华儿女面对外敌入侵进行了不屈不挠、惊天动地的顽强反抗。

Zài jìn dài quán mín zì jiù wáng tú cún de yīng yǒng dòu zhēng zhōng, zhōng huá ér nǚ miàn duì wài dí rù qín jìn xíng le bù qū bù náo, jīng tiān dòng dì de wán qiáng fǎn kàng.

Trong cuộc đấu tranh anh dũng cứu nước cứu đời của toàn dân tộc thời cận đại, những người con đất nước đứng trước quân thù ngoại bang xâm lược đã tiến hành cuộc phản kháng ngoan cường bất khuất rung chuyển trời đất.

25 nét

HÁN VIỆT: PHẢN KHÁNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#252

反问

fǎn wèn

hỏi vặn lại, chất vấn ngược lại, câu hỏi tu từ

面对外媒记者的无理刁难挑衅，外交部发言人以无可辩驳的历史事实一连进行了有力的连续反问，令对方哑口无言。

Miàn duì wài méi jì zhě de wú lǐ diāo nàn tiǎo xīn, wài jiāo bù fā yán rén yǐ wú kě biàn bó de lì shǐ shì shí yǐ liǎn jìn xíng le yǒu lì de lián xù fǎn wèn, lìng duì fāng yǎ kǒu wú yán.

Đứng trước sự gây khó dễ khiêu khích vô lý của phóng viên báo chí nước ngoài, người phát ngôn Bộ Ngoại giao bằng những sự thật lịch sử không thể chối cãi đã liên tục đặt ra những câu hỏi vặn lại đầy danh thép, khiến đối phương phải cứng họng không nói nên lời.

22 nét

HÁN VIỆT: PHẢN VẤN


HSK 6 (3.0)

Danh từ

#253

反响

fǎnxiǎng

tiếng vang, phản hồi phản ứng của dư luận

我国科研团队在超导量子计算领域取得的颠覆性原创突破在国际顶级学术界引起了极其热烈的强烈反响。

Wǒ guó kē yán tuán dui zài dàochāo liàng zì jì suàn lǐng yù qū dé de diǎn fù xīng yuán chuàng tūng pò zài guó jì dǐng jí xué shù jiè yǐn qǐ le jí rě liè de qíng liè fǎn xiǎng.

Bước đột phá nguyên tác mang tính cách mạng mà đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta đạt được trong lĩnh vực tính toán lượng tử siêu dẫn đã tạo nên tiếng vang phản hồi vô cùng sôi nổi và mãnh liệt trong giới học thuật đỉnh cao quốc tế.

23 nét

 HÁN VIỆT: **PHẢN HƯỞNG**
HSK 6 (3.0)

Động từ

#254

犯

fàn

phạm phải, mắc phải; xúc phạm xâm phạm

在精密航天发射工程中，我们必须坚持极端严谨科学的态度，坚决做到防微杜渐，绝不犯低级粗心的技术错误。

Zài jīng mì háng tiān fā shè gōng chéng zhōng, wǒ men bì xū jiǎn chí jí duǎn yán jīn kē xué de tài dù, jiǎn jué zuò dào fáng wēi dù jiàn, jué bù fàn dī jí cū xīn de jì shù cuò wù.

Trong công trình phóng hàng không vũ trụ chính xác, chúng ta bắt buộc phải giữ vững thái độ khoa học cực kỳ nghiêm cẩn, kiên quyết phòng ngừa từ những việc nhỏ nhất, tuyệt đối không mắc phải phạm phải những sai lầm kỹ thuật cầu thủ sơ đẳng.

9 nét

 HÁN VIỆT: **PHẠM**
HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#255

犯规

fànguī

phạm quy, phạm luật (trong thi đấu/quy chế)

在国际机器人智能足球锦标赛中，视觉算法裁判系统能够毫秒级精准识别并判定机器人的任何越界与碰撞犯规。

Zài guó jī qì rén zhì néng zú qiú jīn biāo sài zhōng, shì jué suàn fǎ cái pàn xì tǒng néng gòu háo miǎo jí jīng zhǔn shí bié bìng pàn dīng jī qì rén de rèn hé yuè jiè yǔ pèng zhuàng fàn guī.

Tại Giải Vô địch Bóng đá Thông minh Robot Quốc tế, hệ thống trọng tài thuật toán thị giác có thể nhận diện và phán định chuẩn xác cấp độ mili-giây bất kỳ lỗi va chạm và vi phạm quy phạm luật nào của robot.

19 nét

 HÁN VIỆT: **PHẠM QUY**
HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#256

犯罪

fànzui

phạm tội, hành vi phạm tội phạm pháp

国家公安网安部门运用大数据与人工智能深度分析技术，依法严厉打击跨境电信网络诈骗等新型违法犯罪。

Guó jiā gōng ān wǎng ān bù yùn yòng dà shù jù yǔ rén gōng zhì néng shēn dù fēn xī jì shù, yī fǎ yán lì dǎ jī kuà jìng diàn xìn wǎng luò zhà piàn dēng xīn xíng wéi fǎ fàn zuì.

Lực lượng an ninh mạng công an quốc gia áp dụng công nghệ phân tích sâu trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn, kiên quyết xử lý nghiêm theo pháp luật các hành vi phạm tội phạm kiểu mới như lừa đảo mạng viễn thông xuyên biên giới.

22 nét

 HÁN VIỆT: **PHẠM TỘI**
HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#257

防范

fángfàn

phòng ngừa, đề phòng, phòng bị rủi ro

我们要全面强化底线思维，有效防范和化解人工智能等新兴前沿科技发展中可能伴生的伦理与安全风险。

Wǒ men yào quán miàn qiáng huà dǐ xiàn sī wéi, yǒu xiào fáng fàn hé huà jiě rén gōng zhì néng děng xīn xíng qián yán kē jì fā zhǎn zhōng kě néng bàn shēng de lǚ lǐ yǔ ān quán fēng xiǎn.

Chúng ta phải tăng cường toàn diện tư duy lẫn ranh độ, hóa giải và phòng ngừa phòng bị để phòng hiệu quả các rủi ro an toàn và đạo đức có thể nảy sinh kèm theo trong sự phát triển của công nghệ tiên phong mới nổi như trí tuệ nhân tạo.

24 nét

 HÁN VIỆT: **PHÒNG PHẠM**
HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#258

防守

fángshǒu

phòng thủ, phòng ngự, giữ chốt

国家网络安全防护体系构建了全天候纵深动态防御矩阵，牢牢守住了关键信息基础设施与金融数据安全的坚固防守防线。

Guó jiā wǎng luò ān quán fáng hù tǐ xì gòu jiàn le quán tiān hòu zòng shēn dòng tài fáng yù jǔ zhēn, láo láo shǒu zhù le guān jiàn xìn xī zhǔ shē shì yǔ jīn róng shù jù ān quán de jiān gù fáng shǒu fáng xiǎn.

Hệ thống bảo vệ an ninh mạng quốc gia đã xây dựng ma trận phòng ngự động thái theo chiều sâu suốt 24/7, giữ vững chắc chắn phòng tuyến phòng thủ kiên cố bảo vệ cơ sở hạ tầng thông tin trọng yếu và an toàn dữ liệu tài chính.

25 nét

 HÁN VIỆT: **PHÒNG THỦ**
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#259

房价

fángjià

giá nhà ở, giá bất động sản nhà đất

国家坚持“房子是用来住的、不是用来炒的”定位，因城施策统筹做好保交楼与稳房价稳预期工作。

Guó jiā jiān chí "fáng zǐ shì yòng lái zhù de, bú shì yòng lái chǎo de" dìng wèi, yīn chéng shì cè tǒng chóu zuò hào bào jiāo lóu yǔ wěn fáng jià wěn yù qī gōng zuò.

Nhà nước kiên trì định vị 'Nhà là để ở, không phải để đầu cơ lướt sóng', tùy theo tình hình từng thành phố để điều hành đồng bộ làm tốt công tác ổn định kỳ vọng, ổn định giá nhà ở giá nhà và bảo đảm bàn giao nhà.

22 nét

 HÁN VIỆT: **PHÒNG GIÁ**
HSK 6 (3.0)

Phó từ

#260

仿佛

fǎng fú

dường như, tựa như, ngỡ như

漫步在雨后烟波浩渺的江南古镇石板路上，空气中弥漫着丁香花香，仿佛置身于水墨画卷之中。

Màn bù zài yǔ hòu yān bō hào miǎo de jiāng nán gǔ zhèn shí bǎn lù shàng, kōng qì zhōng mǐ máng zhe dīng xiāng huā xiāng, fǎng fú zhì shēn yú shuǐ mò huà juǎn zhī zhōng.

Đạo bước trên con đường lát đá của thị trấn cổ Giang Nam khỏi sương mờ ảo sau cơn mưa, không gian thoáng thoang hương hoa đinh hương, ngỡ như đang lạc bước giữa một bức tranh thủy mặc hữu tình.

17 nét

 HÁN VIỆT: **PHÒNG PHẬT**
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#261

飞船

fēichuán

tàu vũ trụ, phi thuyền không gian

神舟载人飞船与天和核心舱在浩瀚太空中顺利完成全自主快速交会对接，航天员乘组从容入驻空间站。

Shén zhōu zài rén fēi chuán yǔ tiān hé hé xīn cāng zài hào hàn tài kōng zhōng shùn lì wán chéng quán zì zhǔ kuài sù jiāo huì duì jiē, háng tiān yuán chéng zǔ cóng róng rù zhù kōng jiān zhàn.

Tàu vũ trụ phi thuyền có người lái Thần Châu và khoang cốt lõi Thiên Hòa đã hoàn thành thuận lợi việc ghép nối giao hội nhanh hoàn toàn tự chủ giữa vũ trụ bao la, phi hành đoàn ung dung tiến vào trạm vũ trụ.

23 nét

 HÁN VIỆT: **PHI THUYỀN**



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#262

飞行员

fēixíngyuán

phi công, người lái máy bay

我国新一代隐身隐形歼击机试飞员凭借精湛绝伦的飞行技艺与过人胆魄，圆满完成各项极端工况试飞极限科目。

Wǒ guó xīn yí dài yǐn shēn yǐn xíng jiān jī jī shì fēi yuán píng jié jīng zhàn jué lún de fēi xíng jì yì yǔ guò rén dǎn pò, yuán mǎn wán chéng gè xiàng jí duān gōng kuàng shì fēi jì xiàn kē mù.

Phi công người lái máy bay bay thử dòng máy bay tiêm kích tàng hình thế hệ mới của nước ta nhờ vào lòng can đảm phi thường và kỹ năng bay tuyệt đỉnh đã hoàn thành mỹ mãn các hạng mục thử nghiệm bay giới hạn điều kiện làm việc cực đoan.

35 nét

HÁN VIỆT: PHI HÀNG VIÊN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#263

肺

fèi

phổi

广袤茂密的原始森林被称为“地球之肺”，在吸收二氧化碳与维持全球碳氧平衡中发挥着核心作用。

Guǎng mào mào mì de yuán shǐ sēn lín bèi chēng wéi "dì qiú zhī fèi", zài xī shōu èr yǎng huà tàn yǔ wéi chí quán qiú tàn yǎng píng héng zhōng fā huī zhōng fā huī zhe hé xīn zuò yòng.

Những cánh rừng nguyên sinh bạt ngàn rậm rạp được mệnh danh là 'Lá phổi xanh của Trái Đất', giữ vai trò cốt lõi trong việc hấp thụ khí CO2 và duy trì sự cân bằng carbon - oxy toàn cầu.

13 nét

HÁN VIỆT: PHẾ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#264

分工

fēngōng

phân công, phân chia nhiệm vụ công việc

在大科学工程协同攻关中，各跨学科子团队明确职责分工、紧密协作配合，汇聚成了强大的创新攻坚合力。

Zài dà kē xué gōng chéng xié tóng gōng guān zhōng, gè kuà xué kē zī tuán duì míng què zhí zé fēn gōng, jīn mǐ xié zuò pèi hé, huì jù chéng le qiáng dà de chuāng xīn gōng jīn hé lì.

Trong công tác vượt khó hiệp đồng công trình khoa học lớn, các nhóm con liên ngành xác định rõ ràng phân công phân chia nhiệm vụ trách nhiệm, phối hợp cộng tác chặt chẽ, quy tụ thành sức mạnh hợp lực vượt khó đối mỗi sáng tạo hùng hậu.

27 nét

HÁN VIỆT: PHÂN CÔNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#265

分裂

fēn liè

phân chia, phân bào; chia rẽ, phân liệt

国家主权、安全和领土完整神圣不可侵犯，全党全军全国各族人民坚决粉碎一切企图分裂国家的图谋与行径。

Guó jiā zhǔ quán, ān quán hé lǐng tǔ wán zhěng shén shèng bù kě qīn fàn, quán dǎng quán jūn quán rén jiān jué fēn suī yì qīè qī tú fēn liè guó jiā de tú móu yǔ xíng jīng.

Chủ quyền, an ninh và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia là thiêng liêng bất khả xâm phạm, toàn Đảng, toàn quân và nhân dân các dân tộc trên cả nước kiên quyết đập tan mọi mưu toan và hành vi hòng chia rẽ đất nước.

24 nét

HÁN VIỆT: PHÂN LIỆT

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#266

愤怒

fèn nù

phẫn nộ, căm phẫn, giận dữ

目睹不法分子肆意破坏国家重点保护珍稀动物的恶劣行径，现场群众感到无比愤怒。

Mù dǔ bù fǎ fēn zǐ sī yì pò huài guó jiā zhòng diǎn bǎo hù zhēn xī wén wù de è liè xíng jīng, xiàng chāng qún zhòng gǎn dào wú bǐ fèn nù.

Tận mắt chứng kiến hành vi xấu xa của những kẻ bất lương ngang nhiên phá hoại các cổ vật quý hiếm được bảo vệ trọng điểm của quốc gia, người dân có mặt tại hiện trường vô cùng phẫn nộ.

23 nét

HÁN VIỆT: PHẪN NỘ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#267

风暴

fēng bào

cơn bão, phong ba bão táp; làn sóng biến động

面对突如其来的全球金融海啸与经贸风暴，我国依托超大规模国内市场与强大韧性经受了严峻考验。

Miàn duì tū rú qí lái de quán qiú jīn róng hǎi xiào yǔ jīng mào fēng bào, wǒ guó yī tuō chāo dà mó guó nèi shì chǎng yú qiáng dà rèn xíng jīng shòu zhǔ le yán jùn kǎo yàn.

Đứng trước cơn sóng thần tài chính và cơn bão kinh tế thương mại toàn cầu ập đến bất ngờ, nước ta dựa vào thị trường nội địa siêu quy mô và sức bền dẻo dai mạnh mẽ đã vượt qua kỳ sát hạch thử thách gay gắt.

18 nét

HÁN VIỆT: PHONG BẠO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#268

峰会

fēnghuì

hội nghị thượng đỉnh, hội nghị cấp cao

在世界科技创新峰会上，全球五十多个国家的顶尖科学家共同签署了人类开放科学前沿合作倡议。

Zài shì jiè kē jī chuāng xīn fēng huì kǎi mù shì shàng, quán qiú wú shí duō gè guó jiā de dīng jiān kē xué jiā gòng tóng qiān shù le rén lèi kāi fàng kē xué qián yán hé zuò cháng yì.

Tại lễ khai mạc Hội nghị Thượng đỉnh Hội nghị cấp cao Đối mới Sáng tạo Khoa học Công nghệ Thế giới, các nhà khoa học hàng đầu từ hơn 50 quốc gia trên toàn cầu đã cùng ký kết Sáng kiến Hợp tác Tiên phong Khoa học Mở Nhân loại.

28 nét

HÁN VIỆT: PHONG HỘI

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#269

奉献

fèng xiàn

cống hiến, hiến dâng, phụng hiến

无数乡村教师与基层医务工作者将青春与汗水无私奉献给了偏远山区的教育和医疗卫生事业。

Wú shù xiāng cūn jiāo shī yǔ jī céng yī wù gōng zuò zhě jiāng qīng chūn yǔ hàn shuǐ wú sī fèng xiàn gěi le piān yuǎn shān qū de jiàoyù yǔ yī liáo wèi shēng shì yè.

Biết bao thầy cô giáo cảm bàn và nhân viên y tế cơ sở đã không tiếc thanh xuân và mồ hôi vô tư cống hiến cho sự nghiệp y tế chăm sóc sức khỏe và giáo dục nơi vùng núi cao xa xôi hẻo lánh.

20 nét

HÁN VIỆT: PHỤNG HIẾN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#270

佛

fó

Phật, Đức Phật; tượng Phật

敦煌莫高窟壁画与石窟大佛利用先进的纳米级高保真数字扫描与多光谱防褪色技术，实现了永久高精度数字化保存。

Dūn huáng mò gāo kū bì huà yǔ shí kuāng dà fú lì yòng xiān jìn de nà mí jí gāo bǎo zhēn shù zì sǎo miáo yǔ duō guāng pǔ fáng tuì sè jì shù, shí xiàn le yǒng jiǔ gāo jīng dù shù huà bǎo cún.

Bích họa hang Mạc Cao Đôn Hoàng và tượng Phật hang đá áp dụng công nghệ chống phai màu đa phổ và quét kỹ thuật số độ trung thực cao cấp độ nano tiên tiến, đã thực hiện bảo tồn kỹ thuật số độ chính xác cao vĩnh viễn.

9 nét

HÁN VIỆT: PHẬT



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#271

佛教

Fójiào

Phật giáo, đạo Phật

佛教自汉代传入中国后与中华传统本土文化深度交融互鉴，形成了独具东方魅力的中华佛教文化遗产。

Fó jiào zì hàn dài chuán rù zhōng guó hòu yǔ zhōng huá chuán tǒng běn tǔ wén huà shēn dù jiāo róng hù jiàn, xíng chéng le dú jù dōng fāng mèi lì de zhōng guó fú jiào wén huà yí chǎn.

Phật giáo sau khi truyền vào Trung Quốc từ thời nhà Hán đã dung hợp giao lưu sâu sắc cùng văn hóa bản địa truyền thống Trung Hoa, hình thành nên di sản văn hóa Phật giáo Phật giáo Trung Hoa mang sức quyến rũ phương Đông độc đáo.

20 nét

HÁN VIỆT: PHẬT GIÁO

HSK 6 (3.0)

Động từ

#272

服

fú

phục vụ

老师鼓励大家积极服，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí fú, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực phục vụ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT: PHỤC

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#273

浮

fú

nổi, nổi lên trên mặt nước; bề nổi hời hợt

做科学研究容不得任何浮躁虚华，广大科技工作者要坐住坐稳“冷板凳”，下苦功夫潜心攻克底层硬核技术。

Zuò kē xué yán jiū róng bù dé rén hé fú zào xū huá, guāng dà kē jì gōng zuò zhě yào zuò zhù zuò wěn "lěng bǎn dēng", xià kǔ gōng fu qián xīn gōng kè dī céng yìng hé jì shù.

Làm nghiên cứu khoa học không thể dung thứ cho bất kỳ sự hời hợt bề nổi xốc nổi phù hoa nào, đông đảo những người làm khoa học phải ngồi vững ngồi yên trên 'ghế板凳 lạnh', dày công khổ luyện chuyên tâm chinh phục công nghệ lõi cứng tận đáy.

8 nét

HÁN VIỆT: PHỤ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#274

父女

fù nǚ

cha và con gái, hai cha con

老一辈国防科技功勋科学家与同样投身航天科研一线的女儿，谱写了一段两代父女接力科技报国的动人佳话。

Lǎo yī bèi guó fáng kē jì gōng xūn kē xué jiā yǔ tóng yàng tóu shēn háng tiān kē yán yī xiàn de nǚ ér, pǔ xiě le yī duàn liǎng dài fù nǚ jiē lì kē jì bào guó de dòng rén jiā huà.

Nhà khoa học có công lao khoa học công nghệ quốc phòng tiền bối cùng người con gái cũng dẫn thân nơi tuyến đầu nghiên cứu hàng không vũ trụ đã viết nên một giai thoại cảm động về hai thế hệ cha và con gái cha con tiếp sức phụng sự Tổ quốc bằng khoa học.

24 nét

HÁN VIỆT: PHỤ NỮ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#275

父子

fù zǐ

cha và con trai, hai cha con

两代地质科学家父子接续扎根青藏高原五十载，为查明国家深地战略资源储量作出了卓越历史贡献。

Liǎng dài dì zhì kē xué jiā fù zǐ jiē xù zhā gēn qīng zàng gāo yuán wú shí zài, wéi chá míng guó jiā shēn dì zhàn lüè zī yuán chǔ liàng zuò chū le zhuó yuè lì shǐ gòng xiàn.

Hai thế hệ nhà khoa học địa chất hai cha con cha và con trai đã liên tục cắm rễ nơi cao nguyên Thanh Tạng suốt 50 năm qua, lập nên những cống hiến lịch sử trác việt cho việc xác minh trữ lượng tài nguyên chiến lược lòng đất sâu quốc gia.

25 nét

HÁN VIỆT: PHỤ TỬ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#276

妇女

fù nǚ

phụ nữ

保障广大妇女儿童的合法权益并促进性别平等，是衡量社会文明进步的重要标志。

Bǎo zhàng guǎng dà fù nǚ ér tóng de hé fǎ quán yì bìng cù jìn xìng bié píng děng, shì héng liáng shè huì wén míng jìn bù de zhòng yào biāo zhì.

Bảo đảm quyền lợi hợp pháp của đông đảo phụ nữ và trẻ em cùng việc thúc đẩy bình đẳng giới là thước đo quan trọng đánh giá sự tiến bộ văn minh của xã hội.

19 nét

HÁN VIỆT: PHỤ NỮ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#277

负

fù

gánh vác; mang theo; âm (số âm/ điện tích âm); thua

广大青年科技骨干勇挑重担、不负韶华，在前沿科学攻关中勇当敢为人先的排头兵。

Guǎng dà qīng nián gǔ gàn yǒng tiǎo zhòng dān, bù fù shào huá, zài qián yán kē xué gōng guān zhōng yǒng dǎng gǎn wéi rén xiān de pái tóu bīng.

Đông đảo các cán bộ nòng cốt khoa học công nghệ trẻ tuổi dũng cảm gánh vác gánh vác trọng trách, không phụ thắm năm thanh xuân, dũng cảm làm người lính đi đầu dám đi trước thiên hạ trong các trận đánh khoa học tiên phong.

8 nét

HÁN VIỆT: PHỤ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#278

复苏

fù sū

phục hồi, hồi sinh, phục hồi khởi sắc

随着国家宏观组合政策协同发力，高技术制造业与绿色低碳产业全面强劲复苏、展现出蓬勃生机。

Suí zhe guó jiā hóng guān zǔ hé zhèng cè xié tóng fā lì, gāo jì shù zhì zào yè yǔ yī lǜ sè dī tàn chān yè quán miàn qiáng jīng fù sū, zhǎn xiàn chū péng bó shēng jī.

Cùng với việc các chính sách hỗ trợ vĩ mô của Nhà nước hiệp đồng phát huy hiệu quả, ngành chế tạo công nghệ cao và ngành công nghiệp xanh ít phát thải carbon đã hồi sinh phục hồi mạnh mẽ toàn diện, phô diễn sức sống dạt dào.

27 nét

HÁN VIỆT: PHỤC TỒ

HSK 6 (3.0)

Lượng từ / Tính từ

#279

副

fù

bộ, đôi (lượng từ); phó, phụ (phó viện trưởng, phó tổng)

在大科学工程总指挥部统一领导下，常务副总设计师深入施工一线现场督导关键设备精密安装。

Zài dà kē xué gōng chéng zǒng zhǐ huī bù tǒng yǐ líng dǎo xià, cháng wù fù zǒng shè jì shī shēn rù shī gōng yī xiàn xiàn chǎng dū dǎo guān jiàn shè bèi jīng mì ān zhuāng.

Dưới sự lãnh đạo thống nhất của Bộ Tổng Chỉ huy công trình khoa học lớn, vị Phó Tổng Công trình sư thường trực đã đi sâu vào tuyến đầu hiện trường thi công giám sát lắp đặt chính xác các thiết bị then chốt.

13 nét

HÁN VIỆT: PHÓ


HSK 6 (3.0)

Danh từ

#280

富人

fùrén

người giàu, người giàu có

国家坚持把实现全体人民共同富裕作为中国式现代化的本质要求，坚决防止两极分化与过度贫富差距。

Guó jiā jiān chí bǎ shí xiàn quán tǐ rén mín gòng tóng fù yù zuò wéi zhōng guó shì xiàn dài huà de běn zhì yāo qiú, jiǎn jué fēng zhì liǎng jí fēn huà yǔ guò dù pín fù chā jù.

Nhà nước kiên trì lấy việc thực hiện toàn thể nhân dân cùng giàu có (cùng chung thịnh vượng) làm yêu cầu bản chất của hiện đại hóa kiểu Trung Quốc, kiên quyết ngăn ngừa sự phân hóa hai cực giữa người nghèo và người giàu người giàu có.

18 nét

 HÁN VIỆT: **PHÚ NHÂN**
HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#281

富有

fùyǒu

giàu có, giàu tính, tràn đầy dồi dào

青年科学家群体思想活跃、敢于打破常规，是一支最具原始创新潜力与富有探索活力的生力军。

Qīng nián kē xué jiā qún tǐ sī xiǎng huó yuè, gǎn yú dǎ pò cháng guī, shì yí zhī zuì yuán shǐ chuàng xīn qián lì yǔ fù yǒu tàn suǒ huó lì de shēng lì jūn.

Tập thể các nhà khoa học trẻ tuổi tư tưởng linh hoạt năng động, dám phá vỡ lối mòn, là một lực lượng xung kích tràn đầy giàu tính sức sống tìm tòi và sở hữu tiềm năng đổi mới sáng tạo nguyên bản lớn nhất.

18 nét

 HÁN VIỆT: **PHÚ HỮU**
HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#282

改装

gǎizhuāng

cải tạo lắp ráp lại, độ xe cải tiến trang bị

科研团队将大型民用干线客机成功改装为高灵敏度空间天文观测与高空大气物理科学试验平台。

Kē yán tuán duì jiāng dà xíng mǐn yòng gàn xiàn kè jī chéng gōng gǎi zhuāng wéi gāo líng mǐn dù kōng jiān tiān wén guān cè yǔ gāo kōng dà qì wù lǐ kē xué shì yàn píng tái.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học đã cải tạo lắp ráp lại cải tiến thành công chiếc máy bay chở khách đường trục dân dụng cỡ lớn thành nền tảng thử nghiệm khoa học vật lý khí quyển tầm cao và quan trắc thiên văn không gian độ nhạy cảm cao.

28 nét

 HÁN VIỆT: **CẢI TRANG**
HSK 6 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#283

杆

gān

cột, cán cờ, thanh trục; cây (gắn: nông sủng/cán cân)

在智慧城市新型基础设施建设中，集成了5G微基站、环境传感器与智能照明的多功能智能灯杆遍布街头。

Zài zhì huì chéng shì xīn xíng jī chǔ shè shì jiàn shè zhōng, jī chéng le 5G wēi jī zhàn, huán jīng chuán gǎn qì yǔ zhì néng zhào míng de duō gōng néng zhì néng dēng gān biàn bù jiē tóu.

Trong xây dựng cơ sở hạ tầng kiểu mới đô thị thông minh, các cột đèn thông minh đa chức năng tích hợp chiếu sáng thông minh, cảm biến môi trường và trạm gốc vi mô 5G phân bố khắp mọi nẻo đường.

14 nét

 HÁN VIỆT: **CAN**
HSK 6 (3.0)

Động từ

#284

肝

gān

Gan

老师鼓励大家积极肝，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí gān, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Gan, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

 HÁN VIỆT: **CAN**
HSK 6 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#285

赶不上

gǎn bu shàng

đuổi không kịp, theo không kịp, không bắt kịp

在日新月异的全球科技创新浪潮中，我们必须分秒必争、跑步前进，否则就会落后挨打、赶不上时代步伐。

Zài rì xīn yuè yì de quán qiú kē jì chuàng xīn làng cháo zhōng, wǒ men bì xū fēn miǎo bì zhēng, pǎo bù qián jìn, fǒu zé jiù huì hòu ài dǎ, gǎn bu shàng shí dài bù fá.

Trong làn sóng đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ toàn cầu thay đổi từng ngày từng giờ, chúng ta bắt buộc phải tranh thủ từng phút từng giây, chạy nước rút tiến lên phía trước, nếu không sẽ bị tụt hậu ăn đòn, theo không kịp đuổi không kịp bước chân thời đại.

30 nét

 HÁN VIỆT: **CẢN BẮT THƯỜNG**
HSK 6 (3.0)

Phó từ

#286

赶忙

gǎnmáng

vội vàng, vội vã, hối hả khẩn trương

当监测屏幕上首次捕捉到反物质粒子湮灭微弱信号时，值班青年学者赶忙记录下全部珍贵原始物理数据。

Dāng jiān cè píng mù shàng chū cì bǔ zhuō dào fǎn wù zhì lì zì yǎn miè wēi ruò xīn hào shí, zhí bān qīng nián xué zhě gǎn máng jì lù xià quán bù zhēn guì yuán shǐ wù lǐ shù jù.

Khi trên màn hình quan trắc lần đầu tiên bắt trọn được tín hiệu yếu ớt của sự hủy hạt phản vật chất, người học giả trẻ tuổi trực ban đã vội vã vội vàng hối hả ghi chép lại toàn bộ số liệu vật lý nguyên bản vô giá.

21 nét

 HÁN VIỆT: **CẢN MANG**
HSK 6 (3.0)

Động từ

#287

赶上

gǎnshàng

đuổi kịp, bắt kịp; gặp đúng dịp

新时代青年学子赶上了国家科技事业大发展的
大好历史时代，更要肩负起实现科技强国的
崇高使命。

Xīn shí dài qīng nián xué zǐ gǎn shàng le guó jiā kē jì shí yè dà fā zhǎn de dà hào lì shǐ shí dài, gèng yào jiān fù qǐ shí xiàn kē jì qiáng guó de chóng gāo shǐ mìng.

Sinh viên học trò thời đại mới đã gặp đúng dịp bắt kịp thời đại lịch sử vô cùng tốt đẹp của sự phát triển vượt bậc sự nghiệp khoa học công nghệ quốc gia, càng phải gánh vác sứ mệnh cao đẹp thực hiện cường quốc khoa học công nghệ.

19 nét

 HÁN VIỆT: **CẢN THƯỜNG**
HSK 6 (3.0)

Động từ

#288

敢于

gǎnyú

dám, dũng cảm dám làm, có can đảm

科研人员要敢于打破既有学术权威理论束缚，敢于勇闯前沿科学“无人区”，敢于提出颠覆性原创假说。

Kē yán rén yào gǎn yú dǎ pò jǐ yǒu xué wēi lǐ shù fù shù, gǎn yú yǒng chuǎng qián yán kē xué "wú rén qū", gǎn yú tí chū diān fù xīng yuán chuàng jiǎ shuō.

Cán bộ nghiên cứu khoa học phải dám dũng cảm dám phá vỡ sự trói buộc lý luận uy quyền học thuật có sẵn, dám xông pha vào 'vùng không người' của khoa học tiên phong, dám đưa ra những giả thuyết nguyên tác mang tính cách mạng.

27 nét

 HÁN VIỆT: **CẢN VU**



HSK 6 (3.0)

Tính từ

#289

感人

gǎnrén

cảm động, lay động lòng người,
cảm động sâu sắc

老一辈国防科技功勋院士隐姓埋名数十年为国铸剑的感人事迹，激励着一代代青年科技英才奋勇前行。

Lão yì bèi guó fáng kē jì gōng xūn yuán shì yīn xìng mǐ míng shù shí nián wèi guó zhù jiàn de gǎn rén shì jì, jī lì zhe yí dài dài qīng nián kē jì yīng cái fèn yǒng qiǎn xíng.

Những tấm gương câu chuyện lay động lòng người cảm động của các viện sĩ có công lao khoa học công nghệ phòng tiến bối ẩn danh giấu tên mấy mươi năm đức kiểm cho Tổ quốc đã khích lệ bao thế hệ anh tài khoa học công nghệ trẻ tuổi dũng cảm tiến bước.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : CẢM NHÂN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#290

干涉

gān shè

can thiệp, can thiệp vào chuyện nội bộ; giao thoa (quang học)

中国始终坚定奉行和平共处五项原则，坚决反对任何外部势力以任何借口干涉别国内部事务。

Zhōng guó shǐ zhōng jiān dìng fèng xíng hé píng gòng chǔ wú xiàng yuán zé, jiǎn jué fǎn duì rēn hé wài bù shì lì yǐ rēn hé jiè kǒu gān shè bié guó nèi bù shì wù.

Trung Quốc luôn kiên định thực thi Năm nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình, kiên quyết phản đối bất kỳ thế lực bên ngoài nào lấy bất kỳ lý do gì để can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : CAN THIỆP

HSK 6 (3.0)

Phó từ / Tính từ

#291

刚好

gāng hǎo

vừa đúng, vừa khéo, vừa vặn

深空探测器在高速掠过目标小行星上空的瞬间，高精度测绘光学相机刚好捕捉到了极高清地貌照片。

Shēn kōng tàn cè qì zài gāo sù luè guò mù biāo xiǎo xíng xing shàng kōng de shùn jiǎn, gāo jīng dù cè huì guāng xué xiàng jī gāng hǎo bǔ zhù dào le jí gāo qīng dì mào zhào piàn.

Vào khoảnh khắc tàu thám trắc không gian sâu bay lướt qua phía trên tiểu hành tinh mục tiêu ở tốc độ cao, máy ảnh quang học đo vẽ độ chính xác cao vừa vặn vừa đúng vừa khéo bắt trọn được bức ảnh địa mạo cực kỳ sắc nét.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : CƯƠNG HẢO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#292

岗位

gǎng wèi

vị trí công tác, cương vị làm việc

广大基层党员干部在抢险救灾、科研攻关等急难险重岗位上坚守初心、冲锋在前。

Guǎng dà jī céng dǎng yuán gàn bù zài qiǎn xiǎn jiù zāi, kē yán gōng guān dēng jì nà n xiǎn zhòng gǎng wèi shàng jiǎn shǒu chǔ xīn, chōng fēng zài qián.

Đồng đảo cán bộ đảng viên cơ sở tại các cương vị công tác khó khăn hiểm nghèo như cứu nạn cứu hộ và nghiên cứu khoa học then chốt luôn giữ vững tâm nguyện ban đầu, xông pha đi đầu.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : CƯƠNG VỊ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#293

港口

gǎng kǒu

cảng biển, bến cảng, cảng hàng hải

我国建成了全球规模最大、自动化程度最高的全自动化绿色智慧集装箱港口群，海运集装箱吞吐量稳居世界第一。

Wǒ guó jiàn chéng le quán qú guī mó zuì dà, zì dòng huà chéng dù gāo de quán zì dòng huà lǜ sè zhì huì jí zhuāng xiāng gǎng kǒu qún, hǎi yùn jí zhuāng xiāng tǒn tǔ liàng wén jù shì jiè dì yī.

Nước ta đã xây dựng thành công quần thể cảng container thông minh xanh tự động hóa hoàn toàn có quy mô lớn nhất và mức độ tự động hóa cao nhất thế giới, sản lượng container thông qua đường biển vững vàng đứng số một toàn cầu.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : CẢNG KHẨU

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#294

高层

gāo céng

cao tầng

在面对复杂的挑战时，保持高层的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí gāo céng de xīn tài yóu wéi zhòng yào. Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái cao tầng đặc biệt quan trọng.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : CAO TẦNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#295

高档

gāo dǎng

cao cấp, sang trọng, thượng hạng

这套手工定制的高档真皮沙发做工极其考究，质感温润细腻且耐摩擦耐用。

Zhè tào shǒu gōng dìng zhì de gāo dǎng zhēn pí shā fā zuò gōng jì qí kǎo jiū, zhì gǎn wēn rùn xì nǐ qiè nài mó nài yòng.

Bộ ghế sofa da thật cao cấp đặt may thủ công này có đường may vô cùng tinh xảo, chất da mềm mịn màng lại có độ bền chống mài mòn vượt trội.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : CAO ĐẰNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#296

高等

gāo děng

cao cấp, nâng cao, đại học (bậc giáo dục)

国家全面推进高等教育高质量发展，加快构建具有中国特色、世界一流的高水平研究型大学集群体系。

Guó jiā quán miàn tuī jìn gāo děng jiào yù gāo zhì liàng fā zhǎn, jiǎ kuài gòu jiàn jù yǒu zhōng guó tè sè, shì jiè yī liú de gāo shuǐ píng yán jiū xíng dà xué jí qún tǐ xì.

Nhà nước đẩy mạnh toàn diện phát triển chất lượng cao giáo dục đại học bậc cao cao cấp, đẩy nhanh kiến tạo hệ thống cụm trường đại học định hướng nghiên cứu trình độ cao hàng đầu thế giới mang đặc sắc Trung Quốc.

📖 27 nét

HÁN VIỆT : CAO ĐẲNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#297

高峰

gāo fēng

đỉnh cao, giờ cao điểm, đỉnh núi

勇攀世界科技高峰，必须坚定走高水平科技自立自强之路，努力在关键核心技术领域实现重大原创突破。

Yǒng pān shì jiè kē jì gāo fēng, bì xū jiān dìng zǒu gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng zhī lù, nǔ lì zài guān jiàn hē xīn jì shù lǐng yù shí xiàn zhòng dà yuán chuàng tú pò.

Dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học công nghệ thế giới bắt buộc phải kiên định bước đi trên con đường tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao, nỗ lực đạt được những đột phá nguyên tác trọng đại trong các lĩnh vực công nghệ lõi then chốt.

📖 28 nét

HÁN VIỆT : CAO PHONG



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#298

高考

gāokǎo

kỳ thi tuyển sinh đại học quốc gia
(Gaokao)

全国普通高校招生统一考试是国家选拔栋梁之才的重要制度，全社会共同全力维护高考的公平公正与安全顺畅。

Quán guó pǔ tōng gāo xiào zhāo shēng tōng yī kǎo shì shì guó jiā xuǎn bá dòng liáng zhī cái de zhòng yào zhì dù, quán shè huì gòng tóng quán lì wéi hù gāo kǎo de gōng píng gōng zhèng yǔ ān quán shùn chāng.

Kỳ thi Tuyển sinh Đại học Thống nhất Toàn quốc là chế độ quan trọng để Nhà nước tuyển chọn nhân tài rường cột, toàn xã hội chung sức dốc toàn lực gìn giữ tính công bằng, công minh và an toàn thông suốt của kỳ thi đại học.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: CAO KHẢO

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#299

高科技

gāokējī

công nghệ cao, kỹ thuật cao tân
tiến

我们必须牢牢把握新一轮高科技产业变革重大历史机遇，加快实现关键核心高科技产业链自主可控。

Wǒ men bì xū láo láo bǎ wò xīn yī lún gāo kējī chǎn yè biàn gé zhòng dà lì shǐ jī yù, jiǎ kuài shí xiàn guān jiàn hé xīn gāo kējī chǎn yè zì zhǔ kě kòng.

Chúng ta bắt buộc phải nắm chắc thời cơ lịch sử trọng đại của cuộc chuyển dịch ngành công nghiệp công nghệ cao kỹ thuật cao mới, đẩy nhanh thực hiện tự chủ kiểm soát toàn bộ chuỗi ngành công nghệ cao then chốt.

📖 32 nét

HÁN VIỆT: CAO KHOA KỸ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#300

高手

gāoshǒu

cao thủ, bậc kỳ tài chuyên gia xuất
chúng

在大科学工程超精密装配现场，全国技术能手与特级技师高手们正以微米级精度精心组装核心超导构件。

Zài dà kē xué gōng chéng chāo jīng mì zhuāng pèi xiàn chǎng, quán guó jì shù néng shǒu yǔ tè jí jì shī gāo shǒu men zhèng yǐ wēi mǐ jī jīng dù jīng xīn zǔ zhuāng hé xīn chāo dǎo gōu jiàn.

Tại hiện trường lắp ráp siêu chính xác của công trình khoa học lớn, các chuyên gia bậc thầy cao thủ kỹ thuật viên đặc cấp cùng những bàn tay vàng kỹ thuật viên quốc gia đang cẩn thận tỉ mỉ lắp ráp các cấu kiện siêu dẫn cốt lõi ở độ chính xác cấp độ micromet.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: CAO THỦ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#301

稿子

gǎozi

bản thảo, bài viết, bản thảo bài báo

在顶级学术期刊审稿答辩前夕，青年学者反复修改打磨论文稿子，字斟句酌推敲每一处实验论证逻辑。

Zài dǐng jí xué shù qī kǎn shěn gǎo dá biān qián xī, qīng nián xué zhě fǎn fù xiū gǎi dá mó lùn wén gǎo zi, zì zhēn jù zhuó tuī qiāo měi yī chù shí yàn lùn zhèng luó jí.

Trước thêm bảo vệ phản biện bài báo trên tạp chí học thuật đỉnh cao, người học giả trẻ tuổi liên tục sửa chữa trau chuốt bản thảo bài viết luận văn, cân nhắc từng câu từng chữ suy xét logic luận chứng thực nghiệm ở từng chỗ.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: CAO TỬ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#302

歌唱

gēchàng

ca hát, ca ngợi bằng lời ca

在庆祝大国重器成功试飞的联欢晚会上，全体建设者引吭高歌，热情歌唱伟大祖国的繁荣富强。

Zài qīng zhù dà guó zhòng qì chéng gōng shì fēi de lián huān wǎn shàng, quán tǐ jiàn shè zhě yǐn háng gāo gē, rè qíng gē chàng wēi dà zǔ guó de fán róng fù qiáng.

Tại đêm dạ hội liên hoan chúc mừng đại khí quốc gia bay thử thành công, toàn thể những người xây dựng đã cất cao tiếng hát, nhiệt tình ca hát ca ngợi sự phồn vinh giàu mạnh của Tổ quốc vĩ đại.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: CA XƯỚNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#303

歌词

gēcí

lời bài hát, ca từ

这首为广大科技工作者量身创作的主题歌词深情昂扬，生动诠释了心怀祖国、勇攀科学高峰的壮丽情怀。

Zhè shǒu wèi guǎng dà kē jì gōng zuò zhě liàng shēn chuàng zuò de zhǔ tí qǔ gē cí shēn qíng āng yáng, shēng dòng quán shì le xīn huái zǔ guó, yǒng pán kē xué gāo fēng de zhuàng lì qíng huái.

Lời bài hát ca từ bài hát chủ đề được sáng tác riêng cho đồng đội những người làm công tác khoa học công nghệ vô cùng sâu lắng hào hùng, diễn giải sinh động tâm lòng tráng lệ mang trong tim Tổ quốc đứng cảm trào lên đỉnh cao khoa học.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: CA TỬ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#304

歌星

gēxīng

ca sĩ ngôi sao, ca sĩ nổi tiếng

在国家大型科技公益文艺盛典上，知名歌星与青年科研工作同台高唱弘扬科学家精神的时代赞歌。

Zài guó jiā dà xíng kē jì gōng yì wén yì shèng diǎn shàng, zhī míng gē xīng yǔ qīng nián kē yán gōng zuò zhě tóng tái gāo chàng hóng yáng kē xué jiā jīng shén de shí dài zàn gē.

Tại đại lễ văn nghệ công ích khoa học công nghệ quy mô lớn của quốc gia, các ca sĩ ngôi sao ca sĩ nổi tiếng cùng các cán bộ nghiên cứu trẻ tuổi cùng đứng chung sân khấu cất cao bài ca ngợi ca thời đại kiến dựng tinh thần nhà khoa học.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: CA TINH

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#305

革新

géxīn

cải tiến, đổi mới cách tân, canh tân

新型超导材料与先进算法架构的技术革新，全面推动了全球量子计算机研发进程实现历史性跨越。

Xīn xíng chāo dǎo cái liào yǔ xiān jìn suàn fǎ jià gòu de jì shù gé xīn, quán miàn tuī dòng le quán qiú liàng zǐ jì suàn jī yán fā jìn chéng shí xiàn lì shǐ xíng kuà yuè.

Sự cải tiến đổi mới cách tân công nghệ của kiến trúc thuật toán tiên tiến cùng vật liệu siêu dẫn kiểu mới đã thúc đẩy toàn diện tiến trình nghiên cứu phát triển máy tính lượng tử toàn cầu thực hiện bước nhảy vọt lịch sử.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: CÁCH TÂN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#306

给予

jǐ yǔ

trao cho, dành cho, ban cho (sự
giúp đỡ, khen thưởng)

国家对在关键基础研究与国防尖端科技创新中作出突出历史贡献的领军科学家，依法给予国家最高崇高荣誉表彰。

Guó jiā duì zài guān jiàn jī chǔ yǎn jī chǔ yán jiū yǔ guó fáng jiān duǎn kē jì chuàng xīn zhōng zuò chū tū chū lì shǐ gòng xiàn de lǐng jūn kē xué jiā, yī fǎ jǐ yǔ guó jiā zuì gāo chóng gào róng yǔ biāo zhāng.

Nhà nước theo quy định của pháp luật trao tặng sự biểu dương tôn vinh danh dự cao quý nhất cấp quốc gia cho các nhà khoa học đầu ngành có cống hiến lịch sử nổi bật trong nghiên cứu cơ bản then chốt và đổi mới công nghệ quốc phòng mũi nhọn.

📖 16 nét

HÁN VIỆT: CẤP DƯ


HSK 6 (3.0)

Liên từ / Phó từ

#307

更是

gèngshì

càng là, lại càng là, hơn thế nữa là

实现高水平科技自立自强不仅是国家发展的强劲动力，更是保障国家长治久安与战略安全的根本基石。

Shí xiàn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng bù jìn shì guó jiā fā zhǎn de qiáng jīng dòng lì, gèng shì bǎo zhàng guó jiā cháng zhǎng zhì jiǔ ān yǔ zhàn lüè ān quán de gēn běn jī shí.

Thực hiện tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao không chỉ là động lực mạnh mẽ của sự phát triển đất nước, mà lại càng là càng là nền tảng căn bản bảo đảm an ninh chiến lược và sự bình yên lâu dài của quốc gia.

17 nét

HÁN VIỆT: CANH THỊ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#308

工商

gōngshāng

công thương, công nghiệp và thương mại

国家市场监督管理总局工商部门全面深化商事制度改革，持续为高新技术企业创业创新提供便捷高效服务。

Guó jiā shì chǎng jiān dū guǎn lǐ gōng shāng bù mén quán miàn shēn huà shāng shì zhì dù gǎi gé, chí xù wéi gāo xīn jì shù qǐ yè chuàng yè chuang xīn tí gōng biàn jié gāo xiǎo fú wù.

Cơ quan công thương công nghiệp và thương mại quản lý giám sát thị trường quốc gia đi sâu toàn diện cải cách chế độ thương mại, liên tục cung cấp dịch vụ tiện lợi hiệu quả cao cho doanh nghiệp công nghệ cao khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

26 nét

HÁN VIỆT: CÔNG THƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#309

公

gōng

công, công cộng, công bằng; giống đực (động vật)

大科学装置与国家重大科研基础设施全面面向全球科学家公平、公正、公开开放共享使用。

Dà kē xué zhuāng zhì yǔ guó jiā zhòng dà kē yán jī chǔ shè shí quán miàn miàn xiàng quán qiú kē jiā fāi yán jī chǔ shè shí quán miàn miàn xiàng quán qiú kē xué jiā gōng píng, gōng zhèng, gōng kāi kāi fàng gòng xiǎng shí yòng.

Thiết bị khoa học lớn cùng cơ sở hạ tầng nghiên cứu khoa học trọng đại quốc gia mở cửa công khai chia sẻ sử dụng một cách công bằng công tâm, công bằng và công khai hướng tới các nhà khoa học toàn cầu.

13 nét

HÁN VIỆT: CÔNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#310

公安

gōng'ān

công an, lực lượng an ninh trật tự

公安干警依托现代智能化社会治安立体防控体系，有力守护着人民群众生命财产安全与社会长治久安。

Gōng ān gǎn jīng yī tuō xiàn dài zhì néng huà shè huì ān zhì ān lí tǐ fáng kòng tǐ xì, yǒu lì shǒu hù zhe rén mín qún zhòng shēng mìng cái chǎn ān quán yǔ shè huì cháng zhǎng zhì jiǔ ān.

Cán bộ chiến sĩ công an dựa vào hệ thống phòng ngừa kiểm soát đa chiều an ninh trật tự xã hội thông minh hóa hiện đại đã bảo vệ đặc lực cho sự bình yên lâu dài của xã hội và an toàn tài sản tính mạng của quần chúng nhân dân.

25 nét

HÁN VIỆT: CÔNG AN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#311

公鸡

gōngjī

con gà trống

雄鸡破晓报晓啼鸣，生态智慧农业示范基地迎来了充满生机与活力的崭新黎明。

Xióng jī pò xiǎo bào xiǎo tí míng, shēng tài zhì huì nóng yè shì fàn jī dì yíng lái le chōng mǎn shēng jī yǔ huó lì de zhǎn xīn lí míng.

Chú gà trống con gà trống cất tiếng gáy vang báo hiệu bình minh xé tan màn đêm, khu căn cứ trình diễn nông nghiệp thông minh sinh thái đón chào một rạng đông hoàn toàn mới ngập tràn sức sống dạt dào.

21 nét

HÁN VIỆT: CÔNG KÊ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#312

公众

gōngzhòng

công chúng, quần chúng nhân dân rộng rãi

国家大科学装置在全国科技周期间全面向公众免费开放，让广大市民近距离领略前沿科学的神奇魅力。

Guó jiā dà kē xué zhuāng zhì zài quán guó kē jì zhōu qī jiān quán miàn xiàng gōng zhòng miǎn fèi kāi fàng, ràng guāng dà mǐn zhòng jìn jù lí líng lüè qián yán kē xué de shén qí mèi lì.

Các thiết bị khoa học lớn của quốc gia trong Tuần lễ Khoa học Công nghệ Toàn quốc đã mở cửa miễn phí toàn diện cho công chúng quần chúng, giúp đông đảo người dân được thưởng thức sức quyến rũ kỳ diệu của khoa học tiên phong ở cự ly gần.

24 nét

HÁN VIỆT: CÔNG CHÚNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#313

公主

gōngzhǔ

công chúa

唐代文成公主远嫁吐蕃的历史佳话，为促进汉藏两族文化交流与民族团结谱写了光辉篇章。

Táng dài wén chéng gōng zhǔ yuǎn jià tuǒ pǔ de lì shǐ jiā huà, wéi cù jìn hàn cáng liǎng zú wén huà jiāo liú yǔ mín zú tuán jié pǔ xiě le guāng huī piān zhāng.

Giai thoại lịch sử Công chúa Văn Thành nhà Đường gả về Tây Tạng đã viết nên thiên anh hùng ca rực rỡ thúc đẩy giao lưu văn hóa và tình đoàn kết gắn bó giữa hai dân tộc Hán - Tạng.

21 nét

HÁN VIỆT: CÔNG CHỦ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#314

攻击

gōngjī

tấn công, công kích; tấn công mạng

国家网络安全应急中心成功化解了多起针对国家关键电力基础设施的有组织特大境外分布式黑客网络攻击。

Guó jiā wǎng luò ān quán yǐng jī zhōng xīn chéng gōng huà jiě le duō qǐ zhēn duì guó jiā guān jiàn diàn lì jī chǔ shè shī de yǒu zǔ zhī tè dà jīng wài fēn bù shì hēi kè wǎng luò gōng jī.

Trung tâm Ứng cứu Khẩn cấp An ninh Mạng Quốc gia đã hóa giải thành công nhiều vụ tấn công mạng phân tán bằng tin tặc đặc biệt lớn từ nước ngoài có tổ chức nhắm vào cơ sở hạ tầng điện lực then chốt của quốc gia.

18 nét

HÁN VIỆT: CÔNG KÍCH

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#315

供给

gōngjǐ

cung ứng, cung cấp; nguồn cung

深化供给侧结构性改革，着力提升产业链供应链韧性与安全水平，以高质量供给引领和创造新需求。

Shēn huà gōng jī cè jié gōu xìng gǎi gé, zhuó lì tí shēng chǎn yè liàn gōng yīng liàn rèn xìng yǔ ān quán shuǐ píng, yǐ gāo zhì liàng gōng jǐ yǐn lǐng hé chuàng zào xīn xū qiú.

Đi sâu cải cách cơ cấu phía cung, tập trung nâng cao sức bền dẻo dai và mức độ an toàn của chuỗi công nghiệp chuỗi cung ứng, dùng nguồn cung chất lượng cao để dẫn dắt và kiến tạo nên nhu cầu mới.

18 nét

HÁN VIỆT: CUNG CẤP



HSK 6 (3.0)

Động từ

#316

宫

Gōng

cung điện

老师鼓励大家积极宫，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí Gōng, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực cung điện, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: CUNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#317

巩固

gǒng gù

củng cố, làm vững chắc; vững chắc

严格落实“四个不摘”要求，持续巩固拓展脱贫攻坚成果，坚决守住不发生规模性返贫的底线。

Yán gé luò shí "sì gè bù zhāi" yāo qiú, chí xù gǒng gù tuò zhān tuō pín gōng jiǎn chéng guǒ, jiān jué shǒu zhù bù fā shēng guī mó xíng fǎn pín de dī xiàn.

Thực hiện nghiêm ngặt yêu cầu 'Bốn không dỡ bỏ', liên tục củng cố và mở rộng thành quả xóa đói giảm nghèo, kiên quyết giữ vững lần ranh đỏ không để xảy ra tái nghèo trên diện rộng.

25 nét

HÁN VIỆT: CÙNG CỐ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#318

贡献

gòng xiàn

cống hiến, đóng góp, sự cống hiến

这位终生扎根戈壁荒漠的治沙造林楷模，为筑牢国家北方生态安全屏障做出了卓越贡献。

Zhè wèi zhōng shēng zhā gē bì huāng mò de zhì shā zào lín kǎi mó, wèi zhù láo guó jiā bēi fāng shēng tài ān quán píng zhàng zuò chū le zhuó yuè gòng xiàn.

Tấm gương điển hình trồng rừng phủ xanh đất cát cả đời bám trụ nơi sa mạc hoang vu này đã có những đóng góp kiệt xuất trong việc bồi đắp vững chắc bức tường thành an ninh sinh thái phía bắc Tổ quốc.

20 nét

HÁN VIỆT: CỐNG HIẾN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#319

构建

gòu jiàn

xây dựng, kiến tạo, thiết lập cấu trúc

我们要加快构建以国家实验室为引领的高水平国家战略科技力量体系，形成强大创新合力。

Wǒ men yào jiā kuài gòu jiàn yǐ guó jiā shí yàn shì wèi yǐn lǐng de gāo suǐ píng guó jiā zhàn lüè kē jì lì liàng tǐ xì, xíng chéng qiáng dà chuàng xīn hé lì.

Chúng ta phải đẩy nhanh kiến tạo xây dựng hệ thống lực lượng khoa học công nghệ chiến lược quốc gia trình độ cao lấy phòng thí nghiệm quốc gia làm dẫn dắt, hình thành sức mạnh hợp lực đổi mới sáng tạo hùng hậu.

24 nét

HÁN VIỆT: CẤU KIẾN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#320

姑姑

gū gu

cô (em gái/chị gái của bố)

逢年过节回到老家，和蔼可亲的姑姑总是会提前为我们准备一大桌丰盛可口的家乡特色菜肴。

Féng nián guò jié huí dào lǎo jiā, hé ǎi kě qīn de gū gu zōng shì huì tí qián wèi wǒ men zhǔn bèi yí dà zhuō fēng shèng kě kǒu de jiā xiāng tè sè cài yáo.

Mỗi dịp lễ tết trở về quê hương, người cô hiền hậu và dễ mến luôn chuẩn bị sẵn từ sớm cho chúng tôi cả một bàn tiệc đầy ắp các món ăn đặc sản quê nhà thơm ngon.

26 nét

HÁN VIỆT: CÔ CÔ

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#321

孤独

gū dú

cô độc, đơn độc, lẻ loi

为了探索深邃幽暗的宇宙未知奥秘，一代代天文科学家耐得住漫长的孤独，在无人区天文台常年坚守观测。

Wèi le tàn sù shēn suì yōu àn de yǔ zhòu wèi zhī ào mì, yí dài dài tiān wén kē xué jiā nài dé zhǔ màn cháng de gū dú, zài wú rén qū tiān wén tái cháng nián jiān shǒu guān cè.

Nhằm kiếm tìm khám phá những điều bí ẩn chưa biết của vũ trụ sâu thẳm tối tăm, biết bao thế hệ nhà thiên văn học đã chịu đựng được sự cô độc đẳng đẳng lâu dài, quanh năm kiên cường bám trụ quan trắc tại các đài thiên văn vùng không người.

24 nét

HÁN VIỆT: CÔ ĐỘC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#322

孤儿

gū'ér

trẻ mồ côi, trẻ em mồ côi

国家全面完善困境儿童与孤儿基本生活兜底保障机制，社会各界爱心汇聚守护孩子们健康快乐成长。

Guó jiā quán miàn wán shàn kùn jìng ér tóng yǔ gū'ér jī běn shēng huó dǒu dī bǎo zhàng jī zhì, shè huì ài xīn huì jù shǒu hù hái zǐ men jiàn kāng kuài lè chéng zhǎng.

Nhà nước hoàn thiện toàn diện cơ chế bảo đảm an sinh tối thiểu cuộc sống cơ bản cho trẻ em mồ côi cô nhi và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, các giới trong xã hội quy tụ tình thương chở che các em nhỏ lớn lên khỏe mạnh vui tươi.

20 nét

HÁN VIỆT: CÔ NHÂN

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#323

古典

gǔ diǎn

cổ điển

漫步在苏州古典园林精巧曲折的亭台楼阁间，移步换景，处处皆彰显出极高的东方美学意境。

Màn bù zài sū zhōu gǔ diǎn yuán lín jīng qiǎo qū zhé de tíng tái lóu gé jiān, yí bù huàn jǐng, chù chù jiē zhāng xiǎn chū jī gāo de dōng fāng měi xué yì jìng.

Dạo bước giữa những đỉnh đài lầu gác uốn lượn tinh xảo của các khu vườn cổ điển Tô Châu, mỗi bước chân là một khung cảnh biến chuyển, nơi nơi đều toát lên ý cảnh mỹ học phương Đông đỉnh cao.

19 nét

HÁN VIỆT: CỔ ĐIỂN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#324

股

gǔ

cổ phần

老师鼓励大家积极股，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí gǔ, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực cổ phần, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: CỔ



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#325

股东

gǔ dōng

cổ đông

高科技上市企业在年度股东大会上审议并通过了关于加大前沿核心技术研发投入的重大战略决议。

Gāo kē jì shàng shì qì yě zài nián dù gǔ dōng dà huì shàng shēn yì bìng tōng guò le guān yú jiā dà qián yán hé xīn jī shù yán fā tóu rù de zhòng dà zhàn lüè jué yì.

Doanh nghiệp công nghệ cao niêm yết trên sàn chứng khoán tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã thẩm tra và biểu quyết thông qua bản nghị quyết chiến lược trọng đại về việc tăng cường đầu tư cho nghiên cứu phát triển công nghệ lõi tiên phong.

21 nét

HÁN VIỆT : CỔ ĐÔNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#326

股票

gǔ piào

cổ phiếu, chứng khoán

在参与股票证券市场投资时，投资者应当树立理性长期的价值投资理念，切实防范盲目投机风险。

Zài cān yù gǔ piào zhèng quān shì chāng tóu zī shí, tóu zī zhě yīng dāng shù lǐ xìng cháng qī de jià zhí tóu zī lǐ niǎn, qiè shí fáng fàn máng mù tóu jī fēng xiǎn.

Khi tham gia đầu tư trên thị trường cổ phiếu chứng khoán, nhà đầu tư cần gây dựng triết lý đầu tư giá trị dài hạn và lý tính, phòng ngừa triệt để các rủi ro đầu cơ mù quáng.

17 nét

HÁN VIỆT : CỔ PHIẾU

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#327

故障

gù zhàng

sự cố, hỏng hóc, trục trặc kỹ thuật

复兴号智能高铁搭载的全景在线健康监测系统，能够实现对全列车数千个关键零部件微小故障的毫秒级智能预警。

Fù xīng hào zhì néng gāo tiě dā zài de quán jǐng zài xiàn jiàn kāng jiān cè xì tǒng, néng gòu shí xiàn duì quán liè chē shù qiān gè guān jiàn bù jiàn wēi xiǎo gù zhàng de háo miǎo jí zhì néng yù jǐng.

Hệ thống giám sát sức khỏe trực tuyến toàn cảnh trang bị trên đoàn tàu cao tốc thông minh Phục Hưng có thể thực hiện cảnh báo sớm thông minh ở mức mili-giây đối với các sự cố hư hỏng vi mô của hàng ngàn linh kiện then chốt trên toàn bộ đoàn tàu.

20 nét

HÁN VIỆT : CỔ CHƯỞNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#328

顾

Gù

Gu

老师鼓励大家积极顾，勇于探索新的知识。lǎo shī gù lì dà jiā jī jí gu, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Gu, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT : CỔ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#329

刮

guā

thổi (gió); cạo (râu, vẩy)

窗外突然刮起了强烈的阵风，不一会儿乌云密布，下起了一场痛快的大雨。

Chuāng wài tū rán guā qǐ le qiáng liè de zhēn fēng, bù yí huì er wú yún mì bù, xià qǐ le yí cháng tòng kuài de dà yǔ.

Bên ngoài cửa sổ đột nhiên thổi lên những cơn gió giật mạnh mẽ, chẳng mấy chốc mây đen phủ kín bầu trời, đổ xuống một trận mưa rào sáng khoái.

11 nét

HÁN VIỆT : QUÁT

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#330

拐

guǎi

rẽ, quẹo; chống gậy; lừa gạt (guǎipiàn)

全自动智能巡检机器人在狭窄复杂的核设施管道内部灵活拐弯前进，精准排查每一处安全隐患。

Quán zì dòng zhì néng xún jiǎn jī qì rén zài xiá zhǎi fú zá de hé shè shī guǎn dào nèi bù líng huó guǎi wǎn qián jìn, jīng zhǔn pái chá měi yí chù ān quán yīn huàn.

Robot tuần tra kiểm tra thông minh tự động hoàn toàn rẽ quẹo linh hoạt tiến về phía trước bên trong đường ống cơ sở hạt nhân chật hẹp phức tạp, rà soát chuẩn xác từng nguy cơ mất an toàn tiềm ẩn.

13 nét

HÁN VIỆT : QUẢI

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#331

关爱

guān'ài

quan tâm chăm sóc, yêu thương chăm sóc

全社会大力弘扬科学家精神，真诚关爱青年科技工作者，为他们潜心探索创造优良工作与生活环境。

Quán shè huì dà lì hóng yáng kē xué jiā jīng shén, zhēn chéng guān ài qīng nián kē jì gōng zuò zhě, wèi tā men qián xīn tàn suǒ chuàng zào yōu liáng gōng zuò yǔ shēng huó huán jīng.

Toàn xã hội ra sức xiển dương tinh thần nhà khoa học, chân thành yêu thương chăm sóc quan tâm chăm sóc các cán bộ khoa học công nghệ trẻ, kiến tạo môi trường sống và làm việc ưu việt để họ chuyên tâm tìm tòi.

22 nét

HÁN VIỆT : QUAN ÁI

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#332

关联

guān lián

liên quan, liên đới, mối quan hệ tương quan

量子多体物理前沿研究深入揭示了极端强关联电子体系中奇妙的微观超导与量子相变物理规律。

Liàng zǐ duō tǐ wù lǐ qián yán yán jiū shēn rù jiē shì le jí duān qiáng guān lián diàn zǐ tǐ zhōng qí miào de wēi guān chāo dǎo yǔ liàng zǐ xiāng biàn wù lǐ guī lǚ.

Nghiên cứu tiên phong vật lý đa thể lượng tử đã hé lộ sâu sắc các quy luật vật lý chuyển pha lượng tử và siêu dẫn vi mô kỳ diệu bên trong hệ thống electron tương quan liên quan liên đới mạnh cực đoan.

22 nét

HÁN VIỆT : QUAN LIÊN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#333

观光

guān guāng

tham quan ngắm cảnh, du lịch ngắm cảnh

串联起数十个国家级地质公园与古村落的大峡谷全景生态旅游观光公路，吸引了数以百万计的中外自驾游客。

Chuán lián qǐ shù shí gè guó jiā jí dì zhì gōng yuán yǔ gǔ cūn luò de dà xiá gǔ quán jǐng shēng tài lǚ yóu guān guāng gōng lù, xī yǐn le shù yǐ bǎi wàn jì de zhōng wài zì jià yóu kè.

Tuyến đường cao tốc du lịch tham quan ngắm cảnh sinh thái toàn cảnh hẻm núi lớn kết nối hàng chục công viên địa chất cấp quốc gia và các ngôi làng cổ đã thu hút hàng triệu lượt du khách tự lái xe trong và ngoài nước.

21 nét

HÁN VIỆT : QUAN QUANG



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#334

官司

guānsi

vụ kiện tụng, kiện cáo ở tòa án

国家全面加强企业海外知识产权维权援助机制，支持高新技术创新主体依法打赢跨国专利维权官司。

Guójiā quán miàn qiáng huà qǐ yè hǎi wài zhī shǐ chǎn quán wéi quán yuán zhù jī zhì, zhī chí gāo xīn jì shù chuàng xīn zhǔ tǐ yī fǎ dǎ yíng kuà guó zhuān lì wéi quán guān sī.

Nhà nước tăng cường toàn diện cơ chế hỗ trợ bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp ở nước ngoài, ủng hộ các chủ thể đổi mới sáng tạo công nghệ cao theo đúng pháp luật đánh thắng các vụ kiện tụng kiện cáo bảo vệ quyền bằng sáng chế xuyên quốc gia.

27 nét

HÁN VIỆT: QUAN TI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#335

管道

guǎndào

đường ống dẫn, tuyến ống dẫn khí/dầu/nước

国家重大西气东输天然气超级能源管道全线贯通平稳运行，为沿线数亿人民群众输送清洁能源。

Guójiā zhòng dà xī qì dōng shū tiān rán qì chāo jí néng yuán guǎn dào quán xiàn guān tōng píng yùn wén yùn xíng, wéi yán xiàn shù yì rén qún qún zhòng shù sòng qīng jié lì sè néng yuán.

Tuyến đường ống đường ống dẫn năng lượng siêu cấp khí tự nhiên Tây Khí Đông Thâu trọng đại quốc gia đã thông tuyến toàn diện vận hành ổn định, truyền tải năng lượng xanh sạch cho hàng trăm triệu người dân dọc tuyến.

19 nét

HÁN VIỆT: QUẢN ĐẠO

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#336

光辉

guāng huī

rực rỡ, chói lọi; ánh hào quang

科学家精神犹如一座永不熄灭的精神灯塔，放射出指引科技工作者勇攀世界科技高峰的光辉力量。

Kē xué jiā jīng shén yóu rú yī zuò yǒng bù xī miè de jīng shén dēng tǎ, fàng shè chū zhǐ yīn kē jì gōng zuò zhě yǒng pān shì jiè kē jì gāo fēng de guāng huī lì liàng.

Tinh thần nhà khoa học tựa như một ngọn hải đăng tinh thần vĩnh viễn không bao giờ tắt, tỏa ra nguồn sức mạnh chói lọi dẫn đường cho các cán bộ khoa học công nghệ dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học thế giới.

23 nét

HÁN VIỆT: QUANG HUY

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#337

广阔

guǎng kuò

rộng lớn, bao la, bát ngát, thênh thang

新时代为广大青年施展才华提供了无比广阔的人生舞台，青年一代当在强国建设中放飞青春梦想。

Xīn shí dài wéi wèi guǎng dà qīng nián shǐ zhǎn cái huá tí gòng liǎo wú bǐ guǎng kuò de rén shēng wǔ tái, qīng nián yì dài dāng zài qiáng guó jiàn shè zhōng fàng fēi qīng chūn mèng xiǎng.

Thời đại mới đã mang lại một vũ đài cuộc đời vô cùng rộng lớn bao la để đồng bào thanh niên thi thố tài năng, thể hiện tài năng trong sự nghiệp xây dựng đất nước phồn vinh.

26 nét

HÁN VIỆT: QUẢNG KHOÁT

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#338

轨道

guǐ dào

quỹ đạo (vệ tinh, hành tinh); đường ray (đường sắt)

空间站组合体在距离地面数百公里的近地轨道上平稳运行，各项空间科学实验载荷按计划有序展开。

Kōng jiān zǔ hé tǐ zài jù lí dì miàn shù bǎi gōng lǐ de jìn dì guǐ dào shàng píng wén yùn xíng, gè xiàng kōng jiān kē xué shí yàn zǎi hè àn jì huà yǒu xù zhǎn kāi.

Tổ hợp trạm vũ trụ đang vận hành êm ái trên quỹ đạo tầm thấp quanh Trái Đất cách mặt đất hàng trăm cây số, toàn bộ các tải trọng thực nghiệm khoa học không gian đang được triển khai tuần tự theo đúng kế hoạch.

21 nét

HÁN VIỆT: QUỲ ĐẠO

HSK 6 (3.0)

Động từ

#339

跪

guì

Quỳ xuống

老师鼓励大家积极跪，勇于探索新的知识。老师鼓励大家积极跪，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jī guì, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì. Thấy giáo khuyến khích mọi người tích cực Quỳ xuống, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT: QUỲ

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#340

国产

guóchǎn

sản xuất trong nước, nội địa sản xuất

我国完全自主研发的国产大型客机成功投入商业化常态化安全运营，圆了中华民族的“大飞机梦”。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de guó chǎn dà xíng kè jī chéng gōng tóu rù shāng yè huà cháng àn yùn yíng, yuán le zhōng huá mín zú de "dà fēi jī mèng".

Dòng máy bay chở khách cỡ lớn sản xuất trong nước nội địa sản xuất do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã được đưa vào vận hành thương mại an toàn thường xuyên thành công, hiện thực hóa 'Giấc mơ máy bay cỡ lớn' của dân tộc Trung Hoa.

21 nét

HÁN VIỆT: QUỐC SẢN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#341

国歌

guógē

quốc ca

在重大国际科学学术盛典颁奖现场，伴随着雄壮庄严的国歌声，鲜艳的五星红旗在最高处冉冉升起。

Zài zhòng dà guó jì kē xué xué shù shèng diǎn bāng jiǎng xiǎn chǎng, bàn suí zhe xióng zhuàng zhuāng yán de guó gē shēng, xiān yàn de wǔ xīng hóng qí zài zuì gāo chù rán rán shēng qǐ.

Tại hiện trường trao giải đại lễ học thuật khoa học quốc tế trọng đại, hòa cùng tiếng quốc ca trang nghiêm hùng tráng, lá cờ đỏ năm sao rực rỡ từ từ bay lên nơi vị trí cao nhất.

18 nét

HÁN VIỆT: QUỐC CA

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#342

国会

guóhuì

quốc hội, nghị viện quốc gia

在国际多边科技合作跨议题磋商中，多国议员与学术代表就共同应对全球气候变暖达成了广泛共识。

Zài guó jì duō biān kē jì hé zuò kuà yì tí cāo shāng zhōng, duō guó yì yuán yǔ xué shù dài biǎo jiù gòng tóng yìng duì quán qíu qì hòu biàn nuǎn dá chéng le guǎng fàn gòng shí.

Trong các cuộc tham vấn đề tài xuyên quốc gia về hợp tác khoa học công nghệ đa phương quốc tế, các học giả đại diện và nghị sĩ quốc hội của nhiều quốc gia đã đạt được nhận thức chung rộng rãi về việc cùng ứng phó với tình trạng nóng lên toàn cầu.

24 nét

HÁN VIỆT: QUỐC HỘI



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#343

国旗

guóqí

quốc kỳ, lá cờ tổ quốc

航天员在月球表面成功展示并展开了完全自主研发的新型高强度耐极端温差鲜艳五星红旗国旗。

Háng tiān yuán zài yuè qiú biǎo miàn chéng gōng zhǎn shì bìng zhān kāi le wán quán zì zhǔ yán zhì de xīn xíng gāo qiáng dù nài jí duǎn wēn chà xiān yàn wú xīng hóng qí guó qí.

Các phi hành gia trên bề mặt Mặt Trăng đã trưng bày và giương cao thành công lá cờ tổ quốc quốc kỳ cờ đỏ năm sao rực rỡ chịu chênh lệch nhiệt độ cực đoan cường độ cao kiểu mới do nước nhà hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : QUỐC KỲ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#344

国王

guówáng

quốc vương, nhà vua

在诺贝尔科学奖颁奖典礼上，瑞典国王亲自为在基础科学原创领域取得卓越突破的杰出科学家颁发金质奖章。

Zài nuò bèi ěr kē xué jiǎng bǎn jiǎng diǎn lǐ shàng, ruì diǎn guó wáng qīn zì wèi zài jī chǔ kē xué yuán chuàng lǐng yù qū dé zhuó yuè tū pō de jié chū kē xué jiǎ bǎn fā jīn zhì jiǎng zhāng.

Tại lễ trao giải thưởng khoa học Nobel, nhà vua Quốc vương Thụy Điển đã đích thân trao tặng huy chương vàng cho các nhà khoa học kiệt xuất đạt được đột phá trắc việt trong lĩnh vực nguyên tác khoa học cơ bản.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : QUỐC VƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#345

果酱

guǒjiàng

mứt hoa quả, mứt trái cây

现代生态农业示范基地将高山优质有机鲜蓝莓深加工制成零添加高品质果酱，畅销海内外大市场。

Xiàndài shēng tài nóng yè shì fàn jī dì jiāng gāo shān yōu zhì yǒu jī xiān lán méi shēn jiā gōng zhì chéng líng tiān jiā gāo pīn zhì guǒ jiàng, chàng xiāo hǎi nèi wài dà shì chǎng.

Khu căn cứ trình diễn nông nghiệp sinh thái hiện đại chế biến sâu quả việt quất tươi hữu cơ chất lượng cao vùng núi cao thành mứt hoa quả mứt trái cây phẩm chất cao không phụ gia, bán chạy trên các thị trường lớn trong và ngoài nước.

📖 17 nét

HÁN VIỆT : QUẢ TƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#346

果树

guǒshù

cây ăn quả, cây ăn trái

农业科技特派员深入革命老区，指导果农科学修剪高产果树并推广智慧滴灌节水灌溉新技术。

Nóng yè kē jì tè pài yuán shēn rù gé míng lǎo qū, zhǐ dǎo guǒ nóng kē xué xiū jiǎn gāo chǎn guǒ shù bīng tuī guǎng zhì huì dī guǎn jié shuǐ guàn gài xīn jì shù.

Phái viên khoa học công nghệ nông nghiệp đi sâu vào vùng căn cứ cách mạng cũ, hướng dẫn bà con nông dân trồng cây ăn quả cắt tỉa cây ăn quả cây ăn trái năng suất cao một cách khoa học và nhân rộng kỹ thuật mới tưới tiết kiệm nước tưới nhỏ giọt thông minh.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : QUẢ THỤ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#347

过渡

guò dù

quá độ, chuyển tiếp, chuyển giao giai đoạn

我国坚定不移推进能源结构转型，加快构建以新能源为主体、传统化石能源平稳过渡的新型电力系统。

Wǒ guó jiǎn dīng bù yí tuī jìn néng yuán jié gòu zhuǎn xíng, jiǎ kuài gòu jiàn yǐ xīn néng yuán wéi zhǔ tǐ, chuán tǒng huà shí néng yuán píng wěn guò dù de xīn xíng diàn lì xì tǒng.

Nước ta kiên định thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu năng lượng, đẩy nhanh xây dựng hệ thống điện lực kiểu mới lấy năng lượng mới làm chủ thể và chuyển tiếp quá độ ổn định từ năng lượng hóa thạch truyền thống.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : QUÁ ĐỘ

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian / Phó từ

#348

过后

guòhòu

sau đó, sau này, về sau

暴雨过后，国家高标准农田智慧排水防涝系统迅速发挥效能，数小时内便将积水全部排净。

Bào yǔ guò hòu, guó jiā gāo biāo nián zhì huì pái shuǐ fáng lǎo xì tǒng xùn sù fā huī xiào néng, shù xiǎo shí nèi biàn jiāng jī shuǐ quán bù pǎi jìng.

Sau khi cơn mưa to đi qua sau đó, hệ thống tiêu úng thoát nước thông minh ruộng đồng tiêu chuẩn cao quốc gia đã nhanh chóng phát huy hiệu năng, chỉ trong vài giờ đã thoát sạch toàn bộ nước đọng.

📖 17 nét

HÁN VIỆT : QUÁ HẬU

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#349

过时

guòshí

lỗi thời, quá hạn, lỗi mốt

在科技快速迭代更新的浪潮中，我们必须持续勇于创新，决不能固步自封使用过时的旧技术框架。

Zài kē jì kuài sù dié dài gēng xīn de làng cháo zhōng, wǒ men bì xū chí xù yǒng yú chuàng xīn, jué bù néng gù bù zì fēng shǐ yòng guò shí de jiù jì shù kuāng jià.

Trong làn sóng chuyển giao nâng cấp nhanh chóng của khoa học công nghệ, chúng ta bắt buộc phải liên tục dũng cảm đổi mới sáng tạo, tuyệt đối không được tự mãn dậm chân tại chỗ sử dụng khung kỹ thuật cũ kỹ lỗi thời.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : QUÁ THỜI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#350

海报

hǎibào

áp-phích, tranh cổ động, tờ áp phích quảng cáo

在国际世界科技日当天，高校校园内张贴了多幅生动展现人类探索浩瀚深空历程的精彩科普宣传海报。

Zài guó jì shì jì rì当天, gāo xiào yuán nèi zhāng tiē le duō fú shēng dòng zhǎn xiàn rén lèi tàn suǒ hào hàn shēn kōng lì chéng de jīng cǎi kē pǔ xuān chuán hǎi bào.

Vào đúng ngày Ngày Khoa học Công nghệ Thế giới Quốc tế, trong khuôn viên trường đại học đã dán nhiều bức tranh cổ động tờ áp-phích tuyên truyền phổ biến khoa học đặc sắc phổ biến sinh động chặng đường nhân loại thám hiểm không gian sâu bao la.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : HẢI BÁO

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#351

海底

hǎidǐ

đáy biển, lòng biển sâu

我国完全自主研发的新一代载人潜水器在万米海底深渊顺利完成科学采样作业并安全返航。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de xīn yì dài zài rén qián shuǐ qì zài wàn mǐ hǎi dǐ shēn yuán shùn lì wán chéng kē xué cǎi yàng zuò yè bìng ān quán fǎn háng.

Tàu lặn có người lái thế hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã hoàn thành thuận lợi thao tác lấy mẫu khoa học nơi vực sâu đáy biển vạn mét và quay trở về an toàn.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : HẢI ĐỂ



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#352

海军

hǎijūn

hải quân, lực lượng hải quân

人民海军新型国产航空母舰编队劈波斩浪、远赴大洋，全面展现了保卫祖国海疆的钢铁意志与强大战力。

Rén mín hǎi jūn xīn xíng guó chǎn háng kōng mǔ jiàn biān duì pī bō zhǎn làng, yuǎn fù dà yáng, quán miàn zhǎn xiǎn le bǎo wèi zǔ guó hǎi jiāng de gāng tiě yì zhì yǐ zhì yǔ qiáng dà zhàn lì.

Biên đội tàu sân bay sản xuất trong nước kiểu mới của Hải quân Nhân dân rẽ sóng đập gió, vươn xa tới đại dương, phô diễn toàn diện sức mạnh chiến đấu hùng hậu và ý chí thép bảo vệ vùng biển của Tổ quốc.

21 nét

HÁN VIỆT : HẢI QUÂN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#353

海浪

hǎilàng

sóng biển, làn sóng biển

全球首座兆瓦级波浪能发电装置依靠滔滔海浪的起伏动能，源源不断将海洋能转化为清洁绿色电力。

Quán qiú shǒu zuò zhào wǎ jí bō làng néng fā diàn zhuāng zhì yī kào tāo tāo hǎi làng de qǐ fú dòng néng, yuán yuán bù duàn jiāng hǎi yáng néng zhuān huà wéi qīng jié lǜ sè diàn lì.

Thiết bị phát điện năng lượng sóng biển cấp Megawatt đầu tiên trên toàn cầu dựa vào động năng nhấp nhô của những làn sóng biển sóng biển cuốn cuộn, liên tục chuyển hóa năng lượng đại dương thành điện năng xanh sạch.

21 nét

HÁN VIỆT : HẢI LĂNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn / Tính từ

#354

海外

hǎiwài

hải ngoại, nước ngoài, ở nước ngoài

我国实施更加积极开放有效的人才政策，吸引了数万名海外高层次留学科技人才回国创新创业。

Wǒ guó shí shí gèng jī gòu kāi fàng yǒu xiào de rén cái zhèng cè, xī yīn le shù wàn míng hǎi wài gāo céng cì liú xué kē jì rén cái guó guī guó chuàng xīn chuàng yè.

Nước ta thực thi chính sách nhân tài hiệu quả, cởi mở và tích cực hơn nữa, thu hút hàng vạn nhân tài khoa học công nghệ du học trình độ cao ở nước ngoài hải ngoại trở về Tổ quốc để đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

18 nét

HÁN VIỆT : HẢI NGOẠI

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#355

海湾

hǎiwān

vịnh biển, vũng vịnh

世界级跨海大桥如同一条巨龙横跨在辽阔秀丽的海湾之上，将周边核心经济城市紧密连为一体。

Shì jiè jí kuà hǎi dà qiáo rú tóng yī tiáo jù lóng héng kuà zài liáo kuò xiù lì de hǎi wān zhī shàng, jiāng zhōu biān hé xīn jīng jì chéng shì jìn mī lián wéi yī tǐ.

Cây cầu vượt biển tầm cỡ thế giới tựa như một con rồng khổng lồ vắt ngang qua vùng vịnh biển vũng vịnh bao la tươi đẹp, kết nối chặt chẽ các đô thị kinh tế cốt lõi xung quanh thành một khối thống nhất.

24 nét

HÁN VIỆT : HẢI LOAN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#356

海洋

hǎiyáng

đại dương, biển cả

浩瀚深邃的蓝色海洋蕴藏着极其丰富的生物资源与矿产宝藏，是人类可持续发展的战略空间。

Hào hàn shēn suì de lán sè hǎi yáng yùn cáng zhe jí fēng fù de shēng wù zī yuán yǔ kuàng chǎn bǎo zàng, shì rén lèi kě chí xù fā zhǎn de zhàn lüè kōng jiān.

Đại dương xanh thẳm bao la ẩn chứa nguồn tài nguyên sinh vật cùng kho báu khoáng sản vô cùng phong phú, là không gian chiến lược cho sự phát triển bền vững của loài người.

24 nét

HÁN VIỆT : HẢI DƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#357

好不容易

hǎobù róng yì

vô cùng khó khăn, vất vả lắm mới

科研团队历经数千次反复摸索与失败，好不容易在超低温物理极限下捕获了微弱的马约拉纳费米子信号。

Kē yán tuán duì lì jīng shù qiān cì fǎn fù mō suǒ yǔ shī bài, hǎo bù róng yì zài chāo dī wēn wù lǐ jí xiàn xià bǔ huò le wēi ruò de mǎ yuē lǎ nà fēi mǐ zǐ xìn hào.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học trải qua hàng ngàn lần tìm tòi và thất bại lặp đi lặp lại, vô cùng khó khăn vất vả lắm mới bắt trọn được tín hiệu fermion Majorana yếu ớt dưới giới hạn vật lý siêu nhiệt độ thấp.

35 nét

HÁN VIỆT : HẢO BẤT DUNG DỊCH

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#358

好容易

hǎoróng yì

vất vả mãi mới, khó khăn lắm mới

经过连日连夜在青藏高原严寒冰川上的艰难勘探，科考队员好容易钻取到了具有数万年历史的深层古老冰芯。

Jīng guò lián rì lián yè zài qīng gāo yuán yán hán bīng chuān shàng de jiān nán kǎn tàn, kē kǎo duì yuán hǎo róng yì zuān qǔ dào le jù yǒu shù wàn nián lì shǐ de shēn céng gǔ lǎo bīng xīn.

Trải qua những ngày đêm liên tục khảo sát gian khổ trên các dòng sông băng giá rét của cao nguyên Thanh Tạng, các đội viên khảo sát khoa học khó khăn lắm mới vất vả mãi mới khoan lấy được lõi băng cổ xưa tầng sâu có lịch sử hàng vạn năm.

32 nét

HÁN VIỆT : HẢO DUNG DỊCH

HSK 6 (3.0)

Động từ / Phó từ

#359

好似

hǎosì

đường như, tựa như, giống như là

夜幕降临，大科学装置超导加速器环形管道亮起的精密指示灯带，好似一条环绕在群山间的璀璨星环。

Yè mù jiàng lín, dà kē xué zhuāng zhì siêu dǎo jiā sù qǐ guǎn dào liàng qǐ de jīng mì zhǐ shì dēng dài, hǎo sì yī tiáo huán rào zài qún shān jiān de cuǐ càn xīng huán.

Khi màn đêm buông xuống, dải đèn chỉ thị chính xác thấp sáng đường ống hình khuyên của máy gia tốc siêu dẫn thiết bị khoa học lớn tựa như đường như giống như là một vành đai sao rực rỡ lấp lánh bao quanh giữa núi non trùng điệp.

26 nét

HÁN VIỆT : HẢO TỰ

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#360

好学

hàoxué

hiếu học, ham học hỏi, siêng năng cầu thị

青年科研骨干始终保持谦虚好学的进取心态，主动向老一辈战略科学家请教前沿重大工程设计难题。

Qīng nián kē yán gǔ gàn shǐ zhōng bǎo chí qiān xū hào xué de jìn qǔ xīn tài, zhǔ dòng xiàng lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā qǐng jiào qián yán zhòng dà gōng chéng shè jì nán tí.

Cán bộ nòng cốt nghiên cứu khoa học thanh niên luôn giữ vững tâm thế cầu tiến hiếu học khiêm tốn ham học hỏi, chủ động thỉnh giáo các nhà khoa học chiến lược tiến bộ về những bài toán khó thiết kế công trình trọng đại tiên phong.

25 nét

HÁN VIỆT : HẢO HỌC


HSK 6 (3.0)

Động từ

#361

好转

hǎozhuǎn

chuyển biến tốt, khởi sắc, thuyên giảm

通过全面推进流域生态综合治理, 长江水质持续好转, 长江江豚等珍稀水生生物种群数量显著回升。

Tōng guò quán miàn tuī jìn liú yù shēng tài zōng hé zhì lǐ, cháng jiāng shuǐ zhì chí xù hǎo zhuǎn, cháng jiāng jiāng tún děng zhēn xī shuǐ shēng shēng wú zhōng qún shù liàng xiǎn zhù huí shēng.

Thông qua việc đẩy mạnh toàn diện quản lý tổng hợp sinh thái lưu vực, chất lượng nước sông Trường Giang liên tục chuyển biến tốt khởi sắc, số lượng quần thể sinh vật thủy sinh quý hiếm như cá heo sông Trường Giang đã phục hồi rõ rệt.

22 nét

HÁN VIỆT

HẢO CHUYỂN
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#362

合约

héyuē

hợp đồng, thỏa thuận giao kết

在国际科技成果转化大会上, 中外创新企业正式签署了联合开展新一代固体电池产业化合作合约。

Zài guó jì kē jì chéng guǒ zhuǎn huà dà huì shàng, zhōng wài chuàng xīn qǐ yè zhèng shì qiān shǔ le lián hé kāi zhǎn xīn yí dài gù tǐ diàn chí chǎn yè huà hé zuò hé yuē.

Tại Đại hội Chuyển giao Thành quả Khoa học Công nghệ Quốc tế, các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước đã chính thức ký kết thỏa thuận hợp đồng hợp tác cùng triển khai công nghiệp hóa pin thể rắn thế hệ mới.

22 nét

HÁN VIỆT

CÁP YÊU
HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#363

和谐

hé xié

hài hòa, hòa hợp, êm ả cân đối

坚持人与自然和谐共生, 坚定不移走生产发展、生活富裕、生态良好的文明发展道路。

Jiān chí rén yǔ zì rán hé xié gòng shēng, jiǎn dǐng bù yí zǒu shēng chǎn fā zhǎn, shēng huó fù yù, shēng tài liáng hǎo de wén míng fā zhǎn dào lù.

Kiên trì sự cùng chung sống hài hòa hòa hợp giữa con người và tự nhiên, kiên định bước đi trên con đường phát triển văn minh sản xuất phát triển, đời sống sung túc ấm no và sinh thái trong lành tốt đẹp.

18 nét

HÁN VIỆT

HOÀ HÀI
HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#364

核心

hé xīn

cốt lõi, trọng tâm, hạt nhân

掌握具有完全自主知识产权的核心关键技术, 是保障国家产业安全与高质量发展的命脉。

Zhǎng wò jù yǒu wán quán zì zhǔ zhī shǐ chǎn quán de hé xīn guān jiàn jī shù, shì bǎo zhàng guó jiā chǎn yè ān quán yǔ gāo zhì liàng fā zhǎn de mìng mài.

Làm chủ các công nghệ cốt lõi then chốt sở hữu bản quyền trí tuệ tự chủ hoàn toàn là mạch máu sinh mệnh bảo đảm an ninh công nghiệp và sự phát triển chất lượng cao của quốc gia.

20 nét

HÁN VIỆT

HẠCH TÂM
HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#365

黑夜

hēi yè

đêm tối, màn đêm, bóng đêm

在深山峡谷无人区的大科学射电望远镜控制室里, 科学家们穿透漫漫黑夜、静静聆听来自百亿光年外的宇宙脉冲。

Zài shēn shān xiá gǔ wú rén qū de dà kē xué shè diàn wǎng yuǎn jìng kòng zhì shì lǐ, kē xué jiā diàn wàng yuǎn jìng kòng zhì shì lǐ, kē xué jiā men chuān tòu mǎn mǎn hēi yè, jìng jìng líng tīng lái zì bǎi yì guāng nián wài de yǔ zhòu mài chōng.

Bên trong phòng điều khiển kính viễn vọng vô tuyến khoa học lớn tại vùng không người nơi thung lũng núi sâu, các nhà khoa học xuyên qua màn đêm đêm tối mù mịt dài đằng đẳng, tĩnh lặng lắng nghe các xung động vũ trụ đến từ ngoài trăm tỷ năm ánh sáng.

23 nét

HÁN VIỆT

HẮC ĐẠ
HSK 6 (3.0)

Tính từ

#366

很难说

hěn nán shuō

khó nói

在面对复杂的挑战时, 保持很难说的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí hěn nán shuō de xīn tài yǒu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái khó nói đặc biệt quan trọng.

35 nét

HÁN VIỆT

NGÂN NAN THUẾT
HSK 6 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#367

狠

hěn

tàn nhẫn, dữ dội; kiên quyết dốc sức (hạ quyết tâm)

面对卡脖子技术难关, 我们要下狠功夫啃最硬的骨头, 坚决打赢关键核心技术攻坚战。

Miàn duì qiǎ bó zǐ jì shù nán guān, wǒ men yào xià hěn gōng fu kěn zuì ying de gǒu tóu, jiǎn jué dǎ yǐng guān jiàn hé xīn jì shù gōng jī zhàn.

Đứng trước ải khó công nghệ nghẽn cổ chai, chúng ta phải kiên quyết dốc sức dốc hết sức gặm khúc xương cứng nhất, kiên quyết đánh thắng trận đánh lớn vượt khó công nghệ lõi then chốt.

9 nét

HÁN VIỆT

NGÂN
HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ / Danh từ

#368

横

héng

ngang, nằm ngang; nét ngang (chữ Hán)

这架宏伟壮观的斜拉跨海大桥如同一条钢铁巨龙, 横跨在波澜壮阔的海湾之上。

Zhè jià hóng wēi zhuàng guān de xié là kuà hǎi dà qiáo rú tóng yí tiáo gāng tiě jù lóng, héng kuà zài bō lán zhuàng kuò de hǎi wān zhī shàng.

Cây cầu dây văng vượt biển trắng lẹ uy nghiêm này tựa như một con rồng thép khổng lồ, vắt ngang qua vịnh biển sóng cuộn mãnh mẽ.

12 nét

HÁN VIỆT

HOÀNH
HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#369

衡量

héng liáng

đo lường, cân nhắc đong đếm, đánh giá chuẩn mực

衡量一项基础科研成果价值的根本标准, 在于其是否真正拓展了人类认知边界或解决了国家重大战略急需。

Héng liáng yí xiàng jī chǔ kē yán chéng guǒ jià zhí de gēn běn biāo zhǔn, zài yú qí shì fǒu zhēn zhèng tuò zhǎn le rén lèi rèn zhī biān jiè huò jiě jué le guó jiā zhòng dà zhàn lüè jí xū.

Tiêu chuẩn căn bản để cân nhắc đong đếm đo lường đánh giá giá trị của một thành quả nghiên cứu khoa học cơ bản, là ở chỗ nó có thực sự mở rộng ranh giới nhận thức của nhân loại hoặc giải quyết nhu cầu cấp bách chiến lược trọng đại của quốc gia hay không.

23 nét

HÁN VIỆT

HÀNH LƯỢNG



HSK 6 (3.0)

Tính từ

#370

宏大

hóng dà

vĩ đại, to lớn hoành tráng, sâu rộng

探月与深空探测工程是一项气势磅礴、立足长远的宏大国家战略科技工程，凝聚了中华民族的千年梦想。

Tàn yuè yǔ shēn kōng tàn cè gōng chéng shì yí xiàng qì shì páng bó, lì zú cháng yuǎn de hóng dà guó jiā zhàn lüè kē jì gōng chéng, níng jù le zhōng huá mín zú de qiān nián mèng xiǎng.

Công trình thám trắc không gian sâu và thăm trắc Mặt Trăng là một công trình khoa học công nghệ chiến lược quốc gia hoành tráng to lớn vĩ đại khí thế dõng non lấp biển dựa trên tầm nhìn dài hạn, ngưng tụ ước mơ ngàn năm của dân tộc Trung Hoa.

11 nét

HÁN VIỆT: HOÀNH ĐẠI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#371

洪水

hóng shuǐ

lũ lụt, nước lũ cuộn trào

长江流域水工程梯级水库群发挥强大的联合防洪调度作用，成功拦截并削减了特大流域洪水的下泄洪峰。

Cháng jiāng liú yù shuǐ gōng chéng tī jí shuǐ kù qún fā huī qiáng dà de lián hé fáng hóng diào dù zuò yòng, chéng gōng lán jié bìng xuē jiǎn le tè dà liú yù hóng shuǐ de xià xiè hóng fēng.

Quần thể các hồ chứa bậc thang thuộc các công trình thủy lợi trên lưu vực sông Trường Giang đã phát huy vai trò điều phối phòng chống lũ liên hoàn mạnh mẽ, ngăn chặn và cắt giảm thành công đỉnh lũ xả xuống hạ lưu của trận lũ lụt đặc biệt lớn trên lưu vực.

19 nét

HÁN VIỆT: HỒNG THUỶ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#372

忽略

hū lè

bỏ qua, xem nhẹ, lơ là

在精密科学仪器研发制造中，哪怕忽略了万分之一毫米的微观装配公差，都可能导致整

机光学成像分辨率大幅下降。
Zài jīng mì kē xué yí qì yán fā zhì zào zhōng, nǎ pà hū lè le wàn fēn zhī yí háo mǐ de wēi guān zhuāng pèi gōng chāi, dōu kě néng dǎo zhì zhēng jī guāng xué chéng xiàng fēn biān lǚ dà fú xià jiàng.

Trong việc nghiên cứu chế tạo các dụng cụ khoa học chính xác, cho dù chỉ bỏ qua một phần vạn milimet sai số lắp ráp vì vô cũng có thể dẫn tới sự sụt giảm nghiêm trọng độ phân giải chụp ảnh quang học của toàn bộ cỗ máy.

21 nét

HÁN VIỆT: HỒT LƯỢC

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#373

壶

hú

ấm, bình (ấm trà, bình nước)

在冬日午后为远道而来的挚友沏上一壶清香馥郁的热普洱茶，围炉促膝长谈。

Zài dōng rì wǔ hòu wéi yuǎn dào ér lái de zhì yǒu qì shāng yī hú qīng xiāng fú yù de rè pǔ ěr chá, wéi lú cù xī cháng tán.

Vào buổi chiều đông pha một ấm trà Phổ Nhĩ nóng thơm nồng nức để tiếp đãi người bạn tri kỷ từ phương xa tới, cùng ngồi bên bếp ấm tâm tình hàn huyên.

11 nét

HÁN VIỆT: HỒ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#374

互动

hù dòng

tương tác, giao lưu tương tác qua lại

在全国科技周主场展览中，青年科学家通过数字孪生仿真平台与现场中小学生开展了生动的科学互动实验。

Zài quán guó kē jì zhōu zhǔ chǎng zhǎn lǎn zhōng, qīng nián kē xué jiā tóng guò shù zì luǎn shēng fǎng zhēn píng tái yǔ xiǎn chǎng zhōng xiǎo xué shēng kāi zhǎn le shēng dòng yōu qù de kē xué hù dòng shí yǎn.

Tại triển lãm sân nhà Tuần lễ Khoa học Công nghệ Toàn quốc, các nhà khoa học trẻ thông qua nền tảng mô phỏng song sinh số đã triển khai các thực nghiệm khoa học tương tác giao lưu tương tác sinh động thú vị với các em học sinh tiểu học và trung học tại hiện trường.

25 nét

HÁN VIỆT: HỒ ĐỘNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn / Tính từ

#375

户外

hù wài

ngoài trời, dã ngoại không gian ngoài trời

新型轻量化高效柔性太阳能电池在极端极地户外严寒环境下经过长期实测，展现出卓越的耐候抗低温发电性能。

Xīn xíng qīng liàng huà gāo xiào róu xìng tài yáng néng diàn chí zài jī duān jí dī hù wài yán hán huán jīng xià jīng guò cháng qī shí cè, zhǎn xiàn chū zhù yào de nài hòu kǎng dī wēn fā diàn xìng néng.

Pin mặt trời mền dẻo hiệu quả cao siêu nhẹ kiểu mới trong môi trường giá rét ngoài trời dã ngoại vùng cực đoan trải qua kiểm nghiệm thực tế lâu dài đã phô diễn tính năng phát điện chịu nhiệt độ thấp chống chịu thời tiết khắc nghiệt.

22 nét

HÁN VIỆT: HỘ NGOẠI

HSK 6 (3.0)

Động từ

#376

护

hù

bảo vệ

老师鼓励大家积极护，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ dà jiā jī jí hù, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bảo vệ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: HỘ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#377

花费

huā fèi

tiêu tốn, chi phí; tổn phí

老一辈战略科学家花费了毕生精力与心血，为祖国筑牢了坚不可摧的国防科技地下钢铁长城。

Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā huā fèi le bì shēng jīng lì yǔ xīn xuè, wéi zǔ guó zhù láo le jiān bù kě cuī de guó fáng kē jì dì xià gāng tiě cháng chéng.

Các nhà khoa học chiến lược tiền bối đã tiêu tốn cống hiến trọn vẹn tâm huyết và sinh lực cả cuộc đời, bồi đắp vững chắc bức Vạn Lý Trường Thành thép dưới lòng đất khoa học công nghệ quốc phòng không thể phá vỡ cho Tổ quốc.

25 nét

HÁN VIỆT: HOA PHÍ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#378

花瓶

huā píng

bình hoa, lọ hoa; bình hoa di động (chỉ hình thức)

做科学研究容不得任何形式主义的花架子，科研成果绝不能当作摆设的花瓶，而要经受住工程实践的真刀真枪检验。

Zuò kē xué yán jiū róng bù dé rèn hé xíng shì zhī huā jià zi, kē yán chéng guǒ jué bù néng dāng zuò bǎi shè de huā píng, ér yào jīng shòu zhū gōng chéng shí jiàn de zhēn dāo zhēn qiāng jiǎn yàn.

Làm nghiên cứu khoa học không thể dung thứ cho bất kỳ thứ rườm rà của chủ nghĩa hình thức, thành quả nghiên cứu khoa học tuyệt đối không được coi như lọ hoa bình hoa làm cảnh để trưng bày, mà phải chịu đựng được sự kiểm chứng thật bằng dao thật súng thật của thực tiễn công trình.

23 nét

HÁN VIỆT: HOA BÌNH


HSK 6 (3.0)

Danh từ

#379

花生

huā shēng

củ lạc, đậu phộng

农科院专家成功培育出了高产、高油酸且抗旱抗病性卓越的优质新型花生新品种。

Nóng kē yuán zhuān jiā chéng gōng péi yù chū le gāo chǎn, gāo yóu suān qiè kàng hàn kàng bìng xīng zhuō yuè de yōu zhì xīn xíng huā shēng xīn pín zhǒng.

Các chuyên gia Viện Khoa học Nông nghiệp đã lai tạo thành công giống lạc mới chất lượng cao cho năng suất vượt trội, hàm lượng axit oleic cao cùng khả năng chịu hạn kháng sâu bệnh siêu việt.

22 nét

HÁN VIỆT HOA SINH

HSK 6 (3.0)

Động từ

#380

化解

huà jiě

hóa giải, giải tỏa triệt tiêu (nguy cơ/mâu thuẫn)

我们要全面增强科技安全底线思维，有效防范和化解产业链供应链关键环节可能面临的断供风险。

Wǒ men yào quán miàn zēng qiáng kē jì ān quán dī xiàn sī wéi, yǒu xiào fáng fǎn hé huà jiě chǎn yè liàn gòng yīng liàn guān jiàn huán jié kě néng miǎn lín de duàn gòng fēng xiǎn.

Chúng ta phải tăng cường toàn diện tư duy lẫn ranh giới an toàn khoa học công nghệ, phòng ngừa và triệt tiêu hóa giải hiệu quả các nguy cơ gián đoạn nguồn cung mà các khâu then chốt của chuỗi cung ứng chuỗi ngành nghề có thể đối mặt.

25 nét

HÁN VIỆT HOA GIẢI

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#381

幻想

huàn xiǎng

ảo tưởng, mộng tưởng, tưởng tượng

脚踏实地的奋斗胜过一切不切实际的空洞幻想，唯有实干才能托起伟大复兴的宏伟梦想。

Jiǎo tà shí dì de fèn dòu shèng guò yī qiè bù qiè shí jì de kōng dòng huàn xiǎng, wéi yǒu shí gān cái néng tuō qǐ wéi dà fù xīng de hóng wěi mèng xiǎng.

Sự phấn đấu kiên định vững vàng từng bước thực tế giá trị hơn mọi ảo tưởng xa vời viễn vông, chỉ có hành động thực chất mới nâng đỡ được những ước mơ phục hưng vĩ đại.

22 nét

HÁN VIỆT HUYỄN TƯỢNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#382

患者

huàn zhě

bệnh nhân, người bệnh

国家组织开展罕见病药品集中攻关与医保准入谈判，让广大罕见病患者用得上、用得起全球前沿创新救命药。

Guó jiā zǔ zhī kǎi zhǎn jiàn bìng yào pīn jī zhōng gōng guān yǔ yī bǎo zhǔn rù tán pàn, ràng guǎng dà hǎn jiàn bìng huàn zhě yòng de shàng, yòng de qǐ quán qiú qián yán chuàng xīn jiù mìng yào.

Nhà nước tổ chức triển khai đàm phán đưa thuốc vào bảo hiểm y tế và tập trung nghiên cứu thuốc điều trị bệnh hiếm, giúp cho đồng bào bệnh nhân mắc bệnh hiếm nghèo hiếm gặp được tiếp cận và có đủ khả năng chi trả các loại thuốc cứu mạng đối mới sáng tạo tiên phong toàn cầu.

23 nét

HÁN VIỆT HOẠN GIẢ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#383

皇帝

huáng dì

hoàng đế, vua

秦始皇统一六国并创立中央集权体制，成为中国历史上第一位使用“皇帝”称号的封建君主。

Qín shǐ huáng tǒng yī liù guó bìng chuàng lì zhōng yāng jí quán tǐ zhì, chéng wéi zhōng guó lì shǐ shàng dì yī wèi shǐ yòng "huáng dì" chéng hào de fēng jiàn jūn zhǔ.

Tấn Thủy Hoàng thống nhất sáu nước và thiết lập thể chế tập quyền trung ương, trở thành vị quân chủ phong kiến đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc sử dụng danh hiệu 'Hoàng đế'.

27 nét

HÁN VIỆT HOÀNG ĐẾ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#384

回应

huì yìng

hồi đáp, phản hồi, đáp lại

国家科技部门积极回应广大青年学者的关切，全面推行科研经费“包干制”以最大限度赋予科研自主权。

Guó jiā kē jì bù bú mén jī jí huì yìng guǎng dà qīng nián xué zhě de guān qiè, quán miàn tuī xíng kē yán jīn fēi "bāo gān zhì" yǐ zuì dà xiàn dù fù yǔ kē yán zì zhǔ quán.

Cơ quan khoa học công nghệ quốc gia tích cực đáp lại phản hồi hồi đáp mỗi quan tâm của đồng đảo các học giả trẻ, đẩy mạnh toàn diện chế độ 'khoán trọn gói' kinh phí nghiên cứu khoa học để trao quyền tự chủ nghiên cứu khoa học ở mức cao nhất.

28 nét

HÁN VIỆT HỒI ỨNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#385

毁

huǐ

hủy hoại, phá hủy, làm hỏng

在严谨的科研工作中，一次疏忽大意的违规操作就可能彻底毁掉历经数月艰苦制备的高纯度单晶薄膜样品。

Zài yǎn jīn de kē yán gōng zuò zhōng, yī cì shū hū dà yì de wéi guī cāo zuò jiù kě néng chè dǐ huǐ diào lǐ jīng shù yuè jiǎn kǔ zhì bèi de gāo chún dù dān jīng mó bǎo yàng pīn.

Trong công tác nghiên cứu khoa học nghiêm cần, một lần thao tác vi phạm quy định do sơ suất cấu thả cũng có thể phá hủy hủy hoại hoàn toàn mẫu màng mỏng đơn tinh thể độ tinh khiết cao điều chế gian khổ suốt nhiều tháng trời.

13 nét

HÁN VIỆT HUỖY

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#386

会见

huì jiàn

tiếp kiến, hội kiến gặp mặt chính thức

国家领导人在人民大会堂亲切会见载人航天工程功勋航天员代表，高度赞扬他们为国争光的崇高奉献精神。

Guó jiā lǐng dǎo rén zài rén mín dà táng qīn qiè huì jiàn zài rén hàng tiān gōng chéng gōng xūn háng tiān yuán dài biǎo, gāo dù zàn yáng tā men wéi guó zhēng guāng de chóng gāo fèng xiàn jīng shén.

Lãnh đạo Nhà nước tại Đại Lễ đường Nhân dân đã thân mật hội kiến tiếp kiến các đại biểu phi hành gia có công lao của công trình hàng không vũ trụ có người lái, đánh giá rất cao tinh thần cống hiến cao đẹp vì Tổ quốc mang lại vinh quang của họ.

28 nét

HÁN VIỆT HỘI KIẾN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#387

会长

huì zhǎng

hội trưởng, chủ tịch hội đồng hiệp hội

国际应用物理学会会长在全体大会上发表开幕辞，呼吁全球青年学者加强在前沿量子科技领域的跨国协作。

Guó jì yìng yòng wù lǐ xué huì huì zhǎng zài quán tǐ dà huì shàng fā biǎo kāi mù cí, hū yù quán qiú qīng nián xué zhě jiā qiáng zài qián yán liàng zǐ kē jì lǐng yù de kuà guó xié zuò.

Hội trưởng Chủ tịch Hiệp hội Vật lý Ứng dụng Quốc tế tại đại hội toàn thể đã có bài phát biểu khai mạc, kêu gọi các học giả trẻ tuổi toàn cầu tăng cường hiệp đồng xuyên quốc gia trong lĩnh vực công nghệ lượng tử tiên phong.

24 nét

HÁN VIỆT HỘI TRƯỞNG



HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#388

绘画

huì huà

hội họa, tranh vẽ; vẽ tranh mỹ thuật

高分辨率多光谱成像技术成功应用于古代传世名画的数字修复, 重现了中华古典绘画的绝美神韵与细腻笔触。

Gāo fēn biān lǜ duō guāng pǔ chéng xiàng jì shù chéng gōng yìng yòng yú gù dài chuán shì míng huà de shù zì xiū fù, chóng xiàn le zhōng huá gù diǎn huì huà de jué měi shén yùn yǔ xì nì bǐ chù.

Công nghệ chụp ảnh đa phổ độ phân giải cao được ứng dụng thành công vào phục hồi kỹ thuật số các bức danh họa cổ truyền đời, tái hiện thần thái tuyệt mỹ và nét vẽ tinh tế của nền hội họa cổ điển Trung Hoa.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: HỘI HOẠ

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ / Danh từ

#389

昏

hūn

hôn mê, choáng váng; chập tối, hoàng hôn

在南极极夜极寒野外勘探中, 科考队员顶住严重低温低氧引起的头昏反应, 毅然完成了气象观测站架设任务。

Zài nán jí yè jí hán yě wài kǎn tàn zhōng, kē kǎo duì yuán dǐng zhù yán zhòng dí wēn dī yǎng yīn qī de tóu hūn fǎn yīng, yì rán wǎn chéng le qì xiàng guān cè zhàn jià shè rèn wù.

Trong cuộc khảo sát dã ngoại giá rét đêm cực Nam Cực, các đội viên khảo sát khoa học đã vượt qua cảm giác choáng váng đầu váng do thiếu oxy và nhiệt độ cực thấp gây ra, kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ dựng trạm quan trắc khí tượng.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: HÔN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#390

混

hùn

trộn lẫn, pha lẫn; sống lẫn hời qua ngày (hùn)

微电子纳米光刻胶原料必须达到十二个九超高纯度标准, 绝不容许混入任何微米级哪怕极微小的杂质颗粒。

Wēi diàn zǐ nà mǐ guāng kè jiāo yuán liào bì xū dǎ dào shí èr gè jiǔ chāo gāo chún dù biāo zhǔn, jué bù róng xǔ hùn rù rè hé wēi mǐ jī nǎ pà jí wēi xiǎo de zá zhì kē lì.

Nguyên liệu keo cản quang nano vi điện tử bắt buộc phải đạt tiêu chuẩn siêu tinh khiết 12 số chín, tuyệt đối không cho phép trộn lẫn pha lẫn bất kỳ hạt tạp chất nào cho dù là siêu nhỏ cấp độ micromet.

📖 12 nét

HÁN VIỆT: HỖN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ / Danh từ

#391

混合

hùn hé

hỗn hợp, pha trộn, trộn lẫn

新型绿色动力客机采用了先进的生物航空煤油与高压液态氢气混合推进动力系统, 实现了超低碳排放飞行。

Xīn xíng lǜ sè dòng lì kè jī cǎi yòng le xiān jìn de shēng wù kōng méi yóu yǔ gāo yā yè tǎi qīng qì hùn hé tuī jìn dòng lì xì tǒng, shí xiàn le chāo dī tàn pái fāng fēi xíng.

Máy bay chở khách sử dụng động cơ xanh kiểu mới đã áp dụng hệ thống động lực đẩy hỗn hợp tiên tiến giữa dầu hỏa hàng không sinh học và khí hydro lỏng áp suất cao, thực hiện các chuyến bay phát thải carbon siêu thấp.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: HỖN CÁP

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#392

混乱

hùn luàn

hỗn loạn, lộn xộn, rối loạn vô trật tự

在大型突发公共安全事件演练中, 应急指挥系统能够高效疏导庞大人流, 坚决防止发生踩踏与现场秩序混乱。

Zài dà xíng tū fā gōng ān quán shì jiàn yǎn liàn zhōng, yìng jí zhǐ huī xì tǒng néng gāo xiào shū dǎo péng dà rén liú, jiǎn jué fǎng zhǐ fā shēng cǎi tà yǔ xiǎn chǎng zhì xù hùn luàn.

Trong các đợt diễn tập sự cố an toàn công cộng đột xuất quy mô lớn, hệ thống chỉ huy khẩn cấp có thể phân luồng điều tiết dòng người khổng lồ một cách hiệu quả cao, kiên quyết ngăn ngừa hiện tượng giẫm đạp và trật tự hiện trường bị hỗn loạn.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: HỖN LUẬN

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#393

活跃

huó yuè

sôi nổi, hoạt bát, năng động; làm sôi nổi

教授通过设计一系列互动问答游戏, 迅速活跃了学术讲座现场的气氛。

Jiào shòu tōng guò shè jì yí xì liè hù dòng wèn dá yóu xì, xùn sù huó yuè le xué shù jiǎng zuò xiǎn chǎng de qì fēn.

Giáo sư thông qua việc thiết kế chuỗi trò chơi hỏi đáp tương tác đã nhanh chóng khuấy động bầu không khí sôi nổi của buổi thuyết trình học thuật.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: HOẠT ĐƯỢC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#394

火箭

huǒ jiàn

tên lửa, tên lửa đẩy vũ trụ

我国新一代无毒无污染重型运载火箭在沿海航天发射场成功发射升空, 将空间站大型核心舱送入预定轨道。

Wǒ guó xīn yí dài wú dú wú wū rǎn zhòng xíng yùn zài zài huǒ jiàn zài yán hǎi háng tiān fā shè cháng chéng gōng fā shè shàng kōng, jiāng kōng jiān zhàn dà xīng hé xīn cāng sòng rù yù dìng guī dào.

Tên lửa đẩy hạng nặng thế hệ mới không độc hại không gây ô nhiễm của nước ta tại bãi phóng vũ trụ ven biển đã phóng thành công lên không gian, đưa khoang lõi cỡ lớn của trạm vũ trụ vào đúng quỹ đạo dự kiến.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: HOẢ TIẾN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#395

机动车

jī dòng chē

xe cơ giới, phương tiện giao thông gắn động cơ

城市全面推行新能源智能网联机动车充电桩全覆盖工程, 有力构建了绿色低碳智慧交通基础设施新生态。

Chéng shì quán miàn tuī xíng xīn néng yuán zhì néng wǎng lián jī dòng chē zhuāng chǎng quán fù gài gòng chéng, yǒu lì gòu jiàn le lǜ sè dī tàn zhī huì jiāo tōng jī chǔ shī shè xīn shēng tài.

Thành phố đẩy mạnh toàn diện công trình phủ kín trạm sạc xe cơ giới phương tiện cơ giới kết nối mạng thông minh năng lượng mới, xây dựng nên hệ sinh thái mới hạ tầng giao thông thông minh xanh ít phát thải carbon đầy sức mạnh.

📖 33 nét

HÁN VIỆT: CƠ ĐỘNG XA

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#396

机关

jī guān

cơ quan công quyền; cơ quan then máy, cạm bẫy

各级党政机关坚决贯彻落实中央八项规定精神, 持之以恒纠治“四风”, 切实减轻基层干部的形式主义负担。

Gē jí dǎng zhèng jī guān jiǎn jué guān ché luò shí zhōng guó yǎng bǎ xiàng guǐ dīng jīng shén, chí zhǐ yì héng jiǔ zhì "sì fēng", qiè shí jiǎn qīng jī céng gān bù de xíng shì zhǔ yì fù dān.

Các cơ quan Đảng và chính quyền các cấp kiên quyết quán triệt thực hiện tinh thần Tám quy định của Trung ương, kiên trì không ngừng bài trừ 'Bốn tác phong xấu', giảm nhẹ thiết thực gánh nặng chủ nghĩa hình thức cho các cán bộ ở cơ sở.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: CƠ QUAN



HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#397

机械

jī xiè

cơ khí, máy móc; máy móc ráp khuôn

我国盾构机制造技术实现了从完全依赖进口到领跑全球的历史性跨越，自主研发的超大直径硬岩掘进机械出口数十个国家。

Wǒ guó dùn gōu jī zhì zào jī shù shí xiàn le cóng wán quán yī lài jìn kǒu dào lǐng pǎo quán qiú de lì shǐ xìng kuà yuè, zì zhǔ yán zhì de chāo dà zhí jīng yīng yán jué jìn jī xiè chū kǒu shù shí gè guó jiā.

Công nghệ chế tạo máy đào hầm TBM của nước ta đã đạt được bước nhảy vọt lịch sử từ chỗ hoàn toàn phụ thuộc vào nhập khẩu tiến tới dẫn đầu toàn cầu, máy móc đào hầm đã cứng đường kính siêu lớn tự chủ nghiên cứu đã xuất khẩu tới hàng chục quốc gia.

21 nét

HÁN VIỆT: CƠ GIỚI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#398

基督教

jī dū jiào

Kitô giáo, đạo Cơ đốc

在世界文明多元交流与比较宗教哲学学术研讨会上，学者们深入探讨了基督教在人类历史演进中的文化影响。

Zài shì jiè wén míng duō yuán jiāo liú yǔ yǐ bǐ jiào zōng jiào zhé xué xué shù yán tào huì shàng, xué zhě men shēn rù tàn tǎo le jī dū jiào zài rén lèi lì shǐ yǎn jìn zhōng de wén huà yǐng xiǎng.

Tại hội thảo học thuật triết học tôn giáo so sánh và giao lưu đa nguyên các nền văn minh thế giới, các học giả đã đi sâu bàn thảo về ảnh hưởng văn hóa của Kitô giáo đạo Cơ đốc trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại.

31 nét

HÁN VIỆT: CƠ ĐỐC GIÁO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#399

激情

jī qíng

nhật huyết, đam mê cháy bỏng, cảm xúc sục sôi

广大青年科学家怀揣科技报国的赤子初心与满腔激情，在深空探测与人工智能前沿赛道上奋勇争先。

Guǎng dà qīng nián kē xué jiā huái kē jì bào guó de chì zǐ chū xīn yǔ mǎn qiāng jī qíng, zài shēn kōng tàn cè yǔ yǐ rén gōng zhì néng qián yán sài dào shàng fèn yǒng zhēng xiān.

Đồng đạo các nhà khoa học trẻ tuổi mang trong tim tấm lòng son phụng sự Tổ quốc bằng khoa học cùng nhiệt huyết đam mê sục sôi, đã dũng cảm tiên phong trên đường đua mũi nhọn trí tuệ nhân tạo và thám hiểm không gian sâu.

22 nét

HÁN VIỆT: KÍCH TÌNH

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#400

吉利

jí lì

may mắn, cát tường tốt lành

在农历新春佳节来临之际，千家万户张贴寓意吉祥吉利的大红春联与福字，满怀喜悦期盼新的一年风调雨顺。

Zài nóng lì xīn chūn jiā jié lái lín zhī jì, qiān jiā wàn hù zhāng tiē yù yì jí xiáng jí lì de dà hóng chūn lián yǔ fú zì, mǎn huái xī yuè qī pàn xīn de yī nián fēng tiáo yǔ shùn.

Trước thêm Tết Nguyên Đán cổ truyền đến gần, muôn nhà muôn cửa dán những bức câu đối đỏ và chữ Phúc mang ngụ ý may mắn cát tường tốt lành, tràn ngập niềm vui mong chờ một năm mới mưa thuận gió hòa.

23 nét

HÁN VIỆT: CÁT LỢI

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#401

吉祥

jí xiáng

cát tường, may mắn như ý, điềm lành

中华传统非遗剪纸艺人运用巧手剪出一张张寓意吉祥如意、五谷丰登的精美窗花，装点喜庆的新春佳节。

Zhōng huá chuán tǒng fēi yí jiǎn zhì yì rén yùn yòng qiǎo shǒu jiǎn chū yǐ zhāng zhāng yù yì jí xiáng rú yì, wǔ gǔ fēng dēng de jīng měi chuāng huā, zhuāng diǎn xǐ qīng de xīn chūn jiā jié.

Nghệ nhân cắt giấy di sản phi vật thể truyền thống bằng đôi bàn tay khéo léo đã cắt nên từng bức tranh dán cửa sổ tinh xảo mang ý nghĩa cát tường như ý, mùa màng bội thu, trang hoàng cho ngày Tết Nguyên đán rộn rã niềm vui.

22 nét

HÁN VIỆT: CÁT TƯỜNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#402

极端

jí duān

cực đoan, tột cùng; thời tiết cực đoan

国家气象防灾减灾中心建立了完善的气候灾害早期预警网络，显著提升了应对特大暴雨等极端天气的精准监测预报能力。

Guó jiā qì xiàng fáng zǎi jiǎn zhōng xīn jiàn lì le wán shàn de qì hòu zāi hài zǎo qī yù jǐng wǎng luò, xiǎn zhù tí shēng le duì tè dà bào yǔ děng jí duān tiān qì de jīng zhǔn jiān cè yǔ bào nòng lì.

Trung tâm Phòng chống và Giảm nhẹ Thiên tai Khí tượng Quốc gia đã thiết lập mạng lưới cảnh báo sớm thảm họa khí hậu hoàn thiện, nâng cao rõ rệt năng lực giám sát và dự báo chuẩn xác đối với các hiện tượng thời tiết cực đoan như mưa to lũ lớn đặc biệt lớn.

24 nét

HÁN VIỆT: CỰC ĐOAN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#403

急救

jí jiù

cấp cứu, sơ cứu khẩn cấp

城市智慧医疗急救调度网络依托5G与车联网技术，实现了急救车“上车即入院”的院前院内无缝高效救治。

Chéng shì zhì huì yī liáo jí jiù tiáo dù wǎng luò yī tuō 5G yǔ chē lián wǎng jī shù, shí xiàn le jí jiù chē "shàng chē jí rù yuàn" de yuàn qián yuàn nèi wú fèng gāo xiǎo jiù zhì.

Mạng lưới điều phối cấp cứu y tế thông minh đô thị dựa vào công nghệ Internet vạn vật kết nối xe và 5G đã thực hiện việc cứu chữa hiệu quả cao liên mạch trong và trước viện 'lên xe cấp cứu là coi như nhập viện'.

19 nét

HÁN VIỆT: CẤP CỨU

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#404

疾病

jí bìng

bệnh tật, dịch bệnh nguy hiểm

国家深入推进健康中国战略，完善重大慢性非传染性疾病早期筛查与综合防治体系，筑牢全民健康基石。

Guó jiā shēn rù tuī jìn jiàn kāng zhōng guó zhàn lüè, wán shàn zhòng dà màn xìng fēi chuán rǎn xìng jí bìng zǎo qī shāi chá yǔ zōng hé fáng zhì tǐ xì, zhù láo quán mǐn jiàn kāng jī shí.

Nhà nước đi sâu thúc đẩy Chiến lược Một Trung Quốc Khỏe mạnh, hoàn thiện hệ thống sàng lọc sớm và phòng chống điều trị tổng hợp các bệnh mãn tính không truyền nhiễm nguy hiểm, xây đắp vững chắc nền móng sức khỏe cho toàn dân.

16 nét

HÁN VIỆT: TẬT BỆNH

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ / Lượng từ

#405

集

jí

tập hợp, quy tụ; tập (sách/phim - lượng từ); tuyển tập

国家实验室集聚了全球多学科领军战略科学家与拔尖青年科技英才，形成了强大的原始创新攻坚军团。

Guó jiā shí yàn shì jí jù le quán qiú duō xué kē lǐng jūn zhàn lüè kē xué jiā yǔ bá jiān qīng nián kē jì yīng cái, xíng chéng le qiáng dà de yuán shǐ chuàng xīn gōng jīn jūn tuán.

Phòng thí nghiệm quốc gia quy tụ tập hợp các anh tài khoa học công nghệ thanh niên xuất chúng cùng các nhà khoa học chiến lược dẫn đầu đa ngành học trên toàn cầu, hình thành nên một binh đoàn vượt khó đối mới sáng tạo nguyên bản hùng hậu.

8 nét

HÁN VIỆT: TẬP



HSK 6 (3.0)

Động từ

#406

加盟

jiāméng

gia nhập, đầu quân liên kết, nhượng quyền

多位在国际前沿微电子与量子计算领域享有盛誉的海外顶尖青年学者，毅然选择全职加盟国家实验室。

Duō wèi zài guó jì qián yán wēi diàn zǐ yǔ liàng zì jì suàn lǐng yù xiāng yǒu shèng yù de hǎi wài dīng jiān qīng nián xué zhě, yì rán xuǎn zé quán zhí jiā méng guó jiā shí yǎn shì.

Nhiều học giả trẻ tuổi hàng đầu ở nước ngoài có danh tiếng lẫy lừng trong các lĩnh vực tính toán lượng tử và vi điện tử tiên phong quốc tế đã kiên quyết lựa chọn gia nhập đầu quân toàn thời gian cho Phòng Thí nghiệm Quốc gia.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : GIA MINH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#407

茄子

qiézi

cà tím, quả cà tím

在现代太空航天育种农业示范温室里，培育出的优质高产紫色长茄子肉质细腻柔嫩、营养价值极高。

Zài xiàn dài tài kōng háng tiān yù zhōng nóng yè shì fān wēn shì lǐ, péi yù chū de yōu zhì gāo chān zǐ sè zhǎng qié zǐ ròu zhì xì nì róu nèn, yíng yǎng jià zhí jí gāo.

Bên trong nhà kính trình diễn nông nghiệp chọn tạo giống hàng không vũ trụ hiện đại, giống cà tím quả cà tím dài màu tím năng suất cao chất lượng cao được nuôi cấy cùi thịt mịn màng mềm mại, giá trị dinh dưỡng cực kỳ cao.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : GIA TỬ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#408

家电

jiādiàn

thiết bị điện gia dụng, đồ điện gia dụng

我国智能绿色家电制造业全面加快数字化转型升级，多项核心变频与节能技术已跃居全球领先水平。

Wǒ guó zhì néng lǜ sè jiā diàn zhì zào yè quán miàn jiā kuài shù zì huà zhuǎn xíng shēng jí, duō xiàng hé xīn biàn pín yǔ jié néng jì shù yì yuè jū quán qiú líng xiān shuǐ píng.

Ngành chế tạo đồ điện gia dụng thiết bị điện gia dụng xanh thông minh của nước ta đang nhanh toàn diện nâng cấp chuyển đổi số, nhiều công nghệ tiết kiệm năng lượng và biến tần cốt lõi đã vươn lên đứng ở mức dẫn đầu toàn cầu.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : GIA ĐIỆN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#409

家园

jiāyuán

ngôi nhà chung, mái ấm quê hương, quê nhà

我们要携手全球各国科技界共同应对气候变化与生态危机，全力守护人类赖以生存的唯一美丽地球家园。

Wǒ men yào xié shǒu quán qiú gè guó kē jì jiè gòng tóng yìng duì qì hòu biàn huà yǔ shēng tài wēi jī, quán lì shǒu hù rén lèi lái yǐ shēng cún de wéi yī měi lì dì qiú jiā yuán.

Chúng ta phải chung tay cùng giới khoa học công nghệ các nước trên toàn cầu cùng ứng phó với khủng hoảng sinh thái và biến đổi khí hậu, dốc toàn lực bảo vệ quê hương mái ấm quê nhà Trái Đất tươi đẹp duy nhất mà nhân loại nương tựa để sinh tồn.

📖 16 nét

HÁN VIỆT : GIA VIÊN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#410

嘉宾

jiā bīn

khách quý, đại biểu danh dự

本届全球人工智能创新大会吸引了来自全球五十余个国家和地区的千余位业界重磅嘉宾出席。

Běn jiè quán qiú rén gōng zhì néng chuàng xīn dà huì xī yǐn le lái zì quán qiú wǔ shí yú gè guó jiā hé dì qū de qiān yú wèi yè jiè zhòng bàng jiā bīn chū xī.

Đại hội Đổi mới Trí tuệ Nhân tạo Toàn cầu lần này đã thu hút hơn một nghìn vị khách quý trọng thể trong ngành đến từ hơn 50 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới tham dự.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : GIA TÂN

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#411

假日

jià rì

ngày nghỉ, kỳ nghỉ lễ

在节假日期间，大科学装置建设现场的千余名科研工程师与建设者依然坚守岗位、分秒必争抢抓工期。

Zài jià rì jiān rì qī jiān, dà kē xué zhuāng zhì jiàn shè xiàn chǎng de qiān yú míng kē yán gōng chéng shī yǔ jiàn shè zhě yì rán jiān shǒu gǎng wèi, fēn miǎo bì zhēng qiǎng zhuā gōng qī.

Trong kỳ nghỉ ngày nghỉ lễ, hơn ngàn kỹ sư nghiên cứu khoa học cùng những người xây dựng tại hiện trường xây dựng thiết bị khoa học lớn vẫn kiên trì bám trụ vị trí, tranh thủ từng phút từng giây chạy đua với tiến độ thi công.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : GIẢ NHẬT

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#412

尖

jiān

nhọn, sắc nhọn; tinh hoa mũi nhọn (đầu nhọn)

大科学装置纳米探针显微镜的超细单原子针尖，能够极其精确地对单个微分子进行原子级物理操控。

Dà kē xué zhuāng zhì nǎn mǐ zhēn xiān wēi jīng de chāo xī dān yuán zǐ zhēn jiān, néng gòu jí qī jīng què dì duì dān ge wēi guān fēn zǐ jīn xíng yuán zǐ jí wù lǐ cāo kòng.

Đầu kim nhọn đơn nguyên tử siêu mảnh của kính hiển vi đầu dò nano thiết bị khoa học lớn có thể thao tác vật lý cấp độ nguyên tử một cách vô cùng chuẩn xác đối với từng phân tử vi mô đơn lẻ.

📖 13 nét

HÁN VIỆT : TIÊM

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#413

监测

jiāncè

quan trắc, giám sát đo đạc, theo dõi

国家生态环境遥感卫星星座实现了对全国江河湖海与大气空气质量的全天候全覆盖高精度动态监测。

Guó jiā shēng tài yuǎn gǎng wéi xīng zǔ shí xiàn le duì quán guó jiāng hé hú hǎi yǔ dà qì kōng qì zhì liàng de quán tiān hòu quán fù gāi gāo jīng dù dòng tài jiān cè.

Chùm vệ tinh viễn thám môi trường sinh thái quốc gia đã thực hiện việc theo dõi quan trắc giám sát đo đạc động thái độ chính xác cao bao phủ toàn diện 24/7 đối với chất lượng không khí khí quyển và sông hồ biển cả trên cả nước.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : GIAM TRẮC

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#414

监督

jiān dū

giám sát, kiểm tra giám sát; sự giám sát

健全党统一领导、全面覆盖、权威高效的监督体系，完善对权力运行的制约和全方位有效监督。

Jiàn quán dǎng tóng yī lǐng dǎo, quán miàn fù gài, quán wēi gāo xiào de jiān dū tǐ xì, wán shàn duì quán lì yùn xíng de zhì yuē hé quán fāng wèi yǒu xiào jiān dū.

Hoàn thiện hệ thống giám sát có sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, bao phủ toàn diện, có thẩm quyền và hiệu quả cao, hoàn thiện sự ràng buộc và kiểm tra giám sát hữu hiệu toàn diện đối với việc vận hành quyền lực.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : GIAM ĐỐC



HSK 6 (3.0)

Động từ

#415

捡
jiǎn

nhặt lên

老师鼓励大家积极**捡**，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiǎn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực
nhặt lên, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: KIỂM

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#416

简介
jiǎnjiè

tóm tắt giới thiệu, giới thiệu sơ lược

在大科学工程官方学术网站首页上，详细刊登了该前沿重大装置的科研使命、核心参数与科学目标简介。
Zài dà kē xué gōngchéng guānfāng xuéshù wǎngzhàn shǒuyè shàng, xiángxì kǎn dēng le gāi qiányán zhòng dà zhuāngzhì de kē yán shǐ mìng, hé xīn cān shù yǔ kē xué mù biāo jiǎnjiè.
Trên trang chủ trang web học thuật chính thức của công trình khoa học lớn đã đăng tải chỉ tiết bài giới thiệu sơ lược tóm tắt giới thiệu về mục tiêu khoa học, tham số cốt lõi và sứ mệnh nghiên cứu khoa học của thiết bị trọng đại tiên phong này.

24 nét

HÁN VIỆT: GIẢN GIỚI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#417

剑
jiàn

thanh kiếm, gươm báu

一代代功勋科学家在大西北荒漠戈壁深处隐姓埋名、为国铸剑，铸就了捍卫国家安全的坚固战略盾牌。
Yí dài dài gōnggōng kē xué jiā zài dà xī běi huāng mò mò gē bì shēn chù yín xíng mái míng, wèi guó zhù jiàn, zhù jiù le hàn wèi guó jiā ān quán de jiān gù zhàn lüè dùn pái.
Bao thế hệ các nhà khoa học có công lao nơi sâu thẳm sa mạc Gobi miền Đại Tây Bắc đã ẩn danh giấu tên, đúc kiếm thanh kiếm cho Tổ quốc, đúc nên tấm lá chắn chiến lược kiên cố bảo vệ an ninh quốc gia.

11 nét

HÁN VIỆT: KIỂM

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#418

鉴定
jiàn dìng

thẩm định, nghiệm thu giám định chuyên môn

国家科技成果评估委员会组织多名权威院士专家，对这一具有国际领先水平的工业软件系统进行了严格的技术鉴定。
Guó jiā kē jì chéng guǒ píng gū wéi yuán huì zǔ zhī duō míng quán wēi yuán shì zhuān jiā, duì zhè yí jù yǒu guó jì líng xiān shuǐ píng de gōng yè ruǎn jiàn xì tǒng jìn xíng le yán gé de jì shù jiàn dìng.
Hội đồng Đánh giá Thành quả Khoa học Công nghệ Quốc gia đã tổ chức nhiều chuyên gia viện sĩ có thẩm quyền tiến hành nghiệm thu giám định kỹ thuật nghiêm ngặt đối với hệ thống phần mềm công nghiệp sở hữu trình độ dẫn đầu quốc tế này.

16 nét

HÁN VIỆT: GIẨM ĐỊNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#419

箭
jiàn

mũi tên, tên bắn; tên lửa vũ trụ (huǒjiàn)

长征系列运载火箭如同一支支离弦之箭冲破九霄，将一颗颗中国研制的高性能卫星精准送入太空预定轨道。
Chángzhēng xìlì yùnzài huǒjiàn rú yí zhī zhī lí xián zhī jiàn chōng pò jiǔ xiāo, jiāng yí kē kē zhōng guó yán zhì de gāo xìng néng wèi xīng jīng zhǔn sòng rù tài kōng yù dìng guī dào.
Dòng tên lửa đẩy Trường Chinh tựa như những mũi tên mũi tên bắn rời khỏi dây cung lao vút xuyên qua chín tầng mây, đưa từng quả vệ tinh tinh năng cao do Trung Quốc chế tạo vào chuẩn xác quỹ đạo định sẵn ngoài không gian.

8 nét

HÁN VIỆT: TIẾN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#420

将军
jiāng jūn

tướng quân, cấp tướng quân đội; chiếu tướng (cờ vua)

这位战功赫赫的老将军在建军节座谈会上勉励青年官兵牢记强军兴军强国使命，做党和人民的忠诚卫士。
Zhè wèi zhàn gōng hè hè de lǎo jiāng jūn zài jiàn jūn jié zuò tán huì shàng miǎn lì qīng nián guān bīng láo jì qiáng jūn xīng jūn qiáng guó shǐ mìng, zuò dāng hé rén mín de zhōng chéng wèi shì.
Vị tướng quân lão thành lập nhiều chiến công hiển hách tại buổi tọa đàm Ngày Thành lập Quân đội đã động viên cán bộ chiến sĩ trẻ tuổi khắc ghi sứ mệnh xây dựng quân đội hùng mạnh phụng sự đất nước, làm người lính bảo vệ trung thành của Đảng và nhân dân.

22 nét

HÁN VIỆT: TƯỚNG QUÂN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#421

讲课
jiǎng kè

giảng bài, lên lớp thuyết giảng

中国空间站航天员开展了多次精彩生动的“天宫课堂”太空讲课，在千万青少年心中播下了科学的种子。
Zhōng guó kōng jiān tiān háng tiān yuán kāi zhǎn le duō cì jīng cǎi shēng dòng de "tiān gōng kē táng" tài kōng jiǎng kè, zài qiān wàn qīng shào nián xīn zhōng bō xià le kē xué de zhǒng zǐ.
Các phi hành gia trên trạm vũ trụ Trung Quốc đã triển khai nhiều buổi lên lớp thuyết giảng giảng bài không gian 'Lớp học Thiên Cung' sinh động đặc sắc, gieo vào trong tim hàng triệu thanh thiếu niên những hạt mầm khoa học.

27 nét

HÁN VIỆT: GIẢNG KHOÁ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#422

酱
jiàng

nước xốt, tương, nước chấm sốt

中华传统非物质文化遗产古法酿造大豆甜面酱选用优质大豆，经过天然阳光晒制发酵，酱香醇厚浓郁。
Zhōng huá chuán tǒng fēi wù zhì wén huà yí chǎn gǔ fǎ niàng zào dà dòu tián miàn jiàng xuǎn yòng yōu zhì dà dòu, jīng guò tiān rán yáng guāng shài zhì fā jiào, jiàng xiāng chún hòu nóng yù.
Món tương ngọt nước xốt tương đậu nành ủ lên men theo phương pháp cổ truyền di sản văn hóa phi vật thể truyền thống Trung Hoa lựa chọn đậu nành chất lượng cao, trải qua phơi nắng tự nhiên lên men, hương vị tương thơm nồng đậm đà.

8 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#423

酱油
jiàng yóu

nước tương, xì dầu

古法传统酿造特级头道生抽酱油色泽红褐透亮、鲜咸醇厚，是中式烹饪提鲜增色不可或缺的靈魂调料。
Gǔ fǎ chuán tǒng niàng zào tè jí tóu dào shēng chōu jiàng yóu sè zé hóng hē tòu liàng, xiān xián chún hòu, shì zhōng shì pēng rèn tí xiān zēng sè bù kě huò quē de líng hún tiáo liào.
Xì dầu nước tương nhất phẩm cốt được ủ lên men theo phương pháp thủ công cổ truyền có màu nâu đỏ óng ánh, vị mặn ngọt đậm đà, là gia vị linh hồn không thể thiếu làm dậy vị và lên màu cho ẩm thực Trung Hoa.

17 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG DẦU



HSK 6 (3.0)

Tính từ

#424

骄傲

jiāo ào

kiêu ngạo, tự hào

在取得骄人成绩的同时我们要时刻保持谦逊求实，切不可固步自封、盲目骄傲自满。

Zài qǔ dé jiāo rén chéng jī de tóng shí wǒ men yào shí kè bǎo chí qiān xūn qín shí, qìè bù kě gù bù zì fèng, máng mù jiāo ào zì mǎn.

Trong khi gặt hái được những thành tích đáng tự hào, chúng ta cần luôn giữ thái độ khiêm tốn cầu thị, tuyệt đối không được tự mãn hay kiêu ngạo chủ quan.

23 nét

HÁN VIỆT: KIÊU NGẠO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#425

焦点

jiāo diǎn

tiêu điểm, tâm điểm chú ý; tiêu cự (quang học)

如何统筹高质量发展与高水平安全，成为了当前全球经济治理与国际战略研讨会上备受瞩目的核心焦点。

Rú hé tǒng chóu gāo zhì liàng fā zhǎn yǔ gāo shuǐ píng ān quán, chéng wéi liǎo dāng qián quán qú jīng jì zhì lǐ yǔ guó jì zhàn lüè yán tao huì shàng bèi shòu zhǔ mù dí hé xīn jiāo diǎn.

Làm thế nào để điều phối hài hòa giữa phát triển chất lượng cao và an ninh mức độ cao đã trở thành tâm điểm tiêu điểm cốt lõi thu hút sự chú ý sâu sắc tại các hội thảo chiến lược quốc tế và quản trị kinh tế toàn cầu hiện nay.

19 nét

HÁN VIỆT: TIÊU ĐIỂM

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#426

脚印

jiǎo yìn

dấu chân, vết chân in hằn

一步一个脚印，求真务实攀登；广大科研工作者在科学探索的漫漫征途上留下了坚实执着的奋斗足迹。

Yí bù yí gè jiǎo yìn, qiú zhēn wú shí pān dēng; guāng dà kē yán gōng zuò zhě zài kē xué tàn suǒ de màn màn zhēng tú shàng liú xià le jiān shí zhí zhuó de fèn dòu zú jì.

Từng bước từng bước một dấu chân vết chân in hằn, thực chất cầu thị trèo lên đỉnh cao; đồng đảo những người làm công tác nghiên cứu khoa học trên hành trình dài đằng đẵng thám hiểm khoa học đã để lại những dấu ấn phần dấu kiên trì vững chắc.

22 nét

HÁN VIỆT: CƯỚC ẤN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#427

教堂

jiàotáng

nhà thờ, thánh đường giáo đường

在欧洲著名历史文化名城，拥有数百年历史的古典哥特式大教堂被完整保护，吸引了全球各地的游客。

Zài ōu zhōu zhù míng lì shǐ wén huà míng chéng, yōng yǒu shù bǎi nián lì shǐ de gù diǎn gē tè shì dà jiào táng bèi wán zhěng bǎo hù, xī yīn le quán qú gè dì de yóu kè.

Tại thành phố lịch sử văn hóa danh tiếng của Châu Âu, nhà thờ giáo đường thánh đường kiểu Gothic cổ điển có bề dày lịch sử hàng trăm năm được bảo tồn nguyên vẹn, thu hút du khách từ khắp nơi trên toàn cầu.

23 nét

HÁN VIỆT: GIÁO ĐƯỜNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ riêng

#428

教育部

jiàoyùbù

Bộ Giáo dục

教育部全面启动高校拔尖创新人才培养战略行动，着力加强基础学科拔尖学生早期发现与贯通培养。

jiào yù bù quán miàn qǐ dòng gāo xiào bá jiān chuàng xīn rén cái péi yǎng zhān lüè xíng dòng, zhuó lì jiā qiáng jī chǔ xué kē bá jiān xué shēng zǎo qī fā xiàn yǔ guān tōng péi yǎng.

Bộ Giáo dục Bộ Giáo dục đã khởi động toàn diện hành động chiến lược bồi dưỡng nhân tài đổi mới sáng tạo xuất chúng các trường đại học, chú trọng tăng cường việc bồi dưỡng liên thông và phát hiện từ sớm học sinh xuất sắc các ngành học cơ bản.

34 nét

HÁN VIỆT: GIÁO DỤC BỘ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#429

接收

jiēshōu

tiếp nhận, thu nhận, nhận tín hiệu

五百米口径球面射电望远镜拥有无与伦比的高灵敏度，能够精准接收捕捉百亿光年外的微弱电磁波信号。

Wǔ bǎi mǐ kǒu jīng qiú miàn shè diàn wàng yuǎn jīng yōng yǒu wú yǔ lún bǐ de gāo líng mǐn dù, néng gòu jīng zhǔn jiē shōu bǎi yì guāng nián wài de wēi ruò diàn cí bō xìn hào.

Kính viễn vọng vô tuyến hình cầu khẩu độ 500 mét sở hữu độ nhạy cảm cao vô song, có thể thu nhận tiếp nhận bắt trọn chuẩn xác các tín hiệu sóng điện từ yếu ớt ngoài trăm tỷ năm ánh sáng.

20 nét

HÁN VIỆT: TIẾP THU

HSK 6 (3.0)

Động từ

#430

揭

jiē

mở ra, vạch trần; bóc ra lật mở

科研攻关团队通过多学科交叉融合创新，首次深入揭示了高温超导微观物理机制的重大未知奥秘。

Kē yán gōng guān tuán duì tōng guò duō xué kē jiāo chā róng hé chuàng xīn, shǒu cì shēn rù jiē shì le gāo wēn chāo dǎo wēi guān wù lǐ jī zhì de zhòng dà wèi zhī ài mì.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học vượt khó thông qua đổi mới sáng tạo dung hợp liên ngành đa học thuật lần đầu tiên đã hé mở vạch trần mở ra một cách sâu sắc điều huyền bí chưa biết trọng đại của cơ chế vật lý vi mô siêu dẫn nhiệt độ cao.

11 nét

HÁN VIỆT: YẾT

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#431

街头

jiētóu

đầu đường, trên đường phố, góc phố

在国家智能网联汽车示范城市的街头，全自动无人清扫车与智能网约车正在平稳高效穿梭运行。

Zài guó jiā zhì néng wǎng lián qì chē shì fàn chéng shì de jiētóu, quán zì dòng wú rén qīng sǎo chē yǔ zhì néng wǎng yuē chē zhèng zài píng wěn gāo xiào chuān suǒ yùn xíng.

Trên đường phố đầu đường các góc phố của thành phố trình diễn xe kết nối mạng thông minh quốc gia, xe taxi công nghệ thông minh và xe dọn vệ sinh không người lái tự động hoàn toàn đang vận hành con thoi êm ái hiệu quả cao.

19 nét

HÁN VIỆT: NHAI ĐẦU

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#432

节假日

jiéjiàrì

các ngày nghỉ lễ, ngày lễ tết nghỉ ngơi

每逢节假日，国家现代科技馆与天文馆总是迎来数以万计前来感受科学魅力的青少年与家长。

Měi féng jié jià rì, guó jiā xiàn dài kē jì guān yǔ tiān wén guǎn zǒng shì yíng lái shù yǐ wàn jì qián lái gǎn shòu kē xué mèi lì de qīng nián yǔ jiā zhǎng.

Mỗi dịp các ngày nghỉ lễ ngày lễ tết, Bảo tàng Thiên văn và Bảo tàng Khoa học Công nghệ Hiện đại Quốc gia luôn đón tiếp hàng vạn lượt phụ huynh và thanh thiếu niên tới cảm nhận sức quyến rũ của khoa học.

35 nét

HÁN VIỆT: TIẾT GIẢ NHẬT



HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#433

节能

jiénéng

tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm điện
năng

我国全面推行绿色建筑标准与工业节能降碳改造, 极大提升了能源资源综合利用效率。

Wǒ guó quán miàn tuī xíng lǜ sè jiàn zhù biāo zhǔn yǔ gōng yè jié néng jiàng tàn gāi zào, jí dà tí shēng le néng yuán zī yuán zǒng hé lì yòng xiào lǜ.

Nước ta đẩy mạnh toàn diện cải tạo giảm phát thải carbon và tiết kiệm năng lượng tiết kiệm điện năng công nghiệp cùng tiêu chuẩn công trình kiến trúc xanh, nâng cao vượt bậc hiệu suất sử dụng tổng hợp tài nguyên năng lượng.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: TIẾT NĂNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#434

节奏

jié zòu

tiết tấu, nhịp điệu, nhịp độ công
việc

在智能化全自动汽车焊装车间内, 数百台工业机器人按照极其严密精准的生产节拍与节奏协同作业。

Zài zhì néng huà quán zì dòng qì chē hàn zhuāng chē jiān nèi, shù bǎi tái gōng yè jī qì rén àn zhào jí qì yán mì jīng zhǔn de shēng chǎn jié pāi yǔ jié zòu xié tóng zuò yè.

Bên trong phân xưởng hàn lắp ráp ô tô tự động hóa thông minh hoàn toàn, hàng trăm robot công nghiệp phối hợp nhịp nhàng làm việc theo đúng nhịp độ và tiết tấu sản xuất vô cùng chặt chẽ chuẩn xác.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: TIẾT TẤU

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#435

杰出

jié chū

kiệt xuất, xuất chúng, lỗi lạc

国家设立专项引才育才计划, 全方位支持杰出青年科学家在国家重大科技工程中挑大梁、当主角。

Guó jiā shè lì zhuān xiàng yǐn cái yù cái jì huà, quán fāng wèi zhī chí jié chū qīng nián kē xué jiā zài guó jiā zhòng dà kē jì gōng chéng zhòng tiāo dà liáng, dāng zhǔ jué.

Nhà nước thành lập chương trình thu hút và bồi dưỡng nhân tài chuyên đề, hỗ trợ toàn diện cho các nhà khoa học trẻ tuổi kiệt xuất gánh vác trọng trách lớn, đóng vai trò nhân vật chính trong các công trình khoa học công nghệ trọng đại của đất nước.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: KIẾT XUẤT

HSK 6 (3.0)

Động từ / Giới từ

#436

截止

jiézhǐ

tính đến thời điểm, kết thúc vào lúc
(dùng sau 到/截至)

截止到今年年底, 我国已累计建成全球规模最大的5G移动通信与千兆光纤宽带精品网络。

Jié zhǐ dào jīn nián nián dǐ, wǒ guó yǐ lěi jì jiàn chéng quán qiú guī mó zuì dà de 5G yí dòng tōng xìn yǔ qiān zhào guāng xiān kuān dài jīng pǐn wǎng luò.

Tính đến thời điểm kết thúc vào lúc cuối năm nay, nước ta đã xây dựng hoàn thành lũy kế mạng lưới viễn thông di động 5G và băng thông rộng cáp quang Gigabit chất lượng cao quy mô lớn nhất thế giới.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: TIẾT CHỈ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Giới từ

#437

截至

jié zhì

tính đến thời điểm, tính đến (ngày,
tháng, năm)

截至今年三季度末, 我国累计建成并开通5G基站数百万个, 建成了全球最大的高速移动宽带网络。

Jié zhì jīn nián sān jì dù mò, wǒ guó lěi jì jiàn chéng bìng kāi tōng 5G jī zhàn shù bài wàn gè, jiàn chéng le quán qiú guī mó zuì dà de gāo sù yí dòng kuān dài wǎng luò.

Tính đến cuối quý 3 năm nay, nước ta đã tích lũy xây dựng và đưa vào hoạt động hàng triệu trạm thu phát sóng 5G, xây dựng nên mạng lưới băng thông rộng di động tốc độ cao có quy mô lớn nhất thế giới.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: TIẾT CHỈ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#438

解

jiě

giải thích, giải quyết; cởi bỏ;
nghiem (toán học: jiě)

青年数学家在灵感迸发的攻关之夜, 成功解决了困扰国际偏微分方程学界数十年的拓扑非线性解析解。

Qīng nián shù xué jiā zài líng gǎn bèng fā de gōng guān zhī yè, chéng gōng jiě yuē le kǔn rǎo guó jì piān wēi fēn fāng chéng xué jiè shù shí nián de tuō pǔ fēi xiàn xìng jiě xī jiě.

Nhà toán học trẻ tuổi trong đêm vượt khó cảm hứng bùng nổ đã giải tìm được nghiệm giải thành công nghiệm giải tích phi tuyến tô-pô từng làm đau đầu giới giải tích phương trình đạo hàm riêng quốc tế suốt mấy mươi năm qua.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: GIẢI

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#439

解说

jiěshuō

thuyết minh, bình luận giải thích; lời
bình

在科技博览会大科学工程展区, 青年学者生动形象的专业解说让复杂的量子原理变得通俗易懂。

Zài kē jì bó lǎn huì dà kē xué gōng chéng zhǎn qū, qīng nián xué zhě shēng dòng xíng xiàng de zhuān yè jiě shuō ràng fù zá de liàng zǐ yuán lǐ biàn dé tōng sù yì dōng.

Tại khu trưng bày công trình khoa học lớn của Triển lãm Khoa học Công nghệ, lời bình thuyết minh bình luận giải thích chuyên môn sinh động hình tượng của các học giả trẻ đã giúp cho nguyên lý lượng tử phức tạp trở nên dễ hiểu bình dị.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: GIẢI THUYẾT

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#440

界

jiè

giới, ranh giới; giới học thuật/giới
hạn

中国科学家在基础科学领域的原创重大突破, 赢得了国际学术界与全球科学同行的高度评价与广泛赞誉。

Zhōng guó kē xué jiā zài jī chǔ kē xué lǐng yù de yuán chuang zhòng dà tú pò, yíng dé le guó jì xué shù jiè yǔ quán qiú kē xué tóng háng de gāo dù píng jià yǔ guǎng fàn zàn yù.

Những đột phá trọng đại nguyên tác trong lĩnh vực khoa học cơ bản của các nhà khoa học Trung Quốc đã nhận được sự đánh giá rất cao và sự khen ngợi rộng rãi của đồng nghiệp khoa học toàn cầu cùng giới học thuật giới học thuật quốc tế.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: GIỚI

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#441

借鉴

jièjiàn

tham khảo học hỏi, tiếp thu kinh
nghiệm, rút kinh nghiệm

我们要积极借鉴国际大科学工程管理的成熟先进经验, 不断健全具有中国特色的现代科研管理体制。

Wǒ men yào jī jí jiè jiàn guó jì dà kē xué gōng chéng guǎn lǐ de chéng shú xiān jìn jīng yàn, bù duàn jiàn quán jù yǒu zhōng guó tè sè de xiàn dài kē yán guǎn lǐ tǐ zhì.

Chúng ta phải tích cực học hỏi tiếp thu tham khảo rút kinh nghiệm những kinh nghiệm tiên tiến chín muồi trong quản lý các công trình khoa học lớn quốc tế, không ngừng hoàn thiện thể chế quản lý nghiên cứu khoa học hiện đại mang đặc sắc Trung Quốc.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: TÁ GIÁM


HSK 6 (3.0)

Danh từ

#442

金额

jīn'é

khoản tiền, số tiền, tổng kim ngạch

国家设立高水平基础科学专项资助基金，资助金额与资助周期大幅提升以保障科学家潜心攻关。

Guójiā shè lì gāo shuǐ píng jī chǔ kē xué zhuān xiàng zī zhù jī jīn, zī zhù jīn é yǔ zī zhù zhōu qī dà fú tí shēng yì bǎo zhàng kē xué jiā qián xīn gōng guān.

Nhà nước thiết lập quỹ tài trợ chuyên án khoa học cơ bản trình độ cao, chu kỳ tài trợ và số tiền khoản tiền tài trợ được nâng cao vượt bậc để bảo đảm các nhà khoa học chuyên tâm vượt khó.

23 nét

HÁN VIỆT: KIM NGẠCH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#443

金钱

jīnqián

tiền tài, tiền bạc, của cải vật chất

老一辈战略科学家一生淡泊名利，决不为金钱利益所诱惑，心中唯有报效祖国与追求科学真理的崇高志向。

Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā yì shēng dàn bó míng lì, jué bù wéi jīn qián lì yì suǒ yòu huò, xīn zhōng wéi yǒu bào xiào zǔ guó yǔ zhuī qiú kē xué zhēn lǐ de chóng gāo zhì xiàng.

Các nhà khoa học chiến lược tiền bối trọn đời đam mê danh lợi, tuyệt đối không bị lợi ích tiền tài tiền bạc cám dỗ, trong lòng chỉ có chí hướng cao đẹp theo đuổi chân lý khoa học và đến đáp phụng sự Tổ quốc.

27 nét

HÁN VIỆT: KIM TIỀN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#444

金融

jīn róng

tài chính, thị trường tài chính

加快建设金融强国，做好科技金融、绿色金融、普惠金融、养老金融、数字金融五篇文章。

Jiǎ kuài jiàn shè jīn róng qiáng guó, zuò hǎo kē jì jīn róng, lǜ sè jīn róng, pǔ huì jīn róng, yǎng lǎo jīn róng, shù zì jīn róng wǔ piān dà wén zhāng.

Đẩy nhanh xây dựng cường quốc tài chính, làm tốt năm bài toán lớn: tài chính công nghệ, tài chính xanh, tài chính bao trùm, tài chính dưỡng lão và tài chính số.

23 nét

HÁN VIỆT: KIM DUNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Phó từ

#445

尽

jìn

hết sức, dốc hết; hoàn toàn (jìn: cố gắng hết sức)

广大科技工作者竭尽全力突破核心技术瓶颈，把毕生精力与汗水尽情奉献给祖国的伟大科学事业。

Guǎng dà kē jì gōng zuò zhě jié lì quán lì tǔ pò hé xīn jī shù píng jǐng, bǎ bì shēng jīng lì yǔ hàn shuǐ jìn qíng fèng xiàn gěi zǔ guó de wěi dà kē xué shì yè.

Đồng đảo những người làm khoa học dốc hết sức dốc toàn lực đột phá nút thắt công nghệ cốt lõi, cống hiến hết mình dâng hiến trọn vẹn mồ hôi và sinh lực cả cuộc đời cho sự nghiệp khoa học vĩ đại của Tổ quốc.

10 nét

HÁN VIỆT: TẬN

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#446

近日

jìnrì

mấy ngày gần đây, dạo gần đây, mới đây

近日，我国完全自主研制的第四代先进核能系统大科学装置成功实现满功率平稳运行。

Jīn rì, wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de dì sì dài xiān jìn hé néng xì tǒng dà kē xué zhuāng zhì chéng gōng shí xiàn mǎn gōng lǜ píng wěn yùn xíng.

Mới đây mấy ngày gần đây, thiết bị khoa học lớn hệ thống năng lượng hạt nhân tiên tiến thế hệ thứ tư do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã thực hiện thành công việc vận hành ổn định hết công suất.

23 nét

HÁN VIỆT: CẬN NHẬT

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#447

近视

jìnshì

cận thị; viễn cận (nghĩa bóng)

国家全面实施儿童青少年近视综合防控工程，大力保障学生每天两小时阳光体育锻炼时间。

Guójiā quán miàn shí shī ér tóng qīng shào nián jìn shì zōng hé fáng kòng gōng chéng, dà lì bǎo zhàng xué shēng měi tiān liǎng xiǎo shí yáng guāng tǐ yù duàn liàn shí jiān.

Nhà nước triển khai toàn diện dự án phòng chống kiểm soát tổng hợp cận thị ở trẻ em thanh thiếu niên, bảo đảm mạnh mẽ cho học sinh có đủ 2 tiếng mỗi ngày tham gia rèn luyện thể dục thể thao ngoài trời dưới ánh nắng mặt trời.

24 nét

HÁN VIỆT: CẬN THỊ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#448

进攻

jìn gōng

tấn công, công kích; thể tấn công

在重大国防科技联合演习中，新型合成作战旅展现了全域立体感知与多源精确打击的高效联合进攻作战能力。

Zài zhòng dà guó fáng kē jì lián hé yǎn xí zhōng, xīn xíng hé chéng zuò zhàn lǚ zhàn xiàn le quán yù lì tǐ gǎn zhī yǔ duō yuán jīng què dǎ jī de gāo xiào lián hé jìn gōng zuò zhàn néng lì.

Trong cuộc diễn tập liên hợp khoa học công nghệ quốc phòng trong đại, lữ đoàn tác chiến hợp thành kiểu mới đã phô diễn năng lực tác chiến tấn công liên hợp hiệu quả cao với khả năng nhận thức lập thể toàn miền và tấn công chuẩn xác đa nguồn.

17 nét

HÁN VIỆT: TIẾN CÔNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#449

惊人

jīng rén

kinh ngạc, đáng kinh ngạc, phi thường

新一代国产超大规模并行智能计算集群展现了惊人的数据吞吐效率与每秒百亿亿次超超算力。

Xīn yí dài guó chǎn chāo dà guī mó bìng xíng zhì néng jì suàn jī qún zhàn xiàn chū le jīng rén de shù jù tūn tǔ xiǎo lǜ yǔ měi miǎo bǎi yì yì cì chāo qiáng suàn lì.

Cụm tính toán thông minh song song quy mô siêu lớn sản xuất trong nước thế hệ mới đã phô diễn sức mạnh tính toán siêu mạnh trăm vạn tỷ tỷ phép tính mỗi giây cùng hiệu suất lưu chuyển dữ liệu đáng kinh ngạc kinh ngạc.

22 nét

HÁN VIỆT: KINH NHÂN

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#450

惊喜

jīng xǐ

vui sướng bất ngờ, ngạc nhiên vui mừng

深空探测器在遥远未知星系的光谱分析中捕捉到了微弱有机分子信号，让全体天文学家倍感惊喜振奋。

Shēn kōng tàn cè qì yǎi yáo wú zhī xīng xì de guāng pǔ fēn xī zhōng bǔ zhù dào le wēi ruò yǒu jī fēn zǐ xìn hào, ràng quán tǐ tiān wén xué jiā bèi gān jīng xǐ zhèn fèn.

Tàu thám trắc không gian sâu trong phân tích quang phổ của thiên hà xa xôi chưa biết đã bắt trọn được tín hiệu phân tử hữu cơ yếu ớt, khiến toàn thể các nhà thiên văn học vô cùng vui sướng bất ngờ phấn chấn hân hoan.

27 nét

HÁN VIỆT: KINH HỖ



HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#451

精

jīng

tinh vi, tinh xảo; tinh anh, tinh hoa;
tinh thông

我们必须坚持走专精特新发展道路，着力培育一大批在细分高科技领域掌握独门绝技的隐形冠军企业。

Wǒ men bì xū jiān chí zǒu zhūān jīng tè xīn fā zhǎn dào lù, zhuó lì péi yù yí dà pī zài fēn gāo kē jì lǐng yù zhǎng wò dú mén jué jì de yīn xīng guān jūn qì yè.

Chúng ta bắt buộc phải kiên trì bước đi trên con đường phát triển chuyên môn hóa – tinh tế hóa tinh vi tinh thông – đặc sắc hóa – mới mẻ (chuyên tinh đặc tân), chú trọng nuôi dưỡng một lực lượng lớn các doanh nghiệp quán quân ẩn mình nắm giữ tuyệt kỹ độc quyền trong các lĩnh vực công nghệ cao phân khúc nhỏ.

8 nét

HÁN VIỆT: TINH

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#452

精美

jīngměi

tinh xảo tuyệt mỹ, đẹp để tinh tế

利用现代三维激光显微扫描技术，千年古青铜器上极其精美的微观云雷纹饰被完整数字化复原。

Lì yòng xiàn dài sān wéi jī guāng xiǎn wēi sǎo miào jī shù, qiān nián gǔ qīng tóng qì shàng jí qí jīng měi de wēi guān yún léi wén shì bèi wán zhěng shù zì huà fù yuán.

Ứng dụng công nghệ quét hiển vi laser 3D hiện đại, những hoa văn mây sấm sét vi mô vô cùng tinh xảo tuyệt mỹ đẹp để trên đồ đồng cổ ngàn năm đã được phục nguyên kỹ thuật số một cách trọn vẹn.

22 nét

HÁN VIỆT: TINH MỸ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#453

精品

jīngpǐn

sản phẩm tinh hoa, sản phẩm chất
lượng cao tuyệt phẩm

大科学工程建设团队坚持精益求精的工匠精神，把每一处超高真空密封构件都精心打造成经得起历史检验的精品工程。

Dà kē xué gōng chéng jiàn shè tuán duì jiān chí jīng yì qíng jīng de gōng jiàng jīng shén, bǎ měi yí chù chāo gāo zhēn kōng mì fēng gòu jiàn dōu jīng xīn dā zào chéng jīng dé qǐ lì shǐ jiǎn yàn de jīng pǐn gōng chéng.

Đội ngũ xây dựng công trình khoa học lớn kiên trì tinh thần người thợ nghệ nhân tinh ích cầu tinh (tốt rồi muốn tốt hơn), cẩn thận tạo tác từng cấu kiện niêm phong chân không siêu cao thành công trình tinh hoa sản phẩm tinh hoa chất lượng cao chịu được sự kiểm chứng của lịch sử.

20 nét

HÁN VIỆT: TINH PHẨM

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#454

井

jǐng

giếng nước, giếng khoan địa chất;
trật tự ngăn nắp (jǐng rán)

我国成功钻探出亚洲陆上首口深达万米以上的超深层特深科学勘探油气井，创造了深地工程新纪录。

Wǒ guó chéng gōng zuān tàn chū yà zhōu lù shàng shǒu kǒu shēn dá wàn mǐ yǐ shàng de chāo shēn céng tè shēn kē xué kǎn tàn yóu qì jǐng, chuàng zào le shēn dì gōng chéng xīn jì lù.

Nước ta đã khoan thành công giếng khoan giếng thăm dò khoa học đầu đầu siêu sâu trên đất liền đầu tiên của châu Á có độ sâu hơn một vạn mét, kiến tạo nên kỷ lục mới về công trình lòng đất sâu.

14 nét

HÁN VIỆT: TỈNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#455

景

jǐng

cảnh, cảnh sắc, phong cảnh; cảnh
ngộ

登上大科学装置天文观测台极目远眺，群山叠翠、云蒸霞蔚，壮丽宏伟的自然胜景令人心旷神怡。

Dēng shàng dà kē xué zhuāng zhì tiān wén guān cè tái jí mù yuǎn tiào, qún shān dié cuì, yún zhēng xiá wèi, zhuàng lì hóng wēi de zì rán shèng jǐng lìng rén xīn kuàng shén yí.

Bước lên đài quan trắc thiên văn của thiết bị khoa học lớn phóng tầm mắt nhìn ra xa, núi non trùng điệp ngát xanh, mây bốc rắng rực rỡ, thắng cảnh phong cảnh cảnh sắc thiên nhiên hùng vĩ tráng lệ khiến lòng người khoáng đạt sảng khoái.

9 nét

HÁN VIỆT: CẢNH

HSK 6 (3.0)

Động từ

#456

景点

jǐng diǎn

Điểm tham quan

老师鼓励大家积极景点，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jǐng diǎn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Điểm tham quan, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

20 nét

HÁN VIỆT: CẢNH ĐIỂM

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#457

净

jìng

sạch sẽ, thanh tịnh; thuần túy, chỉ
toàn

微电子纳米超净制造车间实行百级超净空气过滤标准，确保空气中没有任何微米级悬浮微尘颗粒。

Wēi diàn zǐ nà mǐ chāo jìng zhì zào chē jiān xíng bǎi jí chāo jìng kōng qì guò lǜ biāo zhǔn, què bǎo kōng qì zhōng méi yǒu rèn hé wēi mǐ jí xián fú wēi chén kē lì.

Phân xưởng chế tạo siêu sạch sạch sẽ nano vi điện tử thực thi tiêu chuẩn lọc không khí siêu sạch cấp 100, bảo đảm trong không khí không có bất kỳ hạt bụi mịn lơ lửng cấp độ micromet nào.

13 nét

HÁN VIỆT: TỈNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#458

纠纷

jiū fēn

tranh chấp, mâu thuẫn xích mích

坚持和发展新时代“枫桥经验”，把非诉讼纠纷解决机制挺在前面，努力把各类基层矛盾纠纷化解在萌芽状态。

Jiān chí hé fā zhǎn xīn shí dài "fēng qiáo jīng yàn", bǎ fēi sù sòng jiū fēn jiě jué jī zhì tǐng zài qián miàn, nǚ lì bǎ gè lèi jī céng máo dùn jiū fēn huà jiě zài méi yǎng zhuàng tài.

Kiên trì và phát triển 'Kinh nghiệm Phong Kiều' thời đại mới, đặt cơ chế giải quyết tranh chấp phi tố tụng lên hàng đầu, nỗ lực hóa giải mọi mâu thuẫn tranh chấp ở cơ sở ngay từ khi còn trong trứng nước.

23 nét

HÁN VIỆT: CỬ PHÂN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#459

纠正

jiū zhèng

chỉnh đốn, sửa chữa, uốn nắn (sai
lệch, tác phong)

党组织坚决纠正形式主义、官僚主义等不良倾向，切实把基层干部从繁文缛节与无效考核中彻底解脱出来。

Dǎng zǔ zhǐ jiǎn jué jiū zhèng xíng shì zhǔ yì, guān liáo zhǔ yì děng bù liáng qīng xiàng, qiè shí bǎ jī céng gān bù cóng fán wén rǎn jié yǔ wú xiào kǎo hé zhōng chè dì jiě tuō chū lái.

Tổ chức Đảng kiên quyết uốn nắn sửa chữa các khuynh hướng xấu như chủ nghĩa hình thức, chủ nghĩa quan liêu, giải phóng triệt để cán bộ cơ sở thoát khỏi các thủ tục phiền hà rườm rà và các đột khảo hạch đánh giá vô hiệu quả.

24 nét

HÁN VIỆT: CỬ CHỈNH



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#460

酒水

jiǔshuǐ

rượu và đồ uống, đồ uống các loại

在庆祝重大科技攻关胜利的国际学者交流冷餐会上，会务组精心准备了独具地方特色的绿色天然果汁与精致茶点酒水。

Zài qīng zhù zhòng dà kē jì gōng guān shèng lì de guó jì xué zhě jiāo liú lěng cān huì shàng, huì wù zǔ jīng xīn zhǔn bèi le dú jù dì fāng tè sè de lǜ sè tiān rán guǒ zhī yǔ jīng zhì chá diǎn jiǔ shuǐ.

Tại tiệc đứng giao lưu các học giả quốc tế chúc mừng thắng lợi của trận đánh khoa học công nghệ trọng đại, ban tổ chức đã cẩn thận chuẩn bị nước ép hoa quả tự nhiên xanh cùng các loại đồ uống rượu và đồ uống và điểm tâm trà tinh tế mang đặc sắc địa phương độc đáo.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : TỬU THỦY

HSK 6 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#461

救命

jiù mìng

cứu mạng, cứu tính mạng; Cứu tôi với!

国家加快推进急需重大创新靶向药物与高端医疗设备自主研发，为无数危重症患者送去了救命的新希望。

Guó jiā jiā kuài tuī jìn jí xū zhòng dà chuāng xiān bǎ xiàng yào wù yǔ gāo duān yī liáo shè bèi zì zhǔ yán fā, wéi wú shù wēi zhòng zhèng huàn zhě sòng qù le jiù mìng de xīn xī wàng.

Nhà nước đẩy nhanh thúc đẩy tự chủ nghiên cứu phát triển các trang thiết bị y tế cao cấp và các loại thuốc trúng đích đối mới sáng tạo trọng đại cấp bách, mang lại niềm hy vọng mới cứu mạng cứu tính mạng cho vô số bệnh nhân nguy kịch.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : CỨU MỆNH

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#462

救援

jiù yuán

cứu viện, cứu trợ cứu nạn

国家专业应急救援队伍配备了先进的生命探测雷达与无人救援飞行器，在灾区一线昼夜搜寻被困群众。

Guó jiā zhuān yè yìng jí jiù yuán duì wú pèi bèi le xiān jìn de shēng mìng tàn cè léi dà yǔ wú rén jiù yuán fēi xíng qì, zài zāi qū yí xiàn zhòu yè sōu xún bèi kùn qún zhòng.

Đội ngũ cứu nạn cứu hộ cứu viện khẩn cấp chuyên nghiệp quốc gia trang bị radar dò tìm sinh mạng tiên tiến cùng thiết bị bay cứu nạn không người lái, ngày đêm tìm kiếm cứu nạn bà con bị mắc kẹt nơi tuyến đầu vùng thiên tai.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : CỨU VIỆN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#463

救助

jiù zhù

cứu trợ, giúp đỡ cứu nạn, cứu giúp

国家全面完善多层次社会救助体系与困难群众兜底保障机制，让科技创新成果更广泛惠及民生福祉。

Guó jiā quán miàn wán shàn duō céng cì shè huì jiù zhù tǐ xì yǔ kùn nán qún zhòng dǒu dǐ bǎo zhàng jī zhǐ, ràng kē jì chuāng xīn chéng guó gèng guāng fàn huì jī mǐn shēng fú zhǐ.

Nhà nước hoàn thiện toàn diện cơ chế bảo đảm tối thiểu cho quần chúng có hoàn cảnh khó khăn và hệ thống cứu giúp cứu trợ xã hội đa tầng nấc, giúp các thành quả đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ mang lại lợi ích rộng rãi hơn cho phúc lợi dân sinh.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : CỨU TRỢ

HSK 6 (3.0)

Cụm từ / Liên từ

#464

就是说

jiù shì shuō

tức là, có nghĩa là, nói cách khác

该新型超导材料的临界转变温度已突破常压液氮温区，这就是说未来超导应用成本将实现数量级大幅降低。

Gāi xīn xíng chāo dǎo cái liào de lín jiè zhuǎn biàn wēn dù yǐ túo pò cháng yā yè qìng wēn qū, zhè jiù shì shuō wèi lái chāo dǎo yīng yòng chéng běn jiāng shí xiàn shù liàng jí dà fú jiàng dī.

Nhiệt độ chuyển biến giới hạn của loại vật liệu siêu dẫn kiểu mới này đã vượt qua vùng nhiệt độ nitơ lỏng ở áp suất thường, tức là có nghĩa là nói cách khác chi phí ứng dụng siêu dẫn trong tương lai sẽ giảm mạnh theo cấp số nhân.

📖 30 nét

HÁN VIỆT : TỰ THỊ THUYẾT

HSK 6 (3.0)

Liên từ

#465

就算

jiù suàn

cho dù, dẫu cho, dẫu rằng

在攀登世界科技最高峰的征程中，就算前路布满荆棘与挑战，广大青年学者也决不退缩、勇往直前。

Zài pān dēng shì jiè kē jì zuì gāo fēng de zhēng chéng zhōng, jiù suàn qián lù bù mǎn jīng jí yǔ tiǎo zhàn, guāng dà qīng nián xué zhě yě jué bù tuì suō, yǒng wǎng zhí qián.

Trong hành trình trèo lên đỉnh cao nhất của khoa học công nghệ thế giới, cho dù dẫu cho con đường phía trước giăng đầy chông gai và thách thức, đông đảo các học giả trẻ tuổi cũng tuyệt đối không lùi bước, dũng cảm tiến lên phía trước.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : TỰ TOÁN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#466

剧

jù

vở kịch, phim ảnh; kịch liệt, dữ dội

一部生动展现老一辈战略科学家奉献一生的重大历史题材原创话剧，在全国各大高校巡演并引发强烈共鸣。

Yí bù shēng dòng zhǎn xiàn lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā fèng xiàn yí shēng de zhòng dà lì shǐ tí cái yuán chuāng huà jù, zài quán guó gē dà gāo xiào xún yǎn bìng yīn fā qiáng liè gòng míng.

Một vở kịch kịch nói nguyên tác để tài lịch sử trọng đại phổ biến sinh động sự cống hiến trọn đời của các nhà khoa học chiến lược tiên bối đã lưu diễn tại các trường đại học lớn trên cả nước và tạo nên sự đồng cảm mãnh liệt.

📖 12 nét

HÁN VIỆT : KỊCH

HSK 6 (3.0)

Giới từ / Động từ / Danh từ

#467

据

jù

căn cứ vào, theo như; chiếm giữ; bằng chứng

据国家重大科技基础设施运行监测报告显示，多项大科学装置的核心物理指标已全面跃居全球领跑地位。

Jù guó jiā zhòng dà kē jì jī chǔ shè shī yùn xíng jiān cè bào gào xiǎn shì, duō xiàng dà kē xué zhuāng zhì de hé xīn wù lǐ zhǐ biāo yǐ quán miàn yuè jū quán qiú lǐng pǎo dì wèi.

Theo như căn cứ vào báo cáo quan trắc vận hành cơ sở hạ tầng khoa học công nghệ trọng đại quốc gia cho thấy, các chỉ tiêu vật lý cốt lõi của nhiều thiết bị khoa học lớn đã vươn lên giữ vị trí dẫn đầu toàn cầu một cách toàn diện.

📖 10 nét

HÁN VIỆT : CƯ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#468

捐

juān

quyên góp, hiến tặng, quyên tặng từ thiện

老一辈功勋院士把一生积攒的数百万科研奖金全额捐赠给国家重点大学，设立青年科学探索基金。

Lǎo yī bèi gōng gūn yuán shì bǎ yí shēng jī zǎn de shù bǎi wàn kē yán jiǎng jīn quán é juān zèng gěi guó jiā zhòng yǎn dà xué, shè lì qīng nián kē xué tàn suǒ jī jīn.

Vị Viện sĩ có công lao tiên bối đã hiến tặng quyền góp toàn bộ hàng triệu tệ tiền thưởng nghiên cứu khoa học tích góp cả đời mình cho trường đại học trọng điểm quốc gia, thành lập Quỹ Khám phá Khoa học Thanh niên.

📖 8 nét

HÁN VIỆT : QUYÊN



HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#469

捐款

juānkuan

quyên góp tiền, quyên tiền từ thiện; tiền quyên góp

在国家最高科学技术奖颁奖典礼后，老院士将全部数千万元奖金无私捐款设立了青年科学探索创新基金。

Zài guó jiā zuì gāo kē xué jì shù jiǎng bǎn jiǎng diǎn lǐ hòu, lǎo yuàn shì jiǎng quán bù shù qiān wàn yuán jiǎng jīn wú sī juān kuǎn shè lì le qīng nián kē xué tàn suǒ chuàng xīn jī jīn.

Sau lễ trao Giải thưởng Khoa học và Công nghệ Tối cao Quốc gia, vị viện sĩ lão thành đã vô tư quyên góp tiền thưởng tiến toàn bộ số tiền thưởng hàng chục triệu tệ để thiết lập Quỹ Đối mới Sáng tạo Khám phá Khoa học Thanh niên.



16 nét

HÁN VIỆT

QUYÊN KHOẢN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#470

捐赠

juānzèng

quyên tặng, hiến tặng, quyên góp biểu tặng

海外爱国学者将毕生珍藏的珍贵古代科技古籍善本文献无偿捐赠给国家图书馆永久珍藏与数字化共享。

Hải ngoại ái quốc học giả vi sinh zhēn cáng de zhēn guì gǔ dài kē jì gǔ jī shān běn wén xiàn wú cháng juān zèng gěi guó jiā tú shū guǎn yǒng jiǔ zhēn cáng yǔ shù zì huà gòng xiǎng.

Người học giả yêu nước ở nước ngoài đã hiến tặng quyên tặng vô điều kiện toàn bộ tài liệu văn hiến sách cổ khoa học kỹ thuật cổ đại vô giá được mình trân quý cất giữ cả đời cho Thư viện Quốc gia lưu giữ vĩnh viễn và chia sẻ số hóa.



18 nét

HÁN VIỆT

QUYÊN TẶNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#471

捐助

juānzhù

quyên góp giúp đỡ, tài trợ cứu trợ

社会爱心企业设立专项教育基金，持续无私捐助中西部偏远山区学校建设现代数字科学实验室。

She huì ài xīn qī yè shè lì zhuān xiàng jiàoyù jī jīn, chí xù wú sī juān zhù zhōng xī bù piǎn yuǎn shān qū xué xiào jiàn shè xiàn dài shù zì kē xué shí yàn shì.

Doanh nghiệp có lòng hảo tâm trong xã hội đã thiết lập quỹ giáo dục chuyên án, liên tục vô tư tài trợ quyên góp giúp đỡ các trường học vùng núi xa xôi miền Trung và Tây xây dựng các phòng thí nghiệm khoa học kỹ thuật số hiện đại.



16 nét

HÁN VIỆT

QUYÊN TRỢ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#472

决策

jué cè

ra quyết sách, quyết sách chiến lược

健全重大行政决策程序与科学民主决策机制，充分发挥国家高端智库在国家治理中的战略咨询作用。

Jiàn quán zhòng dà xíng zhèng jué cè chéng xù yǔ kē xué mǐn zhǔ jué cè jī zhì, chōng fēn fā huy guó jiā gāo duān zhì kù zài guó jiā zhì lǐ zhōng de zhàn lüè zī xún zuò yòng.

Hoàn thiện quy trình quyết sách hành chính trọng đại cùng cơ chế ra quyết sách dân chủ khoa học, phát huy đầy đủ vai trò tư vấn chiến lược của các viện nghiên cứu tài không cao cấp quốc gia trong quản trị đất nước.



26 nét

HÁN VIỆT

QUYẾT SÁCH

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Phó từ / Động từ

#473

绝

jué

tuyệt đối; tuyệt mỹ; cắt đứt đoạn tuyệt

在大科学工程超高精度微纳装配中，工艺公差要求极高，绝不允许出现哪怕纳米级的微小错位。

Zài dà kē xué gōng chéng chāo gāo jīng dù wēi nà zhuāng pèi zhōng, gōng yì gōng chāi yāo qiú jí gāo, jué bù yǔn xù chū xiàn nǎ pà nǎ mǐ jī de wēi xiǎo cuò wèi.

Trong lắp ráp vi nano độ chính xác siêu cao của công trình khoa học lớn, yêu cầu dung sai công nghệ cực kỳ cao, tuyệt đối tuyệt đối không cho phép xuất hiện sai lệch dù chỉ là cấp độ nanomet.



12 nét

HÁN VIỆT

TUYỆT

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#474

绝大多数

jué dà duō shù

tuyệt đại đa số, phần lớn áp đảo

经过高标准综合验收，该重大科研基础设施项目绝大多数关键核心零部件均实现了完全自主可控国产化替代。

Jīng guò gāo biāo zōng hé yàn shōu, gāi zhòng dà kē yán jī chǔ shè shǐ xiàng mù jué dà duō shù guān jiàn hé xīn líng bù jiàn jūn shí xiàn le wán quán zì zhǔ kòng guó chǎn huà tì dài.

Trải qua nghiệm thu tổng hợp tiêu chuẩn cao, tuyệt đại đa số phần lớn áp đảo các linh phụ kiện cốt lõi then chốt của dự án cơ sở hạ tầng nghiên cứu khoa học trọng đại này đều đã thực hiện thay thế nội địa hóa tự chủ kiểm soát hoàn toàn.



35 nét

HÁN VIỆT

TUYỆT ĐẠI ĐA SỐ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#475

觉

jué

cảm thấy, nhận thức ra; giác ngộ (giào)

青年学者在与老科学家的深入交流中，深刻觉悟到了胸怀祖国、科技报国这八个字沉甸甸的历史分量。

Qīng nián xué zhě zài yǔ lǎo kē xué jiā de shēn rù jiāo liú zhōng, shēn kè jué wù dào le xiōng huái zǔ guó, kē jì bào guó zhè bā gè zì chén diàn diàn de lì shǐ fèn liàng.

Người học giả trẻ tuổi trong các cuộc giao lưu sâu sắc cùng nhà khoa học lão thành đã nhận thức giác ngộ cảm thấy sâu sắc sức nặng lịch sử nặng trĩu của 8 chữ vàng 'Mang trong tim Tổ quốc, phụng sự Tổ quốc bằng khoa học'.



8 nét

HÁN VIỆT

GIÁC

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#476

觉悟

jué wù

giác ngộ, nhận thức tư tưởng giác ngộ

共产党员必须不断提高政治站位与思想政治觉悟，时刻牢记全心全意为人民服务的根本宗旨。

Gōng chǎn dǎng yuán bì xū bù duàn tíng gāo zhèng zhì zhàn wèi yǔ sī xiǎng zhèng zhì jué wù, shí kè lǎo jì quán xīn quán yì wéi rén mǐn fú wù de gēn běn zōng zhǐ.

Người đảng viên bắt buộc phải không ngừng nâng cao bản lĩnh lập trường chính trị và sự giác ngộ tư tưởng chính trị, luôn luôn khắc ghi tôn chỉ căn bản hết lòng hết sức phụng sự nhân dân.



20 nét

HÁN VIỆT

GIÁC NGỘ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#477

军队

jūn duì

quân đội, lực lượng vũ trang

人民军队坚决听党指挥、能打胜仗、作风优良，是保卫祖国领土主权与维护世界和平的钢铁长城。

Rén mǐn jūn duì jiān jué tīng dǎng zhǐ huī, néng dǎ shèng zhàng, zuò fēng yōu liáng, shì bào wèi wú guó lǐng tǔ zhǔ quán yǔ wéi hù shì jiè hé píng de gāng tiě cháng chéng.

Quân đội nhân dân kiên quyết nghe theo sự chỉ huy của Đảng, đánh là thắng, tác phong mẫu mực, là bức tường thành thép bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Tổ quốc và gìn giữ hòa bình thế giới.



20 nét

HÁN VIỆT

QUÂN ĐỘI


HSK 6 (3.0)

Danh từ

#478

军舰

jūnjiàn

tàu chiến, chiến hạm hải quân

我国完全自主设计建造的新一代现代化万吨级大型驱逐舰与新型军舰, 在浩瀚大洋上展现出强大威慑力。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ shè jì jiàn zào de xīn yí dài xiàn dài huà wàn dùn jí dà xíng qū zhǔ jiàn yú xīn xíng jūn jiàn, zài hào hàn dà yáng shàng zhǎn xiàn chū qiáng dà wēi shè lì.

Chiến hạm tàu chiến kiểu mới cùng tàu khu trục cỡ lớn hiện đại hóa vạn tấn thế hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ thiết kế xây dựng đã phô diễn sức rắn đe hùng mạnh trên đại dương bao la.

20 nét

HÁN VIỆT: QUÂN HẠM

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#479

军事

jūn shì

quân sự

现代国防与军队现代化建设深度融合了大数据、人工智能以及无人作战等前沿军事科技成果。

Xiàndài guó fáng yǔ jūn duì xiàn dài huà jiàn shè shēn dù róng hé le dà shù jù, rén gōng zhì néng yǐ jí wú rén zuò zhàn děng qián yán jūn shì kē jì chéng guǒ.

Công cuộc hiện đại hóa quân đội và quốc phòng hiện đại kết hợp sâu sắc các thành quả khoa học công nghệ quân sự tiên phong như dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và tác chiến không người lái.

22 nét

HÁN VIỆT: QUÂN SỰ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#480

开创

kāichuàng

khai sáng, mở ra tiền lệ, mở đường kiến tạo

我国科研团队成功攻克了常温超导理论探索中的核心瓶颈, 开创了微观强关联物理研究的全新学术流派。

Wǒ guó kē yán tuán duì chéng gōng gōng kè le le cháng wēn chāo dǎo lǐ lùn tàn suǒ zhōng de hé xīn píng jǐng, kāi chuàng le wēi guān qiáng guān lián wú lì yán jiū de quán xīn xué shù liú pài.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta đã chinh phục thành công nút thắt cốt lõi trong khám phá lý luận siêu dẫn nhiệt độ phòng, mở ra khai sáng nên trường phái học thuật hoàn toàn mới cho nghiên cứu vật lý tương quan mạnh vi mô.

23 nét

HÁN VIỆT: KHAI SÁNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#481

开关

kāiguān

công tắc, nút đóng mở; đóng mở

新型超快全时光电子逻辑开关的响应速度达到了飞秒级, 为研制超高速光电计算机奠定了坚实基础。

Xīn xíng chāo kuài quán shí guāng diàn zǐ luó jí kāi guān de xiǎng yīng sù dù dá dào le fēi miǎo jí, wéi yán zhì chāo gāo sù guāng diàn jì suàn jī diǎn dìng le jiān shí jī chǔ.

Tốc độ đáp ứng của công tắc công tắc logic quang điện tử toàn quang siêu nhanh kiểu mới đã đạt tới cấp độ femto-giây, đặt nền tảng vững chắc cho việc nghiên cứu chế tạo máy tính quang điện tử siêu tốc độ cao.

23 nét

HÁN VIỆT: KHAI QUAN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#482

开设

kāishè

mở ra, thiết lập đưa vào giảng dạy/kinh doanh

顶尖研究型大学面向全体研究生开设了跨学科前沿量子信息与智能科学交叉创新核心通识课程。

Dīng jiān yán jiū xíng dà xué miàn xiàng quán tǐ yán jiū shēng kāi shè le kuà xué kē qián yán liàng zǐ xīn xī yǔ zhì néng kē xué jiāo chā chuàng xīn hé xīn tōng shí kē chéng.

Các trường đại học nghiên cứu đỉnh cao đã thiết lập mở ra các môn học đại cương cốt lõi đổi mới sáng tạo liên ngành khoa học thông minh và thông tin lượng tử tiên phong hướng tới toàn thể học viên sau đại học.

22 nét

HÁN VIỆT: KHAI THIẾT

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#483

开通

kāitōng

khai thông, thông xe/Thông tuyến; cởi mở tư tưởng

跨越大江大海的超级跨海高速铁路通道全线正式开通运营, 极大拉近了沿线各大核心城市群的时空距离。

Kuà yuè dà jiāng dà hǎi de chāo jí kuà hǎi gāo sù tiě lù tōng dào quán xiàn zhèng shì kāi tōng yùn yíng, jí dà lā jìn le yǎn xiàn gè dà hé xīn chéng shì qún de shí kōng jù lí.

Tuyến đường sắt cao tốc vượt biển siêu cấp vắt ngang qua sông lớn biển cả đã chính thức khai thông thông tuyến vận hành, thu hẹp vượt bậc khoảng cách thời gian và không gian giữa các cụm đô thị cốt lõi dọc tuyến.

18 nét

HÁN VIỆT: KHAI THÔNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#484

开头

kāitóu

phần mở đầu, sự khởi đầu, ban đầu; bắt đầu

良好的开端是成功的一半, 大科学装置首期物理工程试验的圆满成功为后续全面科研运行开了个好头。

Liáng hǎo de kāi duān shì chéng gōng de yí bàn, dà kē xué zhǔ āng shǒu qī wù lǐ gōng chéng shì yàn de yuán mǎn chéng gōng wéi hòu xù quán miàn kē yán yùn xíng kāi le gè hǎo tóu.

Sự khởi đầu tốt đẹp là một nửa của thành công, sự thành công mỹ mãn của thử nghiệm công trình vật lý giai đoạn một của thiết bị khoa học lớn đã mở ra một sự khởi đầu phần mở đầu vô cùng tốt đẹp cho việc vận hành nghiên cứu khoa học toàn diện tiếp theo.

20 nét

HÁN VIỆT: KHAI ĐẦU

HSK 6 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#485

开夜车

kāi yèchē

làm đêm, thức khuya làm việc/học tập thâu đêm

为了抢在重大国际学术会议截稿前完成全部物理模型验证, 攻关团队连续数周开夜车反复优化核心算法。

Wèi le qiǎng zài zhòng dà guó jì xué shù huì yì jié gāo qián wán chéng quán bù wù lǐ mó xíng yàn zhèng, gōng guān tuán duì lián xù shù zhōu kāi yè chē fǎn fù yōu huà hé xīn suàn fǎ.

Để kịp hoàn thành toàn bộ việc kiểm chứng mô hình vật lý trước hạn chót nhận bài của hội nghị học thuật quốc tế trọng đại, nhóm vượt khó đã liên tục thức khuya làm việc làm đêm thâu đêm suốt nhiều tuần để tối ưu hóa thuật toán cốt lõi.

34 nét

HÁN VIỆT: KHAI DẠ XA

HSK 6 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#486

看得见

kàn de jiàn

nhìn thấy được, trông thấy rõ ràng

科技创新的丰硕成果不仅体现在高水平论文上, 更转化为了广大人民群众身边摸得着、看得见的民生福祉。

Kē jì chuàng xīn de fēng shuò chéng guǒ bù jīn tǐ xiàn zài gāo shuǐ píng lùn wén shàng, gèng zhuǎn huà wéi le rén mín qún zhòng shēn biān mō dé zhe, kàn dé jiàn de mǐn shēng fú zhǐ.

Những thành quả trứ quả của đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ không chỉ thể hiện ở các bài báo học thuật trình độ cao, mà càng chuyển hóa thành những phúc lợi dân sinh nhìn thấy được sờ thấy được ngay bên cạnh đồng bào quần chúng nhân dân.

35 nét

HÁN VIỆT: KHÁN ĐẮC KIẾN



HSK 6 (3.0)

Động từ

#487

看得起

kàndeqǐ

coi trọng, tôn trọng, đánh giá cao

我们在世界科技舞台上要自立自强、自信自尊，靠过硬的原始创新实力赢得国际科学界同行的真正看得起与尊重。

Wǒ men zài shì jiè kē jì wǔ tái shàng yào zì lì zì qiáng, zì xìn zì zūn, kào guò yìng de yuán shǐ chuàng xīn shí lì yìng dé guó jì kē xué jiè tóng háng de zhēn zhèng kàn de qǐ yǔ zūn zhòng.

Chúng ta trên vũ đài khoa học công nghệ thế giới phải tự tin tự trọng, tự chủ tự cường, dựa vào thực lực đổi mới sáng tạo nguyên bản vững vàng để giành được sự coi trọng đánh giá cao và tôn trọng thực sự của các đồng nghiệp trong giới khoa học quốc tế.

35 nét

HÁN VIỆT: KHÁNH ĐẮC KHỞI

HSK 6 (3.0)

Động từ

#488

看管

kānguǎn

trông nom, canh giữ quản lý, bảo quản

国家珍贵古籍善本特藏库实行全天候智能恒温恒湿与生物防虫看管，确保传世科技文献典籍万无一失。

Guó jiā zhēn guì gǔ jí shàn běn tè cáng kù shí xīng quán tiān hòu zhì néng héng wēn héng shī yǔ shēng wù fáng chóng kǎn guǎn, què bǎo chuán shì kē jì wén xiàn diǎn jí wàn wú yī shī.

Kho lưu trữ đặc biệt sách cổ quý hiếm của quốc gia thực thi việc canh giữ quản lý trông nom bảo quản và chống côn trùng sinh học, độ ẩm nhiệt độ ổn định thông minh 24/7, bảo đảm các văn bản điển tịch khoa học truyền đời an toàn tuyệt đối không một sai sót.

22 nét

HÁN VIỆT: KHÁNH QUẢN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#489

看好

kàn hǎo

đánh giá cao, có triển vọng tốt, trông coi cẩn thận

国际顶级投资机构与前沿学术界高度看好中国在新型全固态电池与量子智能硬件领域的广阔产业化前景。

Guó jì dǐng jí tóu zī jī gòu yǔ qián yán xué shù jiè gāo dù kàn hǎo zhōng guó zài xīn xíng quán gù tài diàn chí yǔ liàng zǐ zhì néng yǐng jiàn lǐng yù de guǎng kuò chǎn yè huà quán jǐng.

Giới học thuật tiên phong cùng các cơ quan đầu tư hàng đầu quốc tế đánh giá rất cao nhìn nhận triển vọng tốt đối với triển vọng công nghiệp hóa rộng mở của Trung Quốc trong các lĩnh vực phần cứng thông minh lượng tử và pin toàn thể rắn kiểu mới.

25 nét

HÁN VIỆT: KHÁNH HẢO

HSK 6 (3.0)

Động từ

#490

看作

kàn zuò

coi như là, xem như là, coi là

新时代广大青年学者把服务国家重大战略科技需求看作自己至高无上的学术荣耀与奋斗价值所在。

Xīn shí dài dà guǎng dà qīng nián xué zhě bǎ fú wú guó jiā zhòng dà zhàn lüè kē jì xū qiú kàn zuò zì jǐ zhì gāo wú shàng de xué shù róng yào yǔ fèn dòu jià zhí suǒ zài.

Đồng đạo các học giả trẻ tuổi thời đại mới coi xem việc phục vụ nhu cầu khoa học công nghệ chiến lược trọng đại quốc gia như là niềm vinh dự học thuật và giá trị phấn đấu tối cao của chính mình.

22 nét

HÁN VIỆT: KHÁNH TÁC

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#491

康复

kāng fù

phục hồi chức năng, bình phục sức khỏe

我国完全自主研发的脑机接口智能外骨骼康复机器人，已成功帮助数千名偏瘫患者重新站立行走。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā de nǎo jī jiē kǒu zhì néng wài gǔ gé kāng fù jī qì rén, yì chéng gōng bāng zhù shù qiān míng piān tān huàn zhě chóng xīn zhàn lì xíng zǒu.

Robot phục hồi chức năng phục hồi sức khỏe khung xương ngoài thông minh giao diện não - máy do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã giúp đỡ thành công hàng ngàn bệnh nhân liệt nửa người có thể đứng dậy đi lại được.

27 nét

HÁN VIỆT: KHANG PHỤC

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#492

抗议

kàng yì

kháng nghị, phản đối, phản kháng

针对个别国家在国际多边贸易体系中单方面加征不合理关税的霸凌行径，多国商务代表团提出了强烈抗议。

Zhēn duì gè bié guó jiā zài guó jì duō biān mào yì tǐ xì zhōng dān fāng miàn jiā zhēng bù hé lǐ guān shuǐ de bà líng xíng jīng, duō guó shāng wù dài biǎo tuán tǐ chū le qiáng liè kàng yì.

Trước hành vi đơn phương áp thuế quan bất hợp lý mang tính chèn ép của một số quốc gia trong hệ thống thương mại đa phương quốc tế, nhiều đoàn đại biểu thương mại các nước đã lên tiếng phản đối kịch liệt.

22 nét

HÁN VIỆT: KHÁNH NGHỊ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#493

考场

kǎochǎng

phòng thi, trường thi, điểm thi

全国普通高考全部考场全面普及智能化考务巡查系统与防作弊电磁屏蔽设备，确保考试绝对公平公正。

Quán guó pǔ tōng gāo kǎo quán bù kǎo chǎng quán miàn pǔ jí zhì néng huà kǎo wù xún chá xì tǒng yǔ fáng zuì bié diàn cí píng bǐ shè bèi, què bǎo kǎo shì jué duì gōng píng gōng zhèng.

Tất cả các phòng thi trường thi kỳ thi tuyển sinh đại học phổ thông toàn quốc đã phổ cập toàn diện thiết bị che chắn điện từ chống gian lận và hệ thống tuần tra thanh tra thi thông minh hóa, bảo đảm kỳ thi tuyệt đối công bằng công chính.

20 nét

HÁN VIỆT: KHẢO TRẢNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#494

考题

kǎotí

đề thi, câu hỏi thi

高校基础科学强基计划选拔面试考题注重考察考生的科学好奇心、逻辑思维深度与前沿创新潜质。

Gāo xiào jī chǔ kē xué qiáng jī huà xuǎn bǎ miàn shì kǎo tí zhòng kǎo chá kǎo shēng de kē xué hào qí xīn, luó jí sī wéi shēn dù yǔ qián yán chuàng xīn qián zhì.

Các câu hỏi thi để thi phỏng vấn tuyển chọn Kế hoạch Củng cố Nền móng khoa học cơ bản của các trường đại học chú trọng khảo sát tiềm năng đổi mới sáng tạo tiên phong, độ sâu tư duy logic và trí tò mò khoa học của thí sinh.

24 nét

HÁN VIỆT: KHẢO ĐỀ

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#495

科研

kē yán

nghiên cứu khoa học, công tác nghiên cứu

国家全面深化科研经费管理体制改革，赋予科研人员更大的科研经费支配权与技术路线自主决策权。

Guó jiā quán miàn shēn huà kē yán jīng fèi guǎn lǐ tǐ zhì gǎi gé, fù yǔ kē yán rén yuán gòng gòng dà de kē yán jīng fèi zhī pèi quán yǔ jì shù lù xiàn zì zhǔ jué cè quán.

Nhà nước đi sâu toàn diện cải cách thể chế quản lý kinh phí nghiên cứu khoa học nghiên cứu khoa học, trao cho cán bộ nghiên cứu quyền tự chủ quyết định lộ trình kỹ thuật và quyền chi phối kinh phí nghiên cứu lớn hơn.

19 nét

HÁN VIỆT: KHOA NGHIÊN


HSK 6 (3.0)

Danh từ

#496

客车

kèchē

xe khách, xe chở khách, toa xe chở khách

我国完全自主研发的新型氢燃料电池大型公路客车，在极寒低温高原环境下实现零排放稳定运行。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de xīn xíng qīng rán liào diàn chí dà xíng gōng lù kè chē , zài jí hán dī wēn gāo yuán jīng huán jīng xià shí xiàn líng pái fàng wēn dīng yún xíng .

Dòng xe khách xe chở khách đường bộ cỡ lớn chạy bằng pin nhiên liệu hydro kiểu mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã thực hiện việc vận hành ổn định không phát thải trong môi trường cao nguyên nhiệt độ thấp giá rẻ.

19 nét

HÁN VIỆT : KHÁCH XA

HSK 6 (3.0)

Động từ năng nguyện

#497

肯

kěn

chịu, bằng lòng, sẵn sàng (chịu khó/chịu khổ)

世上无难事，只要肯登攀；做前沿科学研究只要肯下苦功夫、敢啃硬骨头，就一定能够突破技术瓶颈。

Shì shàng wú nán shì , zhǐ yào kěn dēng pān ; zuò qián yán kē xué yán jiū zhǐ yào kěn xià kǔ gōng fu , gǎn kěn yìng gǔ tóu , jiù yí dìng néng tū pò jì shù píng jīng .

Trên đời không có việc gì khó, chỉ cần chịu bằng lòng treo lên đỉnh cao; làm nghiên cứu khoa học tiên phong chỉ cần chịu sẵn sàng dày công khổ luyện, dám gặm khúc xương cứng thì nhất định sẽ có thể đột phá nút thắt công nghệ.

9 nét

HÁN VIỆT : KHẺ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#498

空军

kōngjūn

không quân, lực lượng không quân

人民空军新型国产重型隐身歼击机在大国重器多机编队演训中展现出卓越的超音速巡航与态势感知能力。

Rén mín kōng jūn xīn xíng guó chǎn zhòng xíng yīn shēn jiǎn jī jī zài dà guó zhòng qì duǒ jī biān duì yǎn xùn zhōng zhǎn xiàn chū zhuó yuè de chāo yīn sù xún háng yǔ tài shì gǎn zhī néng lì .

Dòng máy bay tiêm kích tàng hình hạng nặng sản xuất trong nước kiểu mới của Không quân Không quân Nhân dân trong các đợt diễn tập bay biên đội nhiều máy bay đại khí quốc gia đã phô diễn khả năng nhận thức tình huống và bay hành trình siêu thanh tốc việt.

20 nét

HÁN VIỆT : KHÔNG QUÂN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#499

口试

kǒushì

thi vấn đáp, thi nói trực tiếp

在博士研究生招生选拔复试中，专业专家组通过多轮深度综合面试全面考察考生的学术创新思维与应变能力。

Zài bó shì yǎn jiū shēng zhāo shēng xuǎn bá fù shì zhōng , zhuān yè zhuān jiǎ zǔ tóng guó duǒ lún shēn dù zōng hé mǔ kǒu shì quán miàn kǎo chá kǎo shēng de xué shù chuàng xīn sī wéi yǔ yìng biàn néng lì .

Trong kỳ thi vấn đáp phỏng vấn thí tuyển sinh nghiên cứu sinh tiến sĩ, hội đồng chuyên gia chuyên môn thông qua nhiều vòng thi vấn đáp thi nói tổng hợp chuyên sâu đã khảo sát toàn diện khả năng ứng biến và tư duy đổi mới sáng tạo học thuật của thí sinh.

28 nét

HÁN VIỆT : KHẨU THÍ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#500

扣

kòu

khẩu trừ, trừ tiền; cài cúc, bấm khóa; cúc áo

航天员在出舱太空行走前，极其细致地逐一反复检查并扣紧舱外航天服的每一个高密封安全安全锁扣。

Háng tiān yuán zài chū cāng tài kōng xíng zǒu qián , jí qí xì zhì dì zhū yī fǎn fù jiǎn chá bìng kòu jìn cāng wài háng tiān fú de měi yí gè gāo mì fēng ān quán ān quán suǒ kòu .

Phi hành gia trước khi bước ra ngoài khoang đi bộ không gian đã vô cùng tỉ mỉ lặp đi lặp lại kiểm tra và bấm khóa cài cúc từng chốt khóa an toàn niêm phong của bộ quần áo phi hành ngoài khoang.

9 nét

HÁN VIỆT : KHẨU

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#501

酷

kù

ngầu, phong cách cực chất; khắc nghiệt (khốc liệt)

在世界青年创客大会上，我国中学生展示的脑机接口智能仿生机械臂炫酷精湛，赢得了全场阵阵喝彩。

Zài shì jiè qīng nián chuàng kè dà huì shàng , wǒ guó zhōng xué shēng zhǎn shì de nǎo jī jiē kǒu zhì néng fǎng shēng jī xié bī xuǎn kù jīng zhàn , yíng dé le quán chǎng zhèn zhèn hè cái .

Tại Đại hội Khởi nghiệp Thanh niên Thế giới, cánh tay robot phỏng sinh học thông minh giao diện não - máy cực chất ngầu tuyệt đỉnh do học sinh trung học nước ta trưng bày đã nhận được những tràng pháo tay tán thưởng khắp toàn trường.

14 nét

HÁN VIỆT : KHỐC

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#502

跨

kuà

bước qua, bắc qua; liên-, xuyên- (liên ngành, xuyên biên giới)

我国成功建设了世界上跨度最大、技术最复杂的跨海高铁两用斜拉桥，刷新了多项世界桥梁工程纪录。

Wǒ guó chéng gōng jiàn shè le shì jiè shàng kuà dù zuì dà , jì shù zuì fù zá de kuà hǎi gāo tiě liáng yòng xié lā qiáo , shuā xīn le duō xiàng shì jiè qiáo liáng gōng chéng jì lù .

Nước ta đã xây dựng thành công cây cầu dây văng kết hợp đường bộ và đường sắt vượt biển có nhịp khẩu độ lớn nhất và công nghệ phức tạp nhất thế giới, làm mới hàng loạt kỷ lục công trình cầu đường thế giới.

13 nét

HÁN VIỆT : KHOÁ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#503

快车

kuàichē

tàu nhanh, xe tốc hành, xe chạy nhanh

我国全面融入全球科技创新网络，搭乘新一轮科技革命与产业变革快车，实现了高水平跨越式发展。

Wǒ guó quán miàn róng rù quán qiú kē jì chuàng xīn wǎng luò , dā chéng xīn yí lún kē jì gē jì gē míng yǐ chǎn yè biàn gé kuài chē , shí xiàn le gāo shuǐ píng kuà yuè shì fā zhǎn .

Nước ta hội nhập toàn diện vào mạng lưới đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ toàn cầu, đáp chuyến xe tốc hành tàu nhanh của cuộc cách mạng công nghiệp và cách mạng khoa học công nghệ mới, thực hiện sự phát triển nhảy vọt trình độ cao.

24 nét

HÁN VIỆT : KHOÁI XA

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#504

宽阔

kuānkuò

rộng rãi, thênh thang bao la, thoáng đãng

大科学装置园区主干道宽阔平坦，两旁绿树成荫，现代科研楼宇错落有致、环境优雅宜人。

Dà kē xué zhuāng zhì yuán qū zhǔ gàn dà dào kuān kuò píng tǎn , liǎng páng lǜ shù chéng yīn , xiàn dài kē yán lóu yǔ cuò luò yǒu zhì , huán jīng yōu yǎ yí rén .

Đại lộ trục chính khu công viên thiết bị khoa học lớn thênh thang rộng rãi bằng phẳng, hai bên rợp bóng cây xanh, các tòa nhà nghiên cứu khoa học hiện đại bố trí hài hòa ngăn nắp, môi trường tao nhã dễ chịu.

20 nét

HÁN VIỆT : KHOAN KHOÁT



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#505

矿

kuàng

khoáng sản, quặng mỏ, hầm mỏ

我国深海地质科考团队在西太平洋万米海沟成功探明了储量极其丰富的大型富钴结壳稀有金属多金属矿。

Wǒ guó shēn hǎi dì zhì kǎo tàn duì zài xī tài píng yáng wàn mǐ hǎi gōu chéng gōng tàn míng liǎo chǔ lìàng jí qí fēng fù de dà xíng fù gǔ jié ké xī yóu jīn shǔ duō jīn shǔ kuàng.

Đội ngũ khảo sát địa chất biển sâu của nước ta tại rãnh biển vạn mét Tây Thái Bình Dương đã thăm dò xác minh thành công mỏ đa kim khoáng sản kim loại hiếm vỏ bọc giàu coban cỡ lớn có trữ lượng cực kỳ phong phú.

11 nét

HÁN VIỆT: **KHOÁNG**

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#506

阔

kuò

**rộng lớn, khoáng đạt; giàu sang
rộng rãi**

青年科学家在探索未知宇宙奥秘的广阔天地中大有可为，为人类科技进步书写着绚丽壮美的时代华章。

Qīng nián kē xué jiā zài tàn sù wèi zhī yǔ zhòu ào mì de guǎng kuò tiān dì zhōng dà yǒu kě wéi, wéi rén lèi jī jìn bù shǔ xiě zhe xuàn lì zhuàng měi de shí dài huá zhāng.

Các nhà khoa học trẻ tuổi trong khoảng trời bao la rộng lớn khoáng đạt khám phá những điều huyền bí của vũ trụ chưa biết có thể lập nên đại nghiệp, viết nên những áng văn thời đại tráng lệ rực rỡ cho tiến bộ khoa học công nghệ nhân loại.

12 nét

HÁN VIỆT: **KHOÁT**

HSK 6 (3.0)

Trợ từ

#507

啦

la

rối, nhé, đấy (trợ từ ngữ khí)

当神舟载人飞船返回舱在东风着陆场稳稳着陆那一刻，地面指挥控制中心爆发出雷鸣般的掌声：“航天员平安回家啦！”

Dāng shén zhōu zài rén fēi chuán fǎn huí cāng zài dōng fēng zhuó lù chǎng wěn wěn zhuó lù nà yí kè, dì miàn zhǐ huī kòng zhì zhōng xīn bào fā chū léi míng bān de zhǎng shēng: "háng tiān yuán píng ān huí jiā la!"

Vào khoảnh khắc khoang hồi quyển của tàu vũ trụ có người lái Thần Châu hạ cánh vững vàng tại bãi đáp Đông Phong, trung tâm điều khiển chỉ huy mặt đất đã vang lên những tràng pháo tay như sấm dậy: "Các phi hành gia đã trở về nhà bình an rồi!"

9 nét

HÁN VIỆT: **LAP**

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#508

来往

lái wǎng

**qua lại, đi lại giao thiệp, quan hệ
qua lại**

随着高水平对外开放持续深入，中外青年学者之间的前沿学术研讨与友好来往日益频繁密切。

Suí zhe gāo shuǐ píng duì wài kāi fàng chí xù shēn rù, zhōng wài qīng nián xué zhě zhī jiān de qián yán xué shù yán tǎo yǔ yǒu hào lái wǎng rì yì pín fán mì qiè.

Cùng với việc mở cửa đối ngoại trình độ cao tiếp tục đi vào chiều sâu, sự giao thiệp qua lại hữu nghị và hội thảo học thuật tiên phong giữa các học giả trẻ trong và ngoài nước ngày càng trở nên gần gũi mật thiết và thường xuyên.

22 nét

HÁN VIỆT: **LAI VẮNG**

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#509

赖

lài

dựa dẫm, ỷ lại; quỵt nợ; xấu (tội)

关键核心技术是要不来、买不来、讨不来的，我们决不能盲目依赖外部技术引进，必须坚持自立自强。

Guān jiàn hé xīn jì shù shì yào bù lái, mǎi bù lái, tǎo bù lái, wǒ men jué bù néng máng mù yī lài wài bù jì shù yǐn jìn, bì xū jiān chí zì lì zì qiáng.

Công nghệ lõi then chốt là thứ không thể đòi được, không thể mua được và cũng không thể xin được, chúng ta tuyệt đối không được ỷ lại dựa dẫm mù quáng vào việc du nhập công nghệ bên ngoài, bắt buộc phải kiên trì tự chủ tự cường.

14 nét

HÁN VIỆT: **LẠI**

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#510

栏目

lán mù

**chuyên mục, tiết mục truyền
hình/báo chí**

国家广播电视台开辟了大型科普纪实精品栏目，深入展现战略科学家与大国工匠科技报国的动人奋斗故事。

Guó jiā guāng bō diàn shì tái kāi pì le dà xíng kē pǔ jì shí jīng pǐn lán mù, shēn rù zhǎn xiàn zhàn lüè kē xué jiā yǔ dà guó gōng jiàng kē jì bào guó de dòng rén fèn dòu gù shì.

Đài Phát thanh và Truyền hình Quốc gia đã mở chuyên mục phim tài liệu phổ biến khoa học đặc sắc quy mô lớn, khắc họa sâu sắc những câu chuyện phấn đấu cảm động phụng sự Tổ quốc bằng khoa học của các nhà khoa học chiến lược và thợ cả đại đức của đất nước.

23 nét

HÁN VIỆT: **LAN MỤC**

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#511

蓝领

lán lǐng

**công nhân áo xanh, người lao động
chân tay kỹ thuật**

国家大力推进现代职业技能教育体系建设，着力培育数千万掌握高精尖制造技能的新时期知识型蓝领大工匠。

Guó jiā dà lì tuī jìn xiàn dài zhí yè jī néng jiàoyù tǐ xì jiàn shè, zhuó lì péi yù shù qiān wàn zhǎng wò gāo jīng jiān zhì zào jì néng de xīn shí dài zhī shì xíng lán lǐng dà gōng jiàng.

Nhà nước ra sức đẩy mạnh xây dựng hệ thống giáo dục kỹ năng nghề nghiệp hiện đại, chú trọng nuôi dưỡng hàng chục triệu đại nghệ nhân người thợ công nhân áo xanh mẫu mực trí thức thời đại mới nắm giữ kỹ năng chế tạo đỉnh cao tinh vi.

16 nét

HÁN VIỆT: **LAM LÃNH**

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#512

蓝天

lán tiān

bầu trời xanh, bầu trời trong xanh

国家持续深入推进蓝天保卫战，全国各大主要城市空气质量优良天数比例连年创下历史新高。

Guó jiā chí xù shēn rù tuī jìn lán tiān bǎo wèi zhàn, quán guó gè dà zhǔ yào chéng shì kōng qì zhì liàng yōu liáng tiān shù bǐ lì lián nián chuàng xià lì shǐ xīn gāo.

Nhà nước liên tục đi sâu đẩy mạnh Cuộc chiến bảo vệ bầu trời xanh, tỷ lệ số ngày có chất lượng không khí đạt loại tốt và ưu lương của các đô thị lớn chủ yếu trên cả nước liên tục nhiều năm xác lập kỷ lục lịch sử mới.

21 nét

HÁN VIỆT: **LAM THIÊN**

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#513

懒

lǎn

lười biếng, lười

克服懒惰拖延的最好办法就是将庞大的大目标拆解为具体的微小步骤并立即行动。

Kè fú lǎn duò tuō yán de zuì hǎo bàn fǎ jiù shì jiāng páng dà de dà mù biāo chāi jiě wéi jù thể de wēi xiǎo bù zhòu bù jǐng lǐ jí xíng dòng.

Cách tốt nhất để vượt qua tính lười biếng và thói quen trì hoãn là chia nhỏ mục tiêu lớn thành các bước cụ thể và bắt tay vào hành động ngay lập tức.

11 nét

HÁN VIỆT: **LÃN**



HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#514

牢

láo

vững chắc, kiên cố bền chặt; nhà tù
nhà giam

广大科技工作者要牢固树立国家安全意识与底线思维，牢牢把国家科技发展的命脉掌握在自己手中。

Guāng dà kē jì gōng zuò zhě yào dǎo gù shù lǐ guó jiā ān quán yì shí yǔ dǐ xiàn sī wéi, láo láo bǎ guó jiā kē jì fǎ zhǎn de mìng mài zhǎng wò zài zì jǐ shǒu zhōng.

Đồng đảo những người làm khoa học cần xác lập vững chắc kiên cố ý thức an ninh quốc gia và tư duy lần ranh đỏ, nắm chắc thật chặt huyết mạch phát triển khoa học công nghệ quốc gia trong chính tay mình.

9 nét

HÁN VIỆT LAO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#515

老乡

lǎoxiāng

đồng hương, bà con cùng quê

青年农业科技特派员常年扎根大西北田间地头，用通俗易懂的家乡话手把手教老乡们掌握高产节水栽培技术。

Qīng nián nóng yè kē jì tè pài yuán cháng nián zhā gēn dà xī běi tián jiān dì tóu, yòng tōng sù yì dōng de jiā xiāng huà shǒu bǎ shǒu jiào lǎo xiāng men zhǎng wò gāo chǎn jié shuǐ zài péi jì shù.

Phái viên khoa học công nghệ nông nghiệp thanh niên quanh năm cắm rễ nơi đồng ruộng miền Đại Tây Bắc, dùng tiếng quê hương dễ hiểu bình dị để cầm tay chỉ việc dạy bà con đồng hương bà con cùng quê nắm vững kỹ thuật canh tác tiết kiệm nước năng suất cao.

21 nét

HÁN VIỆT LǍO HƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#516

乐曲

yuèqǔ

khúc nhạc, bản nhạc giai điệu

伴随着激昂庄严的胜利乐曲声，大国重器研发功勋团队迈着铿锵坚定的步伐走上国家科学技术最高领奖台。

Bàn suí zhe jī áng zhuāng yán de shèng lì yuè qǔ shēng, dà guó zhòng qì yán fā gōng xūn tuán duì mài zhe kēng qiāng jiān dìng de bù fá zǒu shàng guó jiā kē xué jì shù zuì gāo jiǎng táng.

Hòa cùng tiếng khúc nhạc bản nhạc thắng lợi trang nghiêm hùng tráng, đội ngũ có công lao nghiên cứu phát triển đại khí quốc gia bước đi những bước chân kiên định dong dạc bước lên bục nhận Giải thưởng Khoa học và Công nghệ Tối cao Quốc gia.

22 nét

HÁN VIỆT LẠC KHÚC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#517

冷气

lěngqì

hơi lạnh, luồng khí lạnh; máy điều
hòa lạnh

在国家超级计算中心超大规模服务器机房内，先进的精密制冷系统与冷气循环系统高效带走海量运算热量。

Zài guó jiā chāo jí jì suàn zhōng xīn chāo dà guī mó fú wú jī jī fǎng nèi, xiān jìn de jīng mì zhōng yuē xì tǒng yǔ lěng qì xún huán xì tǒng gāo xiào dài zǒu hǎi liàng yùn suàn rè liàng.

Bên trong phòng máy chủ quy mô siêu lớn của Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia, hệ thống tuần hoàn hơi lạnh luồng khí lạnh và hệ thống làm mát bằng chất lỏng chính xác tiên tiến đã giải phóng hiệu quả cao lượng nhiệt tính toán khổng lồ.

23 nét

HÁN VIỆT LẠNH KHÍ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#518

冷水

lěngshuǐ

nước lạnh, gáo nước lạnh (nghĩa
bóng)

面对科研攻关中个别暂时的质疑与冷水，青年学者从不气馁动摇，始终以确凿坚实的实验数据予以有力证明。

Miàn duì kē yán gōng guān zhōng gè bié zàn shí de zhì yí yǔ lěng shuǐ, qīng nián xué zhě zhēng cōng bù qì nǐ dòng yáo, shí zhōng yǐ què záo jiān shí de shí yàn shù jù yǔ yǐ yǒu lì zhèng míng.

Đứng trước gáo nước lạnh nước lạnh và sự hoài nghi tạm thời cá biệt trong vượt khó nghiên cứu khoa học, người học giả trẻ tuổi chưa bao giờ nản lòng dao động, luôn dùng số liệu thực nghiệm vững chắc xác thực để chứng minh đầy thuyết phục.

20 nét

HÁN VIỆT LẠNH THUỶ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#519

礼堂

lǐtáng

hội trường, lễ đường, giảng đường
lớn

在人民大会堂万人大礼堂内，国家科学技术奖励大会隆重举行，热烈表彰为国奉献的杰出科技工作者。

Zài rén mín dà huì táng wàn rén dà lǐ táng nèi, guó jiā kē xué jì shù jiǎng lì dà huì lǒng zhōng jǔ xíng, rè liè biǎo zhāng wéi guó fèng xiàn de jié chū kē jì gōng zuò zhě.

Bên trong đại lễ đường hội trường vạn người của Đại Lễ đường Nhân dân, Đại hội Khen thưởng Khoa học và Công nghệ Quốc gia đã long trọng diễn ra, nhiệt liệt tuyên dương các cán bộ khoa học công nghệ kiệt xuất cống hiến cho Tổ quốc.

25 nét

HÁN VIỆT LỄ ĐƯỜNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#520

理

lǐ

lý do

老师鼓励大家积极理，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí lǐ, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực lý do, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT LÝ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#521

理财

lǐcái

quản lý tài chính, quản lý tiền của,
đầu tư tài chính

金融监管部门持续强化公众金融素养普及，引导广大市民树立理性稳健的科学理财与风险防范意识。

Jīn róng jiān guǎn bù mén chí xù qiáng huà gōng zhòng jīn róng sù yǎng pǔ jí, yǐn dǎo guāng dà shì mǐn shù lǐ xìng wěn jiǎn de kē xué lǐ cái yǔ fēng xiǎn fáng fàn yì shí.

Cơ quan giám sát tài chính liên tục tăng cường phổ cập tổ chất tài chính công chúng, định hướng đồng đảo người dân xác lập ý thức phòng ngừa rủi ro và quản lý tài chính đầu tư tài chính khoa học thận trọng lý tính.

20 nét

HÁN VIỆT LÝ TÀI

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#522

理智

lǐzhì

lý trí, tỉnh táo sáng suốt; lý tính

在国际地缘政治风云变幻的关键时刻，各方应当保持克制与高度理智，坚持通过和平对话政治解决争端。

Zài guó jì dì yuán zhèng zhì fēng yún biàn huàn de guān jiàn shí kè, gè fāng yīng dāng bǎo chí kè zhì yǔ gāo dù lǐ zhì, jiān chí thông qua hé píng duì huà zhèng zhì jiě jué zhēng duān.

Vào thời khắc then chốt diễn biến địa chính trị quốc tế nhiều biến động, các bên cần giữ vững sự kiềm chế và lý trí tỉnh táo cao độ, kiên trì giải quyết tranh chấp bằng biện pháp chính trị thông qua đối thoại hòa bình.

22 nét

HÁN VIỆT LÝ TRÍ

HSK 6
(3.0)Tính từ / Danh từ /
Động từ

#523

利
lì

có lợi, lợi ích; thuận lợi; sắc bén

利民之事，丝发必兴；我们要推动科技创新成果更多更公平惠及全体人民，切实增进民生福祉。

Lì mín zhī shì, sī fā bì xīng; wǒ men yào tuī dòng kē jì chuàng xīn chéng guǒ gèng duō gèng gōng píng huì jí quán tǐ rén mín, qiè shí zēng jìn mǐn shēng fú zhǐ.

Việc có lợi có lợi cho dân, dù nhỏ như sợi tơ sợi tóc cũng nhất định phải làm (lợi dân chỉ sự, tí phát tất hưng); chúng ta phải thúc đẩy các thành quả đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ mang lại lợi ích công bằng hơn nhiều hơn cho toàn thể nhân dân, củng cố thực chất phúc lợi dân sinh.

13 nét

HÁN VIỆT: LỢI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#524

联盟
lián méng

liên minh, liên minh hợp tác

由数十所顶尖高校与领军科技企业发起成立的国家人工智能产业创新联盟，加速推进了算力与算法生态融合。

Yóu shù shí suǒ dǐng jiān gāo xiào yǔ lǐng jūn kē jì qì yè fā qì chéng lì de guó jiā rén gōng zhì néng chān yè chuàng xīn lián méng, jiǎ sù tuī jìn le suàn lì yǔ suàn fǎ shēng tài róng hé.

Liên minh Đổi mới Ngành Trí tuệ Nhân tạo Quốc gia do hàng chục trường đại học hàng đầu cùng doanh nghiệp công nghệ đầu ngành khởi xướng thành lập đã đẩy nhanh thúc đẩy sự dung hợp hệ sinh thái thuật toán và năng lực tính toán.

19 nét

HÁN VIỆT: LIÊN MINH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#525

联赛
liánsài

giải đấu liên đoàn, giải vô địch đấu vòng tròn

在全国大学生机器人创新设计超级联赛中，各高校代表队凭借自主研发的算法程序展开激烈竞技较量。

Zài quán guó dà xué shēng jī qì rén chuàng xīn shè jì chāo jí lián sài zhōng, gè gāo xiào dài biǎo duì píng jì jiè zì zhǔ yán zhì de suān fǎ chéng xù zhǎn kāi jī lì jiē jīng jì jiào liàng.

Tại Giải đấu liên đoàn Siêu liên đoàn Thiết kế Đổi mới Sáng tạo Robot Sinh viên Đại học Toàn quốc, các đội tuyển đại diện các trường đại học dựa vào các chương trình thuật toán tự chủ nghiên cứu phát triển đã triển khai so tài thi đấu kịch tính.

21 nét

HÁN VIỆT: LIÊN TÀI

HSK 6 (3.0)

Động từ

#526

联手
liánshǒu

bắt tay, hợp sức chung tay, liên kết kết hợp

多所顶尖研究型大学与国家战略科技领军企业强强联手，共同建立前沿颠覆性技术协同创新联合实验室。

Duō suǒ dǐng jiān yán jiǔ xíng dà xué yǔ guó jiā zhàn lüè kē jì líng jūn qì yè qiáng qiáng lián shǒu, gòng tóng jiàn lì qián yán fān pò xìng jì shù xié tóng chuàng xīn lián hé shí yàn shì.

Nhiều trường đại học định hướng nghiên cứu hàng đầu cùng các doanh nghiệp dẫn đầu khoa học công nghệ chiến lược quốc gia mạnh mẽ bắt tay chung tay hợp sức, cùng nhau xây dựng phòng thí nghiệm liên hợp đổi mới sáng tạo hiệp đồng công nghệ mang tính cách mạng tiên phong.

22 nét

HÁN VIỆT: LIÊN THỦ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#527

凉鞋
liángxié

dép xăng-đan, giày mùa hè thoáng mát

新型仿生高分子纳米透气材料成功应用于运动凉鞋制造，兼具极佳的轻量化减震与抗菌防滑性能。

Xīn xíng fǎng shēng gāo fēn zǐ nà mǐ tòu qì cái liào chéng gōng yìng yòng yú yùn dòng liáng xié zhì zào, jiān jù jí jiā de qīng liàng huà jiǎn zhèn yǔ kàng jūn fǎng huá xuā xīng néng.

Vật liệu nano polymer thoáng khí phỏng sinh học kiểu mới được ứng dụng thành công vào chế tạo dép xăng-đan giày xăng-đan thể thao, đồng thời sở hữu tính năng chống trơn kháng khuẩn và giảm chấn siêu nhẹ cực kỳ ưu việt.

17 nét

HÁN VIỆT: LƯƠNG HẢI

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#528

两侧
liǎngcè

hai bên, hai bên sườn, hai phía bên

大科学装置高能同步辐射光源实验环形管道两侧，精准密布着数百台超高精度微纳聚焦磁铁透镜。

Dà kē xué zhuāng zhì gāo néng tóng bù fú shè guāng yuán shí yàn huán xíng guǎn dào liǎng cè, jīng zhǔn mì bù zhe shù bǎi tái chāo gāo jīng dù wēi nà jù jiāo cí tiě tóu jìng.

Hai bên hai phía bên đường ống hình khuyên thực nghiệm nguồn sáng bức xạ synchrotron năng lượng cao của thiết bị khoa học lớn phân bố dày đặc chuẩn xác hàng trăm bộ thấu kính nam châm hội tụ vi nano độ chính xác siêu cao.

21 nét

HÁN VIỆT: LƯƠNG TRẮC

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Số lượng

#529

两手
liǎngshǒu

hai tay, hai bàn tay; hai phương diện đối sách

在推进国家重大工程攻关中，我们要坚持自主研发与开放合作两手抓、两手硬，筑牢科技安全防线。

Zài tuī jìn guó jiā zhòng dà gōng chéng gōng guān zhōng, wǒ men yào jiān chí zì zhǔ yán fā yǔ kāi fàng hé zuò liǎng shǒu zhuā, liǎng shǒu yìng, zhù láo kè jì ān quán fáng xiǎn.

Trong công tác thúc đẩy vượt khó các công trình trọng đại quốc gia, chúng ta phải kiên trì nắm chắc hai tay hai phương diện vừa tự chủ nghiên cứu phát triển vừa hợp tác mở cửa, cả hai tay đều cứng rắn vững vàng, củng cố vững chắc phòng tuyến an toàn khoa học công nghệ.

26 nét

HÁN VIỆT: LƯƠNG THỦ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#530

聊
liáo

trò chuyện, tán gẫu, nói chuyện

资深战略科学家利用学术研讨间隙与青年学子围坐在一起，促膝长谈、亲切交流聊起当年的科研攻关往事。

Zī shēn zhàn lüè kē xué jiā lì yòng xué shù yán tǎo jiàn xī yǔ qīng nián xué zǐ wéi zuò zài yì qì, cù xī cháng tán, qīn qiè jiāo liú liáo qì dāng nián de kē yán gōng guān wǎng shì.

Nhà khoa học chiến lược lão thành tranh thủ khoảng trống giữa các buổi hội thảo học thuật ngồi quây quần cùng các học trò trẻ tuổi, tâm tình thân mật, trò chuyện tán gẫu rôm rả về những câu chuyện dĩ vãng vượt khó nghiên cứu khoa học năm xưa.

13 nét

HÁN VIỆT: LIÊU

HSK 6 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#531

聊天儿
liáotiānr

tán gẫu, trò chuyện gẫu, nói chuyện phiếm

在紧张繁重的实验攻关之余，团队骨干们在园区咖啡厅轻松喝茶聊天儿，在思想碰撞中常能迸发出新灵感。

Zài jǐn zhāng fán zhòng de shí yàn gōng guān zhī yú, tuán duì gǔ gàn men zài yuán qū kā fēi jiǎo qīng sōng hē chá liáo tiān ér, zài sī xiǎng pèng chuàng zhōng cháng néng bèng fā chū zhān xīn líng gǎn.

Ngoài những giờ vượt khó thực nghiệm nặng nề căng thẳng, các cán bộ nòng cốt của nhóm ngồi tại góc cà phê khuôn viên thoải mái uống trà tán gẫu trò chuyện phiếm, trong những va chạm tư tưởng thường có thể bùng nổ những nguồn cảm hứng hoàn toàn mới.

35 nét

HÁN VIỆT: LIÊU THIÊN NHÂN


HSK 6 (3.0)

Động từ

#532

料

liào
vật chất

老师鼓励大家积极**料**，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí liào, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shi.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực vật chất, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT: LIÊU

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#533

裂

liè
nứt, rạn nứt; phân tách chia cắt

经过极限压力与极寒交变工况严苛考验，该新型碳纤维复合材料构件表面没有出现任何微米级微裂纹。

Jīng guò jí xiàn yā lì yǔ jī hán jiāo biàn gōng kuàng yán kē kǎo yàn, gāi xīn xíng tán xiān wéi fú hé cái liào gòu jiàn biāo miàn méi yǒu chū xiàn rèn hé wēi mǐ jí wēi liè wén.

Trải qua sự thử thách khắc nghiệt của điều kiện làm việc luân phiên biến đổi giá rét cực đoan và áp lực giới hạn, bề mặt cấu kiện vật liệu composite sợi carbon kiểu mới này không hề xuất hiện bất kỳ vết nứt rạn nứt vi mô nào cấp độ micromet.

11 nét

HÁN VIỆT: LIỆT

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#534

灵活

líng huó
linh hoạt, mềm dẻo, nhạy bén

在应对复杂多变的国际经贸环境时，企业应当根据市场供求波动灵活调整全球供应链采购策略。

Zài yíng duì fù zá duō biàn de guó jì jīng mào huán jīng shí, qì yè yīng dǎng gēn jù shì chǎng gōng qiú bō dòng líng huó tiáo zhěng quán qiú gōng yīng lián cái gòu cè lüè.

Khi ứng phó với môi trường kinh tế thương mại quốc tế biến chuyển phức tạp, doanh nghiệp cần linh hoạt điều chỉnh chiến lược thu mua chuỗi cung ứng toàn cầu căn cứ theo biến động cung cầu thị trường.

26 nét

HÁN VIỆT: LINH HOẠT

HSK 6 (3.0)

Động từ

#535

领取

lǐng qǔ
nhận, lĩnh, lĩnh nhận (giải thưởng/trợ cấp)

青年科学家步上国家科学大会领奖台，庄重领取了国家自然科学奖一等奖荣誉证书与金色勋章。

Qīng nián kē xué jiā bù shàng guó jiā kē xué dà huì lǐng jiǎng tái, zhuāng zhòng lǐng qǔ le guó jiā zì rán kē xué jiǎng yì děng jiǎng róng yǔ zhèng shū yǐn jīn sè xūn zhāng.

Nhà khoa học trẻ tuổi bước lên bục nhận giải Đại hội Khoa học Quốc gia, trang trọng lĩnh nhận tấm huân chương màu vàng và giấy chứng nhận danh dự Giải Nhất Giải thưởng Khoa học Tự nhiên Quốc gia.

16 nét

HÁN VIỆT: LÃNH THỦ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#536

领袖

lǐng xiù
lãnh tụ, người lãnh đạo kiệt xuất

卓越的战略科技领袖能够准确洞察全球前沿科技发展脉搏，引领重大科研攻关团队勇闯科学无人区。

Zhuó yuè de zhàn lüè kē jì lǐng xiù néng gòu zhǔn què dòng chá quán qiú qián yán kē jì fā zhǎn mài bó, yǐn lǐng zhòng dà kē yán gōng guān tuán duì yǒng chuǎng kē xué wú rén qū.

Một nhà lãnh tụ khoa học công nghệ chiến lược kiệt xuất có thể thấu suốt chuẩn xác mạch đập phát triển khoa học công nghệ tiên phong toàn cầu, dẫn dắt các nhóm nghiên cứu khoa học trọng đại dũng cảm đột phá vào vùng đất chưa người khám phá của khoa học.

17 nét

HÁN VIỆT: LÃNH TỰ

HSK 6 (3.0)

Đại từ / Phó từ

#537

另

lìng
khác, một cái khác; ngoài ra

在原有传统实验路径受阻的情况下，攻关团队果断另辟蹊径，提出了基于拓扑量子态的全新物理测量方案。

Zài yuán yǒu chuán tǒng shí yàn lù jīng shòu zǔ de qīng kuàng xià, gōng guān tuán duì guǒ duàn líng pì xī jīng, tí chū le jī yú tuō pǔ liàng zì tài de quán xīn wú lì cè liáng fāng àn.

Trong tình huống lộ trình thực nghiệm truyền thống ban đầu bị bế tắc cản trở, nhóm vượt khó đã quả đoán mở ra một con đường khác biệt, đề xuất phương án đo đạc vật lý hoàn toàn mới dựa trên trạng thái lượng tử tô-pô.

10 nét

HÁN VIỆT: LÃNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#538

流感

liú gǎn
bệnh cúm, bệnh cúm mùa

国家疾控中心依托全国多病原多源大数据监测预警网络，实现了对季节性流感病毒变异趋势的超前精准研判。

Guó jiā jī kòng zhōng xīn yī tuō quán guó duō bìng yuán duō yuán dà shù jù jiān cè yǔ jīng wǎng luò, shí xiàn le dui jì jì xīng lǐú gǎn bìng dú zhǔ biàn yí qū shì de cháo qián jīng zhǔn yán pàn.

Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh Quốc gia dựa vào mạng lưới cảnh báo sớm quan trắc dữ liệu lớn đa nguồn đa tác nhân gây bệnh toàn quốc đã thực hiện việc đánh giá nhận định chuẩn xác đón đầu xu thế biến dị của các chủng virus cúm bệnh cúm mùa theo mùa.

26 nét

HÁN VIỆT: LƯU CẢM

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#539

留言

liú yán
để lại lời nhắn, gửi tin nhắn; lời nhắn để lại

在大科学工程纪念馆电子互动留言墙上，成千上万青少年留下了“科技强国有我、勇攀科学高峰”的庄严誓言。

Zài dà kē xué gōng chéng jì niàn diàn zǐ hù dòng liú yán qiǎng shàng, chéng qiān shàng wàn qīng shào nián liú xià le "kē jì qiáng guó yǒu wǒ, yǒng pān kē xué gāo fēng" de zhuāng yán shì yán.

Trên bức tường điện tử tương tác để lại lời nhắn lời nhắn của Nhà Lưu niệm Công trình Khoa học Lớn, hàng ngàn hàng vạn thanh thiếu niên đã để lại lời thể trang nghiêm 'Cường quốc khoa học công nghệ có cháu, dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học'.

26 nét

HÁN VIỆT: LƯU NGÔN

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#540

楼道

lóu dào
hành lang tòa nhà, lối đi cầu thang

现代化智慧科研综合实验大楼全楼道配备了智能感应节能LED照明系统与全方位微型环境安全监测仪。

Xiàn dài huà zhì huì kē yán zōng hé shí yàn dà lóu quán lóu dào pèi bèi le zhì néng gǎn yīng jié néng LED zhào míng xī tǒng yú quán fāng wèi wēi xíng huán jīng ān quán jiān cè yí.

Toàn bộ hành lang lối đi hành lang tòa nhà của Tòa nhà Thực nghiệm Tổng hợp Nghiên cứu Khoa học Thông minh Hiện đại hóa đều được trang bị máy quan trắc an toàn môi trường vi mô toàn diện và hệ thống chiếu sáng LED tiết kiệm điện cảm ứng thông minh.

22 nét

HÁN VIỆT: LẦU ĐẠO



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#541

楼房

lóufáng

nhà tầng, tòa nhà nhiều tầng, nhà lầu

国家高新技术产业开发区内一座座现代化绿色低碳科研实验楼房拔地而起、错落有致，环境极为优美。

Guó jiā gāo xīn jì shù chǎn yè zuò yú zuò xiàn dài huà lǜ sè dì tān kē yán shí yàn lóu fáng bá dì ér qǐ, cuò luò yǒu zhì, huán jīng jí wéi yōu měi.

Bên trong Khu Phát triển Ngành Công nghệ Cao mới Quốc gia, từng tòa từng tòa nhà tầng tòa nhà nhiều tầng thực nghiệm nghiên cứu khoa học xanh ít phát thải carbon hiện đại mọc lên sừng sững, bố trí hài hòa ngăn nắp, cảnh quan môi trường vô cùng tươi đẹp.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : LÂU PHÒNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#542

陆军

lùjūn

lục quân, lực lượng lục quân

人民陆军新型国产信息化无人作战系统与重型装甲装备在高原戈壁实战化演练中展现出强大全域综合作战效能。

Rén mín lù jūn xīn xíng guó chǎn xī huà wú rén zuò zhàn xì tǒng yǔ zhòng xíng zhòng xiàng zhuāng bēi zài gāo yuán gē bì shí zhān huà yǎn xùn zhōng zhān xiàn chǔ qiáng dà quán yǔ zōng hé zuò zhàn xiào néng.

Hệ thống tác chiến không người lái thông tin hóa và trang bị thiết giáp hạng nặng sản xuất trong nước kiểu mới của Lục quân Lục quân Nhân dân trong các đợt diễn tập thực chiến hóa trên sa mạc cao nguyên đã phô diễn hiệu năng tác chiến tổng hợp toàn diện vô cùng hùng mạnh.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : LỤC QUÂN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#543

录像

lùxiàng

video ghi hình, đoạn băng ghi hình; quay video

深海万米载人潜水器搭载的超高清深海特种摄像机，清晰拍摄记录下了海底热液喷口极其珍贵的高清科学录像。

Shēn hǎi wàn mǐ zài rén qián shuǐ qì dā zài de chāo gāo qīng shēn hǎi tè zhōng shè xiàng jī, qīng xī pāi shè jì lù xià le hǎi dǐ rè yè pēn kǒu jí qí zhēn guì de gāo qīng kē xué lù xiàng.

Máy quay phim đặc chủng biển sâu siêu nét gắn trên tàu lặn có người lái vạn mét biển sâu đã ghi hình chụp lại rõ nét đoạn băng ghi hình video ghi hình khoa học độ nét cao vô cùng quý giá về miệng phun thủy nhiệt dưới đáy biển.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : LỤC TƯỢNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#544

录音机

lùyīnjī

máy ghi âm, máy thu âm

在口述科技史访谈中，青年学者利用高保真数字录音机完整记录下了老一辈战略科学家宝贵的治学治研心路历程。

Zài kǒu shù kē jì shǐ fǎng tán zhōng, qīng nián xué zhě lì yòng gāo bǎo zhēn shù zì lù yīn jī wán zhēng jì lù xià le lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā bǎo guì de zhì xué zhì yán xīn lù lì chéng.

Trong các cuộc phỏng vấn lịch sử khoa học công nghệ truyền khẩu, các học giả trẻ đã sử dụng máy ghi âm máy thu âm kỹ thuật số độ trung thực cao để ghi lại trọn vẹn chặng đường tâm huyết làm học vấn và nghiên cứu vô giá của các nhà khoa học chiến lược tiền bối.

📖 28 nét

HÁN VIỆT : LỤC ÂM CƠ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#545

路过

lùguò

đi ngang qua, đi qua, tình cờ đi qua

许多中外学者在路过大科学装置模型展示厅时，无不驻足凝神观看并对中国科技的非凡成就交口称赞。

Xǔ duō zhōng wài xué zhě zài lù guò dà kē xué zhuāng zhì mó xíng zhǎn shì tīng shí, wú bù zhǔ zú níng shén guān kàn bìng duì zhōng guó kē jì de fēi fán chéng jiù jiǔ jiào kǒu chēng zàn.

Nhiều học giả trong và ngoài nước khi đi ngang qua đi qua phòng trưng bày mô hình thiết bị khoa học lớn đều không khỏi dừng chân chăm chú ngắm nhìn và đồng thanh khen ngợi những thành tựu phi phàm của khoa học công nghệ Trung Quốc.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : LỘ QUÁ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#546

露

lù

lộ ra, phơi bày; giọt sương

当得知自己的科研方案获得全票通过并立项资助时，他脸上露出了欣慰开朗的笑容。

Dāng dé zhī zì jǐ de kē yán fāng àn huò dé quán piào tōng guò bìng lì xiàng zī zhù shí, tā liǎn shàng lù chū le xīn wèi kāi lǎng de xiào róng.

Khi biết tin đề án nghiên cứu khoa học của mình được 100% phiếu tán thành và cấp kinh phí thực hiện, trên gương mặt anh nở nụ cười rạng rỡ đầy mãn nguyện.

📖 11 nét

HÁN VIỆT : LỘ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#547

旅店

lǚdiàn

nhà trọ, khách sạn nhỏ, quán trọ

在高原偏远深空天文观测站附近的小镇上，这家整洁温馨的生态绿色旅店常年为来往科学家提供周到的食宿保障。

Zài gāo yuán piān yuǎn shēn kōng tiān wén guān cè zhàn fù jìn de xiǎo zhèn shàng, zhè jiā zhěng jié wēn xīn de shēng tài lǜ sè lǚ diàn cháng nián wéi lái wǎng kē xué jiā tíng gòng zhōu dǎo de shí sù bǎo zhàng.

Tại thị trấn nhỏ gần trạm quan trắc thiên văn không gian sâu xa xôi trên cao nguyên, quán trọ khách sạn nhỏ sinh thái xanh ẩm cúng gọn gàng này quanh năm cung cấp dịch vụ bảo đảm ăn ở chu đáo cho các nhà khoa học đi lại.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : LỮ ĐIỂM

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#548

绿化

lǜhuà

trồng cây xanh, phủ xanh, phủ xanh đô thị

国家高新技术科学城全面推行高标准生态园林绿化工程，人均绿地面积与森林覆盖率位居全国前列。

Guó jiā gāo xīn jì shù kē xué chéng quán miàn tuī xíng gāo biāo zhūn shēng tài yuán lín lǜ huà gōng chéng, rén jūn lǜ dì miàn jī yǔ sēn lín fù gài lǜ wéi jū quán guó qián liè.

Thành phố Khoa học Công nghệ Cao mới Quốc gia đẩy mạnh toàn diện công trình phủ xanh trồng cây xanh công viên sinh thái tiêu chuẩn cao, diện tích cây xanh bình quân đầu người và độ che phủ rừng đứng ở hàng đầu trên cả nước.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : LỤC HOA

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#549

马车

mǎchē

xe ngựa; cỗ xe kéo

从昔日落后闭塞的人拉马车到今日领先全球的时速三百五十公里智能高铁，中国交通实现了历史性伟大跨越。

Cóng xī rì luò hòu bì sè de rén lā mǎ chē dào jīn rì lǐng xiān quán qiú de shí sù sān bǎi wú shí gōng lǐ zhì néng gāo tiě, zhōng guó jiāo tōng shí xiàn le lì shǐ xíng wéi dà kuà yuè.

Từ cỗ xe ngựa xe ngựa người kéo bế tắc lạc hậu thuở nào cho tới đoàn tàu cao tốc thông minh 350 km/h dẫn đầu toàn cầu ngày nay, giao thông Trung Quốc đã thực hiện bước nhảy vọt vĩ đại mang tính lịch sử.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : MÃ XA


HSK 6 (3.0)

Trợ từ

#550

嘛

ma

mà, chứ sao (trợ từ cuối câu biểu thị hiển nhiên/nhắc nhở)

科学探索本来就是一条前人未走过的艰难道路嘛，遇到挫折失败在所难免，关键是要保持百折不挠的定力。

Kē xué tàn suǒ běn lái jiù shì yì tiáo qián rén wèi zǒu guò de jiān nán dào lù ma, yù dào cuò zhé shī bài zài suǒ nán miǎn, guān jiàn shì yào bǎo chí bǎi zhé bù náo de dìng lì.

Thăm hiểm khoa học vốn dĩ chính là một con đường gian nan mà người đi trước chưa từng bước qua mà, gặp phải khó khăn trắc trở thất bại là điều không thể tránh khỏi, điều mấu chốt là phải giữ vững định lực kiên cường bất khuất không lùi bước.

8 nét

HÁN VIỆT • MA

HSK 6 (3.0)

Động từ

#551

埋

mái

chôn, vùi lấp; giấu mình vùi đầu (mái đầu)

广大功勋科学家隐姓埋名数十年如一日，默默奉献、把青春和热血深深埋进了祖国的戈壁荒原与大山深处。

Guāng dà gōng xūn kē xué jiā yīn xìng mái míng shù shí nián rú yì rì, mò mò fèng xiàn, bǎ qīng chūn hé rè xuè shēn shēn mái jìn le zǔ guó de gē bì huāng yuán yǔ dà shān shēn chù.

Đồng đảo các nhà khoa học có công lao đã ẩn danh giấu mình giấu tên mấy mươi năm như một, âm thầm cống hiến, gửi gắm vùi lấp thanh xuân và máu nóng sâu vào nơi thâm sơn cùng cốc và hoang nguyên sa mạc Gobi của Tổ quốc.

13 nét

HÁN VIỆT • MAI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#552

馒头

mán tou

bánh màn thầu, bánh bao chay

北方传统老面手工蒸出的大馒头麦香浓郁、松软劲道，是百姓餐桌上不可或缺的主食。

Běi fāng chuán tǒng lǎo miàn shǒu gōng zhēng chū de dà mán tou mài xiāng nóng yù, sōng ruǎn jìn dào, shì bǎi xìng cǎn zhuō shàng bù kě huò quē de zhǔ shí.

Những chiếc bánh màn thầu chay to tròn hấp bằng men bột chua truyền thống miền Bắc thơm nức mùi lúa mạch, vừa mềm xốp lại dẻo dai, là món ăn chính không thể thiếu trên mâm cơm người dân.

20 nét

HÁN VIỆT • MÀN ĐẦU

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#553

慢车

màn chē

tàu chợ, tàu chậm, xe chạy chậm

在大力发展智能高速铁路的同时，国家在偏远山区依然常态化开行公益性“慢火车”，保障老乡们便捷出行。

Zài dà lì fā zhǎn zhì néng gāo sù tiě lù de tóng shí, guó jiā zài piǎn yuǎn shān qū yī rán cháng tài huà kāi xíng gōng yì xìng "màn huǒ chē", bǎo zhàng lǎo xiāng men biàn jié chū xíng.

Song song với việc ra sức phát triển đường sắt cao tốc thông minh, Nhà nước tại các vùng núi xa xôi vẫn duy trì vận hành thường xuyên các chuyến 'tàu chậm' tàu chợ mang tính công ích, bảo đảm bà con đi lại thuận tiện.

21 nét

HÁN VIỆT • MẠNH XA

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#554

盲人

máng rén

người mù, người khiếm thị

科研团队完全自主研发的智能导盲机器狗利用激光雷达与机器视觉，能够精准引导盲人安全无障碍过马路。

Kē yán tuán duì wán quán zì yǎn fā zhī zhǐ yán fā de zhì néng dǎo máng jī qì gōu lì yòng jī guāng léi dá yǔ jī qì shì jué, néng gòu jīng zhǔn yǐn dǎo máng rén ān quán wú zhàng ài guò mǎ lù.

Chú chó robot dẫn đường thông minh do đội ngũ nghiên cứu khoa học hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển sử dụng thị giác máy tính và radar laser có thể dẫn đường chuẩn xác cho người khiếm thị người mù qua đường an toàn không rào cản.

17 nét

HÁN VIỆT • MẠNH NHÂN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#555

没收

mò shōu

tịch thu, sung công, sung quỹ nhà nước

市场监管执法部门依法严惩侵犯知识产权违法行为，坚决没收全部假冒伪劣产品并依法追究法律责任。

Shì chǎng jiān guǎn zhī fǎ bù yán chéng qīn fǎn zhī shí chǎn quán wéi fǎ xíng wéi, jiǎn jué mò shōu quán bù jiǎ mào wéi liè chǎn pǐn bìng yī fǎ zhuī jiū fǎ lǜ zé rèn.

Cơ quan thực thi pháp luật giám sát thị trường theo quy định của pháp luật trừng trị nghiêm khắc hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, kiên quyết tịch thu sung công toàn bộ sản phẩm giả mạo kém chất lượng và truy cứu trách nhiệm pháp lý theo đúng pháp luật.

24 nét

HÁN VIỆT • MỘT THU

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#556

梅花

méi huā

hoa mai, bông hoa mai mùa đông

“宝剑锋从磨砺出，梅花香自苦寒来”；广大科研工作者在艰苦攻关中百折不挠、勇夺科技创新制高点。

"bǎo jiàn fēng cóng mó lì chū, méi huā xiāng zì kǔ hán lái"; guāng dà kē yán gōng zuò zhě zài jiǎn kǔ gōng guān zhōng bǎi zhé bù náo, yǒng duó kē jì chuāng xīn zhì gāo diǎn.

'Bảo kiếm sắc bén nhờ tôi luyện mài giũa, hoa mai ngát hương từ giá rét lạnh căm' (Bảo kiếm phong tung mai lệ xuất, mai hoa hương tự khổ hàn lai); đồng đảo cán bộ nghiên cứu khoa học trong khó khăn vượt khó trăm lần không gục ngã, dũng cảm đoạt lấy đỉnh cao đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ.

23 nét

HÁN VIỆT • MAI HOA

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#557

美容

měi róng

làm đẹp, thẩm mỹ, chăm sóc sắc đẹp

现代生物医药工程中心将重组胶原蛋白高科技成果转化安全高效的医美护肤与皮肤修复制品。

Xiàn dài shēng yào yīng gōng chéng zhōng xīn jiāng chóng zú jiāo yuán dàn bái gāo kē jì chéng guǒ chéng gōng zhuǎn huà wéi ān quán gāo xiào de yī měi hú fū yǔ pí fū xiū fù zhì pǐn.

Trung tâm Công trình Y sinh Dược phẩm Hiện đại đã chuyển hóa thành công thành quả công nghệ cao collagen tái tổ hợp thành các chế phẩm phục hồi da và chăm sóc sắc đẹp làm đẹp y khoa an toàn hiệu quả cao.

25 nét

HÁN VIỆT • MỸ DUNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#558

蒙

méng

che phủ, trùm lên; lừa gạt; mờ mịt u mê

在狂暴肆虐的高原沙尘暴中，即便特种防护面罩上蒙上了一层厚厚的沙尘，巡线电工依然坚毅巡护电网铁塔。

Zài kuáng bào sì nüè de gāo yuán shā chén bào zhōng, jí biàn tè zhǒng fáng hù miàn zhào shàng le yì céng hòu hòu de shā chén, xún xiàn diàn gōng yī rán jiān yì xún hù diàn wǎng tiě tǎ.

Trong cơn bão cát cao nguyên cuồng phong gầm thét dữ dội, đầu chiếc mặt nạ bảo hộ đặc chủng đã bị che phủ trùm lên một lớp cát bụi dày đặc, người thợ điện tuần tra đường dây vẫn kiên nghị tuần tra bảo vệ cột tháp lưới điện.

10 nét

HÁN VIỆT • MÔNG



HSK 6 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#559

猛

měng

mạnh mẽ, dữ dội, dũng mãnh; đột ngột

面对突发极端地质灾害山洪迅猛来袭，应急预案系统毫秒级触发响应，成功引导数千群众提前安全转移。

Miàn duì tū fā jǐ duǎn dì zhì zāi hài shān hóng xùn měng lái xī, yìng jǐ yù jǐng xì tǒng háo miǎo jí chū fā xiāng yīng, chéng gōng yǐn dǎo shù qiān qún zhòng tí qián ān quán zhuǎn yí.

Đứng trước lũ quét thiên tai địa chất cực đoan đột xuất ập tới dữ dội mãnh liệt mạnh mẽ, hệ thống cảnh báo khẩn cấp đã kích hoạt phản ứng cấp độ mili-giây, dẫn dắt thành công hàng ngàn người dân sơ tán an toàn trước giờ.

📖 12 nét

HÁN VIỆT MẪNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#560

秘书长

mìshūzhǎng

tổng thư ký, bí thư trưởng hiệp hội/tổ chức

联合国多边科学组织秘书长在世界前沿科技峰会上发表主旨演说，高度赞扬中国为全球可持续发展作出的杰出贡献。

Lián hé guó duō biān kē xué zǔ zhī mì shū zhǎng zài shì jiè qián yán kē jì fēng huì shàng fā biāo zhǔ zhì yán shuō, gāo dù zàn yáng zhōng guó wèi quán qiú kè chí xù fā zhǎn zuò chū de jié chū gòng xiàn.

Tổng Thư ký Tổng thư ký Tổ chức Khoa học Đa phương Liên Hợp Quốc tại Hội nghị Thượng đỉnh Khoa học Công nghệ Tiên phong Thế giới đã có bài diễn thuyết chủ đề, đánh giá rất cao những cống hiến kiệt xuất của Trung Quốc cho sự phát triển bền vững toàn cầu.

📖 27 nét

HÁN VIỆT BÍ THƯ TRƯỞNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#561

棉

mián

bông, cây bông gòn, sợi bông

我国完全自主培育的高产优质抗虫杂交棉花新品种在大西北百万亩现代智慧农场喜获大丰收。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ péi yù de gāo chǎn yōu zhì kàng chóng zá jiāo mián huā xīn pín zhǒng zài dà xī běi bǎi wàn mǔ xiàn dài zhì huì nóng chǎng xǐ huò dà fēng shōu.

Giống bông vải cây bông lai kháng sâu bệnh chất lượng cao năng suất cao do nước ta hoàn toàn tự chủ nhân giống nuôi trồng đã đón nhận mùa đại bội thu tại hàng triệu mẫu nông trường thông minh hiện đại miền Đại Tây Bắc.

📖 9 nét

HÁN VIỆT MIÊN

HSK 6 (3.0)

Liên từ

#562

免得

miǎn de

đỡ phải, tránh khỏi, để khỏi phải

在开展高风险野外科考与高空作业之前，必须逐项严格复核安全防护装备，免得发生意外伤害事故。

Zài kāi zhǎn gāo fēng xiǎn yě wài kē kǎo yǔ gāo kōng zuò yè zhī qián, bì xū zhǔ xiàng yán gé fù hé ān quán fáng hù zhhuāng bēi, miǎn de fā shēng yì wài rén shēng shāng hài shì gù.

Trước khi triển khai thao tác trên cao và khảo sát khoa học dã ngoại có độ rủi ro cao, bắt buộc phải rà soát kiểm tra nghiêm ngặt từng trang thiết bị bảo hộ an toàn, để tránh khỏi xảy ra các sự cố tai nạn thương tích ngoài ý muốn về người.

📖 24 nét

HÁN VIỆT MIỄN ĐẮC

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#563

面对面

miànduìmiàn

mặt đối mặt, trực tiếp diện đối diện

在全国科技周期间，著名两院院士与多位优秀青年学子面对面亲切交流、促膝探讨科学强国崇高理想。

Zài quán guó kē jì zhōu qī jiān, zhù míng liǎng yuán yuàn shì yǔ duō wèi yōu xiù qīng nián xué zǐ miàn duì miàn qīn qiè jiāo liú, cù xī tàn tāo kē xué qiáng guó chóng gāo lǐ xiǎng.

Trong Tuần lễ Khoa học Công nghệ Toàn quốc, các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm danh tiếng đã trực tiếp mặt đối mặt giao lưu thân mật cùng nhiều bạn sinh viên học sinh trẻ tuổi xuất sắc, tâm tình trao đổi về lý tưởng cao đẹp phụng sự Tổ quốc bằng khoa học.

📖 32 nét

HÁN VIỆT DIỆN ĐỐI DIỆN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Giới từ

#564

面向

miànxiàng

hướng tới, hướng về, nhằm vào

我们要坚持面向世界科技前沿、面向经济主战场、面向国家重大需求、面向人民生命健康，加快建设科技强国。

Wǒ men yào jiān chí miàn xiàng shì jiè kē jì qián yán, miàn xiàng jīng jì zhǔ zhàn chǎng, miàn xiàng guó jiǎ zhòng dà xū qiú, miàn xiàng rén mín shēng mìng jiàn kāng, jiǎ kuài jiàn shè kē jì qiáng guó.

Chúng ta phải kiên trì hướng tới hướng về ranh giới tiên phong khoa học công nghệ thế giới, hướng tới chiến trường chính kinh tế, hướng tới nhu cầu trọng đại quốc gia, hướng tới sinh mệnh sức khỏe nhân dân, đẩy nhanh xây dựng cường quốc khoa học công nghệ.

📖 21 nét

HÁN VIỆT DIỆN HƯỚNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#565

妙

miào

kỳ diệu, tuyệt diệu, khéo léo tuyệt vời

青年数学家提出了一个构思极其巧妙的拓扑代数证明结构，成功攻克了困扰国际学界多年的经典难题。

Qīng nián shù xué jiā tí chū le yí gè gòu sī jí qí qiǎo miào de tuō pǔ dài shù zhèng míng jié gòu, chéng gōng gōng kè le kùn rǎo guó jì xué jiè duō nián de jīng diǎn nán tí.

Nhà toán học trẻ tuổi đã đưa ra một cấu trúc chứng minh đại số tô-pô có ý tưởng cực kỳ khéo léo tuyệt diệu kỳ diệu, chinh phục thành công bài toán kinh điển khó khăn từng làm đau đầu giới học thuật quốc tế suốt nhiều năm.

📖 13 nét

HÁN VIỆT DIỆU

HSK 6 (3.0)

Động từ

#566

灭

miè

tắt, dập tắt; tiêu diệt diệt trừ

大科学装置消防安全中控系统配备了毫秒级高灵敏气体灭火系统，能在极早阶段自动精准扑灭任何微小电气火情。

Dà kē xué zhuāng zhì xiǎo fáng ān quán zhōng kòng xì tǒng pèi bèi le háo miǎo jí gāo lǐng mǐn qì tǐ miè huǒ xì tǒng, néng zài jí zǎo jiē duàn zì dòng jīng zhǔn pū miè rèn hé wēi xiǎo diàn qì huǒ qíng.

Hệ thống điều khiển trung tâm an toàn phòng cháy chữa cháy của thiết bị khoa học lớn trang bị hệ thống dập lửa bằng khí độ nhạy cảm cao cấp độ mili-giây, có thể tự động dập tắt dập tắt chuẩn xác mọi đám cháy điện nhỏ ở giai đoạn cực sớm.

📖 12 nét

HÁN VIỆT DIỆT

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#567

民歌

mín gē

dân ca, bài hát dân gian truyền thống

在全国少数民族文化艺术汇演中，青年歌手以清脆高亢的嗓音深情演唱了悠扬动听的中华传统民歌。

Zài quán guó shǎo shù mín zú chuán tǒng wén huà yǎn chū zhōng qīng cuī gāo kàng de sǎng yīn shēn qīng yǎn chàng le yōu yáng dòng tīng de zhōng guó chuán tǒng mǐn gē.

Tại Hội diễn Nghệ thuật Văn hóa Truyền thống Các Dân tộc Thiếu số Toàn quốc, người ca sĩ trẻ bằng chất giọng cao vút trong trẻo đã hát đầy truyền cảm những làn điệu dân ca bài hát dân gian truyền thống Trung Hoa du dương êm ái.

📖 17 nét

HÁN VIỆT DÂN CA



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#568

民工

míngōng

công nhân xây dựng nông thôn, lao động nhập cư

国家全面保障进城务工人员合法权益，大批技能型建筑产业民工通过技能培训转型为高素质现代大国工匠。

Guó jiā quán miàn bǎo zhàng jìn chéng wù gōng rén yuán hé fǎ quán yì, dà pī jī néng xíng jiàn zhù chān yè mǐn gōng tóng guò jī néng péi xùn zhuān xíng wéi gāo sù zhì xiàn dài dà guó gōng jiàng.

Nhà nước bảo đảm toàn diện quyền lợi ích hợp pháp của người lao động nông thôn vào thành phố làm việc, đồng đảo công nhân xây dựng lao động nhập cư ngành xây dựng kỹ năng thông qua đào tạo kỹ năng đã chuyển mình trở thành những nghệ nhân đại thụ nước lớn hiện đại tổ chất cao.

23 nét

HÁN VIỆT: DÂN CÔNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#569

民警

mínjīng

cảnh sát nhân dân, công an nhân dân

社区民警依托数字化智慧警务平台，全天候守护着辖区居民平安祥和的生活环境与社会治安秩序。

Shè qū mǐn jīng yī tuō shù zì huà zhì huì jīng wù píng tái, quán tiān hòu shǒu hù zhe xiá qū jū mǐn píng ān xiáng hé de shēng huó huán jīng yǔ shè huì zhì ān zhì xù.

Chiến sĩ cảnh sát nhân dân công an nhân dân khu dân cư dựa vào nền tảng cảnh vụ thông minh số hóa đã bảo vệ sự bình yên và trật tự an ninh xã hội cùng môi trường sống an lành của cư dân trên địa bàn suốt 24/7.

17 nét

HÁN VIỆT: DÂN CẢNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#570

民意

mín yì

ý dân, lòng dân, nguyện vọng của nhân dân

国家科技立法与重大公共政策出台前广泛征求社会各界意见，切实做到顺应民意、汇聚民智、造福人民。

Guó jiā kē jì fǎ jì lǐ fǎ yǔ zhòng dà gōng gòng zhèng cè chū tái qián guǎng fàn zhēng qiú shè huì gè jiē yì jiàn, qiè shí zuò dào shùn yīng mín yì, huì jù mǐn zhì, zào fú rén mín.

Trước khi ban hành các chính sách công cộng trọng đại và lập pháp khoa học công nghệ quốc gia đã lấy ý kiến rộng rãi của các giới trong xã hội, làm thật thực chất việc thuận theo ý dân lòng dân, quy tụ trí tuệ của dân và mang lại hạnh phúc cho nhân dân.

21 nét

HÁN VIỆT: DÂN Ý

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#571

民主

mín zhǔ

dân chủ

践行全过程人民民主，能够充分保障广大人民群众依法享有广泛而真实的民主权利与参与渠道。

Jiàn xíng quán guò chéng rén mín mín zhǔ, néng gòu chōng fèn bǎo zhàng guǎng dà rén mín qún zhòng yī fǎ xiǎng yǒu guǎng fàn ér zhēn shí de mín zhǔ quán lì yǔ cān yǔ qú dào.

Việc thực hành nền dân chủ nhân dân toàn quy trình có thể bảo đảm đầy đủ cho đông đảo quần chúng nhân dân được hưởng các quyền dân chủ và kênh tham gia rộng rãi, chân thực theo quy định pháp luật.

17 nét

HÁN VIỆT: DÂN CHỦ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#572

名额

míng é

chỉ tiêu, suất danh ngạch, định mức số lượng

国家扩大了国家公派出国留学研究生创新人才培养专项名额，重点资助基础前沿科学领域拔尖创新人才。

Guó jiā kuò dà le guó jiā gōng pài chū guó liú xué yǎn jiū shēng chuàng xīn rén cái péi yǎng zhuān xiàng míng é, zhòng diǎn zī zhù jī chǔ qián yán kē xué lǐng yù bá jiǎn chuàng xīn rén cái.

Nhà nước đã mở rộng chỉ tiêu suất du học thuộc đề án đào tạo nhân tài đổi mới sáng tạo nghiên cứu sinh do nhà nước cử đi du học, tập trung tài trợ cho các nhân tài đổi mới sáng tạo xuất chúng trong các lĩnh vực khoa học cơ bản tiên phong.

24 nét

HÁN VIỆT: DANH NGẠCH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#573

名胜

míng shèng

danh lam thắng cảnh, di tích nổi tiếng

中国幅员辽阔，拥有万里长城、兵马俑、九寨沟等数不胜数享誉海内外的风景名胜与历史遗迹。

Zhōng guó fú yuán liáo kuò, yōng yǒu wàn lǐ cháng chéng, bīng mǎ yǒng, jiǔ zài gǒu děng shù bù shèng shù xiǎng yù hǎi nèi wài de fēng jǐng míng shèng yǔ lì shǐ yí cǐ.

Đất nước Trung Quốc rộng lớn bao la sở hữu vô số danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử lừng danh trong và ngoài nước như Vạn Lý Trường Thành, Đội quân Đất nung, Cửu Trại Câu...

26 nét

HÁN VIỆT: DANH THẮNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#574

名义

míng yì

danh nghĩa, tư cách danh nghĩa

在世界科学联合会全体代表大会上，我国杰出学者以国际科学理事会轮值主席名义签署多边合作联合声明。

Zài shì jiè kē xué lián hé huì quán tǐ dài biǎo dà huì shàng, wǒ guó jié chū xué zhě yǐ guó jì kē xué lǐ shì huì lún zhí zhǔ xǐ míng yì qiān shù duō biān hé zuó lián hé shēng míng.

Tại Đại hội Toàn thể Đại biểu Hội đồng Khoa học Thế giới, nhà học giả kiệt xuất của nước ta với tư cách danh nghĩa Chủ tịch luân phiên Hội đồng Khoa học Quốc tế đã ký kết tuyên bố chung hợp tác đa phương.

22 nét

HÁN VIỆT: DANH NGHĨA

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#575

名誉

míng yù

danh dự, uy tín thanh danh; danh dự (chức danh)

学者视学术声誉为自己的第二生命，坚决恪守严谨求实学风，绝不容许任何学术不端行为玷污科学的崇高名誉。

Xué zhě shì xué shù shēng yù wéi zì jǐ de dì èr shēng mìng, jiǎn jué kè shǒu yán jìn qín qǐ xué fēng, jué bù róng xǔ rèn hé xué shù bù duān xíng wéi diǎn wū kē xué de chóng gāo míng yù.

Người làm học thuật coi uy tín học thuật như sinh mệnh thứ hai của mình, kiên quyết giữ trọn tác phong học thuật nghiêm cần cầu thị, tuyệt đối không cho phép bất kỳ hành vi học thuật sai trái nào làm vấy bẩn danh dự thanh danh cao quý của khoa học.

25 nét

HÁN VIỆT: DANH DỰ

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#576

明日

míng rì

ngày mai, tương lai ngày mai

今日埋头苦干攻克核心技术瓶颈，明日必将迎来高水平科技自立自强与中华民族伟大复兴的辉煌曙光。

Jīn rì mǎi tóu kǔ gàn gōng kè hé xīn jì shù píng jǐng, míng rì bì jiāng yíng lái gāo水平科技自立自强与中华民族伟大复兴的辉煌曙光。

Hôm nay cúi đầu nỗ lực dốc sức chinh phục nút thắt công nghệ cốt lõi, ngày mai tương lai ngày mai ắt sẽ đón chào ánh rạng đông huy hoàng của phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa và tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao.

21 nét

HÁN VIỆT: MINH NHẬT



HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#577

命

mìng

sinh mệnh, tính mạng; số mệnh;
mệnh lệnh

人民至上、生命至上；在应对突发重大公共卫生危机中，广大科技与医务工作者把人民生命安全放在第一位。

Rén mín zhì shàng, shēng mìng zhì shàng ; zài yìng duì tū fā zhòng dà gōng gòng wèi shēng wèi jī zhōng, guǎng dà kē jì yī wù gōng zuò zhě bǎ rén mín shēng mìng ān quán fàng zài dì yī wèi.

Nhân dân là trên hết, sinh mệnh tính mạng là trên hết; trong ứng phó với khủng hoảng y tế công cộng trọng đại đột xuất, đồng đạo các cán bộ y tế và khoa học công nghệ đã đặt an toàn tính mạng sinh mệnh của nhân dân lên vị trí hàng đầu.

14 nét

HÁN VIỆT : MỆNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#578

膜

mó

màng, lớp màng mỏng (màng sinh học, màng lọc RO)

新型聚酰胺复合反渗透高分子膜元件能够在超低运行压力下高效截留海水盐分，大幅降低了海水淡化能耗。

Xīn xíng jù xiān àn fù hé fān shèn tòu gāo fēn zǐ mó yuán jiàn néng gòu zài chāo dī yùn xíng yā lì xià gāo xiào jié liú hǎi shuǐ yán fèn, dà fú jiàng dī le hǎi shuǐ dàn huà néng hào.

Màng composite polymer thẩm thấu ngược polyamide kiểu mới có thể lọc và giữ lại muối nước biển với hiệu suất cao dưới áp suất vận hành siêu thấp, giảm thiểu vượt bậc mức tiêu hao năng lượng khử mặn nước biển.

8 nét

HÁN VIỆT : MẠC

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#579

磨

mó

mài giũa, tôi luyện; xay xát (mò: cối xay)

做前沿科学研究要甘坐十年冷板凳，耐得住寂寞、下苦功夫打磨每一个物理模型与核心算法参数。

Zuò qián yán kē xué yán jiū yào gān zuò shí nián lěng bǎn dèng, nài dé zhù jì mò, xià kǔ gōng fu dǎ mó měi yí gè wù lǐ mó xíng yǔ hé xīn suàn fǎ cān shù.

Làm nghiên cứu khoa học tiên phong cần tinh nguyện ngồi vững mười năm trên ghế băng lạnh, chịu được sự cô đơn quạnh quẽ, dày công khổ luyện mài giũa trau chuốt từng tham số thuật toán cốt lõi và mô hình vật lý.

13 nét

HÁN VIỆT : MA

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#580

墨水

mòshuǐ

mực viết, mực in; học thức chữ nghĩa (nghĩa bóng)

科研团队完全自主研发制出新型高导电石墨烯纳米电子导电墨水，实现了柔性微电路的直接高精度喷印制造。

Kē yán tuán duì wán quán zì zhù yán zhì chū xīn xíng gāo diàn dǎn shí mǐ nà mǐ diàn zì dǎo diàn mò shuǐ, shí xiàn le róu xìng wēi diàn lù de zhí jiē gāo jīng dù pēn yìn zhì zào.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học đã tự chủ nghiên cứu chế tạo thành công loại mực in mực viết dẫn điện nano graphene tính dẫn điện cao kiểu mới, thực hiện việc chế tạo in phun độ chính xác cao trực tiếp các vi mạch điện tử mềm dẻo.

19 nét

HÁN VIỆT : MẶC THUỖ

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#581

母

mǔ

mẹ, người mẹ; giống cái (động vật); gốc mẹ (cơ sở)

高端工业母机是现代制造业的核心基石，我国在五轴联动超精密数控机床研发上取得了重大历史性突破。

Gāo duān gōng yè mǔ jī shì xiàn dài zhì zào yè de hé xīn jī shí, wǒ guó zài wǔ zhóu lián dòng chāo jīng mǐ shù kòng jī chuāng yán fā shàng qǔ dé le zhòng dà lì shǐ xìng tū pò.

Máy công cụ mẹ gốc mẹ công nghiệp cao cấp là nền tảng cốt lõi của ngành chế tạo hiện đại, nước ta đã đạt được đột phá lịch sử trọng đại trong nghiên cứu phát triển máy công cụ điều khiển số (CNC) siêu chính xác liên động năm trục.

11 nét

HÁN VIỆT : MẪU

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#582

母鸡

mǔjī

con gà mái

在国家现代智慧生态禽类育种示范基地内，培育出的优质蛋用母鸡产蛋率与抗病能力显著优于传统品种。

Zài guó jiā xiàn dài zhì huì shēng tài qín lèi yù zhòng shí fàn jī dì nèi, péi yù chū de yōu zhì dàn yòng mǔ jī chǎn dàn lǜ yǔ kàng bìng néng lì xiǎn zhù yōu yú chuán tǒng pín zhǒng.

Bên trong khu căn cứ trình diễn nhân giống gia cầm sinh thái thông minh hiện đại quốc gia, giống gà mái con gà mái hướng trứng chất lượng cao được nuôi dưỡng có tỷ lệ đẻ trứng và khả năng kháng bệnh vượt trội rõ rệt so với các giống truyền thống.

19 nét

HÁN VIỆT : MẪU KÊ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#583

母女

mǔnǚ

mẹ và con gái, hai mẹ con

两代医学科学家母女接续深耕传染病微观免疫学研究数十载，共同为守护人民生命健康筑牢科学防线。

Liǎng dài yī xué kē jīe xué jiā mǔ nǚ jiē xù shēn gēng chuān rán bìng wēi guān miǎn yì xué yán jiū shù shí zài, gòng tóng wèi shǒu rén mín shēng mìng jiàn kāng zhù lǎo kē xué fáng xiàn.

Hai thế hệ nhà khoa học y học hai mẹ con mẹ và con gái đã liên tục miệt mài nghiên cứu miễn dịch học vi mô bệnh truyền nhiễm suốt mấy mươi năm qua, cùng nhau bồi đắp phòng tuyến khoa học vững chắc bảo vệ sức khỏe tính mạng nhân dân.

21 nét

HÁN VIỆT : MẪU NỮ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#584

母子

mǔzǐ

mẹ và con trai, hai mẹ con

在国家妇幼保健院高危重症救治中心，医护团队凭借精湛医术成功保障了高危早产母子平安康复出院。

Zài guó jiā fù yòu bǎo jiàn yuán gāo wēi zhòng zhēng jù zhì zhòng xīn, yī hù tuán duì píng jiē jīng zhàn yì shù chéng gōng bǎo zhàng le gāo wēi zǎo chǎn mǔ zǐ píng ān kāng fù chū yuán.

Tại Trung tâm Cứu chữa Trọng bệnh Nguy kịch Bệnh viện Bảo vệ Sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em Quốc gia, tập thể y bác sĩ nhờ vào y thuật tuyệt đỉnh đã bảo vệ thành công cho hai mẹ con mẹ và con trai sinh non nguy cơ cao bình phục an toàn xuất viện.

22 nét

HÁN VIỆT : MẪU TỬ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#585

墓

mù

mộ, ngôi mộ, lăng mộ cổ

考古科研团队利用超敏缪子宇宙射线透视成像技术，对千年底帝陵古墓开展了完全无损的高精度数字化探测。

Kǎo gǔ kē yán tuán duì lì yòng chāo mǐn móu zǐ yǔ zhòu shè xiàn tòu shì chéng xiàng jì shù, duì qiān nián dǐ dì líng gǔ mù kǎi zhǎn le wán quán wú sǔn de gāo jīng dù shù zì huà tàn cè.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học khảo cổ sử dụng công nghệ chụp ảnh thấu thị tia vũ trụ hạt muon siêu nhạy cảm đã triển khai thám trắc kỹ thuật số độ chính xác cao hoàn toàn không xâm lấn đối với lăng mộ cổ ngôi mộ lăng tẩm để vương cổ ngàn năm.

10 nét

HÁN VIỆT : MỘ



HSK 6 (3.0)

Động từ

#586

拿走

názǒu

lấy đi, mang đi, cầm đi

微电子超净车间实行严格的物品物料全生命周期追溯管理，严禁任何人私自拿走任何高纯度实验半导体晶圆晶片。

Wēi diàn zǐ chāo jìng chē jiān shí xíng yán gé de wù pǐn wù liào quán shēng mìng zhōu qī zhūi sù guān lǐ, yán jìn rén hé sī zì ná zǒu rèn hé gāo chún dù shí yàn bàn dǎo tǐ jīng yuán jīng piàn.

Phân xưởng siêu sạch vi điện tử thực thi quản lý truy xuất toàn bộ vòng đời vật tư vật phẩm nghiêm ngặt, nghiêm cấm bất kỳ ai tự ý mang đi lấy đi cầm đi bất kỳ tấm wafer phiến bán dẫn thực nghiệm độ tinh khiết cao nào.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : **NÃ TẮU**

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#587

奶粉

nǎifěn

sữa bột, bột sữa dinh dưỡng

国家对婴幼儿配方奶粉实行从源头牧场到生产全链条最严谨的质量安全监管体系，确保每一罐产品绝对达标。

Guó jiā duì yīng yǒu ér pèi fāng nǎi fěn shí xíng cóng yuán tóu mù chǎng dào shēng chǎn quán liàn tiáo zù yán jìn de zhì liàng ān quán jiǎn guān tǐ xī, què bǎo měi yī guǎn chǎn pǐn jué duì dá biāo.

Nhà nước thực thi hệ thống giám sát quản lý an toàn chất lượng nghiêm ngặt nhất trên toàn bộ chuỗi từ đồng cỏ nguồn cho tới sản xuất đối với sữa bột sữa bột công thức trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, bảo đảm từng hộp lon sản phẩm tuyệt đối đạt chuẩn.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : **NÃI PHẤN**

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#588

奶牛

nǎiniú

bò sữa, con bò sữa

现代生态智慧牧场全面部署了智能耳标与全自动挤奶机器人，实现了对万头高产优质荷斯坦奶牛的精细化健康管理。

Xià dài shēng tài zhì huì mù chǎng quán miàn bù shǔ le zhì néng ěr biāo yǔ quán zì dòng jǐ nǎi jī rén, shí xiàn le duì wàn tóu gāo chǎn yōu zhì hé sī tǎn nǎi niú de jīng xì huà jiàn kāng guǎn lǐ.

Trang trại đồng cỏ sinh thái thông minh hiện đại triển khai toàn diện robot vắt sữa tự động hoàn toàn và thẻ đeo tai thông minh, thực hiện quản lý sức khỏe tinh tế hóa đối với hàng vạn con bò sữa bò sữa giống Holstein chất lượng cao năng suất cao.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : **NÃI NGƯU**

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#589

难忘

nánwàng

khó quên, không thể nào quên, đáng nhớ

大国重器成功实现首次试验飞行胜利降落的那一刻，成为了全体参研参试科研人员一生中最难忘的荣耀记忆。

Dà guó zhòng qì chéng gōng shí xiàn shǒu cì shí yàn shòu cì shí yàn fēi xíng shèng lì jiàng luò de nà yí kè, chéng wéi le quán tǐ cān yán cān shí kē yán yuán yì shēng zhōng zuì nán wàng de róng yào yì yì.

Khoảnh khắc đại khí quốc gia thực hiện thành công chuyến bay thử nghiệm đầu tiên hạ cánh thắng lợi đã trở thành kỷ ức vinh quang không thể nào quên khó quên nhất trong trọn vẹn cuộc đời của toàn thể cán bộ nghiên cứu tham gia thử nghiệm.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : **NAN VONG**

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#590

内地

nèidì

đại lục, nội địa, phần đất liền

国家全面深化内地与港澳科技创新合作，支持港澳顶尖科研团队深度参与国家重大前沿科技基础设施建设。

Guó jiā quán miàn shēn huà nèi dì yǔ gǎng ào kē jì chuàng xīn hé zuò, zhī chí gǎng ào dīng jiān kē yán tuán duì shēn dù cān yǔ guó jiā zhòng dà qián yán kē jì jī chǔ shī jiàn shè.

Nhà nước đi sâu toàn diện hợp tác đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ giữa đại lục nội địa với Hồng Kông và Ma-cao, hỗ trợ các đội ngũ nghiên cứu khoa học hàng đầu của Hồng Kông và Ma-cao tham gia sâu sắc vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng khoa học công nghệ tiên phong trọng đại quốc gia.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : **NỘI ĐỊA**

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#591

内外

nèiwài

trong và ngoài, nội ngoại, trong ngoài

国家实验室统筹利用海内外优质科研创新资源，加快构建起开放协同、高效融合的全球创新网络体系。

Guó jiā shí yàn shì tǒng chóu lì yòng hǎi nèi wài yōu zhì kē yán chuàng xīn zī yuán, jiā kuài gòu jiàn qǐ kāi fàng xié tóng, gāo xiào róng hé de quán qiú chuàng xīn wǎng luò tǐ xì.

Phòng thí nghiệm quốc gia quy hoạch sử dụng tổng hợp các nguồn lực đổi mới sáng tạo nghiên cứu khoa học chất lượng cao trong và ngoài nội ngoại, đẩy nhanh kiến tạo hệ thống mạng lưới đổi mới sáng tạo toàn cầu dung hợp hiệu quả cao, hiệp đồng cởi mở.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : **NỘI NGOẠI**

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#592

内衣

nèiyī

đồ lót, quần áo lót, đồ mặc trong

新型航天专用智能生理监测内衣嵌入了纳米柔性传感器网络，能够高精度实时采集航天员在轨生理指标。

Xīn xíng háng tiān zhuān yòng zhì néng shēng lí jiān cè nèi yī qiān rù le nǎ mí róu xìng chuán gǎn qì wǎng luò, néng gāo gāo jīng dù shí shí cái jī háng tiān yuán zài guǐ shēng lí zhǐ biāo.

Bộ đồ lót quần áo lót quan trắc sinh lý thông minh chuyên dụng cho hàng không vũ trụ kiểu mới được gắn mạng lưới cảm biến mềm dẻo nano bên trong, có thể thu thập chuẩn xác các chỉ số sinh lý trên quỹ đạo của phi hành gia theo thời gian thực.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : **NỘI Y**

HSK 6 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#593

能否

néngfǒu

liệu có thể... hay không, có thể hay không

能否突破关键核心技术瓶颈、实现高水平科技自立自强，直接关系到国家高质量发展与民族伟大复兴全局。

Néng fǒu tú pò guān jiàn hé xīn jī shù píng jīng, shí xiàn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng, zhí jiē guān xì dào guó jiā gāo zhì liàng fā zhǎn yǔ mín zú wēi dà fù xīng quán jú.

Liệu có thể... hay không có thể hay không đột phá được nút thắt công nghệ lõi then chốt, thực hiện tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao, có quan hệ trực tiếp tới toàn cục sự phát triển chất lượng cao của đất nước và phục hưng vĩ đại của dân tộc.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : **NẰNG PHỦ**

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#594

泥

ní

bùn, bùn đất; bột nghiền nhuyễn (nì: bằm chặt)

深海地质科考钻探系统在马里亚纳海沟万米海底，成功获取了珍贵深海沉积物深层沉积泥心样品。

Shēn hǎi dì zhì kǎo kǎo zuān tàn xì tǒng zài mǎ lǐ yà nǎ hǎi gòu wàn mǐ hǎi dǐ, chéng gōng huò qǔ le zhēn guì shēn hǎi chén jī wù shēn céng chén jī ní xīn yàng pín.

Hệ thống khoan thăm dò khảo sát khoa học địa chất biển sâu tại rãnh biển Mariana vạn mét dưới đáy biển đã thu thập thành công mẫu lõi bùn bùn đất trầm tích tầng sâu chất lắng đọng biển sâu quý giá.

📖 11 nét

HÁN VIỆT : **NÊ**



HSK 6 (3.0)

Động từ

#595

扭 niǔ

vặn, xoay, xoắn; trật khớp bong gân

我们要发扬钉钉子精神，扭住关键核心技术攻关不放松，以顽强毅力攻克一道道前沿技术难关。

Wǒ men yào fā yáng dīng dìng zǐ jīng shén, niǔ zhù guān jiàn hé xīn jī shù gōng guān bù fàng sōng, yǐ wán qiáng yì lì gōng kè yī dào dào qián yán jī shù nán guān.

Chúng ta phải phát huy tinh thần đóng đinh, xoay vặn bám chặt xoay chuyển không buông lơi trận đánh vượt khó công nghệ lõi then chốt, dùng nghị lực kiên cường chinh phục từng cái khó công nghệ tiên phong.

📖 12 nét

HÁN VIỆT: NIỮU

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#596

排行榜 páihángbǎng

bảng xếp hạng, danh sách thứ hạng

在最新一期全球超级计算机算力性能排行榜上，我国完全自主研发的新一代超级计算系统再度位居全球前列。

Zài zuì xīn yī qī quán qiú chāo jí jì suàn lì xìng néng pái háng bǎng shàng, wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā de xīn yī dài chāo jí jì suàn xì tǒng zài dù wèi jū quán qiú qián liè.

Trên bảng xếp hạng danh sách thứ hạng tính năng sức mạnh tính toán siêu máy tính toàn cầu kỳ mới nhất, hệ thống siêu tính toán thế hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo lại một lần nữa đứng ở hàng đầu thế giới.

📖 33 nét

HÁN VIỆT: BÀI HÀNG BẢNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#597

派出 pàichū

phái đi, cử đi, điều động cử đi

国家科技部派出多支由两院院士领衔的高水平科技专家帮扶团队，深入中西部地区赋能特色产业高质量发展。

Guó jiā kē jì jù bù pài chū duō zhī yǒu liǎng yuàn yuán shì líng xián de gāo shuǐ píng kē jì zhuan jiā bāng fú tuán duì, shēn rù zhōng xī bù dì qū fù néng tè sè chǎn yè gāo zhì liàng fā zhǎn.

Bộ Khoa học và Công nghệ Quốc gia đã phái đi cử đi điều động nhiều đội ngũ hỗ trợ chuyên gia khoa học công nghệ trình độ cao do các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm dẫn đầu, đi sâu vào khu vực miền Trung và Tây tiếp sức cho các ngành nghề đặc sắc phát triển chất lượng cao.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: PHÁI XUẤT

HSK 6 (3.0)

Động từ

#598

判 pàn

phán quyết, định tội; phân biệt, nhận định

深空自主探测飞控系统能够基于多传感器融合数据，在毫秒级时间内精准判定探测器运行姿态与轨道偏差。

Shēn kōng zì zhǔ tàn cè fēi kòng xì tǒng néng gōu jī yú duō chuǎn gǎn qì róng hé shù jù, zài háo miǎo jí shí jiān nèi jīng zhǔn pàn míng tǎn cè qì yùn xíng zī tài yǔ guī dào piān chā.

Hệ thống điều khiển bay thám trắc tự chủ không gian sâu có thể dựa trên số liệu dung hợp đa cảm biến, nhận định phán đoán phân định chuẩn xác độ sai lệch quỹ đạo và tư thế vận hành của tàu thám trắc trong thời gian cấp độ mili-giây.

📖 8 nét

HÁN VIỆT: PHÁN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#599

盼望 pàn wàng

trông mong, ngóng trông, mong mỏi

久旱逢甘露，持续干旱的农田终于迎来了期盼已久的一场透雨，乡亲们脸上乐开了花。

Jiǔ hàn féng gān lín, chí xù gān hàn de nóng tián zhōng yǒu yíng lái le qī pàn yǐ jiǔ de yī cháng tòu yǔ, xiāng qīn men liǎn shàng lè kāi le huā.

Nắng hạn gặp mưa rào, những cánh đồng khô hạn kéo dài cuối cùng cũng đón nhận một trận mưa rào mát rượi mong mỏi bấy lâu, nụ cười rạng rỡ nở bung trên khuôn mặt bà con dân làng.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: PHÁN VỌNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#600

泡 pāo

bong bóng

老师鼓励大家积极泡，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí pào, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bong bóng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: PHAO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#601

炮 pào

khẩu pháo, đại pháo; tiếng pháo

在庆祝重大科技攻关取得历史性突破的胜利庆典上，绚丽璀璨的礼炮礼花在夜空中绚丽绽放、气势磅礴。

Zài qīng zhù zhòng dà kē jì gōng guān qǔ dé lì shǐ xìng tú pò de shèng lì qīng diǎn shàng, xuàn lì cuǐ càn de lǐ pào lǐ huā zài yè kōng zhōng xuàn lì zhàn fàng, qì shì páng bó.

Tại đại lễ ăn mừng thắng lợi của công tác vượt khó khoa học công nghệ trọng đại đạt được đột phá mang tính lịch sử, những chùm pháo hoa và khẩu pháo phát pháo hoa rực rỡ lấp lánh nở rộ trắng lệt trên bầu trời đêm, khí thế dồi non lấp biển.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: BÀO

HSK 6 (3.0)

Động từ

#602

陪同 péitóng

tháp tùng, đi cùng, đồng hành bồi đồng

在大科学装置总设计师的陪同讲解下，国际物理学专家实地考察了超导直线加速器试验大厅。

Zài dà kē xué zhuāng zhì zǒng shè jì shī de péi tóng jiǎng jiě xià, guó jì wù lǐ xué huì zhuan jiā zú shí dì kǎo chá le chāo dǎo zhí xiàn jiā sù qì shì yàn dà tīng.

Dưới sự giải thích và tháp tùng đi cùng của vị tổng công trình sư thiết bị khoa học lớn, đoàn chuyên gia Hiệp hội Vật lý Quốc tế đã khảo sát thực địa đại sảnh thử nghiệm máy gia tốc đường thẳng siêu dẫn.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: BỐI ĐỒNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#603

配置 pèizhì

bố trí phân bổ, cấu hình trang bị

我们要优化科技资源高效配置机制，打破部门壁垒，推动重大科研基础设施与科学数据全面开放共享。

Wǒ men yào yōu huà kē jì zī yuán gāo xiào pèi zhì jī zhì, dǎ pò bù mén bì lěi, tuī dòng zhòng dà kē yán jī chǔ shī shè shí yǔ kē xué shù jù quán miàn kāi fàng gòng xiāng.

Chúng ta phải tối ưu hóa cơ chế bố trí phân bổ cấu hình hiệu quả cao nguồn lực khoa học công nghệ, phá vỡ rào cản giữa các bộ ngành, thúc đẩy dữ liệu khoa học và cơ sở hạ tầng nghiên cứu khoa học trọng đại mở cửa chia sẻ toàn diện.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: PHỐI TRÍ



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#604

皮球

píqiú

quả bóng da, quả bóng cao su

做科学研究容不得半点推诿扯皮踢皮球，广大科研人员要勇于担当作为，直面技术难关敢打硬仗。

Zuò kē xué yán jiū róng bù dé bàn diǎn tuī wěi chē pí tī pí qiú, guāng dà kē yán rén yuán yào yǒng yǔ dǎn dāng zuò wéi, zhí miàn jì shù nán guān gǎn dǎ yìng zhàng.

Làm nghiên cứu khoa học không thể dung thứ cho nửa điểm dùn đẩy trách nhiệm đá bóng quả bóng da, đông đảo cán bộ nghiên cứu khoa học cần dũng cảm gánh vác hành động, trực diện đối mặt ải khó công nghệ dám đánh trận khó.

23 nét

HÁN VIỆT: BÌ CẦU

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Phó từ / Động từ

#605

偏

piān

lệch, nghiêng lệch; thiên lệch; hẻo lánh (hẻo lánh); cứ khăng khăng

大科学装置纳米级超精密光刻透镜加工要求极高，表面几何曲率不能出现任何极微小偏离误差。

Dà kē xué zhuāng zhì nà nǐ jī chāo jīng mì guāng kè tòu jīng jiǎ gōng yāo qiú jǐ gāo, biǎo miàn jī hé qū lǚ bù néng chū xiàn rèn hé jǐ wēi xiǎo piān lí wù chā.

Gia công thấu kính quang khắc siêu chính xác cấp độ nanomet của thiết bị khoa học lớn có yêu cầu cực kỳ cao, độ cong hình học bề mặt không được xuất hiện bất kỳ sai số nghiêng lệch thiên lệch nhỏ bé nào.

8 nét

HÁN VIỆT: THIÊN

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#606

贫困

pín kùn

nghèo khó, nghèo đói, đói nghèo

经过全党全国各族人民共同努力，我国脱贫攻坚战取得了全面胜利，消除了绝对贫困，创造了彪炳史册的人类奇迹。

Jīng guò quán dǎng quán guó gè zú rén mín gòng tóng nǚ lì, wǒ guó tuō pín gōng jiàn zhàn qǔ dé le quán miàn shèng lì, xiāo chú le jué duì pín kùn, chuàng zào le biāo bǐng shǐ cè de rén lèi qí jì.

Trải qua sự nỗ lực chung của toàn Đảng và nhân dân các dân tộc trên cả nước, cuộc chiến xóa đói giảm nghèo vượt khó của nước ta đã giành được thắng lợi toàn diện, xóa bỏ tình trạng nghèo đói tuyệt đối, kiến tạo nên kỳ tích nhân loại lưu danh sử sách.

24 nét

HÁN VIỆT: BẦN KHỐN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#607

品牌

pǐn pái

thương hiệu, nhãn hiệu uy tín

我国完全自主研发的高铁动车组与新能源智能汽车已成为闪耀全球的中国高端高科技制造亮丽品牌。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán yán zhì de gāo tiě dòng chē zǔ yǔ xīn néng yuán zhì néng qì chē yì chéng wéi shǎn yào quán qiú de zhōng guó gāo duān gāo kē jì zhì zào liàng lì pǐn pái.

Xe ô tô thông minh năng lượng mới cùng các đoàn tàu động lực cao tốc do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã trở thành những nhãn hiệu thương hiệu sáng giá của nền chế tạo công nghệ cao cấp Trung Quốc tỏa sáng khắp toàn cầu.

20 nét

HÁN VIỆT: PHẨM BÀI

HSK 6 (3.0)

Động từ

#608

聘请

pīn qǐng

mời làm, thuê mướn, trân trọng mời chuyên gia

国家前沿重点实验室聘请了多位国际顶尖物理学家担任学术委员会高级战略顾问，深度参与科研指导。

Guó jiā qián yán zhòng yào shí yàn shì yàn shì pīn qǐng le duō wèi guó jì dǐng jiān wù lǐ xué jiā dǎn rèn xué shù wéi yuán huì gāo jí zhàn lüè gǔ wèn, shēn dù cān yǔ kē yán zhǐ dǎo.

Phòng thí nghiệm trọng điểm tiên phong quốc gia đã trân trọng mời mời làm thuê mướn nhiều nhà vật lý hàng đầu quốc tế đảm nhận chức vụ cố vấn chiến lược cao cấp của Hội đồng Học thuật, tham gia sâu sắc vào việc chỉ đạo nghiên cứu khoa học.

26 nét

HÁN VIỆT: SÍNH THỈNH

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#609

平凡

píng fán

bình dị, bình thường; sự giản dị

无数劳动者在平凡的岗位上默默奉献、精益求精，用勤劳双手铸就了不平凡的伟大时代成就。

Wú shù láo dòng zhě zài píng fán de gǎng wèi shàng mò mò fèng xiàn, jīng yì qiú jīng, yòng qín láo shuāng shǒu zhù jiù le bù píng fán de wēi dà shí dài chéng jiù.

Hàng vạn người lao động nơi vị trí công tác bình dị đã âm thầm cống hiến, tinh ích cầu tinh, dùng đôi bàn tay cần cù đắp xây nên những thành tựu thời đại vĩ đại phi thường.

20 nét

HÁN VIỆT: BÌNH PHẠM

HSK 6 (3.0)

Lượng từ / Danh từ

#610

平方米

píngfāngmǐ

mét vuông, mét vuông diện tích

国家大科学装置中心占地数万平方米，建成了国际一流的超导射频与微纳制造超净科研综合实验大厅。

Guó jiā dà kē xué zhuāng zhì zhōng xīn zhàn dì shù wàn píng fāng mǐ, jiàn chéng le guó jì yì liú de chāo dǎo shē pín yǔ wēi nà zhì zào chāo jìng kē yán zōng hé shí yàn dà tīng.

Trung tâm Thiết bị Khoa học Lớn Quốc gia có diện tích chiếm đất hàng vạn mét vuông mét vuông, đã xây dựng hoàn chỉnh đại sảnh thực nghiệm tổng hợp nghiên cứu khoa học siêu sạch chế tạo vi nano và tấn số vô tuyến siêu dẫn hàng đầu quốc tế.

28 nét

HÁN VIỆT: BÌNH PHƯƠNG MỄ

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ / Danh từ

#611

平衡

píng héng

cân bằng, thăng bằng; sự cân bằng

在推进经济高速增长的同时，必须统筹好经济发展与生态环境保护之间的动态平衡关系。

Zài tuī jìn jīng jì gāo sù zēng zhǎng de tóng shí, bì xū tǒng chóu hǎo jīng jì fā zhǎn yǔ shēng tài huán jīng bǎo hù zhǐ jiàn de dòng tài píng héng guān xì.

Trong khi thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, nhất thiết phải điều phối hài hòa mối quan hệ cân bằng động lực giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái.

21 nét

HÁN VIỆT: BÌNH HÀNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#612

平台

píng tái

nền tảng, diễn đàn phẳng, bề phóng nền tảng

国家加快构建多学科交叉融合的大科学创新共享平台，为全球科学家开展原创前沿探索提供坚实支撑。

Guó jiā jiā kuài gòu jiàn duō xué jiāo jiāo xiāng róng de dà kē xué chuàng xīn gòng xiǎng píng tái, wéi quán qiú kē xué jiā kāi zhān yuán chuàng qián yán tàn suǒ tí gòng jiān shí zhī chēng.

Nhà nước đẩy nhanh kiến tạo nền tảng nền tảng chia sẻ đổi mới sáng tạo khoa học lớn dung hợp liên ngành đa học thuật, mang lại điểm tựa vững chắc cho các nhà khoa học toàn cầu triển khai các khám phá tiên phong nguyên tắc.

22 nét

HÁN VIỆT: BÌNH ĐÀI



HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#613

评

píng

đánh giá, bình phẩm, xét duyệt; lời
bình

我们要深化科技人才评价改革，坚决破除“唯论文、唯帽子、唯职称、唯学历、唯奖项”，科学评定创新实绩。

Wǒ men yào shēn huà kē jì rén cái píng jià gǎi gé, jiān jué pò chú "wéi lùn wén, wéi mào zi, wéi zhī chēng, wéi xué lì, wéi jiāng xiàng", kē xué píng dìng chuàng xīn shí jì.

Chúng ta phải đi sâu cải cách đánh giá nhân tài khoa học công nghệ, kiên quyết bài trừ 'duy luận văn, duy danh hiệu, duy học hàm học vị, duy bằng cấp, duy giải thưởng', xét duyệt đánh giá bình phẩm thành tích đối mới sáng tạo thực tế một cách khoa học.

11 nét

HÁN VIẾT : BÌNH

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#614

评选

píng xuǎn

bình chọn, bầu chọn, tuyển chọn
đánh giá

在全国年度十大科技重大进展评选中，多项由青年科学家领衔的颠覆性原创基础研究成果高票入选。

Zài quán guó nián dù shí dà kē jì zhòng dà jìn zhǎn píng xuǎn zhōng, duō xiàng yóu qīng nián zhān píng xuǎn zhōng, duō xiàng yóu qīng nián kē xué jiā lǐng xiàng de diǎn fù xīng yuán chuàng jī chǔ yán jiū chéng guǒ gāo piào rù xuǎn.

Trong cuộc tuyển chọn bình chọn bầu chọn Mười tiến triển khoa học công nghệ trọng đại của năm trên toàn quốc, nhiều thành quả nghiên cứu cơ bản nguyên tác mang tính cách mạng do các nhà khoa học trẻ tuổi dẫn đầu đã trúng tuyển với số phiếu cao.

23 nét

HÁN VIẾT : BÌNH TUYỂN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#615

屏幕

píng mù

màn hình, màn ảnh hiển thị

在浩瀚深空探测飞行控制大厅的主屏幕上，实时清晰显示着深空着陆器传回的月球背面高清全景图像。

Zài hào hàn shēn kōng tàn cè fēi xíng kòng zhì dà tīng de zhǔ píng mù shàng, shí shí qīng xī xiǎn shì zhe shēn kōng zhuó lù qì chuán huí de yuè qiú bèi miàn gāo qīng quán jǐng tú xiàng.

Trên màn hình màn ảnh chính của Đại sảnh Điều khiển Bay Thám trắc Không gian Sâu bao la, hình ảnh toàn cảnh độ nét cao ở mặt sau Mặt Trăng do thiết bị hạ cánh không gian sâu truyền về đang hiển thị sắc nét rõ ràng theo thời gian thực.

28 nét

HÁN VIẾT : BÌNH MÀN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#616

坡

pō

dốc, sườn dốc, bờ dốc sườn đồi

智能重载爬坡无人巡检车在大型水电站大坝陡峭的高边坡上平稳作业，精准监测坝体细微形变。

Zhì néng zhòng zài pá pō wú rén xún jiǎn chē zài dà xíng shuǐ diǎn zhàn dà bà dǒu qiào de gāo biān pō shàng píng wěn zuò yè, jīng zhǔn jiān cè bà tǐ xī wēi xíng biàn.

Xe tuần tra thông minh không người lái leo dốc tải trọng nặng tác nghiệp êm ái trên sườn dốc triển dốc bờ dốc cao dựng đứng của đập trạm thủy điện quy mô lớn, quan trắc chuẩn xác từng biến dạng nhỏ của thân đập.

12 nét

HÁN VIẾT : PHA

HSK 6 (3.0)

Động từ

#617

扑

pū

rung chuyển

老师鼓励大家积极扑，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí pū, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực rung chuyển, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIẾT : PHÁC

HSK 6 (3.0)

Động từ

#618

铺

pū

trải ra, lát đường, rải thảm lát sàn;
giường đệm (pù)

大型自动化铺轨机在荒漠戈壁上日夜不停高效铺设无缝重载铁轨，为大西北交通干线筑牢坚实基石。

Dà xíng zì dòng huà pū guǐ jī zài huāng mò mò gē bì shàng rì yè bù tíng gāo xiào pū shè wú fèng zhòng zài tiě guǐ, wéi dà xī běi jiāo tōng gàn xiàn zhù láo jiān shí jī shí.

Máy đặt đường ray rải ray tự động hóa cỡ lớn ngày đêm không ngừng rải đường ray lát trải đường ray tải trọng nặng không mối nối hiệu quả cao trên sa mạc Gobi hoang mạc, đắp nền nền móng vững chắc cho trục giao thông chính miền Đại Tây Bắc.

10 nét

HÁN VIẾT : PHÔ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#619

欺负

qī fu

bắt nạt, ức hiếp, lăng mạ

中国人民绝不允许任何外来势力欺负、压迫、奴役我们，谁妄想这样干，必将在十四亿多中国人民用血肉筑成的钢铁长城面前碰得头破血流。

Zhōng guó rén mín jué bù yǔn xǔ rèn hé wài lái shì lì qī fu, yā pò, nú yì wǒ men, shuí wǎng xiǎng zhè yàng gàn, bì jiāng zài shí sì yì duō zhōng guó rén mín yòng xuè ròu zhù chéng de gāng tiě cháng chéng miàn qián pèng dé tóu pò xuè liú.

Nhân dân Trung Quốc tuyệt đối không cho phép bất kỳ thế lực ngoại bang nào bắt nạt, áp bức, nô dịch chúng ta; kẻ nào mưu toan làm điều đó nhất định sẽ đập đầu chảy máu trước bức tường thành thép xây bằng xương máu của hơn 1,4 tỷ người dân Trung Quốc.

19 nét

HÁN VIẾT : KHI PHỤ

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#620

奇妙

qí miào

kỳ diệu, kỳ ảo tuyệt vời

天宫课堂上，航天员通过水膜张力与微重力燃烧实验，向全国亿万中小学生生动揭示了物理学奇妙的微观规律。

Tiān gōng kè táng shàng, háng tiān yuán tōng guò shuǐ mó zhāng lì yǔ wēi zhòng lì rán shāo shí yàn, xiàng quán guó yì wàn zhōng xiǎo xué shēng shēng dòng jiē shì le wù lǐ xué qí miào de wēi guān guī lǚ.

Trong Giờ học Thiên Cung, các phi hành gia thông qua các thực nghiệm sức căng màng nước và sự cháy trong điều kiện vi trọng lực đã hé lộ sinh động các quy luật vi mô kỳ diệu của vật lý học tối hàng trăm triệu em học sinh phổ thông trên cả nước.

21 nét

HÁN VIẾT : CỠ DIỆU

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#621

企图

qǐ tú

mưu toan, toan tính, mưu đồ (xấu)

任何企图通过不正当技术壁垒阻碍全球科技共享与开放合作的阴谋，都注定是徒劳无功的。

Rèn hé qǐ tú tōng guò bù zhèng dāng jì shù bì lěi zǔ ài quán qiú kē jì gòng xiāng yǔ kāi fàng hé zuò de yīn móu, dōu zhù dìng shì láo wú gōng de. Bất kỳ mưu toan nào hòng dùng các rào cản kỹ thuật phi pháp để cản trở sự chia sẻ khoa học công nghệ và hợp tác cởi mở toàn cầu đều chắc chắn sẽ là công dã tràng.

21 nét

HÁN VIẾT : XÍ ĐỒ



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#622

起点

qǐdiǎn

điểm xuất phát, khởi điểm, vạch
xuất phát

我们要站在科技强国建设的崭新历史起点上，坚定不移推进高水平科技自立自强。

Wǒ men yào zhàn zài kē jì qiáng guó jiàn shè de zhǎn xīn lì shǐ qǐ diǎn shàng, jiǎn dìng bù yí tuì jìn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng.

Chúng ta phải đứng trên khởi điểm điểm xuất phát lịch sử hoàn toàn mới của công cuộc xây dựng cường quốc khoa học công nghệ, kiên định không ngừng thúc đẩy tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao.

23 nét

HÁN VIỆT: KHỞI ĐIỂM

HSK 6 (3.0)

Động từ

#623

起诉

qǐsù

khởi kiện, khởi tố ra tòa án

国家检察机关对涉嫌严重侵犯国家重大前沿科技商业秘密的违法人员依法提起公诉。

Guó jiā jiǎn chá jī guān duì shè xián yán zhòng qián fán guó jiā zhòng dà qián yán kē jì shāng yè mì mī de wéi fǎ rén yuán yì fǎ tí qǐ gōng sù.

Cơ quan kiểm sát quốc gia theo đúng quy định của pháp luật đã khởi tố khởi kiện công khai đối với những cá nhân vi phạm pháp luật bị tình nghi xâm phạm nghiêm trọng bí mật thương mại khoa học công nghệ tiên phong trọng đại quốc gia.

21 nét

HÁN VIỆT: KHỞI TỐ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#624

气氛

qì fēn

bầu không khí, không khí (buổi lễ,
cuộc họp)

除夕夜全家老小欢聚一堂包饺子、看春晚，整个屋子里洋溢着浓厚温馨、其乐融融的节日喜庆气氛。

Chú xī yè quán jiā lǎo xiǎo huān jù yì táng bāo shuǐ jiǎo, kàn chūn wǎn, zhěng gè wū zi lǐ yáng yì zhe nóng hòu wēn xīn, qí lè róng róng de jié rì xǐ qīng qì fēn.

Đêm Giao thừa cả gia đình già trẻ lớn bé quây quần gói sủi cào, xem Gala đón xuân, khắp căn nhà ngập tràn bầu không khí lễ hội vui tươi ấm áp và rộn rã tiếng cười sum vầy.

24 nét

HÁN VIỆT: KHÍ PHÂN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#625

恰当

qià dàng

thích hợp

老师鼓励大家积极恰当，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí qià dàng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực thích hợp, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

23 nét

HÁN VIỆT: KHÁP ĐƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Phó từ / Tính từ

#626

恰好

qiàhǎo

vừa đúng lúc, vừa khéo, vừa vặn

深空探测飞船在高速掠过小行星轨道的瞬间，高精度测绘光学相机恰好拍摄到了地表高清全景照片。

Shēn kōng tàn cè fēi chuán zài gāo sù guò xiǎo xíng xīng guǐ dào de shùn jiān, gāo jīng dù cè huì guāng xué xiàng jī qià hǎo pāi shè dào le dì biǎo gāo qīng quán jǐng zhào piàn.

Vào khoảnh khắc phi thuyền thám trắc không gian sâu bay lướt qua quỹ đạo tiểu hành tinh ở tốc độ cao, máy ảnh quang học đo vẽ độ chính xác cao vừa vặn vừa đúng lúc vừa khéo chụp được bức ảnh toàn cảnh độ nét cao bề mặt thiên thể.

27 nét

HÁN VIỆT: KHÁP HẢO

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#627

恰恰

qiàqià

chính là, vừa vặn đúng là, chính xác
là

科学探索中最令人着迷的未知奥秘，恰恰隐藏在那些看似非常微小的实验物理偏差之中。

Kē xué tàn suǒ zhōng zuì lìng rén zhāo mí de wèi zhī ào mì, qià qià yīn cáng zài nà xiē kàn shì fēn cháng wēi xiǎo de shí yǎn wù lǐ piān chā zhī zhōng.

Điều huyền bí chưa biết khiến người ta say mê nhất trong thám hiểm khoa học, chính là chính xác là vừa vặn nằm ẩn sâu bên trong những sai số vật lý thực nghiệm nhỏ bé xem chừng như bất thường kia.

28 nét

HÁN VIỆT: KHÁP KHÁP

HSK 6 (3.0)

Động từ

#628

牵

qiān

dắt, dắt tay, kéo theo; bận tâm

傍晚在细软的金黄色沙滩上漫步，父母微笑着牵着孩子稚嫩的小手，画面温馨而美好。

Bàng wǎn zài xì ruǎn de jīn huáng sè shā tān shàng màn bù, fù mǔ wēi xiào zhe qiān zhe hái zǐ zhì nèn de xiǎo shǒu, huà miàn wēn xīn ér měi hǎo.

Buổi hoàng hôn dạo bước trên bờ cát vàng óng mịn màng, cha mẹ mỉm cười dắt đôi bàn tay nhỏ bé non nớt của con thơ, khung cảnh thật êm đềm và tươi đẹp.

14 nét

HÁN VIỆT: KHIẾN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#629

铅笔

qiānbǐ

bút chì

初学汉字书写时，老师建议使用2B木质铅笔以便于随时擦除和纠正笔画错误。

Chū xué Hànzì shū xiě shí, lǎo shī jiàn yì shǐ yòng 2B mù zhì qiānbǐ yǐ biányú suí shí cǎi chú hé jiūzhèng bǐ huà cuò wù.

Khi mới bắt đầu tập viết chữ Hán, thầy cô khuyến nên dùng bút chì gỗ 2B để tiện tẩy xóa và sửa chữa sai sót từng nét.

22 nét

HÁN VIỆT: DUYỀN BÚT

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#630

谦虚

qiān xū

khêm tốn, khiêm nhường

满招损，谦受益；无论取得多么骄人的学术成就，真正的学者始终保持着虚怀若谷的谦虚品格。

Mǎn zhāo sǔn, qiān shòu yì; wú lùn qǔ dé duō me jiāo rén de xué shù chéng jiù, zhēn zhèng de xué zhě shì zhōng bǎo chí zhe xū huái ruò gǔ de qiān xū pǐn gé.

Kiểu căng chướng lấy tổn hại, khiêm tốn nhận về lợi ích; dẫu cho có gặt hái được những thành tựu học thuật rực rỡ đến đâu, người làm nghiên cứu chân chính luôn giữ trọn phẩm hạnh khiêm tốn và rộng mở dung nạp.

22 nét

HÁN VIỆT: KHIÊM HƯ



HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#631

前方

qiánfāng

phía trước, tiền tuyến, đằng trước

尽管攀登世界科技高峰的前方充满未知与险阻, 广大青年学者依然义无反顾、勇往直前。

Jǐn guǎn pān dēng shì jiè kē jì gāo fēng de qián fāng chōng mǎn wèi zhī yǔ xiǎn zǔ, guǎng dà qīng nián xué zhě yī rán yì wú fǎn gù, yǒng wǎng zhí qián.

Dẫu cho phía trước đằng trước con đường trèo lên đỉnh cao khoa học thế giới ngập tràn hiểm trở và những điều chưa biết, đông đảo các học giả trẻ tuổi vẫn không hề chùn bước, dũng cảm tiến lên phía trước.

23 nét

HÁN VIỆT: TIỀN PHƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#632

前来

qiánlái

đến, tới, đến tham dự

在国际大科学装置落成启用典礼上, 来自全球五十多个国家的顶尖科学家代表专程前来共同见证历史时刻。

Zài guó jì dà kē xué zhuāng zhì luò chéng qǐ yòng diǎn lǐ shàng, lái zì quán qiú wú shí duō gè guó jiā de dǐng jiān kē xué jiā dài biǎo zhēn zhèng lì shǐ shí kè.

Tại đại lễ khánh thành đưa vào sử dụng thiết bị khoa học lớn quốc tế, đại biểu các nhà khoa học hàng đầu đến từ hơn 50 quốc gia trên toàn cầu đã cất công tới đến tham dự cùng chứng kiến thời khắc lịch sử.

24 nét

HÁN VIỆT: TIỀN LAI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#633

潜力

qián lì

tiềm năng, tiềm lực chưa khai phá hết

我国拥有世界上最大规模的高素质人才资源和超大规模国内市场, 科技创新与产业发展潜力巨大、空间广阔。

Wǒ guó yǒng yǒu shì jiè shàng zuì dà guī mó de gāo sù zhì rén cái zī yuán hé chāo dà guī mó guó nèi shì chǎng, kē jì chuàng xīn yǔ chǎn yè fā zhǎn qián lì jù dà, kōng jiān guǎng kuò.

Nước ta sở hữu nguồn tài nguyên nhân tài chất lượng cao có quy mô lớn nhất thế giới cùng thị trường nội địa siêu quy mô lớn, tiềm năng phát triển ngành nghề cùng đối mới sáng tạo khoa học công nghệ vô cùng to lớn, không gian phát triển thênh thang.

20 nét

HÁN VIỆT: TIỀM LỰC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#634

强盗

qiángdào

kẻ cướp, tên cướp giết, cường đạo

个别霸权国家妄图通过技术封锁与单边制裁掠夺他国发展成果的霸权行径, 与强盗逻辑无异, 注定会彻底破产。

Gè bié bà quán guó jiā wàng tú tōng guò jì shù fēng suǒ yǔ dān biān zhì cái lüè duō tā guó fā zhǎn chéng guǒ de bà quán xíng jìng, yǔ qiáng dào luó jí wú yì, zhù dìng huì chè dǐ pò chǎn.

Hành vi bá quyền của một vài quốc gia bá quyền mưu đồ thông qua phong tỏa công nghệ và trừng phạt đơn phương để cướp đoạt thành quả phát triển của nước khác chẳng khác gì logic của kẻ cướp cường đạo, chắc chắn sẽ phá sản hoàn toàn.

21 nét

HÁN VIỆT: CƯỜNG ĐẠO

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#635

强化

qiáng huà

tăng cường, củng cố đẩy mạnh, làm mạnh thêm

我们要全面强化国家战略科技力量建设, 优化重大科技创新组织机制与资源配置模式。

Wǒ men yào quán miàn qiáng huà guó jiā zhàn lüè kē jì lì liàng jiàn shè, yōu huà zhòng dà kē jì chuàng xīn zǔ zhī jī zhì yǔ zī yuán pèi zhì mò shì.

Chúng ta phải tăng cường củng cố đẩy mạnh toàn diện việc xây dựng lực lượng khoa học công nghệ chiến lược quốc gia, tối ưu hóa mô hình phân bổ nguồn lực và cơ chế tổ chức đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ trọng đại.

24 nét

HÁN VIỆT: CƯỜNG HOA

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#636

强势

qiángshì

mạnh mẽ, thế mạnh vượt trội, áp đảo

我国新能源汽车与高端光伏产业在国际市场上展现出强势的全球竞争力与持续领先的技术优势。

Wǒ guó xīn néng yuán qì chē yǔ gāo duān guāng fú chē yǎn chū zài guó jì shì chǎng shàng zhǎn xiàn chū qiáng shì de quán qiú jìng zhēng lì yǔ chí xù xù líng xiān de jì shù yōu shì.

Ngành công nghiệp quang điện cao cấp và xe ô tô năng lượng mới của nước ta trên thị trường quốc tế đã phổ biến sức cạnh tranh toàn cầu thế mạnh vượt trội mạnh mẽ cùng ưu thế công nghệ liên tục dẫn đầu.

21 nét

HÁN VIỆT: CƯỜNG THẾ

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#637

强壮

qiángzhuàng

cường tráng, khỏe mạnh, vạm vỡ dũng mãnh

航天员在地面开展高强度的耐缺氧与超重载体能极限特训, 锻造出了无比强壮的身体素质与钢铁意志。

Háng tiān yuán zài dì miàn kāi zhǎn gāo qiáng dù de nài quē yǎng yǔ chāo zhòng gùo zài tí néng jí xiàn tè xùn, duàn zào chū lǎo wú bǐ qiáng zhuàng de shēn tǐ sù zhì yǔ gāng tiě yì zhì.

Các phi hành gia trên mặt đất đã triển khai đợt huấn luyện đặc biệt giới hạn thể lực chịu quá tải trọng lực và chịu thiếu oxy cường độ cao, rèn đúc nên tố chất cơ thể vô cùng khỏe mạnh cường tráng cùng ý chí thép.

22 nét

HÁN VIỆT: CƯỜNG TRÁNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#638

桥梁

qiáo liáng

cầu, công trình cầu đường; nhịp cầu kết nối

港珠澳大桥作为当今世界总体跨度最长、钢结构体量最大的跨海大桥, 成为了连接粤港澳大湾区腾飞的黄金纽带。

Gǎng zhū ào dà qiáo zuò wéi dāng jīn shì jiè zǒng tǐ kù dù zuǒng tí kuà dù zuì zhǎng, gāng jié gòu tǐ liàng zuì dà de kuà hǎi dà qiáo, chéng wéi le lián jiē yuè gāng ào dà wān qū téng fēi de huáng jīn niǔ dài.

Cầu Hồng Kông - Chu Hải - Ma Cao với tư cách là cây cầu vượt biển có tổng nhịp khẩu độ dài nhất và khối lượng kết cấu thép lớn nhất thế giới hiện nay, đã trở thành nhịp cầu dài lụa vàng kết nối sự cất cánh của Vùng Vịnh Lớn (Đại Loan Khu) Quảng Đông - Hồng Kông - Ma Cao.

28 nét

HÁN VIỆT: KIỂU LƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#639

巧妙

qiǎo miào

khéo léo, tinh xảo, tài tình

赵州桥采用了巧妙的“敞肩拱”结构设计, 历经一千四百余年风雨洪水依然完好无损、巍然屹立。

Zhào zhōu qiáo cái yòng le qiǎo miào de "chǎng jiān gōng" jié gòu shè jì, lì jīng yì qiān sì bǎi yǔ niǎn fēng yǔ hóng shuǐ yī rán wán hǎo wú sǔn, wēi rán yì lì.

Cầu Triệu Châu áp dụng thiết kế kết cấu vòm mở "sáng vai" vô cùng tài tình, trải qua hơn 1.400 năm dầm mưa dãi nắng và lũ lụt vẫn nguyên vẹn không nứt mẻ, đứng vững vững uy nghiêm.

22 nét

HÁN VIỆT: XẢO DIỆU



HSK 6 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#640

切实

qiè shí

thiết thực, sát sao thực tế, cụ thể
 vững chắc

各级政府部门紧扣人民群众急难愁盼问题，切实把各项就业创业支持、优质医疗扩容与基础教育普惠举措落到实处。

Gè jí zhèng fǔ bù mén jǐn kòu rén qún zhòng mǐn qín zhòng jí nán chóu pàn wèn tí, qiè shí bǎ gè xiàng jiù yè chuàng yè zhī chí, yōu zhì yī liáo kuò róng yǔ jī chǔ jiāo yù pǔ huì jǔ cuò luò dào shí chù.

Các cơ quan chính quyền các cấp bám sát các vấn đề bức thiết, khó khăn của quần chúng nhân dân, cụ thể hóa thiết thực đưa các biện pháp phổ cập giáo dục cơ bản, mở rộng quy mô y tế chất lượng cao cùng hỗ trợ khởi nghiệp việc làm đi vào cuộc sống thực tế.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: TIẾP THỰC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#641

亲属

qīnshǔ

thân nhân, người thân trong gia
 đình, họ hàng

国家全面落实对为国奉献功勋科学家及其亲属的各项优抚关怀政策，在全社会大力弘扬崇敬英雄的良好风尚。

Guó jiā quán miàn luò shí duì wèi guó fèng xiàn gōng xūn kē xué jiā jí qīn shǔ de gè xiàng yōu fú guān huái zhèng cè, zài quán shè huì dà lì hóng yáng chóng jīng yīng xióng de liáng hǎo fēng shàng.

Nhà nước thực thi toàn diện các chính sách quan tâm ưu đãi đối với thân nhân người thân trong gia đình và các nhà khoa học có công lao cống hiến cho Tổ quốc, ra sức xiển dương nếp sống tốt đẹp tôn kính anh hùng trong toàn xã hội.

📖 16 nét

HÁN VIỆT: THÂN THUỘC

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#642

亲眼

qīnyǎn

tận mắt, đích thân chứng kiến bằng
 mắt

青年学子在航天发射现场亲眼目睹长征巨箭托举飞船呼啸升空，心中激荡起无限自豪与科技报国的壮志。

Qīng nián xué zǐ zài háng tiān fā shè xiàn chǎng qīn yǎn mù dǔ zhǎng zhēng jù jiàn tuō jǔ fēi chuán hǔ xiào shēng kōng, xīn zhōng jī dòng qǐ wú xiàn zì háo yǔ kē jì bào guó de zhuàng zhì.

Các bạn học sinh sinh viên tại hiện trường phóng hàng không vũ trụ đã tận mắt chứng kiến quả tên lửa khổng lồ Trường Chinh nâng đỡ con tàu vũ trụ gầm vang vút lên trời cao, trong lòng dâng trào niềm tự hào vô bờ bến và chí lớn phụng sự Tổ quốc bằng khoa học.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: THÂN NHẪN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#643

侵犯

qīn fàn

xâm phạm, xâm phạm chủ
 quyền/bản quyền

国家司法机关依法严厉惩处任何侵犯商业秘密与侵犯关键技术知识产权的违法侵权行为。

Guó jiā sī fǎ jī guān yī fǎ yán lì chéng chǔ rèn hé qīn fàn shāng yè mì yǐ qīn fàn guān jiàn hé xīn jī shù zhī shí chǎn quán de wéi fǎ qīn quán fàn zuì xíng wéi.

Cơ quan tư pháp quốc gia theo quy định của pháp luật trừng trị nghiêm minh mọi hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm xâm phạm bí mật kinh doanh cùng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ công nghệ lõi then chốt.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: XÂM PHẠM

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#644

倾向

qīng xiàng

khuynh hướng, xu hướng; nghiêng
 về

在推进科技评价体制改革中，必须坚决破除唯论文、唯学历、唯奖项的片面不良倾向，树立以实绩实效为核心的导向。

Zài tuī jìn kē jì píng jià tǐ zhì gǎi gé zhōng, bì xū jiǎn jué pò chú wéi lùn wén, wéi xué lì, wéi jiǎng xiàng de piàn miàn bù liáng qīng xiàng, shù lì yǐ shí jì shí xiào wéi hé xīn de dǎo xiàng.

Trong việc thúc đẩy cải cách thể chế đánh giá khoa học công nghệ, bắt buộc phải kiên quyết xóa bỏ khuynh hướng phiến diện xấu xí chỉ chăm chăm nhìn vào bài báo, bằng cấp, giải thưởng, xây dựng định hướng lấy hiệu quả thành tích thực tế làm hạt nhân cốt lõi.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: KHUYNH HƯỚNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#645

清

qīng

trong suốt, trong sạch; rõ ràng;
 dọn sạch

在生态湿地保护区内，清澈见底的湖水与茂密水草构成了一幅水清岸绿、万鸟齐飞的秀美生态画卷。

Zài shēng tài hú shì bǎo hù qū nèi, qīng chè jiàn dǐ de hú shuǐ yǔ mào mì shuǐ cǎo gòu chéng le yí fú shuǐ qīng àn lǜ, wàn niǎo qí fēi de xiù měi shēng tài huà juǎn.

Bên trong khu bảo tồn đất ngập nước sinh thái, làn nước hồ trong suốt trong vắt nhìn thấy tận đáy cùng thảm cỏ thủy sinh rậm rạp đã dệt nên bức tranh sinh thái tuyệt mỹ nước trong bờ xanh, muôn chim cùng bay.

📖 12 nét

HÁN VIỆT: THANH

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#646

清洁

qīngjié

sạch sẽ

在面对复杂的挑战时，保持清洁的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí qīng jié de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái sạch sẽ đặc biệt quan trọng.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: THANH KHIẾT

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#647

清洁工

qīngjiégōng

nhân viên vệ sinh, lao công dọn dẹp

在现代化大科学装置超级净化厂房内，专业清洁工运用无尘吸尘设备一丝不苟维护着超净实验环境。

Zài xiàn dài huà dà kē xué zhuāng zhì chāo jī jìng huà chǎng fáng nèi, zhuān yè qīng jié gōng yùn yòng wú chén xī chén shè bèi yī sī bù gǒu wéi hù zhe chāo jīng shí yàn huán jìng.

Bên trong phân xưởng siêu thanh lọc của thiết bị khoa học lớn hiện đại hóa, các nhân viên vệ sinh lao công dọn dẹp chuyên nghiệp sử dụng thiết bị hút bụi không bụi tỉ mỉ duy trì môi trường thực nghiệm siêu sạch.

📖 35 nét

HÁN VIỆT: THANH KHIẾT CÔNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ riêng

#648

清明节

Qīngmíngjié

Tết Thanh Minh (tiết Thanh Minh)

清明节期间，青年科研学子怀着无限崇敬之情，前往革命烈士陵园与功勋科学家纪念碑前庄重敬献花篮。

Qīng míng jié qī jiān, qīng nián kē yán xué zǐ huái zhe wú xiàn chóng jīng zhī qíng, qián wǎng gé míng liè shì líng yuǎn yǔ gōng xūn kē xué jiā jī niǎn bēi qián zhuāng zhòng jìng xiàn huà lán.

Trong dịp Tết Thanh Minh Tết Thanh Minh, các bạn sinh viên nghiên cứu khoa học trẻ tuổi mang trong tim niềm tôn kính vô bờ bến đã tới trước đài tưởng niệm các nhà khoa học có công lao và nghĩa trang liệt sĩ cách mạng để trang trọng dâng hoa.

📖 35 nét

HÁN VIỆT: THANH MINH TIẾT



HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#649

清洗

qīngxǐ

rửa sạch, tẩy rửa làm sạch (bằng hóa chất/sóng siêu âm)

大科学装置超导加速腔在高纯水超声波清洗车间经过数百道极致洁净工序清洗，确保表面零污染。

Dà kē xué zhuāng zhì chāo dǎo jiā sù qiāng zài gāo chún shuǐ chāo shēng bō qīng xǐ chē jiān jīng guò shù bǎi dào jí zhì jìng jìng gōng xù qīng xǐ, què bǎo biǎo miàn líng wú rǎn.

Buồng gia tốc siêu dẫn của thiết bị khoa học lớn tại phân xưởng tẩy rửa siêu âm bằng nước siêu tinh khiết đã trải qua hàng trăm công đoạn làm sạch cực kỳ hạn rửa sạch tẩy rửa, bảo đảm bề mặt không một vết ô nhiễm.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: THANH TẨY

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#650

情绪

qíng xù

tâm trạng, cảm xúc, cảm xúc tiêu cực

学会在面临重大学业与职场压力时科学调节自我负面情绪，是保持心理健康的核心素养。

Xué huì zài miàn lín zhòng dà xué yè yǔ zhí chǎng yā lì shí kē xué jié jié zì wǒ fù miàn qíng xù, shì bǎo chí xīn lǐ jiàn kāng de hé xīn sù yǎng.

Học cách tự điều chỉnh cảm xúc tiêu cực của bản thân một cách khoa học khi đứng trước những áp lực học tập và công việc lớn là năng lực cốt lõi để giữ gìn sức khỏe tinh thần.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: TÌNH TỰ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#651

求职

qiúzhí

tìm việc làm, xin việc, ứng tuyển

国家举办高层次海外留学归国科技人才大型求职专场对接会，搭建了精准高效的高端引智平台。

Guó jiā jǔ bàn gāo céng cì hǎi wài liú xué guī guó kē jì rén cái dà xíng qiú zhí zhuān chǎng duì jiē huì, dǎ jiàn le jīng zhǔn gāo xiào de gāo duān yǐn zhì píng tái.

Nhà nước tổ chức hội nghị kết nối chuyên để ứng tuyển xin việc tìm việc làm quy mô lớn dành cho nhân tài khoa học công nghệ du học nước ngoài về nước trình độ cao, xây dựng nền tảng thu hút trí tuệ cao cấp chuẩn xác và hiệu quả cao.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: CẦU CHÚC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#652

球拍

qiúpāi

vợt (cầu lông, bóng bàn, quần vợt)

新型高强度碳纤维石墨纳米复合材料成功应用于高端竞技体育球拍制造，极大提升了抗扭刚度与击球手感。

Xīn xíng gāo qiáng dù tǎn xiān wéi shí mò nà mǐ fù hé cái liào chéng gōng yìng yòng yú gāo duān jìng jì tǐ yù qiú pāi zhì zào, jí dà tí shēng le kàng niǔ gāng dù yǔ jī qiú shǒu gǎn.

Vật liệu nano composite graphene sợi carbon cường độ cao kiểu mới được ứng dụng thành công vào chế tạo vợt bóng thể thao thi đấu đỉnh cao, nâng cao vượt bậc cảm giác đánh bóng và độ cứng chống xoắn.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: CẦU PHÁCH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#653

球星

qiúxīng

ngôi sao bóng đá/bóng rổ, danh thủ thể thao

在世界青年运动会开幕式上，著名体育球星与青年科技创新代表共同点燃了象征拼搏进取的主火炬。

Zài shì jiè qīng nián yùn dòng huì kāi mù shì shàng, zhù míng tǐ yù qiú xīng yǔ qīng nián kē jì chuàng xīn dài biǎo gòng tóng diǎn rán le xiàng zhēng pīn bó jìn qǔ de zhǔ huǒ jù.

Tại lễ khai mạc Đại hội Thể thao Thanh niên Thế giới, ngôi sao thể thao danh thủ bóng danh tiếng cùng đại biểu đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ thanh niên đã cùng nhau thắp sáng ngọn đuốc chính tượng trưng cho sự nỗ lực vươn lên.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: CẦU TINH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#654

球员

qiúyuán

cầu thủ, vận động viên bóng

在国际机器人智能足球大赛绿茵场上，完全自主算法控制的四足仿生机器人球员展开了精彩默契的战术配合。

Zài guó jì jī qì rén zhì néng zú qiú dà sài lǜ yīn chǎng shàng, wán quán zì zhǔ suàn fǎ kòng zhì de sì zú fǎng shēng jī qì rén qiú yuán zhǎn kāi le jīng cǎi mò qì de zhàn shù pèi hé.

Trên sân cỏ xanh của Cuộc thi Bóng đá Thông minh Robot Quốc tế, các cầu thủ cầu thủ robot phỏng sinh học bốn chân do thuật toán tự chủ hoàn toàn điều khiển đã phối hợp chiến thuật ăn ý đặc sắc.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: CẦU VIÊN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#655

区分

qū fēn

phân biệt, phân tách rõ ràng, sự phân biệt

在推进法治化营商环境建设中，司法机关严格区分经济纠纷与经济犯罪的界限，坚决依法保护民营企业产权。

Zài tuī jìn fǎ zhì huà yíng shāng huán jīng jiàn shè zhōng, sī fǎ jī guān yán gé qū fēn jīng jì jiū fēn yǔ jīng jì fàn zuì de jiè xiàn, jiǎn jué yī fǎ bǎo hù mǐn yíng qì yè chǎn quán.

Trong việc thúc đẩy xây dựng môi trường kinh doanh pháp trị hóa, cơ quan tư pháp phân biệt rõ ràng nghiêm ngặt ranh giới giữa tranh chấp kinh tế và tội phạm kinh tế, kiên quyết bảo vệ quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp tư nhân theo quy định pháp luật.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: ÂU PHÂN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#656

渠道

qú dào

kênh, kênh mương thủy lợi; kênh thông tin/phân phối

南水北调中线干线工程人工渠道全长一千四百多公里，常年稳定清澈地将长江支流甘甜汉江水输送至京津冀地区。

Nán shuǐ běi tiáo zhōng xiàn gàn xiàn gōng chéng rén gōng qú dào quán nước Nam sang Bắc dài hơn 1.400 cây số, quanh năm ổn định và trong vắt dẫn dòng nước sông Hán ngọt ngào thuộc nhánh sông Trường Giang truyền tải tới khu vực Bắc Kinh - Thiên Tân - Hà Bắc.

Kênh mương nhân tạo của công trình tuyến chính Dự án Chuyển nước Nam sang Bắc dài hơn 1.400 cây số, quanh năm ổn định và trong vắt dẫn dòng nước sông Hán ngọt ngào thuộc nhánh sông Trường Giang truyền tải tới khu vực Bắc Kinh - Thiên Tân - Hà Bắc.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: CỬ ĐẠO

HSK 6 (3.0)

Động từ

#657

取款

qǔkuǎn

rút tiền, rút tiền mặt từ tài khoản

现代化智慧银行网点全面推行刷脸无卡快速取款与智能掌上政务服务，极大方便了广大市民群众。

Xiàn dài huà zhì huì yín háng wǎng diǎn quán miàn tuī xíng shuā liǎn wú kǎ kuài sù qǔ kuǎn yǔ zhì néng zhǎng shàng zhèng wù fú wù, jí dà fāng biàn le guāng dà shì mǐn qún zhòng.

Các điểm giao dịch ngân hàng thông minh hiện đại hóa đã triển khai toàn diện dịch vụ hành chính công trên điện thoại thông minh và rút tiền rút tiền mặt không dùng thẻ nhận diện khuôn mặt nhanh chóng, tạo thuận tiện tối đa cho đông đảo bà con nhân dân.

📖 16 nét

HÁN VIỆT: THỦ KHOẢN



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#658

取款机

qǔkuǎnjī

cây ATM, máy rút tiền tự động

城市街头的新一代智能金融自动取款机全面支持数字人民币硬钱包离线无网无电应急支付兑换功能。

Chéng shì jiē tóu de xīn yí dài zhì néng jīn róng zì dòng qǔ kuǎn jī quán miàn zhī chí shù zì rén mǐn bì yìng qiǎn bāo lí xiàn wú wǎng wú diàn yìng jī zhī fù duì huàn gōng néng.

Máy rút tiền tự động cây ATM tài chính thông minh thể hệ mới trên các góc phố thành phố hỗ trợ toàn diện tính năng thanh toán đối tiền khẩn cấp không cần mạng không cần điện và ví cứng nhân dân tệ kỹ thuật số.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: THỦ KHOẢN CƠ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#659

去掉

qùdiào

bỏ đi, loại bỏ, gạt bỏ

深化科技评价体制改革就是要坚决去掉一切繁文缛节与形式主义枷锁，为科研人员大胆创新松绑减负。

Shēn huà kē jì píng jià tǐ zhì zhì gǎi gē jiù shì yào jiǎn jué qù diào yī qiè fán wén rǔ jié yǔ xíng shì zhǔ yì jiǎ suǒ, wèi kē yán rén yuán dà dǎn chuàng xīn sōng bǎng jiǎn fù.

Đi sâu cải cách thể chế đánh giá khoa học công nghệ chính là phải kiên quyết gạt bỏ bỏ đi loại bỏ mọi sự phiền toái rườm rà và xiềng xích của chủ nghĩa hình thức, cởi trói giảm tải cho cán bộ nghiên cứu mạnh dạn đổi mới sáng tạo.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: KHỬ ĐIỀU

HSK 6 (3.0)

Phó từ / Danh từ

#660

全力

quánlì

đốc toàn lực, hết sức mình, toàn lực

攻关团队发扬敢打硬仗的作风，分秒必争、全力以赴推进大科学装置核心加速腔系统的最后联调攻坚。

Gōng guān tuán duì fā yáng gǎn dǎ yìng zhàng de zuò fēng, fēn miǎo bì zhēng, quán lì yì fú tuī jìn dà kē xué zhuāng zhì hé xīn jiǎ sù qiāng xì tǒng de zuì hòu lián diào gōng gōng jiān.

Đội ngũ vượt khó phát huy tác phong dám đánh trận khó, tranh thủ từng phút từng giây, đốc toàn lực toàn lực dốc sức đẩy mạnh trận đánh lớn hiệu chỉnh liên động cuối cùng của hệ thống buồng gia tốc cốt lõi thiết bị khoa học lớn.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: TOÀN LỰC

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#661

全新

quánxīn

hoàn toàn mới, mới toanh tinh khôi

该项原创前沿重大成果打破了传统经典理论框架，为人类认识微观物质世界开辟了全新的科学研究范式。

Gāi xiàng yuán chuāng qián yán zhòng dà chéng guǒ dǎ pò le chuán tǒng jīng diǎn lǐ lùn kuāng jià, wéi rén lèi rèn shí wēi guān wù zhì shì jiè kāi pì le quán xīn de kē xué yán jiū fàn shì.

Thành quả trọng đại tiên phong nguyên tác này đã phá vỡ khung lý luận kinh điển truyền thống, mở ra mô thức nghiên cứu khoa học hoàn toàn mới mới toanh cho nhân loại nhận thức về thế giới vật chất vi mô.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: TOÀN TÂN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#662

权

quán

quyền, quyền hạn, quyền lợi; quyền uy

国家全面深化科技体制改革，切实下放科研项目技术路线自主决策权与科研经费自主调剂权。

Guó jiā quán miàn shēn huà kē jì tǐ zhì gǎi gé, qiè shí xià fàng kē yán jīng mù jì shù lù xiàn zì zhǔ jué cè quán yǔ kē yán jīng fèi zì zhǔ diào jì quán.

Nhà nước đi sâu toàn diện cải cách thể chế khoa học công nghệ, phân cấp thực chất quyền tự chủ điều chuyển kinh phí nghiên cứu khoa học và quyền quyền hạn tự chủ quyết định lộ trình kỹ thuật của dự án nghiên cứu.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: QUYỀN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#663

权力

quán lì

quyền lực (cơ quan nhà nước, quyền hành)

国家一切行政与执法权力都必须在阳光下运行，把公权力关进制度的笼子里，依法接受人民监督。

Guó jiā yī qiè xíng zhèng yǔ zhī fǎ quán lì dōu bì xū zài yáng guāng xià yùn xíng, bǎ gōng quán lì guān jìn zhì dù de lóng zi lǐ, yī fǎ jiē shòu rén mǐn jiān dū.

Mọi quyền lực hành chính và thực thi pháp luật của Nhà nước đều phải được vận hành công khai minh bạch, nhốt quyền lực công vào chiếc lồng thể chế, chịu sự giám sát của nhân dân theo quy định pháp luật.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: QUYỀN LỰC

HSK 6 (3.0)

Động từ

#664

券

quàn

phiếu giảm giá

老师鼓励大家积极券，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí quàn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực phiếu giảm giá, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: KHOÁN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#665

缺陷

quē xiàn

khuyết tật, khiếm khuyết, nhược điểm kỹ thuật

超精密半导体制造采用了先进的电子束无损检测设备，能够精准识别晶圆纳米层间任何细微晶格缺陷。

Chāo jīng mì bàn dǎo zhì zhì zào cái yòng le xiān jìn de diǎn zì shù wú sǔn jiàn cè shè bèi, néng gòu jīng zhǔn shí bié jīng yuán nǎ mǐ céng jiān rēn hé xì wēi jīng gé quē xiàn.

Quy trình chế tạo bán dẫn siêu chính xác áp dụng thiết bị kiểm tra không phá hủy bằng chùm tia điện tử tiên tiến, có thể nhận diện chuẩn xác bất kỳ khuyết tật mạng tinh thể vi mô nào giữa các lớp nano của tấm wafer.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: KHUYẾT HẢM

HSK 6 (3.0)

Liên từ

#666

却是

quèshì

thế nhưng lại, nhưng thực ra lại là

这间看似极其平凡简陋的地下实验室，却是无数大国重器核心关键算法得以成功诞生的地方。

Zhè jiān kàn shì jí qí píng fán jiǎn lòu de dì xià shí yàn shì, què shì wú shù dà guó zhòng qì hé xīn guān jiàn suàn fǎ dé yǐ chéng gōng dàn shēng de dì fāng.

Căn phòng thí nghiệm dưới tầng hầm xem chừng vô cùng đơn sơ bình dị này, thế nhưng lại nhưng thực ra lại là nơi mà các thuật toán then chốt cốt lõi của vũ số đại khí quốc gia được sinh ra thành công.

📖 16 nét

HÁN VIỆT: KHƯỚC THỊ



HSK 6 (3.0)

Động từ

#667

让座

ràngzuò

nhường chỗ ngồi, nhường ghế (trên xe/nơi công cộng)

在现代高铁与城市轨道交通车厢里，主动为老幼病残孕等特殊乘客礼貌让座已成为全社会的自觉文明风尚。

Zài xiàn dài gāo tiě yǔ chéng guó jì dào yàn chē lǐ, zhǔ dòng wèi lǎo yòu bìng cán yùn děng tè shū chéng kè lǐ mào ràng zuò yì chéng wéi quán shè huì de zì jué wén míng fēng shàng.

Bên trong các toa tàu đường sắt cao tốc và giao thông đường sắt đô thị hiện đại, việc chủ động lịch sự nhường chỗ ngồi nhường ghế cho các hành khách đặc biệt như người già trẻ nhỏ phụ nữ mang thai người tàn tật đã trở thành nét đẹp văn minh tự giác của toàn xã hội.

24 nét

HÁN VIỆT: NHƯỢNG TOA

HSK 6 (3.0)

Động từ

#668

热点

rè diǎn

Điểm phát sóng

老师鼓励大家积极热点，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí rè diǎn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Điểm phát sóng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

25 nét

HÁN VIỆT: NHIỆT ĐIỂM

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#669

热水

rèshuǐ

nước nóng, nước ấm đun sôi

空间站环控生保系统配备了全自动微重力即热式饮水机，确保航天员在太空中随时喝上温度适宜的纯净热水。

Kōng jiān zhàn huán kòng shēng bǎo yǎo zì dòng wēi zhòng lì jí rè shì yǐn shuǐ jī, què bǎo háng tiān yuán zài tài kōng zhōng shí shí hē shàng wēn dù shì yí de chún jìng rè shuǐ.

Hệ thống bảo đảm sinh mạng kiểm soát môi trường trạm vũ trụ trang bị máy uống nước nóng nhanh không trọng lực tự động hoàn toàn, bảo đảm các phi hành gia ngoài không gian bất cứ lúc nào cũng được uống nước ấm nước nóng tinh khiết nhiệt độ thích hợp.

23 nét

HÁN VIỆT: NHIỆT THUỶ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#670

热水器

rèshuǐqì

bình nóng lạnh, máy nước nóng

新型高效太阳能光热储能热水器在我国北方广大农村地区全面普及推广，极大促进了冬季清洁低碳取暖。

Xīn xíng gāo xiào tài yáng néng guāng rè chí năng rè shuǐ qì zài wǒ guó běi fāng guǎng dà nóng cūn dì qū quán miàn pǔ jí tuī guǎng, jí dà cù jìn le dōng jì qīng jié dī tàn qǔ nuǎn.

Máy nước nóng bình nóng lạnh tích trữ năng lượng quang nhiệt mặt trời hiệu năng cao kiểu mới được phổ cập nhân rộng toàn diện tại các vùng nông thôn bao la miền Bắc nước ta, thúc đẩy mạnh mẽ việc sưởi ấm ít phát thải carbon sạch sẽ vào mùa đông.

31 nét

HÁN VIỆT: NHIỆT THUỶ KHÍ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#671

热线

rèxiàn

đường dây nóng, hotline dịch vụ

国家政务服务便民热线全面开通了高层次科技人才创新创业诉求“接诉即办”快速响应绿色通道。

Guó jiā zhèng wù fú wù biān mín rè xiàn quán miàn kāi tōng le gāo céng cì kē jì rén cái chuàng xīn xīn chuàng yè sù qiú "jiē sù jí bàn" kuài sù xiǎng yīng lù sè tōng dào.

Đường dây nóng hotline dịch vụ tiện dân hành chính công quốc gia đã mở toàn diện luồng xanh phản ứng nhanh "nhận phản ánh là xử lý ngay" cho những tâm tư nguyện vọng đổi mới sáng tạo khởi nghiệp của nhân tài khoa học công nghệ trình độ cao.

24 nét

HÁN VIỆT: NHIỆT TUYẾN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#672

人权

rénquán

nhân quyền, quyền con người

中国坚持把生存权和发展权作为首要的基本人权，科技创新成果全面转化为保障和增进人民福祉的强大力量。

Zhōng guó jiān chí bǎ shēng cún quán hé fā zhǎn quán wéi shǒu yào de jī běn rén quán, kē jì chuàng xīn chéng guǒ quán miàn zhuǎn huà wéi bǎo zhàng hé zēng jìn rén mín fú zhǐ de qiáng dà lì liàng.

Trung Quốc kiên trì lấy quyền sinh tồn và quyền phát triển làm quyền con người nhân quyền cơ bản hàng đầu, các thành quả đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ được chuyển hóa toàn diện thành sức mạnh hùng hậu bảo đảm và nâng cao phúc lợi cho nhân dân.

20 nét

HÁN VIỆT: NHÂN QUYỀN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#673

认同

rèntóng

đồng tình ủng hộ, thừa nhận đồng thuận; sự công nhận

中国科学家提出的开放科学数据共享机制与伦理准则，赢得了国际顶级科学组织与同行学者的高度认同。

Zhōng guó kē xué jiā tí chū de kāi fàng kē xué shù jù gòng xiǎng jī zhì yǔ lún lǐ zhǔn zé, yíng dé le guó jì dīng jí kē xué zǔ zhī yǔ tóng háng xué zhě de gāo dù rèn tóng.

Chuẩn mực đạo đức và cơ chế chia sẻ dữ liệu khoa học mở do các nhà khoa học Trung Quốc đề xuất đã giành được sự thừa nhận đồng thuận đồng tình ủng hộ đánh giá rất cao của các học giả đồng nghiệp và các tổ chức khoa học hàng đầu quốc tế.

27 nét

HÁN VIỆT: NHẬN ĐỒNG

HSK 6 (3.0)

Phó từ / Danh từ chỉ thời gian

#674

日夜

rì yè

ngày đêm, suốt ngày đêm không ngừng nghỉ

为了抢在重大窗口期前完成系统交付，大科学装置建设团队日夜奋战在超高真空试验第一线。

Wèi le qiǎng zài zhòng dà chuāng kǒu qī qián wán chéng xì tǒng jiāo fù, dà kē xué zhuāng zhì jiàn tuán dì yè fèn zhàn zài chāo gāo zhēn kōng shí yàn dì yī xiàn.

Để kịp hoàn thành bàn giao hệ thống trước giai đoạn cửa sổ trọng đại, đội ngũ xây dựng thiết bị khoa học lớn đã ngày đêm suốt ngày đêm chiến đấu nơi tuyến đầu thử nghiệm chân không siêu cao.

25 nét

HÁN VIỆT: NHẬT ĐẠ

HSK 6 (3.0)

Danh từ riêng

#675

日语

Rìyǔ

tiếng Nhật, Nhật ngữ

新一代多模态神经网络同声传译大模型实现了中文、英语与日语等主要语种之间的低延迟高精度实时互译。

Xīn yí dài duō mó tài shén jīng wǎng luò tóng shēng chuán yǐ dà mó xíng shí xiàn le zhōng wén, yīng yǔ yǔ rì yǔ děng zhǔ yào yǔ zhǒng zhī jiān de dī yǎn chí gāo jīng dù shí shí hù yì.

Mô hình lớn dịch cabin song song mạng nơ-ron đa phương thức thể hệ mới đã thực hiện việc dịch thuật qua lại chuẩn xác thời gian thực độ trễ thấp giữa các ngôn ngữ chủ yếu như tiếng Nhật, tiếng Anh và tiếng Trung.

21 nét

HÁN VIỆT: NHẬT NGỮ


HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#676

融合

rónghé

dung hợp, kết hợp hòa quyện, tích hợp

我们要大力推进科技创新与产业创新深度融合，加快催生新产业、新模式、新动能，发展新质生产力。

Wǒ men yào dà lì tuī jìn kē jì chuàng xīn yǔ chǎn yè chuāng xīn shēn dù róng hé, jiǎ kuài cuī shēng xīn chǎn yè, xīn mó shì, xīn dòng néng, fā zhǎn xīn zhì shēng chǎn lì.

Chúng ta phải ra sức thúc đẩy sự kết hợp hòa quyện dung hợp sâu sắc giữa đổi mới sáng tạo công nghiệp và đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ, đẩy nhanh sản sinh các động năng mới, mô hình mới và ngành nghề mới, phát triển lực lượng sản xuất chất lượng mới.

19 nét

HÁN VIỆT : DUNG CÁP

HSK 6 (3.0)

Động từ

#677

融入

róngrù

hòa nhập vào, hòa quyện vào, tan vào

新时代广大青年科技英才把个人学术追求深深融入国家富强与民族复兴的伟大历史征程之中。

Xīn shí dài guǎng dà qīng nián kē jì yīng cái bǎ gè rén xué shù zhuī qiú shēn shēn róng rù guó jiā fù qǐng yǔ mín zú fù xīng de wēi dà lì shǐ zhēng chéng zhī zhōng.

Đồng đảo các anh tài khoa học công nghệ thanh niên thời đại mới đã hòa quyện vào hòa nhập vào sâu sắc sự theo đuổi học thuật cá nhân vào trong hành trình lịch sử vĩ đại phục hưng dân tộc và đất nước giàu mạnh.

23 nét

HÁN VIỆT : DUNG NHẬP

HSK 6 (3.0)

Động từ / Liên từ / Giới từ

#678

如

rú

như, tựa như, giống như; ví như

如月冲霄、如鹰击空；我国完全自主研发的新一代大国重器在蔚蓝天际划出一道道壮美的中国航迹。

Rú yuè chōng xiāo, rú yīng jī kōng; wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā de xīn yí dài dà guó zhòng qì zài wèi lán tiān jì huà chū yí dào dào zhuàng měi de zhōng guó háng jì.

Tựa như như vầng trăng vút lên chín tầng mây, như chim ưng sải cánh xé toạc không gian; thế hệ đại khí quốc gia mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã vạch nên những vết đường bay Trung Quốc trắng lệt trên nền trời xanh biếc.

11 nét

HÁN VIỆT : NHƯ

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#679

如一

rúyī

nhất quán như một, trước sau như một

老一辈功勋科学家数十年如一日坚求真务实的严谨治学学风，为全体科研工作者树立了崇高光辉榜样。

Lǎo yī bèi gōng xūn kē xué jiā shù shí nián rú yī rì jiān shǒu qín zhēn wú shí de yán jīn zhì xué xué fēng, wèi quán tǐ kē yán gōng zuò zhě shù lì le chōng gāo guāng huī bǎng yàng.

Các nhà khoa học có công lao tiền bối mấy mươi năm như một nhất quán như một giữ vững tác phong làm học vấn nghiêm cần cầu thị thực chất, xác lập tấm gương sáng ngời cao đẹp cho toàn thể cán bộ nghiên cứu khoa học.

23 nét

HÁN VIỆT : NHƯ NHẤT

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#680

乳制品

rǔzhìpǐn

sản phẩm từ sữa, chế phẩm từ sữa

国家对现代乳制品产业链推行全过程智慧冷链与微量有害物超敏质谱检测，切实守护群众舌尖安全。

Guó jiā duì xiàn dài rǔ zhì pǐn chǎn yè quán guò chéng zhì huì lěng liàn yǔ wēi liàng yǒu hài wù chāo mǐn zhǔ pǐn jiǎn cè, qiè shí shǒu hù qún zhòng shé jiǎn ān quán.

Nhà nước thực thi kiểm nghiệm quang phổ khối siêu nhạy cảm chất độc hại vi lượng và chuỗi lạnh thông minh toàn bộ quá trình đối với chuỗi ngành sản phẩm từ sữa chế phẩm từ sữa hiện đại, bảo vệ thực chất an toàn trên đầu lưỡi của người dân.

32 nét

HÁN VIỆT : NHỮ CHẾ PHẨM

HSK 6 (3.0)

Động từ / Giới từ

#681

入

rù

vào, bước vào, tiến nhập; nhập vào

随着运载火箭三级发动机精准关机，我国新型大科学探测卫星成功进入预定太阳同步工作轨道。

Suí zhe yùn zài huò jiàn sǎn jī fā dòng jī jīng zhǔn guān jī, wǒ guó xīn xíng dà kē xué tàn cè wèi xīng chéng gōng jìn rù yù dìng tài yáng tóng bù gōng zuò guī dào.

Cùng với việc động cơ tầng ba của tên lửa đẩy tắt máy chuẩn xác, vệ tinh thám trắc khoa học lớn kiểu mới của nước ta đã bước vào tiến nhập thành công quỹ đạo làm việc đồng bộ Mặt Trời định sẵn.

13 nét

HÁN VIỆT : NHẬP

HSK 6 (3.0)

Động từ

#682

入学

rùxué

nhập học, vào trường bắt đầu năm học

在全国重点大学本科新生开学典礼上，数万名怀揣科技强国梦想的优秀学子迎来了庄重光荣的入学时刻。

Zài quán guó zhòng diǎn dà xué bēn shēng kāi xué diǎn lì shàng, shù wàn míng huái kē jì qiáng guó mèng xiǎng de yōu xiù xué zǐ yíng lái le zhòng guāng róng de rù xué shí kè.

Tại lễ khai giảng tân sinh viên đại học các trường đại học trọng điểm toàn quốc, hàng vạn bạn trẻ xuất sắc ập ừ ước mơ dùng khoa học xây dựng đất nước giàu mạnh đã đón chào thời khắc nhập học vào trường vinh quang trang nghiêm.

25 nét

HÁN VIỆT : NHẬP HỌC

HSK 6 (3.0)

Liên từ / Động từ / Đại từ

#683

若

ruò

nếu như, ví bằng; dường như, tựa như

若要实现高水平科技自立自强，就必须坚定不移打赢关键核心技术攻坚战，把创新主动权牢牢抓在手中。

Ruò yào shí xiàn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng, jiù bì xū jiǎn dìng bù yí dǎ yíng guān jiàn hé xīn jì shù gōng gē jiǎn zhàn, bà chuàng xīn zhǔ dòng quán lǎo lǎo zhuā zài shǒu zhōng.

Nếu như ví bằng muốn thực hiện tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao, thì bắt buộc phải kiên định không ngừng đánh thắng trận đánh lớn vượt khó công nghệ lõi then chốt, nắm chắc quyền chủ động đổi mới sáng tạo trong tay.

8 nét

HÁN VIỆT : NHƯỢC

HSK 6 (3.0)

Động từ

#684

塞

Sāi

cảm

老师鼓励大家积极塞，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí sāi, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực cảm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT : TẮC


HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#685

赛

sài

thi đấu, tranh tài; cuộc thi giải đấu; sánh ngang

在世界青年创客锦标赛上，我国高校代表队自主研发的仿生四足机器人一举赛出了国际领先水平。

Zài shì jiè qīng nián chuàng kè jì sài chāng shàng, zhōng guó qīng nián gāo jí néng dà gōng jiàng chén zhuō yìng zhàn, píng jiè jīng zhàn jué lùn de wēi mǐ jī shù kòng jiǎ gōng jī yì yòng duó guī guān.

Tại Giải Vô địch Sáng tạo Khởi nghiệp Thanh niên Thế giới, robot phòng sinh học bốn chân do đội tuyển đại học nước ta tự chủ nghiên cứu phát triển đã thi đấu tranh tài phổ diễn trình độ dẫn đầu quốc tế.

12 nét

HÁN VIỆT: TÁI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#686

赛场

sàichǎng

sân thi đấu, đấu trường, sân đấu tranh tài

在世界职业技能大赛赛场上，中国青年高技能大工匠沉着应战，凭借精湛绝伦的微米级数控加工技艺勇夺桂冠。

Zài shì jiè zhí yè jī néng dà sài chǎng shàng, zhōng guó qīng nián gāo jí néng dà gōng jiàng chén zhuō yìng zhàn, píng jiè jīng zhàn jué lùn de wēi mǐ jī shù kòng jiǎ gōng jī yì yòng duó guī guān.

Trên sân đấu sân thi đấu Cuộc thi Kỹ năng Nghề nghiệp Thế giới, người thợ đại nghệ nhân kỹ năng cao trẻ tuổi Trung Quốc đã bình tĩnh thi đấu, nhờ vào kỹ nghệ gia công điều khiển số (CNC) cấp độ micromet tuyệt đỉnh đã xuất sắc đoạt vòng nguyệt quế.

20 nét

HÁN VIỆT: TÁI TRÀNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#687

三明治

sānmíngzhì

bánh mì kẹp tam giác, bánh sandwich

在空间站微重力食品加热舱内，航天员品尝了经过特制太空锁鲜工艺加工的热腾腾营养三明治。

Zài kōng jiàn zhàn wēi zhòng lì shí pǐn jiā rè cāng nèi, háng tiān yuán pǐn cháng le jīng guò tè zhì tài kōng suǒ xiān gōng yì jiā gōng de rè téng téng yǎng sān míng zhì.

Bên trong khoang làm nóng thực phẩm không trọng lực của trạm vũ trụ, các phi hành gia đã thưởng thức chiếc bánh mì sandwich bánh mì kẹp tam giác nóng hổi giàu dinh dưỡng được chế biến theo công nghệ khóa tươi không gian chuyên biệt.

35 nét

HÁN VIỆT: TAM MINH TRỊ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#688

丧失

sàng shī

đánh mất, mất đi hoàn toàn (quyền lực, niềm tin)

在科技竞争风云变幻的国际大潮中，唯有坚定不移坚持自主创新，才能确保关键核心技术永远不丧失战略主导权。

Zài kē jì jìng zhēng fēng yún biàn huàn de guó jì dà cháo zhōng, wéi yǒu jiǎn dìng bù yí jiǎn chí zì zhǔ chuàng xīn, cái néng què bǎo guān jiàn hé xīn jì shù yǒng yuǎn bù sàng shī zhàn lǚ zhǔ dǎo quán.

Trong làn sóng quốc tế biến đổi khôn lường của cạnh tranh khoa học công nghệ, chỉ có kiên định không ngừng kiên trì đổi mới sáng tạo tự chủ thì mới có thể bảo đảm các công nghệ lõi then chốt vĩnh viễn không bao giờ đánh mất quyền chủ đạo chiến lược.

23 nét

HÁN VIỆT: TANG THẤT

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#689

山峰

shānfēng

đỉnh núi, ngọn núi cao chót vót

在大科学工程深空射电望远镜周围，一座座巍峨挺拔的山峰天然构成了绝佳的电磁波天然屏蔽屏障。

Zài dà kē xué gōng chéng shēn kōng shè diàn wǎng zhōu wéi, yí zuò zuò wēi é tíng bǎ de shān fēng tiān rán gòu chéng le jué jiā de diàn cí bō tiān rán píng bìng bǎng.

Xung quanh kính viễn vọng vô tuyến không gian sâu của công trình khoa học lớn, từng ngọn núi đỉnh núi sừng sững uy nghiêm đã tạo nên tấm rào chắn che chắn sóng điện từ tự nhiên tuyệt hảo một cách tự nhiên.

27 nét

HÁN VIỆT: SƠN PHONG

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#690

山谷

shāngǔ

thung lũng, hẻm núi

在贵州喀斯特深幽寂静的山谷之中，举世瞩目的“中国天眼”大科学望远镜静静仰望浩瀚宇宙星空。

Zài guì zhōu kā sī tè shēn yōu jì jìng de shān gǔ zhī zhōng, jǔ shì zhǔ mù dì "zhōng guó tiān yǎn" dà kē xué wǎng yuǎn jìng jìng yǎng wàng hào hàn yǔ zhòu xīng kōng.

Bên trong thung lũng hẻm núi tĩnh mịch sâu thẳm vùng Karst Quý Châu, chiếc kính viễn vọng khoa học lớn "Mắt Thần Trung Quốc" (FAST) thu hút sự dõi theo của toàn thế giới đang lặng lẽ ngước nhìn bầu trời sao vũ trụ bao la.

27 nét

HÁN VIỆT: SƠN CỐC

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#691

山坡

shānpō

sườn núi, sườn dốc núi

在生态农业示范区起伏连绵的山坡上，梯田式光伏电站与特色经济林果构成了壮丽的生态立体农业图景。

Zài shēng tài yè lǜ qū qǐ fú lián miǎn de shān pō shàng, tí tián shì guāng fú diàn zhàn yǔ tè sè jīng jì lín guǒ gòu chéng le zhuàng lì de shēng tài lì tǐ nóng yè tú jǐng.

Trên những sườn dốc núi sườn núi nhấp nhô uốn lượn của Khu Trĩnh diễn Nông nghiệp Sinh thái, trạm phát điện quang điện dạng ruộng bậc thang cùng rừng cây ăn quả kinh tế đặc sắc đã tạo nên bức tranh nông nghiệp lập thể sinh thái tráng lệ.

25 nét

HÁN VIỆT: SƠN PHA

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#692

伤口

shāngkǒu

vết thương, miệng vết thương

新型医用仿生光固化纳米水凝胶材料能够在下一秒内实现对组织大出血伤口的瞬时封闭与抗菌快速愈合。

Xīn xíng yī yòng fǎng shēng guāng gù huà nà mǐ shuǐ níng jiāo cái liào néng gòu zài yí miǎo nèi shí xiàn duì zǔ zhī dà chū xuè shāng kǒu de shùn shí fēng bì yǔ kàng jūn kuài sù yù hé.

Vật liệu hydrogel nano quang trùng hợp phòng sinh học y tế kiểu mới có thể trong vòng một giây thực hiện việc niêm phong tức thì và kháng khuẩn làm lành nhanh chóng đối với miệng vết thương vết thương xuất huyết ồ ạt mô cơ.

24 nét

HÁN VIỆT: THƯƠNG KHẨU

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#693

伤亡

shāngwáng

thương vong, số người chết và bị thương

依托高精度地质灾害智能监测预警系统与多部门高效联动，重大滑坡险情实现了零伤亡成功避险。

Yī tuō gāo jīng dù dì zhì zāi hài zhì néng jiān cè yǔ jīng xì tǒng yǔ duō bù mén gāo xiào lián dòng, zhòng dà huá pō xiǎn qīng shí xiàn le líng shāng wáng chéng gōng bì xiǎn.

Dựa vào hệ thống cảnh báo sớm quan trắc thông minh thiên tai địa chất độ chính xác cao và sự liên kết phối hợp hiệu quả cao của nhiều bộ ngành, sự cố sạt lở đất trượt đại đã thực hiện lánh nạn thành công với thương vong số người chết và bị thương bằng không.

22 nét

HÁN VIỆT: THƯƠNG VONG


HSK 6 (3.0)

Danh từ

#694

伤员

shāngyuán

 người bị thương, thương binh
thương viên

在特大自然灾害紧急救援中, 国家应急航空医疗救援队利用大型救援直升机争分夺秒转运危重症伤员。

Zài tè dà zì rán zāi hài jīn jí jiù yuán zhōng, guó jiā yīng jī háng kōng yī liáo jiù yuán duì lì yòng dà xíng jiù yuán zhì shēng jí zhēng fēn duó miǎo zhuǎn yùn wēi zhòng zhòng zhēng shāng yuán.

Trong công tác cứu nạn khẩn cấp thiên tai đặc biệt lớn, Đội Cứu nạn Y tế Hàng không Khẩn cấp Quốc gia sử dụng trực thăng cứu nạn cỡ lớn tranh thủ từng phút từng giây chuyển viện cứu chữa những người bị thương thương viên nguy kịch nặng nề.

22 nét

HÁN VIỆT: THƯƠNG VIÊN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#695

商城

shāngchéng

 trung tâm thương mại, sàn thương
mại điện tử

国家级高新技术知识产权交易数字商城全面上线, 实现了专利成果全流程在线秒级撮合转让与转化。

Guó jiā jí gāo xīn jì shù zhī shǐ chán quán jiāo yì shù zì shāng chéng quán miàn shàng xiàn, shí xiàn le zhuān lì chéng guǒ quán liú chéng zài xiàn miǎo jí cuō hé zhuan rǎng yǔ zhuan huà.

Sàn thương mại điện tử trung tâm thương mại kỹ thuật số giao dịch quyền sở hữu trí tuệ công nghệ cao cấp quốc gia đã chính thức đi vào hoạt động toàn diện, thực hiện việc chuyển nhượng chuyển giao và mai mối khớp lệnh trực tuyến cấp độ giây toàn bộ quy trình các thành quả bằng sáng chế.

21 nét

HÁN VIỆT: THƯƠNG THÀNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#696

上班族

shàngbānzú

 dân văn phòng, người đi làm công
sở

城市全面建成了高效互联的绿色智能轨道交通网络, 为数百万都市上班族提供了低碳准点的通勤保障。

Chéng shì quán miàn jiàn chéng le gāo xiào hù lián de lǜ sè zhī néng guī dào jiāo tōng wǎng lù, wéi shù bǎi wàn dū shì shàng bān zú tí gòng le dī tàn zhǔn diǎn de tōng qín bǎo zhàng.

Thành phố đã xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới giao thông đường sắt thông minh xanh kết nối hiệu quả cao, mang lại sự bảo đảm đi lại đúng giờ ít phát thải carbon cho hàng triệu người đi làm công sở dân văn phòng đô thị.

30 nét

HÁN VIỆT: THƯỜNG BAN TỘC

HSK 6 (3.0)

Động từ

#697

上当

shàngdàng

mắc lừa, trúng kế, bị lừa

公安反诈中心提醒广大民众提高警惕, 切勿轻信来历不明的所谓“高收益理财”短信以防上当受骗。

Gōng ān fǎn zhà zhōng xīn tí xǐng guāng dà mǐn zhòng tí gāo jǐng tì, qiè wù qīng xìn lái lì bù míng de suǒ wèi "gāo shōu yí lǐ cái" duǎn xìn yǐ fáng shàng dàng shòu piàn.

Trung tâm Phòng chống Lừa đảo Công an cảnh báo đồng đảo người dân nâng cao cảnh giác, tuyệt đối không nhẹ dạ tin vào các tin nhắn mạo danh 'đầu tư tài chính sinh lời khủng' không rõ nguồn gốc để tránh bị sập bẫy lừa đảo.

17 nét

HÁN VIỆT: THƯỜNG ĐƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ riêng

#698

上帝

Shàngdì

Thượng Đế, Chúa Trời

爱因斯坦曾深刻指出: “大自然是极其优美和谐的, 探索物理定律就像在探寻大自然最深邃的几何奥秘。”

Ài yīn sī tàn céng shēn kè zhī chū: "dà zì rán shì jí qí yōu měi hé xié de, tàn suǒ wù lǐ dìng lǚ jiù xiàng zài tàn xún dà zì rán shēn suì de jī hé ào mì."

Einstein từng chỉ ra một cách sâu sắc: 'Giới tự nhiên là vô cùng hài hòa tuyệt mỹ, thám hiểm định luật vật lý tựa như đang tìm tòi những điều huyền bí hình học sâu thẳm nhất của tạo hóa Thượng Đế.'

22 nét

HÁN VIỆT: THƯỜNG ĐẾ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#699

上市

shàngshì

 ra mắt thị trường, lên sàn chứng
khoán IPO

我国完全自主研制的新一代高集成度人工智能算力芯片与多款创新靶向药物获批正式上市应用。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de xīn yí dài gāo jí chéng dù rén gōng zhì néng suàn lì xīn piàn yǔ duō kuǎn chuàng xīn bā xiàng yào wù huò pǐ zhèng shì shàng shì yīng yòng.

Dòng chip sức mạnh tính toán trí tuệ nhân tạo độ tích hợp cao thế hệ mới cùng nhiều loại thuốc trúng đích đổi mới sáng tạo do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã được phê duyệt chính thức ra mắt thị trường mở bán ứng dụng.

16 nét

HÁN VIỆT: THƯỜNG THỊ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#700

上台

shàngtái

 bước lên sân khấu/bục phát biểu;
lên nắm quyền

在大科学工程表彰大会上, 青年科学家代表从容自信地走上讲台发表攻坚感言, 赢得全场雷鸣般掌声。

Zài dà kē xué gōng chéng biǎo zhāng dà huì shàng, qīng nián kē xué jiǎ dài biǎo biāo gōng róng zì xìn dì zǒu shàng jiǎng tái fā biǎo gōng jiān gǎn yán, yíng dé quán chǎng léi míng bān zhāng shēng.

Tại Đại hội Tuyên dương Công trình Khoa học Lớn, đại biểu nhà khoa học trẻ tuổi đã tự tin ung dung bước lên sân khấu bước lên bục phát biểu chia sẻ cảm tưởng vượt khó, nhận được những tràng pháo tay giòn giã như sấm dậy khắp toàn trường.

21 nét

HÁN VIỆT: THƯỜNG ĐÀI

HSK 6 (3.0)

Động từ

#701

上演

shàngyǎn

 công chiếu, công diễn; diễn ra
(cảnh tượng)

在世界机器人锦标赛决赛场上, 中外顶尖仿生人形机器人展开激烈角逐, 上演了一场巅峰科技对决。

Zài shì jiè jī qì rén jīn biāo sài jué sài chāng shàng, zhōng wài dīng jiān fāng shēng rén xíng jī qì rén zhān kāi jī liè jué zhù, shàng yǎn le yī chǎng diǎn fēng kē jì duì jué.

Trên sân chung kết Cuộc thi Vô địch Robot Thế giới, các robot hình người phỏng sinh học đỉnh cao trong và ngoài nước đã triển khai tranh tài kịch tính, công diễn diễn ra một trận đấu sức so tài khoa học công nghệ đỉnh cao.

18 nét

HÁN VIỆT: THƯỜNG DIỄN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#702

勺

sháo

cái thìa, muỗng; muỗng (lượng từ)

我国探月工程全自动采样机械臂精准挥动采样勺, 成功在月球表面挖取并封装了极其珍贵的月壤样本。

Wǒ guó tàn yuè gōng chéng quán zì dòng cái yàng jī xié bǐ jīng zhǔn huī dòng cái yàng sháo, chéng gōng zài yuè qiú biāo miàn wā qǔ bìng fēng zhàng le jí qí zhēn guì de yuè rǎng yàng běn.

Cánh tay robot lấy mẫu tự động hoàn toàn của công trình thám trắc Mặt Trăng nước ta đã vung chiếc thìa cái muỗng lấy mẫu một cách chuẩn xác, đào lấy và niêm phong đóng gói thành công mẫu đất Mặt Trăng vô cùng quý giá trên bề mặt Mặt Trăng.

12 nét

HÁN VIỆT: THỰC



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#703

少儿

shào'ér

thiếu nhi, trẻ em thiếu niên nhi đồng

国家数字科技馆推出了一系列前沿科学沉浸式互动科普少儿精品课程, 大力启迪孩子们的科学梦想。

Guójiā shùzì kējì guǎn tuī chū le yī xié qián yán sī jìn shì hù dòng kē pǔ shào'ér jīng pǐn kè chéng, dà lì qǐ dì hái zǐ men de kē xué mèng xiǎng.

Bảo tàng Khoa học Công nghệ Kỹ thuật số Quốc gia đã cho ra mắt một loạt các môn học chất lượng cao thiếu nhi thiếu niên nhi đồng phổ biến khoa học tương tác chìm đắm khoa học tiên phong, ra sức khai sáng ước mơ khoa học cho các em nhỏ.

18 nét

HÁN VIỆT: THIẾU NHÂN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#704

舌头

shé tou

chiếc lưỡi, đầu lưỡi

在传统中医望闻问切四诊合参中, 观察患者舌头的舌质颜色与舌苔厚薄是辨识脏腑病机的重要窗口。

Zài chuán tóng zhōng yī wàng wén wèn qiè sì zhēn hé cǎn zhōng, guān chá huàn zhě shé tou de shé zhī yán sè yǔ shé tái hòu bó shí biàn shí zàng fǔ bìng jī de zhòng yào chuāng kǒu.

Trong phương pháp chẩn đoán 'Vọng - Văn - Vấn - Thiết' của y học cổ truyền Đông y, việc quan sát màu sắc chất lưỡi và độ dày mỏng của rêu lưỡi người bệnh là cửa sổ quan trọng để nhận biết cơ chế bệnh sinh tạng phủ.

18 nét

HÁN VIỆT: THIẾT ĐẦU

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#705

设计师

shèjìshī

nhà thiết kế, công trình sư thiết kế

大国重器总设计师带领上千名青年工程技术骨干, 攻坚克难, 实现了全系统百分之百国产化自主设计。

Dà guó zhòng qì zǒng shèjì shī dài lǐng shàng qiān míng qīng nián gōng chéng jī shù gǔ gàn, gōng jiǎn kè nán, shí xiàn le quán xī tǒng bǎi fēn zhī bǎi guó chǎn huà zì zhǔ shèjì.

Vị tổng công trình sư thiết kế nhà thiết kế đại khí quốc gia đã dẫn dắt hơn ngàn cán bộ nòng cốt kỹ thuật công trình trẻ tuổi, vượt khó chinh phục thử thách, thực hiện thiết kế tự chủ nội địa hóa 100% toàn bộ hệ thống.

35 nét

HÁN VIỆT: THIẾT KẾ SƯ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#706

涉及

shè jí

liên quan tới, dính dáng tới, chạm đến (lĩnh vực)

重大国家空间科技专项涉及跨学科、跨部门与跨地域的数千科研机构, 展现了举国体制的强大协同优势。

Zhòng dà guójiā kōng jiān kējì xiāng shè jí kuà xué kē, kuà bù mén yǔ kuà dì yù de shù qiān jiā kē yán jiàn wēi, zhǎn xiàn le jǔ guó tǐ zhì de qiáng dà xié tóng yōu shì.

Đề án khoa học công nghệ không gian trọng đại quốc gia liên quan tới hàng ngàn đơn vị nghiên cứu khoa học liên ngành, liên bộ ngành và liên vùng địa lý, phô diễn ưu thế hiệp đồng mạnh mẽ của thể chế huy động sức mạnh toàn quốc.

24 nét

HÁN VIỆT: THIỆP CẬP

HSK 6 (3.0)

Động từ

#707

深化

shēnhuà

đi sâu vào, làm sâu sắc thêm, phát triển chuyên sâu

我们要深化科技体制改革, 破除一切制约科技创新的体制机制障碍, 最大限度激发全社会创新创造潜能。

Wǒ men yào shēn huà kējì tǐ zhì gǎi gé, pò chú yī qiè zhì yuē kē jì chuàng xīn de tǐ zhì jī zhì zhàng ài, zui dà xiàn dù jī fā quán shè huì chuàng xīn chuàng zào qián néng.

Chúng ta phải đi sâu vào làm sâu sắc thêm cải cách thể chế khoa học công nghệ, xóa bỏ mọi rào cản cơ chế thể chế trói buộc đối mới sáng tạo khoa học công nghệ, khơi dậy tối đa tiềm năng sáng tạo đối mới của toàn xã hội.

25 nét

HÁN VIỆT: THÂM HOA

HSK 6 (3.0)

Phó từ / Tính từ

#708

深深

shēnshēn

sâu sắc, sâu đậm, thấm thía

老一辈功勋科学家一生许党报国的赤子情怀, 深深铭刻在中华民族自立自强的历史丰碑之上。

Lǎo yī bèi gōng xūn kē xué jiā yī shēng xǔ dǎng bào guó de chì zǐ qíng huái, shēn shēn míng kè zài zhōng huá mín zú zì lì zì qiáng de lì shǐ fēng bēi zhī shàng.

Tấm lòng trong sáng của đời phụ nữ Tổ quốc của các nhà khoa học có công lao tiến bộ đã được khắc ghi sâu sắc sâu đậm trên tấm bia đại lịch sử tự chủ tự cường của dân tộc Trung Hoa.

26 nét

HÁN VIỆT: THÂM THÂM

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#709

审查

shěnchá

thăm tra, kiểm duyệt thăm tra hồ sơ tư cách

国家司法行政机关建立健全全国有资产处置与重大公共投资项目法律合规性审查机制, 确保权力依法规范运行。

Guójiā sī fǎ xíng zhèng jī guǎn jiàn lì jiàn quán guó yǒu zī chǎn chǔ zhì yǔ zhòng dà gōng gòng tóu zī xiàng mù fǎ lǚ hé guī xíng shěn chá jī zhì, què bǎo quán lì yī fǎ guī fàn yùn xíng.

Cơ quan hành chính tư pháp quốc gia xây dựng và hoàn thiện cơ chế thăm tra tính hợp pháp hợp quy đối với việc xử lý tài sản nhà nước và các dự án đầu tư công trọng đại, bảo đảm quyền lực vận hành quy chuẩn theo đúng pháp luật.

20 nét

HÁN VIỆT: THẨM TRA

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#710

升级

shēngjí

nâng cấp, thăng cấp, nâng cao trình độ

国家全面推动传统制造业智能化、绿色化、融合化转型升级, 加快培育形成新质生产力核心产业集群。

Guójiā quán miàn tuī dòng chuán tǒng zhǎn zhì zhuān zhì zào yè zhī néng huà, lǜ sè huà, róng hé huà zhuān xíng shēng jí, jiā kuài péi yù xíng chéng xīn zhì shēng chǎn lì hé xīn chǎn yè jí qún.

Nhà nước đẩy mạnh toàn diện chuyển đổi nâng cấp nâng cao trình độ xanh hóa, thông minh hóa và dung hợp hóa ngành chế tạo truyền thống, đẩy nhanh nuôi dưỡng hình thành cụm ngành cốt lõi lực lượng sản xuất chất lượng mới.

26 nét

HÁN VIỆT: THĂNG CẤP

HSK 6 (3.0)

Động từ

#711

升学

shēngxué

học lên bậc cao hơn, thi đỗ lên cấp

国家教育部门健全拔尖创新人才早期发现与贯通升学培养机制, 为基础学科拔尖学子开辟绿色通道。

Guójiā jiàoyù bù jiàn quán bá jiān chuàng xīn rén cái zǎo qī fā xiàn yǔ guān tōng shēng xué péi yǎng jī zhì, wéi jī chǔ xué kē bá jiān xué zǐ kāi pì lǜ sè chéng zhǎng dào dào.

Ngành giáo dục quốc gia hoàn thiện cơ chế bồi dưỡng học lên bậc cao hơn thi đỗ lên cấp liên thông và phát hiện từ sớm nhân tài đối mới sáng tạo xuất chúng, mở ra luồng xanh trưởng thành cho học sinh xuất sắc các ngành học cơ bản.

24 nét

HÁN VIỆT: THĂNG HỌC


HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#712

升值

shēngzhí
tăng giá trị, lên giá, giá tăng giá trị

通过科技赋能与高附加值深加工转化, 许多传统特色农副产品实现了数倍的高质量增效升值。

Tóng guò kējì fù néng yǔ gāo fù jiā zhí shēn jiā gōng zhuān huà, xǔ duō chuán tǒng tè sè nóng fù pǐn shí xiàn le shù bèi de gāo zhì liàng zēng xiào shēng zhí.

Thông qua chuyển hóa chế biến sâu giá trị gia tăng cao và tiếp sức bằng khoa học công nghệ, nhiều nông sản phụ đặc sắc truyền thống đã thực hiện việc gia tăng giá trị tăng giá trị nâng cao hiệu quả chất lượng cao gấp nhiều lần.

22 nét

HÁN VIỆT: THĂNG TRỊ
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#713

生活费

shēnghuó fèi
tiền sinh hoạt, chi phí sinh hoạt hàng ngày

国家显著提高基础科学前沿重点实验室青年博士后与研究生的国家奖学金资助标准与基本生活费补助。

Guó jiā xiǎn zhù tí gāo jī chǔ kē xué qián yán zhòng diǎn shí yán shì qīng nián bó shì hòu yǔ yán jiū shēng de guó jiā jiǎng xué jīn zī zhù biāo zhún yǔ jī běn shēng huó fèi bǔ zhù.

Nhà nước nâng cao rõ rệt mức phụ cấp tiền sinh hoạt chi phí sinh hoạt cơ bản và tiêu chuẩn tài trợ học bổng quốc gia cho các nghiên cứu sinh và tiến sĩ trẻ sau tiến sĩ tại các phòng thí nghiệm trọng điểm tiên phong khoa học cơ bản.

35 nét

HÁN VIỆT: SINH HOẠT PHÍ
HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#714

省钱

shěngqián
tiết kiệm tiền, tiết kiệm chi phí

新型高倍率高安全全固态电池不仅大幅提升了储能效率, 也为新能源汽车用户提供了更环保省钱的出行方案。

Xīn xíng gāo bèi lǜ gāo ān quán quán guān gù tài diàn chí bù jīn dà fú tí shēng le chǔ néng xiào lǜ, yě wéi xīn néng yuán qì chē yòng hù tí gòng le gèng huán bǎo shěng qián de chū xíng fāng àn.

Pin toàn thể rắn độ an toàn cao tỷ lệ phóng nạp cao kiểu mới không chỉ năng cao vượt bậc hiệu suất tích trữ năng lượng, mà còn mang lại phương án đi lại tiết kiệm tiền tiết kiệm chi phí và thân thiện môi trường hơn cho người dùng xe năng lượng mới.

23 nét

HÁN VIỆT: TỈNH TIỀN
HSK 6 (3.0)

Danh từ riêng

#715

圣诞节

Shèngdànjié
Lễ Giáng Sinh, Tết Noel

在国际大科学装置联合实验室里, 各国科学家欢聚一堂共度圣诞节等多元文化节日, 洋溢着团结友爱的学术氛围。

Zài guó jì dà kē xué zhuāng zhì lián hé shí yán shì lǐ, gè guó kē xué jiā huān jù yì táng gòng dù shèng dàn jié děng duō yuán wén huà jié rì, yáng yì zhe tuán jié yǒu ài de xué shù fēn wéi.

Bên trong phòng thí nghiệm liên hợp thiết bị khoa học lớn quốc tế, các nhà khoa học các nước cùng sum vầy quây quần đón các ngày lễ văn hóa đa nguyên như Lễ Giáng Sinh Tết Noel, ngập tràn bầu không khí học thuật đoàn kết thân ái.

35 nét

HÁN VIỆT: KHỐT ĐẢN TIẾT
HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#716

盛行

shèng xíng
thịnh hành, phổ biến rộng khắp, thịnh hành một thời

在推进健康中国建设中, 慢跑、骑行与太极拳等绿色科学健身方式在全社会蔚然成风、广为盛行。

Zài tuī jìn jiàn kāng zhōng guó jiàn shè zhōng, màn pǎo, qí xíng yǔ tài jí quán děng lǜ sè kē xué jiàn shēn fāng shì zài quán shè huì wèi rán chéng fēng, guǎng wéi shèng xíng.

Trong việc thúc đẩy xây dựng Một Trung Quốc Khỏe mạnh, các phương thức rèn luyện sức khỏe khoa học xanh như chạy bộ, đạp xe và Thái Cực Quyền đã trở thành phong trào nếp sống tốt đẹp, thịnh hành phổ biến rộng khắp trong toàn xã hội.

25 nét

HÁN VIỆT: THỊNH HÀNH
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#717

师父

shīfu
sư phụ, thầy dạy nghề (kỹ nghệ bậc thầy)

国家特级装配技师师父手把手悉心传授微米级超精密手工装配技艺, 带领年轻徒弟们攻克了数道工艺难关。

Guó jiā tè jí zhuāng pèi jī shī fu shǒu shǒu bǎ shǒu xīn chuán wēi mǐ jī chāo jīng mǐ shǒu gōng zhuāng pèi jì yì, dài lǐng nián qīng tú dì mēn gōng kè le shù dào gōng yì nán guān.

Người thầy dạy nghề sư phụ kỹ thuật viên lắp ráp đặc cấp quốc gia đã tận tâm cầm tay chỉ việc truyền dạy kỹ nghệ lắp ráp thủ công siêu chính xác cấp độ micromet, dẫn dắt các học trò trẻ tuổi vượt qua nhiều khó công nghệ.

28 nét

HÁN VIỆT: SƯ PHỤ
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#718

师生

shīshēng
thầy và trò, giáo viên và học sinh sinh viên

大学前沿物理学院师生三代接力扎根实验室潜心钻研, 在微观拓扑量子物态研究中取得了世界级原创突破。

Dà xué qián yán wù lǐ xué yuàn shī shēng sān dài jiē lì zhā gēn shí yán shì qīn xīn zuān yán, zài wēi guān tuō pǔ liàng zǐ wù tài yán jiū zhōng qǔ dé le shì jiè jí yuán chuàng tú pò.

Ba thế hệ thầy và trò giáo viên và sinh viên Viện Vật lý Tiên phong trường đại học đã tiếp sức cắm rễ trong phòng thí nghiệm chuyên tâm nghiên cứu sâu, đạt được bước đột phá nguyên tác tầm cỡ thế giới trong nghiên cứu trạng thái vật chất lượng tử tô-pô vi mô.

24 nét

HÁN VIỆT: SƯ SINH
HSK 6 (3.0)

Phó từ

#719

时而

shí ér
thỉnh thoảng, có lúc thì... có lúc lại...

在雄伟壮丽的高原大峡谷深处, 气候瞬息万变, 时而艳阳高照云淡风轻, 时而狂风呼啸暴雨倾盆。

Zài xióng wěi zhuàng lì de gāo yuán dà xiá gǔ shēn chù, qì hòu shùn xī wàn biàn, shí ér yàn yáng gāo zhào yún dàn fēng qīng, shí ér kuáng fēng hū xiào bào yǔ qīng pén.

Bên trong hẻm núi lớn cao nguyên hùng vĩ tráng lệ, khí hậu biến đổi khôn lường trong chớp mắt, có lúc thì trời nắng rực rỡ mây trôi gió nhẹ, có lúc lại cuồng phong gầm thét mưa trút như thác đổ.

28 nét

HÁN VIỆT: THỜI NHI
HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#720

时节

shíjié
mùa, thời tiết, tiết mùa trong năm

金秋时节稻浪金黄, 广袤肥沃的现代化高标准示范农田迎来了颗粒归仓、丰收喜庆的大好景象。

Jīn qiū shí jié dào làng jīn huáng, guǎng mào féi wò de xiàn dài huà gāo biāo zhǔn shì fàn nóng tǎn yíng lái le kē lì guī cāng, fēng shòu xī qīng de dà hǎo jǐng xiàng.

Tiết mùa mùa thu vàng sóng lúa vàng óng, những cánh đồng lúa mẫu tiêu chuẩn cao hiện đại hóa màu mỡ bao la đón chào cảnh sắc vô cùng tốt đẹp của mùa màng bội thu hạt thóc vào kho.

28 nét

HÁN VIỆT: THỜI TIẾT



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#721

时期

shí qī

thời kỳ, giai đoạn lịch sử

当前我国正处于加快转变经济发展方式与全面推进产业转型升级的关键攻坚时期。

Dāng qián wǒ guó zhèng chǔ yú jiā kuài zhuǎn biàn jīng jì fā zhǎn fāng shì yǔ quán miàn tuī jìn chǎn yè zhuǎn xíng shēng jí de guān jiàn gōng gōng jiān shí qī.

Hiện nay nước ta đang ở vào thời kỳ then chốt mang tính quyết định nhằm đẩy nhanh chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế và đẩy mạnh toàn diện chuyển dịch nâng cấp công nghiệp.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : THỜI KỲ

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#722

时时

shí shí

thường xuyên, luôn luôn, lúc nào cũng

科研人员在精密复杂的深海实验操作中, 时时保持着极端严谨细致与防微杜渐的科学态度。

Kē yán rén yuán zài jīng mì fù zá de shēn hǎi shí yàn cāo zuò zhōng, shí shí bǎo chí zhí zhe jí duǎn yán jīn xī zhì yǔ fáng wēi dù jiàn de kē xué tài dù.

Cán bộ nghiên cứu khoa học trong các thao tác thực nghiệm biển sâu phức tạp và chính xác luôn luôn lúc nào cũng thường xuyên giữ vững thái độ khoa học phòng ngừa từ những việc nhỏ nhất và cực kỳ cẩn thận tỉ mỉ.

📖 28 nét

HÁN VIỆT : THỜI THỜI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#723

时装

shí zhuāng

thời trang, trang phục thời thượng mới mẻ

在国际非遗时装秀舞台上, 设计师将传统手工宋锦面料与现代高级定制剪裁完美融合, 惊艳了全球时尚界。

Zài guó jì fēi yí shí zhuāng xiù wǔ tái shàng, shè jī shī jiāng chuán tǒng shǒu gōng sòng jīn miàn liào yǔ xiàn dài gāo jí dìng zhì jiǎn cái wán měi róng hé, jīng yàn le quán qiú shí shàng jiè.

Trên sân diễn thời trang di sản phi vật thể quốc tế, nhà thiết kế đã kết hợp hoàn mỹ chất liệu vải gấm Tống (Tống cẩm) thủ tay thủ công truyền thống cùng đường cắt may cao cấp hiện đại, làm kinh ngạc toàn bộ giới thời trang toàn cầu.

📖 28 nét

HÁN VIỆT : THỜI TRANG

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#724

实践

shí jiàn

thực tiễn, thực hành; đưa vào thực tế

实践是检验真理的唯一标准。任何科学理论假设都必须经受住反复而严格的工程实测检验。

Shí jiàn shì jiàn yàn zhēn lǐ de wéi yī biāo zhǔn, rèn hé kē xué lǐ lùn jiǎ shuō dōu bì xū jīng shòu zhù fǎn fù ér yán gé de gōng chéng shí cè jiàn yàn.

Thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý, bất kỳ giả thuyết lý luận khoa học nào cũng đều phải vượt qua những đợt kiểm tra thử nghiệm đo đạc công trình nghiêm ngặt và lặp đi lặp lại.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : THỰC TIỄN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#725

食欲

shí yù

sự thèm ăn, cảm giác ngon miệng

空间站配备了专属的微重力太空加热风味厨房与丰富菜单, 极大增进了航天员在轨长期驻留期间的食欲与营养摄入。

Kōng jiān pèi bèi le zhuān shǔ de wēi zhòng lì tài kōng jiǎ réng wēi chú fǎng yù fēng fù cài dān, jí dà zēng jìn le háng tiān yuán zài guī cháng qì zhù liú qì jiān de shí yù yǔ yíng yǎng shè rù.

Trạm vũ trụ trang bị thực đơn phong phú cùng căn bếp hương vị làm nóng không gian không trọng lực chuyên dụng, nâng cao vượt bậc cảm giác ngon miệng sự thèm ăn và lượng hấp thụ dinh dưỡng của phi hành gia trong thời gian lưu trú dài ngày trên quỹ đạo.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : THỰC DỤC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#726

市民

shì mín

công dân thành phố, thị dân, người dân thành thị

智慧城市全面推行数字化政务便民工程, 让数百万市民享受到了足不出户、一网通办的高效便捷政务服务。

Zhì huì chéng shì quán miàn tuī xíng shù zì huà zhèng wù biān mín gōng chéng, ràng shù bǎi wàn shì mín xiǎng shòu dào le zú bù chū hù, yī wǎng tōng bàn de gāo xiào biàn jié zhèng wù fú wù.

Thành phố thông minh đẩy mạnh toàn diện công trình tiện dân hành chính công số hóa, giúp hàng triệu thị dân người dân thành thị công dân được thụ hưởng dịch vụ hành chính công tiện lợi hiệu quả cao ngời tại nhà làm thủ tục toàn trình qua mạng.

📖 17 nét

HÁN VIỆT : THỊ DÂN

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian / Phó từ

#727

事后

shì hòu

sau khi sự việc xảy ra, sau đó, về sau

我们要全面强化前瞻性风险预警与全过程质量把控, 绝不能等到出现安全隐患后再去事后被动补救。

Wǒ men yào quán miàn qiáng huà qián zhān xīng fēng xiǎn yù jǐng yǔ quán guò chéng zhì liàng bǎo kòng, jué bù néng děng dào chū xiàn ān yǎn hòu zài qù shì hòu bèi dòng bǔ jiù.

Chúng ta phải tăng cường toàn diện việc kiểm soát chất lượng toàn quá trình và cảnh báo sớm rủi ro nhìn xa trông rộng, tuyệt đối không được đợi tới khi xuất hiện nguy cơ mất an toàn tiềm ẩn rồi mới đi khắc phục bị động sau khi sự việc xảy ra sau đó.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : SỰ HẬU

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#728

试点

shì diǎn

thí điểm, điểm làm thử; làm thí điểm

国家全面启动青年科技人才长期稳定支持机制试点工作, 赋予青年科研骨干更大的学术选题自主权。

Guó jiā quán miàn qǐ dòng qīng nián kē jì rén cái cháng qī wén dīng zhī chí jī zhì shì diǎn gōng zuò, fù yǔ qīng nián kē yán gǔ gàn gèng dà de xué shù xuǎn tí zì zhǔ quán.

Nhà nước khởi động toàn diện công tác làm thử thí điểm cơ chế hỗ trợ ổn định lâu dài cho nhân tài khoa học công nghệ trẻ tuổi, trao cho các cán bộ nòng cốt nghiên cứu trẻ quyền tự chủ lựa chọn đề tài học thuật lớn hơn.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : THÍ ĐIỂM

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#729

适当

shì dāng

thích đáng, phù hợp, vừa phải đúng mực

在重大科研攻关取得阶段性突破后, 团队组织开展适当的文体放松活动, 有助于大家劳逸结合、调整状态。

Zài zhòng dà kē yán gōng guān qǔ dé jiē duàn xíng tú pò hòu, tuán dui zǔ zhī kāi zhǎn shì dāng de wén tǐ fàng sōng huó dòng, yǒu zhù yú dà jiā láo yì jié hé, tiáo zhěng zhuàng tài.

Sau khi trận đánh nghiên cứu khoa học trọng đại đạt được đột phá mang tính giai đoạn, nhóm tổ chức triển khai các hoạt động thư giãn văn hóa thể thao vừa phải thích đáng đúng mực, giúp ích cho mọi người kết hợp hài hòa làm việc và nghỉ ngơi, điều chỉnh trạng thái.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : QUÁT ĐƯƠNG



HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#730

识

shí

nhận biết, hiểu biết; kiến thức tri thức

科学探索既需要精深扎实的专业学识，更需要敢于质疑权威、勇于探索未知的真知灼见与非凡胆识。

Kē xué tàn suǒ jì xū yào jīng shēn zhā shí de zhuān yè xué shí, gèng xū yào gǎn yú zhī yí quán wēi, yǒng yú tàn suǒ wèi zhī de zhēn zhī zhuó jiàn yǔ fēi fán dǎn shí.

Thăm hiểm khoa học vừa cần tri thức kiến thức học thức chuyên môn sâu sắc vững vàng, lại càng cần có dũng khí gan dạ phi thường cùng cái nhìn sâu sắc thấy rõ chân lý dám đứng cảm khám phá thế giới chưa biết và nghi ngờ uy quyền.

13 nét

HÁN VIỆT: THỨC

HSK 6 (3.0)

Động từ

#731

识字

shízì

biết chữ, học chữ, xóa mù chữ

国家全面普及义务教育与数字化智慧教育资源，偏远山区的孩子们从小就能享受到高水准的识字启蒙与科学教育。

Guó jiā quán miàn pǔ jí yì wù jiào yù yǔ shù zì huà zhī huì jiào yù zī yuán, piǎn yuǎn shān qū de hái zǐ men cóng xiǎo jiù néng xiǎng shòu dào gāo shuǐ zhǔn de shí zì qǐ méng yǔ kē xué jiào yù.

Nhà nước phổ cập toàn diện tài nguyên giáo dục thông minh kỹ thuật số và giáo dục bắt buộc, trẻ em ở vùng núi xa xôi từ nhỏ đã có thể được thụ hưởng nền giáo dục khoa học và khai sáng học chữ biết chữ trình độ cao.

24 nét

HÁN VIỆT: THỨC TỰ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#732

收藏

shōu cáng

sưu tầm, lưu trữ cất giữ, bộ sưu tập

国家版本馆以最高的现代安全防灾标准，全面典藏与永久收藏中华文明数千年传承下来的各类珍贵版本善本文献。

Guó jiā bǎn běn guǎn yǐ zuì gāo de xiàn dài ān quán fáng zāi biāo zhǔn, quán miàn diǎn cáng yǔ yǒng jiǔ shōu cáng zhōng huá wén míng shù qiān nián chuán chéng xià lái de gè lèi zhēn guì bǎn běn shàn běn wén xiàn.

Bảo tàng Bản thảo Quốc gia bằng các tiêu chuẩn phòng chống thiên tai an toàn hiện đại cao nhất, đã lưu trữ bảo tồn toàn diện và vĩnh viễn sưu tầm các loại văn kiện cổ quý bản thảo quý giá truyền thừa qua hàng ngàn năm của nền văn minh Trung Hoa.

23 nét

HÁN VIỆT: THU TẠNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#733

收取

shōu qǔ

thu, thu nhận, thu lệ phí chi phí

国家重大科研基础设施与公共数据平台全面推行面向高校与科研院所零门槛开放共享，坚决不违规收取任何额外费用。

Guó jiā zhòng dà kē yán jī chǔ shè shì yǔ gōng gòng shù jù píng tái quán miàn tuī xíng miàn xiàng gāo xiào yǔ kē yán suǒ líng mén kǎn kāi fàng gòng xiǎng, jiǎn jué bù wéi guī chōu qǔ rèn hé wài fèi yòng.

Nền tảng dữ liệu công cộng và cơ sở hạ tầng nghiên cứu khoa học trọng đại quốc gia đẩy mạnh toàn diện mở cửa chia sẻ không rào cản hướng tới các trường đại học và viện nghiên cứu, kiên quyết không thu nhận thu bất kỳ khoản chi phí phát sinh nào trái quy định.

19 nét

HÁN VIỆT: THU THỦ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#734

收养

shōu yǎng

nhận nuôi, nuôi dưỡng con nuôi/ động vật

国家民政部门全面完善困境儿童与孤儿合法收养登记法律流程，切实保障被收养未成年人的合法权益与健康成长。

Guó jiā mǐn zhèng bù mén quán miàn wán shàn kùn jìng ér tóng yǔ gū ér hé fǎ shōu yǎng dēng jì fǎ lǚ liú chéng, qiè shí bǎo zhàng bèi shōu yǎng wèi chéng nián rén de hé fǎ quán yǐ yǔ jiàn kāng chéng zhǎng.

Cơ quan dân chính quốc gia hoàn thiện toàn diện quy trình pháp lý đăng ký nhận nuôi hợp pháp trẻ em mồ côi và trẻ có hoàn cảnh khó khăn, bảo vệ thực chất sức khỏe lớn lên và quyền lợi ích hợp pháp của trẻ vị thành niên được nhận nuôi nuôi dưỡng.

25 nét

HÁN VIỆT: THU DƯỠNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#735

手续费

shǒu xù fèi

phí thủ tục, lệ phí dịch vụ hành chính

政务服务大厅推行涉企高新技术行政审批全程免收手续费便民政策，持续优化一流营商环境。

Zhèng wù fú wù dà tīng tuī xíng shè qǐ gāo xīn jì shù xíng zhèng shēn pī quán chéng miǎn shōu shǒu xù fèi biān mǐn zhèng cè, chí xù yōu huà yì liú yíng shāng chuāng xīn huán jīng.

Đại sảnh dịch vụ hành chính công thực thi chính sách tiện dân miễn thu phí thủ tục lệ phí dịch vụ toàn trình thẩm định phê duyệt hành chính công nghệ cao liên quan đến doanh nghiệp, liên tục tối ưu hóa môi trường đối mới sáng tạo kinh doanh hàng đầu.

35 nét

HÁN VIỆT: THỦ TỤC PHÍ

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian / Số lượng

#736

首次

shǒu cì

lần đầu tiên, lần đầu, chuyển đầu tiên

我国深空探测器在人类历史上首次成功实现了在月球背面着陆巡视与自动采样返回地球的伟大历史创举。

Wǒ guó shēn kōng tàn cè qì zài rén lèi lì shǐ shàng shǒu cì chéng gōng shí xiàn le zài yuè qiú bèi miàn zhuó lù xún shì yǔ zì dòng cái yàng fǎn huí dì qiú de wēi dà lì shǐ chuàng jǔ.

Tàu thám trắc không gian sâu của nước ta lần đầu tiên lần đầu trong lịch sử nhân loại đã thực hiện thành công kỳ tích lịch sử vĩ đại: đáp tuần tra trên mặt sau Mặt Trăng và tự động lấy mẫu vật mang trở về Trái Đất.

28 nét

HÁN VIỆT: THỦ THỨ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#737

首脑

shǒu nǎo

nguyên thủ, người đứng đầu, nhà lãnh đạo cấp cao

在二十国集团领导人峰会上，多国国家首脑就共同推进全球绿色低碳转型与科技合作达成了广泛共识。

Zài èr shí guó jī tuán lǐng dǎo rén fēng huì shàng, duō guó guó jiā shǒu nǎo jiù gòng tóng tuī jìn quán qiú lǜ sè dī tàn zhuǎn xíng yǔ kē jì hé zuò dá chéng le guǎng fàn gòng shí.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh Các Nhà Lãnh đạo Nhóm G20, các nhà lãnh đạo nguyên thủ đứng đầu nhiều quốc gia đã đạt được nhận thức chung rộng rãi về việc cùng thúc đẩy hợp tác khoa học công nghệ và chuyển đổi xanh ít phát thải carbon toàn cầu.

23 nét

HÁN VIỆT: THỦ NÃO

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#738

首席

shǒu xī

chủ nhiệm, trưởng (chuyên gia/nhà khoa học/ghé đầu)

国家重点基础研究发展计划首席科学家带领多学科攻坚团队，在微观拓扑量子物理前沿取得了奠基性突破。

Guó jiā zhòng diǎn jiàn yǎng fā zhǎn jì chǔ yán jiū fǎ zhǎn jì huà shǒu xī kē xué jiā dài lǐng duō xué kē gōng jiān tuán duì, zài wēi guān tuō pǔ liàng zǐ wù lǐ qián yán qū dé le diǎn jī xīng tú pò.

Nhà khoa học trưởng chủ nhiệm Kế hoạch Phát triển Nghiên cứu Cơ bản Trọng điểm Quốc gia đã dẫn dắt nhóm vượt khó đa ngành học, đạt được đột phá mang tính đặt nền móng trên ranh giới tiên phong vật lý lượng tử tổ-pô vi mô.

23 nét

HÁN VIỆT: THỦ TỊCH



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#739

首相

shǒuxiàng

thủ tướng (trong chế độ quân chủ lập hiến)

在国际多边科技创新大会期间，多国高级代表与外国首相就深化跨国大科学装置合作展开了建设性对话。

Zài guó jì duō biān kē jì chuàng xīn dà huì qī jiān, duō guó gāo jí dài biǎo yǔ wài guó shǒu xiàng jiù shēn huà kuà guó dà kē xué zhǔāng zhī hé zuò zhān kāi le jiàn shè xìng duì huà.

Trong thời gian diễn ra Đại hội Đổi mới Sáng tạo Khoa học Công nghệ Đa phương Quốc tế, các đại biểu cấp cao nhiều nước và thủ tướng nước ngoài đã triển khai đối thoại mang tính xây dựng về việc đi sâu hợp tác thiết bị khoa học lớn xuyên quốc gia.

📖 28 nét

HÁN VIỆT: THỦ TƯỚNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#740

书房

shūfáng

phòng đọc sách, phòng làm việc tại nhà

在老一辈战略科学家的朴素书房里，满屋的书架上整整摆满了泛黄的手写学术手稿与经典科技文献。

Zài lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā de pǔ sù shū fáng lǐ, mǎn wū de shū jiǎ shàng zhěng zhěng qí qí bǎi mǎn le fàn huáng de shǒu xiě xué shù shǒu gǎo yǔ jīng diǎn kē jì wén xiàn.

Bên trong phòng làm việc tại nhà phòng đọc sách mộc mạc của nhà khoa học chiến lược tiền bối, khắp các giá sách trong phòng xếp đầy ngăn nắp những bản thảo học thuật viết tay ó vàng cùng các văn hiến khoa học kỹ thuật kinh điển.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: THƯ PHÒNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#741

薯片

shǔpiàn

khoai tây chiên lát giòn, bim bim khoai tây

生态现代绿色农业示范基地选用优质高淀粉富硒马铃薯，经过低温真空脱水工艺制成零反式脂肪酸健康酥脆薯片。

Shēng tài xiàn dài lǜ sè nóng yè shì fàn jī dì xuǎn yòng yōu zhì gāo diàn fēn fù xī mǎ líng shǔ, jīng guò dī wēn zhēn kōng tuō shuǐ gōng yì zhì chéng líng fǎn shì zhǐ fáng suǎn jiàn kàng sù cuī shǔ piàn.

Khu căn cứ trình diễn nông nghiệp xanh hiện đại sinh thái lựa chọn khoai tây giàu selen hàm lượng tinh bột cao chất lượng cao, trải qua công nghệ khử nước chân không nhiệt độ thấp chế biến thành những lát khoai tây chiên giòn khoai tây chiên lát giòn lạnh mạnh không chứa axit béo chuyển hóa.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: THỰC PHẨM

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#742

薯条

shǔtiáo

khoai tây chiên cộng, khoai tây chiên que

现代生态食品加工科技利用智能控温空气油炸锁鲜技术，让传统香脆薯条大幅降低了油脂含量与丙烯酰胺生成。

Xiàn dài shēng tài shí pǐn jiā gōng kē jì lì yòng zhì néng kòng wēn kōng qì zhā kǎo suǒ xiān jì shù, ràng chuán tǒng xiāng cuī shǔ tiáo dà fú jiàng dī le yóu zhǐ hán liàng yǔ bǐng xì xiān àn shēng chéng.

Công nghệ chế biến thực phẩm sinh thái hiện đại ứng dụng công nghệ khóa tươi nướng chiên không dầu kiểm soát nhiệt độ thông minh, giúp món khoai tây chiên cộng khoai tây chiên que giòn thơm truyền thống giảm mạnh hàm lượng dầu mỡ và sự sản sinh acrylamide.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: THỰC ĐIỀU

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#743

双打

shuāngdǎ

đánh đôi, thi đấu đôi (thể thao)

在世界机器人创新竞技大赛多机双打协同对抗项目中，两台智能仿生机器人凭借高带宽毫秒级互联配合默契夺冠。

Zài shì jiè jī qì rén chuàng jì jìng jì dà sài duō jī shuāng dǎ xié tóng duì kàng xiàng mù zhōng, liǎng tái zhì néng fǎng shēng jī qì rén píng jié gāo dài kuān háo miǎo jī hù lián pèi hé mò qì duó guān.

Tại nội dung thi đối kháng hiệp đồng đánh đôi thi đấu đôi nhiều máy của Cuộc thi Thi đấu Đổi mới Sáng tạo Robot Thế giới, hai robot phỏng sinh học thông minh nhờ vào kết nối băng thông cao cấp độ mili-giây đã phối hợp ăn ý đoạt ngôi quán quân.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: SONG TÁ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#744

爽

shuǎng

mát mẻ

老师鼓励大家积极爽，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shuǎng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực mát mẻ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: SẢNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#745

水泥

shuǐní

xi măng, vật liệu xây dựng xi măng

我国现代水泥建材工业加快绿色低碳转型，研发成功了超低能耗超高强度的特种海洋工程硅酸盐水泥。

Wǒ guó xiàn dài shuǐ ní jiàn cái gōng yè jiā kuài lǜ sè dī tàn zhuǎn xíng, yán fā chéng gōng le chāo dī néng hào chāo gāo qiáng dù tè zhǒng hǎi yáng gōng chéng guǐ suān yán shuǐ ní.

Nghành công nghiệp vật liệu xây dựng xi măng hiện đại nước ta đẩy nhanh chuyển dịch xanh ít phát thải carbon, nghiên cứu chế tạo thành công loại xi măng silicat công trình biển đặc chủng có cường độ siêu cao và tiêu hao năng lượng siêu thấp.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: THỦY NÊ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#746

税

shuì

thuế, thuế quan, tiền thuế nhà nước

国家全面落实高新技术企业所得税大幅优惠与研发费用加计扣除政策，极大激发了企业自主创新活力。

Guó jiā quán miàn luò shí gāo xīn jì shù qì yè suǒ dé shuì dà fú yōu huì yǔ yán fā fèi yòng jiā jì kòu chú zhèng cè, jí dà jī fā le qì yè zì zhủ chuàng xīn huó lì.

Nhà nước thực thi toàn diện chính sách khấu trừ thêm chi phí R&D và ưu đãi giảm mạnh tiền thuế thuế thu nhập doanh nghiệp công nghệ cao mới, khơi dậy mạnh mẽ sức sống đổi mới sáng tạo tự chủ của doanh nghiệp.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: THUẾ

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ / Giới từ

#747

顺

shùn

thuận lợi, thuận sẽ; thuận theo; nhân tiện xuôi theo

我们要顺应全球新一轮科技革命和产业变革历史大势，抢抓战略机遇，全面推进高水平科技自立自强。

Wǒ men yào shùn yīng quán qiú xīn yī lún kē jì gé míng hé chǎn yè biàn gé lì shǐ dà shì, qiǎng zhuā zhàn lüè jī yù, quán miàn tuī jìn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng.

Chúng ta phải thuận theo xu thế lớn lịch sử của cuộc cách mạng công nghiệp và cách mạng khoa học công nghệ mới trên toàn cầu, nắm bắt thời cơ chiến lược, thúc đẩy toàn diện tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao một cách xuôi sẽ thuận lợi.

📖 10 nét

HÁN VIỆT: THUẬN



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#748

说明书

shuōmíngshū

sách hướng dẫn sử dụng, bản
thuyết minh hướng dẫn

该型号完全自主研发制造的高精度科研仪器
附带了详尽严谨的中英文对照技术说明书与
操作规范手册。

Gāi xíng hào wán quán zì yǎn fā zhì zào de
gāo jīng dù kě yán yí qì fù dài le xiáng jìn yǎn jīn
de zhōng yīng wén duì zhào jì shù shuō míng shū
yǔ cāo zuò guī fǎn shǒu cè.

Thiết bị nghiên cứu khoa học độ chính xác
cao do nước nhà hoàn toàn tự chủ nghiên
cứu chế tạo này đi kèm theo bản thuyết minh
hướng dẫn sách hướng dẫn sử dụng kỹ thuật
và sổ tay quy phạm thao tác đối chiếu Trung
- Anh chi tiết nghiêm cẩn.

📖 29 nét

HÁN VIỆT : THUYẾT MINH THƯ

HSK 6 (3.0)

Cụm từ / Phó từ

#749

说实话

shuō shíhuà

nói thật lòng, thành thật mà nói, thú
thật

老院士在青年科学家座谈会上坦诚勉励大
家：“说实话，真正的颠覆性原创成果从来
都是在坐冷板凳中熬出来的！”

Lǎo yuàn shì zài qīng nián kē xué jiā zuò tán huì
shàng tǎn chéng miǎn lì dà jiā : "shuō shí huà,
zhēn zhèng de diǎn fù xīng yuán chuàng chéng
guǒ cóng lái dōu shì zài zuò lěng bǎn dēng
zhōng áo chǒu lái de!"

Vị viện sĩ lão thành tại buổi tọa đàm các nhà
khoa học trẻ đã chân thành khích lệ mọi
người: 'Nói thật lòng thành thật mà nói, các
thành quả nguyên tác mang tính cách mạng
thực sự xưa nay đều là tôi rèn ra từ những
tháng ngày ngồi ghế băng lạnh!'

📖 30 nét

HÁN VIỆT : THUYẾT THỰC THOẠI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#750

司长

sīzhǎng

vụ trưởng, cục trưởng cấp vụ cục

国家科技部基础研究司司长在全国科技创新
大会专题论坛上深度解读了国家中长期前沿
基础科学战略规划布局。

Guó jiā kē jì jī chū yán jiū sī sī zhǎng zài quán
guó kē jì chuāng xīn dà huì zhuān tí lùn tán shàng
shēn dù jiě dú le guó jiā zhōng cháng qián yán
jī chū kē xué zhàn lüè guī huà bù jú.

Vụ trưởng Vụ Nghiên cứu Cơ bản Bộ Khoa
học và Công nghệ Quốc gia tại diễn đàn
chuyên đề Đại hội Đổi mới Sáng tạo Khoa
học Công nghệ Toàn quốc đã diễn giải sâu
sắc về bố cục quy hoạch chiến lược khoa
học cơ bản tiên phong trung và dài hạn quốc
gia.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : TÌ TRƯỞNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#751

死亡

sǐ wáng

tử vong, cái chết, diệt vong

重大公共卫生应急防控体系与重症监护技术
持续升级，大幅降低了突发严重急性传染病的
重症率与死亡率。

Zhòng dà gōng gòng yìng fáng kòng tǐ yǔ zhòng zhèng jiàn hù jì shù chí xù
shēng jí, dà fú jiàng dī le tū fā yán zhòng jí xìng
chuán rǎn bìng de zhòng zhèng lǜ yǔ sǐ wáng lǜ.

Hệ thống phòng chống ứng phó khẩn cấp y
tế công cộng trọng đại cùng công nghệ hồi
sức tích cực liên tục được nâng cấp, giảm
thiểu vượt bậc tỷ lệ bệnh nặng và tỷ lệ tử
vong do các bệnh truyền nhiễm cấp tính
nguy hiểm đột xuất.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : TỬ VONG

HSK 6
(3.0)Danh từ chỉ nơi chốn /
Phó từ

#752

四处

sìchù

bốn phương tám hướng, khắp nơi,
tứ phía

在广袤的大科学装置试验基地周围，四处可
见郁郁葱葱的生态防护林带与欢快嬉戏的野
生珍稀鸟类。

Zài guǎng mào de dà kē xué zhuāng zhì shì yàn jī
dì zhōu wéi, sì chù kě jiàn yù yù cōng cōng de
shēng tài fáng hú lín dài yǔ huān kuài xī xì de yě
shēng zhēn xī niǎo lèi.

Xung quanh khu căn cứ thử nghiệm thiết bị
khoa học lớn bao la, tứ phía khắp nơi bốn
phương tám hướng đều có thể nhìn thấy
những loài chim quý hiếm hoang dã đang vui
vẻ kiếm ăn và vành đai rừng phòng hộ sinh
thái xanh tươi tốt ngút ngàn.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : TỨ XƯ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#753

寺

sì

chùa, chùa chiền Phật tự

拥有千年历史的古寺古建筑群全面应用了现
代红外热成像无损检测与智慧消防阻燃系
统，实现了永久性活态保护。

Yǒng yǒu qiān nián lì shǐ de gǔ sì gǔ jiàn zhù qún
quán miàn yīng yòng le xiān dài hóng wài rè
chéng xiàng wú sǔn jiǎn cè yǔ zhì huì xiāo fáng
zǔ rán xì tǒng, shí xiàn le yǒng jiǔ xìng huó tài bǎo
hù.

Quần thể kiến trúc cổ chùa chiền ngôi chùa
có bề dày lịch sử ngàn năm đã ứng dụng
toàn diện hệ thống phòng cháy chữa cháy
chống cháy thông minh và kiểm tra không
phá hủy bằng hình ảnh nhiệt hồng ngoại hiện
đại, thực hiện việc bảo tồn sống động vĩnh
cửu.

📖 13 nét

HÁN VIỆT : TỰ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#754

送礼

sònglǐ

tặng quà, biếu quà, đưa quà cáp

科技学术界严格恪守中央八项规定精神，坚
决杜绝任何以学术交流为名搞公款送礼与拉
帮结派的不良风气。

Kē jì xué shù jiè yán gé kè kè zhōng yāng guān
dìng jīng shén, jiān jué dù jué rèn hé yǐ
xué shù jiāo liú wéi míng gǎo gōng kuǎn sòng lǐ
yǔ lā bāng jié pài de bù liáng fēng qì.

Giới học thuật khoa học công nghệ tuân thủ
ng nghiêm ngặt tinh thần Tám quy định của
Trung ương, kiên quyết chấm dứt mọi thói hư
tật xấu bè phái kéo cánh và dùng công quỹ
biếu quà tặng quà dưới danh nghĩa giao lưu
học thuật.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : TẶNG LỄ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#755

送行

sòng xíng

tiễn đưa, tiễn chân lên đường

在酒泉卫星发射中心问天阁前，全体科研人
员与各界群众齐聚一堂，热烈为即将出征太
空的航天员乘组送行。

Zài jiǔ quán wèi xīng fā shè zhōng xīn wèn tiān
gé qián, quán tǐ kē yán rén yuán yǔ gè jiè qún
zhòng qí jù yì táng, rè liè wéi jí jiāng chū zhēng tài
kōng de háng tiān yuán chéng zǔ sòng xíng.

Trước Văn Thiên Các của Trung tâm Phóng Vệ
tinh Tửu Tuyền, toàn thể cán bộ nghiên cứu
khoa học cùng đồng đạo các giới quần
chúng nhân dân đã tề tựu đông đủ, nồng
nhiệt tiễn chân tiễn đưa phi hành đoàn chuẩn
bị xuất trận bay vào không gian.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : TẶNG HÀNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#756

素质

sù zhì

tố chất, phẩm chất trình độ năng
lực tổng hợp

全面深化基础教育综合改革，大力推进素质
教育，着力培养德智体美劳全面发展的社会
主义建设者和接班人。

Quán miàn shēn huà jī chū jiào yù zōng hé gāi
gé, dà lì tuī jìn sù zhì jiào yù, zhù lì péi yāng dé
zhì tǐ měi láo quán miàn fā zhǎn de shè huì huì zhù yì
jiàn shè zhě hé jiē bàn rén.

Đi sâu cải cách tổng hợp giáo dục cơ bản
toàn diện, đẩy mạnh giáo dục tố chất phát
triển toàn diện, tập trung bồi dưỡng những
người xây dựng và người kế tục sự nghiệp
chủ nghĩa xã hội phát triển toàn diện cả Đức -
Trí - Thể - Mỹ - Lao.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : TỐ CHẤT


HSK 6 (3.0)

Cụm từ / Thán từ

#757

算了

suàn le

thôi vậy, bỏ qua đi, xem như xong

面对科研攻关初期数次实验参数偏差失败，总设计师勉励大家：“探索未知绝不能轻言算了放弃，必须找出症结重来！”

Miàn duì kē yán gōng guān chū qī shù cì shí yàn cān shù piān chā shī bài, zǒng shè jì shī miǎn lì dà jiā: "tàn suǒ wèi zhī jué bù néng qīng yán suàn le fàng qì, bì xū zhǎo chū zhēng jié zhòng lái!"

Đứng trước vài lần thất bại do sai lệch thông số thực nghiệm thời kỳ đầu nghiên cứu khoa học, vị tổng công trình sư thiết kế đã khích lệ mọi người: "Khám phá thể giới vô định tuyệt đối không thể dễ dàng buông xuôi nói câu thôi vậy từ bỏ, bắt buộc phải tìm ra nút thắt để làm lại từ đầu!"

27 nét

HÁN VIỆT: TOÁN LIỄU

HSK 6 (3.0)

Động từ / Phó từ

#758

算是

suàn shì

coi như là, tính là, cũng coi là

经过昼夜连续高强度调试，超导加速腔主控系统终于全部达到物理设计指标，大家心里的石头算是落了地。

Jīng guò zhòu yè lián xù gāo qiáng dù tiáo shì, chāo dǎo jiǎ suǒ jiāng zhǔ kòng xì tǒng zhōng yú quán bù dǎ dào wù lǐ shè jì zhǐ biāo, dà jiā xīn lǐ de shí tou suàn shì là le dì.

Trải qua các đợt hiệu chỉnh cường độ cao liên tục ngày đêm, toàn bộ hệ thống điều khiển chính buồng gia tốc siêu dẫn cuối cùng đã đạt tất cả các chỉ tiêu thiết kế vật lý, hòn đá tảng trong lòng mọi người coi như là tính là đã rơi xuống đất an tâm.

22 nét

HÁN VIỆT: TOÁN THỊ

HSK 6 (3.0)

Liên từ

#759

虽

suī

tuy, tuy rằng, mặc dù

前沿基础探索之路虽漫长崎岖、布满荆棘，但广大青年学者始终怀揣科学强国梦想勇往直前。

Qián yán jī chǔ yán jiū tàn suǒ zhī lù suī màn cháng qí qū, bù mǎn jīng jī, dàn guāng dà qīng nián xué zhě shǐ zhōng huái chuí kē xué qiáng guó mèng xiǎng yǒng wǎng zhí qián.

Con đường khám phá nghiên cứu cơ bản tiên phong tuy tuy rằng dài dằng dặc gặp ghềnh và giăng đầy chông gai, nhưng đông đảo các học giả trẻ tuổi vẫn luôn ôm trọn ước mơ dùng khoa học xây dựng đất nước giàu mạnh để đứng cảm tiến lên phía trước.

11 nét

HÁN VIỆT: TUY

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#760

岁数

suì shù

tuổi tác, số tuổi đời

老一辈功勋科学家虽然岁数已高，但依然心系国家科技发展前沿，经常深入实验室悉心指导青年学术骨干。

Lǎo yī bèi gōng xūn kē xué jiǎ suī rán suì shù yì gāo, dàn yī rán xīn xì guó jiā kē jì fā zhǎn qián yán, jīng cháng shēn rù shí yàn shì xīn zhǐ dǎo qīng nián xué shù gǔ gàn.

Các nhà khoa học có công lao tiến bối tuy số tuổi đời tuổi tác đã cao, nhưng vẫn một lòng hướng về ranh giới tiên phong phát triển khoa học công nghệ của đất nước, thường xuyên đi sâu vào phòng thí nghiệm tận tâm chỉ bảo các cán bộ nòng cốt học thuật trẻ tuổi.

21 nét

HÁN VIỆT: TUẾ SỐ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#761

塔

tǎ

tháp, ngọn tháp đài tháp, tháp truyền hình/phát sóng

在我国沙漠太阳能光热发电示范基地，数百米高的中心集热塔在万面定日镜环绕下犹如耀眼的太阳之塔。

Zài wǒ guó shā mò tài yáng néng guāng rè fā diǎn shì chǎng zhōng xīn jí rè tā zài wàn miàn dìng rì jìng huán rào xià yóu rú yào yǎn de tài yáng zhī tǎ.

Tại căn cứ trình diễn phát điện nhiệt mặt trời sa mạc của nước ta, ngọn tháp tháp thu nhiệt trung tâm cao hàng trăm mét dưới sự bao quanh của vạn tấm gương phản xạ định nhật tựa như ngọn tháp mặt trời lóa mắt.

10 nét

HÁN VIỆT: THÁP

HSK 6 (3.0)

Động từ

#762

踏

tà

giẫm, bước lên, đặt chân tới; vững chắc (tàshì)

青年科学家脚踏实地、仰望星空，把求真务实的治学精神融入到了每一项国家重大课题攻坚之中。

Qīng nián kē xué jiǎ jiǎo tà shí dì, yǎng wàng xīng kōng, bǎ qiú zhēn wú shí de zhì xué jīng shén róng rù dào le měi yí xiàng guó jiā zhòng dà kē tí gōng gōng jiān zhī zhōng.

Các nhà khoa học trẻ tuổi chân đạp đất bằng bước lên vững chắc, ngưỡng nhìn trời sao, hòa quyện tinh thần làm học vấn cầu thị thực chất vào trong từng trận đánh vượt khó để tài trọng đại quốc gia.

10 nét

HÁN VIỆT: ĐẠP

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#763

踏实

tǎ shí

vững tâm, an tâm, chắc chắn thiết thực

当代青年科技人才当秉持严谨求实、脚踏实地的治学态度，一步一个脚印在基础科学前沿深耕细作。

Dāng dài qīng nián kē jì rén cái dāng bǐ chí yán jǐn qiú shí, jiǎo tà shí dì de zhì xué tài dù, yí bù yí gè jiǎo yìn zài jī chǔ kē xué qián yán shēn gēng xì zuò.

Nhân tài khoa học công nghệ trẻ đương đại cần giữ vững thái độ làm việc học thuật chắc chắn thiết thực chân đạp đất vững vàng và nghiêm cần cầu thị, từng bước một in dấu chân cây sâu cuốc bẫm nơi tuyến đầu khoa học cơ bản.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐẠP THỰC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#764

台灯

táidēng

đèn bàn, đèn học để bàn

深夜的科研楼办公室内，老院士桌前的那一盏护眼全光谱台灯依然亮着，他在专注地审阅青年团队的研究报告。

Shēn yè de kē yán lóu bàn gōng shì nèi, lǎo yuàn shì zhūo qián de nà yī zhǎn hǎn yǎn quán guāng pǔ tái dēng yī rán liàng zhe, tā zài zhuān zhù di shēn yuē qīng nián tuán duì de yán jiū bào gào.

Bên trong văn phòng tòa nhà nghiên cứu khoa học đêm khuya, chiếc đèn học để bàn đèn bàn toàn quang phổ bảo vệ mắt trước bàn của vị viện sĩ lão thành vẫn sáng rực, ông đang chăm chú duyệt xem báo cáo nghiên cứu của nhóm nghiên cứu trẻ tuổi.

27 nét

HÁN VIỆT: ĐÀI ĐĂNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#765

太阳能

tàiyángnéng

năng lượng mặt trời, điện mặt trời

新一代钙钛矿叠层高效太阳能电池的光电转换效率突破了世界最高纪录，展现出广阔的新能源应用前景。

Xīn yí dài gài tài kuàng dié céng gāo xiào tài yáng néng diàn chí de guāng diàn zhuàn huàn xiào lǜ tú pò le shì jiè zuì gāo jì lù, zhǎn xiàn chǔ guāng kuò de lǜ sè xīn néng yuán yīng yòng qián jǐng.

Hiệu suất chuyển đổi quang điện của pin năng lượng mặt trời điện mặt trời hiệu quả cao xếp lớp perovskite thế hệ mới đã phá vỡ kỷ lục cao nhất thế giới, phổ biến triển vọng ứng dụng năng lượng mới xanh rộng mở.

32 nét

HÁN VIỆT: THÁI DƯƠNG NĂNG



HSK 6 (3.0)

Động từ

#766

叹气

tàn qì

thở dài, than thở

面对科研攻关道路上的暂时困难与曲折，与其消极叹气抱怨，不如坚定信心、鼓足干劲攻坚克难。

Miàn duì kē yán gōng guān dào lù shàng de zàn shí kùn nán yǔ qū zhé, yǔ qí xiāo jí tàn qì bào yuàn, bù rú jiān dìng xìn xīn, gǔ zú gàn jìn gōng gōng jiān kè nán.

Đứng trước những khó khăn và trắc trở tạm thời trên con đường nghiên cứu khoa học, thay vì tiêu cực than thở thở dài oán trách, chỉ bằng hãy củng cố vững chắc niềm tin, dồn hết khí thế để vượt khó xung kích.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: THÁN KHÍ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#767

探索

tàn suǒ

khám phá, tìm tòi thám hiểm, sự khai phá

勇于探索未知宇宙奥秘与攀登世界科技高峰，是中华民族勇于创新、不断超越自我的宝贵精神品格。

Yǒng yú tàn suǒ wèi zhī yǔ zhòu ào mì yǔ pān dēng shì jiè kē jì gāo fēng, shì zhōng huá mín zú yǒng yú chuàng xīn, bù duàn chāo yuè zì wǒ de bǎo guì jīng shén pǐn gé.

Dũng cảm tìm tòi khám phá những bí ẩn của vũ trụ vô định và trèo lên đỉnh cao khoa học công nghệ thế giới là phẩm chất tinh thần quý giá dám đổi mới sáng tạo, không ngừng vượt lên chính mình của dân tộc ta.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: THẨM SÁCH

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#768

探讨

tàn tǎo

thảo luận, bàn bạc nghiên cứu trao đổi chuyên sâu

来自全球数十个国家的顶尖物理学家齐聚一堂，围绕暗物质探测与量子引力前沿理论展开深入严谨的学术探讨。

Lái zì quán qiú shù shí gè guó jiā de dīng jiān wù lǐ xué jiā qí jù yì táng, wéi rào àn wù zhì lì qián yán lǐ lùn zhān kāi shēn rù yán jīn de xué shù tàn tǎo.

Các nhà vật lý học hàng đầu đến từ hàng chục quốc gia trên toàn cầu đã tế tụ đồng đủ, xoay quanh các lý thuyết tiên phong về lực hấp dẫn lượng tử và thăm dò vật chất tối để triển khai thảo luận bàn bạc nghiên cứu học thuật sâu sắc và nghiêm cẩn.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: THẨM THẢO

HSK 6 (3.0)

Lượng từ

#769

趟

tàng

chuyến, lượt [lượng từ hành trình]

为了实地采集第一手珍贵古生物化石样本，科考团队冒着严寒特意专程赶赴极地考察了一趟。

Wèi le shí dì cái jí dì yī shǒu zhēn guì gǔ shēng wù huà shí yàng běn, kē kǎo tuán duì mào zhe yán hán tè yì zhuān chéng gǎn fú jì dì kǎo chá le yì tàng.

Để thu thập trực tiếp mẫu hóa thạch cổ sinh vật học quý giá tại thực địa, đoàn thám hiểm khoa học đã bất chấp giá rét lặn lội đến tận vùng cực một chuyến.

📖 10 nét

HÁN VIỆT: THÀNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#770

掏

tāo

móc ra, rút ra (từ túi/hốc); vét móc

在野外科考现场，地质学家从防震仪器箱中小心翼翼掏出超高灵敏度质谱探针进行原位检测。

Zài yě wài kē kǎo xiàn chǎng, dì zhì xué jiā cóng fáng zhèn yí qì xiǎng zhōng xiǎo xīn yì yì tāo chū chāo gāo lǐng mǐn dù zhǔ zhēn zhēn jìn xíng yuán wèi jiǎn cè.

Tại hiện trường khảo sát khoa học dã ngoại, nhà địa chất học cẩn thận rút ra móc ra đầu dò quang phổ khối độ nhạy cảm siêu cao từ trong hộp dụng cụ chống sốc để tiến hành kiểm tra tại chỗ.

📖 8 nét

HÁN VIỆT: ĐÀO

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Phó từ / Tiến tố

#771

特

tè

đặc biệt, riêng biệt; rất, cực kỳ (tèbié)

国家设立特区专项青年拔尖科学家发展基金，支持优秀科技英才在基础科学前沿开展自由探索攻关。

Guó jiā shè lì tè qū zhuān xiàng qīng nián bá jiān kē xué jiā fā zhān jī jīn, zhī chí yōu xiù kē jì yīng cái zài jī chǔ kē xué qián yán kāi zhān zì yóu tàn suǒ gōng guān.

Nhà nước thiết lập quỹ phát triển nhà khoa học xuất chúng trẻ tuổi chuyên án đặc khu đặc biệt, hỗ trợ các anh tài khoa học công nghệ xuất sắc triển khai các trận đánh vượt khó tìm tòi tự do trên ranh giới tiên phong khoa học cơ bản.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: ĐẶC

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#772

特大

tè dà

đặc biệt lớn, cực lớn, siêu lớn

我国成功建成了全球规模最大、抗震等级最高的超长跨海特大桥梁，创造了多项国际桥梁工程历史纪录。

Wǒ guó chéng gōng jiàn chéng le quán qiú guī mó zuì dà, kàng zhèn děng jí zuì gāo de chāo cháng kuà hǎi tè dà qiáo liáng, chuàng zào le duō xiàng guó jì qiáo liáng gōng chéng lì shǐ jì lù.

Nước ta đã xây dựng thành công cây cầu vượt biển siêu lớn đặc biệt lớn siêu dài có cấp độ kháng chấn cao nhất và quy mô lớn nhất toàn cầu, kiến tạo nên nhiều kỷ lục lịch sử công trình cầu đường quốc tế.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: ĐẶC ĐẠI

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#773

特地

tè dì

đặc biệt, cất công, dành riêng để

两院士特地深入青年科学家创新工作坊，就前沿量子纠缠测量实验中的技术瓶颈进行面对面深入指导。

Liǎng yuàn yuán shì tè dì shēn rù qīng nián kē xué jiā chuàng xīn gōng zuō fāng, jiù qián yán liàng zǐ jiū chán cè liáng shí yàn zhōng de jì shù píng jīng jìn xíng miàn duì miàn shēn rù zhǐ dǎo.

Các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm đã cất công đặc biệt đi sâu vào xưởng làm việc đổi mới sáng tạo các nhà khoa học trẻ, tiến hành chỉ đạo sâu sắc mặt đối mặt về các nút thắt công nghệ trong thực nghiệm đo đạc vướng víu lượng tử tiên phong.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: ĐẶC ĐỊA

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#774

特快

tè kuài

đặc biệt nhanh, hỏa tốc; tàu nhanh tốc hành

我国完全自主研发的新一代时速四百公里高速动车组特快列车在崇山峻岭间飞驰，树立了全球高铁技术新标杆。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de xīn yí dài shí sù sì bǎi gōng lǐ gāo sù dòng chē zǔ tè kuài liè chē zài chóng shān jùn lǐng jiān fēi chí, shù lì le quán qiú gāo tiě jì shù xīn biāo gān.

Đoàn tàu hỏa tốc đặc biệt nhanh tàu động lực cao tốc thế hệ mới vận tốc 400 km/h do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo lao vun vút giữa núi non trùng điệp, xác lập cột mốc tiêu chuẩn mới cho công nghệ đường sắt cao tốc toàn cầu.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: ĐẶC KHOÁI



HSK 6 (3.0)

Phó từ

#775

特意

tèyì

đặc biệt, cố công, có ý định riêng

两院士特意赶赴大科学装置施工一线，现场为青年科研攻关突击队解答超高真空密封核心技术难题。

Liǎng yuǎn yuǎn tè yì yǎn fù dà kē xué zhuāng zhì shī gōng yī xiàn, xiàn chǎng wéi qīng nián kē yán gōng guān tuán jǐ duì jī jiě dà cháo gāo zhēn kōng mì fēng hé xīn jī shù nán tí.

Các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm đã cố công đặc biệt tới hiện trường tuyến đầu thi công thiết bị khoa học lớn, trực tiếp giải đáp bài toán công nghệ then chốt hàn kín chân không siêu cao cho đội xung kích vượt khó nghiên cứu khoa học trẻ.

23 nét

HÁN VIỆT ĐẶC Ý

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#776

疼痛

téngtòng

đau đớn, cơn đau, cảm giác đau

新型生物相容性纳米微针给药贴片能够实现无感无疼痛透皮给药，极大改善了糖尿病患者们的日常治疗体验。

Xīn xíng shēng wù xiāng xìng nǎn mǐ wēi zhēn gēi yào tiē piàn néng gòu shí xiàn wú gǎn wú téng tòng tòu pí gēi yào, jí dà gǎi shàn le táng niáo bìng huàn zhě de rì cháng zhì liáo tǐ yàn.

Miếng dán phân phối thuốc kim siêu vi nano tương thích sinh học kiểu mới có thể thực hiện truyền thuốc qua da không cảm giác không đau đớn đau đớn, cải thiện vượt bậc trải nghiệm điều trị hàng ngày của bệnh nhân tiểu đường.

22 nét

HÁN VIỆT ĐÔNG THỐNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#777

踢

tī

đá (bóng)

我们下午去踢足球。
Wǒmen xiàwǔ qù tí zú qiú.
Buổi chiều chúng tôi đi đá bóng.

8 nét

HÁN VIỆT THÍCH

HSK 6 (3.0)

Động từ

#778

提交

tíjiāo

nộp, trình nộp, gửi đệ trình

攻关团队按期向国家科技评审委员会提交了详尽的高水平大科学装置一期物理工程综合验收总结报告。

Gōng guān tuán duì àn qī xiàng guó jiā kē jì píng shēn wéi yuán huì tí jiāo le xiáng jìn de gāo shuǐ píng dà kē xué zhuāng zhì yī qī wù lǐ gōng chéng zōng hé yàn shōu zōng jié bào gào.

Nhóm vượt khó đã trình nộp nộp đúng hạn báo cáo tổng kết nghiệm thu tổng hợp công trình vật lý giai đoạn một của thiết bị khoa học lớn trình độ cao chi tiết lên Hội đồng Thẩm định Khoa học Công nghệ Quốc gia.

18 nét

HÁN VIỆT ĐỀ GIAO

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#779

提升

tíshēng

nâng cao, nâng tầm, cải thiện
thăng tiến

我们要加快突破关键核心技术瓶颈，全面提升高科技产业链供应链的自主可控韧性与国际竞争力。

Wǒ men yào jiā kuài tú pò guān jiàn hé xīn jī shù píng jǐng, quán miàn tí shēng gāo kē jì chǎn yè liàn gōng ying liàn de zì zhǔ kě kòng rèn xìng yǔ guó jì jīng zhēng lì.

Chúng ta phải đẩy nhanh đột phá nút thắt công nghệ lõi then chốt, nâng cao năng tầm toàn diện sức cạnh tranh quốc tế và độ dẻo dai tự chủ kiểm soát của chuỗi cung ứng chuỗi ngành công nghệ cao.

22 nét

HÁN VIỆT ĐỀ THĂNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#780

天然

tiānrán

tự nhiên, thiên nhiên, trời sinh sẵn có

这片保存完好的国家原始热带雨林如同一座天然的物种基因宝库，孕育着数以万计珍贵珍稀动植物资源。

Zhè piàn bǎo cún wán hǎo de guó jiā yuán shǐ rè dài yǔ lín rú tóng yí zuò tiān rán de wù zhǒng jī yīn bǎo kù, yù yù zhāo shù yǐ wàn jì zhēn guì zhēn xī dòng zhī wù zī yuán.

Mảnh rừng mưa nhiệt đới nguyên sinh quốc gia được bảo tồn nguyên vẹn này tựa như một kho báu gen chủng loài tự nhiên thiên nhiên, nuôi dưỡng hàng vạn tài nguyên động thực vật quý hiếm vô giá.

23 nét

HÁN VIỆT THIÊN NHIÊN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#781

天堂

tiān táng

thiên đường, chốn bồng lai tiên cảnh

经过高标准生态保护与湿地综合治理，滇池与洱海重现了水清岸绿、万鸟翔集的“候鸟越冬天堂”胜景。

Jīng guò gāo biāo shēng tài bǎo hù yǔ shī dì zōng hé zhì lǐ, diàn chí yǔ ěr hǎi chóng xiàn le shuǐ qīng àn lǜ, wàn niǎo xiáng jí de "hòu niǎo yuè dōng tiān táng" shèng jǐng.

Trải qua việc bảo tồn sinh thái tiêu chuẩn cao và chỉnh trang tổng hợp đất ngập nước, hồ Điển Trì và Nhĩ Hải đã tái hiện thắng cảnh "Thiên đường trú đông của chim di cư" nước trong bờ xanh mát, muôn chim tụ hội bay lượn.

25 nét

HÁN VIỆT THIÊN ĐƯỜNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#782

天下

tiān xià

thiên hạ, đất trời, thế giới thiên hạ

胸怀天下、造福人类；中国科学家始终以开放包容的胸怀积极参与全球科技治理，贡献中国智慧与力量。

Xiōng huái tiān xià, zào fú rén lèi; zhōng guó kē xué jiā shǐ zhōng yǐ kāi fàng bāo róng de xiōng huái jī jí cān yù quán qiú kē jì zhì lǐ, gòng xiàn zhōng guó zhì huì yǔ lì liàng.

Mang trong tim thiên hạ đất trời, mưu cầu hạnh phúc cho nhân loại; các nhà khoa học Trung Quốc luôn bằng tấm lòng rộng mở bao dung tích cực tham gia vào quản trị khoa học công nghệ toàn cầu, đóng góp sức mạnh và trí tuệ Trung Quốc.

22 nét

HÁN VIỆT THIÊN HẠ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#783

添

tiān

thêm, thêm vào, bổ sung tăng thêm

我国重大前沿科学基础设施群的相继落成启用，为高水平科技自立自强增添了极其坚实的大科学底气。

Wǒ guó zhòng dà qián yán kē xué jī chǔ shè shī qún de xiāng jī luò chéng qǐ yòng, wéi gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng zēng tiān le jí jī jiān shí de dà kē xué dǐ qì.

Cụm cơ sở hạ tầng khoa học tiên phong trọng đại của nước ta lần lượt khánh thành đưa vào sử dụng đã tăng thêm bổ sung thêm nền tảng khoa học lớn vô cùng vững chắc cho tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao.

9 nét

HÁN VIỆT THIÊM



HSK 6 (3.0)

Động từ

#784

田

Tián

lĩnh vực

老师鼓励大家积极田，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tián, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực lĩnh vực, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT: ĐIỂN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#785

田径

tián jìng

điển kinh

老师鼓励大家积极田径，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tián jìng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực điển kinh, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐIỂN KÍNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#786

跳水

tiàoshuǐ

nhảy cầu (thể thao); lao dốc tụt giá

在世界游泳锦标赛跳水项目决赛中，中国青年跳水健儿凭借近乎完美的空中翻腾姿态勇夺男子双人十米台金牌。

Zài shì jiè yóu yǒng jīn biāo sài tiào shuǐ xiàng mù jué sài zhōng, zhōng guó qīng nián tiào shuǐ jiàn ér píng jiè jīn huì wán měi de kōng zhōng fān téng zī tài yǒng duó nán zǐ shuāng rén shí mǐ tái jīn pái.

Tại vòng chung kết nội dung nhảy cầu nhà cầu Giải Vô địch Bơi lội Thế giới, các vận động viên nhảy cầu trẻ tuổi Trung Quốc nhờ vào tư thế lộn nhào trên không gần như hoàn hảo đã xuất sắc đoạt huy chương vàng cầu cứng 10m đôi nam.

19 nét

HÁN VIỆT: KHIÊU THUY

HSK 6 (3.0)

Động từ

#787

听取

tīngqǔ

lắng nghe, tiếp thu ý kiến/báo cáo

国家科技领导小组深入一线重点实验室，认真听取战略科学家对未来前沿颠覆性技术发展方向的意见建议。

Guó jiā kē jì lǐng dǎo xiǎo zǔ shēn rù yī xiàn zhòng yào diǎn shí yán shì, rèn zhēn tīng qǔ zhàn lüè kē xué jiā duì wèi lái qián yán diǎn fù xing jì shù fā zhǎn fāng xiàng de yì jiàn jiàn yì.

Tổ Lãnh đạo Khoa học Công nghệ Quốc gia đã đi sâu vào các phòng thí nghiệm trọng điểm nơi tuyển đầu, chăm chú lắng nghe tiếp thu các ý kiến kiến nghị của các nhà khoa học chiến lược về phương hướng phát triển công nghệ mang tính cách mạng tiên phong trong tương lai.

18 nét

HÁN VIỆT: DẪN THỦ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#788

通报

tōngbào

thông báo, thông tri; bản thông báo tin tức

国家科技部定期向全社会公开通报科研诚信建设进展，依法严肃查处任何弄虚作假学术不端行为。

Guó jiā kē jì bù dìng qī xiàng quán shè huì gōng kāi tōng bào kē yán chéng xìn jiàn shè jìn zhǎn, yī fǎ yán sù chá chǔ rèng hé nuǒ yuǎn xué shù bù duān xíng wéi.

Bộ Khoa học và Công nghệ Quốc gia định kỳ công khai thông tri thông báo tới toàn xã hội về tiến triển xây dựng thành tín nghiên cứu khoa học, điều tra xử lý nghiêm túc theo pháp luật mọi hành vi sai trái học thuật làm giả dối trá.

20 nét

HÁN VIỆT: THÔNG BÁO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#789

通道

tōngdào

lối đi, hành lang, luồng đường hầm thông tuyến

连接两大核心经济区的大型跨海通道工程全线顺利贯通，极大提升了区域要素高效流动的互联互通水平。

Lián jiē liǎng dà hé xīn jīng jì qū de dà xíng kuà hǎi tōng dào gōng chéng quán xiàn shùn lì guān tōng, jí dà tí shēng le qū yù yào sù gāo xiào liú dòng de hù lián hù tōng shuǐ píng.

Công trình hành lang lối đi vượt biển quy mô lớn kết nối hai khu vực kinh tế cốt lõi đã thông tuyến thuận lợi toàn diện, nâng cao vượt bậc trình độ kết nối liên thông lưu chuyển hiệu quả cao của các yếu tố khu vực.

17 nét

HÁN VIỆT: THÔNG ĐẠO

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#790

通红

tōnghóng

đỏ rực, đỏ ửng, đỏ bừng bừng

经过数千度极端高温烧结炉淬炼，新型超耐高温碳化硅复合陶瓷构件在出炉瞬间通红发亮，坚不可摧。

Jīng guò shù qiān dù jí duān gāo wēn shāo jié lú cuī liàn, xīn xíng chāo nài gāo wēn tàn huà gōu fù hé táo cí gòu jiàn zài chū lú shùn jiān tōng hóng fā liàng, jiān bù kě cuī.

Trải qua tôi luyện trong lò thiêu kết nhiệt độ cực cao hàng ngàn độ, cấu kiện gốm composite silicon carbide siêu chịu nhiệt độ cao kiểu mới vào khuôn khắc ra khỏi lò đỏ rực đỏ ửng phát sáng, cứng cáp không thể phá vỡ.

17 nét

HÁN VIỆT: THÔNG HỒNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#791

通话

tōnghuà

nói chuyện điện thoại, đàm thoại liên lạc

我国成功实现了空间站航天员与地面控制中心高清双向实时视频通话，信号传输极其稳定流畅。

Wǒ guó chéng gōng shí xiàn le kōng jiān tiān yuán yǔ dì miàn kòng zhì zhōng xīn gāo qīng shuāng xiàng shí shí pín tōng huà, xìn hào chuán shū jí qí wěn dìng liú cháng.

Nước ta đã thực hiện thành công việc gọi video đàm thoại nói chuyện điện thoại hai chiều độ nét cao theo thời gian thực giữa các phi hành gia trên trạm vũ trụ với Trung tâm Điều khiển Mặt đất, tín hiệu truyền tải vô cùng mượt mà ổn định.

16 nét

HÁN VIỆT: THÔNG THOẠI

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#792

通行

tōngxíng

lưu thông, đi lại qua lại; thông hành phổ biến

现代化高铁车站全面启用无感智能人脸识别闸机，旅客凭身份证即可实现毫秒级快速通行进站。

Xiàn dài huà gāo tiě chē zhàn quán miàn qǐ yòng wú gǎn zhì néng rén liǎn shí bié zhà jī, lǚ kè píng shēn fèn zhèng jí kě shí xiàn miǎo miǎo jí kuài sù tōng xíng jìn zhàn.

Nhà ga đường sắt cao tốc hiện đại hóa đưa vào sử dụng toàn diện cổng soát vé nhận diện khuôn mặt thông minh không chạm, hành khách chỉ cần dùng căn cước công dân là có thể thực hiện lưu thông đi lại vào ga nhanh chóng cấp độ mili-giây.

20 nét

HÁN VIỆT: THÔNG HÀNH


HSK 6 (3.0)

Danh từ

#793

通讯

tōng xùn

thông tin liên lạc; truyền thông; bản tin phóng sự

第六代移动通信技术研发全面起步，将构建起空天地海一体化无缝覆盖的超高速泛在泛能通讯网络。

Dì liù dài yí dòng tōng xìn jì shù yán fā quán miàn qì bù, jiāng gòu jiàn qì kōng tiān dì hǎi yì tǐ huà wú fēng fù gài de chāo gāo sù fàn zài fàn néng tōng xùn wǎng luò.

Công tác nghiên cứu phát triển công nghệ thông tin di động thế hệ 6 (6G) đã khởi động toàn diện, sẽ xây dựng nên mạng lưới viễn thông vạn vật siêu tốc độ bao phủ liên mạch không gian - vũ trụ - đất liền - biển sâu.

19 nét

HÁN VIỆT : THÔNG TẤN

HSK 6 (3.0)

Giới từ / Tính từ / Đại từ

#794

同

tóng

cùng, cùng với; giống nhau; đồng lòng

我们要同世界各国顶尖科学家携手合作，共同应对气候变化与公共卫生等人类面临的全球性重大挑战。

Wǒ men yào tóng shì jiè gè guó dǐng jiān kē xué jiā xié shǒu hé zuò, gòng tóng yìng duì qí hòu biàn huàn yǔ gōng gòng wèi shēng děng rén lèi miàn lín de quán qiú xīng zhòng dà tiǎo zhàn.

Chúng ta phải cùng với các nhà khoa học hàng đầu các nước trên thế giới chung tay hợp tác, cùng nhau ứng phó với các thách thức trọng đại mang tính toàn cầu mà nhân loại đang đối mặt như y tế công cộng và biến đổi khí hậu.

13 nét

HÁN VIỆT : ĐỒNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#795

同胞

tóng bào

đồng bào, đồng bào ruột thịt cùng dòng máu

两岸同胞同根同源、同文同种，实现祖国完全统一是全体中华儿女的共同愿望与不可阻挡的历史必然。

Liǎng àn tóng bào tóng gēn tóng yuán, tóng wén tóng zhǒng, shí xiàn zǔ guó wán quán tǒng yī shì quán tǐ zhōng huá ér nǚ de gòng tóng yuàn wàng yǔ bù kě zǔ dǎng de lì shǐ bì rán.

Đồng bào hai bờ cùng chung cội nguồn, cùng chung văn hóa, cùng chung dòng giống, thực hiện thống nhất hoàn toàn Tổ quốc là nguyện vọng chung và tất yếu lịch sử không thể ngăn cản của toàn thể con em đất Việt / muốn dân.

27 nét

HÁN VIỆT : ĐỒNG BÀO

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#796

同期

tóng qī

cùng kỳ, cùng giai đoạn thời gian

最新统计数据显示，我国高技术制造业增加值与研发经费投入规模较去年同期相比均实现了大幅稳步增长。

Zuì xīn tǒng jì shù jù xiǎn shì, wǒ guó gāo jì shù zhì zào yè zēng jiā zhí yú yán fā jīng fèi tóu rù guī mó jiào qù nián tóng qī xiāng bǐ jūn shí xiàn le dà fú wěn bù zēng zhǎng.

Số liệu thống kê mới nhất cho thấy, quy mô đầu tư kinh phí nghiên cứu phát triển và giá trị gia tăng ngành chế tạo công nghệ cao nước ta so với cùng kỳ cùng thời gian năm ngoái đều thực hiện mức tăng trưởng mạnh mẽ vững chắc.

23 nét

HÁN VIỆT : ĐỒNG KỲ

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#797

同行

tóng háng

đồng nghiệp, người cùng ngành nghề; đi cùng (tóng xíng)

中国科学家在前沿物理领域的原创重大发现，赢得了全球学术同行的高度评价与广泛认同。

Zhōng guó kē xué jiā zài qián yán wù lǐ lǐng yù de yuán chuàng zhòng dà fā xiàn, yíng dé le quán qiú xué shù tóng háng de gāo dù píng jià yǔ guǎng fàn rèn tóng.

Những phát hiện trọng đại nguyên tác trong lĩnh vực vật lý tiên phong của các nhà khoa học Trung Quốc đã nhận được sự đánh giá rất cao và sự thừa nhận rộng rãi của các đồng nghiệp người cùng ngành học thuật toàn cầu.

25 nét

HÁN VIỆT : ĐỒNG HÀNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Số lượng

#798

同一

tóng yī

cùng một, cùng chung một

来自全球数十个不同国家的顶尖学者汇聚在同一个前沿学术交流大厅，共同探讨人类基础科学未来发展蓝图。

Lái zì quán qiú shù shí gè bù tóng guó jiā de dǐng jiā xué zhě huì jù zài zài tóng yī gē qián yán xué shù jiāo liú dà tīng, gòng tóng tàn tào rén lèi jī chǔ kē xué wèi lái fā zhǎn lán tú.

Các học giả hàng đầu đến từ hàng chục quốc gia khác nhau trên toàn cầu đã quy tụ tại cùng một cùng chung một đại sảnh giao lưu học thuật tiên phong, cùng bàn thảo bản đồ quy hoạch phát triển tương lai khoa học cơ bản nhân loại.

25 nét

HÁN VIỆT : ĐỒNG NHẤT

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#799

铜牌

tóng pái

huy chương đồng; biển đồng lưu niệm

在世界青年技能大赛精密机械加工项目中，我国青年大工匠顽强拼搏、斩获了一枚宝贵的铜牌。

Zài shì jiè qīng nián jì néng dà sài jīng mī jī xié jiǎ gōng xiàng mù zhōng, wǒ guó qīng nián dà gōng jiàng wán qiáng pīn bó, zhàn huò le yī méi bǎo guì de tóng pái.

Tại nội dung thi gia công cơ khí chính xác Cuộc thi Kỹ năng Thanh niên Thế giới, người thợ bậc thầy trẻ tuổi nước ta đã kiên cường thi đấu, giành được một tấm huy chương đồng huy chương đồng vô cùng quý giá.

16 nét

HÁN VIỆT : ĐỒNG BÀI

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#800

头疼

tóu téng

đau đầu, nhức đầu; đau đầu nan giải (việc khó)

攻关团队运用创新拓扑代数算法，成功解决了长期困扰超芯片设计工程师的信号串扰这一头疼难题。

Gōng guān tuán duì yùn yòng chuàng xīn tuō pǎi dà shù suàn fǎ, chéng gōng jiě jué le cháng qī kùn rǎo chāo chāo xīn piàn shè jì gōng chéng shì de xīn hào chuān rǎo zhè yī tóu téng nán tí.

Nhóm vượt khó ứng dụng thuật toán đại số tô-pô đổi mới sáng tạo, giải quyết thành công bài toán nan giải đau đầu nhức đầu về hiện tượng xuyên nhiễu tín hiệu vốn làm đau đầu các kỹ sư thiết kế chip siêu dẫn suốt thời gian dài.

23 nét

HÁN VIỆT : ĐẦU ĐỒNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#801

投票

tóu piào

bỏ phiếu, biểu quyết bầu cử

在全国人民代表大会全体会议上，数千名全国人大代表依法郑重投票表决通过了多部关乎国计民生的重要法律法规。

Zài quán guó rén mín dài biǎo dà huì quán tǐ huì yì shàng, shù qiān míng quán guó rén dà dài biǎo yī fǎ zhèng zhòng tóu piào biǎo jué tōng guò le duō bù guān yú guó jì mín shēng de zhòng yào fǎ lǜ fǎ guī.

Tại phiên họp toàn thể Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc (Quốc hội), hàng ngàn đại biểu Quốc hội theo quy định của pháp luật đã trình trọng bỏ phiếu biểu quyết thông qua nhiều bộ luật và văn bản quy phạm pháp luật trọng đại liên quan tới quốc kế dân sinh.

18 nét

HÁN VIỆT : ĐẦU PHIẾU


HSK 6 (3.0)

Động từ

#802

透露

tòulù

tiết lộ, hé lộ thông tin, cho biết

大科学工程总设计师在接受中外媒体专访时透露,我国下一代深空探测大型着陆器已全面进入样机总装阶段。

Dà kē xué gōng chéng zǒng shè jī shī zài jiē shòu zhōng wài méi tǐ zhuan fang shì tóu lù, wǒ guó xià yí dài shēn kōng tàn cè dà xíng zhuó lù qì yì quán miàn jìn rù yàng jī zǒng zhuāng jiē duàn.

Vị tổng công trình sư công trình khoa học lớn khi trả lời phỏng vấn độc quyền cơ quan báo chí truyền thông trong và ngoài nước đã hé lộ tiết lộ rằng thiết bị hạ cánh cỡ lớn thám trắc không gian sâu thế hệ tiếp theo của nước ta đã bước vào giai đoạn lắp ráp tổng thể mẫu thử nghiệm toàn diện.

22 nét

HÁN VIỆT: THẤU LỘ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#803

图书

túshū

sách báo, sách vở thư tịch

国家图书馆古籍数字特藏库全面推行古籍图书高清扫描共享,让海量珍贵传世科技文献惠及全社会学者。

Guó jiā tú shū guǎn gǔ jī shù zì tè cáng kù quán miàn tuī xíng gǔ jī tú shū gāo qīng sǎo miào gòng xiāng, ràng hǎi liàng zhēn guì chǎn shì kē jì wén xiàn huì jī quán shè huì xué zhě.

Kho lưu trữ đặc biệt kỹ thuật số sách cổ Thư viện Quốc gia đẩy mạnh toàn diện chia sẻ quét độ nét cao sách vở sách báo cổ thư tịch, giúp khối lượng khổng lồ văn hiến khoa học kỹ thuật truyền đời quý giá mang lại lợi ích cho toàn thể học giả trong xã hội.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐỒ THƯ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#804

徒弟

tú di

đồ đệ, học trò truyền nghề

全国劳动模范、数控加工特级技师将自己摸索数十年的超精密微孔加工绝活手把手倾囊传授给青年徒弟。

Quán láo mào fàn, shù kòng jiā gōng tè jī jī shī jiāng zì jǐ mō suǒ shù shí nián de chāo jīng mì wēi kǒng jiā gōng jué huó shòu bǎ shòu qīng náng chuán shòu gěi qīng nián tú di.

Chiến sĩ thi đua toàn quốc, kỹ thuật viên đặc cấp gia công điều khiển số đã cầm tay chỉ việc truyền dạy không giấu giếm tuyệt kỹ gia công lỗ vi mô siêu chính xác mà mình đúc kết hàng chục năm cho người học trò đồ đệ trẻ tuổi.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐỒ ĐỆ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#805

途径

tú jīng

con đường, lộ trình phương thức thực hiện

加快培育和发展新质生产力,是推动经济高质量发展与实现产业结构转型升级的核心战略途径。

Jiā kuài péi yù hé fá zhān xīn zhì shēng chǎn lì, shì tuī dòng jīng jì gāo zhì liàng fā zhǎn yú shí xiàn chǎn yè jié gòu zhuǎn xíng shēng jí de hé xīn zhàn lüè tú jīng.

Đẩy nhanh bồi dưỡng và phát triển lực lượng sản xuất chất lượng mới chính là con đường lộ trình chiến lược hạt nhân cốt lõi nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển chất lượng cao và thực hiện chuyển đổi nâng cấp cơ cấu ngành nghề.

18 nét

HÁN VIỆT: ĐỒ KÍNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#806

团队

tuánduì

đội ngũ, tập thể nhóm, đoàn đội

大科学工程攻坚团队发扬团结协作的大兵团作战精神,攻克了一道道被国外严密封锁的关键核心技术难关。

Dà kē xué gōng chéng gōng jiàn tuán duì fá yáng tuán jié xié zuò de dà bīng tuán zuò zhàn jīng shén, gōng kè le yī dào dào bèi guó wài yán mì fēng suǒ de guān jiàn hé xīn jī shù nán guān.

Đội ngũ đoàn đội tập thể nhóm vượt khó công trình khoa học lớn phát huy tinh thần tác chiến binh đoàn lớn đoàn kết hiệp đồng, chinh phục từng ải khó công nghệ lõi then chốt bị nước ngoài phong tỏa nghiêm ngặt.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐOÀN ĐỘI

HSK 6 (3.0)

Động từ

#807

推出

tuī chū

cho ra mắt, đưa ra thị trường, tung ra

我国科研机构成功推出全球首个全自主知识产权超大规模通用科学智能基础大模型,引发国际广泛关注。

Wǒ guó kē yán jī gòu chéng gōng tuī chū quán qiú shǒu gè quán zì zhǔ zhī shǐ chǎn quán chāo dà guī mó tōng yòng kē xué zhì néng jī chǔ dà mó xíng, yīn fā guó jì guāng fàn guān zhù.

Cơ quan nghiên cứu khoa học nước ta đã cho ra mắt tung ra đưa ra thị trường thành công mô hình nền tảng lớn trí tuệ khoa học đa năng quy mô siêu lớn sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoàn toàn tự chủ đầu tiên trên toàn cầu, thu hút sự dõi theo rộng rãi của quốc tế.

20 nét

HÁN VIỆT: SUI XUẤT

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#808

退票

tuì piào

trả vé, hoàn vé tàu xe/máy bay

铁路客运系统全面优化了线上退票与便捷改签规则,为广大旅客提供了更加人性化、智能化的出行服务保障。

Tiě lù kè yùn xì tǒng quán miàn yōu huà le xiàn shàng tuì piào yǔ biàn jié gǎi qiān guī zé, wèi guǎng dà lǚ kè tí gòng le gèng jiā rén xìng huà, zhì néng huà de chū xíng fú wù bǎo zhàng.

Hệ thống vận tải hành khách đường sắt đã tối ưu hóa toàn diện quy tắc đổi vé thuận tiện và trả vé hoàn vé trực tuyến, mang lại sự bảo đảm dịch vụ đi lại thông minh hóa nhân văn hơn cho đồng hành khách.

18 nét

HÁN VIỆT: THOẢI PHIẾU

HSK 6 (3.0)

Động từ

#809

吞

tūn

nuốt, nuốt chửng, thôn tính

在浩瀚深空探测研究中,科学家们通过超级计算机模拟重现了超大质量黑洞吞噬周边恒星物质的剧烈天体物理全过程。

Zài hào hàn shēn kōng tàn cè yán jiū zhōng, kē xué jiā men tōng guò chāo jí jī suàn jī mō nǐ chóng xiàn le chāo dà zhì liàng hēi dòng tūn shì zhōu biān héng xíng wù zhì dì jù liè tiān tǐ wù lǐ quán guò chéng.

Trong nghiên cứu thám trắc không gian sâu bao la, các nhà khoa học thông qua siêu máy tính mô phỏng đã tái hiện toàn bộ tiến trình vật lý thiên thể dữ dội khi hố đen khối lượng siêu lớn nuốt chửng nuốt vật chất ngôi sao xung quanh.

10 nét

HÁN VIỆT: THÔN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#810

托

tuō

nâng đỡ, đỡ lấy; nhờ vả ủy thác; để lót

长征系列重型运载火箭托举着神舟飞船呼啸升空,在浩瀚天穹划出一道绚丽耀眼的中国壮美航迹。

Cháng zhēng xì liè zhòng xíng yùn zài huò jiàn tuō jǔ zhē shén zhōu fēi chuán hū xiào shēng kōng, zài hào hàn tiān qióng huà chū yī yào dàn xuàn lì yào yàn de zhōng guó zhuàng měi háng jì.

Quả tên lửa đẩy hạng nặng dòng Trường Chinh nâng đỡ đỡ lấy con tàu vũ trụ Thần Châu gầm vang bay vút lên trời cao, vạch nên một vết đường bay Trung Quốc tráng lệ rực rỡ lửa mắt giữa vòm trời bao la.

12 nét

HÁN VIỆT: THÁC



HSK 6 (3.0)

Động từ

#811

拖

tuō

kéo, kéo lê; trì hoãn kéo dài

面对关键核心技术受制于人的严峻挑战，科技攻坚容不得任何拖延与等待，必须分秒必争抢占先机。

Miàn duì guān jiàn hé xīn jì shù shòu zhì yú rén de yán jùn tiào zhàn, kě jì gōng jiǎn róng bù dé rèn hé tuō yán yǔ děng dài, bì xū fēn miǎo bì zhēng qiǎng zhàn xiān jī.

Đứng trước thách thức gay gắt khi công nghệ lõi then chốt bị phụ thuộc vào người khác, vượt khó khoa học công nghệ không thể dung thứ cho bất kỳ sự trì hoãn kéo dài hay chớ dèi nào, bắt buộc phải tranh thủ từng phút từng giây giành lấy thời cơ dẫn đầu.

12 nét

HÁN VIỆT: THA

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#812

拖鞋

tuōxié

dép lê, dép đi trong nhà

空间站为航天员特制了配备微吸附高摩擦纳米底材的专用舱内拖鞋，确保在微重力环境下行走自如稳健。

Kōng jiān zhàn wèi háng tiān yuán tè zhì le pèi bèi wēi xī fù gāo mó cǎ nà mǐ dī cái de zhuān yòng cāng nèi tuō xié, què bǎo zài wēi zhòng lì huán jīng xià xíng zǒu zì rú wěn jiàn.

Trạm vũ trụ đã sản xuất riêng cho các phi hành gia đôi dép đi trong nhà dép lê chuyên dụng trong khoang trang bị để vật liệu nano ma sát cao vì hút dính, bảo đảm đi lại vững vàng tự do trong môi trường không trọng lực.

21 nét

HÁN VIỆT: THA HẢI

HSK 6 (3.0)

Động từ

#813

挖

wā

đào, bới, khai quật; đào bới khai thác

我们要深刻挖掘中华优秀传统文化的深厚内涵，为推进当代重大科技创新注入丰富精神养分与东方智慧。

Wǒ men yào shēn kè wā jué zhōng huá yōu xiù chuán tǒng kē xué wén huà de shēn hòu nèi hán, wèi tuī jìn dāng dài zhòng dà kē jì chuàng xīn zhù rù fēng fù jīng shén yǎng fèn yǔ dōng fāng zhì huì.

Chúng ta phải khai thác sâu sâu đào bới sâu sắc hàm nghĩa sâu thâm của văn hóa khoa học truyền thống xuất sắc Trung Hoa, tiếp thêm trí tuệ phương Đông và dưỡng chất tinh thần phong phú cho việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ trọng đại đương đại.

13 nét

HÁN VIỆT: OAT

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#814

娃娃

wá wa

em bé, con nít; búp bê

国家深入实施托育普惠工程，切实解决双职工家庭“带娃难”后顾之忧，让每一个娃娃都能在阳光下健康快乐成长。

Guó jiā shēn rù shí shǐ tuò yù pǔ huì gōng chéng, qiè shí jiě jué shuāng zhí gōng jiā tíng "dài wá nán" hòu gù zhī yōu, ràng měi yí gè wá wa dōu néng zài yáng guāng xià jiàn kāng kuài lè chéng zhǎng.

Nhà nước đã sâu thực thi dự án trông giữ trẻ mầm non bao trùm, giải quyết thiết thực nỗi lo lắng phía sau về 'khó khăn nuôi dạy em bé' của các gia đình cả hai vợ chồng đều đi làm, giúp mọi em bé con nít đều được lớn lên vui vẻ khỏe mạnh dưới ánh mặt trời.

28 nét

HÁN VIỆT: OA OA

HSK 6 (3.0)

Thán từ / Trợ từ

#815

哇

wa

oa, oa oa (tiếng khóc trẻ em, tiếng thốt ngạc nhiên)

当全尺寸深空航天器模拟舱在科技馆主展厅中央缓缓揭幕点亮时，全场参观的中小学生对不禁发出阵阵惊叹：“哇，太壮观了！”

Dāng quán chí cùn shēn kōng háng tiān qì mō nǐ cāng zài kǎi jì guǎn zhǔ zhǎn tīng zhōng yǎng huān huān jiē mǔ diǎn liàng shí, quán chāng cān guān de zhōng xiǎo xué shēng bù jīn fā chū zhēn jīng tàn: "wa, tài zhuàng guān le!"

Khi khoang mô phỏng tàu vũ trụ không gian sâu kích thước thực tại trung tâm sảnh triển lãm chính của Nhà triển lãm Khoa học Kỹ thuật từ từ hé mở và thấp sáng, các em học sinh phổ thông tham quan trên toàn hội trường đã không kìm được thốt lên những tiếng trầm trồ kinh ngạc: 'Oa, tráng lệ quá!'

11 nét

HÁN VIỆT: OA

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#816

外币

wàibì

ngoại tệ, tiền nước ngoài

国家金融管理部门持续提升外籍来华科学家与专家在境内使用外币兑换与移动支付的便利化水平。

Guó jiā jīn róng guǎn lǐ bù mén chí xù tí shēng wài jī lái huá kē xué jiā yǔ zhuān jiā zài jīng nèi shǐ yòng wài bì duì huàn yǔ yí dòng zhī fù de biàn lì huà shuǐ píng.

Cơ quan quản lý tài chính quốc gia liên tục nâng cao mức độ thuận tiện hóa của thanh toán di động và đổi ngoại tệ ngoại tệ trong nước dành cho các chuyên gia và nhà khoa học nước ngoài đến Trung Quốc.

22 nét

HÁN VIỆT: NGOẠI TỆ

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn / Tính từ

#817

外部

wàibù

bên ngoài, phía ngoài, ngoại vi

无论外部环境如何风云变幻，我们都要保持战略定力，坚定不移走中国特色自主创新道路。

Wú lùn wài bù huán jīng rú hé fēng yún biàn huàn, wǒ men dōu yào bǎo chí zhàn lüè dìng lì, jiǎn dìng bù yí zǒu zhōng guó tè sè zì zhǔ chuàng xīn dào lù.

Bất kể môi trường bên ngoài phía ngoài có biến động sóng gió dường nào, chúng ta đều phải giữ vững định lực chiến lược, kiên định không ngừng bước đi trên con đường tự chủ đổi mới sáng tạo mang đặc sắc Trung Quốc.

19 nét

HÁN VIỆT: NGOẠI BỘ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#818

外出

wàichū

đi ra ngoài, đi công tác xa, ra ngoài

极地科考队员在外出开展高风险冰川野外地质取样时，严格执行双人同行与实时卫星定位安全防范规范。

Jí dì kǎo dui yuán zài wài chū kǎi zhān gāo fēng xiǎn bīng chuān yě wài dì zhì qǔ yàng shí, yán gé zhí xíng shuāng rén tóng xíng wú quán shí wèi xíng dìng wèi ān quán fáng fàn guī fàn.

Các đội viên khảo sát khoa học vùng cực khi đi ra ngoài ra ngoài triển khai lấy mẫu địa chất dã ngoại trên sông băng có độ rủi ro cao thực hiện nghiêm ngặt quy phạm phòng ngừa an toàn định vị vệ tinh toàn thời gian và hai người cùng đi.

16 nét

HÁN VIỆT: NGOẠI XUẤT

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#819

外观

wàiguān

ngoại quan, diện mạo bên ngoài, hình thức bên ngoài

我国完全自主研发的新一代隐身战机外观线条流畅优美，兼具极致的气动减阻与超强隐身性能。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de xīn yí dài yīn shēn zhàn jī wài guān xiàn tiáo liú chàng yōu měi, jiān jù jí zhì de qì dòng jiǎn zǔ yǔ chāo qiáng yīn shēn xíng néng.

Đường nét diện mạo bên ngoài ngoại quan của dòng máy bay chiến đấu tàng hình thế hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo vô cùng mượt mà tuyệt mỹ, đồng thời sở hữu tính năng tàng hình siêu mạnh và giảm lực cản khí động học cực hạn.

16 nét

HÁN VIỆT: NGOẠI QUAN



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#820

外科

wàikē

khoa ngoại, ngoại khoa (phẫu thuật)

我国完全自主研发的国产高精度微创手术机器人成功辅助国家医学中心外科专家完成了复杂的脑部肿瘤切除手术。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā de guó chǎn gāo jīng dù wēi chuāng shù shù jī rén chéng gōng fù zhù guó jiā yī xué zhōng xīn wài kē zhuan jiā wán chéng le fù zá de nǎo bù zhōng liú qiē chú shòu shù.

Robot phẫu thuật xâm lấn tối thiểu độ chính xác cao sản xuất trong nước do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã hỗ trợ thành công các chuyên gia ngoại khoa khoa ngoại Trung tâm Y học Quốc gia hoàn thành ca phẫu thuật cắt bỏ khối u não phức tạp.

16 nét

HÁN VIỆT · NGOẠI KHOA

HSK 6 (3.0)

Tĩnh từ / Danh từ

#821

外来

wàilái

từ bên ngoài đến, du nhập, ngoại lai

国家建立健全外来生物入侵全方位智能口岸监测预警防御体系，切实筑牢国家生物安全屏障。

Guó jiā jiàn lì jiàn quán wài lái shēng wù rù qīn quán fāng wèi zhì néng kǒu àn jiān cè yù jīng fáng yù tí xì, qiè shí zhù láo guó jiā shēng wù ān quán píng zhàng.

Nhà nước xây dựng hoàn thiện hệ thống phòng thủ cảnh báo sớm quan trắc tại cửa khẩu thông minh toàn diện chống sinh vật ngoại lai từ bên ngoài đến xâm lấn, củng cố vững chắc tấm lá chắn an ninh sinh học quốc gia.

18 nét

HÁN VIỆT · NGOẠI LAI

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#822

外头

wàitou

bên ngoài, phía ngoài (khẩu ngữ)

虽然实验室外头风雪交加、滴水成冰，但科研攻坚室内热火朝天，青年学者们专注地推导着核心物理公式。

Suǐ rán shí yán shì wài tóu fēng xuě jiā jiā, dī shuǐ chéng bīng, dàn kē yán gōng jiān shì nèi rè huǒ cháo tiān, qīng nián xué zhě men zhuān zhù dī tuī dǎo zhe hé xīn wù lǐ gōng shì.

Mặc dù phía ngoài bên ngoài phòng thí nghiệm bão tuyết mặt trời, nhà nghiên cứu khoa học lại sôi nổi sức sôi, các học giả trẻ tuổi đang chăm chú suy diễn các công thức vật lý cốt lõi.

18 nét

HÁN VIỆT · NGOẠI ĐẦU

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#823

外衣

wàiyī

áo khoác ngoài, áo ngoài; vỏ bọc bên ngoài (nghĩa bóng)

新型轻量化多功能防辐射航天外衣选用了完全自主研发的高分子纳米复合纤维，具备极佳的耐极端温差与防刺穿性能。

Xīn xíng qīng liàng huà duō néng fáng fú shè fáng fū hé gāo fēn zǐ nà mí fù hé xiān wéi, jù bèi jí jiā de nài jí duān wēn chà yù fáng cǐ chuān xīng néng.

Chiếc áo khoác ngoài áo ngoài hàng không vũ trụ chống bức xạ đa năng siêu nhẹ kiểu mới lựa chọn sợi composite nano polymer do nước nhà hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển, sở hữu tính năng chống đâm thủng và chịu chênh lệch nhiệt độ cực đoan tuyệt vời.

22 nét

HÁN VIỆT · NGOẠI Y

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#824

外资

wàizī

vốn nước ngoài, đầu tư nước ngoài FDI

国家持续扩大高水平对外开放，支持外资研发中心深度融入国家高新技术产业创新体系与全球供应链。

Guó jiā chí xù kuò dà gāo shuǐ píng duì wài kāi fàng, zhī chí wài zī yán fā zhōng xīn shēn dù róng rù guó jiā gāo xīn jì shù chǎn yè chuàng xīn tǐ xì yǔ quán qiú gòng ying liàn.

Nhà nước liên tục mở rộng mở cửa đối ngoại trình độ cao, hỗ trợ các trung tâm nghiên cứu phát triển vốn nước ngoài đầu tư nước ngoài hội nhập sâu sắc vào chuỗi cung ứng toàn cầu và hệ thống đổi mới sáng tạo ngành công nghệ cao quốc gia.

18 nét

HÁN VIỆT · NGOẠI TƯ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#825

弯曲

wānqū

uốn cong, cong queo uốn lượn; bẻ cong

新型超高韧性柔性折叠显示屏经受住了数十万次高频弯曲折叠极限测试，依然保持完美显示性能。

Xīn xíng chāo gāo rèn xìng róu xìng zhé dié xiǎn shì píng mù jīng shòu zhù le shù shí wàn cì gāo pín wǎn qū zhé dié jí xiàn cè shì, yī rán bǎo chí wán měi xiǎn shì xìng néng.

Màn hình hiển thị uốn gấp mềm dẻo độ dai siêu cao kiểu mới đã chịu đựng qua hàng chục vạn lần thử nghiệm giới hạn uốn gấp uốn cong tần số cao, vẫn duy trì tính năng hiển thị hoàn hảo.

22 nét

HÁN VIỆT · LOAN KHÚC

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#826

顽皮

wánpí

nghech ngộm, tinh nghịch, hiếu động

在国家森林公园生态红外监测镜头前，几只顽皮可爱的小金丝猴在林间树枝上荡秋千嬉戏觅食。

Zài guó jiā gōng yuán shēng tài hóng wài jiān cè jīng tóu qián, jǐ zhī wán pí kě ài de xiǎo jīn sī hóu zài lín jiān shù zhī shàng dàng qiū qián xì xì mí shí.

Trước ống kính máy quay quan trắc hồng ngoại sinh thái của Công viên Quốc gia, vài chú vượn mũi hếch vàng nhỏ bé tinh nghịch nghech ngộm đáng yêu đang đu cành cây vui vẻ nô đùa kiếm ăn trên các cành cây giữa rừng.

23 nét

HÁN VIỆT · NGOAN BÌ

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#827

顽强

wánqiáng

ngaoan cường, kiên cường bất khuất

人民军队展现了坚不可摧的钢铁意志与顽强拼搏精神，在一切风浪考验与艰难险阻面前决不退缩半步。

Rén mín jūn duì zhǎn xiàn le jiān bù kě cuī de gāng tiě yì zhì yǔ wán qiáng pīn bó jīng shén, zài yī qiè fēng làng kǎo yàn yǔ jiān nán xiǎn zǔ miǎn quán jué bù tuì suǒ bàn bù.

Quân đội nhân dân đã phô diễn tinh thần chiến đấu ngoan cường cùng ý chí sắt đá kiên cố không thể phá vỡ, đứng trước mọi hiểm trở gian nan và thử thách sóng gió quyết không lùi bước nửa bước.

25 nét

HÁN VIỆT · NGOAN CƯỜNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#828

王后

wánghòu

vương hậu, hoàng hậu, hoàng phi

在国际科技文化交流盛典上，各国代表与应邀出席的友好国家王后共同探讨了支持全球女性投身前沿科学事业等重要议题。

Zài guó jì kē jì wén huà jiāo liú shèng diǎn shàng, gè guó dài biǎo yǐng yù yào chū xī de yǒu hǎo guó jiā wáng hòu gòng tóng tàn tào le zhī chí quán qiú nǚ xìng tóu shēn qián yán kē xué shì yè děng zhòng yào yì tí.

Tại đại lễ giao lưu văn hóa khoa học công nghệ quốc tế, đại biểu các nước cùng hoàng hậu vương hậu các quốc gia hữu nghị được mời tham dự đã cùng thảo luận về các chủ đề quan trọng như hỗ trợ phụ nữ toàn cầu dẫn thân vào sự nghiệp khoa học tiên phong.

20 nét

HÁN VIỆT · VƯƠNG HẬU



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#829

王子

wángzǐ

hoàng tử

在世界经典话剧《小王子》的舞台演绎中，演员用诗意深邃的台词引发了观众对爱与责任的深刻哲学思索。

Zài shì jì jīng diǎn tóng huà jù 《xiǎo wáng zǐ》 de wǔ tái yǎn yì zhōng, yǎn yuán yòng shī yì shēn suì de tái cí yǎn fā le guān zhòng duì ài yǔ zé rèn de shēn kè zhé xué sī suǒ.

Trong vở kịch cổ tích kinh điển thế giới 'Hoàng tử bé' trên sân khấu, diễn viên bằng những lời thoại thi vị sâu lắng đã khơi gợi trong lòng khán giả những suy ngẫm triết học sâu sắc về tình yêu và trách nhiệm.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: VƯƠNG TỬ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#830

网吧

wǎngbā

quán Internet, tiệm net quán net

随着千兆超高速光纤宽带与5G移动通信全面普及进千家万户，昔日遍布街头的传统网吧早已转型为专业电子竞技与数字创客空间。

Suí zhe qiān zhào chāo gāo sù guāng xiān kuān dài yǔ 5G yí dòng tōng xìn quán miàn pǔ jí jìn qiān jiā wàn hù, xī rì biàn bù jiē tóu de chuán tǒng wǎng bā zǎo yǐ zhuǎn xíng wéi shù zhuān yè diǎn zǐ jīng jì yǔ shù zì chuàng kè kōng jiān.

Cùng với việc viễn thông di động 5G và băng thông rộng cáp quang siêu tốc độ cao Gigabit phổ cập toàn diện vào muôn nhà muôn hộ, những quán net tiệm net quán Internet truyền thống khắp các góc phố thôn nào từ lâu đã chuyển đổi thành không gian sáng chế khởi nghiệp số hóa và thể thao điện tử chuyên nghiệp.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: VỒNG BA

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#831

网页

wǎngyè

trang web, trang mạng điện tử

国家大科学装置官方学术门户网站网页全面升级，为全球科学家提供了流畅便捷的一站式科学数据在线检索与下载服务。

Guó jiā dà kē xué zhuāng zhì guān fāng xué shù mén wǎng yàng wǎng yè quán miàn shēng jí, wéi quán qiú kē xué jiā tí gòng le liú chàng biàn jí de yí zhàn shì kē xué shù zù zài xiàn jiǎn suǒ yǔ xià zài fú wù.

Trang web trang mạng cổng thông tin học thuật chính thức của thiết bị khoa học lớn quốc gia đã nâng cấp toàn diện, mang lại dịch vụ tài về và tra cứu trực tuyến dữ liệu khoa học một cửa tiện lợi vượt mà cho các nhà khoa học toàn cầu.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: VỒNG HIỆT

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian /
Phó từ

#832

往后

wǎnghòu

về sau này, sau này, từ nay về sau

经过此役攻坚突破，往后我国在新一代微电子高端制造装备领域将彻底摆脱受制于人的被动局面。

Jīng guò cǐ yì gōng gōng jiān tū pò, wǎng hòu wǒ guó zài xīn yí dài wēi diǎn zǐ gāo duān zhì zào zhuāng bèi lǐng yù jiāng chè dǐ bài tuō shòu zhì yú rén de bèi dòng jú miàn.

Trải qua bước đột phá vượt khó của trận đánh này, từ nay về sau sau này về sau nước ta trong lĩnh vực trang thiết bị chế tạo cao cấp vi điện tử thế hệ mới sẽ hoàn toàn thoát khỏi cục diện bị động phụ thuộc vào người khác.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: VÃNG HẬU

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#833

往来

wǎnglái

giao thiệp qua lại, đi lại trao đổi

国家大力支持国际科技组织落户，积极深化中外青年科学家在前沿基础科学领域的常态化互访与学术往来。

Guó jiā dà lì zhī chí guó jì kē jì zǔ zhī huò hù, jī jí shēn huà zhōng wài qīng nián kē xué jiā zài qián yán jī chǔ kē xué lǐng yù de cháng tài huà hù fāng yǔ xué shù wǎng lái.

Nhà nước ra sức ủng hộ các tổ chức khoa học công nghệ quốc tế đặt trụ sở, tích cực đi sâu vào các hoạt động thăm hỏi lẫn nhau thường xuyên và giao thiệp qua lại trao đổi học thuật của các nhà khoa học trẻ trong và ngoài nước trong các lĩnh vực khoa học cơ bản tiên phong.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: VÃNG LAI

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#834

往年

wǎngnián

những năm trước, năm xưa, mọi năm

今年国家现代农业示范区超级杂交水稻平均亩产量显著超过往年，再次创造了单季大面积高产历史新纪录。

Jīn nián guó jiā xià dài nóng yè shì fàn qū chāo jí zá jiāo suí dào píng jūn mǔ chǎn liàng xiǎn zhù chāo guò wǎng nián, zài cì chuàng zào le dà nǎn jī dà miàn jī gāo chǎn lì shǐ xīn jì lù.

Năm nay năng suất bình quân trên mỗi mẫu của lúa lai siêu cấp tại Khu Trình diễn Nông nghiệp Hiện đại Quốc gia đã vượt trội rõ rệt so với mọi năm những năm trước năm xưa, một lần nữa tạo nên kỷ lục lịch sử mới về năng suất cao trên diện tích lớn một vụ.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: VÃNG NIÊN

HSK 6 (3.0)

Động từ

#835

望见

wàngjiàn

nhìn thấy từ xa, trông thấy từ đằng xa

站在高原天文观测基地极目远眺，可以清晰望见群山之巍峨矗立的超大口径深空射电望远镜天线群。

Zhàn zài gāo yuán tiān wén guān cè jī dì jī mù yuán tiào, kě yǐ qīng xī wàng jiàn qún shān zhī diǎn wēi è chù lì de chāo dà kǒu jīng shēn kōng shè diàn wàng yuǎn jīng tiān xiàn qún.

Đứng tại căn cứ quan trắc thiên văn cao nguyên phóng tầm mắt nhìn ra xa, có thể nhìn thấy từ xa trông thấy từ xa rõ nét cụm ăng-ten kính viễn vọng vô tuyến không gian sâu khẩu độ siêu lớn sừng sững uy nghiêm trên đỉnh núi non trùng điệp.

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#836

危机

wēijī

khủng hoảng, nguy cơ rủi ro

面对复杂严峻的全球能源安全与地缘政治危机，中国大力发展风光电清洁能源，筑牢了国家能源自给安全基石。

Miàn duì fù zá yǎn jùn de quán qiú néng yuán ān quán yǔ dì yuán zhèng zhì wēi jī, zhōng guó dà lì fā zhǎn fēng guāng diàn qīng néng yuán, zhù láo le guó jiā néng yuán zì jǐ ān quán jī shí.

Đứng trước cuộc khủng hoảng địa chính trị và an ninh năng lượng toàn cầu cấp bách hiểm nghèo, Trung Quốc đẩy mạnh phát triển năng lượng sạch quang điện và điện gió, đắp xây vững chắc nền tảng an ninh tự chủ năng lượng quốc gia.

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#837

威胁

wēixié

đe dọa, uy hiếp; mối đe dọa

全球气候变暖引发的极端海平面上升与特大干旱洪涝灾害，正在对人类赖以生存的生态环境构成严峻威胁。

Quán qiú qì hòu biàn nuǎn yīn fā de jí duǎn hǎi píng miàn shàng shēng yǔ tè dà gàn hàn hóng láo zāi hài, zhèng zài duì rén lèi shēng cún de shēng tài huán jīng gòu chéng yǎn jùn wēi xié.

Hiện tượng nước biển dâng cực đoan cùng các thảm họa hạn hán lũ lụt đặc biệt lớn do biến đổi khí hậu toàn cầu ấm lên gây ra đang tạo nên mối đe dọa nghiêm trọng đối với môi trường sinh thái để sinh tồn của nhân loại.



HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#847

无效

wúxiào

vô hiệu, không có hiệu lực, vô ích
không kết quả

在重大科技工程研发攻关中，我们要坚决摒弃一切形式主义的无效内耗，把全部精力集中在攻克核心技术上。

Zài zhòng dà kē jì gōng chéng yán fā gōng guān zhōng, wǒ men yào jiǎn jué bǐng qì yì qìe xíng shì zhū yì de wú xiào nèi hào, bǎ quán bù jīng lì jì zhōng zài gōng kè hé xīn jì shù shàng.

Trong công tác vượt khó nghiên cứu phát triển các công trình khoa học công nghệ trọng đại, chúng ta phải kiên quyết loại bỏ mọi sự tiêu hao nội bộ vô ích vô hiệu của chủ nghĩa hình thức, tập trung toàn bộ sinh lực vào việc chinh phục công nghệ cốt lõi.

📖 21 nét

HÁN VIỆT · VÔ HIỆU

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#848

舞蹈

wǔ dǎo

vũ đạo, nghệ thuật múa, nhảy múa

在国家大剧院舞台上，民族经典古典舞蹈《只此青绿》以优雅灵动的舞姿生动再现了传世名画《千里江山图》的壮丽秀美。

Zài guó jiā dà jù yuán wǔ tái shàng, mín zú jīng diǎn gǔ diǎn wǔ dǎo 《zhǐ cǐ qīng lǜ》yǐ yōu yǎ líng dòng de wǔ zī shēng dòng zài xiàn le chuán shì míng huà 《qiān lǐ jiāng shān tú》de zhuàng lì xiù měi.

Trên sân khấu Nhà hát Lớn Quốc gia, tác phẩm múa cổ điển dân tộc kinh điển 'Chỉ Thử Thanh Lục' bằng những vũ điệu vũ đạo uyển chuyển linh hoạt tạo nên đã tái hiện sinh động vẻ đẹp tươi mát tráng lệ của bức danh họa để đời 'Thiên Lý Giang Sơn Đồ'.

📖 23 nét

HÁN VIỆT · VŨ ĐẠO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#849

物品

wùpǐn

vật phẩm, đồ đạc, hàng hóa đồ
dùng

国家天舟货运飞船将数吨推进剂、科学实验载荷与航天员生活必需品安全精准送达中国空间站。

Guó jiā tiān zhōu huò yùn fēi chuán jiāng shù dūn tuī jìn jì, kē xué shí yàn zài hè yǔ háng tiān yuán shēng huó bì xū wù pǐn ān quán jīng zhǔn sòng dá zhōng guó kōng jiān zhàn.

Tàu vũ trụ chở hàng Thiên Châu của quốc gia đã vận chuyển hàng tấn chất đẩy, tải trọng thực nghiệm khoa học cùng các đồ đạc đồ dùng vật phẩm thiết yếu sinh hoạt của phi hành gia tới trạm vũ trụ Trung Quốc an toàn chuẩn xác.

📖 21 nét

HÁN VIỆT · VẬT PHẨM

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ /
Tính từ

#850

误

wù

sai lầm, nhầm lẫn; làm trễ nải
(wùshi)

在超高精度大科学实验操作中，科研人员始终保持一致一丝不苟、防微杜渐，确保实验全流程零失误、零差错。

Zài chāo gāo jīng dù dà kē xué shí yàn cāo zuò zhōng, kē yán rén yuán shǐ zhōng bǎo chí yì sī bù gōu, fáng wēi dù jiàn, què bǎo shí yàn quán liú chéng líng shí wù, líng chā cuò.

Trong các thao tác thực nghiệm khoa học lớn độ chính xác siêu cao, cán bộ nghiên cứu khoa học luôn giữ vững sự cẩn trọng tỉ mỉ, phòng ngừa từ việc nhỏ nhất, bảo đảm toàn bộ quy trình thực nghiệm không một sai sót, sai lầm nhầm lẫn bằng không.

📖 12 nét

HÁN VIỆT · NGỘ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#851

吸毒

xī dú

hút thuốc phiện, nghiện ma túy, sử
dụng ma túy

国家公安禁毒部门依托污水痕量毒品高灵敏度质谱监测前沿技术，实现了对涉毒吸毒违法行为的全域精准打击。

Guó jiā gōng ān jìn dú bù yī tuō wú shuǐ hén liàng dù pīn gāo líng mǐn dù zhǐ pǔ jiǎn cè qián yán jī shù, shí xiàn le duì shè dú xī dú wéi fǎ xíng wéi de quán yù jīng zhǔn dǎ jī.

Lực lượng công an phòng chống ma túy quốc gia dựa vào công nghệ tiên phong quan trắc quang phổ khối độ nhạy cảm cao vết ma túy trong nước thải đã thực hiện việc triệt phá chuẩn xác trên toàn địa bàn đối với các hành vi vi phạm pháp luật nghiện ma túy hút ma túy liên quan đến ma túy.

📖 17 nét

HÁN VIỆT · HẤP ĐỘC

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#852

牺牲

xī shēng

hy sinh, hy sinh tính mạng vì Tổ
quốc; sự hy sinh

无数革命先烈为了民族独立、人民解放和国家富强英勇战斗、不惜流血牺牲，他们的丰功伟绩永垂不朽。

Wú shù gé míng xiǎn liè wèi le mín zú dú lì, rén mín jiě fàng hé guó jiǎng fù qiáng yǐng yǒng zhàn dòu, bù xī liú xuè xī shēng, tā men de fēng gōng wěi jì yǒng chuí bù xiǔ.

Vô số các bậc tiền bối anh hùng liệt sĩ cách mạng vì độc lập dân tộc, giải phóng nhân dân và đất nước giàu mạnh đã anh dũng chiến đấu, không tiếc máu xương hy sinh tính mạng, công lao hiển hách vĩ đại của họ đời đời bất diệt.

📖 23 nét

HÁN VIỆT · HY SINH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#853

洗衣粉

xǐyīfěn

bột giặt, xà phòng bột

新型生物复合酶高浓缩环保洗衣粉能够在极低温下高效分解顽固油污，同时实现污水零磷环保排放。

Xīn xíng shēng wù fù hé méi gāo nóng suō huán bǎo xī yī fēn néng gòu zài jí dī shuǐ wēn xià gāo xiào fēn jiě wán gù yóu wū, tóng shí shí xiàn wú shuǐ líng lín huán bǎo pái fàng.

Bột giặt và phòng bột bảo vệ môi trường đậm đặc cao enzyme composite sinh học kiểu mới có thể phân giải hiệu quả cao các vết dầu mỡ cứng đầu ở nhiệt độ nước cực thấp, đồng thời thực hiện xả thải nước thải không chứa phốt-pho thân thiện môi trường.

📖 35 nét

HÁN VIỆT · TẨY Y PHẦN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#854

戏曲

xì qǔ

hí khúc, sân khấu kịch hát truyền
thống Trung Hoa

传统京剧与昆曲经典戏曲艺术通过高清数字化多模态技术走进高校校园，让万千青年学子领略国粹绝美神韵。

Chuán tǒng jīng jù yǔ kūn qǔ jīng diǎn xī qǔ yì shù tóng guò gāo qīng shù zì huà duō mó tài jì shù zǒu jìn gāo xiào xiǎo yuán, ràng wàn qiān qīng nián xué zǐ líng lǚ guó cuì jué měi shén yùn.

Nghệ thuật sân khấu kịch hát truyền thống hí khúc kinh điển Côn khúc và Kinh kịch truyền thống thông qua công nghệ đa phương thức kỹ thuật số độ nét cao đã đi vào các khuôn viên trường đại học, giúp hàng vạn sinh viên trẻ tuổi được thưởng thức thần thái tuyệt mỹ của quốc hồn quốc túy.

📖 23 nét

HÁN VIỆT · HÍ KHÚC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#855

细胞

xì bāo

tế bào (sinh học); đơn vị hạt nhân tế
bào

国家生物医学重大科技基础设施成功实现了对人体单细胞全基因组与转录组的高通量超高精度测序解析。

Guó jiā shēng wù yī xué zhòng dà kē jì jī chǔ shí xiàn le duì rén tǐ dān xī bǎo quán jǐ yīn zǔ yǔ zhuǎn lù zǔ de gāo tōng liàng chāo gāo jīng dù shēng xù fēn xī.

Cơ sở hạ tầng khoa học công nghệ trọng đại y sinh học quốc gia đã thực hiện thành công việc giải mã giải trình tự thông lượng cao độ chính xác siêu cao đối với toàn bộ hệ gen và hệ phiên mã đơn tế bào của cơ thể người.

📖 24 nét

HÁN VIỆT · TẾ BÀO



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#856

细菌

xì jūn

vi khuẩn, vi sinh vật vi khuẩn

新型纳米光催化抗菌涂层材料在可见光照射下能够快速产生活性氧簇，秒级高效灭杀多种耐药性超级致病细菌。

Xīn xíng nà mí guāng cuī huà kàng jūn tú cáng cái liào zài kě jiàn guāng zhào shè xià néng gòu kuài sù chǎn shēng huó xìng yǎng fú, miǎo jí gāo xiào miè shā duō zhǒng nài yào xìng chǎo jí zhì bìng xì jūn.

Vật liệu sơn phủ kháng khuẩn quang xúc tác nano kiểu mới dưới sự chiếu xạ của ánh sáng nhìn thấy có thể nhanh chóng sản sinh các gốc oxy phản ứng, tiêu diệt hiệu quả trong tích tắc nhiều loại vi khuẩn gây bệnh siêu vi khuẩn kháng thuốc.

18 nét

HÁN VIỆT : TẾ KHUẨN

HSK 6 (3.0)

Danh từ riêng

#857

西班牙语

Xībānyáyǔ

tiếng Tây Ban Nha

在国际多边开放科学合作论坛上，智能神经网络同传系统实现了中文、英语与西班牙语等多语种高保真实时互译。

Zài guó jì duō biān kāi fàng kē xué hé zuò lùn tán shàng, zhì néng shén jīng wǎng lù tóng zhuān xī tóng shí xiàn le zhōng wén, yīng yǔ yǔ xī bān yá yǔ děng duō yǔ zhǒng gāo bǎo zhēn shí shí hù yì.

Tại Diễn đàn Hợp tác Khoa học Mở Đa phương Quốc tế, hệ thống dịch cabin thông minh mạng nơ-ron đã thực hiện việc dịch thuật qua lại độ trung thực cao thời gian thực giữa nhiều ngôn ngữ như tiếng Tây Ban Nha, tiếng Anh và tiếng Trung.

35 nét

HÁN VIỆT : TÂY BAN NHA NGỮ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#858

先锋

xiānfēng

tiên phong, người lính đi đầu, lực lượng xung kích

新时代广大青年科技工作者争当世界科技前沿探索的急先锋，在前沿无人区勇攀世界科学最高峰。

Xīn shí dài guǎng dà qīng nián kē jì gōng zuò zhě zhēng dāng shì jiè kē jì qián yán tàn suǒ de jí xiān fēng, zài qián yán wú rén qū yǒng pān shì jiè kē xué zuì gāo fēng.

Đồng đạo những người làm công tác khoa học công nghệ thanh niên thời đại mới thi đua làm lực lượng xung kích người lính đi đầu tiên phong thám hiểm ranh giới khoa học công nghệ thế giới, dũng cảm trèo lên đỉnh cao nhất của khoa học thế giới trong vùng không người tiên phong.

25 nét

HÁN VIỆT : TIỀN PHONG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#859

嫌

xián

chê, ghét bỏ; nghi ngờ tị hiềm

老一辈科学家隐姓埋名扎根荒漠戈壁数十载，从不嫌条件艰苦，把毕生全部心血默默献给了祖国的国防科技事业。

Lǎo yī bèi kē xué jiā yǐn xìng mái míng zhā gēn huāng mò gē bì shù shí zài, cóng bù xián tiáo jiàn jiān kǔ, bǎ bì shēng quán bù xīn xuè mò mò xiàn gěi le zǔ guó de guó fáng kē jì shì yè.

Các nhà khoa học tiên bối ẩn danh cắm bản nơi sa mạc Gobi hoang vu suốt hàng chục năm, không bao giờ chê trách điều kiện gian khổ, đem toàn bộ tâm huyết cả đời âm thầm cống hiến cho sự nghiệp khoa học công nghệ quốc phòng của Tổ quốc.

12 nét

HÁN VIỆT : HIỀM

HSK 6 (3.0)

Động từ

#860

显出

xiǎnchū

hiện ra, lộ rõ, phô bày biểu lộ rõ

经过多轮严苛极限环境测试，该国产高性能航空发动机关键合金构件显出了无与伦比的耐高温抗疲劳优势。

Jīng guò duō lún yán kǎi jiàn jīng huán jīng cè shì, gāi guó chǎn gāo xìng néng háng kōng fā dòng jī guān jiàn hé jīn gòu jiàn xiān chū le wú yǔ lún bǐ de nài gāo wēn kǎng pí láo yōu shì.

Trải qua nhiều vòng kiểm tra môi trường giới hạn khắc khe, cấu kiện hợp kim then chốt của động cơ hàng không tính năng cao sản xuất trong nước này đã lộ rõ hiện ra phô bày ưu thế chống mỏi và chịu nhiệt độ cao vô song.

17 nét

HÁN VIỆT : HIỂN XUẤT

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#861

险

xiǎn

rủi ro

在面对复杂的挑战时，保持险的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí xiǎn de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái rủi ro đặc biệt quan trọng.

13 nét

HÁN VIỆT : HIỀM

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#862

线路

xiànlù

tuyến đường, đường dây mạch điện, lộ trình tuyến

我国建成了全球规模最大的特高压智能输电线路网络，实现了清洁绿色电力跨越数千公里的远距离高效输送。

Wǒ guó jiàn chéng le quán qiú guī mó zuì dà de tè gāo yǎ zhì néng shù diàn xiàn lù wǎng luò, shí xiàn le qīng jié lǜ sè diàn lì kuà yuè shù qiān gōng lǐ de yuǎn jù lí gāo xiào shù sòng.

Nước ta đã xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới đường dây đường dây mạch điện truyền tải điện thông minh siêu cao áp quy mô lớn nhất thế giới, thực hiện truyền tải điện xanh sạch hiệu quả cao cự ly xa vượt hàng ngàn cây số.

23 nét

HÁN VIỆT : TUYẾN LỘ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#863

陷入

xiàn rù

rơi vào, lún sâu vào (tình thế khó khăn, suy thoái)

面对复杂严峻的全球经济动荡与部分地区陷入地缘冲突泥潭，中国经济展现出强大抗风险韧性与增长潜力。

Miàn duì fù zá yán jùn de quán qiú jīng jì dòng dǎng yǔ bù fèn dì qū xiàn rù dì yuán chōng tū ní tán, zhōng guó jīng jì zhǎn xiǎn chū qiáng dà kàng fēng xiǎn rèn xìng yǔ zēng zhǎng qián lì.

Đứng trước những biến động kinh tế toàn cầu phức tạp hiểm nghèo cùng việc một số khu vực rơi vào vùng lầy xung đột địa chính trị, nền kinh tế Trung Quốc đã phô diễn tiềm năng tăng trưởng cùng tính bền bỉ chống chịu rủi ro mạnh mẽ.

26 nét

HÁN VIỆT : HẪM NHẬP

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#864

响声

xiǎngshēng

tiếng vang, âm thanh vang dội, tiếng động

伴随着点火指令下达后一声惊天动地的轰鸣响声，长征重型运载火箭托举着科学实验卫星呼啸拔地而起。

Bàn suí zhe diǎn huǒ zhǐ lìng xià dá hòu yī shēng jīng tiān dòng dì de hōng míng xiǎng shēng, zhǎng zhēng zhòng xíng yùn zài huǒ jiàn tuō jǔ zhe kē xué shí yàn wéi xīng hù xiào bá dì ér qǐ.

Hòa cùng một tiếng động âm thanh vang dội tiếng vang âm âm long trời lở đất sau khi phát ra khẩu lệnh điểm hỏa, quả tên lửa đẩy hạng nặng Trường Chinh nâng đỡ vệ tinh thực nghiệm khoa học gầm vang vút bay lên khỏi mặt đất.

22 nét

HÁN VIỆT : HƯỞNG THANH



HSK 6 (3.0)

Động từ / Phó từ

#865

想不到

xiǎngbudào

không ngờ tới, không ngờ rằng,
không thể ngờ

攻关团队在看似平凡的微观量子反常测量偏差中，想不到竟意外捕捉到了这一颠覆性全新物理效应。

Gōng guān tuán duì zài kàn sì píng fán de wēi guān liàng zǐ fán cháng cè liáng piān chà zhōng, xiǎng bú dào jìng yì wài bǔ zhuō dào le zhè yī diǎn fù xīng quán xīn wù lǐ xiào yīng.

Nhóm vượt khó trong những sai số đo đạc dị thường lượng tử vì mô xem chừng như bình thường, không ngờ rằng không thể ngờ không ngờ tới lại vô tình bắt trọn được hiệu ứng vật lý hoàn toàn mới mang tính cách mạng này.

35 nét

HÁN VIỆT: TƯỞNG BẤT ĐÁO

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#866

消耗

xiāo hào

tiêu hao, làm hao mòn tiêu tốn
(năng lượng/tài nguyên)

新型超低能耗绿色智能建筑通过采用高效被动式保温与地源热泵技术，大幅降低了夏季制冷与冬季供暖能源消耗。

Xīn xíng chāo dī néng hào lǜ sè zhì néng jiàn zhù tōng guò cǎi yòng gāo xiào bèi dòng shì bǎo wēn yù dì yuán rè nèng jī shù, dà fú jiàng dī le xià jì zhì lěng yǔ dōng jì gōng nuǎn néng yuán xiāo hào.

Công trình thông minh xanh tiêu hao siêu ít năng lượng kiểu mới thông qua việc áp dụng công nghệ bơm nhiệt nguồn đất và cách nhiệt thụ động hiệu quả cao đã giảm thiểu vượt bậc mức tiêu hao tiêu tốn năng lượng sưởi ấm mùa đông và làm mát mùa hè.

24 nét

HÁN VIỆT: TIÊU HAO

HSK 6 (3.0)

Động từ

#867

消灭

xiāo miè

tiêu diệt, triệt tiêu, xóa bỏ

经过全党全国各族人民的共同持续奋斗，中国如期打赢脱贫攻坚战，历史性地消灭了绝对贫困问题。

Jīng guò quán dǎng quán guó gè zú rén mín de gòng tóng chí xù fèn dòu, zhōng guó rú qī dà yíng tuō pín gōng jiàn zhàn, lì shǐ xīng dì xiāo miè le jué duì pín kùn wèn tí.

Trải qua sự nỗ lực phấn đấu bền bỉ không ngừng của toàn Đảng và toàn dân, Trung Quốc đã đánh thắng trận chiến xóa đói giảm nghèo đúng hạn định, xóa bỏ triệt để tình trạng nghèo tuyệt đối mang ý nghĩa lịch sử.

25 nét

HÁN VIỆT: TIÊU DIỆT

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#868

小费

xiǎofèi

tiền boa, tiền tip bồi dưỡng

在国际科技高峰论坛涉外接待服务中，会务组严格遵守国际礼仪规范与涉外财务管理纪律。

Zài guó jì kē jì gāo fēng lùn tán shè wài jiē dài fú wù zhōng, huì wù zǔ yán gē zūn shǒu guó jì lǐ yí guī fàn yǔ shè wài cái wù guǎn lǐ jì lǜ.

Trong công tác dịch vụ đón tiếp đối ngoại của Diễn đàn Thương đỉnh Khoa học Công nghệ Quốc tế, ban tổ chức tuân thủ nghiêm ngặt kỷ luật quản lý tài chính đối ngoại và chuẩn mực lễ tân quốc tế, xử lý đúng mực các khoản tiền tip tiền boa.

26 nét

HÁN VIỆT: TIỂU PHÍ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#869

小麦

xiǎo mài

lúa mì, cây lúa mạch

黄淮海主产区几十万亩优质强筋冬小麦长势喜人，麦浪滚滚，丰收在望。

Huáng huái hǎi zhǔ chǎn qū jǐ shí wàn mǔ yōu zhì qiáng jīn dòng xiǎo mài zhǎng shì xǐ rén, mài làng gǔn gǔn, fēng shōu zài wàng.

Hàng chục vạn mẫu lúa mì mùa đông chất lượng cao cứng hạt tại vùng sản xuất chính Hoàng Hoài Hải phát triển xanh tốt, từng đợt sóng lúa mạch dập dềnh báo hiệu một vụ mùa bội thu trước mắt.

21 nét

HÁN VIỆT: TIỂU MẠCH

HSK 6 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#870

小于

xiǎoyú

nhỏ hơn, bé hơn, dưới mức (toán học: <)

大科学装置超精密同步辐射聚焦镜的表面形加工粗糙度必须严格控制在小于零点一纳米的物理极限内。

Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mì tóng bù fú shè jù jiāo jīng de biāo miàn xíng gōng cǎo dù bì xū yán gē kòng zhì zài xiǎo yú líng diǎn yī nà mí de wù lǐ xiǎn nèi.

Độ nhám bề mặt gia công tạo hình của gương hội tụ bức xạ synchrotron siêu chính xác thiết bị khoa học lớn bắt buộc phải kiểm soát nghiêm ngặt trong giới hạn vật lý nhỏ hơn bé hơn 0,1 nanomet.

27 nét

HÁN VIỆT: TIỂU VU

HSK 6 (3.0)

Động từ

#871

晓得

xiǎode

biết, hiểu rõ, thấu hiểu (khẩu ngữ)

老一辈功勋科学家深情教导青年学子：“你们要晓得，科研成果唯有真正解决国家急需才算得上真正成功！”

Lǎo yī bèi gōng gōng kē xué jiā shēn qíng jiào dǎo qīng nián xué zǐ: "nǐ men yào xiǎo de, kē yán chéng guǒ wéi yǒu zhēn zhèng jiě jué guó jiā jí xū cái suàn dé shàng zhēn zhèng chéng gōng!"

Các nhà khoa học có công lao tiến bối ân cần chỉ bảo các học trò trẻ tuổi: "Các cháu cần phải hiểu rõ thấu hiểu biết rằng, thành quả nghiên cứu khoa học chỉ khi giải quyết được thực chất nhu cầu cấp bách của đất nước mới tính là thành công thực sự!"

23 nét

HÁN VIỆT: HIỂU ĐẮC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#872

笑脸

xiàoliǎn

gương mặt tươi cười, nụ cười rạng rỡ

当大科学装置首轮物理调试成功获取高能束流的捷报传来，控制大厅里全体科研人员洋溢着灿烂自豪的笑容。

Dāng dà kē xué zhuāng zhì shǒu lún wù lǐ tiáo shì chéng gōng huò qǔ gāo néng shù liú de jié bào chuán lái, kòng zhì dà tīng lǐ quán tǐ kē yán rén yuán yáng yì zhe càn làn zì hào de xiào liǎn.

Khi tin thắng trận đột hiệu chỉnh vật lý đầu tiên của thiết bị khoa học lớn thu được chùm hạt năng lượng cao thành công truyền tới, trong đại sảnh điều khiển toàn thể cán bộ nghiên cứu đều rạng rỡ những nụ cười rạng rỡ gương mặt tươi cười rực rỡ đầy tự hào.

26 nét

HÁN VIỆT: TIỂU KIỂM

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#873

笑容

xiàoróng

nụ cười, nét mặt tươi cười rạng rỡ

航天员乘组圆满完成太空出舱行走任务平安返回核心舱时，面罩下绽放出了充满自信与自豪的从容笑容。

Háng tiān yuán chéng zǔ yuán mǎn wán chéng tài kōng chū cāng xíng zǒu rèn wù píng ān fǎn huí hé xīn cāng shí, miàn zhào xià zhàn fàng chū le chōng mǎn zì xìn yǔ zì hào de cóng róng xiào róng.

Khi phi hành đoàn hoàn thành mỹ mãn nhiệm vụ đi bộ ngoài không gian bình an quay trở về khoang cốt lõi, dưới lớp mặt nạ che mặt đã nở rộ những nụ cười rạng rỡ rạng rỡ ung dung tràn ngập sự tự hào và tự tin.

24 nét

HÁN VIỆT: TIỂU DUNG


HSK 6 (3.0)

Danh từ

#874

笑声

xiàoshēng

tiếng cười, tiếng cười rộn rã

在全国科技周青少年沉浸式科学互动体验展览区内，到处回荡着孩子们探索科学奥秘时的阵阵欢笑笑声。

Zài quán guó kē jì zhōu qīng shào nián chén jìn shì kē xué hù dòng tí yàn zhān qū nèi, dào chù huí dǎng zhe hái zǐ men tàn suǒ kē xué ào mì shí de zhēn zhēn huān kuài xiào shēng.

Bên trong khu trải nghiệm tương tác khoa học chìm đắm dành cho thanh thiếu niên thuộc Tuần lễ Khoa học Công nghệ Toàn quốc, khắp nơi vang vọng những tràng tiếng cười tiếng cười rộn rã vui vẻ của các em nhỏ khi khám phá những điều huyền bí của khoa học.

25 nét

HÁN VIỆT: TIỂU THANH

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#875

协调

xié tiáo

điều phối, phối hợp; hài hòa, nhịp nhàng

推动区域经济协调发展，必须充分发挥各地区比较优势，构建优势互补、高质量发展的区域经

Tuī dòng qū yù jīng jì xié tiáo fā zhǎn, bì xū chōng fèn fā huyì fēn fā biǎo yōu shì, gòu jiàn yǎng bù hù, gāo zhì liàng fā zhǎn de qū yù jīng jì bù jú.

Thúc đẩy kinh tế vùng phát triển hài hòa điều phối, bắt buộc phải phát huy trọn vẹn lợi thế so sánh của từng địa phương, xây dựng bố cục kinh tế vùng bổ trợ lợi thế cho nhau và phát triển chất lượng cao.

24 nét

HÁN VIỆT: HIỆP ĐIỀU

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#876

协会

xié huì

hiệp hội, hội đoàn thể ngành nghề

中国科学技术协会大力推进科学家精神宣讲与前沿学术交流，为科技工作者搭建了广阔的创新合作平台。

Zhōng guó kē xué jì shù xié huì dà lì tuī jìn kē xué jiā jīng shén xuān jiǎng yǔ qián yán xué shù jiāo liú, wèi kē jì gōng zuò zhě dǎ jiàn le guǎng kuò de chuàng xīn hé zuò píng tái.

Hiệp hội Khoa học Kỹ thuật Trung Quốc đẩy mạnh việc tuyên truyền tinh thần nhà khoa học và giao lưu học thuật tiên phong, xây dựng nền tảng hợp tác đối mới sáng tạo rộng lớn cho những người làm công tác khoa học công nghệ.

27 nét

HÁN VIỆT: HIỆP HỘI

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#877

协商

xié shāng

hiệp thương, trao đổi thương lượng dân chủ

中国特色社会主义协商民主深深植根于中华优秀传统文化，展现了全过程人民民主的独特制度优势与旺盛生机。

Zhōng guó tè sè shè huì zhǔ yì xié shāng mín zhǔ shēn shēn zhí gēn yú zhōng huá wén huà yōu xiù chuán tǒng wén huà, zhǎn xiàn le quán guó chéng rén mín mín zhǔ de dú tè zhì dù yǒu shèng yǎng shèng shēng jī.

Dân chủ hiệp thương chủ nghĩa xã hội đặc sắc bắt rễ sâu sắc trong nền văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, phô diễn sức sống tràn trề cùng ưu thế thể chế độc đáo của nền dân chủ nhân dân toàn quả trình.

25 nét

HÁN VIỆT: HIỆP THƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#878

协助

xié zhù

hỗ trợ, hiệp lực giúp đỡ, phối hợp hỗ trợ

智能外科手术机器人精准协助主刀专家完成了一例超高难度复杂颅内深部血管微创切除手术。

Zhì néng wài kē shǒu shù jī rén jīng zhǔn xié zhù zhǔ dāo zhuān jiā wán chéng le yī lì chāo gāo nán dù fù zá nèi shēn bù xuè guǎn wēi chuàng qiē chú shǒu shù.

Robot phẫu thuật ngoại khoa thông minh đã phối hợp hỗ trợ chuẩn xác vị chuyên gia mổ chính hoàn thành xuất sắc một ca phẫu thuật xâm lấn tối thiểu cắt bỏ mạch máu sâu bên trong sọ não có độ khó siêu cao và phức tạp.

21 nét

HÁN VIỆT: HIỆP TRỢ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#879

写字楼

xièzìlóu

tòa nhà văn phòng, cao ốc văn phòng thương mại

国家高新技术产业园区的绿色智能化甲级写字楼内，聚集了上千家专注于前沿人工智能研发的科技创新企业。

Guó jiā gāo xīn jì shù chǎn yè yuán qū de lǜ sè zhì néng huà jiǎ jí xié zì lóu nèi, jù jí le shàng qiān jiā zhuan zhū yú qián yán rén gōng zhì néng yán fā de kē jì chuàng xīn qǐ yè.

Bên trong các cao ốc văn phòng tòa nhà văn phòng hạng A thông minh hóa xanh của Khu Công viên Ngành Công nghệ Cao mới Quốc gia quy tụ hàng ngàn doanh nghiệp đổi mới sáng tạo công nghệ chuyên sâu vào nghiên cứu phát triển trí tuệ nhân tạo tiên phong.

33 nét

HÁN VIỆT: TẢ TỰ LẦU

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#880

写字台

xièzìtái

bàn viết, bàn làm việc học tập

在国家最高科技奖得主的朴素办公室写字台上，常年摆放着厚厚的学术手稿与写满演算公式的笔记本。

Zài guó jiā zuì gāo kē jì jiǎng dé zhǔ de pǔ sù bàn gōng shì xié zì tái shàng, cháng nián bǎi fàng zhe hòu hòu de xué shù shǒu gǎo yǔ xiě mǎn yǎn suàn gōng shì de bǐ jì běn.

Trên chiếc bàn làm việc bàn viết mộc mạc trong văn phòng của người đạt Giải thưởng Khoa học Công nghệ Tối cao Quốc gia quanh năm đặt những tập bản thảo học thuật dày cộm cùng những cuốn sổ tay ghi kín các công thức tính toán suy diễn.

33 nét

HÁN VIỆT: TẢ TỰ ĐÀI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#881

心灵

xīn líng

tâm hồn, cõi lòng sâu kín

优秀高尚的文艺经典名著以真善美的强大精神力量温润人的心灵，启迪着一代又一代青年的理想与抱负。

Yōu xiù gāo shàng de wén yì jīng diǎn míng zhù yǐ zhēn shàn měi de qiáng dà jīng shén lì liàng wēn rùn rén de xīn líng, qǐ dí zhe yī dài yī dài qīng nián de lǐ xiǎng yǔ bào fù.

Các danh tác văn nghệ kinh điển cao đẹp xuất sắc bằng nguồn sức mạnh tinh thần Chân - Thiện - Mỹ to lớn đã sưởi ấm nuôi dưỡng tâm hồn con người, khai sáng lý tưởng và hoài bão cho hết thế hệ thanh niên này đến thế hệ khác.

22 nét

HÁN VIỆT: TÂM LINH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#882

心愿

xīnyuàn

tâm nguyện, ước nguyện trong lòng, ý nguyện

实现高水平科技自立自强、建设世界科技强国，是一代代中国科学家矢志不渝的共同崇高心愿。

Shí xiàn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng, jiàn shè shì jiè kē jì qiáng guó, shì yí dài dài zhōng guó kē xué jiā shì zhǐ bù yú de gòng tóng chóng gāo xīn yuàn.

Thực hiện tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao, xây dựng cường quốc khoa học công nghệ thế giới chính là ước nguyện tâm nguyện cao đẹp chung son sắt một lòng của bao thế hệ các nhà khoa học Trung Quốc.

20 nét

HÁN VIỆT: TÂM NGUYỆN



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#883

心脏

xīn zàng

trái tim, tim; cơ quan đầu não
(nghĩa bóng)

航空发动机被誉为现代工业皇冠上的明珠,是确保先进战斗机与大飞机翱翔蓝天的动力“强劲心脏”。

Háng kōng fā dòng jī bèi yù wéi xiàn dài gōng yè huáng guān shàng de míng zhū, shì què bǎo xiān jìn zhàn dòu jī yǔ dà fēi jī xiāng áo lán tiān de dòng lì “qiáng jīng xīn zàng”.

Động cơ hàng không được mệnh danh là viên ngọc quý trên vương miện công nghiệp hiện đại, là 'trái tim động lực mạnh mẽ' bảo đảm cho các dòng máy bay chiến đấu tiên tiến và máy bay vận tải lớn sải cánh trên bầu trời.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : TÂM TANG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#884

心脏病

xīn zàng bìng

bệnh tim, bệnh tim mạch

我国完全自主研发的新一代高精度智能肌声学造影系统,实现了对重症隐性心脏病的超早期精准筛查。

Wǒ guó wán quán zì zhī yán fā de xīn yí dài gāo jīng dù zhì néng xīn jī shēng xué zào yǐng xì tǒng, shí xiàn le duì zhòng zhēng yǐn nì xīng xīn zàng bìng de chāo zǎo zhào qī jīng zhǔn shāi chá.

Hệ thống chụp cản quang âm học cơ tim thông minh độ chính xác cao thể hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã thực hiện việc sàng lọc chuẩn xác siêu sớm đối với bệnh tim mạch bệnh tim thể ẩn nguy kịch nặng nề.

📖 31 nét

HÁN VIỆT : TÂM TANG BỆNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#885

新人

xīn rén

người mới, thể hệ nhân tài mới mẻ;
cô dâu chú rể

国家实验室全面实施青年拔尖科技英才培育计划,不拘一格大胆选拔并重用具有颠覆性创新潜质的青年科研新人。

Guó jiā shí yàn shì quán miàn shí shǐ qīng nián bá jiān kē jì yīng cái péi yù jì huà, bù jū yí gé dà dǎn xuǎn bá bìng zhòng yòng jù yǒu diǎn fù xīng chuàng xīn qián zhì dì qīng nián kē yán xīn rén.

Phòng thí nghiệm quốc gia thực thi toàn diện kế hoạch bồi dưỡng anh tài khoa học công nghệ xuất chúng thanh niên, không câu nệ khuôn mẫu mạnh dạn tuyển chọn và trọng dụng những người mới nhân tài mới nghiên cứu khoa học trẻ có tiềm năng đổi mới sáng tạo mang tính cách mạng.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : TÂN NHÂN

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#886

新兴

xīn xīng

mới nổi, đang lên, ngành công
nghiệp mới phát triển

我们要加快培育壮大战略性新兴产业与前瞻性未来产业,持续增强高质量发展的科技新动能。

Wǒ men yào jiā kuài péi yù zhuàng dà zhàn lǚ xīng xīng chǎn yè yǔ qián zhān xīng wèi lái chǎn yè, chí xù zēng qiáng gāo zhì liàng fā zhǎn de kē jì xīn dòng néng.

Chúng ta phải đẩy nhanh nuôi dưỡng và phát triển lớn mạnh các ngành nghề tương lai nhìn xa trông rộng và ngành nghề mới nổi chiến lược, liên tục tăng cường động năng khoa học công nghệ mới của sự phát triển chất lượng cao.

📖 28 nét

HÁN VIỆT : TÂN HƯNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#887

薪水

xīn shuǐ

tiền lương, thu nhập tiền công

国家出台全面政策举措保障科研人员合理薪酬待遇与成果转化收益激励,切实激发广大科研人才创新活力。

Guó jiā chū tái quán miàn zhèng cè jǔ cuǒ bǎo zhàng kē yán rén yuán hé lǐ xīn chóu dài yù yǔ chéng guǒ zhuǎn huà shōu yì jī lì, qiè shí jī fā guāng dà kē yán rén cái cái chuàng xīn huó lì.

Nhà nước ban hành các giải pháp chính sách toàn diện bảo đảm đãi ngộ tiền lương hợp lý và cơ chế khích lệ thu nhập từ chuyển giao thành quả cho người làm khoa học, khơi dậy thiết thực sức sống đổi mới sáng tạo của các nhân tài nghiên cứu khoa học.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : TÂN THUỶ

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#888

信仰

xìn yǎng

tín ngưỡng, đức tin lý tưởng tôn thờ

中国共产党人把对马克思主义的崇高信仰和对社会主义、共产主义的坚定信念,化作矢志不渝为人民谋幸福的实际行动。

Zhōng guó gòng chǎn dǎng rén bǎ duì mǎ kè sī zhǔ yì de chóng gào xìn yǎng hé duì shè huì zhǔ yì, gòng chǎn zhū yì de jiān dìng xìn niàn, huà zuò le shì zhǐ bù yú wéi rén mín móu xìng fú de shí jì xíng dòng.

Những người cộng sản đã chuyển hóa niềm tin kiên định vào chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa xã hội và đức tin tín ngưỡng cao cả vào chủ nghĩa Mác thành hành động thực tế son sắt một lòng mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : TÍN NGƯỠNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#889

信用

xìn yòng

uy tín, tín dụng

良好的个人与企业信用记录是立足现代金融社会不可或缺的无形宝贵资产。

Liáng hǎo de gè rén yǔ qī yè xìn yòng jì lù shì lì zú xiān dài jīn róng shè huì bù kě huò quē de wú xíng bǎo guì zī chǎn.

Lịch sử tín dụng cá nhân và doanh nghiệp uy tín là tài sản vô hình vô giá không thể thiếu để đứng vững trong xã hội tài chính hiện đại.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : TÍN DỤNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#890

行程

xíng chéng

hành trình, lộ trình chuyển đi; chặng đường

国家深空探测器在历经数亿公里漫长壮阔的星际行程后,成功抵达火星轨道并实施高精度环绕探测。

Guó jiā shēn kōng tàn cè qì zài lì jīng shù yì gōng lǐ màn cháng zhuàng kuò de xīng jì xíng chéng hòu, chéng gōng dī dá huǒ xīng guī dào bìng shí shǐ gāo jīng dù huán rào tàn cè.

Tàu thám trắc không gian sâu của quốc gia sau khi trải qua chặng đường hành trình lộ trình liên sao dài đằng đẵng tráng lệ hàng trăm triệu cây số đã tới chuẩn xác quỹ đạo Sao Hỏa và thực thi thám trắc bay quanh độ chính xác cao.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : HÀNH TRÌNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#891

形

xíng

hình dạng, hình thái, dáng vẻ; hình
thành tạo thành

微电子纳米光刻掩模版上的微观几何图形精度极高, 必须在亚纳米尺度下保持严格的形态稳定性。

Wēi diàn zǐ nà mí guāng kè yǎn mó bǎn shàng de wēi guān jī hé tú xíng jīng dù jí gāo, bì xū zài yà nà mí chǐ dù xià bǎo chí yán gé de xíng tài wěn dìng xíng.

Độ chính xác của hình mẫu đồ họa hình học vi mô trên tấm mặt nạ quang khắc nano vi điện tử cực kỳ cao, bắt buộc phải duy trì độ ổn định hình thái hình dạng nghiêm ngặt ở thang đo dưới nanomet.

📖 10 nét

HÁN VIỆT : HÌNH


HSK 6 (3.0)

Tính từ

#892

兴旺

xīng wàng
hưng vượng, phát đạt phồn thịnh

大力推进乡村特色富民产业高质量发展, 让乡村农业高效、乡村宜居宜业、农民富裕富足、百业兴旺。

Dà lì tuī jìn xiāng cūn tè sè fù mǐn chān yè gāo zhì liàng fā zhǎn, ràng xiāng cūn nóng yè gāo zhì gāo xiào, xiāng cūn yí jū yí yè, nóng mǐn fù yù fù zú, bǎi yè xīng wàng.

Đẩy mạnh phát triển chất lượng cao ngành nghề làm giàu cho dân đặc sắc ở nông thôn, giúp nông nghiệp nông thôn chất lượng cao hiệu quả cao, làng quê đáng sống đáng lập nghiệp, người nông dân giàu có sung túc, trăm nghề hưng vượng.

25 nét

HÁN VIỆT: HƯNG VƯỢNG
HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#893

凶

xiōng
hung dữ, hung hiểm, dữ dội; điểm hung hung tin

面对突发特大山洪泥石流凶险灾情, 国家应急救援队伍挺身而出、日夜奋战在防汛抢险最前线。

Miàn duì tū fā tè dà shān hóng ní shí liú xiōng xiǎn zāi qīng, guó jiā yìng jí yuán duì wú tǐng shēn ér chū, rì yè fēn zhàn zài fáng xùn qiǎng xiǎn zuì qián xiàn.

Đứng trước tình hình thiên tai hung hiểm dữ dội sạt lở đất lũ quét đặc biệt lớn đột xuất, đội ngũ cứu nạn khẩn cấp quốc gia đã dũng cảm xung phong, ngày đêm chiến đấu nơi tuyến đầu chống lũ cứu hộ hiểm nghèo nhất.

11 nét

HÁN VIỆT: HUNG
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#894

凶手

xiōng shǒu
hung thủ, kẻ thủ ác giết người

公安刑侦部门依托先进的DNA微量物证提取技术与大数据侦查, 成功将潜逃二十载的重大命案真凶缉拿归案。

Gōng ān xíng zhēn bù mén yī tuō xiān jìn de DNA wēi liàng wù zhèng tí qǔ jì shù yǔ dà shù jù zhēn chá, chéng gōng jiāng qián táo èr shí zài de zhòng dà mìng àn zhēn xiōng jī ná guī àn.

Cơ quan điều tra hình sự công an dựa vào công nghệ trích sát dữ liệu lớn và trích xuất vật chứng vi lượng DNA tiên tiến đã truy bắt thành công kẻ thủ ác hung thủ thực sự của vụ trọng án mạng lần trốn suốt hai mươi năm về quy án.

24 nét

HÁN VIỆT: HUNG THỦ
HSK 6 (3.0)

Động từ

#895

修车

xiū chē
sửa xe, bảo dưỡng sửa chữa xe cộ

现代新能源汽车智慧售后服务中心全面推行数字化故障自检与预约维修, 让车主享受到透明高效的修车服务。

Xiàn dài xīn néng yuán qì zhì huì hòu shì wù zhōng xīn quán miàn tuī xíng shù zì huà gù zhàng zì jiǎn yù yù yuē wéi xiū, ràng chē zhǔ xiāng shòu dào tòu míng gāo xiào de xiū chē fú wù.

Trung tâm dịch vụ hậu mãi thông minh xe ô tô năng lượng mới hiện đại đẩy mạnh toàn diện việc tự chẩn đoán sự cố số hóa và đặt lịch hẹn sửa chữa, giúp chủ xe được thụ hưởng dịch vụ sửa xe bảo dưỡng sửa chữa xe cộ minh bạch hiệu quả cao.

19 nét

HÁN VIỆT: TUXA
HSK 6 (3.0)

Tính từ

#896

袖珍

xiù zhēn
nhỏ gọn, bỏ túi, mini tí hon

科研团队成功研制出仅有硬币大小的超高灵敏度袖珍微型量子陀螺仪, 实现了航天导航惯导芯片化。

Kē yán tuán duì chéng gōng yán zhì chǔ jīn yǒu yīng bì dà xiǎo de cháo gāo líng mǐn dù xiù zhēn wēi xíng liàng zì tuó luó yí, shí xiàn le háng tiān dǎo háng guǎn dǎo xīn piàn huà.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học đã chế tạo thành công con quay hồi chuyển lượng tử vi mô mini bỏ túi nhỏ gọn độ nhạy cảm siêu cao chỉ bằng kích thước đồng xu, thực hiện việc gắn chip hóa hệ thống dẫn đường quán tính hàng không vũ trụ.

17 nét

HÁN VIỆT: TỤ TRẦN
HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#897

悬

xuán
treo, lơ lửng; nguy hiểm chưa giải quyết (xuán hé)

我国完全自主设计建造的新一代常导与超导高速磁浮试验列车平稳悬浮在轨道之上, 展现出卓越性能。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ shè jì jiàn zào de xīn yí dài cháng dǎo yǔ chāo dǎo gāo sù cí fú shì yàn liè chē píng wěn xuán fú zài guǎo dào zhī shàng, zhǎn xiàn chū zhuó yuè xìng néng.

Đoàn tàu thử nghiệm đệm từ cao tốc siêu dẫn và thường dẫn thế hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ thiết kế xây dựng đang lơ lửng treo nhẹ nhàng êm ái trên đường ray, phô diễn tính năng trác việt.

11 nét

HÁN VIỆT: HUYỀN
HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#898

旋转

xuán zhuǎn
xoay tròn, quay vòng, luân chuyển

空间站巨大的柔性太阳能帆板在双轴驱动对日定向装置精确控制下平稳旋转, 持续为整站提供充沛的清洁能源。

Kōng jiān zhàn jù dà de róu xìng tài yáng néng fān bǎn zài shuāng zhóu qū dòng duì rì dìng xiàng zhuāng zhì jīng què kòng zhì xià píng wěn xuán zhuǎn, chí xù wéi zhěng zhàn tí gòng chéng qīng pèi de qīng jié diǎn néng.

Các cánh buồm năng lượng mặt trời mềm dẻo khổng lồ của trạm vũ trụ dưới sự kiểm soát chuẩn xác của thiết bị định hướng hướng trời truyền động hai trục đang quay vòng xoay tròn êm ái, liên tục cung ứng nguồn năng lượng điện sạch dồi dào cho toàn bộ trạm.

22 nét

HÁN VIỆT: HOÀN CHUYỂN
HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#899

选拔

xuǎn bá
tuyển chọn, chọn lọc tuyển mộ nhân tài

国家全面启动第四批预备航天员选拔工作, 首次向港澳地区开放载荷专家选拔通道, 引发了社会各界的强烈反响。

Guó jiā quán miàn qǐ dòng dì sì pī yù bèi háng tiān yuán xuǎn bá gōng zuò, shǒu cì xiàng gāng ào dì qū kāi fàng zài hè zhuān jiā xuǎn bá tōng dào, yīn fā le shè huì gè jiè de qiáng liè fǎn xiǎng.

Nhà nước đã khởi động toàn diện công tác tuyển chọn phi hành gia dự bị đợt thứ 4, lần đầu tiên mở rộng kênh tuyển chọn chuyên gia tài trọng tới khu vực Hồng Kông và Ma Cao, tạo nên sự hưởng ứng nhiệt liệt của các giới trong xã hội.

22 nét

HÁN VIỆT: TUYỂN BÁT
HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#900

选举

xuǎn jǔ
bầu cử, tuyển cử

在庄严隆重的人民代表大会全体会议上, 与会代表依法无记名投票选举产生了新一届国家领导机构人员。

Zài zhuān yán lóng zhòng de rén mín dài biǎo dàì biǎo dàì huì shàng, yǔ huì dài biǎo yī fǎ wú jì míng tóu pào xuǎn jǔ chān shēng le xīn yī jiē guó jiǎ líng dǎo jī gòu rén yuán.

Tại phiên họp toàn thể Đại hội Đại biểu Nhân dân (Quốc hội) trang nghiêm long trọng, các đại biểu tham dự đã bỏ phiếu kín theo luật định để bầu ra các nhân sự thuộc cơ quan lãnh đạo Nhà nước nhiệm kỳ mới.

23 nét

HÁN VIỆT: TUYỂN CỬ



HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#901

学会

xuéhuì

học được, nắm vững; hội học
thuật, hiệp hội khoa học

青年学者不仅要学会扎实掌握前沿理论，更要积极参与国家一级学会学术交流、开阔国际科学视野。

Qīng nián xué zhě bù jǐn yào xué huì zhā shí zhǎng wò qián yán lǐ lùn, gèng yào jī jí cān yù guó jiā yī jí xué huì xué shù jiāo liú, kāi kuò guó jì kē xué shì yě.

Học giả trẻ tuổi không chỉ cần học được nắm vững lý luận tiên phong một cách vững vàng, mà cũng phải tích cực tham gia các buổi giao lưu học thuật của hội học thuật hiệp hội cấp một quốc gia, mở rộng tầm nhìn khoa học quốc tế.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: HỌC HỘI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#902

学员

xuéyuán

học viên, người tham gia khóa đào
tạo

在国家青年科学家拔尖创新研修班上，全体学员在资深战略科学家指导下开展了多场高水平前沿学术研讨。

Zài guó jiā qīng nián kē xué jiā bá jiǎn chuàng xīn yán xiū bān shàng, quán tǐ xué yuán zài zī shēn zhàn lüè kē xué jiā zhǐ dǎo xià kāi zhǎn le duō chǎng gāo shuǐ píng qián yán xué shù yán tǎo.

Tại lớp tu nghiệp đổi mới sáng tạo xuất chúng các nhà khoa học trẻ quốc gia, toàn thể học viên dưới sự hướng dẫn của các nhà khoa học chiến lược lão thành đã triển khai nhiều buổi hội thảo học thuật tiên phong trình độ cao.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: HỌC VIÊN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#903

血管

xuèguǎn

mạch máu, huyết quản

超微型智能手术介入机器人能够在人体极其微细的心脑血管内部实现微米级高精度靶向疏通导航。

Chāo wēi xíng zhì néng shǒu shù jiè rù jī rén néng zài rén tǐ jí qí wēi xì de xīn nǎo xuè guǎn nèi bù shí xiàn wēi mǐ jī gāo jīng dù bǎ xiàng shū tōng dǎo háng.

Robot can thiệp phẫu thuật thông minh siêu vi mô có thể thực hiện dẫn đường khơi thông nhắm trúng đích độ chính xác cao cấp độ micromet bên trong huyết quản mạch máu tìm não vô cùng tinh vi của cơ thể người.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: HUYẾT QUẢN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#904

血液

xuèyè

máu, huyết dịch

新型高通量超微量芯片能够在几分钟内精准完成微滴血液中数百种肿瘤生物标志物的同步高灵敏筛查。

Xīn xíng gāo tōng liàng chāo wēi liàng xīn piàn néng gòu zài jǐ fēn zhōng nèi jīng zhǔn wán chéng wēi dī xuè yè zhōng shù bǎi zhǒng zhǒng liú shēng wù biāo zhì wù de tóng bù gāo lǐng mǐn shāi chá.

Dòng chip siêu vi lượng thông lượng cao kiểu mới có thể trong vòng vài phút hoàn thành chuẩn xác việc sàng lọc độ nhạy cảm cao đồng thời hàng trăm dấu ấn sinh học khối u trong một giọt máu huyết dịch cực nhỏ.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: HUYẾT DỊCH

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ / Tính từ

#905

循环

xúnhuán

tuần hoàn, lưu chuyển khép kín, tái
chế tuần hoàn

我国加快构建以国内大循环为主体、国内国际双循环相互促进的新发展格局，牢牢把握战略主动权。

Wǒ guó jiā kuài gòu jiàn yǐ guó nèi dà xún huán wéi zhǔ tǐ, guó nèi guó jì shuāng xún huán xiāng hù cù jìn de xīn fā zhǎn gé jú, láo lǎo bǎ wò zhàn lüè zhǔ dòng quán.

Nước ta đẩy nhanh xây dựng Cục diện Phát triển Mới lấy đại tuần hoàn trong nước làm chủ thể, tuần hoàn kép trong nước và quốc tế thúc đẩy lẫn nhau, nắm chắc trong tay quyền chủ động chiến lược.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: TUẦN HOÀN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#906

压迫

yāpò

áp bức, bóc lột đè nén; chèn ép
thần kinh (y học)

中国人民经过近代百余年浴血奋斗推翻了帝国主义、封建主义和官僚资本主义的残酷压迫，实现了民族独立与人民解放。

Zhōng guó rén jīng guò jìn dài bǎi nián yù xuè fèn dòu tuī fǎn le dì guó zhǔ yì, fēng jiàn zhǔ yì hé guān liáo zì běn zhǔ yì de cán kù yā pò, shí xiàn le mín zú dú lì yǔ rén mín jiě fàng.

Nhân dân sau hơn một trăm năm chiến đấu anh dũng thời cận đại đã lật đổ sự áp bức tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa phong kiến và chủ nghĩa tư bản quan liêu, thực hiện nền độc lập dân tộc và giải phóng nhân dân.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: ÁP BÀI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#907

烟花

yānhuā

pháo hoa, pháo bông rực rỡ

除夕午夜钟声敲响之际，绚丽多姿、璀璨夺目的环保高空烟花在维多利亚港湾与天安门广场上空绽放，点亮了盛世欢腾夜空。

Chú xī wǔ yè zhōng shēng qiāng xiǎng zhī jī, xuàn lì duō zī, cuǐ càn duó mù dì huán bǎo gāo kōng yān huā zài wéi duō lì yà gǎng wǎn yǔ tiān ān mén guǎng chǎng shàng kōng zhàn fàng, diǎn liàng le shèng shì huān téng yè kōng.

Vào thời điểm tiếng chuông nửa đêm Giao thừa vang lên, những chùm pháo hoa tầm cao thân thiện với môi trường rực rỡ lung lay muôn màu đã nở rộ trên bầu trời Quảng trường Thiên An Môn và Cảng Victoria, thắp sáng bầu trời đêm hoan hỷ thời thịnh thế.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: YÊN HOA

HSK 6 (3.0)

Động từ

#908

沿

yán

dọc theo

老师鼓励大家积极沿，勇于探索新的知识。老师鼓励大家积极沿，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yán, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực dọc theo, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 8 nét

HÁN VIỆT: DUYÊN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#909

沿海

yánhǎi

ven biển, duyên hải bờ biển

我国东部沿海经济发达地区加快培育发展海洋新质生产力，大力推进深海养殖装备与海上风电超级能源基地建设。

Wǒ guó dōng bù yán hǎi jīng jì fā dǎ de qū jiā kuài péi yù yǎ fā zhǎn hǎi yáng xīn zhì shēng chǎn lì, dà lì tuī jìn shēn hǎi yǎng zhuāng bèi yǔ hǎi shàng fēng diàn chāo jí néng yuán jī dì jiàn shè.

Vùng kinh tế phát triển ven biển duyên hải miền Đông nước ta đẩy nhanh bồi dưỡng phát triển lực lượng sản xuất chất lượng mới trên biển, đẩy mạnh xây dựng các siêu căn cứ năng lượng điện gió ngoài khơi cùng trang thiết bị nuôi trồng hải sản biển sâu.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: DUYÊN HẢI


HSK 6 (3.0)

Giới từ / Động từ

#910

沿着

yánzhe

men theo, dọc theo, đi theo con đường

我们要坚定不移沿着中国特色自主创新道路奋勇前进，加快实现高水平科技自立自强。

Wǒ men yào jiān dīng bù yí yán zhe zhōng guó tè sè zì zhù chuāng xīn dào lù fèn yǒng qián jìn, jiā kuài shí xiàn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng.

Chúng ta phải kiên định không ngừng dọc theo men theo con đường tự chủ đổi mới sáng tạo mang đặc sắc Trung Quốc dũng cảm tiến lên phía trước, đẩy nhanh thực hiện tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao.

17 nét

HÁN VIỆT : DUYỀN TRƯỚC

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#911

研发

yánfā

nghiên cứu và phát triển, R&D

国家全面加强全社会基础研究与关键核心技术研发投入力度，健全鼓励原始创新的体制机制保障。

Guó jiā quán miàn jiā dà quán shè huì jī chǔ yán jiū yǔ guān jiàn hé xīn jì shù yán fā tóu rù lì dù, jiàn quán gǒu lì yuán shǐ chuāng xīn de tǐ zhì jī zhì bǎo zhàng.

Nhà nước tăng cường toàn diện mức độ đầu tư nghiên cứu và phát triển R&D công nghệ lõi then chốt và nghiên cứu cơ bản toàn xã hội, hoàn thiện sự bảo đảm cơ chế thể chế khích lệ đổi mới sáng tạo nguyên bản.

21 nét

HÁN VIỆT : NGHIÊN PHÁT

HSK 6 (3.0)

Động từ

#912

眼看

yǎn kàn

nhìn thấy

老师鼓励大家积极眼看，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yǎn kàn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nhìn thấy, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

24 nét

HÁN VIỆT : NHẢNH KHÁN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#913

演奏

yǎn zòu

diễn tấu, biểu diễn nhạc cụ

中国国家交响乐团在维也纳金色大厅深情演奏了中国传世经典交响乐《梁祝》，优美动人的旋律深深打动了全场欧洲观众。

Zhōng guó guó jiā jiāo xiǎng yuè tuán zài wéi yě nà jīn sè dà tīng shēn qíng yǎn zòu le zhōng guó chuán shì jīng diǎn jiāo xiǎng yuè 《liáng zhù》, yōu měi dòng rén de xuàn lǚ shēn shēn dǎ dòng le quán chǎng ōu zhōu guān zhòng.

Dàn nhạc Giao hưởng Quốc gia Trung Quốc tại Đại sảnh Vàng Vienna đã diễn tấu đầy truyền cảm bản giao hưởng kinh điển để đời 'Lương Chúc', giai điệu tươi đẹp lay động lòng người đã làm rung động sâu sắc toàn thể khán giả châu Âu trong khán phòng.

19 nét

HÁN VIỆT : DIỄN TẤU

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#914

宴会

yàn huì

tiệc, buổi chiêu đãi, dạ yến

在隆重热烈的国宾欢迎宴会上，中外嘉宾欢聚一堂，共叙友谊、共商全球合作与发展大计。

Zài lóng zhòng rè liè de guó bīn huān yíng yàn huì shàng, zhōng wài jiā bīn huān jù yì táng, gòng xù yǒu yì, gòng shāng quán qiú hé zuò yǔ fā zhǎn dà jì.

Tại buổi quốc yến chiêu đãi chào mừng quốc khách long trọng nồng nhiệt, các vị khách quý trong và ngoài nước đã quây quần tế tộ, cùng nhau ôn lại tình hữu nghị và bàn thảo đại kế hợp tác phát triển toàn cầu.

27 nét

HÁN VIỆT : YẾN HỘI

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#915

洋

yáng

đại dương, biển lớn; ngoại quốc tây phương; phong phú

我国万米载人深潜科考母船劈波斩浪、远赴大洋，圆满完成多次具有里程碑意义的深渊科学考察任务。

Wǒ guó wàn mǐ zài rén shēn qián kē kǎo mǔ chuán pī bō zhàn làng, yuǎn fù dà yáng, yuán mǎn wán chéng duō cì jǔ yǒu lǐ chéng bēi yì yì de shēn yuán kē xué kǎo chá rèn wu.

Con tàu mẹ khảo sát khoa học lặn sâu có người lái vạn mét của nước ta rẽ sóng đập gió, vươn xa tới đại dương biển lớn, hoàn thành mỹ mãn nhiều nhiệm vụ khảo sát khoa học vực sâu mang ý nghĩa cột mốc lịch sử.

14 nét

HÁN VIỆT : DƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#916

仰

yǎng

ngưỡng mộ

老师鼓励大家积极仰，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yǎng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực ngưỡng mộ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT : NGƯỠNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#917

养老

yǎng lǎo

dưỡng lão, chăm sóc người cao tuổi

国家积极推进智慧健康养老产业高质量发展，让现代科技创新成果更广泛深入地造福广大老年群体。

Guó jiā jī jìn tuī jìn zhì huì jiāng kāng yǎng lǎo chǎn yè gāo zhì liàng fā zhǎn, ràng xiān dài kē jì chuāng xīn chéng guǒ gèng guǎng fàn shēn rù dì zào fú guāng dà lǎo nián qún tǐ.

Nhà nước tích cực thúc đẩy ngành nghề dưỡng lão chăm sóc người cao tuổi sức khỏe thông minh phát triển chất lượng cao, giúp các thành quả đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ hiện đại mang lại lợi ích sâu rộng hơn cho đông đảo người cao tuổi.

24 nét

HÁN VIỆT : DƯỠNG LÃO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#918

氧气

yǎng qì

khí oxy, oxy sinh tồn

中国空间站核心舱搭载的电解水制氧与再生生保系统，实现了舱内氧气百分之百自给自足与高效循环利用。

Zhōng guó kōng jiān zhàn hé xīn cāng dā zài de diàn jiě shuǐ zhì yǎng qì zài shēng shēng bǎo xì tǒng, shí xiàn le cāng nèi yǎng qì bǎi fēn zhī bǎi zì jǐ zì zú yǔ gāo xiào xún huán lì yòng.

Hệ thống bảo đảm sinh mệnh tái sinh và sản xuất oxy bằng điện phân nước trang bị trên khoang lõi của Trạm vũ trụ Trung Quốc đã thực hiện việc tự cung tự cấp 100% khí oxy cũng tuần hoàn tái sử dụng hiệu quả cao bên trong khoang.

22 nét

HÁN VIỆT : DƯỠNG KHÍ


HSK 6 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#919

样

yàng

 hình mẫu, kiểu dáng; mẫu vật
(yàngpǐn); loại (lượng từ)

经过千百次反复试制与工艺改进, 该型号航空关键轴承工程样件的各项疲劳寿命指标完全达到国际顶尖水准。

Jīng guò qiān bǎi cì fǎn fù shì zhì yǔ gōng yì gǎi jìn, gāi xíng hào háng kōng guān jiàn zhōu chéng gōng chéng yàng jiàn de gè xiàng pí láo shòu mìng zhǐ biāo wán quán dǎ dào guó jì dīng jiān shuǐ zhūn.

Trải qua hàng ngàn lần cải tiến quy trình và chế tạo thử lặp đi lặp lại, tất cả các chỉ tiêu tuổi thọ mỏi của chi tiết mẫu vật mẫu hình mẫu công trình ổ trục then chốt hàng không thuộc dòng này đã hoàn toàn đạt chuẩn đỉnh cao quốc tế.

10 nét

 HÁN VIỆT: **DẠNG**
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#920

药品

yàopǐn

thuốc men, dược phẩm các loại

国家全面加快重大疾病创新靶向药品与高端医疗装备自主研发上市, 切实降低人民群众用药负担。

Guó jiā quán miàn jiā kuài zhòng dà jí bìng chuāng xiān bǎ xiàng yào pǐn yǔ gāo duān yī liáo zhuāng bèi zì zhǔ yán fā shāng shì, qiè shí jiàng dī rén mín qún zhòng yòng yào fù dān.

Nhà nước đẩy nhanh toàn diện việc tự chủ nghiên cứu phát triển đưa ra thị trường các loại dược phẩm thuốc men trúng đích đối mới sáng tạo bệnh hiểm nghèo và trang thiết bị y tế cao cấp, giảm nhẹ thực chất gánh nặng dùng thuốc của quần chúng nhân dân.

25 nét

 HÁN VIỆT: **DƯỢC PHẨM**
HSK 6 (3.0)

Liên từ

#921

要不然

yào bù rán

nếu không thì, bằng không thì

重大工程必须严格执行双重质量复核制度, 要不然哪怕极细微的工艺疏漏都可能酿成无法估量的严重后果。

Zhòng dà gōng jīng bì xū yán gé xié xíng shuāng chóng zhì liàng fù hé zhì dù, yào bù rán nǎ pà jì xī wēi de gōng yì sù lòu dōu kě néng niàng chéng wú fǎ gū liang de yán zhòng hòu guǒ.

Công trình trọng đại quốc gia bắt buộc phải thực thi nghiêm ngặt chế độ kiểm tra rà soát chất lượng kép, nếu không thì bằng không thì đầu chỉ một sơ suất quy trình công nghệ cực kỳ nhỏ bé cũng có thể dẫn tới những hậu quả nghiêm trọng khôn lường.

34 nét

 HÁN VIỆT: **YẾU BẤT NHIÊN**
HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#922

要好

yàohǎo

thân thiết, gần bó khăng khít; muốn vươn lên tốt hơn

青年学者之间既是志同道合、关系要好的学术挚友, 也是在世界科技前沿并肩作战的亲密战友。

Qīng nián xué zhě zhī jiān jì shì zhì tóng dào hé, guān xì yào hǎo de xué shù zhì yǒu, yě shì zài shì jiè kē jì qián yán bìng jiān zuò zhàn de qīn mì zhàn yǒu.

Các học giả trẻ tuổi vừa là những người bạn học thuật chí cốt thân thiết gần bó cùng chung chí hướng, lại vừa là những người bạn chiến đấu thân thiết kề vai sát cánh tác chiến nơi ranh giới tiên phong khoa học công nghệ thế giới.

26 nét

 HÁN VIỆT: **YÊU HẢO**
HSK 6 (3.0)

Liên từ

#923

要么

yàome

hoặc là, bằng không thì, hoặc A hoặc B

搞原始创新要么敢于勇闯前人未曾涉足的技术无人区, 要么彻底打破现成教条开辟全新学术路径。

Gǎo yuán shǐ chuàng xīn yào me gǎn yǔ yǒng chuāng quán rén wèi céng shè zú de jì shù wú rén qū, yào me chè dǐ dǎ pò xiàn chéng jiào tiáo kāi pì quán xīn xué shù lù jīng.

Làm đổi mới sáng tạo nguyên bản hoặc là phải dũng cảm xông pha vào vùng không người công nghệ mà người đi trước chưa từng đặt chân tới, hoặc là phá vỡ triệt để giáo điều có sẵn để mở ra con đường học thuật hoàn toàn mới.

27 nét

 HÁN VIỆT: **YÊU YÊU**
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#924

要素

yào sù

yếu tố, nhân tố cấu thành cốt lõi

加快构建数据基础制度体系, 促进数据、技术、人才与资本等关键生产要素在全国统一大市场内自主有序高效流动。

Jiā kuài gòu jiàn shù jù jù jī zhǔ zhì dù tǐ xī, cù jìn shù jù, jì shù, rén cái yǔ zī běn děng guān jiàn shēng chǎn yào sù zài quán guó tóng yī dà shì chǎng nèi zì zhǔ yǒu xù gāo xiào liú dòng.

Đẩy nhanh xây dựng hệ thống chế độ cơ sở về dữ liệu, thúc đẩy các yếu tố sản xuất then chốt như vốn, nhân tài, công nghệ và dữ liệu lưu chuyển hiệu quả cao tự chủ có trật tự bên trong Đại thị trường Thống nhất Toàn quốc.

21 nét

 HÁN VIỆT: **YÊU TỐ**
HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#925

野

yě

hoang dã, nơi hoang dã dã ngoại; nông cuồng

科考队员克服高原极寒低氧与恶劣野外环境, 在茫茫无人区圆满完成了重大地质勘探取样科研任务。

Kē kǎo duì yuán kè fú gāo yuán jí hán dī yǎng yǔ è liè yě wài huán jīng, zài máng máng wú rén qū yuán mǎn wán chéng le zhòng dà dì zhì kǎn sǎt yàng yán jiàn yán wù.

Các đội viên khảo sát khoa học đã khắc phục môi trường dã ngoại hoang dã khắc nghiệt cùng tình trạng giá rét thiếu oxy của cao nguyên, hoàn thành mỹ mãn nhiệm vụ nghiên cứu khoa học lấy mẫu khảo sát địa chất trọng đại nơi vùng không người bao la.

10 nét

 HÁN VIỆT: **DÃ**
HSK 6 (3.0)

Tính từ

#926

野生

yěshēng

hoang dã, tự nhiên trong tự nhiên (động/thực vật)

国家公园全面推行红外热成像智能网格化监测, 切实保障了大熊猫、雪豹等珍稀野生动物种群安全繁衍。

Guó jiā gōng yuán quán miàn tuī xíng hóng wài rè chéng xiàng zhì néng wǎng gé huà jiān cè, qiè shí bǎo zhàng le dà xióng māo, xuě bào děng zhēn xī yě shēng dòng wù zhòng qún ān quán fán yǎn.

Công viên Quốc gia đẩy mạnh toàn diện quan trắc mạng lưới thông minh hình ảnh nhiệt hồng ngoại, bảo vệ thực chất cho các quần thể động vật hoang dã tự nhiên quý hiếm như báo tuyết, gấu trúc lớn sinh sôi an toàn.

20 nét

 HÁN VIỆT: **DÃ SINH**
HSK 6 (3.0)

Tính từ

#927

一次性

yícìxìng

dùng một lần, một lần duy nhất

全社会大力倡导绿色低碳生活新风尚, 全面减少一次性不可降解塑料制品使用与废弃物排放。

Quán shè huì dà lì chàng lǜ diǎn lōu sè shēng huó xīn fēng shàng, quán miàn jiǎn shǎo yí cì xīng bù kě jiě jiàng sù liào pǐn shǐ yòng yǔ fèi qì wù pái fàng.

Toàn xã hội ra sức kêu gọi nếp sống mới xanh ít phát thải carbon, cắt giảm toàn diện việc sử dụng và xả thải các sản phẩm đồ nhựa không phân hủy dùng một lần một lần.

35 nét

 HÁN VIỆT: **NHẤT THỬ TÍNH**


HSK 6 (3.0)

Danh từ / Số lượng

#928

一代

yídài

một thế hệ, thế hệ con người/kỹ thuật

一代代战略科学家隐姓埋名、无私奉献，把智慧与汗水融进了新时代科技强国建设的伟大历史征程。

Yí dài dài zhàn lüè kē xué jiā yīn xìng mái míng, wú sī fèng xiàn, bǎ zhì huì yǔ hàn shuǐ róng jìn le xīn shí dài kē jì qiáng guó jiàn shè de wēi dà lì shǐ zhēng chéng.

Bao thế hệ một thế hệ các nhà khoa học chiến lược ẩn danh giấu tên, vô tư cống hiến, hòa quyền trí tuệ và mồ hôi vào hành trình lịch sử vĩ đại xây dựng cường quốc khoa học công nghệ thời đại mới.

20 nét

HÁN VIỆT: NHẤT ĐẠI

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Lượng từ / Phó từ

#929

一道

yídào

một tia/vết (lượng từ); cùng nhau; một đạo (chỉ thị)

大国重器长征运载火箭托举着科学实验卫星呼啸升空，在浩瀚天穹划出了一道绚丽耀眼的金色航迹。

Dà guó zhòng qì cháng zhēng yùn zài huò jiàn tuō jǔ zhe kē xué shí yàn wèi xīng hū xiào shèng kōng, zài hào hàn tiān qióng huà chū le yí dào xuàn lì yào yǎo jīn sè háng jì.

Tên lửa đẩy Trường Chinh đại khí quốc gia nâng đỡ vệ tinh thực nghiệm khoa học gầm vang bay vút lên trời cao, vạch nên một vết một tia đường bay màu vàng óng rực rỡ lóa mắt giữa vòm trời bao la.

21 nét

HÁN VIỆT: NHẤT ĐẠO

HSK 6 (3.0)

Lượng từ / Số lượng

#930

一番

yīfān

một phen, một trường, một hồi thử thách

经过一番艰苦卓绝的攻关摸索与无数次试验，科研团队终于攻克了高温超导微观理论这一世界级科学难题。

Jīng guò yī fān jiǎn kǔ zhuó jué de gōng guān mō suǒ yǔ wú shù cì shí yàn, kē yán tuán duì zhōng yú gōng kè le gāo wēn chāo dǎo wēi guān lǐ lùn zhè yī shì jiè jí kē xué nán tí.

Trải qua một phen một hồi tìm tòi vượt khó gian khổ tột cùng cùng vô số lần thử nghiệm, đội ngũ nghiên cứu khoa học cuối cùng đã chinh phục bài toán khoa học tầm cỡ thế giới về lý luận vi mô siêu dẫn nhiệt độ cao.

20 nét

HÁN VIỆT: NHẤT PHAN

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#931

一贯

yīguān

nhất quán, trước sau như một, kiên trì không đổi

中国始终坚定不移奉行独立自主的和平外交政策，这一贯立场赢得了国际社会的广泛赞誉与高度信任。

Zhōng guó shǐ zhōng jiǎn dīng bù yí fēng xíng dú lì zì zhǔ de hé píng wài jiāo zhèng cè, zhè yī guān lì chǎng yíng dé le guó jì shè huì de guāng fàn zàn yù yǔ gāo dù xìn rèn.

Trung Quốc luôn kiên định không ngừng thực thi chính sách ngoại giao hòa bình độc lập tự chủ, lập trường nhất quán trước sau như một này đã giành được sự khen ngợi rộng khắp cùng sự tin cậy cao độ của cộng đồng quốc tế.

22 nét

HÁN VIỆT: NHẤT QUÁN

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn / Phó từ

#932

一路上

yílùshang

suốt dọc đường, suốt trên đường đi

科考车队一路上顶风冒雪、日夜兼程，在海拔五千多米的青藏高原极端恶劣环境下安全挺进无人区。

Kē kǎo chē duì yī lù shàng dīng fēng mào xuě, rì yè jiān chéng, zài hǎi bá wǔ qiān duō mǐ de qīng zàng gāo yuán jí duān è liè huán jīng xià ān quán tǐng jìn wú rén qū.

Đoàn xe khảo sát khoa học suốt trên đường đi suốt dọc đường đội gió vượt tuyết, đi gấp ngày đêm, tiến vào vùng không người an toàn trong môi trường cực kỳ khắc nghiệt của cao nguyên Thanh Tạng ở độ cao hơn 5000 mét.

33 nét

HÁN VIỆT: NHẤT LỘ THƯỜNG

HSK 6 (3.0)

Thành ngữ / Tính từ

#933

一模一样

yímúyiyàng

giống nhau như đúc, y như tạc, giống hệt nhau

在超精密纳米光刻复制工艺中，硅片上蚀刻出的数十亿个微晶体管结构排列得极其整齐、几乎一模一样。

Zài chāo jīng mì nǎn mǐ guāng kè fù zhì gōng yì zhōng, guī piàn shàng shí kè chū de shù shí yì gè wēi guǎn jīng tǐ guān jié gòu pái liè dé jí qí zhěng qí, jī hū yí mú yí yàng.

Trong quy trình sao chép quang khắc nano siêu chính xác, hàng tỷ cấu trúc bóng bán dẫn vi mô được khắc trên phiến silicon xếp đặt cực kỳ ngay ngắn, gần như giống hệt nhau giống nhau như đúc.

35 nét

HÁN VIỆT: NHẤT MÔ NHẤT DẠNG

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#934

一齐

yìqí

cùng lúc, đồng loạt, nhất tể đồng thanh

当大科学装置束束高能粒子束流成功引出的喜讯传来，控制大厅里全体科研人员一齐欢呼鼓掌、热泪盈眶。

Dāng dà kē xué zhuāng shù shù gāo néng lì zǐ shù liú chéng gōng yīn chū de xǐ xùn chuán lái, kòng zhì dà tīng lǐ quán tǐ kē yán yuán yì qí huān hū gǔ zhǎng, rè lèi yíng kuàng.

Khi tin mừng chùm hạt năng lượng cao đầu tiên của thiết bị khoa học lớn được dẫn ra thành công truyền tới, trong đại sảnh điều khiển toàn thể cán bộ nghiên cứu đồng loạt cùng lúc reo hò vỗ tay, nước mắt rưng rưng xúc động.

22 nét

HÁN VIỆT: NHẤT TỂ

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian / Phó từ

#935

一时

yíshí

nhất thời, tạm thời, một thời gian ngắn

面对科研攻关中遇到的一时困难与挫折，广大青年学者保持从容定力，决不会因为眼前暂时的失败而气馁。

Miàn duì kē yán gōng guān zhōng yù dào de yí shí kùn nán yǔ cuò zhé, guāng dà qīng nián xué zhě bǎo chí cóng róng dìng lì, jué bù yīn wéi yǎn qián zàn shí de shī bài ér qì nǐ.

Đứng trước những khó khăn và trắc trở tạm thời nhất thời gặp phải trong vượt khó nghiên cứu khoa học, đồng đạo các học giả trẻ tuổi luôn giữ vững định lực ung dung, tuyệt đối không vì thất bại tạm thời trước mắt mà nản lòng.

26 nét

HÁN VIỆT: NHẤT THỜI

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#936

一同

yítóng

cùng nhau, cùng đi, cùng tham gia

资深战略科学家与多位青年学术骨干一同深入大科学装置建设工地，现场勘察指导核心真空管道安装调试。

Zī shēn zhàn lüè kē xué jiā yǔ duō wèi qīng nián xué shù gǔ gàn yì tóng shēn rù dà kē xué zhuāng shì jiàn shè gōng dì, xiàn chǎng kǎn chá zhǐ dǎo hē xīn zhēn kōng guǎn dào ān zhuāng tiáo shì.

Nhà khoa học chiến lược lão thành cùng nhiều cán bộ nòng cốt học thuật trẻ tuổi cùng nhau cùng đi sâu vào công trường xây dựng thiết bị khoa học lớn, khảo sát thực địa chỉ đạo lắp đặt và hiệu chỉnh đường ống chân không cốt lõi.

25 nét

HÁN VIỆT: NHẤT ĐỒNG



**HSK 6
(3.0)**

Tính từ / Phó từ / Danh từ #946

异常

yìcháng

dị thường, khác thường; vô cùng đặc biệt; sự bất thường

国家地震监测预警台网依托人工智能微震识别算法,能够在数秒内精准捕捉地下断裂带的微弱地磁异常信号。

Guójiā dìzhèn jiāncè yǐng ài zhì jīng tái wǎng yǐ tuō rén gōng gōng zhì nēng wēi zhèn shí bié suàn fǎ, néng gòu zài shù miǎo nèi jīng zhǔn bǔ zhuō dì xià duàn liè dài de wēi ruò dì cí yì cháng xìn hào.

Mạng lưới đài trạm quan trắc cảnh báo sớm động đất quốc gia dựa vào thuật toán nhận diện vi chấn trí tuệ nhân tạo, có thể bắt trọn chuẩn xác tín hiệu bất thường bất thường địa từ vi mô của đứt gãy dưới lòng đất chỉ trong vài giây.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: DỊ THƯỜNG

HSK 6 (3.0)

Thành ngữ / Tính từ #947

意想不到

yìxiǎngbú dào

không ngờ tới, bất ngờ ngoài dự kiến, không tưởng tượng nổi

科研攻关团队在超导材料极低温微观物理反常实验中,竟取得了意想不到的全新拓扑物态重大原创发现。

Kē yán gōng guān tuán duì zài chāo dǎo cái liào jí dī wēn wēi guān wù lǐ fǎn cháng shí yàn zhōng, jīng qǔ dé le yì xiǎng bù dào de quán xīn tuō pǔ wù tài zhòng dà yuán chuàng fā xiàn.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học vượt khó trong thực nghiệm dị thường vật lý vi mô siêu nhiệt độ thấp của vật liệu siêu dẫn, không ngờ rằng đã đạt được phát hiện nguyên tắc trọng đại ngoài dự kiến không ngờ tới bất ngờ về trạng thái vật chất tô-pô hoàn toàn mới.

📖 35 nét

HÁN VIỆT: Ý TƯỞNG BẤT ĐÁO

HSK 6 (3.0)

Danh từ #948

意愿

yìyuàn

nguyện vọng, ý nguyện, mong muốn

中国科学家始终秉持开放合作、互利共赢的真诚意愿,积极推动全球开放科学计划惠及全人类。

Zhōng guó kē xué jiā shǐ chí kāi fàng hé zuò, hù lì gòng yíng de zhēn chéng yì yuàn, jī jī tuī dòng quán qiú kāi fàng kē xué jì huà huì jí quán rén lèi.

Các nhà khoa học Trung Quốc luôn giữ vững mong muốn ý nguyện nguyện vọng chân thành đôi bên cùng có lợi cùng thắng và hợp tác cởi mở, tích cực thúc đẩy kế hoạch khoa học mở toàn cầu mang lại lợi ích cho toàn nhân loại.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: Ý NGUYỆN

**HSK 6
(3.0)**

Giới từ / Liên từ / Danh từ #949

因

yīn

bởi vì, do vì; nguyên nhân căn nguyên (yīnyuán)

因在量子通信与量子保密网络领域的奠基性原创贡献,我国领军科学家荣获国际量子物理学界最高科学大奖。

Yīn zài liàng zǐ tōng xìn yǔ liàng zǐ bǎo mì wǎng lùò líng yǔ de diàn jī xīng yuán chuàng xiàn, wó guó lǐng jūn kē xué jiā róng huò guó jì liàng zǐ wù lǐ xué jiè zuì gāo kē xué dà jiǎng.

Bởi vì do vì những cống hiến nguyên tác mang tính đặt nền móng trong lĩnh vực mạng lưới bảo mật lượng tử và thông tin lượng tử, nhà khoa học dẫn đầu nước ta đã vinh dự đoạt giải thưởng khoa học cao nhất của giới vật lý lượng tử quốc tế.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: NHÂN

HSK 6 (3.0)

Danh từ #950

因素

yīn sù

nhân tố, yếu tố

在评估复杂深水油气田开采方案可行性时,必须全面综合考量洋流海况、海底地质与防冲韧性等多重关键因素。

Zài píng gū fù zá shēn shuǐ yóu qì tián kāi cái fāng àn kě xíng xìng shí, bì xū quán miàn zōng hé kǎo lǎng yáng liú hǎi kuàng, hǎi dǐ dì zhì yú fáng zǎi rèn xìng děng duō zhòng guān jiàn yīn sù.

Khi đánh giá tính khả thi của phương án khai thác mỏ dầu khí vùng nước sâu phức tạp, nhất thiết phải tính toán cân nhắc toàn diện đa chiều nhiều yếu tố then chốt như hải lưu điều kiện biển, địa chất đáy biển và khả năng chống chịu thiên tai.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: NHÂN TỐ

HSK 6 (3.0)

Danh từ #951

阴谋

yīn móu

âm mưu, quỷ kế mưu mô đen tối

任何妄图勾连外部敌对势力分裂国家主权领土完整与破坏社会繁荣稳定的险恶阴谋,都注定碰得头破血流。

Rèn hé wàng tú gōu lián wài bù dí duì shì lì fēn liè guó jiā zhǔ quán lǐng tǔ wán zhěng yǔ pò huài shè huì fán róng wén dīng de xiǎn è yīn móu, dōu zhù dìng pèng dé tóu pò xuè liú.

Mọi âm mưu quỷ kế đen tối nham hiểm mưu toan móc nối với các thế lực thù địch bên ngoài nhằm chia rẽ toàn vẹn lãnh thổ chủ quyền quốc gia và phá hoại sự ổn định phồn vinh của xã hội chắc chắn đều sẽ đập đầu chảy máu thất bại thảm hại.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: ÂM MƯU

HSK 6 (3.0)

Danh từ #952

阴影

yīnyǐng

bóng râm, bóng tối; bóng đen ám ảnh (tâm lý)

重大关键核心技术的成功自主突破,彻底驱散了长期笼罩在高端芯片制造产业上空的封锁阴影。

Zhòng dà guān jiàn hé xīn jì shù de chéng gōng zì zhǔ tuō pò, chè dǐ qū sǎn le cháng qī zhào zài gāo duān xīn piàn zhì zào chǎn yè shàng kōng de fēng suǒ yīn yǐng.

Bước đột phá tự chủ thành công của công nghệ lõi then chốt trong đại đã xua tan triệt để bóng đen bóng tối phong tỏa bao phủ suốt thời gian dài phía trên bầu trời ngành chế tạo chip cao cấp.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: ÂM ẢNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ #953

音量

yīnliàng

âm lượng, độ lớn âm thanh

在国际声学物理超低噪声消音实验室里,背景噪声音量被极限降到了人类听觉极限以下的负分贝水平。

Zài guó jì shēng xué wù lǐ chāo dī zào shēng xiāo yīn shí yàn shì lǐ, bèi jīng zào shēng yīn liàng bèi jì xiàn jiàng dào le rén lèi tīng jué jì xiàn yǐ xià de fù fēn bēi shuǐ píng.

Bên trong phòng thí nghiệm tiêu âm vật lý âm học tiếng ồn siêu thấp quốc tế, độ lớn âm thanh âm lượng tiếng ồn nền đã được hạ xuống mức giới hạn decibel âm dưới ngưỡng giới hạn thính giác của con người.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: ÂM LƯỢNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ #954

音像

yīnxiàng

âm thanh hình ảnh, sản phẩm nghe nhìn audiovisual

国家数字科技馆运用全息高清音像多模态互动技术,让广大青少年身临其境感受深空探测的神奇魅力。

Guó jiā shù zì kē jǐ guǎn yùn yòng quán xī gāo qīng yīn xiàng duō mó tài hù dòng jì shù, ràng guǎng dà qīng shào nián shēn lín qí jīng gǎn shòu shēn kōng tàn cè de shén qí mèi lì.

Bảo tàng Khoa học Công nghệ Kỹ thuật số Quốc gia ứng dụng công nghệ tương tác đa phương thức sản phẩm nghe nhìn âm thanh hình ảnh độ nét cao hologram, giúp đồng đạo thanh thiếu niên được đích thân cảm nhận sức quyến rũ kỳ diệu của thám trắc không gian sâu.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: ÂM TƯỢNG



HSK 6 (3.0)

Động từ

#955

隐藏

yǐncáng

ẩn giấu, che giấu, ẩn nấp

高灵敏度空间引力波探测器能够精准捕捉隐藏在浩瀚宇宙深处极端微弱的时空涟漪物理信号。

Gāo lǐng mǐn dù kōng jiān yǐn lì bō tàn cè qì néng gōu jīng zhǔn bǔ zhuō yīn cáng zài hào hàn yǔ zhōu shēn chù jí duǎn wēi ruò de shí kōng shí kōng lián yī wù lǐ xīn hào.

Máy dò sóng hấp dẫn không gian độ nhạy cảm cao có thể bắt trọn chuẩn xác các tín hiệu vật lý gợn sóng không - thời gian cực kỳ yếu ớt ẩn nấp che giấu ẩn giấu nơi sâu thẳm vũ trụ bao la.

22 nét

HÁN VIỆT: ẨN TẠNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#956

隐私

yǐn sī

quyền riêng tư, thông tin bảo mật cá nhân

国家个人信息保护法与数据安全法全面落地实施，依法严格保护公民个人隐私与敏感数据资产安全。

Guó jiā gè rén xìn xī bǎo hù fǎ yǔ fǎ yǎn gé bǎo hù gōng mǐn gē rén yīn sī yǔ mǐn gǎn shù jù zì chǎn ān quán.

Luật Bảo vệ Thông tin Cá nhân và Luật An toàn Dữ liệu Quốc gia đã được triển khai thực thi toàn diện, bảo vệ nghiêm ngặt theo quy định pháp luật an toàn tài sản dữ liệu nhạy cảm và quyền riêng tư bí mật cá nhân của công dân.

23 nét

HÁN VIỆT: ẨN TƯ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#957

印

yìn

in ấn, in ra; dấu vết in hằn; con dấu ấn tín

广大科研工作者脚踏实地、埋头苦干，在攀登世界科技高峰的历史征程上留下了深深的奋斗足迹与闪光印记。

Guǎng dà kē yán gōng zuò jiǎo tà shí dì, mái tóu kǔ gàn, zài pán dēng shì jiè kē jì gāo fēng de lì shǐ zhēng chéng shàng liú xià le shēn shēn de fèn dòu zú jì yǔ shǎn guāng yìn jì.

Đồng đạo những người làm khoa học chân đạp đất bằng, cúi đầu nỗ lực dốc sức, trên hành trình lịch sử trèo lên đỉnh cao khoa học công nghệ thế giới đã để lại những dấu ấn dấu vết in hằn và dấu chân phấn đấu sâu sắc tỏa sáng.

11 nét

HÁN VIỆT: ẤN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#958

应对

yìngduì

ứng phó, đối phó xử lý; phương sách đối phó

我们要全面增强科技安全忧患意识，健全重大突发公共事件与产业链断供风险的科学应对与应急预案体系。

Wǒ men yào quán miàn zēng qiáng kē jì ān quán yōu huān yì shí, jiàn quán zhòng dà tǔ fā gōng gòng shì jiàn yǔ chǎn yè liàn duàn gòng fēng xiǎn de kē xué yìng duì yǔ yǐng jì yǔ àn tí xī.

Chúng ta phải tăng cường toàn diện ý thức lo xa an toàn khoa học công nghệ, hoàn thiện hệ thống phương án dự phòng khẩn cấp và xử lý ứng phó khoa học đối với các rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng và sự cố công cộng đột xuất trọng đại.

26 nét

HÁN VIỆT: ỨNG ĐỐI

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ / Danh từ

#959

应急

yìngjī

ứng phó khẩn cấp, cứu cấp dự phòng

国家建立了覆盖全国的空天地海一体化智能应急指挥救援网络体系，实现了重大自然灾害秒级精准响应。

Guó jiā jiàn lì le fù gài quán guó de kōng tiān dì hǎi yī tǐ huà zhì huà zhì néng yìng jī zhǐ huī jiù yuán wǎng luò tǐ xì, shí xiàn le zhòng dà zì rán zāi hài miǎo jí jīng zhǔn xiǎng yìng.

Nhà nước đã xây dựng hệ thống mạng lưới cứu nạn chỉ huy ứng phó khẩn cấp khẩn cấp thông minh tích hợp không gian - trời - đất - biển bao phủ toàn quốc, thực hiện phản ứng chuẩn xác cấp độ giây trước các thiên tai trọng đại.

23 nét

HÁN VIỆT: ỨNG CẤP

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#960

英雄

yīngxióng

anh hùng; hào hùng

崇尚英雄才会产生英雄，争做英雄才能英雄辈出；无数英烈用生命铸就了共和国坚不可摧的钢铁长城。

Chóng shàng yīng xióng cái huì chǎn shēng yīng xióng, zhēng zuò yīng xióng cái yīng xióng bèi chū; wú shù yīng liè yòng shēng mìng zhù jiù le gòng hé guó jiān bù kě cuī de gāng tiě cháng chéng.

Tôn vinh anh hùng mới sinh ra anh hùng, phấn đấu làm anh hùng mới có anh hùng lớp lớp xuất hiện; biết bao anh hùng liệt sĩ đã dùng tính mạng máu xương đúc nên bức tường thành thép không thể phá vỡ của Tổ quốc.

26 nét

HÁN VIỆT: ANH HÙNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#961

迎来

yínglái

đón chào, chào đón, bước vào giai đoạn

随着大科学装置群相继建成投运，我国前沿基础物理与微观物质科学研究迎来了原始创新井喷的历史性黄金期。

Suí zhe dà kē xué zhuāng zhì qún xiāng jì jiàn chéng tóu yùn, wǒ guó qián yán jī chǔ wù lǐ yǔ wēi guān wù zhì kē xué yán jiū yíng lái le yuán shǐ chuàng xīn jǐng pēn de lì shǐ xìng huáng jīn qī.

Cùng với việc cụm thiết bị khoa học lớn lần lượt xây dựng hoàn thành và đưa vào vận hành, nghiên cứu khoa học vật chất vi mô và vật lý cơ bản tiên phong của nước ta đã bước vào chào đón chào đón thời kỳ hoàng kim lịch sử bùng nổ đổi mới sáng tạo nguyên bản.

19 nét

HÁN VIỆT: NGẪNH LAI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#962

影迷

yǐngmí

người hâm mộ phim ảnh, fan điện ảnh

这部生动展现中国航天人自力更生、征战太空壮举的硬核科幻巨制大片上映后，吸引了千万影迷热烈观影点赞。

Zhè bù shēng dòng zhǎn xiàn zhōng guó háng tiān rén zì lì gēng shēng, zhēng zhàn tài kōng zhuàng jǔ de yìng hé kē xué jù zhì dà piàn shàng yǐng hòu, xī yǐn le qiān wàn yǐng mí rè liè guān yǐng yǔ diǎn zàn.

Bộ phim bom tấn khoa học viễn tưởng siêu thực phổ biến sinh động kỳ tích tự lực cánh sinh chinh phục không gian của những người làm hàng không vũ trụ Trung Quốc sau khi công chiếu đã thu hút hàng triệu fan điện ảnh người hâm mộ phim ảnh nhiệt tình theo dõi và khen ngợi.

19 nét

HÁN VIỆT: ẨM MỸ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#963

影响力

yǐngxiǎnglì

sức ảnh hưởng, tầm ảnh hưởng lan tỏa

中国科学家在前沿量子科技领域的重大突破显著提升了我国在国际基础科学领域的学术话语权与全球战略影响力。

Zhōng guó kē xué jiā zài qián yán liàng zǐ kē jì lǐng yù de zhòng dà tǔ pò xiǎn zhù tí shēng le wǒ guó zài guó jì jī chǔ kē xué lǐng yù de xué shù shù yǔ quán yǔ quán qiú zhàn lüè yǐng xiǎng lì.

Những đột phá trọng đại của các nhà khoa học Trung Quốc trong lĩnh vực công nghệ lượng tử tiên phong đã nâng cao rõ rệt quyền phát ngôn học thuật và sức ảnh hưởng tầm ảnh hưởng chiến lược toàn cầu của nước ta trong lĩnh vực khoa học cơ bản quốc tế.

29 nét

HÁN VIỆT: ẨM HƯỞNG LỰC



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#964

影星

yǐngxīng

ngôi sao điện ảnh, minh tinh màn bạc

在国家大型科技强国主题公益盛典上，知名影视影星与青年功勋科研工程师同台讲述矢志报国的动人事迹。

Zài guó jiǎ dà xíng kē jì qiáng guó zhǔ tí gōng yì shèng diǎn shàng, zhī míng yǐng shì yǐng xīng yǔ qīng nián gōng xūn kē yán gōng chéng shī zǒng tái jiǎng shù shì zhì bào guó de dòng rén shì jì.

Tại đại lễ công ích chủ đề cường quốc khoa học công nghệ quy mô lớn của quốc gia, các minh tinh màn bạc ngôi sao điện ảnh danh tiếng cùng các kỹ sư nghiên cứu có công lao trẻ tuổi đã cùng đồng chung sân khấu kể lại những tấm gương xúc động một lòng son sắt phụng sự Tổ quốc.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: **ẢNH TINH**

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#965

用处

yòngchù

công dụng, ích lợi, sự hữu ích tác dụng

做前沿基础科学研究切不可急功近利，看似抽象纯粹的深奥理论往往会在未来孕育出意想不到的巨大工业应用用处。

Zuò qián yán jī chǔ kē xué yán jiū qiè bù kě jī gōng jìn lì, kàn shì chōu xiàng chún cuī de shēn ào ào lì lùn wǎng wǎng huì zài wèi lái yù nù yǔ chū yì xiǎng bù dào de jù dà gōng yè yòng yòng chù.

Làm nghiên cứu khoa học cơ bản tiên phong tuyệt đối không được nôn nóng hăm lợi trước mắt, những lý luận sâu sắc xem chừng thuần túy trừu tượng thường sẽ thai nghén ra những công dụng tác dụng ứng dụng công nghiệp to lớn ngoài dự kiến trong tương lai.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: **DỤNG XỬ**

HSK 6 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#966

用得着

yòng de zháo

dùng được tới, có ích cần dùng tới

青年学者要打牢数理化学多学科交叉理论功底，在未来的大科学前沿复杂攻关中无论遇到什么技术难题都用得着。

Qīng nián xué zhě yào dǎ láo shù lǐ huà duō xué kē jiāo chā li lùn gōng dǐ, zài wèi lái de dà kē xué qián yán fù zá gōng guān zhōng wú lùn yù dào shén me jì shù nán tí dōu yòng de zháo.

Học giả trẻ tuổi cần bồi đắp nền tảng lý luận liên ngành đa môn Toán Lý Hóa thật vững chắc, trong các trận đánh vượt khó phức tạp tiên phong khoa học lớn trong tương lai bất kể gặp phải bài toán kỹ thuật nào cũng đều dùng được tới có ích cần dùng tới.

📖 35 nét

HÁN VIỆT: **DỤNG ĐẮC TRƯỚC**

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#967

用法

yòngfǎ

cách dùng, phương pháp sử dụng

在超精密大型科研仪器使用培训中，工程师详细示范了微纳探针显微镜的规范标定步骤与精密控制用法。

Zài chāo jīng mì dà xíng kē yán yí qì shǐ yòng péi xùn zhōng, gōng chéng shī xiǎng xī shì fàn le wēi nà tàn zhēn xiǎn wēi jīng de guī fàn biāo dìng bù zhòu yǔ jīng mì kòng zhì yòng fǎ.

Trong khóa đào tạo sử dụng thiết bị nghiên cứu khoa học cỡ lớn siêu chính xác, các kỹ sư đã thị phạm chi tiết các bước chuẩn hóa hiệu chuẩn quy phạm và cách dùng phương pháp sử dụng điều khiển chính xác của kính hiển vi đầu dò vi nano.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: **DỤNG PHÁP**

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#968

用品

yòngpǐn

đồ dùng, vật dụng sinh hoạt/thiết bị

天舟货运飞船将大量空间科学实验载荷、推进剂以及航天员日常生活必需物资用品安全送达天宫空间站。

Tiān zhōu huò yùn fēi chuán jiāng dà liàng kōng jiān kē xué shí yàn zài hēi, tuī jìn jì yǐ jí háng tiān yuán rì cháng shēng huó bì xū wù zī yòng pǐn ān quán sòng dá tiān gōng kōng jiān zhàn.

Tàu vũ trụ chở hàng Thiên Châu đã vận chuyển an toàn số lượng lớn tài trọng thực nghiệm khoa học không gian, chất đẩy cùng đồ dùng vật dụng thiết yếu sinh hoạt hàng ngày của phi hành gia tới trạm vũ trụ Thiên Cung.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: **DỤNG PHẨM**

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ / Phó từ

#969

用心

yòngxīn

chăm chỉ hết lòng, dốc tâm tận tụy; dụng tâm

青年学者发扬一丝不苟的工匠精神，极其用心打磨每一个微观物理仿真算法参数，确保数据万无一失。

Qīng nián xué zhě fā yáng yì sī bù gōu de gōng jīng, jí qí yòng xīn dǎ mó měi yí gè wēi guān wù lǐ fǎng zhēn suàn fǎ cān shù, què bǎo shù jù wàn wú yí shī.

Học giả trẻ tuổi phát huy tinh thần người thợ nghệ nhân cẩn trọng tỉ mỉ, vô cùng dốc tâm chăm chỉ hết lòng trau chuốt từng tham số thuật toán mô phỏng vật lý vi mô, bảo đảm số liệu an toàn tuyệt đối không một sai sót.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: **DỤNG TÂM**

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#970

优质

yōuzhì

chất lượng cao, phẩm chất ưu việt

我国完全自主培育的耐盐碱超级水稻新品种在全国多处示范基地喜获丰收，展现出优质高产的卓越特性。

Wǒ guó wán quán zì zhủ péi yù de nài yán jiǎn chāo jí shuǐ dào xīn pīn zhǒng zài quán guó duō chù shí fàn jī dì xǐ huò fēng shōu, zhǎn xiàn chū yōu zhì gāo chǎn de zhāo yuē tè xìng.

Giống lúa siêu cấp chịu mặn phen kiểu mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nhân giống nuôi trồng đã đón nhận mùa vàng bội thu tại nhiều căn cứ trình diễn trên cả nước, phô diễn đặc tính trác việt chất lượng cao phẩm chất ưu việt năng suất cao.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: **UU CHẤT**

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#971

游人

yóurén

du khách, khách du lịch tham quan

在生态文明建设示范国家公园内，栈道两旁湖光山色如诗如画，吸引了海内外数以万计的游人驻足流连。

Zài shēng tài wén míng jiàn shì fàn guó jiā gōng yuán nèi, zhàn dào liǎng páng hú guāng shān sè rú shī rú huà, xī yīn le hǎi nèi wài shù yǐ wàn jì de yóu rén zhù zú liú lián.

Bên trong Công viên Quốc gia Trình diễn Xây dựng Văn minh Sinh thái, hai bên đường sào gỗ non nước mây trời đẹp như thơ như họa, thu hút hàng vạn du khách khách tham quan trong và ngoài nước dừng chân ngắm nhìn lưu luyến.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: **DU NHÂN**

HSK 6 (3.0)

Động từ

#972

游玩

yóuwán

đi chơi, du ngoạn dạo chơi tham quan

春回大地微风拂面，广大市民走出家门在生态滨河绿道上散步游玩，尽享人与自然的和谐共生的生态之美。

Chūn huí dà dì wēi fēng fú miàn, guǎng dà shì mín zǒu chū jiā mén zài shēng tài bīn hé lǜ dào shàng sǎn bù yóu wán, jìn xiǎng rén yǔ zì rán hé xié gòng shēng de shēng tài zhī měi.

Mùa xuân trở lại trên mảnh đất làn gió nhẹ phả vào mặt, đông đảo người dân bước ra khỏi nhà dạo chơi đi chơi du ngoạn trên làn đường xanh ven sông sinh thái, tận hưởng trọn vẹn vẻ đẹp sinh thái con người và tự nhiên cùng chung sống hài hòa.

📖 28 nét

HÁN VIỆT: **DU NGOẠN**



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#973

游戏机

yóuxìjī

máy chơi game, cỗ máy trò chơi
điện tử

我国完全自主研发的高性能图形渲染GPU芯片不仅赋能专业游戏机，更在工业数字孪生与脑科学仿真中发挥关键作用。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de gāo xìng néng tú xíng xuàn rǎn GPU xīn piàn bù jīn fù néng zhuān yè yóu xì jī, gèng zài gōng yè shù zì liǎn shēng yǔ nǎo kē xué fǎng zhēn zhōng fā huī guān jiàn zuò yòng.

Chip GPU kết xuất đồ họa tính năng cao do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo không chỉ tiếp sức cho máy chơi game máy trò chơi điện tử chuyên nghiệp, mà còn phát huy tác dụng then chốt trong mô phỏng khoa học não bộ và song sinh số công nghiệp.

32 nét

HÁN VIỆT: DU HÍ CƠ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#974

游行

yóuxíng

diễu hành, tuần hành rước lễ

在庆祝重大科技攻关胜利的盛大群众游行队伍中，“科技自立自强、勇攀世界高峰”的巨幅标语分外醒目耀眼。

Zài qīng zhòng dà kē jì gōng guān shèng lì de shèng dà qún zhòng yóu xíng duì wǔ zhōng, "kē jì zì lì zì qiáng, yǒng pān shì jiè gāo fēng" de jù fú biāo yǔ fēn wài xǐng mù yào yǎn.

Trong đoàn diễu hành tuần hành quần chúng long trọng chúc mừng thắng lợi của trận đánh vượt khó khoa học công nghệ trọng đại, khẩu hiệu biểu ngữ khổ lớn "Tự chủ tự cường khoa học công nghệ, dũng cảm trèo lên đỉnh cao thế giới" vô cùng nổi bật lóa mắt.

26 nét

HÁN VIỆT: DU HÀNH

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ / Giới từ

#975

有关

yǒuguān

liên quan, có liên quan tới; hữu
quan

国家有关部门相继出台一系列有力政策举措，全面加大对战略性前沿基础科学研究的稳定支持力度。

Guó jiā yǒu guān bù mén xiāng jì chū tái yī xié lì yǒu lì zhèng cè jǔ cuò, quán miàn jiā dà duì zhàn lüè xíng qián yán jī chǔ kē xué yán jiū de wěn dìng zhī chí lì dù.

Các bộ ngành hữu quan liên quan có liên quan của Nhà nước lần lượt ban hành một loạt các giải pháp chính sách đặc lực, tăng cường toàn diện mức độ hỗ trợ ổn định đối với nghiên cứu khoa học cơ bản tiên phong mang tính chiến lược.

22 nét

HÁN VIỆT: HỮU QUAN

HSK 6 (3.0)

Cụm từ / Động từ

#976

有没有

yǒu méiyǒu

có hay không, có... không

在重大工程方案评审中，总设计师严谨地询问：“这项极限工况设计有没有经过超大规模多物理场仿真充分验证？”

Zài zhòng dà gōng chéng fāng àn píng shěn zhōng, zǒng shè jì shī yán jìn dì xún wèn: "zhè xiàng jí xiàn gōng kuàng shè jì yǒu méi yǒu jīng guò chāo dà guī mó duō wù lǐ chǎng fāng zhēn chōng fèn yán zhèng?"

Trong thẩm định đánh giá phương án công trình trọng đại, vị tổng công trình sư nghiêm cần hỏi: "Thiết kế điều kiện làm việc giới hạn này có hay không có... không đã trải qua kiểm chứng đầy đủ bằng mô phỏng đa trường vật lý quy mô siêu lớn?"

31 nét

HÁN VIỆT: HỮU MỘT HỮU

HSK 6 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#977

有事

yǒu shì

có việc, bận việc; xảy ra chuyện rắc
rối

大科学工程实行二十四小时现场专家轮值保障制度，确保在任何突发复杂工况下都能随时有事有人管、迅速排查。

Dà kē xué gōng chéng shí xíng èr shí sì xiǎo shí xiāng chǎng zhuān jiā lún zhí bǎo zhàng zhì dù, què bǎo zài rèn hé tū fā fù zá gōng kuàng xià dōu néng suí shí yǒu rén guǎn, xùn sù pái chá.

Công trình khoa học lớn thực thi chế độ chuyên gia luân phiên trực ban bảo đảm 24/24 tại hiện trường, bảo đảm trong bất kỳ điều kiện làm việc phức tạp đột xuất nào cũng luôn có việc có người quản lý, rà soát giải quyết nhanh chóng.

20 nét

HÁN VIỆT: HỮU SỰ

HSK 6 (3.0)

Giới từ

#978

于

yú

ở, tại, vào lúc, đối với, so với

生于忧患，死于安乐；我们要始终保持清醒忧患意识，坚定不移推进高水平科技自立自强。

Shēng yú yōu huàn, sǐ yú ān lè; wǒ men yào shǐ zhōng bǎo chí qīng xǐng yōu huàn yì shí, jiǎn dìng bǔ yí tuì jìn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng.

Sinh ra trong lo nghĩ gian khó (sinh ưu ưu hoạn), chết đi trong an nhàn vui thú (tử ưu an lạc); chúng ta phải luôn giữ vững ý thức lo xa tỉnh táo, kiên định không ngừng thúc đẩy tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao.

14 nét

HÁN VIỆT: VU

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#979

娱乐

yú lè

giải trí, tiêu khiển

现代数字文化创意产业应当坚持把社会效益放在首位，为人民群众提供更多健康向上、寓教于乐的高品质精神娱乐文化产品。

Xià dài shù zì wén huà chuàng yì chǎn yè yīng jiāng shè huì xiào yì fǎng zài shǒu wèi, wèi guāng dà rén mín qún zhòng tí gòng gèng duō jiàn kāng xiàng shàng, yù jiào yú lè de gāo pǐn zhì jīng shén yú lè wén huà chǎn pǐn.

Ngành công nghiệp sáng tạo văn hóa số hiện đại cần kiên trì đặt hiệu quả xã hội lên hàng đầu, cung cấp thêm nhiều sản phẩm văn hóa giải trí tinh thần chất lượng cao lành mạnh, giàu tính giáo dục hướng thượng cho đông đảo quần chúng nhân dân.

19 nét

HÁN VIỆT: NGU LẠC

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#980

愉快

yú kuài

vui vẻ, vui sướng, sảng khoái

非常荣幸能与各位业界顶尖专家深入交流，今天下午的学术研讨过得极其充实而愉快。

Fēi cháng róng xìng néng yǔ gè wèi yè jiè dǐng jiā shēn rù jiāo liú, jīn tiān xià wǔ de xué shù yán tào guò dé jí qí chōng shí ér yú kuài.

Vô cùng vinh hạnh khi được giao lưu chuyên sâu cùng các chuyên gia hàng đầu trong ngành, buổi hội thảo học thuật chiều nay đã diễn ra vô cùng bổ ích và tràn ngập niềm vui.

27 nét

HÁN VIỆT: DU KHOÁI

HSK 6 (3.0)

Liên từ / Giới từ

#981

与

yǔ

và, cùng với; trao cho cho (yǔ/yǐ)

我们要推动科学技术与经济社会发展深度融合，全面赋能传统产业转型升级与新兴产业蓬勃壮大。

Wǒ men yào tuī dòng kē jì yǔ shè huì jīng jì fā zhǎn shēn dù róng hé, quán miàn fù néng chuán tǒng chǎn yè zhuǎn xíng shēng jí yǔ xīn xíng chǎn yè péng bó zhuàng dà.

Chúng ta phải thúc đẩy sự hội nhập sâu sắc giữa khoa học công nghệ và cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, tiếp sức toàn diện cho sự chuyển đổi năng cấp của ngành nghề truyền thống và sự lớn mạnh bồng bồng của các ngành nghề mới nổi.

12 nét

HÁN VIỆT: DỮ



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#982

宇航员

yǔhángyuán

phi hành gia, nhà du hành vũ trụ

中国宇航员身着完全自主研发的舱外航天服从容迈出空间站核心舱，圆满完成各项太空出舱维护作业。

Zhōng guó yǔ háng yuán shēn zhe wán quán zì zhù yán fā de cāng wài háng tiān fú cóng róng mài chū kōng jiān zhàn hé xīn cāng, yuán mǎn wán chéng gè xiàng tài kōng chū cāng wéi hù zuò yè.

Nhà du hành vũ trụ phi hành gia Trung Quốc khoác lên mình bộ quần áo phi hành ngoài không gian tự chủ nghiên cứu phát triển hoàn toàn ứng dụng bước ra khỏi khoang cốt lõi trạm vũ trụ, hoàn thành mỹ mãn các thao tác bảo trì ngoài không gian.

32 nét

HÁN VIỆT: VŨ HÀNG VIÊN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#983

雨衣

yǔyī

áo mưa, áo khoác đi mưa

新型轻量化纳米仿生超疏水透气材料成功应用于特种应急雨衣制造，具备极佳的暴雨防浸透与排汗性能。

Xīn xíng qīng liàng nǎnǐ bāo shēng chāo shū shuǐ tòu qì cái liào chéng gōng yīng yòng yú tè zhǒng yīng jí yǔ yī zhì zào, jù bèi jí jiā de bào yǔ fáng jìn tòu yú pái hàn xíng néng.

Vật liệu thoáng khí siêu kỵ nước phòng sinh học nano siêu nhẹ kiểu mới được ứng dụng thành công vào chế tạo áo khoác đi mưa áo mưa khẩn cấp đặc chủng, sở hữu tính năng thoát mồ hôi và chống thấm nước mưa bão cực kỳ ưu việt.

28 nét

HÁN VIỆT: VŨ Y

HSK 6 (3.0)

Động từ

#984

预约

yù yuē

Đặt lịch hẹn

老师鼓励大家积极预约，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yù yuē, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Đặt lịch hẹn, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

26 nét

HÁN VIỆT: DỰ YÊU

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#985

元素

yuán sù

nguyên tố hóa học; nhân tố thành phần mỹ thuật

新一代国产新能源汽车在车身工业造型设计中巧妙融入了中国传统山水纹样美学元素，惊艳了全球汽车行业。

Xīn yí dài guó chān xīn néng yuán zhì néng qì chē zài chē shēn gōng yè zào xíng shè jì zhōng qiǎo miào róng rù le zhōng guó chuán tǒng shān shuǐ wén yàng měi xué yuán sù, jīng yàn le quán qiú qì chē háng yè.

Xe ô tô thông minh năng lượng mới thế hệ mới do nước ta sản xuất trong thiết kế tạo dáng công nghiệp thân xe đã khéo léo kết hợp các yếu tố nhân tố mỹ học hoa văn non nước truyền thống Trung Hoa, làm kinh ngạc toàn bộ ngành công nghiệp ô tô toàn cầu.

22 nét

HÁN VIỆT: NGUYÊN TỐ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#986

园

yuán

vườn, công viên, khu vườn khu công nghệ

国家高新技术产业开发区科技园聚焦集成电路与生物医药前沿赛道，加速培育形成新质生产力核心产业集群。

Guó jiā gāo xīn jì shù chǎn yè kāi fā kē jì yuán jù jiǎo jí chéng diǎn lù yú shēng wù yī yào yán yán sài dào, jiā sù péi yù xíng chéng xīn zhì shēng chǎn lì hé xīn chǎn yè jí qún.

Khu công viên khu vườn công nghệ phát triển ngành công nghệ cao mới quốc gia tập trung vào đường đua tiên phong y dược sinh học và mạch tích hợp (IC), đẩy nhanh nuôi dưỡng hình thành cụm ngành cốt lõi lực lượng sản xuất chất lượng mới.

8 nét

HÁN VIỆT: VIÊN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#987

园地

yuándì

mảnh đất ươm mầm, mảnh vườn, diễn đàn chuyên mục

国家重点实验室开辟了青年学者自由探索与学术碰撞的创新园地，全力支持青年科技拔尖人才挑大梁、当主角。

Guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì kāi pì le qīng nián xué zhě zì yóu tàn suǒ yǔ xué shù pèng chuàng de chuàng xīn yuán dì, quán lì zhī chí qīng nián kē jì bá jiān rén cái tiǎo dà liáng, dāng zhǔ jué.

Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia đã mở ra mảnh đất ươm mầm mảnh vườn đổi mới sáng tạo cho các học giả trẻ tuổi tự do tìm tòi và va chạm học thuật, dốc toàn lực ủng hộ nhân tài xuất chúng khoa học công nghệ trẻ tuổi gánh vác việc lớn, làm nhân vật chính.

20 nét

HÁN VIỆT: VIÊN ĐỊA

HSK 6 (3.0)

Động từ

#988

原

yuán

Bản gốc

老师鼓励大家积极原，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yuán, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Bản gốc, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: NGUYÊN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#989

原告

yuán gào

nguyên đơn (trong tố tụng pháp lý)

最高人民法院知识产权法庭依法公开审理了涉前沿半导体核心发明专利侵权纠纷案，依法全力保护了原告合法知识产权。

Zuì gāo rén mín fǎ yuán zhī shì chǎn quán fǎ tíng yī fǎ gōng kāi shēn lǐ le shè qián yán bàn dǎo tǐ hé xīn fā míng zhuan lì qīn quán jiū fēn àn, yī fǎ quán lì bǎo hù le yuán gào hé fǎ zhī shì chǎn quán.

Tòa án Sở hữu Trí tuệ Tòa án Nhân dân Tối cao theo quy định pháp luật đã công khai xét xử vụ án tranh chấp xâm phạm bằng sáng chế phát minh cốt lõi bán dẫn tiên phong, bảo vệ toàn diện theo pháp luật quyền sở hữu trí tuệ hợp pháp của nguyên đơn.

21 nét

HÁN VIỆT: NGUYÊN CÁO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#990

原谅

yuán liàng

tha thứ, lượng thứ, tha lỗi

既然他已经真诚认识到了自己的失误并当面对礼道歉，我们就应当宽宏大量地原谅他这一次。

Jì rán tā yǐ jīng zhēn chéng rèn shí dào le zì jǐ de shī wù bìng dāng miàn péi li dào qiàn, wǒ men jiù yīng dāng kuān hóng dà liàng dì yuán liàng tā zhè yí cì.

Một khi bạn ấy đã thực sự nhận ra sai sót của mình và thẳng thắn nhận lỗi xin lỗi trực tiếp, chúng ta cũng nên rộng lượng thứ tha cho bạn ấy lần này.

22 nét

HÁN VIỆT: NGUYÊN LƯỢNG


HSK 6 (3.0)

Danh từ

#991

圆珠笔

yuánzhūbǐ

bút bi, cây bút bi viết

我国完全攻克了超硬高精度圆珠笔笔头球珠特殊特种不锈钢制造工艺，彻底打破了国外长期技术垄断。

Wǒ guó wán quán gōng kè le chāo yìng gāo jīng dù yuán zhū bǐ bǐ tóu qiú zhū tè shù tè zhǒng bù xiù gāng zhì zào gōng yì, chè dǐ dǎ pò le guó wài zhǎng qī jì shù lǒng duàn.

Nước ta đã hoàn toàn chinh phục quy trình chế tạo thép không gỉ đặc chủng đặc biệt đầu viên bi bút bi cây bút bi độ chính xác cao siêu cứng, phá vỡ triệt để thế độc quyền công nghệ suốt thời gian dài của nước ngoài.

34 nét

HÁN VIỆT: VIÊN CHÂU BÚT

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#992

援助

yuánzhù

viện trợ, cứu trợ giúp đỡ, hỗ trợ

中国积极向发展中国家提供高水平农业科技与清洁能源技术援助，以实际行动助力全球可持续发展。

Zhōng guó jī jí xiàng fā zhǎn zhōng guó jiā tí gōng gāo shuǐ píng nóng yè kē jì yú qīng jié néng yuán jì shù yuán zhù, yǐ shí jī xíng dòng zhù lì quán qiú kè chí xù fā zhǎn.

Trung Quốc tích cực cung cấp sự hỗ trợ cứu trợ viện trợ công nghệ năng lượng sạch và khoa học kỹ thuật nông nghiệp trình độ cao cho các quốc gia đang phát triển, bằng hành động thực tế tiếp sức cho sự phát triển bền vững toàn cầu.

19 nét

HÁN VIỆT: VIỆN TRỢ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#993

缘故

yuán gù

nguyên do, lý do, duyên cớ

由于地处深山峡谷且气候多雨的缘故，这座古老村落完整保留了就地取材、依山而建的特色干栏式木构民居。

Yóu yú dì chǔ shēn shān xiá gǔ qì hòu duō yǔ de yuán gù, zhè zuò gǔ lǎo cūn luò wán zhěng bǎo liú le jiù dì qǔ cái, yī shān ér jiàn de tè sè gàn lán shì mù gòu mín jū.

Do nguyên do nằm sâu nơi hẻm núi non cao cùng khí hậu mưa nhiều, ngôi làng cổ này đã bảo tồn nguyên vẹn những nếp nhà sàn bằng gỗ đặc trưng dựa lưng vào núi và tận dụng vật liệu tại chỗ.

20 nét

HÁN VIỆT: DUYÊN CỐ

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#994

远方

yuǎnfāng

nơi xa, phương xa, chốn xa xôi

深空射电望远镜如同人类探索宇宙的敏锐巨眼，静静凝望百亿光年远方的古老星系与浩瀚时空。

Shēn kōng shè diàn wàng yuǎn jìng rú tóng rén lèi tàn suǒ yǔ zhòu de mǐn ruì jù yǎn, jìng jìng níng wàng bǎi yì guāng nián yuǎn fāng de gǔ lǎo xīng xì yǔ hào hàn shí kōng.

Kính viễn vọng vô tuyến không gian sâu tựa như con mắt khổng lồ nhảy bên cửa nhân loại khám phá vũ trụ, tĩnh lặng ngược nhìn các thiên hà cổ xưa và không gian - thời gian bao la nơi phương xa chốn xa xôi cách xa hàng trăm tỷ năm ánh sáng.

18 nét

HÁN VIỆT: VIỄN PHƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Động từ

#995

远离

yuǎnlí

tránh xa, cách xa, rời xa

大科学深空天文观测基地选址在远离城市光污染与工业电磁干扰的高海拔寂静深山峡谷之中。

Dà kē xué shēn kōng tiān wén guān cè jī dì xiǎn zhī zài yuǎn lí chéng shì guāng wū rǎn yú gōng yè diàn cí gān rǎo de gāo hǎi bá jì jìng shēn shān xiá gǔ zhī zhōng.

Căn cứ quan trắc thiên văn không gian sâu khoa học lớn lựa chọn địa điểm đặt tại vùng hẻm núi sâu tĩnh mịch độ cao lớn cách xa tránh xa sự can nhiễu điện từ công nghiệp và ô nhiễm ánh sáng đô thị.

23 nét

HÁN VIỆT: VIỄN LY

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#996

远远

yuǎnyuǎn

xa xa, vượt xa, từ đẳng xa

新一代国产高通量人工智能算力芯片的实测数据吞吐效能，远远超出了先前的既定设计预期。

Xīn yí dài guó chǎn gāo tōng liàng rén gōng zhì néng suàn lì xīn piàn de shí cè shù jù tūn tǔ xiào néng, yuǎn yuǎn chāo chū le xiān qian de jì dìng shè jì yù qī.

Hiệu năng lưu chuyển dữ liệu đo đạc thực tế của dòng chip sức mạnh tính toán trí tuệ nhân tạo thông lượng cao sản xuất trong nước thế hệ mới đã vượt xa vượt xa ngoài dự kiến thiết kế đã định trước đó.

18 nét

HÁN VIỆT: VIỄN VIỄN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#997

约定

yuēdìng

hẹn ước, quy ước ước định, thỏa thuận

中外科学家共同签署国际开放科学倡议，约定在全球重大气候变化与生物多样性数据共享上开展深度合作。

Zhōng wài kē xué jiā gòng tóng qiān shǔ guó jì kāi fàng kē xué chāng yì, yuē dìng zài quán qiú zhòng dà qì hòu biàn huà yǔ shēng wù duō yàng xìng shù jù gòng xiāng shàng kāi zhǎn shēn dù hé zuò.

Các nhà khoa học trong và ngoài nước cùng ký kết Sáng kiến Khoa học Mở Quốc tế, thỏa thuận hẹn ước quy ước triển khai hợp tác sâu sắc trên việc chia sẻ dữ liệu đa dạng sinh học và biến đổi khí hậu trọng đại toàn cầu.

21 nét

HÁN VIỆT: YÊU ĐỊNH

HSK 6 (3.0)

Động từ

#998

晕

yūn

choáng váng

老师鼓励大家积极晕，勇于探索新的知识。老师鼓励大家积极晕，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yūn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì. Thấy giáo khuyến khích mọi người tích cực choáng váng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: VỤNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#999

晕车

yūnchē

say xe, say tàu xe

我国高速动车组采用先进的主动式倾摆与主动减振降噪控制技术，极大降低了列车晃动与旅客晕车概率。

Wǒ guó gāo sù dòng chē zǔ cǎi yòng xiān jìn de zhǔ dòng shì qīng bǎi yǔ zhǔ dòng jiǎn zhèn jiàng zhào kòng zhì jì shù, jí dà jiàng dī le liè chē huàng dòng yǔ lǚ kè yūn chē gài lǜ.

Đoàn tàu động lực cao tốc nước ta áp dụng công nghệ điều khiển tiêu âm giảm chấn chủ động và nghiêng thân xe chủ động tiên tiến, giảm thiểu tối đa độ rung lắc của tàu và xác suất say xe say tàu xe của hành khách.

21 nét

HÁN VIỆT: VỤNG XA



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1000

允许

yǔn xǔ

cho phép, thừa nhận

在进入国家级高等级生物安全实验室前，未经任何管人员授权允许，严禁擅自带出任何实验样本。

Zài jìn rù guó jiā jí gāo děng jí shēng wù ān quán shí yàn shì qián, wèi jīng zhǔ rèn hé guǎn rén yuán shòu quán yǔn xǔ, yán jìn shàn zì dài chū rèn hé shí yàn yàng běn.

Trước khi bước vào phòng thí nghiệm an toàn sinh học cấp cao quốc gia, khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của người phụ trách, nghiêm cấm tuyệt đối mang bất kỳ mẫu vật nào ra ngoài.

25 nét

HÁN VIỆT: DUẨN HỨA

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1001

运作

yùnzuo

vận hành, hoạt động cơ chế; thao tác điều hành

国家实验室探索建立了高效灵活的新型科研管理体制与市场化成果转化运作机制。

Guó jiā shí yàn shì tàn suǒ jiàn lì le gāo xiào líng huó de xīn xíng kē yán guǎn lǐ tí zhì yǔ shì chǎng huà chéng guǒ zhuǎn huà yùn zuò jī zhì.

Phòng thí nghiệm quốc gia đã tìm tòi xây dựng thể chế quản lý nghiên cứu khoa học kiểu mới linh hoạt hiệu quả cao cùng cơ chế điều hành hoạt động vận hành chuyển hóa thành quả theo định hướng thị trường.

21 nét

HÁN VIỆT: VẬN TÁC

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#1002

杂

zá

phức tạp, lộn xộn, tạp nham; pha tạp tổng hợp (fùzá)

超算中心多物理场耦合仿真系统能够在极端复杂复杂的边界条件下实现超大规模高精度流固热一体化计算。

Chāo suàn zhōng xīn duō wù lǐ chǎng ǒu hé fǎng zhēn xì tǒng néng gòu zài jí duǎn fù zá fù zá de biān jiè tiáo jiàn xià shí xiàn chāo dà guī mó gāo jīng dù liú gù rè yī tǐ huà jì suàn.

Hệ thống mô phỏng ghép đa trường vật lý của Trung tâm Siêu máy tính có thể thực hiện tính toán tích hợp nhiệt - chất lưu - chất rắn độ chính xác cao quy mô siêu lớn dưới các điều kiện biên vô cùng phức tạp tạp chất đa dạng.

10 nét

HÁN VIỆT: TẠP

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ / Danh từ

#1003

再生

zàishēng

tái sinh, tái tạo, tái sinh hồi phục

我国建成了全球规模最大的可再生能源发电系统，风电与光伏装机容量稳居世界第一。

Wǒ guó jiàn chéng le quán qiú guī mó zuì dà de kè zài shēng néng yuán fā diàn xì tǒng, fēng diàn yǔ guāng fú zhuāng jī róng liáng wén jū shì jì dì yī.

Nước ta đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống phát điện năng lượng tái sinh tái tạo quy mô lớn nhất thế giới, công suất lắp đặt quang điện và điện gió giữ vững vị trí số một thế giới.

21 nét

HÁN VIỆT: TÁI SINH

HSK 6 (3.0)

Động từ

#1004

再说

zài shuō

Nói lại lần nữa

老师鼓励大家积极再说，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zài shuō, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Nói lại lần nữa, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

21 nét

HÁN VIỆT: TÁI THUYẾT

HSK 6 (3.0)

Động từ

#1005

遭到

zāodào

gặp phải, bị phải, hứng chịu (tai họa/trắc trở)

面对外部个别势力的单边极限技术封锁打压，我国高新技术产业链在遭到打压中更加坚韧挺拔、自立自强。

Miàn duì wài bù gè bié shì lì de dān biān jí xiàn jì shù fēng suǒ dǎ yā, wǒ guó gāo xīn jì shù chǎn yè liàn zài zāo dào dǎ yā zhōng gèng jiā jiān rèn tíng bá, zì lì zì qiáng.

Đứng trước sự chèn ép phong tỏa công nghệ giới hạn đơn phương của một vài thế lực bên ngoài, chuỗi ngành công nghệ cao nước ta trong khi hứng chịu bị phải sự chèn ép lại càng trở nên tự chủ tự cường, kiên cường vững chãi hơn.

27 nét

HÁN VIỆT: TAO ĐÁO

HSK 6 (3.0)

Động từ

#1006

遭受

zāo shòu

chịu đựng, gánh chịu (tổn thất, thảm họa, thiệt hại)

沿海防灾减灾工程体系在超强台风正面登陆袭击中经受了严峻考验，确保了受灾地区未遭受重大人员伤亡与财产损失。

Yán hǎi fáng zāi jiǎn zāi gōng chéng tǐ xì zài chāo qiáng tái fēng zhèng miàn dēng lù xí jī zhòng jīng shòu zhù le yán jùn kǎo yàn, què bǎo le shòu zāi dì qū wèi zāo shòu zhòng dà rén yuán shāng wáng yǔ cái chǎn sǔn shī.

Hệ thống công trình phòng chống giảm nhẹ thiên tai ven biển trong đợt tấn công đổ bộ trực diện của siêu bão đã đứng vững trước thử thách hiểm nghèo, bảo đảm cho vùng bị ảnh hưởng không phải gánh chịu thiệt hại nghiêm trọng về tài sản và thương vong về người.

23 nét

HÁN VIỆT: TAO THỌ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1007

遭遇

zāo yù

bắt gặp, gặp phải (khó khăn, hiểm cảnh); cảnh ngộ

极地科考破冰船在穿越魔鬼西风带时遭遇了数十年来罕见的十二级特大狂风巨浪，全体队员沉着应对化险为夷。

Jí dì kē kǎo pò bīng chuán zài chuān yuè mó guǐ xī fēng dài shí zāo yù le shù shí nián lái hǎn jiàn de shí èr jí tè dà kuáng fēng jù làng, quán tǐ duì yuán chén zhuó yíng duì huà xiǎn wéi yí.

Tàu phá băng khảo sát khoa học vùng cực khi băng qua Vành đai Gió Tây ma quỷ đã gặp phải đợt sóng to gió lớn cấp 12 đặc biệt lớn hiểm thấy trong mấy chục năm qua, toàn thể đội viên đã bình tĩnh ứng phó biến nguy thành an.

25 nét

HÁN VIỆT: TAO NGỘ

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian / Phó từ

#1008

早晚

zǎo wǎn

sớm muộn, sớm tối, trước sau gì cũng

只要我们坚定不移推进自主创新、敢啃硬骨头，卡脖子技术瓶颈早晚会被我们彻底攻克突破。

Zhǐ yào wǒ men jiǎn dìng bùyí tuī jìn zì zhǔ chuàng xīn, gǎn kěn yìng gǔ tóu, qiǎ bó zǐ jì shù píng jǐng zǎo wǎn huì bèi wǒ men chè dǐ gōng kè tū pò.

Chỉ cần chúng ta kiên định không ngừng thúc đẩy tự chủ đổi mới sáng tạo, dám gặm khúc xương cứng thì nút thắt công nghệ nghẽn cổ chai sớm muộn trước sau gì cũng sẽ bị chúng ta chinh phục đột phá triệt để.

17 nét

HÁN VIỆT: TẢO VẢN



HSK 6 (3.0)

Động từ

#1009

增进

zēngjìn

**tăng cường, bồi đắp nâng cao,
thúc đẩy gắn kết**

深入开展多边国际科技交流与青年学者互访，有力增进了世界各国科学家之间的学术互信与深厚友谊。

Shēn rù kāi zhān duō biān guó jì kē jì jiāo liú yǔ qīng nián xué zhě hù fǎng, yǒu lì zēng jìn le shì jiè gè guó kē xué jiā zhī jiān de xué shù hù xìn yǔ shēn hòu yǒu yì.

Triển khai sâu sắc các hoạt động thăm viếng lẫn nhau của các học giả trẻ và giao lưu khoa học công nghệ quốc tế đa phương đã bồi đắp nâng cao tăng cường mạnh mẽ tình hữu nghị sâu đậm và sự tin cậy học thuật lẫn nhau giữa các nhà khoa học các nước trên thế giới.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : **TĂNG TIẾN**

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1010

增值

zēngzhí

gia tăng giá trị, tăng giá trị, gia tăng sinh lời

通过科技成果高效转化与深度加工赋能，传统高品质特色农产品实现了数倍的高质量增值增效。

Tōng guò kē jì chéng guǒ gāo xiào zhuǎn huà yǔ shēn dù jiā gōng fù néng, chuán tǒng gāo zhì lǜ chāo pǐn shì chǎn pǐn shí xiàn le shù bèi de gāo zhì liàng zēng zhí zēng xiào.

Thông qua tiếp sức bằng chế biến sâu và chuyển hóa hiệu quả cao thành quả khoa học công nghệ, các nông sản đặc sắc chất lượng cao truyền thống đã thực hiện năng cao hiệu quả gia tăng giá trị tăng giá trị chất lượng cao gấp nhiều lần.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : **TĂNG TRỊ**

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#1011

扎

zhā

cắm sâu, cắm rễ (zhāgēn); đâm châm; vững chắc (zhāshi)

广大青年科技工作者把青春深深扎根在祖国西部边疆与大科学装置工程一线，用奋斗书写报国华章。

Guǎng dà qīng nián kē jì gōng zuò zhě bǎ qīng chūn shēn shēn zhā gēn zài zǔ guó xī bù biān jiāng yǔ dà kē xué zhuāng zhì gōng chéng yī xiàn, yòng fèn dòu shū xiě bào guó huá zhāng.

Đồng đảo những người làm khoa học công nghệ trẻ tuổi cắm sâu cắm rễ tuổi thanh xuân của mình sâu vào tuyến đầu công trình thiết bị khoa học lớn và biên cương phía Tây của Tổ Quốc, dùng sự phấn đấu viết nên áng văn chương phụng sự non sông.

📖 9 nét

HÁN VIỆT : **TRẮT**

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#1012

扎实

zhāshi

**vững chắc, vững vàng bài bản,
thực chất sâu sát**

青年科技领军人才当打下极其扎实深厚的数学与物理基础，方能在前沿交叉学科攻关中厚积薄发、勇攀高峰。

Qīng nián kē jì lǐng jūn rén cái dāng dǎ xià jí qí zhā shí shēn hòu de shù xué yǔ wù lǐ jī chǔ, fāng néng zài qián yán jiāo chā xué kē gōng guān zhōng hòu jī bó fā, yǒng pān gāo fēng.

Nhân tài đầu ngành khoa học công nghệ trẻ tuổi cần đặt nền móng vật lý và toán học vô cùng vững chắc sâu dày, thì mới có thể tích lũy sâu dày bộc lộ rực rỡ, dũng cảm trèo lên đỉnh cao trong các trận đánh vượt khó ngành học liên ngành tiên phong.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : **TRẮT THỰC**

HSK 6 (3.0)

Động từ

#1013

炸

zhà

nổ tung, đánh nổ; chiến rán dầu mỡ (zhá)

在大型水利水电工程爆破现场，工程师采用精准毫秒延期微差爆破技术，确保大坝基础开挖绝对安全精准。

Zài dà xíng shuǐ liú diàn gōng chéng bào pò xiàn chǎng, gōng chéng shī cái yòng jīng zhún háo miǎo yǎn qī wēi chà bào pò jì shù, què bǎo dà bà jī chǔ kāi wā jué duì ān quán jīng zhún.

Tại hiện trường nổ mìn công trình thủy lợi thủy điện cỡ lớn, các kỹ sư áp dụng kỹ thuật nổ mìn vi sai giãn cách mili-giây chuẩn xác, bảo đảm việc đào bới nền móng đập an toàn chuẩn xác tuyệt đối không bị nổ tung chấn động bữa bãi.

📖 10 nét

HÁN VIỆT : **TRÁC**

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1014

炸弹

zhàdàn

quả bom, bom đạn

公安特警排爆专家操纵自主研发的高精度防爆排爆机器人，在实战演练中成功精准拆除复杂爆炸装置。

Gōng ān tè jǐng pái bào zhuān jiā cāo zòng wán quán zì zhǔ yán fā de gāo jīng dù fáng bào pái bào jī rén, zài shí zhàn yǎn liàn zhōng chéng gōng jīng zhún chāi chú fù zá zhào wù zhì.

Chuyên gia rà phá bom mìn cảnh sát đặc nhiệm công an điều khiển robot rà phá bom mìn phòng nổ độ chính xác cao do nước nhà hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã tháo gỡ thành công chuẩn xác thiết bị nổ phức tạp quả bom trong diễn tập thực chiến.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : **TRÁC ĐẠN**

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1015

炸药

zhà yào

thuốc nổ, chất nổ công nghiệp

在特长深埋特大铁路隧道开挖中，工程团队严格规范民用炸药精准装药工艺，实现了超高精度的光面爆破开挖。

Zài tè cháng shēn mái tè dà tiě lù suì dào kāi wā zhōng, gōng chéng tuán duì yán gé guī fàn mìn yòng zhà yào jīng zhún zhuāng yào gōng yì, shí xiàn le chāo gāo jīng dù de guāng miàn bào pò kāi wā.

Trong thi công đào hầm đường sắt siêu lớn chôn sâu siêu dài, đội ngũ công trình thực thi quy chuẩn nghiêm ngặt quy trình nạp thuốc nổ thuốc nổ dân dụng chuẩn xác, thực hiện thi công đào nổ mìn bề mặt phẳng độ chính xác siêu cao.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : **TRÁC DƯỢC**

HSK 6 (3.0)

Động từ

#1016

债

zhài

món nợ

老师鼓励大家积极债，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhài, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực món nợ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 8 nét

HÁN VIỆT : **TRÁI**

HSK 6 (3.0)

Động từ

#1017

占据

zhàn jù

chiếm giữ, chiếm lĩnh vị trí chủ chốt/thị phần

我国在新一代动力电池、特高压输电与光伏新能源装备制造领域持续占据着全球绝对领先地位与庞大国际市场份额。

Wǒ guó zài xīn yí dài dòng lì diàn chí, tè gāo yǎ shū diàn yǔ guāng fú xīn néng yuán zhuāng bèi zhì zào lǐng yù chí xù zhàn jù zhe quán qiú jué duì lǐng xiān dì wèi yǔ páng dà guó jì shì chǎng fèn é.

Nước ta trong các lĩnh vực chế tạo trang thiết bị năng lượng mới quang điện, truyền tải điện siêu cao áp và pin động lực thể hệ mới liên tục chiếm giữ vị thế dẫn đầu tuyệt đối trên toàn cầu cùng thị phần thị trường quốc tế khổng lồ.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : **CHIÊM CƯ**



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1018

战场

zhànchǎng

chiến trường, trận địa chiến đấu

经济建设是科技创新的主战场，我们要加快推进前沿高新技术成果迅速转化为现实新生产力。

Jīng jì jiàn shè shì kē jì chuàng xīn de zhǔ zhàn chǎng, wǒ men yào jiā kuài tuī jìn qián yán gāo xīn jì shù chéng guǒ xùn sù zhuǎn huà wéi xiàn shí xīn zhì shēng chǎn lì.

Xây dựng kinh tế chính là chiến trường trận địa chính của đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ, chúng ta phải đẩy nhanh thúc đẩy các thành quả công nghệ cao mới tiên phong nhanh chóng chuyển hóa thành lực lượng sản xuất chất lượng mới hiện thực.

19 nét

HÁN VIỆT: CHIẾN TRƯỜNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#1019

战略

zhàn lüè

chiến lược, tầm nhìn chiến lược vĩ mô

国家深入实施创新驱动发展战略、区域协调发展战略与人才强国战略，不断塑造高质量发展新动能新优势。

Guó jiā shēn rù shí shī chuàng xīn qū dòng fā zhān zhàn lüè, qū yù xié tiáo fā zhān zhàn lüè yǔ rén cái qiáng guó zhàn lüè, bù duàn sù zào gāo zhì liàng fā zhān xīn dòng néng xīn yōu shì.

Nhà nước đi sâu thực thi Chiến lược Nhân tài Làm mạnh Đất nước, Chiến lược Phát triển Phối hợp Vùng và Chiến lược Đổi mới Thúc đẩy Phát triển, không ngừng định hình nên những lợi thế mới và động năng mới cho phát triển chất lượng cao.

21 nét

HÁN VIỆT: CHIẾN LƯỢC

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#1020

战术

zhàn shù

chiến thuật, mưu lược chiến thuật tác chiến

在复杂电磁环境联合战役实兵演练中，红方突击分队灵活运用无人协同与超低空突防战术，精准摧毁目标阵地。

Zài fù zá diàn cí huán jīng lián hé zhàn yì shí bīng tū jī fēn duì lín yòng wú rén xié tóng yǔ chāo dī kōng tū fáng zhàn shù, jīng zhǔn cuī huǐ mù biāo zhèn dì.

Trong cuộc diễn tập thực binh chiến dịch liên hợp dưới môi trường điện từ phức tạp, phân đội xung kích quân Đỏ đã vận dụng linh hoạt các chiến thuật đột phá tầm cực thấp và hiệp đồng không người lái, phá hủy chuẩn xác trận địa mục tiêu.

23 nét

HÁN VIỆT: CHIẾN THUẬT

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1021

战友

zhànyǒu

đồng đội, bạn chiến đấu

在大科学工程攻坚克难的漫长岁月里，科研团队成员朝夕相处、紧密协作，结下了无比深厚的战友友谊。

Zài dà kē xué gōng chéng gōng gǎn jiān kè nán de màn cháng suì yuè lǐ, kē yán tuán duì chéng yuán zhāo xī xiāng chǔ, jīn mǐ xié zuò, jié xià liǎo wú bǐ shēn hòu de zhàn yǒu yǐn yì.

Trong những năm tháng dài đằng đẳng vượt khó công trình khoa học lớn, các thành viên trong đội ngũ nghiên cứu ngày đêm kề vai sát cánh, hợp tác chặt chẽ, kết nên tình cảm bạn chiến đấu đồng đội vô cùng sâu đậm.

22 nét

HÁN VIỆT: CHIẾN HỮU

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1022

站台

zhàntái

sân ga, thêm ga đường sắt

现代化高铁车站全面配备了智能安全屏蔽门与无障碍升降平台，旅客在宽敞整洁的站台上井然有序候车。

Xià dài huà gāo tiě chē zhàn quán miàn pèi bèi le zhì néng ān quán píng bǐ mén yǔ wú zhàng ài shēng jiàng píng tái, lǚ kè zài宽敞整洁的站台上井然有序候车。

Nhà ga đường sắt cao tốc hiện đại hóa trang bị toàn diện hệ năng hạ không rào cản và cửa chắn an toàn thông minh, hành khách xếp hàng trật tự chờ tàu trên sân ga thêm ga khang trang sạch sẽ rộng rãi.

26 nét

HÁN VIỆT: TRẠM ĐÀI

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#1023

章

zhāng

chương (sách/điều lệ); con dấu ấn tín; bài văn (thiên chương)

在实现高水平科技自立自强的伟大征程中，广大科技工作者正在谱写属于新时代的壮丽科学华章。

Zài shí xiàn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng de wēi dà zhēng chéng zhōng, guāng dà kē jì gōng zuò zhě zhèng zài pǔ xiě shǔ yú xīn shí dài de zhuàng lì kē xué huá zhāng.

Trong hành trình vĩ đại thực hiện tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao, đông đảo những người làm khoa học đang viết nên những áng văn chương bài văn khoa học tráng lệ thuộc về thời đại mới.

13 nét

HÁN VIỆT: CHƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1024

长短

chángduǎn

độ dài ngắn, sự dài ngắn; chuyện đúng sai dènh pha

大科学装置超精密机械构件的几何加工精度要求极高，每一个细微部件的长度尺寸公差均控制在微米以内。

Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mì jī xié gòu jiàn de jī hé jiā gōng jīng dù yāo qiú jí gāo, měi yí gè wēi wēi bù jiàn de cháng dù chí cùn gōng chāi jūn kòng zhì zài wēi mǐ yī nèi.

Yêu cầu độ chính xác gia công hình học cấu kiện cơ khí siêu chính xác của thiết bị khoa học lớn cực kỳ cao, dung sai kích thước độ dài ngắn dài ngắn của từng chi tiết nhỏ bé đều được kiểm soát trong phạm vi dưới micromet.

24 nét

HÁN VIỆT: TRƯỜNG ĐOẢN

HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#1025

长假

chángjià

kỳ nghỉ dài, đợt nghỉ lễ dài ngày

在国庆长假期间，大科学工程施工现场的数千名科研骨干与建设者依然坚守岗位、抢抓工程黄金建设期。

Zài guó qīng cháng jià jī qī jiān, dà kē xué gōng chéng shī gōng xiàn cháng de shù qiān míng gàn yán gǔ gàn yǔ jiàn shè zhě yī rán jiān shǒu gǎng wèi, qiǎng zhuā gōng chéng huáng jīn jiàn shè qī.

Trong kỳ nghỉ dài đợt nghỉ lễ dài ngày Quốc khánh, hàng ngàn cán bộ nòng cốt nghiên cứu và những người xây dựng tại hiện trường thi công công trình khoa học lớn vẫn kiên trì bám trụ vị trí, tranh thủ giai đoạn thi công vàng của công trình.

24 nét

HÁN VIỆT: TRƯỜNG GIẢ

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#1026

长久

chángjiǔ

lâu dài, trường cửu, bền vững dài lâu

唯有牢牢掌握关键核心技术自主权，国家高新技术产业发展才能获得长久稳定的安全保障。

Wéi yǒu láo láo zhǎng wò guān jiàn hé xīn jī shù zì zhǔ quán, guó jiā gāo xīn jì shù chǎn yè fā zhǎn cái néng huò dé cháng jiǔ wěn dìng de ān quán zhàn lüè bǎo zhàng.

Chỉ khi nắm chắc quyền tự chủ công nghệ lõi then chốt, sự phát triển ngành công nghệ cao của đất nước mới có thể giành được sự bảo đảm chiến lược an toàn lâu dài trường cửu bền vững.

21 nét

HÁN VIỆT: TRƯỜNG CỬU



HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#1027

长跑

chángpǎo

chạy đường dài, chạy cự ly dài
(cuộc đua marathon)

前沿基础科学探索是一场比拼耐力与韧性的学术长跑，需要科研人员甘坐冷板凳、下苦功夫潜心钻研。

Qián yán jī chǔ kē xué tàn suǒ shì yí chǎng bǐ pīn nài lì yǔ rèn xìng de xué shù cháng pǎo, xū yào kē yán rén yuán gān zuò lěng bǎn dèng, xià kǔ gōng fu qián xīn zuān yán.

Khám phá khoa học cơ bản tiên phong là một cuộc chạy cự ly dài chạy đường dài học thuật so tài về sự dẻo dai và sức bền, đòi hỏi cán bộ nghiên cứu phải tình nguyện ngồi ghế băng lạnh, dày công khổ luyện chuyên tâm nghiên cứu sâu.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : TRƯỜNG BẢO

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#1028

长远

chángyuǎn

lâu dài, dài hạn, nhìn xa trông rộng
(tầm nhìn)

我们要树立长远战略眼光，保持战略定力，下大力气抓好基础研究与颠覆性前沿技术战略布局。

Wǒ men yào shù lì cháng yuǎn zhàn lüè yǎn guāng, bǎo chí zhàn lüè dìng lì, xià dà lì qì zhuā hǎo jī chǔ yán jiū yǔ diǎn fù xíng qián yán jì shù zhàn lüè bù jú.

Chúng ta phải xác lập tầm nhìn chiến lược lâu dài dài hạn, giữ vững định lực chiến lược, dốc sức lớn làm thật tốt bố cục chiến lược công nghệ tiên phong mang tính cách mạng và nghiên cứu cơ bản.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : TRƯỜNG VIỄN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1029

掌声

zhǎngshēng

tiếng vỗ tay, tràng pháo tay giòn
giã

在大科学工程表彰盛典上，全场数千名代表起立为功勋战略科学家报以经久不息的热烈掌声与崇高敬意。

Zài dà kē xué gōng chéng biǎo chéng shèng diǎn shàng, quán chǎng shù qiān míng dài biǎo qǐ lì wèi gōng xūn zhàn lüè kē xué jiǎ bào yǐ jǐng jiǔ bù xī de rè liè zhǎng shēng yǔ chóng gāo jīng yì.

Tại đại lễ tuyên dương công trình khoa học lớn, hàng ngàn đại biểu toàn trường đã đứng dậy dành những tràng pháo tay tiếng vỗ tay nồng nhiệt kéo dài không dứt cùng niềm tôn kính cao đẹp nhất gửi tới các nhà khoa học chiến lược có công lao.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : CHƯỜNG THANH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1030

账

zhàng

sổ sách, tài khoản kế toán, công nợ

国家科技经费全面推行数字化规范管理与绩效评价机制，确保每一笔科研财政资金账目清晰、使用高效。

Guó jiā kē jī jīng fèi quán miàn tuī xíng shù zì huà guǎn lǐ yǔ jìng yǎo píng jià jī zhì, què bǎo měi yī bǐ kē yán cái zhī jīn zhàng mù qīng xī, shǐ yòng gāo xiào.

Kinh phí khoa học công nghệ quốc gia đẩy mạnh toàn diện cơ chế đánh giá hiệu quả và quản lý chuẩn hóa số hóa, bảo đảm từng khoản sổ sách tài khoản nguồn vốn ngân sách nghiên cứu khoa học đều minh bạch rõ ràng, sử dụng hiệu quả cao.

📖 8 nét

HÁN VIỆT : TRƯỞNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1031

账户

zhànghù

tài khoản (ngân hàng, kỹ thuật số)

为了保障公民个人数字资产与资金安全，国家反诈中心建议大家开通银行账户大额转账多重安全验证。

Wèi le bǎo zhàng gōng mǐn gè rén shù zì zī chǎn yǔ zī jīn ān quán, guó jiā fǎn zhà zhōng xīn jiàn yì dà jiǎ kāi tōng yín háng zhàng hù dà é zhuǎn zhàng duō zhòng ān quán yán zhèng.

Nhằm bảo vệ an toàn tài sản số và tiền gửi cá nhân của công dân, Trung tâm Phòng chống Lừa đảo Quốc gia khuyến nghị mọi người kích hoạt xác thực an toàn đa lớp cho các giao dịch chuyển khoản lớn trên tài khoản ngân hàng.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : TRƯỞNG HỘ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1032

障碍

zhàng'ài

chướng ngại vật, rào cản trở ngại
cản trở

深化全国统一大市场建设必须坚决破除地方保护与市场准入壁垒，彻底清除阻碍要素自由流通的各类制度性障碍。

Shēn huà quán guó tóng yī dà shì chǎng jiàn shè bì xū jiǎn jué pò chǔ dì fāng bǎo hù yǔ shì chǎng zhǔn rù bǐ lǐ, chè dǐ qīng chú zǔ ài yào sù zì yóu liú tōng de gè lèi zhì dù xìng zhàng'ài.

Làm sâu sắc việc xây dựng Đại thị trường Thống nhất Toàn quốc bắt buộc phải kiên quyết xóa bỏ các rào cản tiếp cận thị trường và bảo hộ cục bộ địa phương, thanh trừ triệt để mọi rào cản chướng ngại mang tính thể chế cản trở sự lưu thông tự do của các yếu tố sản xuất.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : CHƯỚNG NGẠI

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1033

招

zhāo

tuyển dụng, chiêu mộ; vẫy gọi;
chiêu thức tuyệt chiêu

国家重点实验室面向全球公开招募高水平青年科技领军人才，全力打造国际一流的基础科学创新高地。

Guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì miàn xiàng quán qiú gōng kāi zhāo mù gāo shuǐ píng qīng nián kē jì líng jūn rén cái, quán lì dǎ zào guó jì yí liú de jī chǔ kē xué chuàng xīn gāo dì.

Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia công khai chiêu mộ tuyển dụng nhân tài dẫn đầu khoa học công nghệ trẻ tuổi trình độ cao trên toàn cầu, dốc toàn lực kiến tạo vùng đất cao đối mới sáng tạo khoa học cơ bản hàng đầu thế giới.

📖 10 nét

HÁN VIỆT : CHIÊU

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1034

招聘

zhāo pīn

tuyển dụng, chiêu mộ

为满足集团全球化业务飞速拓展的用人需求，公司人力资源部启动了面向全球知名学府的春季校园招聘。

Wèi mǎn zú jī tuán quán qiú huà yè wù fēi sù tuò zhǎn de yòng rén xū qiú, gōng sī rén lì zī yuán bù qǐ dòng le miàn xiàng quán qiú zhī míng xué fú de chūn jì xué yuán zhāo pīn.

Nhằm đáp ứng nhu cầu nhân sự cho đà mở rộng kinh doanh toàn cầu thần tốc của tập đoàn, Phòng Nhân sự công ty đã khởi động đợt tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp mùa xuân tại các trường đại học danh tiếng thế giới.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : CHIÊU SÍNH

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#1035

照样

zhào yàng

vẫn cứ như cũ, y như trước không
đổi

尽管深冬高原边关天寒地冻、积雪没膝，边防官兵照样按照战备训练计划顶风冒雪展开全科目实战化战备巡逻。

Jìn guǎn shēn dōng gāo yuán biān guān tiān hán dì dòng, jī xuě méi xī, biān fáng guān bīng zhào yàng àn zhào zhàn bèi xùn liàn jì huà dīng fēng máo xuě zhān kāi quán kē mù shí zhàn huà zhàn bèi xùn lú.

Dẫu giữa mùa đông biên cương cao nguyên trời đất giá rét căm căm, tuyết rơi dày ngập đầu gối, các cán bộ chiến sĩ bộ đội biên phòng vẫn cứ như cũ theo đúng kế hoạch huấn luyện sẵn sàng chiến đấu đội mưa tuyết đạp gió rét triển khai tuần tra sẵn sàng chiến đấu thực chiến hóa toàn bộ các đề mục.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : CHIỂU DẠNG



HSK 6 (3.0)

Động từ

#1036

照耀

zhào yào

chiếu rọi, tỏa sáng rực rỡ soi đường

马克思主义真理的光芒照耀着中国式现代化前进道路, 指引着中华民族走向伟大复兴的历史航程。

Mǎ kè sī zhū yì zhēn lǐ de guāng máng zhào yào zhe zhōng guó shì xiān dài huà qián jìn dào lù, zhǐ yǐn zhe zhōng huá mín zú zǒu xiàng wéi dà fù xīng de lì shǐ háng chéng.

Ánh hào quang của chân lý chủ nghĩa Mác chiếu rọi soi đường cho con đường tiến lên của hiện đại hóa đất nước, dẫn lối chỉ đường cho hải trình lịch sử của dân tộc bước tới phục hưng vĩ đại.

19 nét

HÁN VIỆT : CHIẾU DIỆU

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1037

哲学

zhé xué

triết học

马克思主义哲学深刻揭示了自然界、人类社会与思维发展的普遍本质规律, 是指导人类解放的强大思想武器。

Mǎ kè sī zhū yì zhé xué shēn kè jiē shì le zì rán jiè, rén lèi shè huì yǔ sī wéi fā zhǎn de pǔ biān běn zhì guī lǚ, shì zhǐ dǎo rén lèi jiě fàng de qiáng dà sī xiǎng wù qì.

Triết học Mác – Lênin đã hé lộ sâu sắc các quy luật bản chất phổ quát của giới tự nhiên, xã hội loài người và sự phát triển tư duy, là vũ khí tư tưởng mạnh mẽ chỉ đạo sự nghiệp giải phóng con người.

24 nét

HÁN VIỆT : TRIẾT HỌC

HSK 6 (3.0)

Cụm từ / Liên từ

#1038

这就是说

zhè jiù shì shuō

điều này có nghĩa là, tức là

新型超导量子比特相干寿命大幅提升了两个数量级, 这就是说量子计算机的大规模容错纠错运算已成为可能。

Xīn xíng chāo dǎo liàng zǐ bǐ tè xiāng gān shòu míng dà fú tí shēng le liǎng gè shù liàng jí, zhè jiù shì shuō liàng zǐ jì suàn jī de dà guī mó róng cuò jiū cuò yùn suàn yì chéng wéi kě néng.

Tuổi thọ kết hợp của qubit lượng tử siêu dẫn kiểu mới đã nâng cao vượt bậc thêm hai bậc độ lớn, điều này có nghĩa là tức là việc tính toán sửa lỗi chịu lỗi quy mô lớn của máy tính lượng tử đã trở thành hiện thực.

35 nét

HÁN VIỆT : GIÁ TỰ THỊ THUYẾT

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#1039

镇

zhèn

thị trấn, thị trấn nhỏ; trấn áp trấn giữ

依托大科学装置与高科技产业集群, 昔日偏远的小山村如今蝶变成了为了享誉全国的现代化硬科技特色小镇。

Yī tuō dà kē xué zhuāng zhì yǔ gāo kē jì chǎn yè jī qún, xī rì piǎn yuǎn de xiǎo shān cūn rú jīn dié biàn chéng wéi le xiǎng yù quán guó de xiān dài huà yǐng kē tè sè xiǎo zhèn.

Dựa vào cụm ngành công nghệ cao và thiết bị khoa học lớn, ngôi làng miền núi xa xôi thuở nào ngày nay đã lột xác trở thành thị trấn thị trấn nhỏ đặc sắc công nghệ cứng hiện đại hóa nổi danh khắp cả nước.

10 nét

HÁN VIỆT : TRẤN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1040

争夺

zhēng duó

tranh đoạt, cạnh tranh quyết liệt giành lấy

在全球新一轮科技革命中, 各国围绕战略前沿关键核心技术知识产权与高端拔尖人才的争夺与竞争日趋激烈。

Zài quán qiú xīn yí lún kē jì jì gé míng zhòng, gè guó wéi rào zhàn lüè qián yán guān jiàn hé xīn jì shù zhī shǐ chǎn quán yǔ gāo duān bá jiǎn rén cái de zhēng duó yǔ jìng zhēng rì qù jī liè.

Trong làn sóng cách mạng khoa học công nghệ mới trên toàn cầu, cuộc tranh đoạt cạnh tranh quyết liệt giữa các quốc gia xoay quanh nhân tài xuất chúng cao cấp và quyền sở hữu trí tuệ công nghệ lõi then chốt tiên phong chiến lược ngày càng trở nên gay gắt.

18 nét

HÁN VIỆT : TRANH ĐOẠT

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1041

整顿

zhěng dùn

chỉnh đốn, chấn chỉnh sắp xếp lại trật tự

国家深入开展医药领域腐败问题集中整治与行业作风全面整顿, 坚决守护人民群众看病就医切身利益与医保资金安全。

Guó jiā shēn rù kāi zhǎn yí yào lǐng yù fǔ bài wèn tí jí zhòng zhěng zhì yǔ háng yè zuò fēng quán miàn zhěng dùn, jiǎn jué shòu hù rén mín qún zhòng kàn bìng jī yǔ qìe shēn lì yǐ yǔ yǐ bǎo zī jīn ān quán.

Nhà nước đi sâu triển khai chỉnh đốn chấn chỉnh toàn diện tác phong ngành nghề cùng việc xử lý tập trung vấn đề tham nhũng trong lĩnh vực y dược, kiên quyết bảo vệ an toàn nguồn quỹ bảo hiểm y tế và lợi ích thiết thân khám chữa bệnh của quần chúng nhân dân.

18 nét

HÁN VIỆT : CHỈNH ĐỐN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1042

整治

zhěngzhì

chỉnh đốn, cải tạo xử lý, chấn chỉnh

国家全面推进重点流域水环境综合生态整治工程, 长江干流全线水质持续保持优良历史最好水平。

Guó jiā quán miàn tuī jìn zhòng diǎn liú yù shuǐ huán jīng zōng hé shēng tài zhěng zhì gōng chéng, cháng jiāng gàn liú quán xiàn shuǐ zhì chí xù bǎo chí yōu liáng lì shǐ zhī hǎo shuǐ píng.

Nhà nước đẩy mạnh toàn diện công trình chấn chỉnh chỉnh đốn cải tạo xử lý sinh thái tổng hợp môi trường nước các lưu vực trọng điểm, chất lượng nước toàn tuyến đồng chính sông Trường Giang liên tục duy trì mức tốt ưu lương cao nhất trong lịch sử.

21 nét

HÁN VIỆT : CHỈNH TRỊ

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Giới từ

#1043

正当

zhèng dāng

chính đáng, hợp pháp; đúng vào lúc/thời điểm

国家依法坚决捍卫本国企业在海外的合法权益, 坚决反对任何外部强权将经贸科技问题泛政治化泛安全化。

Guó jiā yī fǎ jiǎn jué hàn wèi běn guó qì yè zài hài wài de hé fǎ zhèng dāng quán yì, jiǎn jué fǎn duì rèn hé wài bù qiáng quán jiāng jīng mào kē jì wèn tí fàn zhèng zhì huà fàn ān quán huà.

Nhà nước theo quy định của pháp luật kiên quyết bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng hợp pháp của các doanh nghiệp nước mình ở nước ngoài, kiên quyết phản đối bất kỳ cường quyền bên ngoài nào chính trị hóa và an ninh hóa thái quá các vấn đề khoa học công nghệ kinh tế thương mại.

19 nét

HÁN VIỆT : CHINH ĐƯƠNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1044

政策

zhèng cè

chính sách, chủ trương chính sách

国家出台了一系列精准有力的减税降费与普惠金融扶持政策, 切实为广大中小微企业纾困解难。

Guó jiā chū tái le yī xì liè jīng zhǔn yǒu lì de jiǎn shuì jiàng fèi yǔ pǔ huì jīn róng fú chí zhèng cè, qiè shí wéi guǎng dà zhōng xiǎo wēi qì yè shù kùn jiě nán.

Nhà nước đã ban hành một loạt chính sách hỗ trợ tài chính bao trùm và giảm thuế phí trúng đích mạnh mẽ, tháo gỡ khó khăn vướng mắc thiết thực cho đông đảo doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ.

25 nét

HÁN VIỆT : CHÍNH SÁCH



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1045

政党

zhèngdǎng

chính đảng, đảng phái chính trị

中国共产党坚持把科技创新摆在国家发展全局的核心位置，团结带领全国人民加快建设世界科技强国。

Zhōng guó gòng chǎn dǎng jiān chí bǎ kē jì chuàng xīn bǎi zài guó jiā fā zhǎn quán jú de hé xīn wèi zhì, tuán jié dài lǐng quán guó rén mín jiā kuài jiàn shè shì jiè kē jì qiáng guó.

Đảng Cộng sản Trung Quốc kiên trì đặt đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ vào vị trí cốt lõi trong toàn cục phát triển của đất nước, đoàn kết dẫn dắt nhân dân cả nước đẩy nhanh xây dựng cường quốc khoa học công nghệ thế giới.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: CHÍNH ĐẢNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1046

政权

zhèng quán

chính quyền, quyền lực nhà nước

我们党的根基在人民、血脉在人民、力量在人民，必须紧紧依靠人民巩固发展社会主义国家政权。

Wǒ men dǎng de gēn jī zài rén mín, xuè mài zài rén mín, lì liàng zài rén mín, bì xū jǐn jìn yī kào rén mín gòng gù gǔ fā zhǎn shè huì zhǔ yì guó jiā zhèng quán.

Nền móng của Đảng ta nằm ở nhân dân, huyết mạch nằm ở nhân dân, nguồn sức mạnh nằm ở nhân dân, bắt buộc phải gắn bó chặt chẽ dựa vào nhân dân để củng cố và phát triển chính quyền nhà nước xã hội chủ nghĩa.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: CHÍNH QUYỀN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1047

症状

zhèng zhuàng

triệu chứng, biểu hiện bệnh lý lâm sàng

临床专家根据患者发热咳嗽、血氧饱和度下降等早期症状，迅速启动中西医结合抗病毒精准救治方案。

Lín chuáng zhuān jiā gēn jù huàn zhě fā rè ké sǒu, xuè yǎng bǎo hé dù xià jiàng děng zǎo qī zhèng zhuàng, xùn sù qǐ dòng zhōng xī yī jié hé kàng bìng dú jù jīng zhūn jiù zhì fāng àn.

Chuyên gia lâm sàng căn cứ vào các triệu chứng giai đoạn đầu như độ bão hòa oxy trong máu sụt giảm, ho sốt của bệnh nhân, đã nhanh chóng khởi động phương án cứu chữa chuẩn xác kháng virus kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: CHỨNG TRẠNG

HSK 6 (3.0)

Đại từ / Danh từ

#1048

之类

zhīlèi

những thứ như thế, các loại đại loại như

做前沿科学研究必须摒弃一切追逐名利与短期功利之类的浮躁心态，踏踏实实攻克底层核心技术难关。

Zuò qián yán kē xué yán jiū bì xū bǐn qì yī qiè zhuī zú míng lì yǔ duǎn qī gōng lì zhī lèi de fú zào xīn tài, tà tà shí shí gōng kè dī céng hé xīn jī shù nán guān.

Làm nghiên cứu khoa học tiên phong bắt buộc phải loại bỏ mọi tâm lý xốc nổi các loại đại loại như những thứ như chạy theo danh lợi và công lợi ngắn hạn, vững vàng thiết thực chinh phục ải khó công nghệ cốt lõi dưới đây.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: CHI LOẠI

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1049

支撑

zhī chēng

chống đỡ, làm điểm tựa trụ cột hỗ trợ

高水平科技自立自强是全面建成社会主义现代化强国与实现中华民族伟大复兴的核心战略支撑。

Gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng shì quán miàn jiàn chéng shè huì zhǔ yì xiàn dài huà qiáng guó yǔ shí xiàn zhōng huá míng zǐ wèi dà fù xīng de hé xīn zhàn lüè zhī chēng.

Tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao chính là điểm tựa trụ cột chống đỡ chiến lược hạt nhân cốt lõi để xây dựng thành công toàn diện cường quốc hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa và thực hiện phục hưng vĩ đại của dân tộc.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: CHI CHỐNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1050

支援

zhī yuán

chi viện, hỗ trợ tiếp sức giúp đỡ

在发生特大地震地质灾害后，全国十余个对口支援省市的专业抢险救援与医疗医疗队星夜驰援灾区一线。

Zài fā shēng tè dà dì zhèn dì zhì zài dì zāi hài hòu, quán guó shí yǔ gè duì kǒu zhī yuán shěng shì de zhuān yè qiǎng xiǎn jiù yuán yǔ yī liáo yī liáo duì xīng yè chí yuán zāi qū yī xiàn.

Sau khi xảy ra thảm họa địa chất động đất đặc biệt lớn, các đội ngũ y tế cứu thương và cứu hộ cứu nạn chuyên nghiệp của hơn mười tỉnh thành phố chi viện đối ứng trên toàn quốc đã thâu đêm suốt sáng lao tới chi viện tuyến đầu vùng thiên tai.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: CHI VIỆN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#1051

枝

zhī

cành, nhánh cây; cành hoa (lượng từ)

初春时节，雪域高原漫山遍野的高山野生杜鹃花缀满枝头，在蔚蓝苍穹与巍峨雪山映衬下分外妖娆。

Chū chūn shí jié, xuě yù gāo yuán mǎn shān biàn yě de gāo shān yě shēng dù jiān huā zhuì mǎn zhī tóu, zài wèi lán cāng qióng yǔ wēi é xuě shān yǐng chèn xià fèn wài yāo ráo.

Vào tiết đầu xuân, hoa đỗ quyên dã sinh vùng núi cao nở rộ khắp núi đồi cao nguyên phủ đầy trên các cành cây nhánh cây, dưới sự soi bóng của các đỉnh núi tuyết sừng sững và bầu trời xanh ngắt trông càng thêm kiều diễm rực rỡ.

📖 10 nét

HÁN VIỆT: CHI

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#1052

知名

zhī míng

danh tiếng, nổi tiếng, có tên tuổi

大科学装置开放共享吸引了海内外众多知名顶尖学者前来开展前沿量子物理与新材料微观实验。

Dà kē xué zhuāng zhì kāi fàng gòng xiǎng xī yǐn le hǎi nèi wài zhòng duō zhī míng dīng jiān xué zhě qián lái kāi zhǎn qián yán liàng zǐ wù lǐ yǔ xīn cái xíng cái liào wēi guān shí yàn.

Việc mở cửa chia sẻ thiết bị khoa học lớn đã thu hút đông đảo các học giả hàng đầu nổi tiếng danh tiếng trong và ngoài nước tới triển khai các thực nghiệm vì mô vật liệu kiểu mới và vật lý lượng tử tiên phong.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: TRI DANH

HSK 6 (3.0)

Động từ

#1053

织

zhī

dệt, đan dệt; dệt nên tạo mạng lưới

我国完全自主研制的新一代三维立体碳纤维编织机，成功织造出了大飞机大型一体化轻量化机翼主梁构件。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de xīn yī dài sān wéi lì tǐ tàn xiān wéi biān zhī jī, chéng gōng zhī zào chū le dà fēi jī dà xíng yī tǐ huà qīng liàng huà jī yǐ zhǔ liáng gòu jiàn.

Máy dệt đan dệt bền sợi carbon lập thể 3D thế hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã dệt dệt nên thành công cấu kiện dầm chính cánh máy bay siêu nhẹ tích hợp nguyên khối cỡ lớn của máy bay cỡ lớn.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: CHỨC



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1054

直升机

zhíshēngjī

máy bay trực thăng, trực thăng

我国完全自主研发的新型大型高原原型先进多用途直升机，在雪域高原紧急救援与应急巡逻中展现出强大性能。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de xīn xíng dà xíng gāo yuán gāo yuán xíng xiān jìn duō yòng tú zhī shēng jī, zài xuě yù yuán jīn jì jiù yuán yǔ yìng jí xún luó zhōng zhǎn xiàn chū qiáng dà xíng néng.

Dòng máy bay trực thăng trực thăng đa năng tiên tiến kiểu mới dạng cao nguyên cỡ lớn do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã phổ biến tính năng hùng mạnh trong tuần tra khẩn cấp và cứu nạn khẩn cấp trên cao nguyên tuyết trắng.

31 nét

HÁN VIỆT: TRỰC THĂNG CƠ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1055

职责

zhízé

chức trách, trách nhiệm và bổn phận

广大科技工作者要牢记科技报国、创新为民的神圣使命职责，把论文写在祖国广袤的大地之上。

Guǎng dà kē jì gōng zuò zhě yào lào jì kē jì bào guó, chuàng xīn wèi mǐn de shén shèng shǐ mìng zhí zé, bǎ lùn wén xiě zài zǔ guó guǎng mào de dà dì zhī shàng.

Đồng đạo những người làm công tác khoa học công nghệ cần khắc ghi trách nhiệm bổn phận chức trách sứ mệnh thiêng liêng đối với mỗi sáng tạo vì nhân dân, phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, viết những trang luận văn trên mảnh đất bao la của Tổ quốc.

20 nét

HÁN VIỆT: CHỨC TRÁCH

HSK 6 (3.0)

Động từ

#1056

止

zhǐ

Dừng lại

老师鼓励大家积极止，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhǐ, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Dừng lại, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: CHỈ

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#1057

只得

zhǐdé

đành phải, chỉ còn cách là

面对国外严密的技术封锁与专利壁垒，我们没有任何退路，只得坚定不移走自主研发创新之路。

Miàn duì guó wài yán mì de jì shù fēng suǒ yǔ zhuān lì bì lěi, wǒ men méi yǒu rèn hé tuì lù, zhǐ dé jiǎn dìng bù yí zǒu zì zhǔ yán fā chuàng xīn zhī lù.

Đứng trước rào cản bằng sáng chế và sự phong tỏa công nghệ nghiêm ngặt của nước ngoài, chúng ta không có bất kỳ con đường lùi nào, đành phải chỉ còn cách là kiên định không ngừng bước đi trên con đường đổi mới sáng tạo tự chủ nghiên cứu phát triển.

28 nét

HÁN VIỆT: CHỈ ĐẮC

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#1058

只顾

zhǐgù

chỉ mãi mê, chỉ lo, chỉ chăm chăm

做科学研究既要脚踏实地埋头攻关，决不能只顾埋头拉车，更要抬头看路、敏锐把握全球科技前沿趋势。

Zuò kē xué yán jiū jì yào jiǎo dì shí dì mái tóu gōng guān, jué bù néng zhǐ gù mái tóu lā chē, gèng yào tóu tóu kàn lù, mǐn ruì bǎ wò quán qiú kē jì qián yán qū shì.

Làm nghiên cứu khoa học vừa phải cúi đầu vượt khó chân đạp đất bằng, tuyệt đối không được chỉ chăm chăm chỉ mãi mê vùi đầu kéo xe, mà càng phải ngẩng đầu nhìn đường, nhạy bén nắm bắt xu thế ranh giới tiên phong khoa học công nghệ toàn cầu.

28 nét

HÁN VIỆT: CHỈ CỐ

HSK 6 (3.0)

Phó từ

#1059

只管

zhǐguǎn

cứ việc, cứ yên tâm mà làm; chỉ lo

国家科技部门全面为青年拔尖科学家松绑减负：“你们只管心无旁骛搞原始创新，一切后勤保障由我们来做！”

Guó jiā kē jì bù mén wèi qīng nián bá jiān kē xué jiā sōng bǎng jiǎn fù: "nǐ men zhǐ guǎn xīn wú páng wù gǎo yuán shǐ chuàng xīn, yī qiè hòu bǎo zhàng yóu wǒ men lái zuò!"

Cơ quan khoa học công nghệ quốc gia cởi trói giảm tải toàn diện cho các nhà khoa học trẻ xuất chúng: "Các bạn cứ việc cứ yên tâm dốc lòng làm đổi mới sáng tạo nguyên bản, mọi bảo đảm hậu cần đã có chúng tôi lo!"

24 nét

HÁN VIỆT: CHỈ QUẢN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#1060

指定

zhǐdìng

chỉ định, ấn định giao phó địa điểm/người

在重大航天发射任务中，返回舱必须在预定时间内分秒不差地精确降落至国家指定的着陆场核心回收区域。

Zài zhòng dà háng tiān fā shèng wù zhòng, fǎn huí cāng bì xū zài yǔ dìng shí jiān nèi fēn miǎo bù chà dì jīng què jiàng luò zhì guó jiā zhǐ dìng de zhuó chǎng hé xīn huí shōu qū yù.

Trong nhiệm vụ phóng hàng không vũ trụ trọng đại, khoang hồi quy bắt buộc phải trong thời gian dự định chuẩn xác đến từng giây hạ cánh chính xác xuống khu vực thu hồi cốt lõi của bãi đáp bãi hạ cánh do quốc gia chỉ định.

20 nét

HÁN VIỆT: CHỈ ĐỊNH

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1061

指数

zhǐshù

chỉ số, hệ số index

根据世界知识产权组织发布的最新全球创新指数报告显示，我国全球创新力排名持续稳步大幅攀升。

Gēn jù shì jiè zhī shǐ chán quán zǔ zhī fā bù de zuì xīn quán qiú chuàng xīn zhǐ shù bào gào xiǎn shì, wǒ guó quán qiú chuàng xīn lì pǎi míng chí xù wěn bù dà fú pān shēng.

Căn cứ theo Báo cáo Chỉ số Đổi mới Sáng tạo Toàn cầu mới nhất do Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới công bố cho thấy, thứ hạng năng lực đổi mới sáng tạo toàn cầu của nước ta liên tục tăng vọt mạnh mẽ vững chắc.

25 nét

HÁN VIỆT: CHỈ SỐ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1062

指头

zhǐtóu

ngón tay, đầu ngón tay

新型高柔性触觉感知电子皮肤能够灵敏分辨出微米级纹理起伏，赋予智能假肢指头细腻逼真的触觉反馈。

Xīn xíng gāo róu xìng chù jué gǎn zhī diàn zì pí fū néng gōu líng mǐn fēn biàn chū wēi mǐ jī wén lǐ qǐ fú, fù yǔ zhì néng jiǎ zhǐ zhǐ tóu xì nì bī zhēn de chù jué fǎn kuī.

Lớp da điện tử cảm nhận xúc giác độ mềm dẻo cao kiểu mới có thể phân biệt nhạy bén những nhấp nhô vân thớ cấp độ micromet, mang lại phản hồi xúc giác tinh tế chân thực cho các ngón tay đầu ngón tay chi giả thông minh.

22 nét

HÁN VIỆT: CHỈ ĐẦU


HSK 6 (3.0)

Động từ

#1063

指着

zhǐzhe

chỉ vào, trỏ vào, hướng ngón tay về

总设计师指着大屏幕上的全系统关键性能实测曲线，自豪地宣布：“我们完全实现了全系统核心技术自主可控！”

Zǒng shè jī shī zhǐ zhe dà píng mù shàng de quán xì tǒng guān jiàn xìng néng shí cè qǔ xiàn, zì háo dì xuān bù : "wǒ men wán quán shí xiàn le quán xì tǒng hé xīn jī shù zì zhǔ kě kòng!"

Vị tổng công trình sư chỉ vào trỏ vào đường cong đo đặc thực tế tính năng then chốt toàn hệ thống trên màn hình lớn, tự hào tuyên bố: 'Chúng ta đã thực hiện hoàn toàn việc tự chủ kiểm soát công nghệ cốt lõi toàn hệ thống!'

21 nét

 HÁN VIỆT : **CHỈ TRƯỚC**
HSK 6 (3.0)

Giới từ / Liên từ

#1064

至于

zhìyú

còn về, đối với; đến mức đến nỗi (bùzhìyú)

攻关团队现已全面完成了底层核心芯片的架构设计，至于流片封装与系统级联调则将在下个月按期启动。

Gōng guān tuán duì xiān yǐ quán miàn wán chéng le dī céng hé xīn xīn piàn de jià gòu shè jì, zhì yú liú piàn fēng zhuāng yǔ xì tǒng jí lián tiáo zé jiāng zài xià gè yuè àn qī qǐ dòng.

Nhóm vượt khó hiện đã hoàn thành toàn diện việc thiết kế kiến trúc của chip cốt lõi dưới đây, còn về đối với việc đóng gói sản xuất chip thử nghiệm (tape-out) và liên kết điều chỉnh cấp hệ thống thì sẽ khởi động đúng hạn vào tháng sau.

25 nét

 HÁN VIỆT : **CHÍ VU**
HSK 6 (3.0)

Động từ

#1065

治病

zhìbìng

chữa bệnh, điều trị bệnh tật

我国完全自主研发的重离子医疗装置成功投入临床应用，为恶性肿瘤患者提供了国际最先进的精准治病新手段。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de zhòng lí zì yǐ liáo zhuāng zhì chéng gōng tóu rù lín chuāng yīng yòng, wèi è xìng zhǒng liú huàn zhě tí gòng le guó jì zuì xiān jìn de jīng zhǔn zhì bìng xīn shǒu duàn.

Thiết bị y tế ion nặng do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã được đưa vào ứng dụng lâm sàng thành công, mang lại phương thức chữa bệnh điều trị bệnh tật chuẩn xác tiên tiến nhất thế giới cho bệnh nhân u ác tính.

19 nét

 HÁN VIỆT : **TRỊ BỆNH**
HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1066

智慧

zhì huì

trí tuệ, sự thông thái

构建人类命运共同体重大理念凝结着深厚的东方哲学智慧，为解决全球治理面临的百年变局难题贡献了中国方案。

Gòu jiàn rén lèi mìng yùn tóng tǐ zhòng dà lǐ niàn níng jié zhe shēn hòu de dōng fāng zhī xué zhì huì, wèi jiě jué quán qiú zhì lǐ miàn lín de bǎi nián biàn jú nán tí gòng xiàn le zhōng guó fāng àn.

Quan niệm trọng đại cùng xây dựng cộng đồng chung vận mệnh nhân loại kết tinh trí tuệ triết học phương Đông sâu sắc, đóng góp phương án Trung Hoa để giải quyết bài toán biến chuyển trăm năm của quản trị toàn cầu.

22 nét

 HÁN VIỆT : **TRÍ TUỆ**
HSK 6 (3.0)

Tính từ

#1067

中等

zhōngděng

trung đẳng, mức độ vừa phải trung bình; trung học

我国已形成全球规模最大、最具活力的中等收入群体，为高科技消费市场与内需增长提供了强劲动力。

Wǒ guó yǐ xíng chéng quán qiú guī mó zuì dà, zuì jù huó lì de zhōng děng shōu rù qún tǐ, wèi gāo kē jì xiǎo fēi shì chǎng yǔ nèi xū zēng zhǎng tí gòng le qiáng jīng dòng lì.

Nước ta đã hình thành nhóm thu nhập trung bình trung đẳng có sức sống nhất và quy mô lớn nhất toàn cầu, mang lại động lực mạnh mẽ cho thị trường tiêu dùng công nghệ cao và tăng trưởng nội nhu.

21 nét

 HÁN VIỆT : **TRUNG ĐẲNG**
HSK 6 (3.0)

Danh từ riêng

#1068

中华

Zhōnghuá

Trung Hoa, đất nước và dân tộc Trung Hoa

五千年中华优秀传统文化生生不息，在新时代科技强国建设的伟大征程中焕发出更加璀璨夺目的文明光芒。

Wǔ qiān nián zhōng huá yōu xiù chuán tǒng wén míng shēng shēng bù xī, zài xīn shí dài kē jì qiáng guó jiàn shè de wēi dà zhēng chéng zhōng huàn fā chū gèng jiā cuǐ càn duó mù de wén míng guāng máng.

Nền văn minh truyền thống xuất sắc Trung Hoa Trung Hoa 5000 năm đời đời bất diệt, trong hành trình vĩ đại xây dựng cường quốc khoa học công nghệ thời đại mới lại tỏa sáng ánh hào quang văn minh rực rỡ chói lọi hơn bao giờ hết.

20 nét

 HÁN VIỆT : **TRUNG HOA**
HSK 6 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#1069

中期

zhōngqī

giai đoạn giữa, trung kỳ, giữa kỳ

国家重大科技基础设施工程顺利通过国家中期综合评估，各项既定核心建设任务进展顺利、指标优良。

Guó jiā zhòng dà kē jì jī chǔ shè shī gōng chéng shùn lì tōng guò guó jiā zhōng qī zōng hé píng gū, gè xiàng jì dìng hé xīn jiàn shè rèn wù jìn zhǎn shùn lì, zhǐ biāo yōu liáng.

Công trình cơ sở hạ tầng khoa học công nghệ trọng đại quốc gia đã thuận lợi vượt qua đợt đánh giá tổng hợp giữa kỳ trung kỳ quốc gia, tất cả các nhiệm vụ xây dựng cốt lõi định sẵn đều tiến triển thuận lợi, chỉ tiêu ưu lương.

18 nét

 HÁN VIỆT : **TRUNG KỲ**
HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#1070

中外

zhōngwài

trong và ngoài nước, Trung Quốc và nước ngoài

在国际大科学装置落成启用典礼上，中外顶尖科学家代表齐聚一堂，共同探讨全球基础科学前沿合作未来蓝图。

Zài guó jì dà kē xué zhuāng zhì luò chéng qǐ yòng diǎn lǐ shàng, zhōng wài dīng jiān kē xué jiā dài biǎo qí jù yì táng, gòng tóng tàn tǎo quán qiú jī chǔ kē xué qián yán hé zuò wèi lái lán tú.

Tại đại lễ khánh thành đưa vào sử dụng thiết bị khoa học lớn quốc tế, đại biểu các nhà khoa học hàng đầu trong và ngoài nước Trung Quốc và nước ngoài đã cùng tế tựu một nhà, cùng bàn thảo bản đồ quy hoạch tương lai hợp tác tiên phong khoa học cơ bản toàn cầu.

16 nét

 HÁN VIỆT : **TRUNG NGOẠI**
HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#1071

忠心

zhōngxīn

lòng trung thành, tận trung tận hiến

老一辈战略科学家把对祖国和人民的一片赤诚忠心，深深融进了大西北荒原戈壁的重大国防科技攻坚事业之中。

Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā bǎ duì zǔ guó hé rén mín de yī piàn chì chéng zhōng xīn, shēn shēn róng jìn le dà xī běi huāng yuán gē bì de zhòng dà guó fáng kē jì gōng jiàn shì yè zhī zhōng.

Các nhà khoa học chiến lược tiến bộ đã hòa quyện tâm lòng trung thành tận trung son sắt trong sáng đối với Tổ quốc và nhân dân sâu vào sự nghiệp vượt khó khoa học công nghệ quốc phòng trọng đại nơi hoang nguyên sa mạc Gobi miền Đại Tây Bắc.

19 nét

 HÁN VIỆT : **TRUNG TÂM**

HSK 6
(3.0)Danh từ chỉ thời
gian

#1072

钟头

zhōngtóu

tiếng đồng hồ, giờ đồng hồ (khẩu
ngữ)

青年学者在灵感迸发的攻关之夜，连续数个钟头专注演算，成功推导完成了复杂的非线性偏微分方程组。

Qīng nián xué zhě zhē zài líng gǎn bèng fā de gōng guān zhī yè, lián xù shù gè zhōng tóu zhuān zhù yǎn suàn, chéng gōng tuī dǎo wán chéng le fù zá de fēi xiàn xìng piān wēi fēn fāng chéng zǔ.

Người học giả trẻ tuổi trong đêm vượt khó cảm hứng bùng nổ đã liên tục chuyên chú tính toán suy diễn suốt nhiều tiếng đồng hồ giờ đồng hồ, hoàn thành suy diễn giải hệ phương trình đạo hàm riêng phi tuyến phức tạp thành công.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: CHUNG ĐẦU

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#1073

肿

zhǒng

sưng, sưng tấy, phù nề

新型医用靶向纳米药物能够精准聚集于病灶部位高效消融肿瘤细胞，而不会引起周围健康组织的红肿与炎症反应。

Xīn xíng yī yòng bǎ xiàng nǎ mǐ yào wù néng gòu jīng zhǔn jù jí yú bìng zhào bù wèi gāo xiào xiāo róng zhǒng liú xì bǎo, ér bú huì yīn qǐ zhōu wéi jiàn kāng zǔ zhī de hóng zhǒng yǔ yán zhèng fǎn yīng.

Loại thuốc nano nhắm trúng đích y tế kiểu mới có thể tập trung chuẩn xác tại vị trí ổ bệnh để tiêu diệt làm tan tế bào khối u hiệu quả cao mà không hề gây nên phản ứng viêm và sưng tấy sưng đỏ các mô tế bào khỏe mạnh xung quanh.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: TRŨNG

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Số lượng

#1074

种种

zhǒngzhǒng

muôn vàn, đủ loại, các thứ khác
nhau

攻关团队顶住了外部种种极端技术封锁与不实质疑，以确凿的自主创新硬核成果赢得了国际同行的普遍尊重。

Gōng guān tuán dǔi dǐng zhù le wài bù zhǒng zhǒng jí duǎn jì shù fēng suǒ yǔ bù shí zhì yí, yǐ què záo de zì zhǔ chuàng xīn yìng hé chéng guǒ yíng dé le guó jì tóng háng de pǔ biàn zūn zhòng.

Nhóm vượt khó đã kiên cường vượt qua muôn vàn đủ loại sự hoài nghi thất thiệt và phong tỏa công nghệ cực đoan từ bên ngoài, dùng những thành quả công nghệ cứng đối mới sáng tạo tự chủ xác thực để giành được sự tôn trọng phổ quát của đồng nghiệp quốc tế.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: CHỦNG CHỦNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1075

重建

chóngjiàn

tái thiết, xây dựng lại, phục hồi tái
tạo

在特大自然灾害灾后恢复重建中，国家全面运用高标准防灾抗震建筑科技，为群众重建起了更加安全美好的生态家园。

Zài tè dà zì rán zāi hài zài hòu huī fù chóng jiàn zhōng, guó jiā quán miàn yùn yòng gāo biāo zhǔn fáng zāi kàng zhèn jiàn zhù kē jì, wéi qún zhòng chóng jiàn qǐ le gèng jiā ān quán měi hǎo de shēng tài jiā yuán.

Trong công tác phục hồi tái thiết xây dựng lại sau thảm họa thiên tai đặc biệt lớn, Nhà nước áp dụng toàn diện công nghệ kiến trúc kháng chấn phòng chống thiên tai tiêu chuẩn cao, xây dựng lại cho bà con mái ấm quê hương sinh thái tươi đẹp và an toàn hơn nữa.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: TRÙNG KIẾN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1076

重组

chóngzǔ

tái cấu trúc, tổ chức sắp xếp lại, tái
tổ hợp

国家加快推进全国重点实验室体系重组优化，着力打造定位清晰、梯次衔接的国家战略科技力量主力军。

Guó jiā jiā kuài tuī jìn quán guó zhòng yǎn diǎn shí yàn shì tí xì chóng zǔ yǒu huà, zhuó lì dǎ zào dīng wèi qīng xī, tī cì xián jiē de guó jiā zhàn lüè kē jì lì liàng zhǔ lì jūn.

Nhà nước đẩy nhanh thúc đẩy việc tái cấu trúc tổ chức sắp xếp lại tối ưu hóa hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm toàn quốc, chú trọng gây dựng đội quân chủ lực lực lượng khoa học công nghệ chiến lược quốc gia kết nối bậc thang, định vị rõ ràng.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: TRÙNG TỔ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#1077

粥

zhōu

cháo

老师鼓励大家积极粥，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ dà jiā jī jí zhōu, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực cháo, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: DỤC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1078

珠宝

zhūbǎo

châu báu, đá quý ngọc ngà đồ
trang sức

我国科研团队成功攻克了超大尺寸微波等离子体高质量单晶金刚石培育技术，广泛应用于珠宝与第四代半导体制造。

Wǒ guó kē yán tuán dǔi chéng gōng gōng kè le chāo dà chǐ cùn wēi bō plasma wù zhǐ gāo zhì liàng dān jīng jīn gāng shí péi yù jì shù, guāng fàn yìng yòng yú zhū bǎo yǔ dì sì dài bàn dǎo tì zhì zào.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta đã chinh phục thành công kỹ thuật nuôi cấy kim cương đơn tinh thể chất lượng cao plasma vi sóng kích thước siêu lớn, ứng dụng rộng rãi trong chế tạo chất bán dẫn thế hệ thứ tư và đồ trang sức đá quý châu báu.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: CHÂU BẢO

HSK 6 (3.0)

Đại từ

#1079

诸位

zhū wèi

chư vị, các vị, quý vị có mặt

总指挥在任务动员部署大会上面向全场科技工作者动情地说：“诸位同志，历史的接力棒交到了我们手上，我们唯有全力以赴！”

Zǒng zhǐ huī zài rèn wù dòng yuán bù shǔ dà huì shàng miàn xiàng quán chǎng kē jì gōng zuò zhě dòng qīng dì shuō: “zhū wèi tóng zhì, lì shǐ de jiē li bàng jiāo dào le wǒ men shǒu shàng, wǒ men wéi yǒu quán lì yì fù!”

Vị Tổng chỉ huy tại đại hội triển khai phát động nhiệm vụ đã xúc động nói trước toàn thể những người làm công tác khoa học kỹ thuật có mặt trong khán phòng: 'Thưa chư vị quý vị đồng chí, chiếc gậy tiếp sức của lịch sử đã trao vào tay chúng ta, chúng ta chỉ có con đường dốc toàn tâm toàn lực!'

📖 23 nét

HÁN VIỆT: CHƯ VỊ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1080

主持人

zhǔchí rén

người dẫn chương trình, MC chủ trì

在国家科学技术奖励大会电视直播现场，主持人深情讲述了老一辈功勋战略科学家隐姓埋名为国铸剑的壮美人生。

Zài guó jiā kē xué jì shù jiǎng lì dà huì diàn shì zhì chǎng, zhǔ chí rén shēn qīng jiǎng shù le lǎo yì bèi gōng xūn zhàn lüè kē xué jiā yǐn xìng mái míng wéi guó zhù jiàn de zhuàng měi rén shēng.

Tại hiện trường truyền hình trực tiếp Đại hội Khen thưởng Khoa học và Công nghệ Quốc gia, người dẫn chương trình người chủ trì đã xúc động kể lại cuộc đời tráng lệ đức kiếm cho Tổ quốc ẩn danh giấu tên của các nhà khoa học chiến lược có công lao tiến bối.

📖 30 nét

HÁN VIỆT: CHỦ TRÌ NHÂN



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1081

主角

zhǔjué

nhân vật chính, vai chính, chủ thể trung tâm

国家全面健全青年科技人才支持机制，大力鼓励青年科技骨干在国家重大前沿攻坚项目中担大纲、当主角。

Guójiā quán miàn jiàn quán nián qīng nián kē jì rén cái zhī chí jī zhì, dà lì gǔ lì qīng nián kē jì jǔ gàn zài guó jiā zhòng dà qián yán gōng jiàn xiàng mù zhòng dān dà gāng, dāng zhǔ jué.

Nhà nước hoàn thiện toàn diện cơ chế hỗ trợ nhân tài khoa học công nghệ thanh niên, ra sức khích lệ các cán bộ nòng cốt khoa học công nghệ trẻ gánh vác trọng trách làm chủ chốt, đảm nhận nhân vật chính vai chính trong các dự án vượt khó tiên phong trọng đại quốc gia.

18 nét

HÁN VIỆT: CHỦ GIÁC

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#1082

主流

zhǔliú

dòng chính, trào lưu chủ đạo xu thế lớn

和平、发展、合作、共赢始终是不可逆转的时代历史主流，任何单边霸权主义行径都阻挡不了人类历史前进的步伐。

Hé píng, fā zhǎn, hé zuò, gòng yíng shì zhǒng shì bù kě nì zhuǎn de shí dài lì shǐ zhǔ liú, rèn hé dān biān bà quán zhǔ yì xíng jīng dòu zǔ dǎng bù liáo rén lèi lì shǐ qián jìn bù fá.

Cùng thắng, hợp tác, phát triển và hòa bình luôn luôn là dòng chính trào lưu chủ đạo lịch sử không thể đảo ngược của thời đại, mọi hành vi bá quyền chủ nghĩa đơn phương đều không thể ngăn cản bước chân tiến lên của lịch sử nhân loại.

20 nét

HÁN VIỆT: CHỦ LƯU

HSK 6 (3.0)

Động từ

#1083

煮

zhǔ

nấu ăn

老师鼓励大家积极煮，勇于探索新的知识。老师鼓励大家积极煮，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhǔ, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nấu ăn, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: CHỦ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1084

住宅

zhùzhái

nhà ở, khu dân cư nhà ở

国家大力推进保障性住宅建设与城市老旧小区改造，切实解决新市民、青年人与低收入群体的住房困难问题。

Guójiā dà lì tuī jìn bǎo zhàng xìng zhù zhái jiàn shè yǔ chéng shì lǎo jiù xiǎo qū gǎi zào, qiè shí jiě jué xīn shì mín, qīng nián rén yǔ dī shōu rù qún tǐ de zhù fáng kùn nán wèn tí.

Nhà nước đẩy mạnh việc xây dựng nhà ở bảo đảm và cải tạo các khu dân cư cũ trong đô thị, giải quyết thiết thực vấn đề khó khăn về nhà ở cho tầng lớp có thu nhập thấp, thanh niên và cư dân đô thị mới.

19 nét

HÁN VIỆT: TRÚ TRẠCH

HSK 6 (3.0)

Động từ

#1085

驻

zhù

đóng quân, đồn trú; thường trú tại

中国空间站航天员乘组实现了常态化在轨长期进驻，在浩瀚太空中开展了一系列前沿微重力科学实验。

Zhōng guó kōng jiān tiān yán chéng zǔ shí xiàn le cháng tài huà zài guǐ cháng qī jīn zhù, zài hào hàn tài kōng zhōng kāi zhǎn le yī xì liè qián yán wēi zhòng lì kē xué shí yàn.

Phi hành đoàn phi hành gia trạm vũ trụ Trung Quốc đã thực hiện việc đóng quân thường trú lưu trú dài ngày thường xuyên trên quỹ đạo, triển khai một loạt các thực nghiệm khoa học không trọng lực tiên phong giữa vũ trụ bao la.

12 nét

HÁN VIỆT: TRÚ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1086

柱子

zhùzi

cột trụ, cây cột chống đỡ

大科学装置超重载荷主实验大厅采用了数十根高阻尼减震钢骨混凝土承重柱子，能有效隔离外界微米级地面振动。

Dà kē xué zhuāng zhì chāo zhòng zài shí yàn dà tīng cǎi yòng le shù shí gēn gāo dǎn jī jiǎn zhèn gāng gǔ hùn níng tǔ chéng zhòng zhù zi, néng yǒu xiào gé lí wài jiè wēi mǐ jí dì miàn zhèn dòng.

Đại sảnh thực nghiệm chính chịu tải siêu nặng của thiết bị khoa học lớn áp dụng hàng chục cây cột trụ bê tông cốt thép chịu tải giảm chấn độ giảm chấn cao, có thể cách ly hiệu quả rung chấn mặt đất cấp độ micromet bên ngoài.

21 nét

HÁN VIỆT: TRỤ TRỤ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1087

祝愿

zhùyuàn

chúc nguyện, cầu chúc, lời chúc tốt đẹp

全体参研科研人员向即将踏上漫长星际征程的深空探测器致以崇高敬意，衷心祝愿探测任务取得圆满成功。

Quán tǐ cān yán kē yán rén yuán xiàng jí jiāng tà shàng màn cháng xíng jì zhēng chéng de shēn kōng tàn cè qì zhī yǐ chōng gāo jīng yì, zhōng xīn zhù yuàn tàn cè rèn wù qǔ dé yuán mǎn chéng gōng.

Toàn thể cán bộ nghiên cứu tham gia đã gửi lời chúc tốt đẹp kính chào cao đẹp tới con tàu thám trắc không gian sâu chuẩn bị bước lên hành trình liên sao dài đằng đẵng, thành tâm chúc nguyện cầu chúc nhiệm vụ thám trắc đạt được thành công mỹ mãn.

22 nét

HÁN VIỆT: CHÚC NGUYỆN

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Động từ

#1088

专用

zhuānyòng

chuyên dụng, dùng riêng chuyên biệt

我国科研团队完全自主研发的深空超低温特种专用润滑材料，确保了探测器机械臂在极端温差下运转自如。

Wǒ guó kē yán tuán duì wán quán zì yǎn fā de shēn kōng chāo dī wēn tè zhǒng zhuān yòng rùn huá cái liào, què bǎo le tàn cè qì jī xié bì zài jí duǎn wēn chà xià yùn zhuǎn zì rú.

Loại vật liệu bôi trơn chuyên dụng dùng riêng đặc chủng siêu nhiệt độ thấp không gian sâu do đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã bảo đảm cánh tay robot tàu thám trắc vận hành trơn tru tự do dưới chênh lệch nhiệt độ cực đoan.

22 nét

HÁN VIỆT: CHUYÊN DỤNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1089

赚

zhuàn

kiếm (tiền), sinh lời

依靠诚信经营与过硬产品品质赢得市场的长期信赖，是企业赚取合理商业利润的阳光正道。

Yī kào chéng xìn jīng yíng yǔ guò yìng chǎn pǐn pīn zhì yíng dé shì chǎng de cháng qī xìn lài, shì qì yè zhuǎn qǔ hé lǐ shāng yè lì rùn de yáng guāng zhèng dào.

Dựa vào kinh doanh bằng chữ tín và chất lượng sản phẩm vượt trội để chiếm trọn niềm tin lâu dài của thị trường chính là con đường chân chính và bền vững nhất để doanh nghiệp kiếm được lợi nhuận thương mại xứng đáng.

11 nét

HÁN VIỆT: TRÁM



HSK 6 (3.0)

Động từ

#1090

赚钱

zhuànqián

kiếm tiền, làm ra tiền, sinh lợi

通过参加国家现代特色农业实用技术培训, 广大老乡依靠勤劳双手发展科技大棚种植, 依靠科技致富赚钱过上好日子。

Tōng guò cān jiā guó jiā xiàndài tè sè nóng yè shí yòng jì shù péi xùn, guāng dà lǎo xiāng yì kào qín láo shuāng shǒu fā zhǎn kē jì dà péng zhòng zhí, yì kào kē jì fù zhuàn qián guò shàng hǎo rì zi.

Thông qua việc tham gia các khóa đào tạo kỹ thuật thực dụng nông nghiệp đặc sắc hiện đại của Nhà nước, đông đảo bà con dựa vào đôi bàn tay cần cù phát triển trồng trọt nhà kính công nghệ, dựa vào khoa học kỹ thuật làm giàu kiếm tiền bước vào cuộc sống ấm no.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: TRÁM TIẾN

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Động từ

#1091

装备

zhuāng bèi

trang bị, trang thiết bị khí tài quân sự/công nghiệp

我国高端重型装备制造企业接连研制出万吨级巨型水压机、超大直径盾构机与大型超算等一批大国重器。

Wǒ guó gāo duān zhòng xíng zhuāng bèi zhì zào yè jiē lián yán zhì chū wàn dūn jí jù xíng shuǐ yā jī, chāo dà zhí jīng dùn gòu jī yǔ dà xíng chāo suàn děng yī pī dà guó zhòng qì.

Ngành sản xuất chế tạo trang thiết bị hạng nặng cao cấp của nước ta đã liên tiếp nghiên cứu chế tạo ra một loạt đại khí quốc gia như siêu máy tính cỡ lớn, máy đào hầm khiên đào đường kính siêu lớn và máy ép thủy lực khổng lồ cấp vận tải.

📖 28 nét

HÁN VIỆT: TRANG BỊ

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#1092

壮观

zhuàng guān

tráng quan, hùng vĩ tráng lệ ngoạn mục

三峡水利枢纽工程在汛期开闸泄洪时, 数道白色巨浪如万马奔腾般喷涌而出, 场面极其震撼壮观。

Sān xiá shuǐ lì shū niǔ gōng chéng zài xùn qī kāi zhá xié hóng shí, shù dào bái sè jù làng rú wàn mǎ bēn téng bān pēn yōng ér chū, chǎng miàn jí qì zhèn hàn zhuàng guān.

Công trình Đầu mối Thủy lợi Tam Hiệp khi mở cửa xả lũ trong mùa lũ, nhiều luồng sóng trắng khổng lồ tựa như vạn con tuần mã cuộn trào phun trào ra, khung cảnh vô cùng hùng vĩ tráng quan tráng lệ chấn động lòng người.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: TRÁNG QUÁN

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1093

追究

zhuī jiū

truy cứu, điều tra xem xét xử lý trách nhiệm

纪检监察机关坚持失责必问、问责必严, 对在安全生产事故中存在严重失职渎职的责任人依法坚决追究法律责任。

Jì jiǎn jiān chá jī guān jiān chí shī zé bì wèn, wèn zé bì yán, duì zài ān quán shēng chǎn shì gù zhòng cún zài yán zhòng shì zhī dù zhī de zé rèn rén yī fǎ jiǎn jué zhuī jiū fǎ lǜ zé rèn.

Cơ quan kiểm tra giám sát kỷ luật kiên trì làm mất trách nhiệm ắt phải hỏi, hỏi trách nhiệm ắt phải nghiêm, đối với những người có trách nhiệm buông lỏng chức trách thiếu trách nhiệm nghiêm trọng trong các sự cố an toàn sản xuất kiên quyết truy cứu trách nhiệm pháp lý theo pháp luật.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: ĐÔI CỨU

HSK 6 (3.0)

Động từ

#1094

捉

zhuō

bắt, tóm lấy, chụp lấy, bắt giữ

深海万米载人潜水器搭载的高灵敏度仿生机械臂在极端深淵海底稳稳提取并收集了极其珍贵的深海生物标本。

Shēn hǎi wàn mí zài rén qián shuǐ qì dǎ zài de gāo líng mǐn dù fǎng shēng jī xié bì zài jí duān shēn yuān hǎi dī wēn wēn zhùo qǐ bǐng shōu jí jí qí zhēn guì de shēn hǎi shēng wù biāo běn.

Cánh tay robot phỏng sinh học độ nhạy cảm cao gắn trên tàu lặn có người lái vạn mét biển sâu đã vững vàng bắt lấy tóm lấy chụp lấy và thu thập mẫu vật tiêu bản sinh vật biển sâu vô cùng quý giá dưới đáy vực sâu cực đoan.

📖 8 nét

HÁN VIỆT: TRÓC

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1095

咨询

zī xún

tư vấn, tham vấn; dịch vụ tư vấn

政府在出台涉及重大公共民生利益与生态红线的决策前, 必须依法充分咨询相关领域权威专家的论证意见。

Zhèng fǔ zài chū tái shè jí zhòng dà gōng gòng mín shēng lì yì yǔ shēng tài hóng xiàn de jué cè qián, bì xū yī fǎ chōng fèn zī xún xiāng guān lǐng yǔ quán wēi zhuan jiā de lùn zhèng yì jiàn.

Chính quyền trước khi ban hành các quyết sách liên quan tới lợi ích dân sinh công cộng trọng đại và lấn ranh đỏ sinh thái, bắt buộc phải tham vấn đầy đủ ý kiến luận chứng của các chuyên gia uy tín trong các lĩnh vực liên quan theo đúng quy định pháp luật.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TƯ TUẤN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1096

自来水

zì láishuǐ

nước máy, nước máy sinh hoạt

国家全面实施农村饮水安全巩固提升工程, 偏远山区千家万户老乡都喝上了干净卫生、水质达标的清洁自来水。

Guó jiā quán miàn shí shī nóng cūn yǐn shuǐ ān quán gòng gù gǔ tí shēng gōng chéng, piān yuǎn shān qū qiān jiā wàn hù lǎo xiāng dōu hē shàng le gān jìng wēi shēng, shuǐ zhì dǎ biāo dī qīng jié zì lái shuǐ.

Nhà nước thực thi toàn diện công trình củng cố năng cao an toàn nước sinh hoạt nông thôn, muốn nhà muốn hộ bà con vùng núi xa xôi đều đã được uống nguồn nước máy nước máy sinh hoạt sạch sẽ, chất lượng nước đạt chuẩn vệ sinh sạch sẽ.

📖 28 nét

HÁN VIỆT: TỰ LAI THUỶ

HSK 6 (3.0)

Đại từ / Danh từ

#1097

自我

zì wǒ

bản thân, tự thân, cái tôi chính mình

青年科学家在科学探索道路上要勇于挑战学术权威, 不断战胜自我、超越自我, 勇攀世界科技最高殿堂。

Qīng nián kē xué jiā zài kē xué tàn suǒ dào lù shàng yào yǒng yú tiǎo zhàn xué shù quán wēi, bù duàn zhàn shèng zì wǒ, chāo yuè zì wǒ, yǒng pān shì jiè kē jì zuì gāo diàn táng.

Các nhà khoa học trẻ tuổi trên con đường thám hiểm khoa học cần dũng cảm thách thức uy quyền học thuật, không ngừng chiến thắng chính mình bản thân, vượt lên cái tôi bản thân mình, dũng cảm trèo lên cung điện khoa học công nghệ cao nhất thế giới.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: TỰ NGÃ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1098

自学

zì xué

tự học, tự nghiên cứu trau dồi

许多功勋科学家在艰苦攻关岁月里克服重重困难自学多门跨学科前沿理论, 展现出极其非凡的毅力与求知精神。

Xǔ duō gōng xūn kē xué jiā zài jiǎn kǔ gōng guān suì yuè lǐ kè fú zhòng zhòng kùn nán zì xué duō mén kuà xué qian yan li lun, zhǎn xiàn chū jí qí fēi fán de yì lì yǔ qiú zhī jīng shén.

Nhiều nhà khoa học có công lao trong những tháng năm vượt khó gian khổ đã vượt qua muôn trùng khó khăn để tự học tự nghiên cứu nhiều môn lý luận tiên phong liên ngành, phổ biến tinh thần cầu tri thức và nghị lực vô cùng phi phàm.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TỰ HỌC



HSK 6
(3.0)

Thành ngữ / Động
từ

#1099

自言自语

zìyánzìyǔ

lắm lắm một mình, tự nói với chính
mình

青年学者在黑板前反复推演着复杂的拓扑物理方程，沉浸在深邃的科学思考中自言自语、浑然忘我。

Qīng nián xué zhě zài hēi bǎn qián fǎn fù tuī yǎn zhe fù zá de tuō pǔ wù lǐ fāng chéng, chén jìn zài shēn suì de kē xué sī kǎo zhōng zì yán zì yǔ, hún rán wàng wǒ.

Người học giả trẻ tuổi trước tấm bảng đen liên tục suy diễn các phương trình vật lý tô-pô phức tạp, chìm đắm trong dòng suy nghĩ khoa học sâu sắc tự nói với chính mình lắm lắm một mình, hoàn toàn quên mọi vật xung quanh.

35 nét

HÁN VIỆT: TỰ NGÔN TỰ NGỮ

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#1100

自在

zìzài

tự tại, thanh thản ung dung, thoải
mái tự do

在国家生态自然保护区纯净湛蓝的湖面上，成群结队的珍稀野鸭与水鸟悠然自在地在芦苇荡间嬉戏觅食。

Zài guó jiā shēng tài zì rán bǎo hù qīng zhàn de hú miàn shàng, chéng qún jié duì de zhēn xī yě yā yǔ shuǐ niǎo yōu rán zì zài de zài lú wěi dàng jiān xī xì mì shí.

Trên mặt hồ trong vắt xanh biếc thuần khiết của Khu Bảo tồn Tự nhiên Sinh thái Quốc gia, từng đàn từng đàn chim nước và vịt trời quý hiếm đang tung tăng dạo chơi kiếm ăn giữa rặng lau sậy một cách thanh thản ung dung tự tại thoải mái tự do.

20 nét

HÁN VIỆT: TỰ TẠI

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1101

宗教

zōngjiào

tôn giáo

国家依法保护公民的宗教信仰自由权利，坚持我国宗教中国化方向，积极引导宗教与社会主义社会相适应。

Guó jiā yī fǎ bǎo hù gōng mín de zōng jiào xìn yáng zì yóu quán lì, jiān chí wǒ guó zōng jiào zhōng guó huà fāng xiàng, jī yǐn dǎo zōng jiào yǔ shè huì zhǔ yì shè huì xiāng shì yīng.

Nhà nước bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của công dân theo quy định pháp luật, kiên trì định hướng Trung Quốc hóa các tôn giáo, tích cực hướng dẫn tôn giáo thích ứng với xã hội xã hội chủ nghĩa.

23 nét

HÁN VIỆT: TÔNG GIÁO

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1102

总部

zǒngbù

trụ sở chính, cơ quan đầu não tổng
bộ

在国家大科学装置指挥调度中心总部大厅内，科学家们正在高效统筹调度全球多处天文台协同观测。

Zài guó jiā dà kē xué zhuāng zhì yǎn zhì yù xín g zhǐ huī diào dù zhōng xīn zōng bù dà tīng nèi, kē xué jiā men zhèng zài gāo xiào tǒng chóu diào dù quán qiú duō chù tiān wén tái xié tóng guān cè.

Bên trong đại sảnh trụ sở chính tổng bộ Trung tâm Điều phối Chỉ huy Vận hành Thiết bị Khoa học Lớn Quốc gia, các nhà khoa học đang quy hoạch điều phối hiệu quả cao việc phối hợp quan trắc của nhiều đài thiên văn trên toàn cầu.

21 nét

HÁN VIỆT: TỔNG BỘ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1103

总监

zǒngjiān

giám đốc, tổng giám đốc bộ phận
(giám đốc kỹ thuật/chất lượng)

大科学装置技术总监严把工程质量关，深入每一处微纳加工车间严格督导各项超精密构件的装配精度。

Dà kē xué zhuāng zhì jī shù zǒng jiān yán bǎ gōng chéng zhì liàng guān, shēn rù měi yī chù wēi nà jiā gōng chē jiān yán gé dù dǎo gè xiàng chāo jīng mī gòu jiàn de zhuāng pèi jīng dù.

Giám đốc Giám đốc Kỹ thuật thiết bị khoa học lớn kiểm soát chặt chẽ ài chất lượng công trình, đi sâu vào từng phân xưởng gia công vi nano giám sát nghiêm ngặt độ chính xác lắp ráp của tất cả các cấu kiện siêu chính xác.

20 nét

HÁN VIỆT: TỔNG GIAM

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1104

总经理

zǒngjīnglǐ

tổng giám đốc (doanh nghiệp)/tập
đoàn)

国家高科技领军企业总经理表示，企业将持续把每年营业收入的百分之十五以上坚定投入关键核心技术自主研发。

Guó jiā gāo kē jī lǐng jūn qǐ yè zǒng jīng lǐ biǎo shì, qǐ yè jiāng chí xù bǎ měi nián yíng yè shòu rù de bǎi fēn zhī shí wǔ yī shàng jiān dīng tóu rù guān jiàn hē xīn jī shù zì zhǔ yán fā.

Tổng Giám đốc Tổng giám đốc doanh nghiệp dẫn đầu công nghệ cao quốc gia bày tỏ rằng doanh nghiệp sẽ kiên định liên tục đầu tư trên 15% doanh thu hàng năm vào tự chủ nghiên cứu phát triển công nghệ lõi then chốt.

31 nét

HÁN VIỆT: TỔNG KINH LÝ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1105

总量

zǒngliàng

tổng lượng, tổng khối lượng số
lượng

我国全社会研发经费投入总量已连续多年稳居世界第二，高价值发明专利拥有量持续保持全球领先。

Wǒ guó quán shè huì yán fā jīng fèi tóu rù zǒng liàng yǐ lián xù duō nián wěn jǔ shì jiè dì èr, gāo jià zhí fā míng zhuān lì yǒng yǒu liàng chí xù bǎo chí quán qiú lǐng xiān.

Tổng lượng tổng số lượng đầu tư kinh phí nghiên cứu phát triển (R&D) toàn xã hội của nước ta đã liên tục nhiều năm giữ vững vị trí số hai thế giới, lượng sở hữu bằng sáng chế phát minh giá trị cao liên tục duy trì vị thế dẫn đầu toàn cầu.

21 nét

HÁN VIỆT: TỔNG LƯỢNG

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1106

走私

zǒu sī

buôn lậu, vận chuyển trái phép qua
biên giới

海关缉私部门始终保持对濒危野生动植物及其制品、毒品等跨境走私违法犯罪的高压严打态势。

Hải quan jī sī bù mén shì zhōng bǎo chí duì bīn wēi yě shēng dòng zhí wù jí qí zhì pǐn, dù pīn děng kuà jìng zǒu sī wéi fǎ fàn zuì de gāo yā yán dǎ tài shì.

Lực lượng chống buôn lậu hải quan luôn duy trì thế trận áp lực cao tấn công trấn áp nghiêm minh tội phạm vi phạm pháp luật buôn lậu xuyên biên giới các chế phẩm và động thực vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng, ma túy.

25 nét

HÁN VIỆT: TẨU TƯ

HSK 6 (3.0)

Động từ

#1107

奏

zòu

tấu nhạc, tấu lên khúc nhạc; tấu
báo

在庆祝大国重器成功试飞的盛大典礼上，军乐团高亢嘹亮地奏响了雄壮的中华人民共和国国歌。

Zài qīng zhù dà guó zhòng qì chéng gōng shì fēi de shèng dà diǎn lǐ shàng, jūn yuè tuán gāo kāng liáo liàng de zòu xiǎng le xióng zhuàng de zhōng guó huà rén mín gòng hé guó guó gē.

Tại đại lễ long trọng chúc mừng đại khí quốc gia bay thử thành công, dàn quân nhạc đã tấu lên tấu vang lên một cách ngân vang cao vút bài Quốc ca hùng tráng của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Trung Hoa.

9 nét

HÁN VIỆT: TẨU



HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1108

租金

zūjīn

tiền thuê, tiền thuê nhà/mặt bằng

国家高新技术产业开发区推行创新创业孵化器免除首期租金等系列普惠政策，极大扶持了青年初创团队发展。

Guójiā gāo xīn jì shù chǎn yè kāi fā qū tuī xíng chuàng xīn chuàng yè yè fú huà qì miǎn chú shǒu qī zū jīn děng xì liè pǔ huì zhèng cè, jí dà fú chí le qīng nián chū chuàng tuán duì fā zhǎn.

Khu Phát triển Ngành Công nghệ Cao mới Quốc gia đẩy mạnh một loạt các chính sách phổ huệ như miễn trừ tiền thuê mặt bằng giai đoạn đầu tại vườn ươm khởi nghiệp đối mới sáng tạo, hỗ trợ tối đa cho sự phát triển của các nhóm khởi nghiệp thanh niên.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : TÔ KIM

HSK 6 (3.0)

Tính từ / Danh từ / Động từ

#1109

足

zú

đầy đủ, sung túc; chân, bàn chân (bộ túc); thỏa mãn

我们要给青年科技拔尖人才充足的自由探索时间与稳定经费支持，让他们心无旁骛勇攀科学高峰。

Wǒ men yào gěi qīng nián kē jì bá jiān rén cái chōng zú de zì yóu tàn suǒ shí jiān yǔ wěn dìng jīng fèi zhī chí, ràng tā men xīn wú páng wù yǒng pān kē xué gāo fēng.

Chúng ta phải trao cho các nhân tài xuất chúng khoa học công nghệ thanh niên đầy đủ thời gian tìm tòi tự do sung túc cùng sự hỗ trợ kinh phí ổn định, để họ toàn tâm toàn ý đứng cảm trên đỉnh cao khoa học.

📖 9 nét

HÁN VIỆT : TÚ

HSK 6 (3.0)

Phó từ / Động từ

#1110

足以

zú yǐ

đủ để, hoàn toàn đủ sức đáp ứng/chứng minh

我国拥有世界上最完整的产业体系与超大规模国内市场优势，足以抵御外部任何单边封锁打压的风险挑战。

Wǒ guó yōng yǒu shì jiè shàng zuì wán zhěng de chǎn yè tǐ xì yǔ chāo dà guī mó nèi shì chǎng yōu shì, zú yǐ dī yǔ wài bù rèn hé dān biān fēng suǒ dǎ yā de fēng xiǎn tiǎo zhàn.

Nước ta sở hữu lợi thế thị trường trong nước quy mô siêu lớn cùng hệ thống công nghiệp hoàn chỉnh nhất thế giới, hoàn toàn đủ sức đủ để chống đỡ mọi thách thức rủi ro từ sự phong tỏa chèn ép đơn phương từ bên ngoài.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : TÚ DĨ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1111

族

zú

dân tộc; gia tộc họ hàng; nhóm người (tập hợp)

中华民族拥有五千年连绵不断的灿烂文明史，在人类科学技术与文明进步历程中作出了辉煌卓越的伟大历史贡献。

Zhōng huá mín zú yǒng yǒu wǔ qiān nián lián miǎn bù duàn de càn làn wén míng shǐ, zài rén lèi kē xué jì shù yǔ wén míng jìn bù lì chéng zhōng zuò chū le huī huáng zhuó yuè de wēi dà lì shǐ gòng xiàn.

Dân tộc Dân tộc Trung Hoa sở hữu bề dày lịch sử văn minh xán lạn 5000 năm liên tục không ngừng nghỉ, lập nên những cống hiến lịch sử vĩ đại trác việt huy hoàng trong tiến trình phát triển văn minh và khoa học kỹ thuật của nhân loại.

📖 10 nét

HÁN VIỆT : TỘC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1112

祖父

zǔ fù

ông nội, người ông

一家三代地质工作者薪火相传，年轻博士循着祖父与父亲当年的足迹，继续在大西北戈壁荒原中探寻地下宝藏。

Yí jiā sān dài dì zhì gōng zuò xīn huǒ xiāng chuán, nián qīng bó shì xún zhe zǔ fù yǔ fù qīn dāng nián de zú jì, jì xù zài dà xī běi gē bì huāng yuán zhōng tàn xún dì xià bǎo zàng.

Ba thế hệ gia đình người làm công tác địa chất tiếp nối ngọn lửa nghề, người tiền bối trẻ tuổi noi theo dấu chân của cha và ông nội năm xưa, tiếp tục đi tìm kiếm kho báu trong lòng đất giữa hoang nguyên sa mạc Gobi miền Đại Tây Bắc.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : TỔ PHỤ

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1113

祖国

zǔ guó

Tổ quốc, đất nước

把个人的理想追求自觉融入党和国家事业之中，用青春热血与实际行动报效伟大的祖国。

Bǎ gè rén de lǐ xiǎng zhuī qiú zì jué róng rù dǎng hé guó jiā shì yè zhī zhōng, yòng qīng chūn rè xuè yǔ xíng dòng bào xiào wēi dà de zǔ guó.

Tự giác hòa quyện lý tưởng hoài bão theo đuổi của cá nhân vào sự nghiệp của Đảng và đất nước, dùng dòng máu nóng tuổi trẻ cùng hành động thực tế để báo đáp Tổ quốc vĩ đại.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : TỔ QUỐC

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1114

祖母

zǔmǔ

bà nội, bà

在老科学家温馨的书房里，祖孙两代依偎在和蔼慈祥的祖母身边，倾听老一辈当年科技报国的艰苦岁月。

Zài lǎo kē xué jiā wēn xīn de shū fáng lǐ, zǔ sūn liǎng dài yī wēi zài hé āi cí xiáng de zǔ mǔ shēn biān, qīng tīng lǎo yī bèi dāng nián kē jì bào guó de jiān kǔ suì yuè.

Bên trong phòng đọc sách ấm áp của nhà khoa học lão thành, hai thế hệ ông cháu quây quần tựa bên người bà nội bà từ tốn hiền hậu, lắng nghe những năm tháng gian khổ phụng sự Tổ quốc bằng khoa học của thế hệ tiền bối năm xưa.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : TỔ MẪU

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1115

钻

zuān

khoan, đào sâu nghiên cứu; mũi khoan (zuàn: kim cương)

做前沿科学研究必须发扬刻苦钻研的钉钉子精神，沉得下心、潜心钻研底层基础理论难题。

Zuò qián yán kē xué yán jiū bì xū fā yáng kù kǔ zuān yán de dīng dīng zǐ jīng shén, chén de xīn xīn, qián xīn zuān yán dĩ cǐng jī chǔ lí lùn nán tí.

Làm nghiên cứu khoa học tiên phong bắt buộc phải phát huy tinh thần đóng đinh miệt mài đào sâu nghiên cứu, lắng đọng được tâm trí, chuyên tâm đào sâu nghiên cứu những bài toán lý luận cơ bản dưới đáy.

📖 10 nét

HÁN VIỆT : KHOAN

HSK 6 (3.0)

Tính từ

#1116

最佳

zuìjiā

tốt nhất, tối ưu, hoàn hảo nhất

攻关团队运用自主研发的全局优化算法，在数百种复杂拓扑构型中成功求得了电磁屏蔽的最佳设计方案。

Gōng guān tuán duì yùn yòng zì zhǔ yán fā de quán jú yōu huà suàn fǎ, zài shù bǎi zhǒng fù zá topological gòu xíng zhōng chéng gōng qiú dé le diàn cí píng bì de zuì jiā shè jì fāng àn.

Đội ngũ vượt khó ứng dụng thuật toán tối ưu hóa toàn cục do mình tự chủ nghiên cứu phát triển, trong hàng trăm cấu hình tô-pô phức tạp đã tìm được phương án thiết kế hoàn hảo nhất tối ưu tốt nhất về che chắn điện từ.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : TỐI GIẢI

HSK 6
(3.0)Danh từ chỉ thời gian /
Phó từ #1117

最终

zuìzhōng

cuối cùng, kết cục cuối cùng, rốt
cuộc

历经数千次反复极限测试与工艺改进，该型号国产高端重型燃气轮机最终顺利通过了国家严苛综合验收。

Lì jīng shù qiān cì fǎn fù jí xiàn cè shì yǔ gōng yì gǎi jìn, gāi xíng hào guó chǎn gāo duān zhòng xíng rán qì lún jī zuì zhōng shùn lì tōng guò le guó jiā yán kē zōng hé yàn shōu.

Trải qua hàng ngàn lần cải tiến quy trình và kiểm tra giới hạn lặp đi lặp lại, dòng tuabin khí hạng nặng cao cấp sản xuất trong nước này cuối cùng rốt cuộc đã thuận lợi vượt qua kỳ nghiệm thu tổng hợp khắt khe của quốc gia.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: TỐI CHUNG

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1118

罪

zuì

tội, tội lỗi, tội ác; chịu tội khổ cực

国家全面强化知识产权司法保护，依法严惩任何窃取商业秘密与侵犯国家重大前沿科技成果的违法犯罪行为。

Guó jiā quán miàn qiáng huà zhī shí chǎn quán sī fǎ bǎo hù, yī fǎ yán chéng rèn hé qiè qǔ shāng yè mī mì yǔ qīn fǎn guó jiā zhòng dà qián yán kē jì chéng guǒ de wéi fǎ fàn zuì xíng wéi.

Nhà nước tăng cường toàn diện bảo vệ tư pháp quyền sở hữu trí tuệ, theo đúng pháp luật xử phạt nghiêm khắc mọi hành vi tội lỗi tội phạm vi phạm pháp luật xâm phạm thành quả khoa học công nghệ tiên phong trọng đại quốc gia và đánh cắp bí mật thương mại.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: TỘI

HSK 6 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#1119

罪恶

zuì'è

tội ác, tội lỗi xấu xa, tội ác tày trời

国家网络安全部门运用大数据与人工智能前沿分析技术，依法严厉打击跨境电信网络诈骗等一切新型罪恶行径。

Guó jiā wǎng lǎo ān quán bù yùn yòng dà shù jù yǔ rén gōng zhì néng qián yán fēn xī jì shù, yī fǎ yán lì dǎ jī kuà jìng diàn xìn wǎng luò zhà piàn děng yī qiè xīn xíng zuì è xíng jīng.

Lực lượng an ninh mạng quốc gia áp dụng công nghệ phân tích tiên phong trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn, kiên quyết xử lý nghiêm theo pháp luật mọi hành vi tội ác tội lỗi xấu xa kiểu mới như lừa đảo mạng viễn thông xuyên biên giới.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: TỘI ÁC

HSK 6 (3.0)

Động từ

#1120

作

zuō

làm

老师鼓励大家积极作，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zuō, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực làm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 10 nét

HÁN VIỆT: TÁC

HSK 6 (3.0)

Động từ / Tính từ

#1121

作废

zuò fèi

hủy bỏ, mất hiệu lực vô giá trị (giấy
tờ, văn bản)

新版电子不动产权证书全面推广应用后，各地依法发布公告明确原纸质旧证继续有效、换领新证后旧证依法注销作废。

Xīn bǎn diàn zǐ bù dòng chǎn quán zhèng shū quán miàn tuī guǎng yìng yòng hòu, gè dì yī fǎ fā bù gōng gào míng què yuán zhǐ jiù zhèng jì xù yǒu xiào, huàn lǐng xīn zhèng hòu jiù zhèng yī fǎ zhù xiāo zuò fèi.

Sau khi Giấy chứng nhận quyền bất động sản điện tử bản mới được nhân rộng ứng dụng toàn diện, các địa phương theo quy định pháp luật đã ban hành thông báo nêu rõ giấy cũ bản giấy gốc tiếp tục có hiệu lực, sau khi đổi sang giấy mới thì giấy cũ sẽ bị hủy bỏ mất hiệu lực và thu hồi theo quy định pháp luật.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TÁC PHẾ

HSK 6 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1122

作战

zuò zhàn

tác chiến, đánh trận; hoạt động tác
chiến

重大前沿核心技术攻关必须发挥新型举国体制优势，组织多学科跨领域团队开展大兵团协同作战攻坚。

Zhòng dà qián yán hé xīn jì shù gōng guān bì xū fā huī xīn xíng jǔ guó tǐ zhì yōu shì, zǔ zhī duō xué kē kuà lǐng yǔ tuán duì kāi zhān dà bīng tuán xié tóng zuò zhàn gōng guān jiān.

Vượt khó công nghệ lõi tiên phong trọng đại bắt buộc phải phát huy ưu thế thể chế toàn quốc kiểu mới, tổ chức các nhóm đa ngành học liên lĩnh vực triển khai tác chiến đánh trận hiệp đồng binh đoàn lớn vượt khó.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TÁC CHIẾN

HSK 6 (3.0)

Danh từ

#1123

座谈会

zuò tán huì

buổi tọa đàm, hội nghị tọa đàm trao
đổi

在国家青年科学家学术座谈会上，两院院士与青年科研骨干济济一堂，共商科技自立自强创新大计。

Zài guó jiā qīng nián kē xué jiā xué shù zuò tán huì shàng, liǎng yuàn yuàn shì yǔ qīng nián kē yán gǔ gàn jī jì yì táng, gòng shāng kē jì zì lì zì qiáng chuàng xīn dà jì.

Tại buổi tọa đàm hội nghị tọa đàm học thuật các nhà khoa học trẻ quốc gia, các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm cùng các cán bộ nòng cốt nghiên cứu trẻ tuổi đã tề tựu đông đủ, cùng bàn thảo đại kế đổi mới sáng tạo tự chủ tự cường khoa học công nghệ.

📖 35 nét

HÁN VIỆT: TỌA ĐÀM HỘI

🎉 CHÚC MỪNG BẠN ĐÃ HOÀN THÀNH TOÀN BỘ 1123 TỪ HSK 6 (3.0)!

☐ Đã đọc thuộc lòng
100% phiên âm
Pinyin

☐ Đã nhớ trọn vẹn âm
Hán Việt để hiểu gốc
từ

☐ Đã quét mã QR nghe
giọng đọc chuẩn Bắc
Kinh

☐ Đã thi thử trực tuyến
đạt điểm mục tiêu



Sẵn sàng tiến tới HSK 7-9 (3.0)! 🚀

LỘ TRÌNH CHINH PHỤC HÁN NGỮ FOXHSK

Đồng hành cùng hàng vạn học viên Việt Nam bứt phá chứng chỉ HSK & HSKK với phương pháp học tập cá nhân hóa chuẩn thể hệ mới.

BẬC SƠ CẤP

HSK 1 – 2 – 3

Xây dựng nền tảng phát âm chuẩn Bắc Kinh, nắm chắc bộ thủ, cấu trúc ngữ pháp cơ bản và phản xạ giao tiếp đời sống thường nhật.

BẬC TRUNG CẤP

HSK 4 – 5

Mở rộng 1.200 - 2.500 từ vựng thực chiến, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu chuyên sâu, chinh phục học bổng du học toàn phần Trung Quốc.

BẬC CAO CẤP

HSK 6 & HSK 7-9

Làm chủ văn phong học thuật, thương mại và dịch thuật song ngữ. Đạt ngưỡng ngôn ngữ tinh thông như người bản xứ.



Phòng Thi Thử HSK Trực Tuyến

Bộ đề thi thật có bấm giờ, chấm điểm tự động & giải thích chi tiết



Học Từ Vựng Thông Minh SRS

Thuật toán ghi nhớ ngắt quãng tối ưu theo đường cong quên lãng



Tập Viết Chữ Hán Động Chuẩn Nét

Mô phỏng thứ tự nét bút chuẩn giáo khoa kèm quy tắc bút thuận



Trợ Lý AI Cáo Foxi 24/7

Giải đáp ngữ pháp, dịch song ngữ và chỉnh sửa lỗi sai bài thi

Tham Gia Hệ Sinh Thái Học Tập FoxHSK

Truy cập website chính thức để thi thử đề HSK miễn phí, tra cứu hơn 11.000 từ vựng và tải trọn bộ tài liệu học tập độc quyền.

[TRUY CẬP FOXHSK.COM →](https://foxhsk.com)

